

BAO NINH

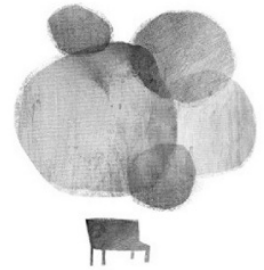
những truyện ngắn



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

BẢO NINH

những truyện ngắn



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Những Truyện Ngắn

Bảo Ninh

Công ty phát hành: NXB Trẻ

Nhà xuất bản: NXB Trẻ

Số trang: 570 trang

Kích thước: 13 x 20 cm

Ngày xuất bản: 09-2013

∞ ∞ ∞ ∞ ∞

Nguồn pdf: cxz27

Soát lỗi: thanhhaitq

Làm ebook: Bồ Bửu Xi

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Mục lục

[Vô cùng xưa cũ](#)

[Ngàn năm mây trắng](#)

[Bí ẩn của làn nước](#)

[Giang](#)

[Không đâu vào đâu](#)

[Cái búng](#)

[La Mác-xây-e](#)

[Gió đại](#)

[Thời tiết của ký ức](#)

[Trai “bảy chú lùn”](#)

[Lá thư từ Quí Sứ](#)

[Khắc dấu man thuyền](#)

[Đêm trừ tịch](#)

[Ngôi sao vô danh](#)

[Hữu khuynh](#)

[Tiếng vĩ cầm của quân xâm lăng](#)

[Rửa tay gác kiếm](#)

[Bằng chứng](#)

[Hỏa điểm cuối cùng](#)

[Sách cấm](#)

[Bôi phán](#)

[Thách đấu](#)

[Mắc can](#)

[Lan man trong lúc ket xe](#)

[Lối mòn dọc phố](#)

[Thời của xe máy](#)

[Người Thăng Long quê Đàng Trong](#)

[Kỳ ngô](#)

[Quay lưng](#)

[Tình thư](#)

[Ba lẻ một](#)

[Goi con](#)

[Tòa dinh thư](#)

[Đêm cuối cùng ngày đầu tiên](#)

[Bi kịch con khi](#)

[Hà Nội lúc không giờ.](#)

Vô cùng xưa cũ

Ngày ấy, hình như cha luôn có điều cần nói với Tâm, nhưng không nói. Là Tâm đoán thế, chẳng chắc lắm. Bởi vì, thật vậy, giữa một người cha và một thằng con thì phòng có gì nhiều nhận đề mà quanh quẩn chuyện trò. Cha Tâm lại vốn kiệm lời. Có thể nói, ông cực độ im lìm. Trong căn phòng chật chội, hai chục thước vuông, không cửa sổ, thừa muối và thiếu khí trời, ngày đêm sống dòn ních cả gia đình lại với nhau, thỉnh thoảng Tâm mới nghe thấy thấy đôi lời của cha, nhưng cũng chỉ là những lời mà tất nhiên ai cũng phải nói mỗi ngày. Mọi sự trong nhà, ông như chẳng can dự. Từ khi phải về hưu non dường như quanh năm suốt tháng ông chẳng đi đâu, chỉ ngồi. Mình ông một chỗ bên bàn nơi góc phòng, với ấm trà, chẳng nói năng gì, âm thầm tự buông trôi. Đêm, ông trở dậy, bật đèn bàn lên, lặng ngời, nhiều hôm tận sáng.

- Nay, lại cha bảo này... - Ông nói - Cha muốn...

Nhưng mà ông chẳng bao giờ mào đầu được. Từ hôm Tâm có giấy gọi nhập ngũ đã mấy lần cha anh *lại cha bảo này* như thế. Tâm chờ. Mãi không thấy cha cho biết cha muốn gì, Tâm chẳng gặng.

Ngày mồng bốn Tết, ngay trước hôm Tâm lên đường, buổi chiều, cha bảo anh đi dạo cùng ông. Thời tiết âm thấp dù không mưa. Đúng hơn là mưa bay nên không trông thấy, nhưng mặt đường thì ướt và trơn. Một cuộc đi dạo thần thờ. Hai cha con sóng đôi, chẳng nói rằng, im lìm rời khỏi khu phố nghèo, vá chằng vá đụp của mình để đi vào vùng trung tâm chật chội, khúc khuỷu, xạm màu rêu xé bên Bờ Hồ. Tâm có cảm giác như là cha vừa đi vừa lặng đi. Cái áo bạc-đờ-xuy cũ mềm của cha thùng lố chỗ. Tâm đỡ khuỷu tay cha, đưa ông sang đường.

- Thành phố chiến tranh - Cha Tâm thốt lên thật khẽ - Như bên bờ vực.

Hai cha con vào một quán cà phê “chui” nằm ẩn trên tầng áp mái một ngôi nhà cũ nát ở kế rạp Chuông Vàng.

Cửa quán là chè đậu đen, nhưng vòng ra sân sau, lên cầu thang thì là cà phê phin. Một khoang gác op ẹp, khuất tất. Dăm bộ bàn ghế tội tàn, thấp tẹt. Khách khứa lặng lẽ như những cái bóng, nhòa mờ, không ai nhìn rõ ại. Người ta có thể tùy hứng lần đến đây uống cà phê vào bất kỳ giờ nào trong ngày, và người ta có thể ngồi tròn đời ở đây cả ngày, ngày này qua ngày khác. Cà phê Định Mệnh, ai đó đã gọi cái quán vô danh này như thế, lâu ngày thành tên.

- Xưa, Hà Nội là một thành phố giàu nữ tính, rất nồng nàn và nhạy cảm. Bây giờ... - Như thường vẫn thế, cha Tâm bỏ lửng câu nói.

Bàn của hai cha con kê kề một ô cửa sổ hẹp không có khung gỗ, giống như là một lỗ thủng. Trông ra thấy sàn sàn nhấp nhô cả một vùng ướt át những mái nhà phố cũ và những sân thượng, sân sau, những căn gác lửng. Một Hà Nội cũ xưa, tróc lở, nom là lạ, được nhìn thấy từ phía sau lưng.

- Quán cà phê này có từ xưa lắm rồi. Xưa sang trọng hơn nhưng cà phê cũng như bây giờ thôi - Cha Tâm nói - Chắc là con không biết. Quán này vốn của ông bà ngoại con... Hôm 19 tháng Chạp, ông bà đã tản cư, mẹ con vẫn còn ở lại. Cha tới đây, ngồi ở chính chỗ này này. Đèn vụt tắt, súng nổ... Thế là cha và mẹ cùng ở lại trọng Liên khu 1. Số phận đã định đoạt cho cha mẹ như thế, và cho cả các con nữa... Mẹ đã bao giờ kể với các con chưa: cha và mẹ vốn là bên lương bên giáo. Cho nên, nếu không có Kháng chiến thì đã không có con và các em con. Kháng chiến thành công, bỗng con về thì cả hai gia đình nội ngoại đều đã di cư vào Nam...

Từ khi biết nghĩ, biết nhớ Tâm nhớ là chưa lần nào được cha gần gũi. Đối với hai đứa em gái của Tâm, cha luôn lặng lẽ bộc lộ sự thương yêu chiều chuộng. Nhưng tình cảm của ông với quý tử đầu lòng là Tâm thì như có một bức tường chắn. Càng lớn lên Tâm càng nặng mặc cảm rằng mình đã làm cha thất vọng. Dường như cha đã mong mỏi, cha đã đòi hỏi ở Tâm một điều gì đó mà anh không thể hiểu, có hiểu cũng không căng nói. Từ cái năm Tâm không vượt qua được lớp tám, phải lưu ban, luôn luôn là mẹ chứ không bao giờ là cha đi họp phụ huynh hay ký *sổ liên lạc* cho Tâm. Còn nhớ có lần cha

quyết định dành thì giờ dạy tiếng Pháp cho Tâm mỗi tối. Nhưng chỉ được một tối, ông ngừng ngay. Ông lộ một vẻ ngao ngán không giấu diếm. Cha coi mình là đồ bỏ, Tâm thường nghĩ thế.

- Năm 54, đã mừng cho tương lai của các con. Ngỡ rằng bao nhiêu nỗi khổ của đất nước, thời cha mẹ đã gánh, các con sẽ lớn lên, vui sống trong hòa bình. Nào ngờ nạn nước chưa dứt. Lại đến lượt thời các con...

Sau ngày mai, trận mạc chờ Tâm. Chiều nay, anh rúc vào xó này nhăm nháp những giọt đắng và nghe nghiền ngẫm ngẫm ngùi những chuyện gì đâu. Anh ngồi, lặng thinh, nhìn cái gạt tàn đã được dụi đầy tràn những đầu thuốc lá, nhìn tách cà phê đã cạn, nhìn những cái bóng ở các bàn bên, nhìn ra trời chiều. Hà Nội xuân sang, ngấm mình trong mưa.

Cha Tâm gọi thêm hai ly cà phê. Bao Tam Đảo đã hết, ông lấy trong túi ra một bao khác. Tâm diêm nhiên bóc bao thuốc, rút một điếu. Cha xòe diêm châm lửa cho anh. Xưa giờ đừng nói bia rượu, chỉ một ngụm cà phê thôi Tâm cũng không được phép, huống hồ thuốc lá. Nghiêm khắc, nhưng cha Tâm hiếm khi nặng lời, càng không khi nào phạt đòn con cái. Chỉ một lần, ông cho Tâm một bạt tai. Ấy là khi ông bắt gặp Tâm và mấy thằng bạn ngồi phì phèo thuốc lá ở quán nước đầu phố. Ông hầu như không hề biết rằng con trai ông đã 16 tuổi, đã 17 tuổi, và thậm chí đã 18.

Ông từ chối ký đơn tình nguyện nhập ngũ của Tâm. “Học hành cho xong đi. Muốn trở thành một quân nhân thì trước tiên phải có học thức”, ông nói vậy, không buồn nhìn lá đơn. Ông không biết và không hề muốn biết rằng ở phòng tuyển quân của Khu đội người ta đã gần như nhắm mắt con trai ông. Hết lần đơn này tới lần đơn khác của Tâm đều bị gạt. Cay đắng, tủi phận, song Tâm vẫn nghiêng rằng, nhận nại. Lượng người xung phong vào bộ đội không phải là ít, lắm bữa đông nườm nượp, có cả phụ nữ, hầu hết đều được toại nguyện. Chỉ trừ Tâm. Con trai một, lại đang học dở cấp ba. Đơn tình nguyện không có chữ ký của phụ huynh. Thêm nữa... Một cán bộ ở Ban tuyển quân do phải tiếp Tâm quá nhiều lần đã đành thực tình nói thẳng: “Thực tiễn chiến trường chưa cần phải huy động tới học trò con một. Với lại nói thật, lý lịch gia đình cậu ấy mà, rất những sự tày đình: có đảng phái phản động, có quan lại Nam triều, có địa chủ, có viên chức cao cấp của ngụy quyền. Lại còn hầu hết đi Nam! Lý lịch thế, đề cậu ở hậu phương cũng ngại chứ đừng nói ba lô tăng vồng lên đường đi Bê”. Ông động viên: “Bù lại cậu có tinh thần cao. Thế là tốt và cứ yên tâm. Chẳng chóng thì chầy. Ngay lập tức thì khó, nhưng gì chứ đi đánh Mỹ thì chẳng lo hết lượt.”

Vào lứa tuổi của Tâm, nỗi sầu muộn và niềm chua xót có thể giúp người ta phát triển dài người ra như là được bón thúc. Chân, tay, tóc tai, cổ và cằm, các đốt xương. Minh mảy mọc thêm nhiều thứ, thừa thãi, bơ phờ. Và vừa bải hoải, trĩu nặng ử ử, vừa luôn thấy rậm rứt bút rứt, nôn nao còn cào, y như thể phải thường xuyên canh cánh ngấm trong lòng một cơn sốt âm ỉ. Về đêm thì ngủ mê, nói mớ và rên rĩ, một mình vật vờ trên gác xép, tự mình cào mình đến nổi sáng rạ ngực đầy vết xước. Mẹ Tâm mua lá ở hàng thuốc nam, sắc lên, ép anh uống, ngày một bát, rồi tăng liều lên, ngày hai bát. Mẹ bảo:

- Chịu khó uống. Cho dịu mộng mị, con ạ. Cho khuây đi...

Như vậy là chẳng những không ký đơn cho Tâm, cha anh còn giấu biệt không để mẹ biết việc anh xin nhập ngũ.

Khiến cho mẹ nghĩ rằng vì Loan. Mẹ đã gán cho Tâm nỗi đau tình ái. Mẹ nghĩ rằng anh tương tư cô gái dưới gầm cầu thang, mới vừa nhập ngũ hồi cuối thu.

Lạ lùng là đơn tình nguyện của Loan lại được chấp thuận dễ dàng. Cô cũng đang học dở lớp 10 như Tâm và còn thua anh một tuổi. Lý lịch thì chắc chắn là cũng đầy mắc mứu và đầy uẩn khúc. Gia đình Loan mới chuyển tới phố này được ba năm. Chỉ có mỗi hai cha con, neo đơn, nghèo túng, chỗ ở là một cái hộc thụt sâu vào trong gầm cầu thang, nơi ngày trước chứa than và củi. Cha của Loan, người trong phố kháo rằng từng là ông chủ một tờ báo phản động ở Hà Nội thời tạm chiếm và sau hòa bình lập lại đã phải cải tạo. Người ta đồn vậy có lẽ bởi vì thấy ông kiếm sống bằng đồng sách cũ. Cho tới tận trước hôm ngã bệnh qua đời, ông vẫn ngày ngày nhận nại tha một cái va ly rách nhét đầy những cuốn sách vô bổ ra bày bán nay chỗ này mai chỗ khác ở những góc vỉa hè. Tuy nhiên, không cần biết rõ quá khứ của ông, thoát gặp cũng có thể cảm thấy ngay rằng thực ra ông chẳng phải là một người bán sách rong nào cả, và rằng trước kia hai cha con ông đã sống một cuộc sống hoàn toàn khác. Trong sự nghèo khổ của cha con nhà họ rõ ràng có ẩn một cái gì đó không rõ là cái gì, không bình dân, không như

người.

Cùng lớp nhưng Tâm và Loan chẳng phải chỗ bạn bè mật thiết. Loan không được tập thể ưa. Mà tập thể thể nào thì Tâm thể này. Chẳng vì một lý do rõ ràng, Loan luôn bị mọi người đề ý. Bản thân Loan chắc cũng khổ tâm và đã cố giữ sao cho khỏi lạc khỏi nếp chung, mà không được. Nhìn Loan người ta thấy rằng ở cô có cái gì đó là lạ khang khác không y hệt mọi người. Cách để tóc, cách ăn mặc chẳng khác ai mà vẫn như có hàm một sự diêm dúa thâm lén. Da dẻ trắng trẻo, mềm dịu. Cách nói và dáng đi đều thiếu vẻ mộc mạc. Tâm nhớ là ngay từ bữa đầu vào lớp, Loan đã vấp phải lời xì xào của những bạn cùng bàn rằng đi học mà rầy nước hoa đầy người như quân tư sản. Cứ bước đi một bước là Loan liền để lại đằng sau mình cả một vệt dài hương thơm. Nhưng cô một mực thể trước lớp là chưa hề bao giờ xoa sức lên mình dù chỉ là một ty ty thôi bất kỳ một thứ xa xỉ phẩm nào. “Mà thực tình là tôi không cảm thấy gì cả, - Loan nói, rần rần nước mắt - Có cảm thấy cũng không biết làm thế nào. Tự như vậy chứ tôi không cố tình...”

Với Loan, Tâm hết sức gìn giữ một dáng vẻ ngạo lạnh, hững hờ và xa cách. Đến nỗi trong suốt bao nhiêu lâu cùng nhà cùng lớp thể mà hai đứa chưa từng một lần vào chơi nhà nhau. Chạm nhau trong sân, trong bếp, nơi máy nước, nơi cầu thang, thường là Tâm giả tảng chẳng thấy, lơ đi, hoặc không thì cũng chỉ qua quýt nửa vời vài ba lời gì đó trông không. Dừng dừng, lãnh đạm một cách tồi tàn.

Hôm đưa đám cha của Loan, cả lớp Tâm góp tiền mua được một vòng hoa. Một cuộc tang ma lèo tèo. Thân quyến người chết mỗi một mình Loan. Người đến viếng thưa thớt. Tâm cũng chỉ nói được lí nhí vài lời gì đó nhạt thếch đại khái là để chia buồn. Mai táng cha xong, Loan cũng rời bỏ căn phòng dưới gầm cầu thang. Cô gia nhập lực lượng Thanh niên xung phong của Thành đoàn, vào Khu Bốn. Cô đi chẳng gửi lời chào Tâm.

Nhưng từ ngày Loan đi bỗng dung tình bạn chưa bao giờ có với Loan lại khiến Tâm chao đảo. Bỗng dung anh trở thành đa cảm, và vô cớ mà tâm trí anh chùng hẫng xuống trong uể mị. Thậm chí có đêm Tâm nằm mộng thấy Loan. Cô đến với anh vào quãng hai giờ sáng, thời gian thâm kín nhất của giấc ngủ, rồi cô biến mất khi đồng hồ đồ chuông báo thức. Một làn hương mơ hồ như là hương thơm từ giấc mơ cứ mãi vương vấn trên căn gác xép.

Tuổi trẻ của Tâm và sức vóc của Tâm phải chịu những cơn co thắt ngày càng dồn dập. Ở trên lớp không buồn nghe giảng, về nhà chẳng thiết ngó ngang tới bài vở, và mỗi tuần, không sao dừng nổi, phải quyết trốn học chỉ ít một buổi. Lang thang, Tâm đi lẫn mình vô định vào trong các phố dọc phố ngang chẳng chịt để lan man tìm một hướng đi.

Mẹ anh có lẽ đã âm thầm hiểu thấu lòng anh hơn cả bản thân anh. Chính là mẹ đã thuyết phục cha ký vào lá đơn tình nguyện thứ tư. “Đừng nên ngăn nữa mình ạ. Thiết tha thể có gì xấu đâu. Nó mong đi bộ đội cơ mà. Và nó thương nhớ con bé ấy. Yêu nước thì cũng như là yêu nhau, có khác gì đâu mà ngăn. Mà ngăn làm sao được hờ mình”. Mặc dù cha mẹ nói chuyện rất khẽ tiếng, nhưng vì nằm ngủ ở góc xép ngay sát bên trên nên vào lúc nửa đêm khi bất chợt thức giấc, Tâm đã nghe thấy.

Cha mẹ cùng ký. Và cả đêm, Tâm nghe tiếng mẹ khóc khẽ khẽ. Tiếng cha rầu rầu an ủi mẹ. Thỉnh thoảng lại bật ho.

Sáng hôm sau cha cùng Tâm tới Khu đội. Dọc đường, ông bảo: “Cha mẹ muốn con học lên, vào đại học, với lại thấy sức vóc con yếu ớt, tâm tính cũng còn non dại, nên dùng dằng không ký đơn cho con. Nhưng thấy lòng con đã quyết, cha cũng mừng... Làm trai sinh ra gặp thời loạn lạc không thể dừng dừng với vận nước. Nước mất thì nhà tan, ấy là chậm ngôn truyền đời... Có điều, con ạ, cha không hoàn toàn an tâm. Cha sẽ chỉ an tâm nếu như biết chắc được rằng con quyết tâm ra đi chiến đấu là bởi con thật sự thấy con đường mình chọn là đúng đắn và tất yếu chứ không phải chỉ vì con muốn thoát khỏi tai tiếng gia đình, muốn chạy khỏi những phiền muộn riêng tư...”

Chiếc đồng hồ treo tường thông thả gõ chuông. Ông chủ quán Định Mệnh bật công tắc đèn. Ngọn đèn đỏ đồng dọc, trông rõ sợi tóc trong bóng. Ngoài trời, màn mưa mờ mờ như lớp sương vàng nhạt sa phủ trên thành phố, làm nhòa ánh sáng những vệt đèn đường.

- Ta về thôi con nhì - Cha Tâm nói và vẫn ngồi yên - Thế là đã qua mất một ngày... Và vậy là mai con đi. Mai con đi rồi...

Cái buổi chiều tối ấy, cái quán cà phê ấy và nói chung, tất cả những ngày xưa cũ ấy sống mãi suốt đời Tâm, nhưng chắc chắn anh sẽ không bao giờ muốn nhớ lại và nhắc lại làm gì nếu như không vì muốn có một lần trở về với tình cha con nhiều đau đớn của một thời.

Ngàn năm mây trắng

Máy bay cất cánh trong mưa. Tiếng còi bánh xe gấp lại có vẻ mạnh hơn bình thường dội độ rung vào thân máy bay. Tôi tiếc là đã không nghe lời vợ. Đáng lý nên trả vé, dừng theo chuyến này. Ngày xấu, giờ xấu, thời tiết xấu.

Máy bay hẫng một cái như hụt bước. Tay vận comple ngồi bên cạnh tôi mất nhợt đi, mắt nhắm nghiền, cặp môi run run. Tôi bấu chặt các ngón tay vào thành ghế. Con người tôi bé tí hìn treo trên vực sâu đang càng lúc càng sâu thẳm.

- Mây ngay ngoài, các bác kia! - Bà cụ ngồi ở ghế trong cùng, kê cửa sổ, thốt kêu lên.

Chiếc TU 104 già nua đã lấy được độ cao, bắt đầu bay bằng. Hàng chữ điện “Cài thắt lưng an toàn” đã được tắt đi. Nhưng ngoài cửa sổ vẫn cuộn cuộn mây.

- Mây cận quá, bác nhỉ, với tay ra là vớt được - Bà cụ nói - Y thế cây lá ngoài vườn.

Tay vận comple nhắc mi mắt lên. Môi y không run nữa mà mím chặt, vẻ căng thẳng đổi thành vẻ quàu quau.

- Vậy mà sao nhiều những người họ kháo là tàu bay trời cao được hơn mây bác nhỉ?

Tay họ làm thình.

- Chả biết đâu trời đâu đất thế này biết lối nào mà về bến thưa các bác?

Không được trả lời, bà cụ chẳng dám hỏi han gì thêm. Bà ngồi im, ôm chặt trong lòng một chiếc làn mây. Hình vóc bé nhỏ, teo tóp của bà như chìm lấp vào thân ghế. Khi cô tiếp viên đẩy xe đưa bữa điểm tâm đến, bà không muốn nhận khay đồ ăn. Bà bảo cơm nước lạ kiêu chẳng đưa bất gì già chẳng quen, mây lại đã ăn no bụng hồi sớm rồi, mây lại cũng thực tình là già chẳng có lắm tiền. Cô gái ân cần giải thích đề bà cụ yên tâm rằng giá của suất ăn này đã được tính gộp trong tiền vé.

- Thảo nào hai lượt tàu bay những triệu bạc, - Bà cụ nói - Vậy mà lúc biểu già tẩm vé các chú không quân cùng đơn vị con trai già bảo là tốn có trăm ngàn. Các chú ấy cho thì già có, chứ con tính ở nhà quê đừng nói một triệu với trăm ngàn, ngàn với trăm cũng làm gì ra.

Bà cụ hạ chiếc bàn gấp xuống song không bày bữa ăn lên đấy. Tất cả các thứ hộp thứ gói trên khay bà dọn hết vào chiếc làn mây. Bà chẳng ăn chút gì. Lúc người ta mang đồ uống đến, bà cũng chỉ xin một cốc nước lọc. Bà hỏi cô tiếp viên:

- Đã sắp sông Bến Hải chưa con?

- Dạ thưa, - Cô gái nhìn đồng hồ đeo tay - Còn chừng dăm phút nữa ạ. Nhưng thưa cụ vì chúng ta bay trên biển nên không ngang qua sông mà sẽ chỉ ngang qua vùng trời vĩ tuyến 17.

- Lát qua đấy con bật dùm già cái cửa tròn này con nhé, cho thoáng.

- Ấy chết, thưa cụ, mở thế nào được ạ - Cô gái bật cười.

Ngoài cửa sổ nắng lóe lên, cánh máy bay lấp lánh, nhưng chỉ chốc lát. Trên rất cao này trời vẫn cộm mây. Người tôi nôn nao như ngồi trên đu quay. Chưa chuyến nào thấy mệt thế này. Có lẽ vì cơn bão đang hoành hành ở miền Trung nên không trung đầy rẫy ô gà. Máy bay chòng chành, dôi lắc, bên thân và dưới sàn khe khẽ phát ra những tiếng rảng rảng như sắp rạn.

Tay vận comple xòe diêm châm thuốc như ở chỗ không người. Là dân nghiện nhưng lúc này tôi cũng thấy gai với khói thuốc. Lẽ ra y nên xuống phía đuôi chứ chẳng nên phốt lò hàng chữ “Không hút thuốc” sáng ngay trước mũi mình như vậy, tôi uể oải thăm nghĩ, đẩy tờ báo lên mặt và nhắm mắt lại. Giác ngủ thiu thiu chậm chậm trườn tới.

- Làm cái gì vậy! Hả! Cái bà già này!

Tội giết bản mình. Tôi bị giăng khỏi giấc ngủ không phải vì tiếng quát, tay ngồi cạnh tôi không quát to tiếng, chỉ nạt, nạt khẽ thôi, đủ nghe. Nhưng âm hưởng của nỗi hoảng hốt và sự cực cần trong giọng y như tạt vào mặt người ta. Thận trọng, tôi liếc nhìn. Khói thuốc và cặp vai to đùng của y che khuất cả bà cụ già cả ô cửa sổ.

- Van bác... - Bà cụ sợ sệt - Bác ơi, van bác... Chẳng là, bác ạ, bữa nay giỗ thằng cả nhà tôi. Non ba chục năm rồi, bác ơi, tôi mới lên được đến miền cháu khuất...

Tay nó nhồm phất dậy, gần như bước xéo lên đùi tôi, xấn ra lỏi đi. Bộ mặt hồng hào bùng bùng giận dữ và khinh miệt.

Bà cụ ngồi, im phắc, lưng còng xuống, hai bàn tay chấp lại, gầy guộc, nhẵn nhéo. Trên chiếc bàn gấp bày đĩa hoa cúng, nải chuối xanh, mấy cái phẩm oản và ba cây nhang cắm trong lụng chiếc cốc thủy tinh đựng gạo. Một bức ảnh ép trong tấm kính cỡ bằng bàn tay, để dựng vào thành cốc.

Cô tiếp viên đi vội tới. Cô dừng sững lại bên cạnh tôi.

Không hề kêu lên, không thốt một lời, cô đứng yên, lặng nhìn.

Máy bay vươn mình nâng độ cao vượt qua trần mây. Sàn khoang dốc lên. Cái bàn thờ bé bỏng của bà cụ già hơi nghiêng đi. Tôi xoay người sang giữ lấy cái khung ảnh. Tấm ảnh được cắt ra từ một mảnh báo, đã cũ xưa, nhưng người phi công trong ảnh còn rất trẻ.

Khói nhang nhả nhẹ nhẹ, bốc lên dịu dịu, mờ mỏng trong bầu không khí lạnh lạnh của khoang máy bay. Những cây nhang trên trời thắm tỏa hương trời thơm ngát. Ngoài cửa sổ đại dương khí quyển ngời sáng. Tổ Quốc tôi trên trời cao.

Bí ẩn của làn nước

Các dòng sông trôi đi như thời gian, và cũng như thời gian, trên mặt nước các triền sông biết bao nhiêu là chuyện đời đã diễn ra. Nhất là về đêm, trên làn nước của dòng sông quê hương tôi lấp lánh hằng hà những đốm sáng bí ẩn, có cả điều bí ẩn của đời tôi.

Năm ấy, nhằm trúng định lữ đêm Rằm tháng Bảy, một loạt bom Mỹ phá tan vệt đê cạnh giữ đàng trước làng tôi. Dứt dây nổ của bom và tiếng gầm ghê rợn của máy bay cường kích là chuỗi âm âm long lở của dòng sông phá bung đê tràn ngang vào đồng ruộng.

Từ trên điểm canh tôi chạy lao về làng. Hồi chiều hay tin vợ ở nhà trở dạ nhưng tôi không thể rời vị trí hộ đê. Bây giờ giờ phút sắp rồi, trong tôi chỉ còn con tôi, vợ tôi. Tôi dốc toàn lực bình sinh vào đôi chân. Đàng sau, cơn đại hồng thủy đuổi bèn gót.

Nước đã ngập làng. Tôi về, kịp dìu vợ leo lên mái. Mái nhà tranh của vợ chồng tôi bị lôi đi trong đêm đen. Đến khi mái rạ sắp rã tan ra thì ơn trời nó vướng vào thân đa trước đình làng. Đã cả một đám đông bám trên các cành. Nhiều bàn tay chìa xuống giúp tôi đỡ vợ con treo lên. Vợ tôi ôm khư khư đứa con mới sinh, nhất định không để tôi bế đỡ.

- Con trai... con trai mà... con trai... Để yên em ẵm, anh vụng...

Nhiều giờ trôi qua. Mưa tuôn, gió thổi. Mực nước không dâng cao hơn, nhưng chảy xiết hơn. Cây đa đầy người hơn. Tôi mỏi nhừ. Tay ôm chặt vợ, tay níu mình vào chạc cây. Vợ tôi yếu lả, ướt lướt thướt, lạnh ngắt.

Khoảng gần sáng, bỗng có tiếng quẫy nước ngay dưới cành đa của vợ chồng tôi. Một giọng nghẹn sắc vói lên:

- Cứu mẹ con tôi mấy... cứu mấy, người ơi...

Một bàn tay nhót và lạnh như tay ma rờ vào chân tôi đang buông thông. Tôi vội cúi xuống, đưa tay ra. Nhưng bàn tay của người đàn bà dưới nước trượt đi, chìm ngấm. Cành đa kêu rắc, chao mạnh. Vợ tôi ối kêu một tiếng thảng thốt, và “ùm”, con trai tôi, đứa con sơ sinh tôi chưa được nhìn thấy mặt, tuột khỏi bọc ni lông trên tay mẹ nó, sa xuống làn nước tối tăm.

- Con tôi...! - Vợ tôi hét rú lên và lao ngay lập tức xuống nước hòng chụp lấy con.

Tôi phóng mình theo. Nước lạnh, ngẫu bùn, sâu hút và cuộn mạnh. Tôi vớ kịp thằng con, nhao vội lên, trạo nó cho những bàn tay đang chìa xuống, rồi lại lặn tiếp ngay để cứu vợ. Nhiều người phi xuống theo để trợ sức tôi...

Tôi tỉnh lại, thấy trời sáng rồi và đã tạnh mưa. Tôi nằm trong khoang một cạ nô cứu nạn đầy ắp người. Hồi đêm, tôi đã vật lộn điên dại quyết sống mái một phen với làn nước giết người, nhưng tôi đã thua cuộc. Ưa ra cả máu tai máu mũi mà không những không cứu nổi vợ, đến thì thể cô ấy tôi cũng bất lực không tìm thấy. Khi ca nô quân đội tới, mọi người đã phải dùng sức để buộc tôi rời mặt nước. Kiệt sức, tôi ngất đi. Khô đau, tôi tỉnh dậy, nước mắt nóng rục, tê nhói. Một chị phụ nữ chen tới bên tôi, lên lời an ủi:

- Phen chị ấy đã vậy, thôi thì anh phải nén lòng lại, giữ sức khỏe mà nuôi con. Ôn trời, anh còn kịp cứu được cháu. Chao ôi, vừa kịp khóc chào đời đã trải một cơn kinh hoàng hú vía. Anh coi con anh này. Cứ như không. Đã bú, đã ngủ rồi đây này. Ngoan chưa này... Ôi chao, nó tè dầm rồi này.

Chị nựng nịu, và từ từ gỡ bọc chần chiên đang ủ kín con tôi. Chị thay tã cho nó. Tôi nhìn, chết lặng.

- Con tôi... - Tôi khóc, đỡ lấy bọc chần, - Con tôi!

Từ bấy tới nay, thời gian trôi qua và triền nước trôi đi, tôi đã có tuổi và con gái tôi đã thành một thiếu nữ. Nó là đứa con của làn nước, mọi người đều nói thế bởi vì chuyện nó sa xuống dòng nước lụt rồi được cha nó cứu lên thì cả làng ai cũng biết. Nhưng điều bí mật kia thì không ai hay, kể cả con gái

tôi cũng không thể biết. Chỉ có dòng sông biết.

Có ngày nào mà tôi không ra đê ngắm làn nước trôi. Vợ tôi, con tôi và người đàn bà vô danh nhìn tôi từ đáy nước. Thời gian, năm tháng cứ trôi, dòng sông và lịch sử, tất cả đều đổi thay nhưng mà niềm đau của đời tôi thì khôn nguôi bởi ấy là một niềm đau không thể nói nên lời.

Giang

Năm ấy tôi mười bảy tuổi, binh nhì, chiến sĩ của tiểu đoàn 5 tân binh. Tiểu đoàn chúng tôi luyện quân ở Bãi Nai. Bảy giờ đã là vào cuối khóa huấn luyện ba tháng, kiểm tra xạ kích, đạt điểm cao nhất đại đội, tôi được thưởng hai ngày phép. Đại đội trưởng linh động cho tôi miễn *bình tuần* tối thứ Sáu. “Đã được lãi một tối càng phải liệu mà về cho khuỷp giờ điểm danh đây nhá”. Anh dặn tôi thế, ra ý đe.

Chuyến về nhờ bám được xe quân sự chạy trên đường 6 nên phi cái vù đã tới nhà. Chuyến trở lại phải chen xe khách. Chín giờ tối chủ nhật mới điểm danh mà chỉ dám nấn ná cố cùng tới 12 giờ trưa là phải bút khỏi nhà chạy nhào ra bến Kim Mã. Chen lên được một chuyến xe vào thời buổi gian khó ấy khô sở đến thế nào khỏi bàn. Thêm nữa lại ngày giáp Tết. Do may mắn và cũng là do ẩu tả ngồi lèn nhau trên nóc xe nên đến nhập nhoạng tối thì tôi nhảy được xuống thị trấn Lương Sơn. Đói mềm, rét run, lại lướ quớ trượt chân ngã, tuột tung quai dép và lấm be bét.

Trật trường tôi dò tới cái giếng xây ở đầu trấn để rửa ráy qua loa tý chút và xâu lại dép. Chỉ có một người đang múc nước ở giếng. Trời mưa nhưng rất mỏng, như sương, và chưa tối hẳn nên từ khá xa tôi đã nhận ra một cái dáng con gái. Khi tôi tới bên giếng, hai thùng tôn của gánh nước đã được đồ đầy, cô gái cuộn dây gầu, tra đòn gánh vào hai móc xích, và trước khi lên gánh, cô đội lại chiếc nón mà lúc cúi múc nước cô đã bỏ ra để ngửa bên thành giếng. Với con mắt lính 17 tuổi nhanh như chớp tôi lờm ngay thấy tên cô nàng viết bằng mực tím ở trong vành nón, cả tên, cả họ, cả đệm, và cả lớp học của cô nữa. Phạm Nhật Giang. 10 B.

Không để ý đến tôi, cô đặt gánh lên vai. Tôi nói, vội vã, nhưng thản nhiên, như thật:

- Kia, Giang. Cho anh mượn cái gầu đã nào.

Cô gái hạ gánh, nhìn tôi.

- Chào anh, anh bộ đội... - Cô nói, ngập ngừng, nhưng có lẽ chưa kịp ngạc nhiên - Gầu đây anh.

Tôi xòe hai bàn tay bê bết bùn ra.

- Ôi, anh bị lấm hết rồi! - Cô gái khẽ thốt lên - Thôi, để em.

- Ừ. Nhờ Giang vậy, chứ không thì bản hết cả dây.

Cô gái múc lên một gầu, hai gầu, xối từ từ cho tôi rửa kỹ hai bàn tay. Khi tôi định đón lấy chiếc gầu, cô bảo:

- Cái gầu này khó múc lắm. Để em giúp anh.

Cô lại thông nhanh sơi chảo xuống bóng tối sâu hút bên dưới rồi thoăn thoắt, mềm mại, kéo gầu nước lên. Nhưng sự ân cần của cô còn hơn thế. Mỗi gầu nước múc lên cô không xối cho tôi tự gột mà cúi mình xuống, một tay nghiêng gầu nước dội nhẹ nhẹ, một tay cô cọ bùn đất ở bàn chân, ngón chân, bắp chân tôi. Ngây ra, tôi đứng yên, sững lặng cảm nhận cái ân tình hồn nhiên và bất ngờ ấy. Rất lâu, hai đứa chẳng nói gì, cô gái lặng lẽ gột rửa cho tôi, tôi thì bất động. Cô cọ kỹ cho tôi cả đôi dép dúc.

- Tươi rồi đấy, anh - Cô gái nói trong bóng tối.

- Cảm ơn nhé, Nhật Giang!

Cô gái trở lại với nỗi ngạc nhiên:

- Ô kìa. Ừ nhỉ, sao anh biết tên em?

Tôi cười, không đáp.

- À, em biết rồi. Anh tọa độ chứ gì mà. Các anh bộ đội chuyên thế. Cứ gọi: Lan, Hằng, Liên, Oanh thế nào cũng trúng, chứ gì?

- Nhưng Giang, lại Nhật Giang nữa, chắc không có hai người tên như thế đâu, đoán mò sao được.
- Chắc anh đóng ở gần đây.
- Chả gần lắm, tận xóm Đuộm.
- Bao xa anh?
- Giang không phải người đây à?
- Vâng, em mới Hà Nội lên - Giang đáp, và chọt cô rủ tôi:
- Nhà em đang trọ ở ngay kia, anh vào nghỉ một lát.

Tôi do dự:

- Chín giờ, đơn vị điểm danh rồi... mà còn non chục cây. - Còn sớm, mới sáu giờ kém mà, anh.

Tôi muốn hộ Giang gánh nước, nhưng cô không chịu. Tôi theo sau cô vào sâu một cái ngõ tối. Một mình Giang một túp nhà nhỏ, mái gianh vách đất. Không có đồ đạc gì. Một chiếc giường đơn, một ngọn đèn hoa kỳ trên chiếc chõng tre, bộ âm tích, điều bát. Một chiếc xe đạp Phượng Hoàng dựng ở gần cửa.

Tôi mở túi phòng hóa đeo bên hông lấy gói bột cốt mẹ dúi cho hồi trưa, và rót chè tươi trong âm tích ra bát. Bột cốt chiêu với chè tươi, định thế. Thấy vậy, đang lúi húi xâu lại quai dép cho tôi, Giang vội kêu lên:

- Ôi, em quên. Có cơm mà, để em dọn mời anh.

Tôi gạt đi, nhưng Giang nài tôi chịu khó chờ cô xuống bếp hâm lại cơm canh mà ăn uống cho chắc dạ và nóng sốt.

Trong lúc chờ Giang, tôi ngả phura ra giường cô, châm thuốc hút và lim dim mắt, thả khỏi. Chợt cửa ra vào mở. Một người đàn ông cao lớn bước mạnh vào. Tôi giật bản mình, bật chồm dậy. Ông nọ vận đai cán vải dạ xanh sẫm, giày da Cô-xu-ghin, quần hàm ve áo hai sao hai vạch.

- Cậu là ai? Đâu chui vào đây? - Nghiêm sắc mặt, ông trung tá hỏi, chăm chăm nhìn.

Tôi dập gót:

- Báo cáo, tôi...

Vừa khi đó Giang bung mâm cơm đi từ sân sau vào.

- Bố về rồi đấy ạ, - Cô vội vã nói - Bố ơi, đây là Hùng, bạn học lớp 10 với con. Anh ấy đóng quân gần đây. Chúng con tình cờ gặp nhau vừa nãy.

Ông trung tá tá dụi nét mặt, nhưng giọng vẫn nghiêm:

- Đóng gần đây à? Đồng chí đơn vị nào?
- Báo cáo thủ trưởng, tôi ở C7 K5 đoàn 91.
- Thế đồng chí đi đâu, sao giờ này còn tụt tạt ngoài đây?
- Báo cáo thủ trưởng, tôi về phép lên. Đơn vị chín giờ mới điểm danh.
- Thế đồng chí định để đúng điểm danh mới có mặt à?

Phải về đơn vị sớm hơn chứ.

- Kìa bố, - Giang kêu lên - Bố để cho anh ấy ăn cơm đã. Bố cũng ăn luôn với bọn con đi.
- Không đâu, tớ không ăn đâu! - Tôi hoảng lên - Tớ phải chào đây, Giang!

Ông bố Giang mỉm cười, vỗ nhẹ vai tôi, bảo:

- Từ đây về xóm Đuộm sáu cây, còn kịp. Cậu ăn cơm đi, ngồi chơi với Giang. Bạn học lâu ngày gặp nhau. Nhưng rồi phải ráng chân lên. Vẫn phải về kịp trước điểm danh, rõ chưa!

- Thì bố xin hộ cho anh ấy, bố! - Giang nói, nũng nịu - Bố gọi cho cấp chỉ huy của anh ấy. Chúng con học cùng tung ấy năm, gặp nhau chuyện tới khuya chẳng hết.

- Không được, - Ông bố cười, lắc đầu - Bạn hữu gặp gỡ thế này là quý, nhưng con không có được những nhăng con càn con kê giữ bạn lại quá lâu. Đừng có để bạn phạm kỷ luật.

Ông nhìn đồng hồ.

- Sáu rưỡi rồi, - Ông nói - Hai đứa khăn trương cơm nước đi. Tối nay bố không ăn với con được. Bố phải qua đơn vị. Phải họp khuya đây. Con một mình ở nhà cửa giả cho cẩn thận.

Ông bước tới bên cửa, cầm lấy ghi đông chiếc xe đạp, và nhìn tôi, ông nói:

- Hùng ngồi chơi nhá. Nhưng nhớ giờ giấc đây.

- Kia bố, bố lấy xe đạp ạ! - Giang kêu lên - Con định đưa anh ấy về đơn vị cơ mà, bố! Bố chịu khó đi bộ, bố nhá. Chỗ bố gần ngay đây mà.

- Không! Đừng mà... - Tôi hãi quá - Giang đừng vậy...

Ông trung tá cười, bảo:

- Con gái con lú thế đấy. Chiều bạn hơn bố. Nhưng bố nhất trí, bố để xe cho hai đứa. Chứ mà cuộc bộ thì con làm Hùng chậm giờ mất. Có điều đường đôi ban đêm hai đứa lại nhau cho cẩn thận, đừng có phóng nhanh kéo ngã. Đưa Hùng tới đơn vị rồi lúc quay về một mình con cứ đạp từ từ, nhìn đường. Nhưng cũng gắng đừng có thông dong quá đây. Trời lạnh thế này. Với lại con về khuya bố không yên tâm đâu.

Tôi ấy, tôi lại Giang vào sâu trong Bãi Nai. Đồng rừng tối tăm, lạnh lẽo. Con đường đôi, quanh vắng, không ngừng uốn lượn và gấp khúc. Gió bắc lúc thuận lúc ngược, nhưng mà tôi không thấy mệt, tôi đạp mãi miết. Tôi chưa khi nào đèo con gái. Cả hồi năm ngoái học lớp 10, được bố mẹ ưu tiên sắm riêng cho hẳn một cái Mipha tha hồ tung hoành phá phách, tôi cũng chỉ đạp xe rong phỏ với những thằng bạn. Chưa từng bao giờ có một nữ nhi ngồi sau xe tôi, áp mình tin cậy vào tôi như thế này. Đây là lần đầu.

Chiếc Phụng Hoàng nặng chịch mà chẳng nặng một chút nào. Tôi guồng cẳng đạp, bám theo vệt trắng mập mờ của con đường, lên dốc, xuống dốc, quanh rẽ, lạng tránh, lao rất nhanh và phanh giật cục. Giang ngồi vững và thật êm sau tôi. Thỉnh thoảng chúng tôi mới nói chuyện, mà chỉ Giang nói. Giang là trò Trung Vương, vừa tốt nghiệp lớp 10 trong năm, hiện giờ đã là sinh viên của trường Tổng hợp. Nhà cô trong ngõ Chợ phố Khâm Thiên. Túp nhà ban nãy là bố cô mượn của một người quen ở thị trấn để đón cô lên ăn Tết cùng ông. Mẹ cô mất năm ngoái, anh trai thì mới vừa đi Bê thẳng trước.

- Tết ra chơi với bố con em, anh nhẹ. Nhà chỉ hai bố con mà cái thị trấn khi ho cò gáy này thì buồn ời là buồn. Em sẽ nội khó để bố vào hẳn đơn vị đón anh. Rồi chúng mình xin phép bố lĩnh về Hà thành vài hôm. Bố em chiều em lắm, sẽ đồng ý thôi. Mà bố đã thuận thì nhất định thủ trưởng đơn vị anh cũng nhất trí.

Chúng tôi chia tay ở chân đồi Gùrng, đầu con đường mòn dẫn vào xóm Đạm nơi đơn vị tôi trú quân.

- Hay là Tết em trốn vào đây với anh?

Giang hỏi, và không hiểu sao lại thờ dãi.

Tôi cứ đứng mãi ở ven đồi. Mặc dù không thể nhìn thấy gì trong màn đen dày đặc đêm cuối năm, tôi vẫn cứ nhìn mãi theo Giang. Chia tay, tôi đã không nói được một điều gì cả, đã không kịp ngỏ một lời nào. Cả địa chỉ của Giang nữa cũng không hỏi rõ. Chỉ biết Khâm Thiên, ngõ Chợ.

Hai hôm sau, tối ngày 27 Tết, tiểu đoàn tôi nhổ neo rời Bãi Nai. Hành quân qua Thường Tín, lên tàu ngay, không có 15 ngày phép thông lệ của lính Bê dài. Đây là một đợt tăng cường rất lớn cho chiến trường. Cả một Sư cùng lúc lên đường, gấp gấp tiến quân, vượt ngàn dặm Trường Sơn vào Nam. Vừa đặt chân lên đất Tây Nguyên đã vào ngay chiến dịch. Các đơn vị của Sư đoàn phiên hiệu khác đi nhưng vẫn giữ nguyên đội hình từ ngoài Bắc. Tiểu đoàn của tôi đánh trận mở màn, và đại đội của tôi là

mũi chủ công. Trước giờ nổ súng, đích thân tham mưu trưởng sư xuống kiểm tra công tác chuẩn bị chiến đấu của chúng tôi. Mặc dù ông xuống “kiềng” cùng với một nhóm khá đông trợ lý và trinh sát, mặc dù ông cũng trang bị và nài nịt như mọi người, tiểu liên AK, dép đúc, mũ cối, áo lính tô châu, nhưng trong bóng rừng nhập nhoạng tôi vẫn nhận ra ông ngay. Ông chính là “ông bô” của Giang!

Tôi toan lĩnh, song ông trông thấy tôi tức thì. “Kìa, Hùng, Hùng đây hả Hùng!”. Giọng ông ngạc nhiên, mừng vui. Ông thân thiết xiết chặt tay tôi và không nén được, ông cảm động ôm lấy tôi. “Giang nó cứ nhắc cậu mãi, Hùng ạ. Nó cứ buồn vì không gặp lại được cậu trước khi chúng ta lên đường”. Ông bảo: “Giờ đây Giang nó ở lại ngoài đó có một mình”.

Gặp gỡ trước giờ nổ súng tất nhiên là chỉ thoáng nhanh, chỉ kịp nói mấy câu thế thôi. Tôi thì không nói được gì cả. Tôi chỉ đáp ứng. Cả cái tên Hùng do con gái ông phía vợ ra, tôi cũng không thể cải chính.

Thời khắc gấp gáp không thể nán ná, nhưng trước lúc đi, tham mưu trưởng sực nhớ một điều và vội ông nói với tôi: “Giang nó có gửi cháu tâm ảnh của nó, nhưng tiếc quá, lại không mang theo đây. Để bữa sau vậy, Hùng nhé...”

Không có “bữa sau” ấy. Tôi không còn có dịp được gặp lại tham mưu trưởng. Cả tới mùa khô sau, được điều lên trinh sát sư đoàn, tôi vẫn không thể nào gặp lại được ông. Tham mưu trưởng của chúng tôi đã hy sinh vào cuối mùa khô năm đầu tiên sư đoàn chúng tôi lâm trận.

Chiến tranh, đời lính, tuổi trẻ, mọi sự là như thế, chỉ thế thôi, thoáng nhanh. Thoảng nhanh nhưng không tắt lịm. Chỉ thế thôi nhưng để rồi sau này cứ nhớ mãi. Trở thành nỗi đau. Những nỗi đau mất mát âm thầm.

Chắc là bây giờ Nhật Giang vẫn còn nhớ đến tôi, người lính trẻ vô danh hơn ba chục năm về trước. Tôi thì không bao giờ quên cô ấy, mặc dù thực ra là có gì đâu một tình cờ như thế, một gặp gỡ vắn vơ, lưu luyến mơ hồ gần như không có thật mà năm tháng cuộc đời cứ mãi chồng chất lên muốn xóa nhòa.

Không đâu vào đâu

Tôi bay chuyên sáng. Chỗ tôi kê cửa sổ. Bên tôi là một quý ông hồng hào, tuổi chừng bốn lăm, vận comple màu xám nhạt. Thoạt thấy ông, tôi đã ngỡ ngợ, và một lát thì nhớ ra. Chẳng hiểu sao ông lại đặt vé ở khoang này. Ông là một quý ông. Mới đây tôi thấy ông trên tivi, đang trả lời phỏng vấn. Tay phóng viên một dạ hai thưa, cực kỳ cung kính.

Thế quái nào mà lại thế này. Tôi không thích thế này. Kinh nghiệm cho thấy là rất dễ gặp rắc rối khi kê cận một vị như vị này.

Song, trái với dự cảm không lành của tôi, ông ta không có vẻ một con người khó chịu. Được yêu cầu thắt đai an toàn, ông thắt đai an toàn. Khi tiếp viên đẩy xe đệm tâm tới, ông lịch sự mỉm cười với cô gái đẹp, ông nhã nhặn cảm ơn. Ông bung tách cà phê lên nhăm nháp một cách đúng điệu. Ông giở báo đọc lướt trang nhất, trang cuối. Rồi gấp báo lại, ngả đầu vào lưng ghế, ông nhắm mắt.

Thôi thì ngồi cạnh một ông lớn nhưng đằm tính như ông này cũng được, chẳng bận gì, kệ ông. Tôi nghĩ, nhìn ra trời mây. Một ông nào ngồi phía đuôi khạc nhổ rõ to. Một ông khác ngáy giòn. Nhiều người ngáy.

Ở ghế trước tôi là một thiếu phụ với đứa con trai. Thằng bé hiếu động. Bà mẹ phải lấy sách ra đọc cho nó nghe để nó khỏi chạy đi chạy lại. Không thấy được gương mặt thiếu phụ, nhưng qua giọng đọc tôi áng chừng chị ngoài ba mươi. Giọng chị trong, ngữ điệu tuyệt vời, đầy tình cảm. Lơ đễnh tôi nghe và một lúc sau thì biết là chị đang đọc cho con trai nghe cuốn “Những tâm lòng cao cả” của nhà văn D.Amisitx. Cuốn này tôi đọc từ xưa. Không hiểu sao vẫn còn nhớ. Tôi thấy nó cũng được. Bây giờ tôi bị cuốn hút bởi giọng của người đọc, chứ còn truyện là truyện trẻ con, vặt vãnh. Tính cách nhân vật một chiều, cách điệu quá hóa ra sơ lược và giọng văn thì cảm thương quá mức cần thiết. Thú thực tôi chẳng hiểu duyên do làm sao mà tác phẩm này lại được thiên hạ đánh giá cao làm vậy.

Chợt có tiếng lục súc ở hàng ghế trên. Thằng bé nói cái gì đó và mẹ nó ngừng đọc. Chồm cả người lên lưng ghế, thằng bé lộ mặt ra nhìn xuống băng ghế của tôi. Giương to hai mắt, nó hỏi:

- Bác sao thế bác? Sao bác khóc?

- Đâu có, ông bạn trẻ! - Tôi nhếch mép.

- Không phải chú. Bác cơ. Bác khóc. Mẹ cháu đọc, làm ồn không để bác ngủ phải không ạ?

Ông ngồi cạnh tôi nói khẽ, giọng là lạ:

- Không cháu ạ. Mẹ cháu đọc rất hay. Và những mẩu chuyện thật là cảm động.

Tôi liếc mắt sang. Thằng bé không lầm, ông ta quả có sa nước mắt. Mắt ông ươn ướt, chớp mũi ửng đỏ.

- Con đã bảo mà. Mẹ đừng đọc nữa mẹ.

- Ô, sao lại thế, cháu!

Chị phụ nữ kéo con ngồi xuống và khe khẽ rầy nó.

- Chị đừng mắng cháu, - Ông ngồi bên tôi nói nhẹ lên hàng ghế trên - Thú thực là tôi...

- Bác ơi, cháu xuống với bác, bác nhé. - Chú bé la lên.

Máy bay hơi nghiêng cánh. Ngoài cửa sổ biển xanh lấp lánh nắng. Tôi nhìn đồng hồ. Hành trình chỉ còn non nửa giờ nữa.

- Sao bác khóc hả bác? - Thằng bé gặng hỏi. Nó đã xuống ngồi cùng ghế với ông ta.

- Bác cũng không biết tại sao cháu ạ. Đôi khi vẫn thế đấy, tự dưng không cảm được nước mắt. Cháu có bao giờ vậy không?

- Cũng có ạ. Nhưng chỉ khi nào cháu bị đau. Chữ truyện thì có làm đau ai đâu ạ.

- Cháu có thích cuốn truyện không?

- Không ạ. Mẹ cháu bảo đọc, nhưng cháu chả thấy thích. Toàn chuyện trường học, lớp học, thầy giáo. Chẳng lý kỳ gì cả.

- Thế cháu học lớp mấy?

- Hết hè này là cháu lên lớp bốn.

- Vậy à... - Ông ta nói, khẽ thở dài - Bác cũng vậy, bác đã đọc cuốn này từ tiểu học, và đáng buồn là cũng như cháu, bác chẳng thích nó. Bác thích những cuốn khác.

- Thế ạ! - Thằng bé như reo lên - Đây, thế mà mẹ cháu cứ bảo là cuốn sách hay nhất.

- Mẹ cháu nói đúng đấy. Hồi nhỏ bác không thích nhưng hóa ra bác lại nhớ rất kỹ. Nghe mẹ cháu đọc, bác nhớ ra ngay. Mà đã mấy chục năm rồi còn gì. Những câu chuyện học đường xúc động làm sao... Còn bao nhiêu cuốn sách mà hồi đó bác thích thì tới giờ bác đâu còn nhớ.

Ông ta trầm ngâm, im lặng. Thằng bé cũng ngồi yên, lặng lẽ.

Chợt, tôi nghe ông nói, giọng rất buồn, đúng hơn, một giọng sầu thương khó tả:

- Cháu biết không, giá mà hồi bé, bằng tuổi cháu bây giờ, bác có thể có được nước mắt trước những mẩu chuyện cuộc đời cảm động và giản dị như thế kia thì cuộc đời bác đâu có đến nỗi như thế này.

Ông ta đưa mù xoa lên chấm mắt. Khóe môi ông run rẩy. Tôi không còn hiểu ra làm sao nữa cả.

Ở nhà ga sân bay Tân Sơn Nhất tôi thấy người ta đón đợi ông, người ta chào mừng ông. Người ta kính cẩn rước ông ra xe. Có những tay lon xon xách cặp cho ông, che dù cho ông.

Một nhân vật lớn lao, quyền cao chức trọng, một tên tuổi đáng vì nể, một cuộc đời thành đạt và hoạn lộ vẫn thênh thang, vẫn đang lên như diều có sao lại có thể ứa nước mắt một cách không đâu như vậy chứ? Và tại sao nhỉ, con người đó lại thốt lên một lời than tiếc phi lý như vậy về đời mình?

Cái búng

Năm ấy tôi vừa qua tuổi 16, và lần đầu tiên trong đời, tôi đang yêu. Yêu cô bạn học. Có phải là quá sớm không?

Nhưng dù vậy, dù rằng còn thơ dại cả hai bởi nổi ở tuổi ấy cả hai nào đã biết gì đời, tôi và Hiền vẫn một lòng yêu thương nhau say đắm, say đắm mà trong lành.

Không thể nhận ra khoảnh khắc đầu tiên của mối tình. Chỉ biết rằng sau mấy năm cấp ba cùng một lớp với nhau tới một thời gian nào đó chúng tôi chợt nhận thấy là cuộc sống của chúng tôi thuộc cả về nhau. Có bao nhiêu là cô gái trong lớp, trong trường và trong cõi đời này nhưng tôi chỉ thấy có một, chỉ một ánh mắt, chỉ một giọng nói, điệu cười, một vóc dáng. Và tôi cũng cảm nhận được rằng tôi là duy nhất mà Hiền cần, rằng Hiền chỉ yêu tôi thôi, tôi là của Hiền. Để có thể trọn đời bên nhau, chúng tôi cùng nhau nộp đơn xin vào khoa Hóa của Đại học Tổng hợp, mặc dù chỉ có Hiền là thực sự yêu thích và học giỏi môn đó. Nhưng không sao cả, tôi sẽ gắng. Trái ước nguyện ngành nghề một chút, song sẽ không bao giờ phải xa Hiền.

Những tháng cuối cùng của đời học trò trôi qua tuyệt diệu. Cả một trời bao la những hứa hẹn tốt lành mở ra trước mắt.

Hôm đó chúng tôi vừa thi xong môn cuối cùng của kỳ thi tốt nghiệp phổ thông. Aị nấy thở phào. Chia tay nhau ở cổng trường, Hiền hẹn: “Tối nay chúng mình đi chơi đi anh. Em chắc là mẹ sẽ cho phép”. Tôi sững sờ. Lần đầu tiên Hiền xưng em, gọi anh. Lần đầu Hiền hẹn hò buổi tối.

Tối ấy, chẳng những cho phép hai đứa đi với nhau, mẹ của Hiền còn thuận để hai đứa được cùng một xe đạp.

Trong niềm hạnh phúc lâng lâng, bỗng bay, tôi đạp xe và tôi cảm thấy được không phải là sức nặng mà là sự mềm mại nhẹ nhõm, vẻ duyên dáng nhẹ nhàng của người con gái tôi yêu. Hẳn là bạn cũng biết đấy, ở cái tuổi 17 của chúng tôi hồi ấy người ta yêu nhau không hề gọn đực. Càng yêu nhau người ta lại càng trở nên không còn là những thân thể cụ thể đối với nhau.

Tuy nhiên, dường như chính sự thuần khiết ấy đã biến tình yêu ở tuổi đó thành mộng ảo, mong manh đến nỗi thường là không chịu đựng nổi dẫu chỉ là một cái búng thôi của sự đời.

Tối hôm ấy, giờ này qua giờ khác, hai đứa chúng tôi chở nhau lang thang trong thành phố. Đêm hè. Đường phố dần vắng lặng. Đèn đường rải rác, mập mờ bóng cây, bóng người. Dường như chỉ còn tiếng hai chúng tôi trò chuyện. Tôi nói với Hiền. Hiền nói với tôi, nghe tôi. Chúng tôi khẽ cười. Chúng tôi im lặng, rồi lại nho nhỏ cất tiếng. Chợt, ngay đằng sau vang lên những giọng khàn khàn, những giọng rông rông. Đang nói, Hiền lặng thinh. Tôi ngoái cộ lại. Gần chục chiếc xe đạp dàn hàng ngang đang áp theo chúng tôi. Những đóm lửa thuốc lá soi lên gò ghe những bộ mặt. Tôi đạp mau, đám người đằng sau cũng đạp mau. Tôi chậm lại để họ vượt qua, họ liền chậm lại. Đường Hoàng Diệu vắng lặng, tối mờ và thật là dài. Còn xa mới tới ngã năm Cột Cờ.

Tôi chẳng biết xử trí ra sao. Cái lũ đang đeo dính chúng tôi không có ý định cạ khịa, họ không gây sự, không giở trò côn đồ, họ coi như tôi không có, họ chỉ những nhằng theo Hiền. Họ ồm ồm hỏi han những câu vớ vẩn, cợt nhả những lời trêu chòng trơ trên và không ngớt rộ lên cười khoái chí tán thưởng nhau.

Ngay cả những bậc lão luyện mà lâm cảnh này cũng phải cam lòng chịu nhẫn, hướng hồ tôi. Dành im thin thít cảm cúi đạp. Hiền run rẩy nép vào tôi. Có lẽ cũng như tôi, Hiền đang thở không ra hơi. Sợ hãi và hổ thẹn tê điếng cả người.

Tuy nhiên chúng tôi không phải chịu đựng lâu. Đám anh chị nhanh chóng mất hứng trước sự im lặng nhẫn nhục của đôi thiếu niên con nhà lành. Bực mình và chán ngấy, họ bỏ cuộc, tất cả dừng xe lại.

Tôi vội đạp dần lên. Tim nện thùm thùm. Được một quãng xa, đạp chậm lại, tôi gắng trấn tĩnh, lấy

lại hơi thở và bắn khoản tìm lời an ủi Hiền. Không ngờ lại có tiếng đập rào rào đuổi lướt tới. Nhưng lần này chỉ một tên trong bọn rượt theo chúng tôi. Lên ngang xe tôi, y áp cà vào. Một gã to con, vai rộng, quần soóc bò, áo phông, đầu húi cua, xe đạp đua. Tôi nên sợ, đập từ từ, thủ thế.

- Ê! - Gã nọ ghé mặt vào sát mặt tôi. Tuổi gã chừng ba mươi hơn, gò má cao, hàm rắn căng, râu quai nón, giọng rất trầm - con bé của mày nom ngon quá. Thịt thơm và chắc phải biết, đúng không? - Gã nói từ từ, đủ nghe.

Tôi tái người.

- Này! - Gã vỗ vai tôi - thế hai đứa chúng mày đã... nhau chưa?

Uốn lưỡi, nhả hết liều lượng của cái động từ động đực ấy vào mặt chúng tôi, gã đang hoành lược xe lại, phóng đi.

Xây xắm mặt mày, chỉ chút nữa là tôi đánh đổ xe. Tôi và Hiền đứng lặng đi rất lâu trong khúc đường tối, không nhúc nhích, không nhìn nhau, không nói nổi với nhau nửa lời.

Khi về đến trước nhà, Hiền xuống xe, lí nhí nói gì đó, rồi lùi lùi đi vào cổng. Tôi quay xe, đạp nhanh về nhà.

Mỗi tình từ đó rơi hẫng. Chúng tôi tránh mặt nhau. Tôi thi và đỗ vào Tổng hợp Hóa. Còn Hiền, Hiền rút đơn, không thi vào Tổng hợp nữa mà thi vào trường khác.

Thậm chí nhiều năm sau gặp lại ở ngày hội lớp, chúng tôi vẫn tránh ánh mắt của nhau. Hiền mỉm cười gượng gạo. Tôi thì vội nhìn lãng đi, thái độ trở nên ngượng ngập khó chịu, bởi vì không thể nào khác được tôi lại nhớ đến cái động từ ghê tởm đêm ấy, và tôi biết rằng nó cũng đang dội lên trong tâm trí Hiền.

Chuyện như vậy chắc là bạn thấy khó tin? Nhưng tôi như thế thật đấy. Và tôi nghĩ chẳng riêng tôi, bạn cũng vậy thôi, thỉnh thoảng bạn vẫn vướng phải những chuyện mà người khác chẳng buồn để tâm nhưng bạn lại xúc động sâu xa, bạn không thể quên, như là một vết tự thương cứa sâu vào lòng, khó bề chữa khỏi. Ấy là những nỗi đau vô cớ, những bất hạnh mơ hồ, những đắng cay chua xót không đâu, những nỗi nhục, những mặc cảm không có duyên do, không tài nào ai hiểu nổi vẫn thường đầy rẫy trong cuộc đời mỗi người.

La Mác-xây-e

Mùa hè, một chiều chủ nhật dịu trời, tôi đi dạo trong công viên Lenin, rồi ngồi lại đọc sách ở ghế đá, dưới bóng liễu. Tôi đọc chăm chú và vừa đọc vừa liên miên hút thuốc. Hộp diêm và bao Ngựa Trắng tôi vứt bày ra bên cạnh, trên mặt ghế.

Chợt, cảm giác có một ai đang nhìn mình, tôi rời mắt khỏi trang sách, ngược lên. Và giật nảy mình. Một người ăn mày. Một lão già. Lão đã đến sát ngay trước mặt tôi mà không làm không khí xao động nhiều hơn một bóng ma.

Hai con mắt của lão thụt sâu trong hai hốc xương dán vào mặt tôi một cái nhìn chăm chăm nhưng mờ mịt và vô hồn. Sợ rằng lão sẽ cứ thế mà xô phải mình, tôi vội dặng háng và vội cho tay vào túi lần tiền lẻ.

- Cậu đọc sách đó ư... Xin chào cậu... - Tôi thậm chí không ngờ là ông quần chúng vô sản này lại còn có thể nói năng và phát biểu, tôi kinh ngạc thấy lão nghiêng mình tỏ sự lịch thiệp khi mở miệng, một cái miệng đen ngòm, chắc chắn là còn rất ít răng. Tôi ậm ừ.

- Thật là làm phiền cậu quá. Xin cậu làm ơn cho châm nhờ điều thuốc. Muốn hút, ấy thế mà tôi lại quên mất diêm.

Cổ họng ông lão chẳng chịt gân tím gân xanh. Yết hầu chạy giật cục. Giọng nói khàn, song không quá khó nghe.

- Đây đây, diêm đây! - Tôi nói vội vội, vội vội cầm bao diêm đưa lão. Một cảm giác ớn ảm, ghê ghê truyền dọc người tôi.

Ông già không đón lấy bao diêm mà thông thả lùa bàn tay khô không vào túi của cái thứ tựa hồ như một áo bạcđờxuy ông đang vận trên người. Tôi tưởng chừng ông sẽ lòi ra cho tôi thấy một con chuột chết.

Nhưng, vật ông lão moi trọng túi ra lại rất bảnh. Một hộp đựng thuốc hình chữ nhật, to và dày, sáng loáng như thể bằng vàng khối, chạm trổ cầu kỳ và có khắc những hàng chữ Tây. Từ từ như pha một chút kiêu hãnh và tự đắc, lão run run ngón tay cái ấn một cái núm tí xíu. Tuyệt khéo, nắp hộp nhẹ nhàng mở ra và từ đâu đó xạ xăm trong lòng hộp văng lên một khúc mây nốt nhạc. Nhưng mà, rỗng không, trong hộp chẳng có lấy một vụn thuốc!

- Ôi chao, cực chưa này! Diêm quên, lại thuốc cũng quên - Chủ nhân của chiếc hộp sang trọng than lên khàn khàn - Thế đó, cậu ạ, người già là thế! Lú lẫn, lú lẫn... Quên diêm, quên thuốc, quên dần mọi sự cho đến khi quên thờ. Thôi, đành vậy, chứ biết sao bây giờ.

Lão lắc lắc cái đầu khô khốc.

- Cảm ơn cậu. Xin lỗi đã làm phiền cậu.

- Hượm đã, cụ! - Tôi rút một điều Ngựa Trắng trong bao ra - Mời cụ!

- Cảm ơn. Quý hóa quá. Xin cậu! - Lão lí rí trong họng. Những ngón tay khô đét đón điều thuốc, run run.

- Đây nữa này, - Tôi dốc ra một túm năm, sáu điều - Cụ cầm thêm mà hút, hả!

- Ui cha, quý hóa quá! Nhưng chỉ dám xin cậu điều nữa thôi, cho có đôi.

Lão bỏ tọt hai điều thuốc vào túi cái áo dạ cũ nát.

- Thuốc lá thời các cậu có gắn phin nên hộp của thời xưa không chứa được.

Lão giải thích và đóng nắp hộp lại. Lần này, táng tàng tang, bản nhạc ngân nga lâu hơn lúc mở hộp, phát hân thành giai điệu. Tôi sững người. Tôi đã nhận ra.

“Hồi những người con của Tổ quốc, ngày vinh quang đã tới rồi...”

Tang táng tâng. Còn ngờ gì nữa. Nhưng chính là ông ta? Không. Không có lẽ. Không thể thế được.

Ông lão nừa ăn mày bái biệt tôi. Rờ rờ, lụ khụ, mù dờ, lưng còng còng, lử lả lão dò dẫm lết đi dọc lối sỏi ven hồ. Tôi chờ dần nhìn theo. Con người thảm hại, nhân dạng tàn rữa kia chẳng có gì chung với nhân vật cao sang tôi đã từng biết thuở xưa, ngoại trừ chiếc hộp với khúc dạo đầu của bài ca Đại Cách mạng.

Hồi ấy trước chiến tranh, gia đình tôi từ trong phố chuyển về căn hộ ở Kim Liên. Một chung cư kiểu Bắc Triều Tiên hết sức là sang đối với thời bấy giờ, mà phải có chức vụ kha khá như cha tôi thì mới đến phân. Hàng xóm gần nhất, kẻ vách với chúng tôi là gia đình một ông công chức hưu trí của Bộ Giáo dục. Một vị nhân sĩ có chân trong Mặt trận Tổ quốc. Cha tôi dặn chúng tôi phải lễ độ với ông, song dù người không nói chúng tôi cũng biết rõ là phải thế.

Bạn đọc hãy nhớ lại một viên chức lưu dụng hưởng lương chín chục về hưu thuở trước chiến tranh nom thế nào thì sẽ mừng tượng ra được cùng tôi ông già ấy.

Tuổi về hưu của một ông lưu dụng chỉ ngoài năm lăm song ngay cả cái tuổi đó ông cũng có vẻ còn lâu mới già tới. Ở ông luôn toát lên một vẻ sung mãn hân hậu, một sự sụ hài lòng kín đáo và một sự cao sang mực thước. Dáng dấp của ông thông thả khoan thai với phần nào trịnh trọng. Ông lễ độ nghiêng mình chào ông nội tôi, ông bắt tay cha tôi và ông xoa đầu chúng tôi. Ông nói cảm ơn, ông nói xin lỗi, làm ơn, ông nói xin kính chào, xin miễn thứ, và phải phiên trách, phải ta thán một cái gì ông chỉ nhún vai hoặc là ông lắc đầu, ông nói: C'est la vie!

Ông ít tiếp xúc với hàng xóm láng giềng song ông tử tế với tất cả. Góa vợ nhưng ông sống không trễ nải. Nhịp điệu hàng ngày của ông đều đặn. Ông mua hoa mỗi ngày. Ông đặt báo tháng. Ông thuê người giúp việc. Trang phục của ông và của con trai ông, một sinh viên kinh tế, bao giờ cũng nên nã, tươm tất.

Tôi từng được vào phòng ông đôi lần. Tôi thấy vô vàn sách, phần lớn là sách Tây, xếp ngăn nắp trên những giá được đóng bằng gỗ tốt, đánh véc ni. Trên tường treo một bức sơn dầu. Nền nhà trải thảm. Những đồ gia dụng, những đồ văn phòng trong nhà đều xinh xắn, đẹp đẽ và kỳ lạ, và đều là của ngoại.

Ông nghiện thuốc, hút nhiều và hút sang, nên thú suu tầm của ông cũng gắn với thuốc lá. Ông chơi như chơi tem các loại nhãn thuốc lá trên thế giới. Các loại bật lửa, gạt tàn, các kiểu pip tẩu, ông điều và các dạng hộp đựng thuốc bằng nhựa, bằng kim loại. Trong tập hợp tất cả những vật xinh xắn và玲 kỉnh đó, ông đặc biệt quý chiếc hộp có phát ra bài Mác-xây-e. Nghe nói đây là quà tặng của vợ ông khi hai ông bà mới đính hôn.

- Ông ơi, ông hút thuốc đi ông.

Bọn nhãi trong chung cư thường đề nghị ông thế, để ông lấy hộp thuốc ra, mở nắp và cho chúng được nghe khúc nhạc tình xảo.

Dân tình trong khu phố gọi ông là đờ San. Người ta đồn rằng me xừ có những bạc trăm ở quỹ tiết kiệm.

Ấy là chuyện hai mươi năm về trước. Có một ông như thế. Một cái hộp thuốc lá như thế.

Tôi lớn lên, trải mười năm trận mạc, khi trở về đất nước đã cập bờ thời đại khác, và Hà Nội, và khu Kim Liên, và nói chung phố phường, cảnh vật, con người đã biến tướng. Về me xừ đờ San thì tôi được biết là ông đã chuyển sang bên khu cao cấp tại Bạch Khoa. Nhưng đây là theo tiêu chuẩn nhà ở của con ông bấy giờ đã thành đạt và đã trở thành một yêu nhân.

Rốt cuộc thì mối liên tưởng của tôi là kỳ quặc. Làm sao có thể nhét chung me xừ San vào cùng một hộp với ông lão câu bơ câu bắt kia được?

* * *

Một thời gian không biết là bao nhiêu lâu sau, không ngờ tôi lại nom thấy nó, cái hộp biết chơi nhạc ấy trong tay ông chủ quán cà phê gần khu lầu của chuyên gia Liên Xô.

- Đẹp hết ý, đúng không? - Tay chủ quán thấy tôi chú ý liền khoe - Nhưng quan trọng nhất không phải cái mẽ ngoài. Mà đây này...

Y ấn núm. Nắp hộp mở và quốc thiều Pháp được cử lên trang trọng. “Hỡi những người con của Tổ quốc...”

- Một thằng Ivan già muốn mua với giá nửa vé. Nhưng tớ chả. Của cực hiếm đấy. Ngay ở Paris cũng không lùng nổi đâu. Vậy mà tớ lại nhặt được nó từ trong tay một lão hành khất. Có một dạo lão già ấy lấy hiên nhà tớ đây làm ô ten đồ la hiên. Thấy lão có cái hộp hay quá, tớ gạ mà lão lắc.

Dọa đuổi không cho ngụ nữa lão cũng không nghe. Vậy mà biết không, lấy nửa cây Sông Cầu dí vào mũi lão thì lão lại ô kê. Lão ăn mày này nghiện thuốc kinh khủng.

- Bây giờ ông ấy ở đâu?

- Nào biết. Không thấy lai vãng nữa. Chắc ngỏm đâu rồi. Nghe nói thằng con trai lão làm lớn lắm, nó cho đăng tin tìm lão trên tivi, bảo rằng lão bị điên. Hứa sẽ hậu tạ cho ai dắt được lão về cho nó. Là thiên hạ chúng kháo thế. Chả biết có phải trường hợp lão già này không. Vì lão này đâu có điên, lão chỉ nghiện ngập thôi.

Tay chủ quán đập cái hộp lại. La Mác-xây-e khẽ ngân lên. Ngày vinh quang đã tới rồi.

Gió đại

Kìa! Nghe thấy không, hình như là Diệu Nương đấy!

Nhiều tháng, và không chừng nhiều năm rồi đã trôi qua, Diệu Nương, cô gái ấy đã bị bắn chết từ những bao giờ vậy mà vào mỗi buổi mai, trước khi bắt sang một ngày mới, ở làng Diêm người ta vẫn mơ hồ ngái ngủ bảo với nhau thế. Như có thể nghe được quá khứ, như có thể thu được hồi thanh của thời gian vậy.

“Ta rong chơi giữa đời... ới a... biết đâu nguồn cội.

Em xin làm bến đợi mà chân anh ghé qua...”

Khi đó là giờ của rạng đông yên tĩnh với ngôi sao Mai miền thảo nguyên to lạ lung tỏa ánh biếc trên tầng không quang mây đang tăng sáng. Vào giờ đó mặt trời chưa mọc nhưng trên đồng cỏ bóng tối và sương mù đang nhẹ tách khỏi nhau, đang tan. Trong mông lung, làng mờ hiện.

Một vệt đường 14. Những cụm nhà mái tôn. Một ngôi nhà thờ.

Eo óc tiếng gà gáy da diết và cọt kẹt tiếng những con ròng rọc quay trên các miệng giếng trong làng. Làng Diêm thức giấc, buồn ngất, chờ vợ, nổi lên chìm lịm giữa bốn bề mênh mông thảo nguyên bao la quanh vắng.

Vào giờ đó, phía bên kia đồng cỏ những cỗ 105 ly trong căn cứ của Quân đoàn II nguy vẫn đang ngon giấc và chiếc thám thính cơ L19 được dành riêng cho làng Diêm còn chưa chồm hiện lên ở chân trời. Dưới sông A Rang chảy qua bên làng, chiếc xe tải qua ngẫm trễ nhất vừa lội lọt sang bờ bên kia, để lại những vòng sóng lan rộng tắt dần trên mặt nước mùa khô phẳng phiu.

Vào khoảng giờ này hồi trước trong thính không đang ngân vang tiếng chuông giục già giáo dân đi lễ mi-xa buổi sớm, nhưng trúng phải đạn đại bác tháp chuông đã từ lâu rồi im hơi lặng tiếng. Khắp sân nhà thờ toang hoác những hồ bom và hồ pháo không ai buồn lấp. Um tùm lùm bụi và gai góc tràn lấn các lối đi. Hàng sáng trên thềm đá dưới hiên nhà thờ, một vị linh mục trong bộ chùng thâm âm thầm tựa cửa ngóng mặt trời lên.

Suốt đêm, trên khúc đường 14 chạy ngang trước nhà thờ nườm nượp xe pháo và quân lính trải dọc qua làng. Bảy giờ tất cả đã biến đi nhường chỗ cho buổi tỉnh mơ không một bóng người.

Sau sương, trên đường thôn nghe như có tiếng xe bò lăn bánh, lộc cộc lộc cộc ra đồng. Đây đó, im lìm rải rác những mái nhà tôn còn ẩm hơi khuya nhẹ nhẹ thở ra làn khói bếp.

“Ta rong chơi giữa đời... ới a... biết đâu nguồn cội...”, từ đâu đó dưới đáy sương nường theo ngọn gió sau chót của trời đêm đang lẳng lẳng già từ bờ sông và đồng cỏ, tiếng hát cất lên, bỗng bay.

Trong cõi lòng ủ ê của linh mục thoáng rợn luồng cảm giác như dòng điện. Ông rùng mình, bàn tay chực đưa lên làm dấu thông rơi. Nhắm mắt lại, ông cúi đầu xuống, khẽ thở dài.

Xa, sau rặng đồi thâm thấp nhấp nhô trên bờ đồng đồng cỏ vùng dương ướt át, mềm mại và tươi hồng đang thâm lặng nhô lên. Từ từ mù xám đục không gian bỗng trong vắt một vùng và cả nửa vòm trời đã ngả màu lơ. Ánh sáng lung linh chảy thành dòng. Cùng với ngày mới tiếng hát dường như lớn lên mãi và tràn rộng ra, vừa sâu trầm vừa vút cao, tự thoát đi trở thành âm thanh vô chủ, ngân lên hoang dã trở thành khúc du ca của thiên nhiên.

Trong làng, bọn nhãi hát với theo Diệu Nương. Người lớn, ai nấy sững sờ.

Bên sông, trong trận địa phòng không bảo vệ ngầm, các pháo thủ đang làm những công việc chuẩn bị cho trận đánh trong ngày bất giác ngừng hết lại. Các trinh sát viên rời mắt khỏi bầu trời, dõi ống nhòm về phía làng.

“... trăng ới mày quá tệ...”

- Kìa! Trông kìa, cô ta đây!

Một người lính kêu lên, đưa tay trở.

Cảnh vật được ông nhòm làm cho xích gần lại. Sau những lùm cây che lấp con đường nhỏ viền quanh làng dường như thấp thoáng bóng người đàn bà đang hát. Trong màn ban mai, ảo mộng và thực tại lẫn lộn, âm thanh và hình ảnh nhòa nhập. Một thân hình thon thả, một dáng đi uyển chuyển. Suối tóc xoắn trên lưng. Song đó có thể chỉ là hư ảnh của bài ca, một ảo giác lồng trong tiếng hát. Một bóng ma. Một bóng ma tha thướt và quyen rũ, mềm mại và sống động, nhưng có thể bỗng chốc tan biến trong huyền bí.

Đứng trên nóc hầm thông tin, đại đội trưởng và chính trị viên chuyện nhau chiếc ống nhòm.

Huyền thoại về Diệu Nương, ca sĩ nguy Sài Gòn bị chiến sự thỉnh thoảng cầm giữ trong vùng Giải phóng, lâu nay là câu chuyện hằng ngày ở pháo đội này. Trí tưởng tượng của từng người làm giàu thêm những chi tiết hoang đường.

- Rong chơi! - Chính trị viên buông ống nhòm, nhăn mặt - Không bắt cái đồ đi ấy cầm miệng lại, cả đại đội sẽ bị nó hớp hồn. Rồi sẽ khôi phục đám đầu theo nó mà rong chơi.

- Nhưng làm sao cầm hát được? Đại đội trưởng nhún vai.

- Cầm! Vì là nhạc vàng, là phản chiến, là nguy ca!

- Đây là Trịnh Công Sơn.

- Cũng thế thôi. Mà sao cứ đúng giờ này là nó nỉ non, hay nó làm ám hiệu? Hay nó muốn rủ rê lính mình bỏ trận địa xuống ngủ với nó cho sinh bệnh mất sức chiến đấu, hả? Có phải nó toan thế không?

- Nhưng cô ta hát mới hay làm sao. Thật là một giọng hát tiên cô...

Ở bên kia sông, một toán bộ binh đang lội qua vàm cỏ tranh. Ánh kim loại lấp lánh. Người đi sau cùng dừng lại, ngoái nhìn về làng Diêm.

Mặt sông A Rang màu lam đang bốc hơi nghi ngút. Gió sang sông mang theo tiếng hát. Cơ thể người lính đón nhận tiếng hát với cái rung mình. Giai điệu bài ca như đục khẽ vào tim anh. Trong treo và sáng rõ như được tắm gội trong khí mát ban mai, nhưng càng lan xa bài ca càng rung lên nỗi buồn, một nỗi buồn sâu thẳm, cao vợi và rộng lớn vô biên, dường như tiếng hát ấy chính là nỗi niềm của thảo nguyên. Thảo nguyên tự do, mệnh mông vô tận, chạy hút về phương trời xa xăm, không biết đến các tuyến tiền duyên, không màng gì tới chết chóc, trận mạc, bom pháo, giết chóc.

Buồn thay khúc du ca lạc loài. Nỗi sầu thương hồ hải.

* * *

Mặc dù người ta đồn thổi, người ta thêu dệt, đời Diệu Nương vẫn hoàn toàn là bí ẩn. Thiên hạ chỉ chắc chắn rằng Diệu Nương lưu lạc đến vùng sông A Rang này vào mùa hè năm 72, sau ngày quân Giải phóng tấn công và quân Sài Gòn tháo chạy, còn trước đó cô là ai, từ đâu cô phiêu bạt tới, tên thật của cô thế nào thì chẳng mấy người biết, mà những người xưng là có biết thì lại mỗi người kể mỗi phách. Ngay chính Diệu Nương hình như cũng không hề hay biết gì nữa về mình. Đời cô, cô dường đã quên cả.

- Nghe nói khi dạt về đến đây cô ta chẳng còn lấy một manh vải che thân.

Tôi cũng nghe nói vậy. Song, vào “Mùa hè đỏ lửa” thì có riêng gì cô ta mới ra thân tàn ma dại, tôi nghĩ. Cũng như cỏ cây, số phận con người mà bị khói lửa chiến tranh ngốn thì chỉ thoáng chốc thôi là thành tro than.

Năm 72, chiến sự rừng rợn giết hàng đông người. Người chết, chết ngã rạ dọc các ngã đường, la liệt trên các nội cỏ và nội lênh phênh trên mặt sông. Người còn sống sống ngắc ngoải, dờ sống dờ chết. Tứ phương tan tác. Cả đến thiên nhiên cũng như thể bị hóa kiếp. Cảnh làng biến tướng.

Thực ra thì không làm gì còn làng nữa. Ngày trước làng ồn ào nhộn nhịp, nửa làng nửa phố, nhà cửa san sát, trù phú, thịnh đạt. Cách thị xã chỉ mười cây số đường chim bay, làng được quân Mỹ gìn giữ.

Đàn ông trong làng đi lính hưởng lương. Đàn bà chạy chợ. Cả làng ngoan đạo. Bây giờ thì bao nhiêu sự giàu có thời Mỹ-ngụy đều rữa nát và mục thối ra dưới những đồng hoang tàn.

Ngày ngày làng rơi vào tầm đại bác từ thị xã rút về, và ngày ngày hàng đàn phi cơ tràn tới, hoặc cắn đuôi nhau thả bom hoặc bay bằng trút bom xuống làng, xuống hai bờ sông, xuống đồng cỏ. Cây cầu sắt bắc qua sông A Rang bị đánh sập. Công binh vận đá về lấp ngàm, bom pháo càng thêm ác liệt. Đất trời nghiêng ngửa.

Giữa năm 73, tiểu đoàn 17 pháo cao xạ được điều về giữ ngàm A Rang. Ba đại đội pháo 37 ly chốt hai bên bờ sông, tạo thế chân kiềng quần nhau với không lực Sài Gòn. Đại đội tôi bám chân ngay kề làng Diêm.

Một cái làng cô hồn. Cỏ dại, gai góc, lùm bụi, những đồng gạch vụn, ngói nát, rầm gậy ngổn ngang. Rải rác, xiêu vẹo, những túp những nửa lều nửa hầm mọc ngói lên trên nền đồ nát. Từ những đồng hoang tàn bấy chớ trong làng bươi ra đủ thứ nát bét của đời sông một thời đã sụp đổ: những mớ nhàu bầy, rách bươm và sặc sỡ váy áo, mũ mao, đồ da, đồ nhựa, những mảnh vụn đồ gỗ, đồ thủy tinh, vật dụng gia đình... cùng những khúc xương xẩu người và gia súc mà đàn chó xâu xé, giăng giật của nhau, tha đi, chuyển cho nhau như đánh khăng.

Dân cư của làng thưa vắng và suy tàn, đầy rẫy những nhân vật hoang dại. Đàn ông còn lại chẳng bao nhiêu mà đa phần lại là những phế binh đã hết thời được ngó ngang chăm sóc, què cụt, đui mù, bẹp dí. Hầu như chỉ thấy đàn bà và trẻ con ló mặt khỏi nhà. Những mẹ vợ lính lạc chồng, những ả góa rách rưới, rạc rai, không lai lịch và bấy trẻ ranh ốm đói trần truồng, bụng ỏng, gầy gò xương.

Phần đông vốn không phải người làng Diêm. Mùa hè năm 72 từ nhiều thị trấn, làng mạc, khu gia binh họ nhập vào dòng thác chạy loạn đổ xô theo đường 14 dón về thị xã. Đụng phải xe tăng Giải phóng, biến người bị nén lại ở làng Diêm. Tại đây, vào lúc nửa đêm đã diễn ra một cuộc thảm sát.

Người ta kể lại rằng đêm ấy, nghe tiếng động cơ của một chiếc Dakota lượn ì ì trên bầu trời đồng cỏ, đám dân chạy loạn đã đốt lên cả ngàn ngọn đuốc. Một cây thánh giá không lồ đã được vẽ ra bằng lửa trên quảng trường trước nhà thờ. Trong đêm tối, người ta hò hét, kêu gào vây gọi con tàu Nô-ê trên lưng chừng trời. Không ai nghe thấy những loạt đề pa, không ai nhìn thấy những nhòang lửa đầu nòng chớp lên giăng giật ở chân trời. Sau cả giờ chết chìm trong pháo bầy cấp tập, lại tiếp tục những lượt người tạn xương nát thịt dưới trận mưa bom kéo rền rền tới tận sáng. Trong nhúm người may mắn còn được sống có lần Diệu Nương.

Bọn họ trở thành người làng Diêm từ đấy. Từ đấy tất cả bắt đầu cuộc đời đời bắt buộc. Tất cả đều phải cam chịu sống đời gian khổ, ăn đói mặc rách, đổ mồ hôi trên nương sản rẫy lúa tự cày cuộc nuôi thân. Tất cả đều phải sớm biết thụ mình vào khuôn khổ kỷ cương của chính quyền mới. Những kẻ cứng đầu, những tên to mồm đều bị thẳng thùng trấn áp. Nhiều tên bị bắn, nhiều kẻ bị bắt.

Diệu Nương cũng đã một lần bị du kích tổng giam. Họ nhốt cô ba ngày trong xà lim hầm đất vì tội nhiều lần hát những khúc ca ngụy. Được thả, cô vẫn chẳng chừa, vẫn buông thả không khuôn phép, tự do lãng đãng sống tách khỏi cộng đồng, và sáng sáng chiều chiều cô vẫn cứ hát, giọng ca huyền hoặc quỉ ám. Người ta đồn rằng đêm đêm cánh đàn ông vẫn mò mẫm tới túp lều nát của cô ở ven sông. Họ gõ cộc cộc vào cánh cửa gỗ dán hoặc cào sột sột vào vách liếp. Họ thu trong tay họ người thì phong lương khô hoặc túi gạo sấy, người thì hộp thịt, bao thuốc lá hay miếng vải, hay là kim chỉ, gương lược, diêm muối, đủ thứ để đổi lấy một thứ. Chẳng có bằng chứng nào, song tiếng tăm điên rồ và vô liêm xỉ của Diệu Nương vẫn xam xỉ lan rộng. Có thể vì thế mà nhiều người bảo rằng ngày trước Diệu Nương là gái bán bar trong căn cứ Mỹ, thậm tệ hơn người ta còn bảo cô vốn là một con “thiên nga”, đại khái là đồ dĩ rác. Hư thực ra sao chẳng ai quả quyết, bởi vì còn những lời đồn đại hoàn toàn khác, những thuyết khác hẳn về nguồn gốc của Diệu Nương.

Nhiều người nói rằng thuở trước cô là một danh ca Sài Gòn. Ban nhạc của cô nhận lời lên biểu diễn cho một đơn vị biệt động quân đồn trú tại Tân Trán. Suốt diễn cuối cùng rồi thay lại trùng với giờ N mở màn Mùa hè đỏ lửa. Xe tăng và bộ binh Bắc Việt tràn ngập Tân Trán, tuyến phòng thủ vỡ, quân lính bị giết, ban nhạc tan tác. Diệu Nương theo dòng người chạy về tới làng Diêm thì cùng đường. Áo xông lộng lẫy của nữ danh ca đã thành tã trong cuộc tháo chạy ngang qua đồng cỏ ngút lửa. Đêm đến, trong hỏa ngục rừng rợn của cuộc tàn sát, Diệu Nương bị vùi dưới núi xác chết chất trên sân nhà thờ.

Hơn một ngày thở bằng hơi thở của các tử thi rồi cô mới được moi ra, trần truồng, bê bết máu đặc. Và bởi chân thương tinh thần do nỗi kinh hoàng đêm ấy mà Diệu Nương trở nên điên dại, người ta bảo thế. Lúc điên ngâm ngâm, lúc lập lùng điên, lang thang, vật vờ, nửa mộng du, lúc bột phát quay cuồng, mất trí.

Từ đây, mặc dù được giải phóng nhưng đời cô mai một. Bàn tay cô quá mềm, da quá mỏng không cầm rựa phát cây được, không nhấc nổi cuốc để cuốc đất, nên thân cô không được trui rèn, không tự cải tạo nổi bằng tăng gia sản xuất. Sắc đẹp của cô chỉ nhấn mạnh thêm lên vẻ lạc loài. Giọng hát của cô chẳng hữu ích cho ai trong thời buổi nghiệt ngã cam go, nay sống mai chết, nhọc nhằn và túng đói.

Tuy nhiên, ngày ngày, vào những ban mai và những hoàng hôn, bản năng xướng ca vẫn thúc bách Diệu Nương cất tiếng hát. Giọng ca tuyệt vời song thẳng thốt như làn gió đại lướt xiên đồng cỏ trong ánh nhá nhem buồn thảm của mỗi ngày. Trọng lời ca của Diệu Nương đau thắt nỗi nhớ quê nhà, nhớ đời nghệ sĩ, nhớ sân diễn, nhớ khán giả, sắc đẹp và tuổi thanh xuân mà nay tất cả đã rời bỏ cô, đã xa lắc xa lơ ở bờ bên kia không thể vượt qua được của chiến tuyến.

“... nhưng ôi, chúng ta, chính chúng ta đây.

một thời chúng ta cũng có.

một quê hương và một mối tình...”

Ở làng Diêm bây giờ vẫn còn có người nhầm lại được giai điệu và lời của bài hát buồn vô hạn ấy mà một buổi xế chiều xa xưa nọ Diệu Nương đã lần đầu hát lên. Chiều ấy, lúc xế tà, bộ đội đóng tù binh qua làng. Hàng trăm lính áo rằn bị trời thành cặp, lầm lũi lê bước. Những lính áp giải đầu súng gấn lê, gay gắt, lạnh lùng lửa thúc đoàn tù đi mau qua khỏi khu vực dân cư.

Hai bên đường sau các ngưỡng cửa thấp lè tè lấp ló những khuôn mặt sợ sệt, bồn chồn. Dân làng mong tìm kiếm người thân trong đám tù binh nhưng chẳng ai dám mon men ra đứng ở vệ đường.

Chợt sau rặng cây phía cuối làng thấp thoáng bóng một người. Ấy là Diệu Nương, và giờ đây, giờ tận chiều của mỗi ngày cũng là giờ xuất thân của cô.

Môi mấp má, mắt nhìn chăm chăm, Diệu Nương rẽ đám cành lá, đi theo đoàn tù. Những người đàn ông lưng còng đang lê bước không để ý tới cô. Trong bóng chiều chạng vạng mặt mày họ tối om như mặt đất.

Bỗng người ta nghe thấy những âm thanh như tiếng ai khẽ nức nở. Diệu Nương lấy giọng yếu ớt và vấp vấp hát lên một khúc ca hầu như chưa từng ai nghe thấy trên đời. Tiếng hát nhỏ, giai điệu u tối và không rõ lời.

Như ghen ngào, Diệu Nương ngừng lại lấy hơi rồi lại hát tiếp. Ở giữa khối tù một người chợt cất cao giọng. Rồi một người khác nối theo. Rồi nhiều người. Giọng hát của Diệu Nương như lướt một cái hôn dài trên môi tất cả. Đoàn tù biến thành dàn đồng ca. Những giọng đàn ông chung nhau một bè trầm át tiếng chân bước. Đội áp giải không bắt tù phải im miệng. Những ngọn lê chúc cả xuống.

Dân làng ra hết hai bên đường. Họ lặng lẽ đứng chôn chân nhìn theo đám rước đang khuất dần trong vàng bụi bốc lên trên cọn đường tù đầy vô định xuyên qua thảo nguyên bát ngát. Bài ca của Diệu Nương và của những chiến binh xấu số vang lên trong thinh không lúc ấy đã tràn đầy bóng tối.

“Trong cuộc huynh đệ tương tàn.

Chúng ta chỉ là con sâu cái kiến.

Nhưng ôi, chúng ta, chính chúng ta đây.

Một thời chúng ta cũng có.

Một quê hương và một mối tình...”

* * *

Giờ đây, Diệu Nương đã chết. Trên đồng cỏ, giữa vô vàn gò đồng, nắm đất nào là nắm đất của Diệu Nương, ai là người có thể chỉ ra được?

Và cả năm mồ của người bị bắn chết cùng cô nữa, thất lạc nơi đâu trong đất trong cỏ?

Cuộc sống triền miên trôi chảy. Cuộc sống không hề có trí nhớ. Những lớp lá rụng, những lượt thời gian. Đất cát. Cỏ cây. Mùa mưa. Mùa khô. Năm này tập lên năm khác.

Ngôi nhà thờ của làng Diêm cuối cùng rồi cũng bị máy bay triệt hạ. Cỏ dại chôn vùi các bức tường đổ, nuốt dần các bậc thềm. Sáng sáng tiếng quạ kêu trong thánh đường hoang tàn gợi người ta nhớ tới vị linh mục. Ông ta đã bỏ làng ra đi, chẳng ai biết là đi đâu...

Bên sông trận địa pháo cao xạ chỉ còn chơ vơ những công sự hình móng ngựa đã sứt lở. Đây đó vài hố bom địa hoác miêng. Những hố bom bi, bom phạt quang và hố đạn pháo thì thời gian đã san bằng. Và cái lối nhỏ ngày xưa đánh pháo đội với làng Diêm nay chỉ lờ mờ một vết trắng trắng uộn lượn lờ khuất dọc bờ sông um tùm lau lách. Lính tráng đi xa chắc vẫn chưa quên con đường mòn ấy. Trên lối ấy, hồi đó, ngày hai bận anh nuôi từ trong làng gùi cơm canh ra trận địa. Ban đêm, nhất là những đêm tối trời, cũng lối ấy lính các khẩu đội tụt tạt mò vào làng “dân vận”. Thoảng bóng cán bộ đại đội hay là tuần tra của dự kích, những kẻ xé rào đi ăn sương lằng lằng né ngang xuống mép sông, thu mình trong bãi lau. Văng vẳng tiếng cuộc kêu phía đầu làng. Hơi ẩm màn đêm ướt lạnh vai áo. Cảm lòng không đầu.

Hồi ấy, lệnh trên gần như cấm tiệt bộ đội không được tiếp xúc với đám dân còn chưa được giác ngộ, còn nửa ngụy của vùng mới giải phóng. Không có nhiệm vụ tuyệt đối không được lảng cháng vào làng. Không kỵ như vậy thật kỳ quặc, nhưng quân lệnh như sơn, lơ mơ bị bắt quả tang đang vi phạm thì tha hồ mà kiểm thảo lên kiểm thảo xuống, rồi kỷ luật đảng kỷ luật đoàn đủ vành đủ về tai vạ chuốc vào thân. Mặc dù vậy, lính gần dân lửa gần rơm.

Dẫu không phải là tình cá nước, nhưng thời gian trôi qua quan hệ vùng trộm giữa các khẩu đội pháo với những túp lều nát trong làng đã thâm lén in lên mặt cỏ một lối mòn. Ban ngày, trừ tổ anh nuôi không ai lai vãng trên lối đi ấy, nhưng đêm xuống đó là đường ân tình. Có lẽ tới bây giờ trong mỗi túp lều còn có thể gom lại hàng mớ kỷ vật và ở trong lòng mỗi người dân thì còn vương nhiều kỷ niệm về các tay lính pháo thủ cao xạ Bắc Việt ngày ấy. Người ta bảo rằng trong quan hệ quân dân khuất tất hồi ấy đã lén lút sinh ra không ít niềm quyến luyến, gồm cả những mối tình, cho dù hầu hết chỉ thoáng qua, vội vã, chợt nhen chợt tắt, từ mù, chẳng dẫn tới gì, chẳng đi tới đâu, nhưng vẫn là tình.

Hồi ấy niềm ước ao hạng nhất của lính pháo thủ là được vào làm phụ bếp cho anh nuôi trưởng Cù. Cả đại đội chỉ mỗi Cù chốt hẳn trong làng, còn hai phụ bếp thì phải luân phiên, mỗi tháng thay một lần.

Chẳng hiểu là tới bây giờ hai cái lán nửa nền âm, một nhà kho, một nhà bếp, được cất lên ngay cạnh khuôn viên nhà thờ có còn dấu tích gì không. Hồi đó, Cù nhắm vuông đất bên nhà chung bởi anh hy vọng đây là tọa độ tương đối ít phải ăn bom. Bất tiện là phải chung giếng nước với ông cha đạo nhưng Cù thích cái giếng ấy, nước của nó trong và ngọt nhất làng. Còn cha cô thì tiêng vậ chứ cũng là người. Mặc dù trẻ tuổi song ông ta rất nghiêm túc, về lễ độ khoan hòa, ứng xử biết điều hơn bất kỳ ai trong đám chúng dân làng Diêm. Cù không ưa gì họ. Rất một phường vô dụng. Sống giữa đồng cỏ, đất đai vô thiên song vì là thứ dân tứ chiếng, một hạng nông dân miền cường, họ không thiết làm lưng để cõ cái ăn mà chỉ toàn xoay xở đắp đôi qua ngày. Có lẽ bọn họ đã quá quen với viện trợ Mỹ, quá quen nằm ngửa ăn sẵn, nên giờ đây lòng họ chỉ canh cánh hoài tiếc thuở vàng son đi lính và làm dĩ cho Mỹ cho ngụy, Cù nghĩ. Có lẽ bọn họ đều ngấm ngấm một lòng với địch, ngấm ngấm ngóng đợi một thời cơ, sau cái vẻ bề ngoài nhẵn nhụi và cam chịu mà Cù thấy là đê tiện.

Và nhất là bọn đàn bà. Cù không hiểu nổi can cơ làm sao mà đồng đội của anh nhiều tay lại để cho chúng hợp hôn dễ dàng như vậy. Cả đại đội, năm chục thằng, bao nhiêu năm tút hút trong rừng sâu với nhau chẳng thành vắn đề gì, nhưng vừa kéo nhau ra nơi trời đất quang quẻ, có sông, có làng, có tháp thoảng bóng đàn bà là có chuyện. Mà nào phải là người phụ nữ hiền thực, trung hậu, đảm đang nơi quê xa ngoài Bắc hay các chị em giàu truyền thống cách mạng trong vùng hậu cứ. Cả làng, Cù nghĩ, rất một lũ vi trùng giống cái.

“Vi trùng giống cái truyền bệnh tiêm la, giang mai...”, chí ít thì đấy cũng là cái cách anh thường nói để răn đe các tay phụ bếp.

Không phải bất cứ gã nào ngoài trận địa Cù cũng nhận vào tổ anh nuôi. Những tay nom tốt mã,

những tay bẻm mép, láu lỉnh, lăm tài vật, dễ lén phéng là Cù gạt ngay. Có tay nom bề ngoài củ mĩ củ mì nhưng phụ bếp mới quá một ngày đã bị Cù tông khứ về với mâm chảo vì hóa ra là một thằng tâm ngầm tâm ngầm.

“Đã là thằng anh nuôi ngày ngày thường xuyên với gạo nước rau mắm của đơn vị - Cù bảo - thì hai bàn tay phải tinh khiết, cấm đụng chạm tới những sự uế tạp, dơ dáy, nhất là cấm kỵ không có được vọc vào đàn bà.”

Dân làng cũng sợ Cù. Chẳng ai dám mơn men tới gần giếng gần bếp của anh. Dầu có bắt quen được với tay phụ bếp nào, muốn xin xỏ hay đòi chác gì thì cũng phải đợi lúc Cù gùi cơm ra trận địa mới hòng.

Ngày hai lần, tinh mơ và chiều tà, để một người coi nhà, còn Cù cùng một anh nuôi viên nữa mang bữa ăn ra cho các khẩu đội pháo. Con Ních, một con chó săn nòi Lào nhỏ vóc và nhanh nhẹn, thính mũi cực kỳ chạy mở đường. Họ đi trên đường 14 một đoạn ngắn rồi rẽ xuống, lỏ đi lượn vòng vào trong làng qua các túp lều nghèo nàn bệ rạc tường đất mái tôn. Họ đi, người hơi đổ về phía trước, hai bàn tay vòng sau chấp lại đỡ lấy đáy gùi. Hai cái gùi to như hai cái thùng phuy, bọc bao tải, tỏa hơi nóng và mùi cơm chín tới, mùi thức ăn lính.

Bầy chó trong làng thoáng bóng con Ních, chạy dạt. Đói meo, chúng núp sau các đồng đồ nát, nhìn ra mà không dám sủa. Chỉ có mấy thằng bé rách rưới bị mùi cơm canh nóng sốt quyết rũ là lẳng nhặng bám theo hai cái gùi.

- Bác anh nuôi ơi, bác anh nuôi... - Chúng kêu lên khàn khàn như đàn quạ.

- Bọn ngụy con, cút xéo! - Cù quát.

Nhưng nếu có ông lão nào gan lý theo được tới cuối làng thì Cù dừng bước, vẫy nó lại. Anh móc trong bị còi đeo bên hông ra một củ sắn nướng hoặc bắp ngô luộc, có hôm cả một con cá khô. Anh bảo:

- Đó, cho mày. Có vậy thôi. Cơm canh bộ đội có chó gì. Sắn cống gạo. Tàu bay chậm muối riêng. Ông cách mạng đời chúng mày được giải phóng, nhưng phải biết chịu khổ. Phải biết cuộc cày mà nuôi lấy nhậu, về bảo mẹ chúng mày thế. Đừng có ưỡn ưỡn ra trên giường mà chờ sung. Cách mạng còn dài. Đền hết đời chúng tao. Hết cả đời chúng mày...

Nghe nói đến tận bây giờ người ta vẫn thấy con Ních đi và về trên con đường ấy. Nó lẩn ra bờ sông, ngửi hít những cái vỏ đạn 37 ly đã rỉ xanh, rồi leo lên một cái hầm pháo cao xạ ngấp trong cỏ tranh, nó chờ dẫn ngó làn nước trôi. “Bác anh nuôi ơi, bác anh nuôi!”, một trong những thằng bé hồi ấy giờ đã lớn quen miệng cất tiếng gọi khi trông thấy con chó già cô độc bị bỏ rơi đang đi trên đường thui thui. Đường như thằng bé còn nom thấy đằng sau con chó hình bóng hai người lính cấp dưỡng đang công trên lưng hai chiếc gùi.

Con chó bị riết vào lổ mòn xưa. Và bao giờ nó cũng qua làng vào thời điểm thấp nhất của mặt trời: khi ban mai, khi hoàng hôn. Không gì có thể làm xao nhãng cuộc mộng du ấy. Không ai dám đụng tới con vật đó.

- Chính là nó đã giết chết Diệu Nương.

Những người mang máng biết chuyện bảo thế. Nhưng những người không hề hay biết gì về tấn thảm kịch cũng sờ sờ con chó, họ mơ hồ cảm thấy trong cuộc dạo chơi buồn thảm nhịp nhàng, lặp đi lặp lại của nó một vẻ mù quáng và điên dại đặc biệt con người.

* * *

Lần ấy, đến hẹn, khẩu đội 3 và khẩu đội 4 cử người vào làm anh nuôi thay cho Bình khẩu đội 1 và Tuấn khẩu đội 2 đã hết phen. Nhưng trái lệ thường, Cù chỉ thay Bình còn giữ lại Tuấn. “Thằng Tuấn thạo việc rồi, với lại nó rất chịu thương chịu khó, có thể kế cận cho tôi làm anh nuôi trưởng cũng được”, Cù giải thích thế với chỉ huy đại đội.

Tuấn vốn gốc gác bộ binh. Bị thương nặng, đáng lý được ra Bắc rồi nhưng nghe động viên thế nào đó đã tình nguyện ở lại chiến trường. Người ta không điều Tuấn về lại đơn vị cũ mà bổ sung sang tiểu

đoàn cao xạ. Anh về đại đội tôi mới được nửa năm, giữ chân pháo thủ số 3 ở khẩu đội 2.

Vóc người anh cao, ốm yếu, võ vàng, cổ lộ hầu, một vết sẹo dữ dội do đạn bắn thẳng cày chéo từ mang tai xuống cằm. Miệng anh vì thế méo đi, cho anh cái biệt danh là Tuấn “méo”. Mặc dù là dân Kinh Bắc nhưng Tuấn làm lý, nói ít lạ lúng và nói miễn cưỡng. Giữa một đám pháo thủ luôn ăn to nói lớn, thích tán dóc đầu lạo, Tuấn âm thầm nín thinh, chẳng góp chuyện, chẳng bật cười, chẳng bao giờ tức khí nổi xung. Tuyệt đối thờ ơ lãnh đạm. Một nhà quý tộc hay một gã chán đời?

Tuấn đứng vững với những cú bổ nhào trực tiếp lao cắm mặt xuống cất bom của máy bay cường kích. Bom nổ xa, nổ gần, rocket nã trúng bờ công sự, Tuấn kệ. Song cái thứ tính khí lạnh nhạt, bàng quan với tất cả thấy ấy lại có vẻ hết sức thích hợp để làm pháo thủ số 3. Giữa cuộc hỗn chiến đất trời không, số 3 chân chính là người không hề để mắt tới máy bay, tới bom, tới đường đạn bắn lên trúng hay trượt, mà hoàn toàn ung dung tự tại, anh ta chỉ một nhiệm vụ là điềm nhiên bình thản quay tay quay điều chỉnh cự ly bắn đón cho pháo theo nhịp đếm của trắc thủ đo xa.

- Đánh nhau kiểu cao xạ sao mà tẻ - Có lần Tuấn ra lời bình phẩm như thế với tôi - Đánh trận mà như là đánh máy chữ. Chẳng có kịch tính gì, khác xa bộ binh.

- Tại cậu đứng mãi số 3 nên thấy thế đấy - Tôi bảo - Nếu muốn thì đề nghị khẩu đội trưởng cho hoán vị, tớ đứng số 3, cậu ngồi ghế số 2 của tớ mà đạn cò.

- À không. Là nói thế. Chứ bảo mình thế nào thì mình thế nấy. Chả xin gì chả ước gì. Thế tuốt!

- Chán đánh nhau sao không ra Bắc, lại ở lại?

Tuấn nhún vai.

- Hay thất tình? Chắc hay tin vợ ở nhà ngủ với dân quân chứ gì?

Tuấn “à” một tiếng rồi lại ngậm tăm. Miệng méo xệch.

Thực ra Tuấn vợ con chưa, ai mà biết. Cả chính trị viên cũng không nắm được gì nhiều về Tuấn ngoài mấy dòng trong lý lịch quân nhân. Tuấn chẳng tâm tình, chẳng thiết thổ lộ. Chẳng bao giờ thấy anh viết thư hay được thư. Họa hành, anh ngồi im. Cùng lắm là ậm ừ.

Ngoài cái nét kín bưng nổi bật ấy, Tuấn có nét nổi bật nữa là tài chơi đàn. Khác với lối chơi ghi ta thường thấy của lính, Tuấn không vừa đàn vừa dậm chân rung đùi, không lúc lắc vai, không vừa đàn vừa huýt sáo hay là ư ử trong họng, anh đàn một cách thần thờ, chẳng phải để cho ai nghe, cũng chẳng phải cho mình.

- Cậu chơi bài gì nghe lạ vậy Tuấn?

Tuấn lại chỉ “à” khẽ một tiếng.

Vào làm anh nuôi, Tuấn cũng xách ghi ta theo. Một cây đàn cũ kỹ, thùng đàn xây xát, nhưng mà tiếng rất tốt. Nghe nói Tuấn đã tha theo cây đàn này vào bộ đội và mọi người đều lấy làm lạ không hiểu bằng cách nào mà anh vẫn giữ được nó qua bao nhiêu là chặng của đời lính.

Vào làng buổi sáng, chiều Tuấn đã cùng Cù đưa cơm ra trận địa. Gùi canh môn thực tổ bỏ bốc khói trên lưng.

- Vắt vả không Tuấn?

- Cũng vắt.

- Bọn đàn bà làng Diêm thế nào, giàu kịch tính không?

- À.

Tuấn hờ hững. Bảo ở pháo thì ở, bảo vào làm anh nuôi thì vào, anh chẳng sốt sắng cũng chẳng thoái thác. Im lìm nguội lạnh, chẳng nói chẳng rằng, song anh làm việc hết mình, không hề nề hà ngại khó, chẳng bao giờ kêu ca.

Lúc đầu Cù không thích Tuấn, anh bực với cái lối âm thầm ngậm tăm ấy, nhưng rồi cũng đâm quen. Trầm tính không phải là một cái phốt, vả lại làm anh nuôi thì cả ngày đầu tắt mặt tối, túi bụi, tất bật,

luôn chân luôn tay còn đầu thời gian hờ ra mà chuyển vẫn.

Chỉ có một khoảng ngắn ngủi về khuya, khi một ngày cơm nước cho đơn vị đã chu toàn, ba chàng cấp dưỡng mới được tắm tấp, nghỉ ngơi, tranh thủ trao đổi với nhau đôi lời trước khi một nhọc rừ người xuống võng. Cù lồi rượu ra. Mỗi thằng nhấp một chén và nghe Cù cắt cử phân việc phải làm ngày mai. Hôm nào được chút thanh thoi, Cù và Bình đánh bài, còn Tuấn thì gỡ cây đàn treo trên vách xuống, chậm chậm so dây rồi nhẹ nhẹ phác một giai điệu.

Bấy giờ, khoảng đầu tháng Năm ta, đêm thường mưa. Ngoài sông A Rang nước lên, con lũ chuyển mùa âm vang đồng cỏ. Trên mây sấm lặn rền rền.

Bình huyết sáo nhịp theo khúc nhạc. Cù buông bài, quay sang lắng lẽ nghe Tuấn đàn. Âm điệu quá quen thuộc mỗi sáng mỗi chiều. “Ta rong chơi giữa đời biết đâu nguồn cội”.

Ngoài trời miên man mưa, không khí trong lán ẩm ướt. Quầng sáng đèn dầu vàng ửng. Đời lính buồn rầu hiu hắt. Như tiếng thở dài.

* * *

Bếp anh nuôi của pháo đội cao xạ và căn nhà của linh mục nhìn sang nhau qua một vườn rau. Hai bên dùng chung cái giếng xây và cùng đi một lối để vào làng.

Nhà của linh mục cũng nền âm, lại thêm bốn ụ đất chống mảnh bom bao quanh nên tựa tựa một cái hang. Trong tu phòng chẳng có đồ đạc gì. Một chiếc chõng tre với nệm rơm và gối gỗ, một cái kệ để sách và ảnh thánh. Bên ngoài cửa ra vào treo một cái giá, hàng sáng con chiên trong làng đưa cơm tới để lên giá đó cho linh mục. Mỗi ngày ông ra khỏi tu phòng đôi ba lần và hầu như chưa hề đi đâu vượt ra ngoài khuôn viên nhà thờ. Ông sống thu mình kín đáo trong vòng chí thánh.

Bỗng dưng ông rời bỏ nhà thờ, rời bỏ làng Diêm, lặn mất tăm. Ngày ông biệt tích trùng với ngày Diệu Nương bị giết. Lập tức sinh ra những lời đồn thổi. Tất nhiên chẳng có bằng cớ gì. Có điều từ đây trong hầu hết các câu chuyện và các giả thiết về đời Diệu Nương người ta đều thấy thấp thoáng bóng cái áo chùng thâm.

Bản thân linh mục cũng là một số phận xui xẻo. Tai họa đến với ông cũng bất ngờ, na ná tai họa dành cho Diệu Nương. Nhằm đúng hôm ông lĩnh mệnh bệ trên về nhà thờ làng Diêm cai quản xứ đạo thì Việt Cộng dùng dùng đánh lớn. Chiếc xe đồ đưa ông từ thị xã về làng chưa kịp vào bến đỗ đã nghe súng nổ rạn dọc bờ A Rang. Pháo 130 ly cấp tập nã và xe tăng T54 xuất hiện thành linh trên đường 14 tàn nhẫn cắt lối chạy lui. Hành khách đổ xuống xe xô nhau chạy và đám đông con chiên đang tề tựu để mừng đón cha xứ cũng lập tức nháo nhào tan tác.

Người ta bảo rằng đúng vào cái đêm khủng khiếp, đêm bọn Mỹ dập pháo và dội bom xuống biển người di tản, tình cờ Diệu Nương nằm kề bên linh mục. Chính ông đã moi cô ta ra khỏi núi xác chết. Và mặc dù khi ấy Diệu Nương chỉ còn là một cái xác lỏa lồ, bê bết máu me, ông đã làm cô hồi tỉnh, đã cứu sống cô. Ông cư mang cô từ đây.

Diệu Nương sống nhiều tháng trong nhà thờ, kề cận cha xứ, y như thể cô là một ma-xơ hay là một người bồ, một người bồ đàn bà. Sống như thế tất nhiên là trái lẽ song giữa hỗn mang đại loạn của thời cuộc lúc bấy giờ thì chẳng điều răn nào là còn hiệu lực, chẳng lẽ luật nào mà không bị nói lỏng.

Về sau, khi đã bỏ ra sống ở túp lều ngoài rìa làng, Diệu Nương vẫn thường lên về nhà thờ với cha. Để xưng tội, chắc thế nếu cô là giáo dân, và tiếp tế cho cha bằng những tặng phẩm mà hàng đêm người này người khác vẫn lén lút đưa tới dầm dúi biểu xén cô. Ấy là những thức họ san sẻ ra từ khẩu phần lính mỗi ngày, hoặc là những đồ nhu yếu họ quơ được khi thu chiến lợi phẩm. Diệu Nương nhận quà cáp và ngủ với tất cả, khi thì ở trong lều, khi ở ngoài bờ sông trên bãi cỏ dưới trăng mờ.

Cô là đồ dĩ rác, song từ bao giờ cô đâm ra thế, cô không nhớ mà mọi người cũng vậy, không nhớ không biết. Không lẽ từ ngày được giải phóng, được đôi đời, cô trở thành đôi bại?

Rất có thể bản tính Diệu Nương hư hỏng sẵn rồi.

Chẳng vậy mà thiên hạ đồn cô gốc gác “thiên nga”? Ngủ với cô rồi, giữa hai châu rượu nhiều kẻ kháo nhau về cô, bảo cô là cái ổ của những tật bệnh xấu xa.

Riêng tôi, mà có lẽ chẳng riêng tôi, không coi nét lang chạ của Diệu Nương là hư đồn hay đòi bại gì sất. Đến với Diệu Nương tôi đã được hưởng những phút chưa từng được hưởng bao giờ ở quê nhà ngoài kia.

Nhiều năm qua rồi mà tôi vẫn không muốn quên và thực ra thì cũng không thể nào quên nổi. Bần thần, ký ức tôi mơ màng mộng tưởng ra trước mắt hình bóng của Diệu Nương, khi Diệu Nương một mình đi trên đường vắng, dáng đi mềm mại uyển chuyển đưa toàn thân, hay khi cô thần thờ ngồi lặng bên sông, hay là khi...

Những khi ấy, trái tim rộn ràng kinh hãi, tôi từ ngoài đêm rẽ mạnh chiếu Diệu Nương dùng thay màn cửa, bước vào trong lều tối đen.

- Lại đây, anh lính của em. Đừng sợ. Chỉ có mình em trong này thôi.

Tôi bước tới một bước và bất ngờ chạm vào một cái gì đó tuyệt vời, một cái gì đó nóng hổi, mềm mại, dập dờn, một cái gì đó không thể diễn tả. Và ngay lập tức tôi bị du vào một địa ngục ngọt ngào.

- Bạn tình của em, anh tên là gì? Có phải lần đầu anh tới với em không?

Tâm thân óng ả của Diệu Nương mà đời sống cơ cực vùng giải phóng chưa kịp hủy hoại đượm một vẻ gì thật quá đỗi đàn bà, đàn bà hơn tất cả những người đàn bà khác nhập lại. Không chỉ những cái vuốt ve của cô, không chỉ có những lúc cô xuất thần thác loạn, tận lực nồng nàn âu yếm, cô rên rỉ, cô giở trò, cô im lặng hờn hển mà cả khi đã nguội đi, mệt nhoài bại hoại, ở cô vẫn dào dạt ma lực của tội lỗi đàn bà.

- Anh đã đi à, đã đi rồi sao? - Cô nịu tay tôi - Còn lâu mới sáng. Hãy nán lại một lát đã anh. Em còn muốn ngó với anh điều này. Chỉ một điều này thôi...

Nhưng không mấy ai chịu nán lại. Càng không ai muốn nghe cái điều duy nhất mà Diệu Nương mong được thổ lộ với người bạn tình thoảng chốc. Không ai muốn nghe bởi không ai có thể làm gì cho điều mong ước ấy của cô. Nó quá tội lỗi, quá đáng sợ, lại hão huyền. Có lẽ Diệu Nương tưởng đâu rằng trên đời này vẫn còn sẵn lắm những kẻ điên rồ dám vì tình mà liều mạng và vì tình mà cả gan làm phản.

Nhưng để lần sau lại có thể đến với Diệu Nương, nói chung chẳng ai dại gì làm cô mất hy vọng, người ta cứ hứa, hứa đại. Lời hứa gió bay.

Bởi vì ai cũng vậy cả nên chẳng ai ngờ rằng ấy thế mà vẫn có kẻ giữ chữ tín với Diệu Nương. Y hứa sẽ giúp cô và y đã y lời.

* * *

Về sau, khi sự đã rồi, mới nghe nhiều người bảo rằng thực ra trước đây khi còn ở bộ binh Tuấn đã có nhiều dịp ghé làng Diêm và vì thế đã quen Diệu Nương từ hồi ấy. Hồi ấy cánh cao xạ chúng tôi chưa về lập trận địa ở bờ sông A Rang và Diệu Nương hồi ấy vẫn đang dung thân dưới mái nhà của vị linh mục.

Người ta kể rằng làng Diêm đạo đó đói dài. Một chút ít lương thực được bộ đội cứu trợ cho hội mới giải phóng đã cạn. Chính quyền cách mạng ra lệnh tăng gia tự túc. Cả nhà thờ cũng phải tự liệu lấy kế sinh nhai.

Bởi vì một vị linh mục thì không đời nào lại chịu phận cày cuốc, Diệu Nương phải lo làm lụng cho cả hai. Cô theo những người đàn bà trong làng đi phát nương trồng sắn. Nhưng không quen nhọc nhằn, cầm rựa chặt được một nhát là lại một lát cô cảm cảnh ngồi ồm ồm mặt sứt sùi. Gần trọn một ngày mà đám nương của cô vẫn y nguyên cây cối lùm bụi.

Bấy giờ có một tốp mấy người lính dừng chân mắc võng nghỉ ở ven sông và họ đã chứng kiến cảnh ngộ của Diệu Nương. Thoạt đầu họ cười nhạo, chế giễu và thương hại thay cho cái giống đàn bà gốc nguy chẳng khác chi người giầy, quen thói lười nhác, chỉ biết ăn chơi hưởng lạc, bây giờ đây mới được biết thế nào là mồ hôi nước mắt một kiếp người. Nhưng dần dần tình cảnh khổ sở của Diệu Nương nhói vào lòng những người lính nổi thương cảm. Họ rời võng, đi tới bên cô, họ an ủi và đề nghị được ra tay giúp đỡ cô.

Và vậy là từ đầu tới cuối đêm, mấy chàng bộ đội xoay tròn đôn cây cho nhà chung. Họ phát quang cả một vạt rừng. Lúc từ giã, một người trong tập bộ đội xưng tên là Tuấn. Anh hứa dăm hôm nữa sẽ trở lại giúp Diệu Nương đốt rẫy. Và anh đã giữ lời.

Rẫy của Diệu Nương được đốt gọn và sạch nhất làng, cháy đều, khốn gót một thân cây nào cháy dở dang. Chia tay, Tuấn lại hẹn ngày về cùng Diệu Nương vui hom sân.

Con mưa đầu mùa, sắn lên xanh non và chẳng bao ngày mà lá sắn đã phủ kín rẫy. Quanh rẫy, Tuấn gieo thêm hạt bầu và trên vạt đất phía sau nhà thờ Tuấn giúp Diệu Nương mở một vườn rau.

Và cứ vậy, không hiểu xoay xở cách nào, cách năm ngày, cách mười ngày, từ chốt vùng ranh ven thị xã, Tuấn băng đồng cỏ về làng thăm Diệu Nương.

Cũng thời gian ấy Diệu Nương rời nhà thờ ra ở túp lều mà Tuấn đã dựng cho cô nơi rìa làng. Hình như nhờ có Tuấn, Diệu Nương đã mất đi cái vẻ náo nùng của những ngày mới được giải phóng. Người ta thấy ánh mắt cô long lanh và đôi khi người ta thấy cô mỉm cười.

Có những lần, từ chốt Tuấn lên về với Diệu Nương mang theo cả cây ghi ta. Anh đàn khê cho Diệu Nương thăm thì hát. Hồi ấy cô chỉ hát nho nhỏ thế thôi, nông nản, giữa hai người với nhau.

Chắc là giữa hai người đã có sự thề bồi. Chắc là Diệu Nương đã thổ lộ điều ước nguyện da diết nhất của cô. Cô ước được thoát kiếp sống cày cuốc cực khổ ở chốn gian lao xa lạ này, cô ước được người đáng tin đưa mình vượt qua chiến tuyến trở về với quãng đời êm ấm thân thuộc trước ngày được giải phóng.

Với Tuấn, vượt hơn mười cây số với những bãi mìn, những điểm chốt chặn không phải là điều không thể. Thêm nữa, ấy là những ngày mở đầu Thời Hiệp định, những ngày bỗng dưng đất trời yên lặng. Mùa khô mà vắng bật tiếng máy bay và tuyết nhiên không một phát đại bác.

Say đắm ái tình và bốc đồng hy vọng thái bình, Tuấn đã hứa hẹn. Hứa thật lòng, có lẽ. Chỉ có điều là bỗng nhiên anh biến mất. Năm ngày, rồi hàng tháng trời trôi qua, biệt âm vô tín, Tuấn không trở lại làng Diêm.

Từ đó, lặng lẽ Diệu Nương trở nên ngẩn ngơ và âm thầm cô trở thành sa đọa. Cô chẳng hề nói gì với ai về Tuấn. Hình ảnh của anh và lời hứa của anh có lẽ đã tàn trong tâm trí cô. Duy cô khát vọng tự do thì vẫn sống, vẫn lay lắt. Niềm ao ước cô từng thổ lộ với Tuấn biến thành tiếng hát cất lên dài dài mỗi sáng mỗi chiều. Và đêm đêm Diệu Nương vẫn tìm kiếm những hứa hẹn viên vông, mỗi ngày một viên vông hơn theo đà chiến sự càng ngày càng tàn bạo. Bom đạn tới bởi tàn phá làng Diêm, phủ phàng quét sạch mọi manh nha của hòa bình.

Cho tới một đêm nọ, một đêm mưa, trên đường mò vào nhà thờ với ông cha cố, khi đi tắt qua vườn rau gần lán của những người lính anh nuôi, Diệu Nương chợt nghe thấy vắng vắng tiếng đàn. Lặng lặng cô đi gần tới, ghé nhìn qua các bụi cây. Đèn dầu lập lòe mờ tối. Diệu Nương không trông thấy người đang đàn, nhưng điệu đàn quen thuộc của những đêm xưa giúp cô nhận ra người ấy.

Thất thần, vô tri giác, Diệu Nương từ từ bước tới cửa lán. Bất ngờ, con Ních từ góc lán chồm lên, sủa vang.

- Ai? Cù vùng khỏi vông, chộp lấy súng, hét.

Diệu Nương lùi lại một bước, và khi tiếng đàn trong lán vụt tắt, cô xoay người chạy.

Cù lao ra cửa. Mưa đổ ào ào trước mặt anh.

- Thám báo! - Cù quát - Đứng lại!

Dưới một nhòang chớp bóng Diệu Nương hiện thoáng lên, rũ rượi, xiêu đảo.

- A! Con đi! Đứng lại, tao thì giết!

Cù gào lên, phóng mình ra mưa va trượt chận, anh ngã sấp. Nhổm phất dậy, điên tiết, Cù nâng súng quật cả một tràng theo tiếng chân đang chạy chập chới phía trước. Tuấn xô tới, giật súng.

- Thằng ngu xuẩn! Đồ nông nô!

Tuần gạo, khăn đặc, và mê muội đắm vào mặt anh nuôi trưởng. Anh quăng khẩu AK xuống vũng bùn cạnh Cù rồi lao mình vào mưa đêm đen đặc đuổi theo Diệu Nương. Khấp lảng ran lên keng báo động. Du kích từ nhiều ngả ập tới.

Bình vực Cù vào lán.

- Bọn du kích tới, mày bảo là không có chuyện gì nhá - Cù lấy ống tay áo lau khuôn mặt rờn rờn nước mưa và máu, nhô cái răng cửa bị gãy và khó nhọc bảo với Bình - Nói với chúng là tao mê hoảng bắn bừa... Rồi mày đi tìm xem hai đứa chúng nó ra sao rồi...

Anh thờ dài:

- Mà tại sao con đó nó lại vùng chạy cơ chứ, hả?

Rất lâu sau này, kể lại chuyện đêm ấy, Bình ngậm ngùi bảo với tôi:

- Giá kể con đó nó không dính đạn, hai đứa chúng dắt nhau trốn đi ngay trong đêm ấy thì không chừng đã thoát được rồi cũng nên.

Giờ đây ngẫm lại, tôi thấy trong toàn bộ tấn thảm kịch xảy ra hồi đó Cù là nhân vật không tài nào ai hiểu nổi. Chính anh đã cố tình xả súng bắn Diệu Nương, lại cũng chính anh suốt một thời gian dài đã giúp vào việc chăm sóc cô. Cha xứ chỉ chịu hể cửa tu phòng cho một mình Cù. Bông băng, thuốc men, đồ ăn, ông chỉ nhận nếu là do Cù đưa sang. Tuần bị ông cầm cửa.

Cù và Bình không hé răng hờ chuyện. Toàn đại đội không ai biết Cù đã bắn bị thương Diệu Nương. Cũng không người nào hay có vụ xô xát giữa Cù và Tuần. Càng chẳng ai ngờ có mối tình nung nấu mà mơ hồ giữa Diệu Nương và Tuần.

Đến kỳ thay phụ bếp, Cù xin đại đội cho tổ anh nuôi được giữ Tuần lại.

* * *

Bỗng nhiên, Diệu Nương biến mất. Không nghe thấy tiếng hát của cô nữa. Túp lều ở rìa làng bỏ cho vợ, trống huých, xiêu mọp, ngập cỏ. Người ta đồn rằng cô đã bỏ trốn. Hoặc đã chết. Chết đuối, trôi mất xác. Cũng có thể là chết tan xác vì trúng phải một trái bom, trái pháo giáng trực tiếp xuống đầu.

Mùa mưa năm ấy dài đằng đẵng, buồn ê ảm. Dần dần tôi thậm hiểu tôi buồn vì nuối tiếc Diệu Nương. Mà không riêng tôi, cả đại đội đều rầu rĩ. Dường như, mất bóng Diệu Nương thì chúng tôi chẳng còn lý do gì để bám lại trên mảnh đất này.

Đột nhiên vào ngày nắng hửng đầu mùa khô, chúng tôi hay tin Diệu Nương vẫn còn sống. Suốt mùa mưa cô ẩn trong nhà thờ để chữa trị vết thương. Nay cô đã gần khỏi. Chỉ có điều nay cô mới thực sự đã bỏ trốn.

Người thông báo cho chúng tôi tin đó chính là ông linh mục. Ông ta lần ra trận địa pháo vào lúc tảng sáng, cái áo chùng ướt đầm sương.

- Người của các ông đã cảm dỗ cô ta. Cái tên mặt sẹo, đáng vẻ làm lý ấy. Hắn đã bội phản các ông, lại kéo cô ta phản Chúa.

Ông còn cho biết ông đã báo cho Cù ngay khi phát hiện Diệu Nương trốn đi với Tuần, nghĩa là ngay từ nửa đêm. Vậy mà Cù đã không hề báo cáo gì cho đại đội.

Anh ta đứng đấy, đầu trần, răng nghiến lại nghe chính trị viên xỉ vả.

- Theo tôi, để cho họ đi! - Cù nói, sa sầm - Còn nếu nhất định phải bắt lại thì chẳng khó. Vết thương cô ta chưa lành hẳn, không thể đi nhanh. Với lại, có con Ních...

Tôi có vinh dự tham gia nhóm tác chiến cùng Cù và hai trinh sát viên. Chúng tôi khẩn trương xuất kích. Con Ních thoăn thoắt chạy dẫn đường, kéo căng sợi dây da trong tay Cù.

Chúng tôi lặng lẽ rảo theo. Hàng dọc, súng lăm lăm. Lệnh trên là kiên quyết không để chúng trốn thoát mang theo bí mật về cuộc hành quân sắp tới của đơn vị.

Chỉ lạ là không hiểu sao dấu vết con Ních dò theo không nhằm về thị xã mà cứ men mãi bờ sông A

Rang, ngược lên mé tây đông cỏ. Phía đó chỉ có rừng rậm.

Ý chí đuổi dần. Chúng tôi lết đi chậm chạp, Bụi bốc lên dưới chân. Nhiều giờ trôi qua. Con Ních vẫn cần mẫn lần theo dấu vết vô hình lượn ngoằn ngoèo.

Chính vào lúc chúng tôi đã nản, tính chuyện quay về thì hình tích của hai kẻ trốn chạy đã thực sự hiện ra.

Dưới tán một cây kơ-nia mọc đơn độc giữa trảng cỏ tranh, Tuấn và Diệu Nương đã nghỉ chân. Đạn kiến đang tha đi những vụn cơm. Một mẩu thuốc rê vấp bằng giấy báo. Nhưng đặc biệt rõ ràng, hẳn trên cỏ, như thể cỏ đã tạc nên thân hình người đang nằm. Một bức họa khắc nổi đáng vóc đàn bà, không thể nhầm được...

Chúng tôi đuổi kịp họ trước lúc mặt trời lặn. Đã chớm tới vạt rừng đầu tiên ở bờ tây đồng cỏ.

Một nhòai, chúng tôi dừng lại trước một dòng suối lớn. Con Ních bị dòng nước xóa dấu vết. Chúng tôi ngồi xuống nghỉ. Im lặng đè nặng lên buổi hoàng hôn màu hồng thẫm.

Thốt nhiên, giữa sự im ắng và tiếng rì rào của dòng suối, lướt nhanh qua không gian một âm thanh bất ngờ giống như một gợn sóng mỏng.

- Tiếng đàn! - Cù khẽ thốt lên.

Chúng tôi sững sờ, lắng nghe, hồ nghi. Đã tưởng chỉ là một cảm giác sai lạc, không dè sau một lúc nín thở chờ đợi, chúng tôi nghe thấy khe khẽ tiếng hát.

Lội mau qua suối, chúng tôi nhẹ chân tiến tới. Đây là một dải rừng thông. Những cây thông cao vút, mọc cách thưa. Một tà khối mỏng bốc lên trong chiều. Chúng tôi khom rạp xuống, áp sát.

Một tiếng cành khô gãy dưới chân. Tiếng hát tắt lặng.

Tôi đứng thẳng lên sau một thân cây và căng mắt quan sát. Một cái bếp nhỏ với chiếc hăng-gô treo đúng đưa trên lửa. Một chiếc võng dù căng giữa hai cây thông.

Im lặng kéo dài, kéo dài mãi. Tôi gạt chốt AK vào nấc liên thanh.

- Các bạn... Anh em ơi... - Giọng Tuấn - Chúng tôi chẳng làm hại gì cả... Không chống lại ai... Hãy để chúng tôi đi...

- Cầm mồm! - Bào, trình sát viên hét - Đứng dậy! Giơ cao hai tay. Bước ra!

Một phút. Nhiều phút. Vẫn lặng phắc. Cù buống sợi dây da. Tôi thấy con Ních chạy xéo qua, và lát sau tôi nghe tiếng nổ sủa ở bụi cây. Tiếng sủa rồi rít, mừng rỡ.

Nhưng cũng đúng lúc đó, bụi cây lay động.

“Trong cuộc huynh đệ tương tàn...” - Tiếng hát.

- Đồ điên! - Cảnh tôi, ai đó gầm lên - Con đi! Đây thì tương tàn!

Và tức thì súng nổ. Một khẩu nhả đạn kéo theo những khẩu khác cùng khạc lửa. Chớp đầu nòng nhằng nhằng xé rách lượt bóng tối đầu tiên đang phủ xuống khu rừng.

Bốn khẩu AK cùng bắn hết băng, cùng cầm bật. Bốn chúng tôi cùng lao vọt lên, cùng chết sững.

Sau bụi cây bị đạn bằm, hai con người ấy quần lầy nhau. Những vết đạn như càn vẩy xiết hai cơ thể vào nhau. Vào chớp mắt cuối cùng, người đàn ông dường như đã cố dùng thân mình đỡ đạn cho người đàn bà. Nhưng đạn khoan qua người họ. Ánh lửa từ bếp lập loáng trên hai mảng lưng trần.

Chúng tôi đứng chết trân. Màn đêm vây dần lại. Cả bốn chúng tôi như bị trói vào nhau trong sự cam chịu một cái gì vô hình vô tận đang đổ xuống. Mùi thuốc đạn là dấu vết duy nhất của ý chí điên cuồng, đã tan đi.

- Ê... ê... Ních! Ê... - Cù tru lên gọi con chó đã bị trận mưa đạn xua dạt vào rừng sâu.

Ngồi xuống bên Tuấn và Diệu Nương, tôi gỡ họ ra khỏi nhau.

Hai hôm sau chúng tôi nhận lệnh hành quân về phương Nam. Vĩnh viễn giã từ làng Diêm. Tôi đã bình tĩnh trở lại. Cả Cù cũng vậy. Cuộc chiến đấu đang đợi chờ phía trước sẽ là lối thoát cho tâm hồn chúng tôi. Chúng tôi sẽ chiến đấu và sẽ quên.

Mùa khô nung vàng đồng cỏ. Và những ngọn *gió đại* gào hú làm bốc lên những cột lốc đỏ lỏm. Những ngọn gió điên rồ như có móng vuốt, cào xé mặt đất.

Chúng tôi chỉ không ngờ rằng chúng tôi đang tiến vào mùa khô cuối cùng của cuộc chiến. Chúng tôi đã bắn chết những người báo trước hòa bình, vậy mà hòa bình vẫn đến.

Thời tiết của ký ức

Mưa từ chiều, suốt buổi tối, qua đêm đến bây giờ gần sáng rồi mà vẫn còn miên man mưa mãi. Phổ dài, vắng lặng, tù mù những vũng đèn đường. Những mảng bờ tường. Những khúc vỉa hè. Các vòm công. Mái hiên. Những vương cửa sổ. Và mây cây bàng. Mây cây cột điện. Uớt át, nhòa mờ, lạnh lẽo.

Trong phòng, tiếng mưa thấm vào qua khe cửa. Những hạt mưa rơi rã, đậu xuống, trượt đi, vẽ mãi vẽ mãi những bức vẽ trong suốt lên mặt kính. Ngay dưới cửa sổ, một chậu quỳnh, hoa nở một bông từ đêm, đã rũ xuống. Trên bàn, một ấm trà đã pha mà chẳng uống, nguội ngắt. Ông Phúc ngồi ở đi vắng, khuất khỏi quang sáng của ngọn đèn bàn nắp dưới cái chao màu xanh. Mắt nhắm, nhưng mà không tài nào ông chợp mắt. Những nỗi niềm đã yên nghỉ từ lâu âu sầu thức dậy, lần lượt hiện hình, lần lượt trôi qua, dằng dặc và chậm rãi, theo nhịp đêm của chiếc đồng hồ để bàn.

Hà Nội, tiết tàn thu, buổi đầu đông, gió thổi, mưa rơi, lá rụng. Ấy là hơi thở của thời xa xưa, là thời tiết của ký ức.

Ngẫm lại, vậy mà, đã non bốn chục năm rồi còn gì, từ bấy tới nay. Dĩ nhiên với dòng đời vô cùng vô tận thì bốn mươi năm có là bao, chỉ là một khúc đồ ngang ngắn ngủi, nhưng với đời người, đó là cả một cõi thời gian mệnh mang như biển mà từ bờ này qua bờ kia ngang với từ kiếp này sang kiếp khác.

Ngày ấy, sau những tháng bị giữ trong Hỏa Lò, can phạm Trần Văn Phúc vừa chính thức thụ án, sắp phải chuyển về trại giam ở tỉnh xa, đã lần đầu tiên được nhận quà. Một cái áo len, ba cặp bánh chưng, hai tút thuốc lá, một ít tiền và một phong thư mỏng. Quà tết của Quỳnh. Muốn khóc nhưng không sao khóc nổi, chỉ một nỗi đau căm lặng thọc trong tim làm cho nghẹt thở, làm cho mờ mịt hai con mắt và làm cho run bắn hai bàn tay.

“... Sự thể đã như thế này xin anh đừng hối tiếc và oán hận làm gì cho khổ thêm anh ạ, mà hãy cùng em thuận lòng cam theo số phận, - Quỳnh viết - Phần em thì dù rằng từ nay đời có thể nào em vẫn một lòng cảm ơn số phận đã run rủi cho em lạc khỏi gia đình để về lại với anh. Nhờ vậy mà giờ đây dù có phải xa lìa, dù có phải mất anh mãi mãi em vẫn sẽ mãi mãi còn anh...”

Lá thư vội vã, những dòng ngắn ngủi. Và Phúc đã không hiểu, đã không hiểu ngay ra. Lá thư rồi cũng bị thất lạc trong một lần chuyển trại và dần dần Phúc cũng đã quên, hầu như chẳng còn nhớ, chẳng còn may may vương vấn gì nữa với lời nhắn nhủ ân trong những dòng cuối cùng ấy của môi tình đầu.

* * *

Hối tiếc, oán hận là những tình cảm về sau mới cộm lên, chứ thoát đầu Phúc chứa chan hy vọng. Dĩ nhiên khi vừa bị công an điệu khỏi nhà đây lên xe đưa về sở thì không khỏi kinh hoàng nhưng mà đã mau chóng trấn tĩnh được. Phòng xét hỏi thoáng mát, không có những dụng cụ tra tấn, tường quét vôi màu ve, cửa sổ mở rộng trông ra vườn hoa. Và hơn nữa người trực tiếp thẩm vấn cũng không ngờ lại là Định, bạn cùng một lớp đệ tử ở trường Bưởi năm nào. Chín năm Kháng Chiến khiến Định như già xạm đi, sắc diện khắc khổ, gầy yếu, đôi môi nhợt nhạt mím chặt, cặp mắt âm thầm, song Phúc vẫn lập tức nhận ra, và lập tức lóe lên trong lòng niềm hy vọng thoát nạn. Chỉ kín đáo giấu đi những gì cần giấu còn thì Phúc khai tất cả. Những tưởng Định sẽ chiều cô, những tưởng một khi mình đã thành thực vậy rồi thì mình sẽ được khoan thứ, những tưởng khi buổi thẩm vấn kết thúc, rời phòng hỏi cung là sẽ được tha về với Quỳnh. Nào ngờ lại phải tra tay vào còng vào nắm trại tạm giam.

Lần hỏi cung sau, không đợi Định phải hỏi, Phúc đã hốt hải khai ra gần trọn những gì lần trước chưa khai. Vạn vớ, thê thốt, Phúc gần như cuống quýt trình bày tâm lòng thành của mình. Phúc một mực cam đoan rằng mình chưa phải là Đại Việt như ai đó đã mật báo với Định, mà mới chỉ là cảm tình viên thôi. Và đúng là Phúc có thời làm việc ở Tòa Thủ hiến nhưng là nhân viên hành chính cấp thấp. Về sau do không muốn nhận lương của Tây nữa nên Phúc mới xin chuyển sang Phòng thông tin Hoa Kỳ. Được người Mỹ đồng ý nhận vào làm là bởi một lẽ đơn giản, Phúc thạo cả tiếng Pháp lẫn tiếng Anh.

- Nhưng tôi cũng thạo và nhiều người khác nữa còn thạo hơn, đúng không? Nhưng không phải ai

cũng dính dấp với bọn tôi phản động Đại Việt, và càng không phải ai cũng sẵn sàng lặn lội hết từ giường Tây qua nệm Mỹ như anh - Định bình thản bác những biện bạch của Phúc - Chỉ chừng ấy thôi đã đủ để khó tin rằng anh ở lại ngoài này không vì một âm mưu nào. Đừng tự huỷ hoại mình, đừng cho rằng có thể qua mắt được chúng tôi, tôi khuyên anh đấy. Bởi vì tôi thấy rõ thái độ thành thật nửa vời hết sức không biết điều của anh đang từng giờ từng phút một làm hại anh như thế nào, tôi khuyên anh nên...

Hoàn toàn đuối lý và hoàn toàn không có cơ hội nào để gọi lại tỉnh bằng hữu ngày trước, Phúc đành nhắm mắt nghe theo lời khuyên của Định, khai hết và nhận hết. Biết rằng sẽ phải tù, nhưng khi ký vào bản cung Phúc vẫn ôm hy vọng là Định sẽ gỡ bớt tội cho mình và sẽ xin cho mình một án nhẹ. Nào ngờ, tội làm gián điệp cho Mỹ, án mười năm.

Phúc rời Hỏa Lò, ngồi xe buýt bùng, lên đường thụ án. Ngoài xe, Hà Nội xuân sang. Thì ra sự khoan hồng mà Định hứa mình là như thế này đây, Phúc thầm nghĩ, cay đắng trong lòng. Mình đúng là một thứ nạn nhân của tình bạn. Tình bạn, rốt cuộc chính là sợi thông lọng mà mình đã tự dúi cổ vào.

* * *

Trại giam đầu tiên Phúc được đưa tới nằm trên vùng đồi nổi lên trơ vơ giữa một đồng nước trũng mênh mông, tít nơi xa cùng khuất nẻo nhất của miền châu thổ. Ở trại này phạm nhân phải làm ruộng để tự túc một phần lương thực. Nhưng những ngày mưa, nước ngập đồng thì không đi đâu được, không làm lụng gì được, cả tù nhân cả quản giáo chỉ nằm, chỉ ngồi, nhìn và nghe mưa xối.

Buổi sáng, mới tờ mờ đất, chân trời đã đặc mây. Những đám mây rách rưới, im phăng phắc. Hàng giờ đồng hồ trôi qua nhưng các đám mây vẫn neo nguyên một chỗ, chẳng mấy may biến màu đổi dạng. Suốt ngày chỉ những mây là mây. Những lối đi đen xỉ bùn lầy.

Canh khuya, sau hiệu kèn tắt đèn, mọi người ngủ cả, Phúc ngồi thừ trên sạp nứa, nặng nề nhìn chằm chằm vào một điểm bất định như muốn moi ra cho bằng được từ đấy những hình bóng vô hình của bóng tối. Lâu dần, thậm chí bóng tối cũng biến mất nhường chỗ cho cõi trống rỗng, một cõi mà trong đó không còn cái gì khác ngoài cái không gì cả của cuộc đời và số phận. Mười năm, điều ấy vượt ra khỏi ý niệm thời gian, Phúc không sao mừng tượng nổi. Cái chết ngay tức khắc dễ mừng tượng hơn nhiều. Chết chẳng khó khăn gì và chết là điều rất tốt. Chỉ có điều vẫn còn một ước nguyện âm thầm đau nhói trong tim khiến Phúc chưa thể nào mạnh dạn tự ra tay với mình. Chính cái điều khoản “Ba trăm ngày” của Hiệp định Giơ-neo là móc xích cuối cùng đang níu giữ cuộc đời Phúc.

Khi chỉ còn hai tuần nữa là điều khoản định mệnh ấy hết hạn, một buổi trưa, Phúc được đưa lên nhà khách của trại giam. Định đang chờ ở đấy. Tử tế bắt tay, mời ngồi, tử tế mời trà, mời thuốc, và không nề hà thái độ khuôn phép cố tình, một bầm cán bộ hai bầm cán bộ của Phúc, Định thông thả trò chuyện, hỏi han. Thời gian trôi qua, chậm rãi. Định từ tốn nói, còn Phúc một mực cúi đầu, hờ hững nghe và khề khàng thừa bầm. Không mấy may tin vào lòng tốt của người bạn cũ, và vì thế trong suốt cuộc gặp gỡ cứ bần khoản tự hỏi ngọn gió nào, gió lạnh hay gió dữ đã đưa anh ta tới đây, nhưng dù sao thì Phúc vẫn có được một chút hài lòng bởi vì Định đã không hề lên giọng khuyên răn dạy bảo cũng không bày đặt vẻ ngoài chí thiết, động viên với lại an ủi này nọ. Mãi đến lúc chia tay, trong lời từ biệt, Định mới hàm một ý hứa hẹn:

- Chẳng biết tới bao giờ chúng ta mới gặp lại nhau. Có thể là còn lâu lắm. Nhưng có lẽ sẽ không phải mất tới mười năm. Và tôi chắc rằng khi chúng ta gặp lại nhau, anh đã ở trong hoàn cảnh khác với bây giờ.

Đã chực nín lặng bởi đã nhất quyết là sẽ không một lần nữa nhẹ dạ cả tin vào con người này, vậy mà cuối cùng Phúc lại đã thổ lộ. Đã chẳng nói gì lúc chia tay, im lặng về tới lán rồi, nghĩ ngợi thế nào Phúc lại hốt hải xin được đưa trở lại nhà khách để gặp Định. Ô tô đã chuyển bánh nhưng Định vẫn bảo tài xế đỗ lại và mở cửa xe bước xuống. Hai người đứng với nhau một lát ở hàng hiên nhà khách. Trong trời mưa như thác đổ. Run rẩy, lập cập Phúc kê ra hết với Định điều khô tâm duy nhất còn lại đang day dứt trong lòng, và rồi nghẹn ngào Phúc nài xin, van vi:

- Phận tôi tôi không mong gì cả. Tôi đáng bị như thế. Tôi chỉ dám mạo muội cầu xin ông một điều ấy thôi cho Quỳnh. Bởi tôi mà cô ấy đã lưu lại ngoài này. Bây giờ cũng bởi tôi nên cô ấy mất hết tất cả,

bơ vơ, không người thân thích, không nơi nương tựa... Không. Không. Xin ông đừng vội chối từ. Ngoài ông, chúng tôi còn biết cậy nhờ ai khác nữa trên đời. Dù gì thì ngày xưa, tôi với ông cũng đã cùng nhau một chút tình bằng hữu. Tôi xin ông. Nay hạn ba trăm ngày sắp mãn rồi, nhưng vẫn chưa phải là đã quá muộn nếu ông ra tay cứu giúp...

Định rời khỏi trại trong mưa. Dưới chân đồi, bốn bề động không mông quạnh. Chiếc xe cộ của Định chỉ còn là một chấm đen nhưng rất lâu sau vẫn chưa mất hút hẳn ở đường chân trời xám ngắt. Khi đó Phúc chẳng thể ngờ rằng nhiều chục năm về sau sẽ có lúc mình mong mỏi biết là chừng nào gặp lại được con người ấy.

* * *

Từ đây Phúc thôi hẳn ý định tự vẫn mặc dù tuyệt nhiên chẳng còn một chút vương bận nào ngăn trở làm như vậy. Có thể vì không còn vương bận gì với ngoài đời nên dễ dàng thích nghi hơn với đời sống trong tù. Phải di chuyển qua nhiều trại, có trại không đến nỗi nào nhưng có trại rất cực, Phúc đều thân nhiên an phận. Gọi là ngồi bóc lịch, nhưng Phúc chẳng đếm ngày tính tháng. Mười năm hay mười lăm năm hay chung thân cũng vậy cả thôi, ngày lại ngày trôi qua, ý niệm thời gian rơi rụng.

Hay tin Mỹ - Diệm đã chối bỏ Hiệp thương và vì thế sẽ không có Tổng tuyển cử, đất nước sẽ vĩnh viễn bị chia cắt, Phúc chẳng bận lòng. Bởi vì cuộc thế thì có can hệ gì tới cuộc sống tù. Một khi đã trong tù thì vĩnh viễn là người ngoài cuộc. Trại giam không song sắt không rào kẽm gai nhưng đã có một bức tường thật dày tự thân dựng lên trong tâm trí vĩnh viễn hãm Phúc vào với hiện tại bất động. Đôi khi trí nhớ mòn mỏi cũng cố len lỏi lần về với những vùng sâu lặng của dĩ vãng, nhưng dĩ vãng đã mất hết sinh lực, đã vĩnh viễn tắt ngóm, không thể nào mà hồi tỉnh lại. Dĩ vãng chỉ sống trong những ai còn có một tương lai. Khi đã không còn biết trông chờ gì ở ngày mai thì ngày hôm qua cũng không còn lại gì nữa để trông về.

Chính cái trạng thái tinh thần vô vọng ấy đã khiến Phúc hầu như vô cảm trước tự do. Bị án mười năm, chỉ hơn hai năm đã được ân xá, vậy mà chẳng chút vui mừng. Chẳng hề tự hỏi vì đâu, vì ai. Chẳng sung sướng, chẳng đau buồn, chẳng ơn ai, chẳng oán ai. Thờ thần ra khỏi cổng trại giam, như thể miễn cưỡng. Và cả khi đã về tới Hà Nội, đã bước đi dọc phố xá, giữa cảnh vật, giữa đám đông và tiếng ồn ào quen thuộc mà Phúc vẫn như thể chưa tìm ra được cho mình một lý do thật sự để trở về.

Phố Hàng Dẫy đã là phố Nguyễn Thái Học. Ngôi biệt thự của gia đình họ Đặng đã thành một nhà mẫu giáo. Sau một hồi lâu đứng im ngoài hàng rào sắt, lặng nhìn lũ trẻ nô đùa trên sân, Phúc ủ rũ, chẳng nói rằng bỏ sang bên kia đường khi người gác cổng bước tới cất lời hạch hỏi.

Bên kia đường, đối diện nhà họ Đặng là nhà họ Trần, cũng ngôi biệt thự hai tầng, ngày xưa luôn kín cổng cao tường nhưng nay cửa vào sân mở toang. Hoàn toàn ngoài chủ định, Phúc lẳng lẳng rẽ vào đây. Khấp sân lá rụng. Lối sỏi rêu xanh, bồn hoa um tùm cỏ dại. Bể non bộ khô khốc, một bên thành bị vỡ và hòn núi giả thì đổ sụp. Tầng trên, tầng dưới ngôi nhà tất cả các cửa sổ đều đóng chặt. Phúc thậm lầy lăm lầy. Chẳng lẽ qua suốt từng ấy thời gian kể từ ngày họ Trần ra đi mà người ta vẫn bỏ không đẩy cửa sung công ngôi nhà này?

Phúc quay ra, vừa đến cổng thì chạm mặt một người đàn ông dắt xe đạp từ ngoài đường đi vào nhà. Nhìn sững Phúc, người nọ để trượt ghi đông khỏi tay. Chiếc xe đạp ngã đổ vào thành cổng.

- Ông là... Ông là... - Anh ta lắp bắp, mặt nhợt ra.
- Vâng, - Phúc thờ dãi - Tôi đây, anh Bách ạ.
- Thế họ thả cho anh ra ư... Tôi tưởng là họ sẽ chẳng đời nào...
- Vâng. Thì tôi cũng tưởng thế. Cho nên tôi...

Bách ngắt lời Phúc, hỏi vội, giọng khàn đi:

- Thế họ cho phép người như anh cư ngụ ở Hà Nội ư?
- Tôi chẳng biết. Chẳng thấy có lệnh cấm. Nhưng mà tôi chỉ ghé ngang nhìn lại ngày xưa một chút. Rồi sẽ đi xa khỏi đây. Chứ còn gì nữa đâu, còn ai nữa đâu mà ngụ lại.

- Thì tôi cũng vậy thôi, - Bách nói, mắt sụp xuống - Nhà này hiến cho chính phủ làm công sở rồi. Tôi chỉ ở tạm ngày nay ngày mai.

- Nhưng mà, trời ơi! Làm sao anh lại đang ở ngoài này? - Chợt thấy sừng sốt, đỏ người rạ, rưng rờ Phúc hỏi, giọng thẳng thốt - Tôi nhớ rõ ràng là gia đình bên anh đã vào trong đó cùng một lần với gia đình bên tôi cơ mà. Thế sao mà bây giờ lại...

- Anh lại còn phải hỏi nữa ư? - Bách đáp, rất khẽ, môi mím lại.

- Thế nghĩa là... Chao ôi! - Thương cảm, Phúc than lên - Anh trở ra đây tìm cô ấy? Trời, sao lại có thể như vậy chứ! Anh ra lúc nào vậy? Ra lúc nào mà để đến nỗi không hay biết rằng cô ấy đã vào trong đây, anh Bách?

Bách im lặng cúi xuống nhắc chiếc xe lên.

- Tôi quá bận, - Anh ta nói, không nhìn Phúc - Chỉ qua nhà một lát rồi phải đi ngay có việc. Không mời anh vào nhà được, mong anh thứ lỗi.

Lẳng lẳng Bách đẩy xe đạp vào sân, lẳng lẳng Phúc đi ra đường, nhằm hướng nhà ga, lê bước. Không nơi nương náu, không bóng người thân, đối với Phúc thành phố quê hương đã cạn tình.

Trên toa, chỗ của Phúc kề cửa sổ. Hà Nội lần cuối cùng lướt qua trong đêm, nhưng Phúc nhắm mắt lại, không nhìn ra.

* * *

Nhà họ Đặng được bốn cậu con trai, nhận nuôi thêm Phúc nữa là năm. Mỗi người mỗi phòng ở tầng dưới. Tầng trên là của ông bố bà mẹ và của Quỳnh, cô con gái rượu, cô em út trong nhà.

Được coi là bậc anh, nhưng Phúc ngang tuổi Quỳnh. Ngày được gia đình Quỳnh đón về sau hai cái tang lớn, mất mẹ rồi mất cha trong cùng một năm, Phúc còn bé, đang học đồng ấu, Quỳnh cũng vậy. Họ lớn lên bên nhau, êm ấm và hạnh phúc những năm dài, trong tình anh em và trong sự hết lòng yêu thương đùm bọc của cả nhà, một gia đình trí thức cao sang, trầm lặng.

Các anh của Quỳnh đều học hành giỏi giang, đỗ đạt cao và nếu thời cuộc không thịnh linh biến động có lẽ đều sẽ thành đạt không kém gì cha. Một gia đình giàu có nhưng đầm ấm, luôn luôn yêu thương nhau. Ai ngờ một gia đình như vậy về sau lại bất hạnh và tan tác thảm thương đến thế.

Tai họa khởi đầu từ anh Bình, con cả. Mặc dù sau ngày Việt Minh lên, gia đình họ Đặng sống kín công cao tường né tránh mọi tiếp xúc với bên ngoài, vậy mà anh ta bằng cách nào đó vẫn trở thành đảng viên Quốc dân đảng. Anh ta biệt tích trong đêm xảy ra vụ Ôn Như Hầu. Tiếp đến là anh Tùng, con thứ. Tùng vốn là một nhà thơ vô cùng đa cảm, không hiểu sao lại cũng dự vào chính trị, ngầm tham gia một tổ chức thân Pháp để đến nỗi phải bỏ trốn và mãi mãi không trở về. Công an Việt Minh vây nhà, soát thấy cả truyền đơn cả vũ khí chất dưới tầng hầm và trong gầm cầu thang.

Tiếp nữa là thời kỳ tản cư. Mặc dù chỉ non một năm chịu vất vả ở nhà quê, vừa ngưng tiếng súng là đã lập tức hồi cư, dặt dứ nhau trở về thành nhưng ông bố vẫn không gương nổi. Về tới nhà là ông lâm bệnh, nằm nhà thương được hơn một năm rồi qua đời. Huy và Hoàng, hai người anh trai còn lại của Quỳnh đứng ra cày cấy gia đình. Họ được người Pháp trọng dụng và đã sớm trở thành những nhân vật có vai vế ở Hà Nội. Riêng Phúc, mặc dù còn trẻ tuổi, tính tình thì nhu nhược và mặc dù chưa có một ý nguyện chính trị rõ rệt, nhưng do được hai anh Huy Hoàng hướng dẫn nên vẫn gia nhập đảng Đại Việt, và còn được hai anh thu xếp cho vào làm việc ở Tòa Thủ hiến, nhờ vậy mà cũng bắt đầu có được một tiền đồ nhiều triển vọng.

Thế nhưng giữa thời loạn lạc, phúc họa khôn lường, bình yên như treo đầu sợi tóc. Mùa thu năm 1953 lại một đại nạn nữa giáng xuống mái ấm nhà họ Đặng. Huy cùng một số sĩ quan Pháp bị quân cảm tử của Việt Minh quăng lựu đạn giết chết trong một cao lầu ngay giữa lòng Hà Nội. Hoàng cũng có mặt tại đó nhưng may mắn thoát hiểm chỉ phải gựi lại bữa tiệc ấy một bàn chân. Sụp mất trụ cột, đời sống gia đình như bên bờ vực. Cửa nả trong nhà lần lượt đội nón ra đi. Người ăn kẻ ở đã phải cho nghỉ việc gần hết và ngay cả ngôi nhà, mẹ Quỳnh cũng đã tính tới chuyện phải bán. Tuy nhiên vào những ngày cuối năm 53 đầy hiềm họa, bất động sản ở Hà Nội bán chẳng ai mua, giá rẻ như bèo. Lúc

bây giờ mặc dù đã sang làm việc ở Phòng thông tin Mỹ, lương tiền khá hậu song cũng đã phải dần dần mang công mắc nợ Phúc mới có thể tạm tạm trì nín được cho những người thân còn lại một mức sống bề ngoài có vẻ chưa đến nỗi quá sa sút so với ngày xưa. Nhưng mà thời cuộc ngày càng gấp bước khiến cho đất đai rung chuyển, lo cho ngày mai của gia đình, mẹ Quỳnh tất nhiên không thể trông mong vào cái mức sống hàng ngày do Phúc chèo chống. Bà hiểu rằng phép màu duy nhất có thể trả lại cho gia đình cuộc sống và vị thế tốt đẹp thuở xưa ấy chính là cuộc hôn nhân của Quỳnh với Bách.

* * *

Sau này ngẫm lại những ngày tháng cuối cùng của thời thanh xuân có thể là tươi đẹp nhưng đây tại ương ấy, tự hỏi rằng hạnh phúc nhiều hơn hay đau khổ nhiều hơn, Phúc cũng chẳng biết nữa. Cũng thế, Phúc chẳng còn nhớ nổi tình yêu đã tới tự bao giờ và như thế nào. Dường như là từ trong tình anh em, thuở còn thơ dại, đã lâu lắm rồi, không thể nào nhận thấy. Có thể là khi đã lớn hơn, ở tuổi dậy thì, đang học trung học, hoặc có thể mãi về sau, trong thời tản cư, rồi lúc về thành. Mỗi tình dường như nhuộm màu tội lỗi, chẳng khác gì một vết thương khía thêm vào những thương tích của gia đình. Cho nên yêu nhau mà tuyệt đối âm thầm không dám một lời thổ lộ, thậm chí không dám thú thực với ngay chính lòng mình. Cả đến khi gia đình họ Trần dám hỏi Quỳnh cho Bách, Phúc cũng không mạnh dạn có được một lời nào. Chỉ một mình Quỳnh yếu ớt cương lại ý mẹ. Nhưng cô chẳng thể thắng nổi sự kiên quyết gập bẹn của mẹ và lòng si mê kiên trì của Bách. Giữa hoàn cảnh trăm bề rồi ren, phải khổ công lo tính để gấp gáp chuyển hết vào Nam toàn bộ tài sản đồ sộ của dòng họ, vậy mà Bách vẫn thu xếp được một lễ ăn hỏi đàng hoàng, sang trọng. Lễ cưới được dự định vào mùa xuân, sau Tết ta, tại Sài Gòn.

Bách muốn sau lễ ăn hỏi Quỳnh và gia đình phải đi Nam ngay, nhưng Quỳnh cứ trùng trùng mãi không chịu lên đường. Mặc cho tình thế ngày một gấp gáp, viện có ồm ồm đau, cô lẳng lẳng sống thu mình trong buồng, âm thầm như chiếc bóng. Tuy nhiên kết cục tất phải đến đã đến. Đến từ thời cuộc. Ngày Việt Minh về tiếp quản Hà Nội đã gần kề. Quỳnh không thể nán ná được nữa. Gia đình cô không thể ở lại, anh trai cô không thể chung một gầm trời cùng chế độ mới, mẹ cô không thể nào sống một cuộc sống thiếu sự giàu sang.

Riêng Phúc quyết định ở lại. Người Mỹ đã tạo thuận lợi cho quyết định ấy. Họ trả trước cho Phúc hai năm lương và chỉ giao một nhiệm vụ hết sức nhẹ nhàng là ở lại, sống bình thường, hợp pháp, và thông thả, kiên tâm chờ đợi một sự móc nối, nếu có. Chỉ thế thôi và chỉ trong hai năm trời. Đợi đến buổi tối trước hôm cả nhà rời Hà Nội xuống Hải Phòng, Phúc mới nói cho anh trai của Quỳnh hay là mình sẽ không đi bởi vì không thể đành lòng lìa xa thành phố quê hương; hơn nữa cần có người ở lại để gìn giữ cửa nhà và chăm nom phân mộ những người thân đã khuất. Phúc trao gập trọn khối tiền lương được ứng trước cho Hoàng và gửi anh ta một lá thư từ giã dặn rằng khi nào xuống tàu thủy rồi thì trao cho Quỳnh. Hôm sau mọi người khởi hành trên bốn chiếc xe hòm của gia đình Bách nên ngoài Hoàng không ai biết là Phúc đã ở lại.

Bây giờ đã đầu tháng Mười, mưa thu mờ mịt. Buổi giao thời, đêm thành phố hỗn mang. Một mình Phúc trong tòa nhà trống vắng. Gần sáng, mưa tạnh, gió nổi lên xua quang mây, trăng hạ tuần lướt trên các mái nhà. Tiếng lá cây xào xạc. Phúc mở cửa sổ. Trên sân, ánh trăng mờ mờ trong không khí ẩm ướt. Gió lay động hàng cây dọc lối đi rải sỏi làm Phúc tưởng như có bóng người. Nhưng. Không phải là bóng cây, không phải là gió lay. Một người vừa đi qua sân, bước lên thêm. Không phải trong mơ.

Phúc lao khỏi phòng, chạy dầm xuống cầu thang. Quỳnh để rơi chiếc va ly trên tay xuống ngưỡng cửa. Phúc lặng lẽ ôm lấy Quỳnh, lặng lẽ ghì chặt, cảm thấy một trái tim khác đập cạnh trái tim mình.

Trong giây phút ấy, đối với Phúc, cách mạng không còn là bóng tối, không còn là tai ương. Không có cách mạng, không có thời đại mới đang tới gần kia, làm sao có nổi một phút giây chói lọi như thế này trong cuộc sống tầm thường, ảo não, dài lê thê của những kiếp người.

So với bao người khác, có thể là Phúc đã hướng về với Cách mạng một cách quá đổi muộn màng và dường như là đây vị kỷ, nhưng chắc chắn là Phúc đã rất thực lòng và rất thiết tha chờ đón với cái nghĩa cách mạng là tình yêu, là sự giải phóng, cách mạng là viễn cảnh hạnh phúc, là vận hội không ngờ, là số mệnh mới mẻ, đột ngột và tuyệt vời từ trời cao rót xuống.

Nhưng bởi vì chẳng phải mất gì cả chỉ phải nhẹ nhàng đưa tay đón lấy, nên hạnh phúc quá ngắn ngủi. Phúc và Quỳnh tự do bên nhau một tuần thì bộ đội tiến về tiếp quản Hà Nội. Đã được Quỳnh khuyên là

nên ra trình diện và khai báo tất cả, nhưng Phúc lại trùg trình do dự. Và lệnh bắt giữ rớt cuộc đã sập đến trước khi Phúc kịp tỏ ra can đảm được như Quỳnh, mạnh dạn đoạn tuyệt quá khứ để sống cuộc đời mới.

* * *

Một người bạn tù cùng được trả tự do một ngày rủ Phúc về sống ở quê hương của anh ta, miền đồi rừng Bồ Hạ. Phúc về qua Hà Nội, sau đó đi tàu lên đây. Xuống một ga xếp. Rồi đi bộ, đi bộ nhiều chục cây số, tít tắp vào vùng heo hút.

Đã trải cảnh tù nên gian lao những năm về sau chẳng bèn gì. Làm lụng cật lực cho quên đời, dần rồi cũng dựng được một ngôi nhà, có được đôi chút tiền nong của nả, và cũng đã vài ba lần toan chuyện vợ con mà chẳng thành. Chẳng mấy chốc mà thành người lớn tuổi, thành ông già. Nhưng vẫn tứ cố vô thân.

Chiến tranh kết thúc, sóng gió thời đại lặng dần. Đất trời ngày một tĩnh mịch. Một buổi sáng mùa thu, trong gió heo may, ông Phúc vĩnh biệt cuộc đời hai mươi năm trong góc rừng, một mình lặn lội vào Nam. Bảy giờ chưa có đường sắt Thống Nhất, gàn một tháng đi từng đoạn xe đồ chèn những chặng dài cuộc bộ, ông mới vào tới Sài Gòn. Vật vả đường trường như vậy để làm gì, tự ông dường như cũng không biết rõ. Thành phố xa lạ đắm mình trong mưa mùa như thác đổ. Ông Phúc lăm lăm đi dưới những mái hiên ướt át, đầu óc mung lung, vô định, tìm đèn đâu, tìm tới ai. Dăm ba cái địa chỉ cầu may mà ông lưu được trong trí nhớ đều vô dụng. Tất cả những người bạn làm cùng sở ngày xưa, năm 54 di cư vào Nam, nay hoặc đã bỏ sang Pháp, sang Mỹ hoặc đang đi tập trung cải tạo. Ngay đến địa chỉ cuối cùng, của nhà họ Trần, bắt đầu dĩ ông phải tìm tới cũng là địa chỉ không người. Dưới thời Mỹ-ngụy, gia đình mại bản này không ngừng phát đạt, nổi tiếng giàu có và thế lực, dĩ nhiên chẳng một thành viên nào trong gia đình họ ở lại Sài Gòn để chờ Quân Giải phóng.

Nghe người ta khuyên, ông Phúc lần đến tòa soạn một tờ báo nhờ đăng mẩu tin tìm người thân. “Trần Văn Phúc, trước tháng 10 năm 1954 ngụ ở nhà số 47 phố Hàng Dẫy Hà Nội mong được gặp lại người thân là...” Nhưng người thân là ai? Ông do dự, đã ghi tên Quỳnh, song lại ngập ngừng ngần ngại tự thấy mình vô lý bèn đổi ý, ghi Đặng Hoàng.

Cái mẩu tin pháp phù ấy không ngờ lại công hiệu. Báo ra hôm trước thì ngay hôm sau Đặng Hoàng tìm tới nơi trọ của ông Phúc. Ông Hoàng nom già xạm, cần cỗi và buồn thảm, đáng đáp xưa chẳng còn gì ngoài sự tàn phế.

- Hồi đó cứ liêu ở lại ngoài ấy như cô chú lại hóa may, - Sau phút ban đầu anh em gặp lại nhau mừng mừng tủi tủi, ông Hoàng ảo não kể lể - Chứ như tôi, tay trắng vào đây, lại què cụt thể này, không còn địa vị, mất hết vai vế nên cứ nghèo hèn lụn bại mãi, chẳng sao mà góc đầu lên nổi ở cái xã hội nhân tâm bạc ác chỉ biết có tiền trong miền Nam này. Mẹ tôi thì như chú biết đây, bà cụ không chịu được sự nghèo, lại thêm chuyện cô Quỳnh, thành ra ốm liệt giường ngay từ khi mới vào đến. Đầu năm 57 thì cụ mất. Cứ thế vận nhà sa sút mãi.

- Vậy chứ bên nhà ông Bách không giúp đỡ nhà mình một chút gì ư?

- Bách nào? - Ông Hoàng ngạc nhiên hỏi, trán nhăn lại ngẫm nghĩ một lúc - À, Bách. Chú hỏi lạ. Chuyện như thế rồi, còn tình nghĩa gì nữa mà họ phải giúp.

- Vâng, - Ông Phúc thở dài - Tôi cũng nào ngờ là lại xảy ra thế. Một lần tôi có gặp Bách.

- Phải. Nào ai ngờ. Mẹ tôi khổ tâm lắm, sức cứ suy đi từng ngày. Ôm đau mòn mỏi, nhưng cụ bảo là phải sống rồn để chờ cho hết hạn hai năm hiệp định mẹ con gặp được nhau đã. Nện vừa hết hạn hai năm, quá tuyệt vọng, mẹ tôi lặng lẽ đi ngay. Chẳng biết khi bà cụ mất, ngoài đây cô ấy có linh cảm thấy không? Bởi vì chú cũng biết đây, trong mấy anh em nhà này, có cô ấy là mẹ tôi thương nhất.

- Nhưng... anh nói vậy là có nghĩa thế nào hả anh? - ông Phúc hỏi, giọng lạc đi, tìm thất lại - Anh vừa nói cô ấy ngoài đây là anh nói Quỳnh ư? Nhưng, đã năm 57 thì sao lại còn ngoài đây được nữa... Quỳnh đã vào từ năm 55 khi còn hạn ba trăm ngày cơ mà. Thế bây giờ Quỳnh ở đâu, anh Hoàng?

Ông Hoàng như giật nảy mình, miệng há ra, không nói được, trừng trừng nhìn ông Phúc.

- Chú vừa hỏi tôi Quỳnh ở đâu à? - Mãi rồi ông mới thốt được ra lời - Nhưng tôi đang muốn hỏi chú thể cơ mà... Chú bảo là năm 55 à. Nhưng, vậy là sao hở trời? Năm 58, từ Hà Nội cô ấy gửi bưu thiếp vào. Năm 59 thì trong này nhận được. Sao bây giờ lại...

Ông Phúc rưng rờ, tê điếng, đưng tay vào ấm trà. Nước đổ lênh láng mặt bàn. Ông đã vụt hiểu tất cả và tất cả vụt tối sầm.

* * *

Tờ bưu thiếp ấy, ông Hoàng đã để mất, nhưng địa chỉ thì còn nhớ rõ, bởi vì vẫn là địa chỉ xưa, số 47 phố Nguyễn Thái Học.

Trở ra Hà Nội, ông Phúc lại tìm đến đây. Bây giờ ở đó không còn là nhà mẫu giáo mà là một chung cư xập xệ đông đúc, chen chúc nhiều hộ gia đình. Người ta không hiểu ông Phúc muốn gì. Họ Đặng nào, Quỳnh nào? Chỉ có ông Quỳnh, cận bộ đường sắt, người Nghệ An thôi, họ Lê. Bên nhà Bách cũng vậy. Người ta nhún vai. Ai mà biết nổi chủ nhân xưa hồi Tây của ngôi nhà là ai. Chỉ biết trước đây nhiều năm là trụ sở của Đoàn Thanh niên, về sau là cơ quan Phụ nữ và bây giờ là nhà tập thể của nhiều cơ quan.

Mịt mờ, vô vọng và với tâm tính đầy thụ động, chẳng còn hơi sức và nghị lực để bỏ đi đâu nữa, ông Phúc cạy cục thuê được một căn buồng nhỏ ở góc đường Sinh Từ không xa Hàng Dẫy. Sinh ké lần hồi, ông nhận dịch và đánh máy thuê. Một chiếc Rờ-manh-tông già nua, những con chữ đã quá đất của nó lọc xọc làm lụng, lên tiếng mỗ róc róc đêm ngày. Thoảng hoặc ông cũng ló khỏi hang lần ra đường đi dạo, đôi khi khá xa, dọc Hàng Dẫy, lòng vòng quanh Cửa Nam, quanh Hỏa Lò. Nhưng nói chung là ông chẳng đi đâu cả, ử rũ, suy nhược, tuyệt đối âm thầm, tuyệt đối chẳng trò chuyện, chẳng giao du, dường như chẳng hề quen biết bất kỳ một ai trên đời.

Nhiều năm như vậy lẳng lẳng trôi qua. Mười năm hay hai mươi năm, không biết nữa. Thời gian không cánh mà bay. Một buổi tối nọ, ông vừa đi dạo về thì có tiếng gõ cửa. Chắc là ai đẩy cần ông đánh máy một cái gì.

- Chào anh, anh Phúc! - Cửa mở, một người đàn ông lạ mặt, tóc bạc, vận quân phục, chậm rãi bước vào, giọng rất trầm - Tôi là Định.

Thoạt tiên, tự ông Phúc cũng thầm thấy ngạc nhiên trước sự điềm tĩnh của mình. Có vẻ như ông không xúc động, tim không dôn đập, thái độ vẫn như thường, nói năng thông thả, không run giọng, bình thản hoàn toàn với cuộc gặp gỡ không ngờ này. Nhưng giữa chừng cuộc hàn huyên, lẳng lẳng nước mắt chảy ra, dần dần giàn giụa, không cầm được, lòng nhói đau.

- Cuối năm 55, tôi nhận nhiệm vụ vào Nam hoạt động. Xa hẳn Hà Nội từ đây. Sau giải phóng, mỗi năm tôi cũng chỉ rời thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội họp ngắn ngày một đôi lần, - Ông Định nói - Năm 75, tôi đã đọc thấy lời nhắn tin của anh trên báo, toan tới thăm anh ngay nhưng vì bận nên khi tới thì anh đã trở ra. Tôi nhớ người anh cần tìm tên là Đặng Hoàng, nhưng cũng chỉ là nhớ vậy thôi, không cố công tìm, rồi cũng bằng đi. Mãi đầu năm nay, con trai ông này xin xuất cảnh theo diện HO, tôi đọc hồ sơ, tình cờ thấy tên ông bố, Đặng Hoàng. Tìm gặp ông ta, nghe ông ta kể mà thất kinh trong lòng. Làm sao cơ sự lại ra nông nổi như thế? Làm sao anh lại không biết là chị ấy vẫn ở lại ngoài này? Vì sao khi được ra tù, anh không hỏi, không tìm? Và sao đến tận giờ vẫn không tìm?

Ông Phúc nín lặng, nét mặt bơ phờ, đầu rũ xuống.

- Ngày ấy hạn hạ trăm ngày đang còn, nên dù rất khó, tôi vẫn có thể thu xếp để chị ấy đi. Có điều là chị ấy đâu có muốn thế. Chị ấy bảo sẽ sinh cháu ở ngoài này và hai mẹ con dù có thế nào cũng sẽ mãi mãi đợi anh, chứ bỏ vào trọng kia cháu nó sinh ra sẽ vĩnh viễn không còn cha. Hoàn cảnh chị ấy khi đó thật tội, song tình cảm chị ấy như thế, tôi còn biết nói gì, tôi chỉ thấy mừng thay cho anh. Tôi nghĩ khi ra tù còn gia đình, còn nhà cửa anh sẽ dễ dàng làm lại cuộc đời. Khi đó mặc dù thuộc diện bị thu nhà nhưng chị ấy vẫn được sự hữu một phòng ở tầng trên. Anh ra tù đầu năm 58 đúng không? Vậy mà theo tôi biết thì cho đến khi mất, là cuối năm 59, chị ấy vẫn ở tại căn phòng đó chứ có rời đi đâu đâu.

Ông Phúc không thể thốt nổi nên lời. Không phải sự kinh ngạc, không phải tâm trạng buồn đau hay thất vọng mà là một nỗi khiếp sợ đến tê dại khiến ông tái nhợt đi.

- Sau khi gặp ông Hoàng, tôi bay vội ra Bắc và lật đật tới ngay ngôi nhà năm xưa tôi đã đến gặp chị ấy. Phòng đã đổi chủ từ lâu. Chẳng ai biết chị ấy. Nhưng nếu thế thì phải chịu khó tìm mà hỏi chứ, anh Phúc. Nhờ công an quận họ rà lại sổ thôi, có khó khăn gì đâu. Cố nhiên là tôi đã nhanh chóng tìm ra và gặp lại. Có điều không phải là chị ấy nữa mà là cô con gái. Ngày xưa khi tôi gặp chị Quỳnh, cô bé còn trong bụng mẹ, mà nay đã là thiếu phụ rồi. Bởi biết chị Quỳnh đã mất, tôi mới không nhầm. Hai mẹ con hoàn toàn một gương mặt, chỉ hơi khác một chút vì người tôi gặp bây giờ tuổi nhiều hơn người tôi gặp hồi xưa.

Lặng đi một hồi, rồi khẽ thở dài ông Định nói tiếp:

- Hạnh, nó là giáo viên cấp một, đã lấy chồng, có hai con. Nhà ở Bạch Mai, chật chội, sống cũng vất vả. Căn cứ vào chính sách hiện nay, tôi đã thu xếp để vợ chồng cô ấy được sở hữu lại một phần tài sản của dòng họ. Nghĩa là toàn bộ tầng trên của ngôi nhà đường Nguyễn Thái Học. Thủ tục vừa xong hôm nay và tuần sau gia đình Hạnh sẽ chuyển về ở. Ấu cũng là tình đời run rủi, cũng đúng hôm nay, người tôi nhờ tìm đã tìm ra địa chỉ của anh và đã điện ngay cho tôi. Từ đây sang đây, ba phút đi bộ. Tôi nghĩ anh cần chuyển sang đây ở cùng cháu Hạnh.

- Con tôi... Ôi không, tôi chưa thể thế được... - Ông Phúc thều thào, mắt nhắm, nước mắt lã chã - Tôi cảm ơn anh vô cùng... nhưng tôi...

- Tùy anh, anh Phúc ạ. Thư thư cũng được, nhưng rồi thế nào anh cũng phải sang với cháu. Thú thực là còn một chuyện nữa đây mà không biết anh sẽ tính sao. Nghĩa là... bởi vì mẹ cô bé khi mới bốn tuổi nên Hạnh, cháu nó biết rất ít về mẹ. Nó chỉ biết có ông bố. Có điều, ông bố mà Hạnh nó nói lại không phải anh. Nó chẳng hay biết gì về anh cả. Có thể chị Quỳnh có nói nhưng còn quá nhỏ nên Hạnh nó không hiểu, không nhớ chẳng. Thậm chí nó hề không biết ông bố của nó không phải bố đẻ. Có lẽ bởi vì ông này đã là người rất gần gũi với cháu từ lâu trước khi mẹ cháu qua đời.

- Đây là Bách, có phải không? - Ông Phúc thì thầm, cặp môi run rẩy - Trần Văn Bách?

- Khi Hạnh nó bảo bố cháu năm kia, trong một giây, vì bất chợt, tôi đã nghĩ nó nói anh, anh đang nằm ở đó. Ông ta bị chứng nhũn não, vô tri và bất động tại giường như thế đã hơn hai năm. Khuôn mặt người ốm khiến tôi ngờ ngợ, dĩ nhiên tôi thấy rõ không phải là anh. Tôi hỏi bố cháu tên gì. Tên Bách. Thì ra là thế. Tôi sức nhớ. Người này nhiều năm về trước tôi đã gặp. Gặp chính trong thời kỳ tôi thụ lý vụ án có tên anh. Cháu đẻ năm nào, tôi hỏi. Năm 55. Tôi chẳng hỏi thêm nữa. Và cho đến nay tôi vẫn giữ kín, chưa hề bật cần nói lộ ra với Hạnh một điều gì. Mà thực ra tôi có thể nói gì. Chuyện đã thế rồi, lại sau chừng ấy thời gian. Chẳng nói từ 55, chỉ từ 75 tới giờ nào ai biết đã bao nhiêu nước chảy qua cầu. Thế nhưng ấy là nói vậy, chứ dù thế nào thì cháu nó vẫn phải được chính anh kể cho biết sự thật. Một sự thật của cả đời người. Một sự thật như thế mà cháu nó không hay biết thì coi như không hề được biết ý nghĩa của cuộc đời.

* * *

Ngày hôm sau ông Định bay vào và từ đây không trở ra Bắc một lần nào nữa. Và cũng không thư từ gì với ông Phúc.

Ông Phúc thì vẫn thế, một mình một bóng, qua ngày. Nếu để ý, người ta sẽ thấy ông năng đi dạo hơn trước và chỉ dạo loanh quanh một khúc ngắn trên đường Nguyễn Thái Học. Ông thường ngồi hàng giờ tại một quán nước ở vỉa hè bên số chẵn, nhìn dòng đời qua lại và nhìn sang ngôi nhà bên kia đường. Mặt kém nên ông không sao thấy nổi nét mặt của những người đi ra từ ngôi nhà ấy, nhưng ông lại không thể dạn lên đề lân sang.

Thực ra đã bao lần ông đi từ nhà tới đây với ý định quả quyết là sẽ bước vào cổng nhà 47, sẽ lên cầu thang và sẽ gõ cửa phòng cô giáo Hạnh. Ông nhắm thuộc lòng những điều ông sẽ nói với con gái mình. Nhưng rồi lần nào đến phút cuối cùng ông cũng tự lùi bước. Thái độ ngập ngừng do dự đã trở thành cố hữu. Con người ông ngày một nguội đi. Đầu óc buồn ngủ, trái tim uể oải. Và rồi rồi, buông xuôi trong buồn nản.

Mùa thu năm nay mưa tầm tã. Và mới tàn thu đã gió mùa đông bắc. Trên trang nhất một tờ báo của Sài Gòn ra từ tuần trước, người ta đăng ảnh và tiểu sử của ông Định giữa một khung đen, đường viền in đậm nét. Tờ báo từ Thành phố gửi ra cho ông Phúc theo đường bưu điện phát chuyển nhanh, kèm

một phong thư. Deo kính lên, chậm chậm ông Phúc lần đọc những dòng tiểu sử, tóm tắt cuộc đời chiến đấu đầy sóng gió của người bạn học thuở xưa. Rất lâu, ông ngấm bức ảnh người đã khuất. Trái tim già nua nhức nhối và nước mắt nóng rục đau nhói tròng mắt như kim châm. Ông chỉ đọc được một dòng đầu của lá thư rồi không đọc tiếp được nữa. Mắt nhòa đi. Thư của Hạnh. Cô xưng con. “Còn nhận điện, vào đến nơi, vừa kịp buổi chiều cuối cùng của bác Định...”

Suốt đêm, ông Phúc ngồi ở đi vắng, mắt nhắm mà không tài nào chợp mắt. Ngoài cửa sổ, Hà Nội tiết tàn thu, gió thổi, mưa rơi, lá rụng.

Ông nhìn những dòng chữ nắn nót, nét chữ mềm mại của lá thư con gái ông. Nhưng dường như không phải ông đọc thấy những dòng chữ của lá thư mà là từ trong tâm trí ông những dòng chữ tự thân hiện lên. Những dòng của quá khứ xa vời vợi, đêm nay mới trở về từ đáy sâu quên lãng. “Nhờ vậy mà giờ đây dù có phải xa lìa, dù có phải mất anh mãi mãi em vẫn sẽ mãi mãi còn anh...”

Tôi muốn nói, lẽ đời là vậy đấy. Bởi vì là một nỗi đau nên quá khứ còn sống mãi. Và bởi nỗi đau quá khứ còn sống mãi nên về sau ta mới có được một quãng đời êm lặng, một nếp sống bình yên, một tư duy thư thả, một tấm lòng khoan thứ và một cảm giác có hậu với cuộc đời cùng số phận.

Trại “bảy chú lùn”

Một buổi chiều, từ lâm trường Mồng Ba tháng Hai, tôi đi bộ về đồn biên phòng A10, một mình dọc theo lối mòn chạy men bờ tây Sạ Thầy. Còn chừng hai giờ nữa mới đến nơi. Bóng tối trong rừng lộ ô loang ra, tràn rộng, hòa vào hơi ẩm trên mặt sông. Phía trước vệt đường mỗi lúc một mờ, chạy lẩn khuất, lút trong cỏ. Bên đường cây cối rì rầm lo lắng. Tôi đã mệt như không sao đi nhanh hơn được. Chợt có tiếng sấm. Con giông kéo đến. Một đám mây tối màu nhô lên trên các mỏm đồi trọc bên bờ đông, lớn lên rất nhanh và thậm đặc lại như một chậu mực tím không lồ đổ ụp ra giữa trời. Những dải mây dài và dẹt, màu xám, ruồi vượt lên trước, lướt qua sông, băng ngang trên đầu tôi. Bầu không khí nóng ngột bị gió mạnh nổi lên lừa đi. Cây cối ngã nghiêng, những lùm lau chít ven sông bị đè rạp. Mặt nước nhàu nát nặng nề đập sóng vào bờ dốc đứng. Tôi tiến lên một cách khó nhọc.

Mưa rơi lộp độp, ánh chớp lóe lên và sau một tiếng sét kinh hồn làm lay chuyển núi rừng con giông bùng ra. Mưa như thác. Tôi gập người xuống chạy. Nhưng gió giật dữ dội và mặt đất như sắp lật nghiêng xuống nước. Sợ hãi, tôi náu vào một thân cây lớn.

- Ai đấy?

Tôi giật mình ngoái lại. Người vừa hỏi đứng đâu đó rất gần, trên đường mòn, nhưng tôi chẳng tài nào trông thấy. Trước mắt tôi kịt, chẳng chịt mưa quất.

- Ai? - Người kia lại hỏi, giọng sang sảng.

- Tôi là nhân viên bưu điện. Còn anh?

Nhờ ánh chớp tôi đã nom thấy cái bóng vừa từ dưới đất mọc lên ấy: cao lớn, ở trần, lưng đeo gùi.

- Anh đến A 10 hả? - Anh ta bước tới một bước.

- Vâng. Đến A 10, - Tôi đáp - Nhưng mưa. Bất ngờ quá.

- Mưa *lật mùa* đấy! Tôi ở đội bảo vệ của lâm trường.

Lúc này gió đã dịu hơn, mưa cũng nhỏ hạt hơn nhưng trút càng mau.

- Còn lâu mới tạnh - Bóng đen nói - Về nhà chúng tôi. Chờ tạnh hẵng đi. Tôi sẽ chỉ cho lối tắt.

- Vâng, anh giúp tôi với.

Chúng tôi đi, bì bõm trong bùn, rồi rẽ phải vào rừng. Tiếng sấm rền vang trên các vòm cây. Mưa rơi trầm trầm, buồn buồn. Gió tụt lại phía sau. Tôi cúi mặt tránh các cành lá, và đưa tay bám chắc vào cái gùi to lù lù như chiếc thùng phuy trên lưng người đi trước. Rừng thưa dần, rồi tới một bờ suối. Chúng tôi đi qua một cây cầu tre tròn trĩnh, đứng đưa, nhưng có tay vịn.

Cuối cùng người đi trước dừng lại. Cửa rào mở loẹt quẹt. Tôi đi vào một cái sân với lối đi rải sỏi. Cuối sân, dưới ánh chớp, hiện lên một mái nhà lợp lô ô. Thềm nhà cao, hiện rộng. Người đàn ông hạ gùi và đẩy cánh cửa. Cửa không cài. Chúng tôi vào buồng. Tôi mò, đăng đăng mùi khói xông muối.

- Trút đồ ra đi! - Chủ nhà xẵng giọng - Không có ai nữa đâu.

Tôi hạ bóng và cởi quần áo.

- Đưa cả đây để mang hong. Khăn đây này! - Anh ta nhăm nhẩn. Xách mở áo quần ứt anh bước ra ngoài qua lối cửa sau. Tôi chưa kịp lau hết người thì cửa lại kẹt mở, chủ nhà vào, cầm trên tay một cây đuốc cà boong, đi tới bàn châm lửa vào bắc đèn hoa kỳ, rồi cắm cây đuốc vào hộc cột cạnh cửa chính.

- Mặc vào, - Anh ta ra lệnh và trao cho tôi một bộ đồ bộ đội đã tàng, song lạnh lặn, được gập xếp phẳng phiu.

- Hơi ngắn hả? - Anh ta hỏi - Thôi đành vậy, mặc tạm.

Thì ra, anh ta không cao lớn như thoát đầu tôi tưởng, trái lại, thấp người, có thể nói là lùn. Cỡ như tôi, chỉ được có mét sáu chiều cao mà còn vượt anh ta nửa cái đầu. Vóc người anh to ngang, bè ra. Vai rộng lạ lùng, lưng gấu, hơi cồng cồng. Dạ dẻ dường như dày cộp, màu rỉ sắt, nom khô và ráp. Tay chân ngắn nhưng rất khỏe, không cuộn cuộn bắp thịt mà to xù xụ. Còn khuôn mặt thì... thú thực, hiếm khi tôi thấy một bộ mặt trông thô như thế. Anh chau mày lại khi nghe tôi ngỏ lời cảm ơn, và vờ về lầm lầm, chẳng nói rằng bỏ đi ra, sập cửa lại.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế băng bên bàn, đưa mắt ngó quanh, trong lòng buồn bã: ban đêm, trong rừng, dưới mưa, thật chẳng có gì đáng để vui.

Nhà ba gian, mái lợp lồ ô, không có trần, không có vách ngăn và tuy sạch sẽ, ít muỗi nhưng chẳng có đồ đạc gì cả. Ở gian giữa đặt cái bàn này với chiếc ghế băng. Trên vách liếp có chân dung Hồ Chủ tịch và lá quốc kỳ rộng chừng phần tư thước vuông, bằng vải thô, đã phai màu. Một băng khẩu hiệu cũ kỹ "Tất cả cho thắng lợi cuối cùng". Gian phải để trống, trên vách giắt mấy cây rựa, ở góc dựng một ngọn lao. Giường kê ở gian trái.

Một chiếc giường nom là lạ, vì quá nhỏ, có thể nói quá xinh xắn. Trên giường trải một cái chiếu ni lông hoa nhưng không thấy gối màn gì. Và ở bên trên ô cửa sổ phía cuối giường có một cái giá treo xếp độc một cái ba lô xếp dùm. Ngoài ra tuyệt nhiên chẳng còn gì khác nữa trong ngôi nhà này. Tôi thờ dãi ngán ngăm và buồn tỉnh, không có cách nào để qua thời gian, đành dỡ tất cả thư từ, sách báo trong bông ra mặt bàn, trao đi, xếp lại như trang bài.

Chủ nhà vào, đặt lên bàn một đĩa sắn luộc.

- Chắc anh ngấy thứ *sâm* này lắm, - Anh ta nói, giọng khàn khàn - Nhưng ngoài nó ra thì tôi...

- Tôi không đói đâu.

Chúng tôi im lặng. Chủ nhà ngồi xuống chiếc ghế dài bên kia bàn, đối diện với tôi.

- Thư từ lắm nhỉ, - Anh ta cất tiếng - Còn khô ráo cả chứ?

- Vẫn khô nguyên, - Tôi đáp và tò mò nhìn anh, hỏi - Anh tên gì nhỉ?

- Tôi là Mộc!

- Mộc à... Mộc, để xem nào - Tôi vỗ trán - Cửa Mông Ba tháng Hai đã gửi hết ở lâm trường bộ rồi, hình như...

- Tôi chẳng có đâu, - Chủ nhà ngắt lời - Họ chẳng có ông trời muốn biên thư cho tôi.

- Sao thế? - Tôi ngạc nhiên.

Mộc nhăn mặt lặng thinh. Ngoài kia vẫn đang mưa như trút. Tôi gói các thứ vào ni lông, nhưng để chưa lại một tờ tạp chí Văn nghệ Quân đội, đẩy sang phía anh.

- Thôi, khỏi - Mộc từ chối - Cứ mang cả lên đồn cho anh em. Họ thiết lắm, còn tôi thì... ờ, thì khi nào rảnh rồi sẽ mượn đọc chơi. Mà này, anh đừng sốt ruột. Cứ phải khô xong quần áo thì mới tạnh. Cũng chóng thôi. Vào cỡ này lấy đâu ra nước mà hong mưa dai.

- Anh hẳn là thông tỏ thời tiết ở đây lắm nhỉ?

- Thông tỏ ấy hả? - Mộc lắc lắc đầu, rồi phẩy tay - Làm sao không thông, hai chục vụ rẫy rồi, ít ỏi gì mà không tỏ.

- Hai mươi năm? - Tôi sững sốt.

- Ủ, mỗi năm một vụ mà, - Mộc đáp - Phải. Đã hai chục năm rồi. Tết năm 62 ấy, anh biết không, chúng tôi đã có mặt ở bờ Pi Hà. Chính là vào thời gian đó, anh ạ, tôi bắt được lá thư cuối cùng của gia đình. Thư gửi đi từ đầu năm 60 kia. Biết được thế là nhờ cái dấu tròn của bưu điện ngoài ấy nom còn rõ chứ còn lá thư thì đã bị mưa gió rừng Lào làm cho nhòe xanh hết cả. Và từ đó là hoàn toàn bất tin nhà. Mãi tới cuối 66, tình cờ có cậu cùng làng đi vào khu Sáu tôi mới hay rằng mẹ tôi đã mất từ năm 61, chị tôi đi lấy chồng xa tận trên vùng mỏ. Còn lại được thằng em trai, nhưng rồi cũng vào bộ đội, chết đầu đó bên Lào, năm 65.

- Anh quê ở đâu?

- Ở Sơn Tây. Hòa Lạc. Thạch Thất. Năm 59, mười tám tuổi, tôi đi bộ đội nghĩa vụ. Thế mà mãi 77, đúng thêm mười tám năm nữa mới về thăm quê. Làng xưa đổi khác, chẳng còn là làng nữa, thành sân bay quân sự mất rồi.

Nói đến đây, Mộc nặng nề lặng im. Nước mưa ào ào tuôn dọc những lòng ống lồ ô, xối xả đổ xuống ở các đầu chái. Hơi ẩm lạnh lẽo lùa qua cửa sổ. Trong xó nhà, một con dế rì rỉ gáy.

- Đận ấy cũng rất muốn lên tận Quảng Ninh tìm cho ra bà chị gái, - Mộc nói tiếp, giọng trầm trầm - Ngặt nổi đang mùa đông, con bé con không chịu nổi rét mướt miền Bắc, mà tiền nong lại chẳng được bao lăm, hai bố con tôi không thể nấn ná, phải mau quay vào ngay trong này, trở lại rừng. Từ đó, chẳng còn dịp nào ra nữa.

- Thế con gái anh đâu?

- Tôi vừa cho cháu ra trọ học ngoài Đắc Tô. Ở trọ cực lắm, bố con lại chưa bao giờ xa nhau, nhưng phải đành. Đã mười ba tuổi đầu mà vẫn chưa chữ nghĩa gì sất cả. Tại đây chưa có trường sở, tôi thì bận bịu và cũng chẳng biết cách dạy chữ cho trẻ, thành thử... Xa cháu, tôi buồn lắm. Cứ mong cho chóng tới ngày nó đủ chữ viết nổi được cho bố nó được đôi dòng. Đến khi đó thì phải cậy anh giúp đỡ, lưu tâm hộ, đừng để thất lạc của cháu.

- Thế chị ấy đâu? - Tôi hỏi - Vợ anh ấy, chị ấy đâu mà chỉ có hai bố con với nhau?

- Cái gì? - Mộc trợn mắt - Ai?

Tôi bối rối, lúng túng xin lỗi về sự tọc mạch của mình.

- Gì đâu mà, - Mộc làm bầm - Sao phải xin lỗi... Chẳng qua là vì tôi thì vợ con gì cơ chứ.

Đáp lại cái nhìn dò hỏi của tôi, anh giải thích:

- Khi vào đây tôi là bộ đội. Giờ chuyển ngành rồi nhưng là chuyển ngành tại chỗ nên cứ quanh quẩn một dọc rừng này. Thử hỏi làm sao kiếm cho ra một cô vợ. Với lại, anh thấy đấy, tôi già rồi, ham gì nữa...

Ngẫm nghĩ một lát anh nói tiếp:

- Vào chiến trường từ thuở 62 mà giờ vẫn còn gáo, chẳng phải do tài giỏi gì, chỉ bởi suốt mười ba năm chiến tranh tôi chưa từng một lần đi đâu ra khỏi vùng ven Sa Thầy này. Chưa từng nếm mùi trận mạc. Thuộc lớp lính tiên phong của B3 mà chưa từng biết thắng Mỹ mấy ngang mũi dọc thế nào. Cho nên phải chịu lẽ bù trừ: được sông tới tuổi này, bốn mươi hơn rồi, nhưng mất gọn tuổi trẻ.

Mộc gõ gõ ngón tay lên mặt bàn, lặng im một lát, rồi tiếp tục kể:

- Mới chớm chân qua biên giới tôi đã sốt ngay rồi. Sốt rét ác tính, suýt chết. Rồi nữa là bị phù, nề hết cả người. Bị ngờ là nhiễm hủi. Coi như mất sức chiến đấu. Bảy giờ mà đang mùa khô thì cầm chắc là tôi đã được ra Bắc. Nhưng lại đang tháng Bảy, mùa mưa. Đơn vị gửi tôi về năm điều trị ở trạm anh Nua. Trạm ấy là một dãy lán mà chỗ của nó bây giờ là nền của căn nhà này.

- Sao lại gọi trạm anh Nua?

- Vì anh Nua ở đây. Anh Y Nua, người Ê Đê.

Mộc thở dài, kể tiếp:

- Bề ngoài, Y Nua đã gần giống như một người rừng. Anh ấy dựng lán ở đây từ sau ngày Hiệp định Giơ-neo, sông lún lút, làm nương, làm rẫy tạo chỗ ăn ở, đi về cho cán bộ của tỉnh ủy Công Tum qua lại biên giới. Bản thân thì đói ăn, áo quần vỏ cây, đêm nằm ổ lá. Từ ngày tiêu đoàn tôi từ Xê Nọi tiến vào Tây Nguyên thì cái lán của anh Nua là một trong những cơ sở hậu cần đầu tiên của quân ta trên chiến trường này.

Mùa mưa năm 62 ấy, ngoài tôi còn năm đồng chí nữa là bệnh binh được đưa về đây. Anh Nua một mình nuôi dưỡng chúng tôi, kịp tới mùa khô giao liên về đón thì tất cả đều đã đủ sức lên đường ra

Bắc. Nhưng đúng buổi chiều trước hôm chúng tôi rời trạm thì Y Nua chết ngoài nương. Một thân cây lớn vật xuống ngược chiều giẫm lên anh ấy. Chôn Nua xong, không ai bảo ai chúng tôi đồng lòng ở lại cánh rừng này, với ý định ban đầu là tiếp tục vụ rẫy mà anh ấy đang làm dở.

Phát rẫy, đốt nương, tĩa lúa, trồng bắp tuy là việc nặng nhọc nhưng lại chẳng mấy phức tạp nên không lâu tất cả chúng tôi đều thành thục. Và khi trung đoàn mở trận đầu tiên, trận Plây-mơ-rông, mùa khô năm 63, thì lương thực cho bộ đội hoàn toàn là do sáu anh em tôi sản xuất. Thế là từ đó chúng tôi chính thức sống cuộc đời lính “chọc lỗ”. Không ra Bắc nữa, cũng không trở về đơn vị chiến đấu, chúng tôi bắt tay vào vụ thứ nhì, rồi vụ thứ ba, thứ tư. Và cứ thế, cứ thế mãi...

Mộc cúi đầu xuống, thở nặng nhọc. Ngoài đêm mưa đã tạnh từ bao giờ. Đầu hiên tiếng nước giọt tí tách. Trên cửa sổ hình bóng của những chùm cây ướt át hiện lên lay động trong bóng tối phẳng lặng.

- Cơ ngơi của Y Nua lớn dần lên nhưng gian khổ còn lớn mau hơn. Nhưng nặng nề nhất, khổ nhất là cảnh cô độc. Thực vậy. Cô độc kinh người giữa bốn bề rừng già vẫy vẫy. Sẽ quen thôi. Nhưng đâu phải chỉ vài năm là quen nổi. Có thời kỳ hàng năm chẳng ma nào lai vãng tới giảng sơn u ám của anh em tôi. Nhưng có sao đâu điều đó. Chúng tôi là lính tặc gia B3 mà anh. Chúng tôi chỉ biết làm lụng, làm lụng cật lực để có lương thực, lương thực thật nhiều, không phải cho bản thân mình mà cho anh em đồng đội đang chiến đấu ở những đâu đó xa tít mù tắp bên kia đại ngàn.

Chúng tôi chẳng biết gì mấy về tình hình chiến sự. B52, B57 ném bom ầm ầm xuống những đâu đó có vẻ xa vô chừng. Chưa bao giờ vùng này bị bom. Thỉnh thoảng có thằng C123 mò lên rải chất độc làm trụi lá rừng nhưng chẳng hề hấn gì lắm tới sản lúa của chúng tôi. Ngay cả thời kỳ bọn sư đoàn 4 Mỹ mở trận càn Đông Sa Thầy, ở đây cũng chỉ nghe tiếng súng cỡ lớn. Cuộc sống như vậy, anh thấy đấy, thật náo nức. Như bị bỏ quên, trong khi sức lực ngày một kiệt. Gánh nặng nương rẫy bẻ oằn sống lưng. Thân thể bị xô lệch. Mặt mày dềch dạc, già sụm đi. Lính tráng ở Cánh Bắc B3 gọi đây là trại Bảy chú lùn.

- Bảy chú lùn? - Tôi hỏi lại.

- Phải! Bảy, là kể cả Y Nua nữa. Còn lùn thì chả hiểu sao anh em họ gọi thế. Lâu ngày thành quen, ai cũng gọi thế cả. Trại Bảy chú lùn.

- Thế có nàng Bạch Tuyết nào không? - Tôi hỏi, hoàn toàn không có ý đùa bỡn.

Mộc không trả lời, tiếp tục kể:

- Bảy chú lùn, gọi thế, nhưng khi tên ấy đã thành quen thì đã chẳng còn đủ bảy. Sau Y Nua, là Tý. Chết năm 64. Cũng bị cây đè. Chết vậy khổ lắm. Hết như nhau, các anh ấy lên cơn sốt lúc đang phát rẫy. Cây gãy, chuyên răng rắc, nhưng mặt hoa, chân tay run giật, đáng lẽ tránh sang trái lại bước sang phải. Mà khi chưa tắt thở thì chưa thể nhấc cây lên được. Trông sợ lắm. Cầm run bần bật, răng cắn nát môi, tóc bết vào trán, và máu thì không rỉ một giọt, mặt tím thâm, và tỉnh táo, chịu trọn cái đau cho đến lúc chết. Mọi người xúm quanh, bất lực. Sang mùa khô 65, Tâm lại cũng bị y thế. Sốt rét, đói muối, làm lụng không ngơi, sức kiệt... Nguyên nhân tai nạn là vậy. Biết vậy chứ làm thế nào mà tránh. Đến năm 67 lại chết thêm Hình. Nguyên do thế này: tới năm đó, đàn heo của trại chúng tôi đã hơn trăm con, nuôi thả bên kia suối. Vì vậy hồ cũng bắt đầu lượn lờ ngoài ngõ. Cuộc chiến giữa chúng tôi với bọn chúng ác liệt, kéo dài, có thể nói đẫm máu. Nhưng Hình không phải bị hồ vồ mà vì cháy rừng...

Mộc ngời lặng một lúc.

- Tới ấy, con heo nái khá nhất của trại bị hổ công mất. Điên ruột, tôi và Huy xách súng rượt theo dấu máu quyết khử bằng được con quái vật. Hình đang sốt nên ở lại trông trại. Gần sáng, thì hạ được con hổ già ấy, khiêng về. Nửa đường, đang qua núi, trông về phía trại mà sững người: màn đêm bầm đỏ, phồng lên một mảng. Liệng con thú xuống cái phịch, chúng tôi đâm mình chạy, cắt chéo rừng tre gai, băng tuốt qua hồ lầy bãi sinh, một hơi không nghỉ, bỏ về nhà. Khu bên này suối: nhà ở, bếp núc, lò rèn, vườn ươm còn nguyên, nhưng bên kia suối với kho lương, kho thực phẩm, giống má, chuồng trại chăn nuôi thì cháy rụi. Có thể từ đây, qua màn khói, trông thấy dải đồi bên bờ đông Sa Thầy. Nghĩa là đêm ấy lửa đã ngốn ngon ba chục héc ta rừng dọc bờ tây Sa Thầy. Cũng là kiểu cháy vòng tròn nhưng không phải từ tâm cháy ra mà từ ngoài cháy ập vào như lối ta đốt rẫy. Thêm nữa, lửa còn từ dưới đất cháy trồi lên. Lá mục, mùn khô dày hơn nửa thước, đủ độ lửa mà bùng cháy lên thì khác nào bị tâm xăng.

Lại không may phải đêm trời động gió. Lốc xoáy như rồng vặn, cuộn tròn lấy tán rừng. Mất ba ngày lội trong tro nóng, mới tìm thấy chút hình tích của Hình ở gần chỗ vón là kho lương thực. Cậu ấy muốn cứu kho và cứu đàn heo nên đã liều mình với lửa mà sức thì đuối không thể chọi nội với vòng vây thít lại quá nhanh và hung tàn như thế. Vậy là, sót lại trên đời, tôi, Huy, hai thằng... Thế mà, cuối mùa mưa 68, kỷ niệm sáu năm kết nghĩa vườn đào, đến lượt Huy, người anh em thứ sáu của tôi bị một cơn sốt ác tính vật ngã ngoài rẫy lúc đang cùng tôi làm cỏ lúa.

- Thế không có lực lượng bổ sung hay sao hả anh? - Tôi thì thầm.

- Cái gì cơ? Bổ sung ấy à, bổ sung! - Mộc phẩy tay - ở B3, các đơn vị chiến đấu cũng ít nghe đến chuyện đó, huống hồ một trại tăng gia ở tuyến sau.

Một lúc trầm trong im lặng rồi Mộc nói tiếp:

- Cái việc bổ sung quân số mà anh hỏi ấy mà thì đúng là chẳng có đâu. Nhưng sau khi Huy chết rồi thì cũng không phải là tôi đã sống một mình cô lẻ. Nếu mà phải như thế, có lẽ tôi đã chẳng đủ gan trụ lại xó này. Thật ra thì cô ấy đã có mặt ở vùng này từ trước đó, khi trại còn được ba anh em. Hồi bấy giờ, đường dây giao liên từ Tà Xẻng vào Khu Sáu, cắt qua B3, có một cung lượn đến gần trại chúng tôi. Trạm giao liên kiêm bên dò ở ngay sát chỗ tôi và anh gặp nhau đó. Buổi đầu, giao liên là hai cậu người Bình Thuận, sau thêm cô ấy. Người Hải Phòng, tên là Nga, vốn là thanh niên xung phong ngoài 559.

Một hôm, chiều tối, từ ngoài rẫy một mình trở về muộn, tôi sưng ra, không tin vào mắt mình nữa. Căn nhà chúng tôi đầy sáng ánh đuốc, Tiếng đàn ghita, rồi một giọng con gái cất cao, hát lên bài hát của thanh niên xung phong: “Đời chiến đấu, đời gian nan... nhưng hồi tuổi trẻ đẹp tươi, hạnh phúc trong đời là chiến đấu...” Tôi dừng ở ngưỡng cửa. Cuộc vui kéo dài có lẽ đã khá lâu rồi. “Đồng chí Nga, giao liên T65, từ nay là hàng xóm của chúng mình”, Huy giới thiệu cô gái lạ với tôi. Một cô gái trẻ măng, người cao, cân đối, nước da bánh mật, tóc tết đuôi sam. Cô ngừng hát. Khuôn mặt thanh tú hết sức ưa nhìn thoảng vẻ bên lên. “Ôi, từ nay những gì rồi sẽ đến với cánh ta đây hả các bạn?”, tôi thầm nghĩ. “Năm tháng vinh quang, khổ đau bất tận...”, cô ta lại bắt dây đàn và hát, người uốn éo, mặt tái đi, mắt vừa rục lên vừa tối lại, và giọng hát thì tuyệt hay, khi vút cao khi bất ngờ tắt lặng.

Cho đến tận bây giờ, những chiều từ rừng trở về muộn, tôi lại thỉnh thoảng thỉnh linh trông thấy buổi tối ấy, nghe thấy tiếng hát ấy, và nhắm mắt lại tôi nhìn thấy các đồng chí, nhìn thấy Nga...

Cuối năm 67, trong một chuyến đưa khách về Ân Cốc, hai đồng chí nam ở T65 bị bọn thám báo Mỹ phục kích giết chết. Cũng thời gian đó ở đây xảy ra trận cháy rừng, chúng tôi mất Hình. Lửa cũng hủy luôn toàn bộ nhà cửa lán trại của trạm T65. Tôi mời Nga chuyển vị trí trạm vào trong trại ở chung với chúng tôi. Nhưng Nga từ chối, và như là giận gì chúng tôi, cô di hãn vị trí của cô sang bờ đông. Và thừa hãn đi lại.

Giữa tôi và Huy, ai buồn hơn, khó mà biết được. Nhưng có lẽ tôi thì cứng rắn hơn một chút, còn Huy mềm yếu hơn. Huy vốn thói tiêu rất hay, nhưng ít thôi và từ lâu đã không thấy nhìn ngó đến. Vậy mà bây giờ, tiếng tiêu của Huy ngày ngày nghe cất lên bên bờ sông trong bóng chiều chạng vạng, làm nhau ứa nước mắt. Tính đã lặng lẽ, Huy càng trở nên lặng lẽ hơn. Và tôi thì còn thỉnh thoảng sang sông thăm Nga, làm việc này việc nọ giúp cô, chứ Huy thì không một lần. Những khi họa hoằn có Nga sang chơi, y như rằng Huy bỏ đi cố tình tránh mặt.

Mùa mưa 68, Nga không rút qua Lào như mọi năm. Cô được lệnh chốt lại, nhưng trên chẳng còn người nữa để điều thêm về trạm. Một mình Nga một cung trạm giao liên.

Bữa Huy qua đời, tôi không thể kịp báo tin cho Nga. Nhưng, không hiểu bằng cách nào mà Nga vẫn hay tin. Chiều hôm sau, mặc dù đang lũ lớn, Nga qua sông. Trước tiên, Nga vào khu nghĩa trang của trại viếng mộ Huy và những người anh em đã khuất của tôi. Rồi cô vào trại tìm tôi. Cô nói: “Từ nay, em sang ở cùng anh”. Từ đây, trại Bảy Chú Lùn và trạm T65 là một.

Cũng căn nhà này đây, nhưng hồi ấy là nhà âm. Tôi gian bên phải, Nga gian trái. Gian giữa này dành cho khách. Khách vào, khách ra theo đường dây của Nga sống chủ yếu bằng nguồn lương thực của trại. Những ngày mưa lớn tôi chống đò đưa Nga và những người khách của cô vượt lũ Sa Thầy. Nhiều lần theo yêu cầu của Nga, tôi đi cả đò dọc. Nhưng càng ngày người nhập trạm vào khu Sáu càng thưa hơn,

người từ đó ra lại càng ít nữa. Nga thường xuyên ở trại. Cô đảm nhận tất tât những việc ở nhà để tôi chuyên tâm hoàn toàn chuyện nương rẫy. Những việc ở nhà vừa không kém cực nhọc vừa lách nhách: sấy sắn, sấy măng, phơi cá, tưới rau, trừ mối mọt cho các sạp kho, trông nom gà lợn... Những khi tôi ốm đau, mà dạo đó sức kiệt quá rồi, tôi ốm đau luôn, Nga chăm bẵm, nâng giấc cho tôi và đôi khi lên rẫy thay tôi. Thương nhau, gần gũi nhau thế và trong cô đơn dè dặt, giữa hoang vắng đêm trường, vậy mà... Tôi rất hiểu. Không phải là không chịu đựng nổi nhưng Nga ngăn vô cùng loại công việc của chúng tôi. Thêm nữa, tình hình chung trên chiến trường dần ép nặng nề tâm trạng Nga. Thời kỳ sau Mậu Thân ở B3 ra sao có lẽ chẳng cần phải nói nữa, mà ở Khu Sáu thì thôi càng miễn phải luận bàn. Nói chung là tối tăm mù mịt. Tình hình ở đầu đường dây và ở cuối đường dây thế nào, tại đây chúng tôi chỉ có thể phỏng chừng. Và anh có thể tưởng tượng nổi là suốt cả một năm 1969, ba trăm sáu mươi lăm ngày đêm, chỉ có tôi với Nga, Nga với tôi. Lương thực tích trong kho, trong vựa không có đơn vị nào đến lĩnh. Bởi vì làm gì còn đơn vị nào nữa trên Cánh Bắc này. Tạt cả sang Miền, hoặc rút hết xuống Cánh Nam rồi.

Tôi thì chẳng nói làm gì, hẳn là còn quá cả Y Nua ngày xưa, nhưng đến Nga cũng bắt đầu phải cảnh rách rưới tới mức hở hang. Tình cảnh ấy, tôi thấy rõ, với tôi nặng nề một thì với Nga nặng nề mười. Cô đau khô, cảm thấy bị cầm chân, bị bỏ quên, và dần dần như là cô bắt đầu oán giận tôi. Nhưng điều làm tôi ngại hơn cả là khi thấy ở Nga chớm dần lên những biểu hiện của tâm trạng lâm lụi, u uẩn của chính tôi. Sự giống nhau dần dần ấy khiến chúng tôi thêm lặng lẽ xa cách nhau. Y như tôi, Nga có thể không hé nửa lời trong một tháng, hai tháng, nếu không nói rằng sẵn sàng im lặng cả đời. Nhưng tôi là đàn ông, và chẳng bản tính có lẽ đã sẵn như vậy, còn Nga thì đâu phải thế, cho nên rõ ràng cuộc sống ru rú một xó rừng này và sự tiếp xúc lâu dài với tôi đã tàn hại tâm hồn cô. Ý thức điều ấy nên quả tình cũng không khó gì lắm để có thể tự nén mình trong những đêm dài thao thức, nghe rõ tiếng Nga trở mình trên võng ở góc kia căn nhà, cách võng tôi chỉ mấy bước. Nhưng có lắm khi, chẳng hạn, từ trên nương trở về muộn hơn bình thường, từ xa nhìn thấy Nga đứng ở cổng trại mỗi mắt ngóng lên rừng chờ đợi mình, hay khi sẵn được con thú, đủ chất tươi cho cả tuần, hay kiếm được quả bưởi rừng về tặng, thấy Nga vui thích, tôi lại tự dối lòng. Đôi khi, bất chợt tôi nhìn như nuốt lấy cô, thật không thể nào nói khác được, khi thì nhìn ngắm lén lút. Và như vậy là hạnh phúc, hay như vậy là đau khô, tôi chẳng biết...

Rồi, bước sang năm 70... Hôm ấy là ngày đầu năm, lần đầu tiên sau suốt một năm ròng có những người khách tìm tới trại. Đó là một tập ba trinh sát viên của trung đoàn Plâyme. Họ đi đâu, làm nhiệm vụ gì, chúng tôi không hỏi, họ cũng chẳng nói, song đã là lính sư 10, lại là trinh sát, ắt là phải đi vì những việc quan trọng. Chắc chắn sự xuất hiện của ba chàng quân báo đẹp trai, dũng mãnh này phải báo hiệu một thời kỳ mới đang tới trên Cánh Bắc B3.

Tôi cấp cho họ lương thực và thực phẩm khô quá lượng mà hậu cần sư đoàn yêu cầu chi, và chụm dao, tôi bảo Nga tiễn họ qua sông. Sang sông, Nga còn tiễn họ đi xa hơn nữa, thêm một ngày đường về hướng Đắc Xiêng.

Từ sau đó tình hình ở B3 bắt đầu có khá lên. Các đơn vị chiến đấu bắt đầu cử người tới nhận lương thực ở trại chúng tôi. Hậu cần Mặt trận điều lực lượng về hỗ trợ tôi thu hoạch gặt toàn bộ các nương lúa và rẫy sắn của vụ ấy. Cũng thời gian này dọc theo đôi bờ Sa Thầy mọc lên thêm một vài trại tăng gia khác.

Gian nan khổ cực vẫn xâm tới núi rừng nhưng sầu thương đã vơi đỡ. Đêm đêm, tiếng quân trảy dọc đường mòn khơi dậy niềm hy vọng ở ngày mai. Người con gái tươi đẹp và sôi nổi ngày nào như đang dần dần thức tỉnh trong Nga. Đã trở lại những buổi tối Nga sẵn sàng cầm lấy cây đàn và cất lên tiếng hát để chào đón và tiễn biệt bạn bè, đồng đội tứ phương dừng chân trong trại. Tuy nhiên, lòng tôi thất lại. Tiếng hát của Nga hôm nay còn đâu âm điệu phấn khích ngày trước mà buồn vô hạn, buồn như tiếng tiêu của Huy ngày nào. Và những bài ca của các trinh sát viên - những chàng trai cảm tử - là những bài ca mà Nga chọn hát. “Bạn đời ơi, đêm nay lần cuối, tôi còn ngắm vầng trăng trên đỉnh núi Ngọc Bờ Biêng...”

Đối với tôi, vốn đã dịu dàng giờ đây Nga càng dịu dàng hơn, thân thiết và quyến luyến hơn. Nhưng chẳng cần phải sâu sắc gì lắm, nông cạn và kém từng trải như tôi cũng đủ nhạy cảm để biết rằng giữa hai chúng tôi đã có một người thứ ba vô hình. Người đó đã độc chiếm ở Nga tất cả những tình cảm mà

lòng tôi bấy lâu mòn mỏi chờ mong được có. Bằng chứng đầu tiên là việc, mặc dù đường dây đi Khu Sáu qua ngã này đã bị bãi bỏ và đã có lệnh của Tổng trạm rút Nga ra Tà Xéng, nhưng cô nản nã, rồi cuối cùng làm đơn xin được ở lại B3 một thời gian nữa để giúp trại tăng gia. Tôi không thể tự huyền hoặc rằng Nga cưỡng lệnh trên như vậy là vì tôi. Tôi biết, họ đã lấy trại “Bảy chú lùn” này làm điểm hẹn. Và, bằng chứng nữa là...

Mộc xoe rộng hai bàn tay to xù, đặt ánh mắt vào đó như nhìn ngắm, sẫm soi, cổ rút lại, vai so lên một cách xấu xí, rồi không nhìn tôi anh kể tiếp:

- Năm 70, rốt cuộc vẫn là thời sau Mậu Thân. Nhất là khi mùa mưa đến. Một mùa mưa dài chưa từng thấy. Cháu bé ra đời vào đầu tháng Chín. Mặc dù bấy giờ bên bờ Đông Sa thây, cách trại chúng tôi nửa ngày đường, ở trại tăng gia tỉnh đội có mấy chị người Quảng Đà, nhưng vì suốt mấy tuần trước đó tôi không dám để Nga lại một mình nên không sang rước các chị ấy về em sẵn ở đây.

Thành ra, vậy là, chính tôi đã đỡ cho cháu ra đời, giữa một đêm mưa lụt trời anh ạ. Đã đành là rất cực, nhưng may mắn mẹ tròn con vuông. May mắn nữa là vào tiết đó việc nương rẫy đã tạm tạm nên tôi có dư thời gian để chăm sóc hai mẹ con.

Suốt mấy tháng mưa ít người qua trại, hầu như chỉ có ba chúng tôi quán quýt bên nhau. Cháu bé trở thành cuộc sống chung của tôi và Nga. Chúng tôi nói nhiều, cười nhiều hơn, bàn bạc, tranh luận và cãi nhau, giận dỗi nhau nữa quanh chuyện sức khỏe, chuyện kiêng khem, chuyện đồ ăn thức uống cho con bé. Hạnh phúc xáo động đời tôi, và hạnh phúc tốt đỉnh, thực thế, là vào một tối gần giống như tối nay, tháng 11, mưa lạt mùa. Nga ấm con ngồi trên võng, còn tôi bên bàn. Một cây đuốc, một ngọn đèn. Nga ngược mắt nhìn tôi, đưa tay vén những sợi tóc mai rũ xuống má và nói: “Anh Mộc ạ, con bé được hai tháng rồi mà mình chưa đặt tên. Em không nghĩ ra cái tên nào cho hay, anh xem...” Rất lâu, tôi ngồi lặng, chẳng nói nên lời. Thương hai mẹ con vô chừng, và tự thương mình nữa đến muốn khóc. Tôi đặt tên cháu là Nương.

Năm ấy ba chục tuổi đầu, tam thập nhi lập, tôi nghĩ, có lẽ từ nay cuộc sống của mình đã thật là cuộc sống một con người. Nhưng nghĩ vậy thôi, chứ sâu trong lòng vẫn tự biết chẳng phải thế đâu.

Anh ạ, cho đến lúc ấy mọi nguồn cơn nông nổi đã đến với Nga, tôi không hề hỏi, mà Nga cũng không thổ lộ.

Nhưng, bố của Nương là ai thì chính trọng đêm Nương ra đời, tôi đã biết. Trong cơn đau trở dạ, đã gần như mê sảng, Nga đã gọi tên anh ấy, cầu xin anh ấy xuất hiện bên cô trong giờ phút ghê gớm ấy của đời cô. Anh ấy chính là người chỉ huy tập quân báo đã xông đất trại chúng tôi hồi đầu năm. Tuy vậy, điều làm tôi choáng váng không phải là bản thân sự phát hiện ra bố của Nương là ai, mà bởi vì anh ạ, rất lâu trước đây, tình cờ tôi đã được tin chắc chắn rằng chính trong chuyến đi trinh sát đó, chuyến đi có ghé qua trại chúng tôi, họ vào điều nghiên Đắc Xiêng và không may bị lộ, cả ba người đã bị giết. Bằng vào một lệnh cấm bí ẩn nào đó, mặc dù khi đấy chưa biết Nga có mang, tôi đã không nói cho cô hay hay tin dữ ấy. Đến khi đã biết bố của Nương là ai thì tôi lại càng phải nhất thiết không được để Nga biết anh ấy đã chết. Tôi nghĩ vậy. Thế nhưng, nỗi buồn, niềm mong nhớ của Nga ngày thêm da diết và não nùng. Cô già đi, trên vùng trán đẹp để bắt đầu thoảng những nếp nhăn, má tái lại và hõm xuống. Tôi tự nhủ là cần phải nói để chấm dứt sự trông chờ vô vọng của cô. “Ngày mai mình sẽ nói”, tôi nghĩ. Nhưng ngày mai, rồi ngày mai nữa qua đi. Cho tới một hôm có một đoàn dân công người Ba Na vào trại để gửi sản khô ra mặt trận. Qua những lời chuyện trò của họ với nhau, tôi lờ mờ đoán ra được rằng họ đang vui mừng vì cuối cùng thì trung đoàn Playme lừng danh đã từ thảo nguyên Cánh Nam trở lại vùng núi Ngọc Rinh Rua của Cánh Bắc. Khi hiệu được ra cái bí mật quân sự bị lộ bém này bắt giác tôi lặng người đi vì chợt nhớ rằng Nga của tôi rất sôi tiếng Ba Na.

Tôi không làm. Ngay buổi tối hôm ấy, Nga nói ngày mai mẹ con cô sẽ từ giã tôi, sẽ đi, đi xa. Tai ù, máu như đông lại, tôi nghe mà không nghe gì hết. Tưởng như sẽ phải găm thét lên, vậy mà lạ sao, hoàn toàn lãnh đạm, bình thản tôi bảo việc đi hay ở tùy Nga, cô không thuộc phiên chế của trại này, và tôi bảo, vì tối nay, ngày mai phải lên rẫy mía coi chừng voi đàn về phá nên xin có lời từ giã trước, chúc lên đường bình an. Nói rồi, tôi ra khỏi nhà, bỏ lên chòi canh trên rừng.

Nhưng sáng hôm sau, chẳng hiểu nghĩ ngợi thế nào, tôi trở về trại với một huyền cảm rằng đã không hề có sự chia tay nào cả tối qua. Nhưng, Nga đi rồi, bế theo bé Nương, để lại trên bàn một phong thư,

cây đàn, chiếc võng dù. Mặt trời đang lên, khoảng chừng sáu giờ, rừng đang tan sương. Lòng đầy tuyệt vọng, tôi lao mình ra phía bờ sông. Dù sao trời cũng đã một chút ít động lòng: chẳng những tôi lần trúng lồi Nga đi mà còn đuổi kịp khi hai mẹ con vừa ra tới giữa sông.

“Nga...a-a-a..!”, từ trên bờ dốc cao, tôi gọi. Tuy còn bị mây che mờ nhưng vùng dương đã vượt khỏi mái rừng. Mọi vật nhuộm màu hồng thắm: cây cối, bờ sông, mặt nước. Địu con trên lưng, Nga sững lại đứng im giữa dòng. Tôi chạy xô tới, đập nước tung tóe. Mùa khô, tháng Chạp, Sa Thầy ở đoạn này chỗ sâu nhất không quá đầu gối.

“Sao lại bỏ đi? Sao lại bỏ đi? - Tôi chạy tới gần Nga, miệng rên rỉ, chân vấp dúi dúi - Sao lại bỏ đi thế, Nga!”

Nga quay lại phía tôi. Khẩu AK buông trước ngực, quai súng như xiết vào gáy cô. Dưới chân chúng tôi nước lạnh ngắt, chảy rào rào trên nền cát lấp lánh sỏi trắng.

“Đừng đi, Nga! - Tôi hăm bước, dừng lại cách cô một sải ngắn và đau đớn kêu gọi - Hãy ở lại chứ em đi đâu được, tìm ai, ở đâu, hả?” “Mẹ con em phải đi, tôi qua em đã thừa cùng anh rồi mà”, Nga trả lời với giọng gần như thờ ơ, hai tay buông thõng.

“Tại sao? - Tôi quát gào lên - Hãy đã có điều gì làm cô phật ý, hả?”

Nga lắc đầu: Không. Anh đừng nghĩ thế. Có điều, em không thể. Hãy tha lỗi cho em.

“Nga! - Tôi kêu lên và đấm ngực - Hãy quay về ngay. Làm khổ người ta như vậy là đủ rồi nghe chưa. Quay về đi em, Nga!”

Nga im lặng. Tôi ngập ngừng đứng nguyên tại chỗ. Chúng tôi nhìn nhau.

“Nga đi tìm trung đoàn 66 phải không?” - Tôi hỏi.

“Vâng. Em theo dấu đoàn dân công tìm tới hậu cứ trung đoàn - Nga đáp khẽ - Các anh ấy vừa từ Cánh Nam lên... Đã từ lâu, em nghe người ta nói anh ấy không còn nữa. Cả anh, chắc anh cũng đã biết cả. Nhưng, anh Mộc, anh nghe em, anh đừng tin lời đồn đó... Nhất định, anh ấy còn sống!”

Tôi lẳng lặng đứng trước cô, hồi lâu mới nói được nên lời: “Nhưng tại sao lại đưa Nương đi? Đường trường như thế làm sao mà chịu nổi... Và nữ lòng nào Nga xử với tôi như vậy. Đưa cả Nương đi... Không để tôi trông nom được sao? Rồi sau này thì tùy, về mà đón... Để con lại, Nga. Bởi vì, Nương cũng là con tôi mà Nga ơ!”

“Đường trường và gian nguy thế này, mang con theo em biết sẽ khó khăn, nhất là con nó phải khổ và chịu hiểm nguy. Nhưng, gửi lại, biết rằng rồi đây anh sẽ về đâu, phương trời nào mà tìm lại”... Nga nói nho nhỏ, giàn giụa nước mắt, cúi đầu xuống.

“Về đâu ư? - Tôi nói - Còn về đâu nữa mà Nga hỏi. Rừng này, nương rẫy này, trại này và mồ mả anh em kia... Hãy để Nương lại tôi nuôi nấng với. Hãy nghe tôi đi em” Tôi đưa hai tay lên trời và thiếu điều quì xuống giữa thiên nước.

Tôi run run bế lấy bé Nương. Con bé vẫn đang ngủ say. Tôi quay đi, chậm chạp bước, sức nước ùng ùng. Lặng bờ, nhìn lại, Nga vẫn đứng đó, hai tay ôm ngực. Một niềm hy vọng đau buốt thọc vào tim tôi: “Có thể Nga sẽ lội trở lại bờ này, sẽ về lại với mình, với Nương...” Nhưng không, lẳng lặng Nga quay đi, leo lên bờ đông và rất nhanh, khuất sau đồi.

Nương, như những đứa bé người Thượng, lớn lên trên lưng cha mẹ cho tới lúc biết đi, biết nói... Rồi chiến tranh kết thúc. Lần lượt mọi người ra đi, rời bỏ núi rừng, giã biệt đời gian khổ. Và bây giờ cả con gái tôi cũng thế, vươn xa, bay cao, bỏ miền heo hút này lại cho quá khứ. Còn Nga thì thế là không một lần trở lại. Tôi thì thế, vẫn ở nguyên đây, y lời thề xưa: đây là chiến địa, là mồ mả anh em, là đất sông mãi mãi của đời tôi, trại Bảy Chú Lùn này, dòng sông Sa Thầy này, nơi mà Nga luôn luôn có thể trở về tìm lại được con...

Khuôn mặt thô nặng, dãi dầu, xạm cháy của Mộc không lộ nổi xúc động. Anh chỉ lặng đi. Dường như cả tiếng đồng hồ trôi qua cho tới khi anh sức tỉnh đứng lên.

Gần nửa giờ sau, anh lặng lẽ chia tay tôi ở bìa rừng đầu con đường đất dẫn thẳng tới đồn biên

phòng.

Lá thư từ Quý Sửu

Đêm mùa khô ngán ngủ, trôi qua chóng vánh. Suốt đời, tôi không bao giờ còn sống lại một mùa khô nào như thế. Thời tiết lơ đãng, đất trời mơ ngủ. Tháng Chạp trong ngần. Tháng Giêng mở ra, phơn phớt sắc hoa cà, tươi mát như là đã chớm vào mùa mưa. Ban đêm, hàng đàn cá trầu từ hạ nguồn ngược lên vật ẻo lả quấy nhiễu tiếng âm vang trên sông Đắc Bờ Lả. Những vòng sóng lan trên mặt nước mùa khô phẳng lặng, ỉ oạp vỗ nhẹ vào đôi bờ. Mùa khô mà hầu như không thoáng một luồng khí nóng, suốt đêm chỉ những làn gió nồm nam chan chứa hạnh phúc hòa bình, từ ngoài xa thăm rười rượi thổi về, dào dạt rừng cây, đồi núi, lòng người.

Bên bờ đông Đắc Bờ Lả, hướng vùng dương sẽ mọc, màu trời thắm dần lên. Bóng đêm mau chóng bốc thành hơi bay là là mặt nước và nhẹ nhàng tan ra dưới vòm xanh trong lác đác những đám mây đỏ. Phong cảnh đôi bờ thức giấc. Đồi núi trập trùng. Mặt trời hiện lên, sắc hồng lộng lẫy. Gió mai lộng thổi và ánh dương bừng chiếu.

Cái trần gian khổ cực, sứt mẻ và xém cháy, thấm đẫm đau thương này vậy mà vẫn còn trĩu nặng bao nhiêu là sinh lực và vẫn còn ham sống biết là nhường nào. Tôi ngược nhìn lên theo cái bóng vụt qua của một con chim bồ câu. Bầu trời mùa khô mới trong buổi ban mai đã cao lên vợi vợi. Một bầu trời bình yên, êm tiếng súng, ngời sáng và quận đau. Một nỗi quận đau hầu như sưng rộp, hầu như không duyên cớ và hầu như ngớ ngẩn, vẩn vơ trái tâm hồn tôi.

Tưởng như là trong mơ. Như là một điều không tưởng. Lẽ ra, chính vào lúc này đây, khuỷp từng giây theo thời gian biểu của chiến hào, những dàn pháo bày ở Biệt khu 24 và căn cứ Bãi Uí đã đến giờ khai hỏa. Hàng chục họng 105 ly đồng loạt cất tiếng gầm. Luồng đạn xé trời, rừng rợn hú lên, kinh hoàng giáng xuống. Loạt thứ nhất rồi cấp tập ngay loạt thứ hai, thứ ba, sấm vang chớp giật. Buổi ban mai chưa tan hết sương đã ngay lập tức bị nhận chìm trong khói đặc đen ngòm.

Một ngày trên cao điểm 400 bao giờ cũng mở màn như thế, và như thế mới chỉ là khúc dạo đầu. Bom đạn Mỹ thì vô thiên mà ngày thì rất dài.

Có khi dàn khu trục tràn tới trong đội hình đồng loạt, choán lấy bầu trời, nhất tề cất bom. Có khi chúng bay đơn hoặc thành từng cặp, dai dẳng quần đảo trên đầu chúng tôi, như là chơi trò đu quay. Rồi bất thành linh chúng lật cánh, sập lưng, rớt lên, cắm mặt bổ nhào. Những trái bom bắt nắng, sáng loáng, tọ ra rất mau, nặng nề hú lên, rợn óc. Chỉ đếm được tới năm, bom đã chạm đồi. Sườn đồi bị xô lệch. Đất đá vỡ toạc. Hầm hào, công sự co giật, chồm dựng lên như những chiếc mảnh xoáy tròn trong sóng nổ. Mỗi chiếc AD6 thả được từ mười tới hai mươi quả bom nhưng mỗi lần bổ nhào chúng chỉ xài dè sẻn hai quả, thậm chí một. Thỉnh thoảng một chùm bốn trái napan, bọc kín mồm A của đồi 400 trong biển lửa. Khi bọn phi công đã chán chê, bay gần ra thì lại tới phiên bọn pháo thủ. Khi đại bác chuyển làn thì thiết giáp và bộ binh vào trận. Cứ vậy, ròn rã hơn tháng trời, không ngừng nghỉ, tiền pháo hậu xung. Nếu không nã pháo thì chúng dội bom. Không dội bom thì chúng nã pháo. Rồi ào ạt xung phong. Từ chân đồi xông lên và từ bên mồm B đối diện vượt yên ngựa tràn sang.

Không phải chỉ một lần trận địa của chúng tôi trên mồm A tưởng đã phải mười mươi mất vào tay địch. Bọn lính xung kích, ngực áo phanh rộng, đầu súng gắn lê đã liều chết nhào được xuống chiến hào, những trái u é của chúng đã lộc cộc lặn vào hầm chột. Chỉ bằng vào nỗ lực cuối cùng, vãn hết sức bình sinh gồng lên sống mái giáp lá cà tử chiến, chúng tôi mới đẩy lùi được chúng. Hầu như ngày nào sườn đồi cũng la liệt xác chết. Ban đêm, được dọn quang đi một phần, đến chiều hôm sau lại la liệt, chồng đống, bốc mùi. Đủ loại sắc lính nguy đã thay thế nhau tấn công trung đội tôi và đã kẻ nhau nộp xác lại trên dốc đồi 400. Bọn dù thế, chân bọn trung đoàn 45, rồi tới lượt bọn biệt động biên phòng, rồi lại bọn dù, và cuối cùng, gần Tết, là những tên lính cao lớn, lăm lẹ, cực kỳ hung hãn mang phù hiệu đầu lâu của trung đoàn 53.

Về đêm, pháo ta pháo địch như là bảo nhau tạm nương tay với đồi 400. Nhận đạn dược, cơm nước, đón quân bổ sung, và đưa thương binh từ sĩ xuống “kiềng”, chúng tôi đều làm trong đêm. Trong đêm, chúng tôi đào chiến hào và dựng hầm chột mới thay cho những cái đã bị bom pháo ban ngày mức khỏi

mặt đất. Ở bên kia yên ngựa, bọn nguy cũng suốt đêm thỉnh thoảng đào hầm đào hõ, sửa sang công sự và thụ nhậ người chết, người bị thương. Giữa đêm tối, tiếng rên la vật vã, tiếng kêu khóc và cả sự giẫy chết nữa không ngớt vẳng đến tai chúng tôi nghe như tiếng những hồn ma đang nấc nghẹn. Sườn đồi thành bãi tha ma lộ thiên với dập dờn hình bóng của bọn lao công đào bịnh. Chúng tôi chỉ ghìim sùng canh chừng chứ không bắn vào những tên phu đồn khốn khổ ấy, mặc dù lắm khi chúng mò đến rất gần. Thương vong nặng nề của kẻ thù không giúp người ta nhẹ lòng, không làm cho ai vui sướng hả hê. Đêm dài chiến tranh dọc hai bờ Đắc Bờ Là dẫu vẫn nhòàng nhòàng lên chớp lửa B52 và vẫn rền vang những tiếng nổ chuyền đất, vẫn là mệnh mông mờ mịt cảm lạng một cõi thương tâm vô bờ khiến lòng người se lại.

Nhưng sáng ra, những hồn ma bấy nát hồi đêm lại ngóc đầu dậy. Lại pháo, lại bom, lại những đợt tấn công thí mạng. Bị bắn chết như rạ, tạ tời, xơ xác, tưởng đã phải cạn sức chịu đựng, phải tan tác, qui liệt, bọn lính chiến trung đoàn 53 vẫn tuân lệnh chỉ huy, nghiền răng, ủa lên, hứng đạn. Không còn là chiến trận nữa mà là tự sát hàng loạt. Khủng khiếp đến độ không thể nào tin nổi vào thực cảnh.

Thế mà rồi, đột nhiên, cũng khó tin như vậy, đứng vào ngày Ông Táo lên gười, tất cả dừng lại, yên lặng. Chấm hết. Cuộc chiến như bất ngờ hụt bước, rơi lợt vào hư không.

Chiến tuyến nguyên xi. Chúng tôi vẫn mồm A, địch quân vẫn mồm B. Nhưng không ai bắn ai, không thắng không bại. Và tuyệt nhiên không có tiếng máy bay cũng tịnh không một phát đại bác. Các đám cháy tàn lụi, mặt đất nguôi đi mau chóng. Toàn cảnh bãi chiến trường quá đổi thanh bình, êm ả lạ là như trong một bức tranh thuốc nước.

Mấy ngày Tết, ngày nào thời tiết cũng tuyệt diệu. Ngày nào cũng trong lành, cũng tươi sáng như bao bọc trong hào quang. Hạnh phúc hòa bình ngân dài trong gió, rực sáng dưới nắng, như là một niềm hư ảo có thể ngửi thấy, sờ thấy, có thể chạm tay vào được. Trên cao, bát ngát bầu trời xanh, xanh không tưởng, thăm thẳm, không một gợn mây. Dưới đồi, dòng sông Đắc Bờ Là mặt nước màu lam nhạt, bình yên trôi chảy, trong vòng mười dặm không ngừng uốn lượn và gấp khúc.

Bên mồm A, cờ Giải Phóng xanh đỏ sạo vàng phàn phật tung bay trên nóc hầm tiền tiêu. Cờ ba sọc bên đồi đối phương cũng no gió, căng phồng lên, cuộn cuộn vùng vẫy, nhưng bởi may bằng vải ni lông nên cờ nguy kêu sột soạt. Hai bên nhường nhau. Hàng ngày chúng tôi làm lễ chào cờ khi vùng mặt trời vừa mọc, còn mọng sương, bên đối phương thì muộn hơn, khi mà vùng dương đã bắt đầu chói sáng. Lá cờ đại ba sọc đưa được từ từ kéo lên đỉnh chiếc cột nhôm cao vót sáng lóe, trong tiếng hát. “Này công dân ơi, quốc gia đến hồi nguy biến. Nào cùng đồng lòng đi, đi, xá gì thân sông...”

Trong buổi sáng đẹp trời, vạn vật đều như lâng lâng bồng bay, tan hòa vào không gian trong trẻo, ngay cả bản hạnh khúc kia của những người lính nguy cũng vậy, như tự thoát ra khỏi những lời ca hùng hăng, từ tốn cất lên, nhẹ nhõm, trong lành, không gây cho tôi một cảm giác khó chịu rõ rệt nào. Và cả những tay lính trẻ đang gân cổ lên đồng ca đó, dù gì đi nữa thì họ cũng không còn hoàn toàn là kẻ thù gớm gớm như trước đây, giờ đây họ là “đôi phương”.

- Rốt cuộc thì tất cả bọn chúng ta đây đều con Lạc cháu Hồng, tuy đã từng lỡ tay giết nhau, nhưng mà từ nay xin thề không bao giờ còn đang tâm bắn vào nhau nữa! - Thiếu úy Duy chỉ huy toán lính bên mồm B, đã nhân lúc ngà ngà, bỗng bột phát lời thiện chí như vậy giữa thanh thiên bạch nhật sáng Mồng Một Tết.

Từ sáng đó tới sáng nay thiện chí của quân nguy đã được ba ngày. Chốt ta chốt nguy quân số ngang bằng, tuy là trung đội nhưng chỉ mười lăm người. Tất cả những toán xung kích đông đảo từng áp sát ba mặt đồi đều đã rút đi. Xe tăng cũng đã lùi xa. Sườn đồi đã tan mùi xác chết, ở đôi chỗ cỏ đã kịp mọc lên. Và trên cái yên ngựa trũng xuống giữa hai mồm cao, nơi mà những ngày trước đây máu người tưởng chừng có thể ngập đến bụng chân, thì từ 29 Tết quân sĩ đôi bên đã cùng nhau cất lên một cái nhà lán mái tranh đơn sơ tre nứa, gọi là nhà hòa hợp. Các chỉ huy cấp tiểu đoàn của mỗi bên đã đến dự khánh thành ngôi nhà lạ lùng ấy. Nó được coi là một bằng chứng cho sự thi hành nghiêm chỉnh lệnh ngừng bắn ở khu vực này.

Những cuộc gặp gỡ tại túp nhà ấy bắt đầu từ đêm trừ tịch. Mỗi bên cất bốn người gác chốt, còn lại xuống yên ngựa đón giao thừa với đôi phương. Như thế hai đội bóng đá. Cố nhiên là tuyệt đối không vũ trang. Thoạt đầu lính đôi bên tách thành hai khối, e dè, gượng gạo, nhưng về sau chẳng ai ra lệnh,

chẳng ai bảo ai, địch ta quay quân lại, trò chuyện, ăn uống. Mâm cỗ chung khá là thịnh soạn và cũng là một sự nhào trộn địch ta. Ngoài bánh chưng, bánh tét, các thứ rau rừng và cá tươi sông Đắc Bờ Lả, những món khác thì xưa nay bên này ném được của bên kia chỉ sau khi đã bắn chết nhau. Nghĩa là trên mâm bày hồ lớn đủ thứ đồ khô, đồ hộp của Mỹ, của Liên Xô, Trung Quốc, của Thái Lan, của Tàu Tưởng, Rượu bia, trà thuốc cũng vậy. Chúng tôi bóc Điện Biên bao bạc mời địch, địch mời lại chúng tôi thuốc Rubi xanh “chân co chân đuôi”.

Ngồi bên nhau, tất cả những người lính đều còn rất trẻ, sáng láng, tươi tắn và còn đầy sức vóc, mạnh mẽ, rắn rỏi, xạm màu nắng gió. Nhưng tất cả cũng đều gầy guộc, hốc hác, hằn nét kham khổ, trĩu nặng cực nhọc. Ngây ngất niềm vui năm mới và hòa bình, rậm ran trò chuyện nhưng mà tuyệt nhiên không một lời đụng đến trận mạc. Như tất cả những kẻ ngày tết ngày nhất mà phải xa gia đình, binh lính chỉ chuyện quê nhà kể cho nhau. Chẳng ai lên giọng phách lối, chẳng ai đầu khẩu, chẳng ai lý sự. Không ai có thể cứng lòng cho nổi. Tất cả chẹn hòa trong một bầu không khí tương thân thật lòng, một niềm thông cảm và cả một sự xót thương lẫn nhau nữa rất khó tả. Trước khi chia tay, Thanh, ca sĩ của trung đội tôi cao giọng hát “Việt Nam trên đường chúng ta đi”. Một tay tốt giọng của bên ngụy thì hát “Đàn chim Việt” và “Nối vòng tay lớn”. Lính đôi bên hát theo, và có những người hát trong nước mắt. Quả thật cảm thù nên cười không nên thất, tôi nghĩ.

Trong lòng tôi sẽ còn mãi nỗi hoài nhớ “nền hòa bình Quý Sứ”. Suốt đời, tôi không thể nào quên những ngày Tết hão huyền và bi thảm ấy.

Sau đêm giao thừa, thêm vài cuộc tụ họp nữa dưới nhà hòa hợp, tôi đã có thể nhớ mặt biết tên, thậm chí biết đại khái tâm tính của tất cả toán lính trấn giữ bên kia đồi. Song trong số họ chỉ có thiếu úy Duy là người mà mãi mãi về sau chắc chắn tôi vẫn sẽ mừng tượng lại được nét mặt, vóc dáng, giọng nói. Duy hơn tôi ba tuổi, đời lính cũng dài hơn nhưng nom trẻ hơn. Mũi ngoài cao ráo, trắng trẻo, giọng trầm, ít nói, có vẻ một con người kín đáo nhưng giàu tình cảm và dễ gần. Toán lính dưới quyền Duy tên nào tên nấy đều có vẻ rất tôn phục anh ta.

Dù Duy là công giáo, lại dân Bắc di cư, Hà Thành chính hiệu - như anh ta nói, tôi không thấy e ngại. Duy thuộc kiểu người mà bình thường ra không trong cảnh đối đầu hai trận tuyến thì tôi đã dễ dàng kết bạn. Còn Duy hình như cũng có lòng cảm mến tôi. Không trò chuyện gì nhiều với nhau nhưng giữa hai chúng tôi như ngầm có một sự tin cậy.

Trầm trầm, nhát gừng, chúng tôi kể về mình và hỏi về nhau. Duy hỏi tôi có rành Hà Nội không. Không. Làng tôi không xa Hà Nội, nhưng cách sông. Thêm nữa, chiến tranh. Mười tám đã nhập ngũ. Nên ít có dịp. Duy thở dài: - Ông thân tôi đưa gia đình rời Hà Nội hồi năm 54. Đầu khi đi còn bé tí, nhưng đến giờ tôi vẫn lơ mơ nhớ lại được đôi chút. Hồ Gươm. Tàu điện. Nhà Thờ Lớn. Và mấy người anh chị em họ con ông chú. Ngôi nhà của gia đình chúng tôi rất đẹp. Phố Khuông Việt. Bây giờ nhà ấy của chú tôi. Năm 54, ông ấy đành cam lòng sống xa Chúa và xa họ hàng thân thuộc, chứ nhất định không chịu bỏ Hà Nội mà đi.

Tôi bảo như vậy là may vì sau này anh sẽ được nhiều thuận lợi khi ra chơi miền Bắc. Duy cười, phẩy tay, lắc đầu. Khó lắm. Hòa bình rồi nhưng mà mong manh lắm. Và đâu có giữ bền được thì cũng chẳng biết đến bao giờ mới hai miền qua lại thông thương.

Duy lớn lên ở Hồ Nai, gần Sài Gòn. Xong tú tài thì phải đi sĩ quan Thủ Đức. Liên miên đời lính. Tết nào cũng phải xa nhà. Ngà ngà hơi men, anh ta đưa tôi xem ảnh người yêu. Và bảo:

- Ước gì tới ngày thành hôn của chúng tôi, tôi có thể gửi thiệp mời anh và tất cả các anh em đây vào trong đó chơi.

Mặc dù cố tránh chuyện chiến tranh nhưng do rượu vào nên cũng không tránh được có lúc buột miệng nhắc đến. E 24 của tôi và E 53 của Duy đã đụng nhau vô số trận. Trận nào cũng đầm máu. Riêng tại đồi 400 này trước khi ngừng bắn, đại đội Duy đã thay ba lượt lính.

- Trung úy Sáng, bạn chí thiết nhất của tôi suốt bao năm qua, bị giết ngay phút chót, giáp giờ ngừng bắn. Chính tại chỗ này! - Mặt sa sầm Duy trở xuống nền đất túp nhà tranh.

Còn bản thân Duy thì đã có lần, do không kịp rút về sau khi đợt xung phong bị đại liên bẻ gãy, đã phải nín thở nằm bó giò từ trưa đến tối khuya trong một hố pháo cách hầm chót của chúng tôi chỉ mấy

với tay.

- Nếu khi đó tôi còn một trái lựu đạn, - Duy nói, nắm tay xiết lại - Thì cái khẩu Côrinốp khôn kiếp của mấy anh đã phải thăng thiên rồi!

Thậm chí Duy còn mượn rượu để ra lời hăm dọa.

- Cái đỉnh đồi mấy anh đang giữ là thứ rất gai mắt các ông tướng ông tá bên bọn tôi. Cho nên họa đến cấp kỳ khi nào không biết đó nghe.

Nhưng dù vậy tôi vẫn cảm thấy yên tâm khi chỉ huy quân đội phương là một nhân vật như Duy. Thú thực, biết nhau chưa đầy một tuần mà lạ thay, tôi thấy lưu luyến, hơi buồn và cả chút lo ngại nữa khi phải từ giã nhau. Tôi được điều về trình sát tiêu đoàn, còn Duy thì về phép.

Chiều qua, dưới nhà hòa hợp, Duy chia tờ lệnh cho về phép ra khoe:

- Thật là đại hồng phúc đến với tôi. Tôi muốn thở phào. Nói thật là suốt mấy hôm rồi tôi luôn thấp thỏm trong lòng. Tôi tuổi Sửu, tháng tới đây là năm tuổi tháng tuổi. Lại nơi hòn tên mũi đạn này.

- Nhưng, chẳng phải là đã hòa bình rồi sao - Tôi nói.

- Vâng, quả vậy, - Duy thở dài, mắt sụp xuống - Nhưng thân phận lính chiến chạy tiền đạo trên bờ vực thẳm thì chẳng biết thế nào mà nói chắc thừa anh. Không giấu gì anh, hiện lúc này mà được về phép là đặc biệt hi hữu. Tôi chẳng dám tin là sự thật nữa kia.

Duy mời anh em bên chúng tôi nán lại dự bữa nhậu do lính trung đội anh ta tổ chức chia tay với chỉ huy. Chúng tôi cáo từ, chỉ mỗi người cùng một ly với anh ta để chúc mừng và chia vui.

- Còn bên mấy anh thì sao? - Duy hỏi - Khi nào thì mấy anh được trở ra ngoài kia theo điều khoản một đôi một?

- Không biết. Sẽ có lúc thôi. Chắc là cũng sắp.

- Thừa anh, tôi mạo muội hỏi vậy bởi vì muốn phiền anh giúp cho một việc hết sức là tối hệ của gia đình tôi, nhưng mà không biết là...

Ngạc nhiên, bối rối, nhưng tôi bảo Duy cứ nói, nếu không ngoài khả năng cho phép thì tôi có thể.

- Như bữa trước đã thưa với anh, gia đình tôi còn một ông chú ở Hà Nội. Hai chục năm qua đầu không mấy may thư từ tin tức gì cả nhưng đối với ông ấy, ông cụ thân sinh tôi vẫn một lòng thương nhớ khôn nguôi... Nhật là vào dịp lễ Giáng sinh hay khi Tết nguyên đán này. Bữa trước, khi còn đang phong phanh tin sắp ký Thỏa ước Balê, ông cụ viết một lá thư rất dài dòng cho tôi. Trong thư ông cụ toàn viết những niềm ước ao hòa bình, thống nhất, nhưng mà đọc buồn lắm. Ông cụ lại nhắc đến ông em trai và ôn những kỷ niệm ngày xưa đất Bắc. Rồi ông già viết rằng ước sao có cách gì thông tin ra ngoài ấy cho chú ấy để rồi thì chú ấy có thể biên thư vào cho trong này... Thừa, chắc là anh đã hiểu điều tôi toan nhờ cậy. Tôi đã viết một lá thư cho ông chú. Viết vắn thôi, sơ lược tình hình gia đình trong này chứ không viết gì hơn. Dạ, xin anh nhất thiết đọc qua. Nếu mà anh nhận cho thì đây sẽ là một sự mừng vui lớn lao cho ông già tôi chuyển này.

Suy nghĩ thật nhanh, tôi thấy nhờ cậy chuyển thư thế này có phần lạ lùng nhưng từ chối thì thật chẳng nên. Không chỉ Duy mà còn những lính ngự khác đang nhìn vào kia sẽ nghĩ sao về lòng tốt của lính cách mạng.

Trao phong thư cho tôi, Duy xúc động có phần như hơi thái quá, tay run, giọng nghẹn lại nói lời cảm tạ. Anh ta chừng như muốn ôm lấy tôi. Không sao tôi cứ thấy bồn khoăn mãi. Sáng nay, quan sát bên mỏm B thấy họ xếp hàng chào cờ đủ mười lăm người. Tôi tự hỏi không biết có phải là đã có sĩ quan khác về thay hay là Duy chưa rời đơn vị. Rồi tôi lại tự lấy làm lạ là hà cớ gì mà mình phải bồn khoăn về điều đó cơ chứ?

Một mình tôi rời đồi 400. Lối mòn dẫn về tiểu đoàn bộ lựu men bờ Đắc Bờ Là. Thong thả bước đi, tôi lấy lá thư trong túi áo ra. Phong bì tự xếp lấy bằng giấy trắng mỏng. Đề tên họ ông chú. Địa chỉ: 13 phố Khuông Việt, thủ đô Hà Nội. Lá thư bên trong mỏng tang bằng giấy pơ luya. Phong bì dán hờ. Tôi toan bóc ra kiểm tra. Nhưng, làm thế làm gì chứ, tôi nghĩ, và bỏ lại phong thư vào túi. Tôi sẽ kèm

phong thư của Duy vào phong thư của tôi gửi gia đình. Tôi sẽ nhờ cậu em trai mang đến tận tay người nhận. Mà không biết chừng, tại sao không nhỉ, biết đâu đây, sắp có chuyện “một đôi một” thật cũng nên. Tiểu đoàn sẽ được chuyển quân ra Bắc. Tôi sẽ được về phép. Và tự tôi sẽ đưa thư đến cho ông chú của Duy. Ông ta sẽ lạ lùng và vui sướng biết bao. Phố Khuông Việt, nghe là lạ. Phố Khuông Việt ở đâu nhỉ? Tắm mình trong hơi ấm của cuộc sống đang tỏa rộng, tôi thả mình vào mộng mơ. Vào bầu trời trong xanh lồng lộng, vào tiếng thì thầm của đất, tiếng rì rào của rừng cây và sông nước thanh bình...

Tôi rời trung đội buổi sáng. Ba giờ chiều, bọn nguy chớp nhoáng ra đòn. Mặt trời còn trên cao vót, vậy mà chúng không bị phát hiện. Tất cả các hầm chốt của trung đội tôi bị tiêu diệt mà không kịp nổ một phát súng. Điều gì đã xảy ra, tổ cảnh giới ngủ gật chạng, mãi mãi tôi không thể nào biết được. Kể cả Thanh, người duy nhất thoát được cũng không biết gì hết. Đang bị sốt nằm một mình trong hầm, nghe tiếng chân huỳnh huých thỉnh thoảng, cậu ta nhìn ra thì quân nguy đã ào lên tràn ngập trận địa.

Gặp lại tôi ở kiềng, Thanh lão đạo bước tới. Anh úp bộ mặt xây sát, rớm máu vào ngực tôi, khóc nức lên.

Tiểu đoàn trưởng trực tiếp chỉ huy phản kích giành lại cao điểm 400. Phải chịu trách nhiệm nặng nề về việc để mất chốt, tôi bị cách chức B trưởng, giáng từ thượng sĩ xuống binh nhì. Chấp nhận kỷ luật, nhưng tôi quyết không chịu để bị gạt khỏi cuộc phản công.

- Tôi sẽ chuộc tội. Sẽ rửa thù này! Tôi sẽ...

Tôi gào lên nhưng chỉ thành những tiếng nấc nghẹn, những tiếng thì thầm, thồn thức trong đáy họng.

Muốn đoạt lại chốt từ trong tay bọn nguy đang cầm quân đông nghịt trên đồi một cách mau lẹ thì chỉ có thể như chính bọn nguy đã làm là đánh úp bất ngờ. Nhưng yếu tố bất ngờ bị chúng tước mất rồi, dù đánh ngày hay đánh đêm. Tiểu đoàn trưởng vạch phương án mật tập lúc rạng đông. Không dùng đông quân, chỉ một phân đội nhỏ, trang bị tiểu liên và thủ pháo áp sát đồi. Nửa đêm trườn lên ém trong sương mù trũng yên ngựa. Trời sáng sẽ từ đó bật lên tấn công, và không chỉ giành lại mỏm A mà phải cả mỏm B nữa.

Tờ mờ sáng chúng tôi lọt vào yên ngựa kín đặc sương giữa hai mỏm đồi. Cái nhà hòa hợp vẫn còn đó, mái tranh hiện rõ dưới pháo sáng. Bọn nguy chong mắt chờ cuộc phản công ban đêm. Và rồi cuộc, khi đêm đã qua, giống như trung đội của tôi, bọn địch trên cả hai mỏm đồi đã trể nải cảnh giới. Chúng bị tiêu diệt mà hầu như không kịp trở tay. Đợi mặt trời mọc, thậm chí đợi tan sương, hừng nắng, trùng vào thời gian mà những ngày trước trung đội của Duy làm lễ chào cờ, chúng tôi mới tấn công. Từ nhà hòa hợp ào lên, tức là từ trung tâm đánh ra, hoàn toàn xuất kỳ bất ý đối với bọn gác. Tiểu đoàn trưởng đảm trách phân đội diệt mỏm B, tôi thì tạm thời nhận lại quyền chỉ huy mũi thọc lên mỏm A.

Chúng tôi cầm lặng bật dậy, lao lên. Tim đập mạnh đến nỗi tôi không nghe thấy tiếng chân mình và tiếng chân anh em lao xạo phía sau. Cuộc xung phong như một cơn cuồng phong lặng ngắt như tờ. Chỉ đến sát mép hào rồi mới một tiếng thét: “Giết..!”. Lựu đạn quét thành dây. Bọn nguy đang ăn, bất ngờ nổ tung lên cùng với cơm canh, rồi lập tức bị dòn vào cuộc giáp lá cà. Lưỡi lê, báng súng. Huỳnh huých đập phang, đâm, tiếng la hét, tiếng kêu rú. AK thúc họng vào bụng kẻ địch mà bắn. Thủ pháo và lựu đạn nổ oàng oàng trong các ngách hầm. Không quá mười phút giải quyết xong mỏm B. Bên chúng tôi còn nhanh hơn.

Tôi bước tới bên hầm chỉ huy, kéo giật lá cờ ba que trên nóc xuống. Căn hầm bị tọng thủ pháo, vỡ toác, toang ra như một cái rương bị bật nắp. Ở cửa hầm một mâm cơm canh bành, bánh tét, bia lon, đồ hộp. Ba người trong hầm chết ngoắc vào nhau. Tôi hất cái mũ sắt đang sụp xuống che lấp khuôn mặt một cái xác ngồi dựa vào vách hầm. Giật bản mình, tôi bước lùi lại. Thiếu úy Duy! Đầy ngoeo về một bên vai. Mắt mở, máu ứa ra ở mép. Tôi lặng người. Tại sao lại thế này? Anh ta bị cắt phép, hay là không hề có chuyện phép tắc nào cả?

Không hiểu vì sao, trong cái hốc khét lẹt, đẫm máu, chật cứng chết chóc này, chiếc bộ đàm PRC25 vẫn sống nhẩn, mặt máy vẫn sáng xanh, và từ cái cáp tại nghe còn quàng trên cổ người lính truyền tin đã chết gục bên cạnh Duy, mệnh lệnh của quan trên vẫn vượt qua mấy tầng đại bác dội đến, ráo riết phát ra, hồi thúc, nổi nóng, đe dọa, văng tục, khản thiết đến độ quên ráo cả mặt ngữ điệu đàm.

Tôi gỡ cái tổ hợp ra khỏi những ngón tay co quắp của xác chết, và rồi hoàn toàn bất ngờ với chính

mình, tôi hét lên, lạc giọng, vào ông nói:

- Đ. mẹ mày... Mỹ - ỹ - ỹ..!

* * *

Từ bấy tới nay, thời gian mất đi đã nhiều năm, nhưng nỗi đau Quý Sửu vẫn mãi còn như là một hạt sạn trong ký ức tôi. Những ngày Tết, ban đêm, tôi vẫn thường ngược luồng thời gian trở về với cao điểm đời 400, nhìn thấy lại mặt sông Đắc Bờ Là lấp lánh ánh phản quang những buổi mai hồng, và dù là trong mơ mà lòng lại nhói đau khi gặp lại anh em đồng đội đã khuất.

Thỉnh thoảng, trong vùng khuất nẻo nhất của những giấc chiêm bao, tôi cũng thoáng thấy Duy. Tôi vẫn luôn nhớ đến anh ta. Năm tháng đã khiến cho những kỷ niệm của tôi về con người ấy phân nào biến hình đi, không còn lại sự khùng khiếp và lòng căm thù, chỉ còn lại nỗi buồn thương.

Hồi đó, tôi không gửi lá thư của Duy ra Bắc như đã dự tính. Lá thư chôn dưới đáy ba lô cho đến hết chiến tranh. Giải ngũ, tôi khoác ba lô về nhà. Phong thư còn đấy, lẫn với nhiều vật linh tinh khác.

Cũng chẳng để làm gì cả, nhưng tần mẩn tôi bóc thư ra. Không ngờ, có hai lá thư trong một phong bì. Thư gửi ông chú với những lời hỏi thăm và những lời vắn tắt kể về tình hình những người thân trong Nam. Đề mông Ba Tết Quý Sửu. Ký tên Duy. Số hiệu của hòm thư KBC. Thư kia rất ngắn, đề gửi chung các anh bộ đội. Và cuối thư Duy không ký tên. Thư viết: “Thưa các anh bộ đội. Tôi may mắn được về phép nhưng lòng canh cánh sợ cho mọi người còn ở lại chốn này. Cấp trên của bên chúng tôi đã ra lệnh phải chiếm đoạt cho bằng được toàn bộ quả đồi này. Tức là phải tiêu diệt mấy anh. Tôi không muốn nhưng không thể làm gì được. Xin hãy cẩn trọng và xin hãy hiểu cho lòng tôi một người anh em”.

Về sau, đôi lần vào qua Hà Nội tôi có đi tìm phố Khuông Việt nhưng không tìm thấy. Hỏi thăm chẳng ai biết. Có người đoán đó là tên cũ thời Tây của một phố nhỏ nào đấy. Thành ra tôi cứ còn giữ mãi thư của Duy cho đến tận bây giờ. Lá thư từ Quý Sửu.

Khắc dấu mạn thuyền

Đời tôi, đi đây đi đó đã nhiều, nhưng lại rất hiếm dịp được thấy Hà Nội. Chỉ một lần thuở bé, rồi một lần hồi chiến tranh, và mấy năm sau này thêm đôi lần nữa. Thành thử, ở Hà Nội, ngoài hồ Hoàn Kiếm với cầu Long Biên, tôi chỉ đại khái biết một ngôi nhà là nhà ga Hàng Cỏ và một con đường là đường xe điện. Nhưng, mặc dù như vậy, mỗi khi nhắm mắt lại nhìn sâu vào những nẻo đường của ký ức bao giờ tôi cũng thấy hiện lên, tuy rất mờ mờ, bóng dáng của Hà Nội phố xá. Cái thành phố sâu thẳm, xa lạ, chẳng chút thân thuộc ấy từ lâu lắm rồi đã lắng lặng ăn vào đời tôi như là một trong những miền đất thân yêu nhất, dầu rằng đây là một tình thân yêu tuồng như không đâu, một duyên nợ hầu như vô cớ. Không hẳn là một nỗi niềm mà chỉ là bằng quơ một cảm giác, không thành một câu chuyện mà chỉ như là một nốt sâu còn vương lại của thời trai trẻ chiến tranh, một thời tuổi trẻ đã hoàn toàn mai một nhưng dư âm vọng suốt đời. Như tiếng mưa rơi. Như tiếng gió lùa. Như tiếng lá rụng. Mà không bao giờ quên.

Từ bấy tới nay, thời gian mất đi đã hai chục năm tròn. Hà Nội thuở đó với Hà Nội bây giờ có lẽ đã như là một trời một vực.

Ngày ấy, từ mặt trận Quảng Trị, tôi lái xe đưa chỉ huy sư đoàn ra họp ở bộ tư lệnh đang đóng ngay rìa thủ đô. Khi chúng tôi ra tới nơi, thành phố đang ngất trời bom đạn. Đây thực sự là một cuộc đụng đầu sông mái, một trận huyết chiến vì lẽ mất còn, mà mười hai ngày đêm sau đó, khi đã phân thua được thì cả người thắng lẫn kẻ bại đều mặt mày biến dạng. Giữa huông cảnh chung nước sôi lửa bỏng như thế, chẳng dám màng gì một chuyến về quê, tôi chỉ xin được rảo vào phố để rải non chục lá thư của anh em đồng đội người Hà Nội đã gửi gắm. Tôi muốn trao thư tận tay các gia đình để có thể nhận được ngay thư hồi âm mang ngược vào đơn vị cho lính ta sướng. Lựa ngày Noel, cấp trên thuận cho tranh thủ. Hạn đến trước 0 giờ phải trở về trình diện.

Tôi vào thành phố, dưới mưa chiều. Mưa phùn mùa đông buồn bã. Má nhà, lòng đường, vòm cây một màu thâm ướt. Xe cộ phóng rất nhanh, người đi bộ gập bước.

Mặc dù không biết phố nào vào với phố nào, lại ôm trong mình những chín lá thư, nhưng thoát đầu tôi nghĩ không việc gì phải lo. Chỉ cần hỏi tới một địa chỉ, rồi từ đấy lần lượt nhờ người ở địa chỉ trước đưa mình đến địa chỉ sau. Không dè, rút cuộc, cả chín phong thư tôi đều phải lùa vào phòng qua khe cửa. Ngày hôm ấy, dường như cả Hà Nội đã khóa trái cửa, bỏ nhà đây mà đi.

Xong được lá thư chót, trời đã tối lắm. Phố dài vắng ngắt ngấm mình trong mưa, tù mù những vũng đèn đường. Tôi hỏi đường về Vọng. Một anh dân phòng diện ủng, vận áo tơi bạt, tận tình dẫn tôi đi một đoạn khá đường. Đèn ngã ba nọ, trước khi chia tay, anh chỉ xuống cặp ray đường tàu điện chạy sát bên vỉa hè và bảo tôi cứ bám theo đó mà đi là đến.

Sụp mũ cúi xuống, dựng cổ áo lên, tôi lần sâu vào trong màn mưa phùn mờ mờ dưới trời đêm lạnh buốt. Hai vệt ray loáng ướt chẳng khác nào một lối mòn độc đạo xuyên qua rừng rậm nhà cửa tối đen. Thành phố chiến tranh như bên bờ vực, hun hút hoang vắng. Tôi cảm cúi bước, thui thui, tê dại. Thăm thẳm nổi nhau những chằng đường khuya không ánh sáng đèn, không một bóng bộ hành, không bóng một hàng quán. Hơi thở lạnh ngắt của đêm mưa ngấm vào tận cái dạ dày tôi trống rỗng. Các khớp xương cồng nhức cứng đờ như đang rời rã ra và rơi rụng. Con sốt âm ỉ từ chiều trườn dần lên dọc sống lưng, tôi, sờn gai ốc, và không ngớt rung mình. Đầu óc chậm chạp chung chiêng, đầu gối những muốn khuỵu xuống. Đi chưa được mấy đường, tôi đã bắt đầu đếm bước. Màn đêm ướt át như đông lại. Không nhìn thấy gì trước mắt suýt nữa thì tôi đã xô người tới và mặt vào một cái đầu tàu điện đen ngòm đậu chết cứng giữa lòng đường.

Chuyệnh choạng, tôi rẽ lên vỉa hè, rồi lao đảo tấp vào dưới mái hiên một ngôi nhà. Răng va lộp cộp trong miệng, tôi tựa lưng vào cánh cửa đóng chặt, rồi từ từ trượt người xuống, ngồi phệt lên cái bậc tam cấp ướt đầm hơi mưa và lạnh như một cây nước đá. Rét mướt buốt tim, tôi rên hừ hừ và rồi cũng không rên nổi nữa. Cũng không sao ghì lại được cơn run, cứ run bắn lên, run mãi, run cầm cập. Thân nhiệt của mình lúc này có lẽ chỉ còn bằng với người đang ngắc ngoải, cái đầu đã tê cóng của tôi lơ lơ

nghe, không khéo mà khôn đến nơi rồi, không khéo mà là một cơn ác tính. Những người bị sốt rét ác tính nằm chết trên vông giữa rừng sâu, còn mình thì chết ngồi, chắc thế, và sẽ hóa thành tảng đá co ro trước cửa nhà người ta.

Trên đầu tôi, mái tôn rách nát run bần bật. Dưới mưa vẫn gió. Gió phả mưa vào tận thêm. Đã ướt lại ướt thêm một lượt nữa, tôi thở hắt, mặt mày xây xẩm. Biết là cần phải dốc toàn lực bình sinh mà đứng dậy và bước đi, song hết rồi, nghị lực đã tê bại. Sinh lực xuống nhanh như mực nước trong một cái bình bị đập vỡ đáy, sự sống trong tôi xoay tròn một vòng và từ từ, lặng lẽ lật nghiêng. Đúng khi đó sau lưng tôi cửa kẹt mở. Tôi nghe thấy nhưng mà không ý thức được tiếng động ấy. Con choáng ngất gần như là một nỗi yếu mềm, một sự buông lơi, như thể một tiếng thở phào, nhẹ nhàng du tôi ra khỏi tôi...

Thời gian ngưng lại không biết là trong bao nhiêu lâu. Tôi từ từ mở mắt. Tâm trí đầu xuống ở đâu đó bên rìa một vầng ánh sáng rất mờ. Vẫn còn bồng bênh, vẫn còn u u minh minh, song tôi biết là lúc này mình đã ở trong một căn buồng chứ không phải đang ở giữa chừng cơn mê sáng. Tường phòng hình như là quét vôi màu ve nhưng mà có lẽ do lâu ngày nên màu vôi đã bột. Trần nhà u tối. Không khí ẩm sục mùi dầu long não. Tôi khẽ đung cựa. Dưới lưng, nan giường ót ết. Người tôi ủ trong chăn, đầu kê trên gối. Yên tĩnh, khô ráo và ấm áp đến khó tin. Tôi trở mình. Từ trên chiếc bàn con kê ở góc buồng, ngọn lửa đèn dầu nhỏ liu diu im lìm tỏa ra một quang sáng tù đọng màu vàng đục. Tích tắc đều đều trong đêm vắng tiếng đồng hồ để bàn một mình rả rích với thời gian. Chợt nhớ đến giờ giấc, tôi giật mình, rên lên.

- Ôi, anh... - Một bàn tay nào đó êm ái áp vào má tôi, và một giọng nói se se, nhỏ nhẹ, thì thầm - Ôi, anh tỉnh rồi. Ôi, em lo quá...

Tim như thể đứng dừng lại, lại như thể đập loạn xạ, tôi ngây người. Chuyện gì thế này nhỉ, cô gái nào thế này?

- Tôi... - Mãi mới mở miệng nói, tôi nói, nhưng ấp úng, lưỡi ríu vấp, chẳng nói gì được - Tôi ở đâu đây... đây là đâu?

- Đây là nhà em mà anh, - Bàn tay cô gái nhẹ nhàng đưa lướt lên trán tôi - Anh là khách của em mà.

Tôi cố định thần, cố lấy sức, thở dốc, và nặng nhọc xoay người sang phía chủ nhà. Cô ngồi ở mép giường, nhưng gương mặt lại lùi khỏi vùng chiếu sáng của ngọn đèn. Tôi chỉ thấy được hai bờ vai với một phần mái tóc của cô buông xõa.

- Anh vẫn còn hơi sốt đấy, nhưng vậy là đỡ nhiều rồi. May quá đi mất. Chứ cứ như lúc thoát đầu thì sợ quá. Ôi lúc ấy anh làm em hết cả hồn.

- Nguy rồi... - Thều thào tôi nói - Quá phép mất rồi... Tôi, tôi phải đi đây...

- Ôi kìa anh, anh đã đi đâu được thế nào được anh. Ra ngoài rét bị lại còn nguy hơn. Với lại quần áo của anh phải hong bếp lúc nữa chứ chưa mặc được đâu, còn ẩm lắm.

- Cái gì? Tôi hoảng hốt, sức tỉnh, đưa tay rờ nhanh lên đùi lên ngực. Người tôi tái dại đi, những muồn co rúm lại. Dưới tấm chăn bông, thẳng tôi đã hầu như trần trụi!

- Bây giờ để em xuống bếp đưa cháo lên anh ăn nhé, - Thản nhiên, cô gái nói, sẽ sàng đứng dậy, rời khỏi giường - Bộ quần áo em để cạnh gối, anh mặc tạm. Cũng là đồ bộ đội đấy.

Nói đoạn, không cầm theo cây đèn, cô quay lưng đi ra phía cửa, bước mò trong bóng tối. Tôi tung chăn, ngồi nhồm dậy. Từ trong chăn hơi dầu gió nóng hực phả ra cay mắt. Tôi xỏ vôi xỏ vàng quần áo. Bộ tã châu hăng mùi băng phiến, còn mới và khá vừa với tôi. Đàng hoàng trong quần phục, tôi như lấy lại được sinh khí dầu rằng toàn thân vẫn đau nhức, đầu óc vằng vặc, và trong tai, phần còn lại của cơn sốt vẫn đang kêu o o.

Nhưng mặc dù nhọc mệt đến thế tôi vẫn kịp ngửi thấy lập tức mùi cháo nóng khi cô chủ nhà còn chưa vào hẳn trong buồng. Cô bước đi rất nhẹ, đôi guốc chạm rất khẽ trên sàn gỗ. Cô để mâm xuống bàn và vận cao bắc đèn lên.

- Tạnh mưa rồi anh ạ, - Cô nói, và không hiểu sao, lại thở dài.

Trong nháy mắt tranh tối tranh sáng của căn phòng, tôi lặng nhìn. Người con gái xa lạ tuyệt vời ấy như thể một ảo giác hiện thoáng lên trước mắt tôi, một ảo giác tuyệt trần, xinh đẹp và hiền dịu. Xinh đẹp và hiền dịu, gương mặt, cặp mắt, đôi môi, thực thể, mặc dù thật ra tôi đã không thể kịp nhìn rõ cô. Bởi vì, giờ của thành phố này đã điem. Chỉ trong nửa phần của một tích tắc, trời đất không kịp trở tay, không kịp cả đến rung mình.

Một cái gì đó kinh khủng, một cái gì đó choáng hồn, như một nhát chém sả, đột ngột xé toạc sự tĩnh lặng ra làm đôi. Chiếc phản lực trình sát, chỉ một chiếc thôi, bất thần cắt ngọt một đường bay sấm sét, khoan thủng thỉnh không, là sát sần sạt mái ngói những ngôi nhà, tuốt dọc sông lưng thành phố. Trong phòng, cả đến ánh đèn dầu cũng như chết lặng đi, nín thở...

- Hình như qua rồi, - Cô gái lên tiếng, gần như thì thầm, và run run, phác một nụ cười nhợt nhạt - Hình như nó chỉ dọa.

- Ủ, - Tôi nói - Nó chỉ là một thằng thám báo bay vụng đánh lén mà thôi. Đừng...

Tôi định trấn tĩnh cô, định bảo rằng không việc gì phải sợ thì rùng rợn còi báo động rú lên, cướp lời tôi. Mặc dù qua mấy đêm rồi đã nghe quen, và mặc dù đã đón trước, tiếng còi vẫn làm tôi lạnh cả tim. Dường như chưa đêm nào lời cảnh báo của chết chóc lại vang lên dễ sợ đến nhường ấy. Hú lên, gào lên, thảm thiết, quay cuồng, nhức nhối, như cào như xé, khiến người ta những muốn thét lên theo. Và B52, B52, B52... B52 đang tiến vào, loa phóng thanh khẩn thiết cấp báo, giục giã. B52. Cách Hà Nội chín mươi cây số. Tám mươi cây số.

- Bọn Mỹ! - Tôi nói - Chúng nó đang vào. Thằng Mỹ vừa này là thằng bay mở đường.

- Vâng. B52 đấy. Lại một đêm nữa.

- Phải ra hầm thôi! - Tôi không nén nổi hồi hộp - Chúng nó vào sát rồi. Mau lên!

- Nhưng, anh thấy trong người thế nào? - Cô gái thở dài, đầy vẻ lo âu trẻ thơ - Ngoài trời rét lắm.

Cảm giác lâm nguy đột ngột trở nên nhức buốt. Miệng tôi như khô đi, họng thắt lại, trống ngực nện thình thình. Xưa nay linh tính không khi nào đánh lừa tôi.

- Anh phải ăn đi một tý đã. Cho nóng...

- Không! - Tôi nói, giọng khàn hản - Nóng nguội gì. Bom xuống bây giờ đây. Rải thảm vào đây đây!

- Sao anh biết? - Cô gái thốt lên kinh ngạc.

- Ngửi thấy chứ còn sao! Mau lên! Ra hầm! - Tôi sẵn giọng, như quát.

Thôi tắt ngọn đèn, cô gái nắm lấy cổ tay tôi kéo nhanh ra khỏi buồng. Sự căng thẳng nơi tôi đã truyền sang cô nỗi hãi hùng. Cô thở hắt hên. Tiếng guốc gõ mau mau, gấp gấp. Chúng tôi xuống cầu thang, sau đó còn phải qua một hành lang rất hẹp, ẩm ướt và sâu hun hút, rồi mới ra đến ngoài đường. Trời đã tạnh mưa, và màn đêm thì như có phân nào quang rạ trong bầu không khí trong suốt rờn rợn. Giữa lòng đường, trước cửa nhà, cái đầu xe điện vẫn lù lù đầy như một chiếc tàu mắc cạn.

Cái hồ cá nhân bằng xi măng đúc, miệng mở ra đen ngòm ở mép vỉa hè.

- Chúng mình ra hầm công cộng đi anh, - Cô gái nói trọng hơi thở gấp - Những cái hồ tròn này em chẳng bao giờ dám xuống. Dưới đó đầy nước. Rợn chân lắm.

- Lại còn thế! - Tôi gắt.

- Ngay kia thôi mà, anh. Vội lại ở đó đông người, đỡ sợ.

Chúng tôi bước lao đi, ngược chiều gió thốc. Cả thành phố đã ảm mình. Trên mặt đất chết lặng, chỉ còn trơ vơ có hai chúng tôi, sóng đôi nhau trong nỗi kinh hoàng. Thời khắc từng giây từng giây một như bị nuốt đi mà chẳng đường trốn chạy thì hầu như không cùng. Một ngã ba. Rồi nữa một ngã tư. Cái hầm công cộng của cô gái đâu mãi không thấy. Mà vì vương đôi guốc nên cô nàng không chạy được. Vội lại, trời ơi có chạy cũng không kịp nữa rồi. Vùng ngoại vi đã khai hỏa. Các trận địa pháo 100 ly đồng loạt cất tiếng gầm. Chớp giật sáng lòa. Và tên lửa, tên lửa, từng cặp, từng cặp rẽ trần mây, ầm ầm lao lên, vạch những luồng đỏ rực. Nhưng, giữa sấm sét của quân ta đang cấp tập giáng đòn, bằng kinh

nghiệm máu xương và sự sống chết rủi may của một thằng lính chiến trường, tôi đã nghe thấy từ trên đỉnh trời đêm thăm thăm cái mà tại tôi còn chưa thể nào nghe thấu, cái mà linh tính đã báo trước. Và tôi biết, với hai chúng tôi, thể là hết. Bom rồi. Bom sẽ phang chính diện đoạn đường này.

Đúng lúc này, số phận lại tàn nhẫn đặt chúng tôi lọt vào giữa một quãng phố rất dài mà hai bên đường không hề có nhà cửa chỉ có hai chặng bờ tường cao chạy liền một mạch. Và dưới ánh chớp của những đường đạn cao xạ tôi không thoáng thấy chút hầm hố nào ở cả hai bên vỉa hè. Một tọa độ tuyệt vời của cái chết. Có cô rào thêm lên vài mươi bước chân nữa cũng thể thôi.

- Nó cắt bom rồi! - Tôi nói, và nắm nhanh lấy khuỷu tay cô gái, kéo cô đứng dừng lại.

- Kìa anh. Chỉ đoạn nữa thôi!

- Không kịp đâu, - Tôi thông thả nói, bình tĩnh đến ghê người - Bom đang thẳng xuống đây đây. Nằm xuống mau lên đi. Và đừng có hoảng.

Cô gái ngoan ngoãn nằm áp xuống cạnh tôi, dưới chân bức tường gạch. Hẳn là cô rất hoang mang, nửa tin nửa ngờ trước lời khẳng định chết người ấy của tôi. Song, chỉ mười giây nữa không hơn, tôi biết, thảm bom sẽ chạm đất. B52, những con khủng long giời sầu đất thậm ấy, tôi còn lạ gì. Trong kia, chúng bay ban ngày ở độ cao vừa phải, đội hình khi sáu chiếc khi ba chiếc, lừng lừng càn qua trời, cày vào thỉnh thoảng những luồng dài khói đặc, ồ ồ dội bom như mưa tưới. Những giọt mưa bom có thể xô đổ một rặng núi, có thể chôn sống một dòng sông, vằm nát một đại ngàn. Còn bây giờ thì không phải là mưa mà là cả một trời bom đang giáng xuống. Và không phải núi không phải rừng mà là nhà cửa, phố xá. Bầu trời bao la tốt độ hung tàn. Thành phố thì nhỏ như lòng bàn tay. Sức hủy diệt thì tôi đã, và mạng người mong manh biết mấy. Tôi nghĩ. Người gồng lên, căng như dây, chờ đợi.

Nhưng, tôi hầu như không nghe thấy tiếng nổ. Mặc dù đã đón trước, vẫn cứ bị bất ngờ. Thình lình, tôi nhắm mắt mũi. Mặt đất rung mình, rướn lên. Không gian méo lệch đi. Rồi cái gì đó nóng bỏng, rực lửa, nhọn hoắt, và tung tóe, đập vào mặt. Hơi bom nóng đặc xộc đầy phổi.

Cô gái lấn sát vào tôi. Tìm sự che chở, cô nép sát thân lạnh cóng vào người tôi, thờ sát vào khuôn mặt tê dại nhưng đầm mồ hôi của tôi. Tóc cô tung xỏa ra.

Lại một dây bom nữa, lần này như ngay ở bên kia bờ tường. Đất đá, xi măng, gạch ngói, nhà cửa cùng một lúc nổ tung. Trời đất rung kêu, rền vang như gang vỡ. Sóng xung kích ào qua ập lại. Chết này! Chết này. Chết-ét-ét..! Tôi nghiêng rặng ôm ghi lấy cô gái, đợi cái chớp mắt cuối cùng tan xương nát thịt. Bom à à rơi, hú vang, man rợ, nổ nôi vào nhau rồ rồ. Cứ mỗi luồng tiếng nổ và hơi bom quạt tới, thân thể chúng tôi càng xoắn vào nhau. Như tử vì sức ép, cả hai dờ dãn, ngắt ngư.

Thình lình, cái chết nhả móng vuốt. Bầu trời như sập cửa đánh sầm một cái. Rồi hẫng đi, lặng phắc. Tiếng nổ của quả bom cuối cùng dập tắt mọi tiếng nổ.

Chúng tôi vẫn nằm, ôm riết lấy nhau. Dường như cả hai đã hoàn toàn tê liệt, không thể nào ý thức được, không thể nào cảm nhận nổi cái sự sống sót ngoài dự kiến này. Lặng đi như thế khá lâu, cô gái mới đung cựa thân mình, đuỗi người ra khỏi tôi.

Chậm chạp, tôi đỡ cô đứng dậy. Một bên vai áo rách toang, tóc xỏa rối, ánh mắt sợ hãi, cô luống cuống quờ quờ chân tìm đôi guốc, không biết để làm gì cái đôi guốc cao gót ấy. Khói đặc trôi là là. Mùi thuốc bom khét cháy. Trời mây bầm đỏ.

Trong tay đã đỡ tiếng ù, tôi nghe thấy ở đâu đó phía trước, rất gần, dậy lên tiếng kêu cứu. Rồi cả đoạn phố âm âm lên huyền ảo. Từ phía sau, rầm rập một đám đông đổ tới với cuộc xệng, xà beng, với cáng thương, hổi hủ tràn qua. “Đứng ì ra thế à! - Ai đó giận giữ quát lên với tôi, gay gắt, đau đớn, khàn đặc - Hầm thì sập, người thì chết, ngay trước mắt kia kia, giời ơi - ời..!”

- Ôi trời ơi, hình như chỗ hầm công cộng, anh ơi! Ở đó bao nhiêu là người... - Cô gái kêu lên thảng thốt.

- Anh phải lại đó góp một tay. Em về trước đi. Anh về sau! - Tôi nói.

Và vùng ra khỏi tay cô, tôi hộc tốc chạy băng theo đám đông. Vừa chạy vừa ngoái lại, xua xua tay, gân cổ hét: “Về đi! Chờ ở nhà!”. Khi chạy đến sát bãi bom, trước khi cùng mọi người lao khuất vào

trong vùng phố xá vừa bị hủy diệt, ngổn ngang, tanh bành, ngập khói, tôi còn kịp ngoảnh nhìn lại một lần nữa, và nhờ thế mà còn được nhìn thoáng thấy qua màn đêm sẫm màu lửa cái hình bóng thân yêu và hư ảo ấy một lần cuối cùng...

Lẽ ra thì đây không thể là lần cuối cùng, bởi vì lẽ ra thì tôi đã trở về được ngôi nhà ấy, vào lại được căn phòng hồi đêm ấy và gặp lại được người con gái ấy của tôi. Khi đó đã bao yên từ lâu và trời đã sáng hẳn. Cứ theo đường tàu điện, con đường mòn độc đạo hồi đêm, tôi rảo bước quay trở lại ngôi nhà.

Thoạt tiên, tôi chẳng để tâm, chỉ lẳng lẳng bước tránh lên vỉa hè. Buổi sớm mai giá lạnh, phố xá thưa người, cái đầu xe điện già lão và sắc mùi rỉ sắt ấy không buồn thức chuông, thả sức lao uỳnh uỳnh, hàng bánh sắt nện rầm rầm, rít lên, tóe lửa. Động cơ điện rú ề ề chổi tai. Nhưng nó vừa vụt qua thì lập tức tôi sững người, như thể bị một roi vút thẳng vào tim, sức tỉnh song chết lặng đi.

Phố dài hun hút, thẳng tắp, không có lối rẽ. Dọc hai bên đường nhà liền nhà, san sát và hoàn toàn đơn điệu, nhà nào cũng y nhà nào. Một mặt tiền ảm đạm cạo có dưới một mái hiên lợp bằng những tấm tôn rỉ. Một cửa ra vào và một bậc tam cấp bước thẳng xuống vỉa hè. Trước mỗi nhà đều có một cái hồ tròn bằng xi măng đúc sẵn. Tàu điện đã chạy rồi, vật chuẩn độc nhất đã di động, nên giờ đây điều duy nhất tôi còn có thể xác định được là ngôi nhà ấy nằm ở phía vỉa hè bên nào. Song bên nào mà chẳng thể. Mập mờ, trời sịt, lênh lảng những vũng nước đọng trước những bậc thềm. Những mái hiên dột nát. Những mảng bờ tường. Những cây bàng. Những cây cột điện...

Không còn thời gian nữa, nhưng hồi lâu, như thể nhắm nháp nỗi tuyệt vọng, tôi vẫn cứ bước thấp bước cao dạo đi dạo lại nhìn vào cửa những ngôi nhà, nhìn vào mặt những người từ trong đó đi ra. Cho đến khi lại một chuyến tàu điện leng keng chạy tới tôi mới đành chịu khuất phục. Mặt mày vẫn nhem nhuốc tro than, tay chân xây xát, quần áo tả tơi và vẫn còn loang lổ vết máu của những người bị nạn trong đêm, tôi nặng nhọc lê bước, đầu cúi gằm, men theo cặp ray xe điện, đi về phía cửa ô.

Trở về sau chiến tranh, khi họa hoàn có dịp vào qua Hà Nội thì tôi vẫn chỉ một lối mòn xe điện ấy để đi. Cứ đi thế thôi, chẳng phải để tìm thấy một cái gì, cũng chẳng phải là để đi đến đâu. Lần gần đây nhất xuống ga Hàng Cỏ, tôi mất dấu con đường mòn. Hà Nội đã xóa bỏ tàu điện. Phố xá huy hoàng. Nhà cửa đẹp đẽ. Đời sống sung sướng...

Có lẽ đến một ngày nào đó, người ta khó lòng hình dung nỗi đã có thời chính thành phố này đã trải qua những cảnh ngộ như tôi đã từng thấy hai chục năm về trước, khi tôi còn rất trẻ.

Đêm trừ tịch

Đời bộ đội của tôi đã bước những bước đi đầu tiên trong các cánh rừng cần cỗi vùng Bãi Nai. Ba tháng trời dãi gió dầm mưa trên thao trường đã giúp chúng tôi gột sạch mọi tàn tích của nếp sống thị thành và trụ vững bản thân mình vào đội ngũ. Chúng tôi tập đeo gạch hành quân, tập lặn lê trườn toại, tập nín thở bóp cò, tập bám trụ chiến hào, tập vọt tiên tấn công, tập đâm lê, tập quăng lựu đạn, tập nhồi bộc phá, tập tuân lệnh chỉ huy và tập bền bỉ chịu khổ. Kịp tới tháng chạp, gần cuối năm âm, khi mà các đôi cây lúp xúp bên bờ sông Đà lấm chấm bóng hoa đào nở sớm, cán bộ quân lực các binh đoàn tập nập về Bãi Nai nhận lính mới.

Một số vào pháo cao xạ, một số vào pháo đất, vào công binh, vào hải quân, một số khá đông sang hậu cần đi học lái xe bộ sung cho 559, nhưng mà hùng hậu nhất vẫn là chúng tôi, lực lượng được phiên chế về các sư đoàn bộ binh. Vinh dự này khiến nhiều tay sợ vãi linh hồn. Tiểu đội tôi có thằng Nhu “mất lươn” đã lẹ chân tút ngay trước hôm đơn vị hành quân rời Bãi Nai. Nó với một thằng nữa, khác đại đội, khăn gói phới khởi doanh trại lúc nửa đêm, đứng vào phiên tuần tra của tôi và Hành “min tu”.

- Thằng Nhu! - Tôi hét - Thằng chó, mày tút hả!

- Lạy Chúa tôi! Thằng Nhu với thằng nào kia hờ mày? Tút gì mà tút ngu thế! - Hành nói to, lia tránh luồng đèn pin khỏi lùm cây mà hai gã đào binh đang núp. Tôi giật AK khỏi vai.

- Dừng mày! - Hành chộp nòng khẩu tiểu liên trên tay tôi, đẩy chúc xuống.

Hai thằng nọ vùng chạy. Chúng bỏ đường mòn rào rào rẽ cành lá lao thực mạng vào rừng. Một hồi lâu sau vẫn còn nghe từ trong rừng vọng ra huỳnh huých tiếng chạy rất nặng chân của hai thằng chết nhất.

Hành móc bao thuốc, dúm tôi một điều.

- Thây kệ chúng nó mày ạ. Ngừ chúng nó tút sớm ngày nào thì cả cách mạng cả anh em mình được nhẹ mình ngày này, thật đấy.

Hành khum bàn tay lại xòe diêm. Khuôn mặt anh hiện lên gầy guộc, xấu xí, nhằng nhịt nốt rỗ đậu mùa.

- Tao lạ gì nó. Nó là hạng con nhà nên được chiều hết nhẽ. Những thằng sướng quen thân thường nhất như cày. Thằng Nhu vẫn mộng vào cảnh vệ gác các dinh thự ở Hà Nội. Giờ phải sung bộ binh đi bê, nó hãi là phải.

Tôi chẳng nói gì. Hành khạc rõ to, rồi ho.

- Tam Đảo bao bạc mà mốc mày ạ, - Anh nói - Bao thuốc này thằng Nhu kỷ niệm tao đấy. Nó hỏi tao gác phiên nào. Biết tao từng hai đợt đảo ngũ nên cả ngày nay nó cứ tỷ tê rủ tao cùng tút. Thực tình tao cũng muốn can nó, nhưng mày biết đấy, tai tiếng tao thế, can được ai. đành là nín lặng. Mới lại cũng thương tình nó. Mỗi đứa mỗi cảnh. Bố mẹ nó cao sang nhưng lại có mỗi nó nên cần nó nổi dõ. Còn cảnh nhà tao thì mày biết đấy, sau tao còn cả bảy em trai đủ giữ giống nhà. Tao ra đi lần này là vì tương lai chúng nó. Hôm nhận giấy gọi nhập ngũ cùng với bọn mày, tao hỏi bố tao rằng lần này quá tam ba bận rồi, không biết con có nên tút như hai lần trước nữa hay không, hay là con nên ra đi nghiêm chỉnh, bao giờ giải phóng miền Nam xong thì mới trở về? Bố tao bảo, tùy con vì đây là sự sống chết của con. Nhưng mà nếu lần này con không trốn nữa thì các em con, nhất là con Cúc con Đào đến trường đến lớp không phải hổ với chúng bạn.

Đã phận con nhà nghèo, lại còn tai tiếng bởi thằng anh thì làm sao ngóc đầu lên. Mẹ con đã phải sớm về châu Chúa cột đê các em con, chúng nó được sinh ra, được ban phước lành, học hành tử tế, vui hưởng cõi đời này, bố tao bảo tao thế.

Bà mẹ của Hành sinh thời là hộ lý ở Cây đa Nhà bò. Thạo nghề đỡ đẻ nên bà đẻ thật nhiều. Hành với ba thằng em trai và hai con em gái. Hai đứa con gái là cặp sinh đôi, chúng vừa khóc chào đời đã

phải mồ côi mẹ. Mồ côi, nhà nghèo nên mặc dù hơn tôi năm tuổi học vẫn của Hành thua xa tôi, anh chỉ leo được hết lớp bốn. Lũ em trai của Hành cũng vậy. Bốn anh em một đàn lông nhông thất học nai lưng làm lưng kiếm cơm nuôi hai đứa út. Đeo phích chạy bán kem que dọc các phố, rồi bơm xe đạp, gánh nước thuê, bở củi thuê, rồi đẩy xe ba gác. Ông bố của Hành thì chuyên nghiệp làm lao công. Thời Tây, ông hầu việc nhà thờ. Sang thời ta, nhà chung hiến một phần dinh cơ cho nền giáo dục phổ thông, ông bố của Hành từ chân kéo chuông chuyển ngành sang gõ trống. Hàng ngày, như xưa, ông lo quét tước dọn dẹp sân xướng phòng ôc và lo cầm chịch giờ giấc. Ông thúc trống báo giờ vào lớp, giờ ra chơi và giờ tan học. Ông tên Cà song người ta cứ quen gọi ông là ông Phao Lô. Các con ông cũng vậy, mỗi đứa có một cái tên tây dần trước tên ta. Giăng, Mi Sen, Mác, An Na, Xô Phi. Còn Hành, hình như ngay cả trong sổ quân tịch cũng là Phờ Răng Trịnh Văn Hành.

Ngày trước, tại khu phố tôi dân tình phần đa là cọn chiên nhưng họ đã ra đi gần hết trong cuộc di cư năm 54. Chỉ còn lại duy nhất gia đình ông Phao Lô, nhà trong tít cùng một cái ngõ sâu hút. Chủ nhật nào bố con nhà này cũng dắt dây nhau hàng một đi ngang qua công nhà tôi. Ông Phao Lô dẫn đầu, rồi tới hai đứa bé gái sinh đôi, ăn bận sang nhất nhà, áo dài trắng, tóc buông vai, rồi tới những thằng anh, thằng nào thằng nấy đen đúa gớm chết. Hành đi đoạn hậu. Vần xấu xí, vần thô kệch nhưng êm ả, nhẵn nhụi, lũ con trai nhà ông Phao Lô nom khác hẳn hàng ngày. Cả tuần rách rưới lam lũ, lang thang lêu lổng giành giật áo cơm, anh em Hành để dành bộ đồ nom có vẻ tươm tất nhất và bộ dạng có vẻ hiền lành nhất cho buổi sáng ngày chủ nhật đi châu lễ mixa. Mỗi tuần một lần, lượt đi lượt về rầm rập, không suy xuyên giờ giấc, họ đi dọc các phố giữa sự nhìn ngó. Dân tình trong khu phố dù đã quen mắt nhưng vẫn cứ mãi thấy lạ lùng với cái đậm rước của bố con nhà họ. Bọn nhãi chúng tôi thì không một lần nào lỡ dịp chạy bu theo. Chúng tôi cô chọc cho anh em Hành tức khí lên.

- Cà... Cà dái dê, Hành Hẹ Tỏi Mùi trộn vào một chảo...! - Ê ê... Phờ Răng thằng Pháp! Ê... Thằng Mác tỏi tây!

Thu mình lại trong một thái độ cam chịu đầy ngoan cố, bố con nhà họ lặng lẽ bước đi, không nhìn, không nghe. Thằng Hẹ thằng Tỏi có nổi xung lên mà chực xông ra thui nhau với bọn tôi thì cũng bị Hành ngăn lại. Nhưng càng chịu nhường thì mấy anh em Hành càng bị lũ chúng tôi được thể làm già. Cả khi đã lớn vượt lên, đã ngoài hai mươi tuổi, đã là một chân khuôn vác ở Phà Đen, Hành vẫn cứ nhất định khuôn theo cái lễ thói cộng giáo bất đề kháng ấy. Ai trêu chọc khích bác anh, cả gây sự với anh, anh một mực nhẫn nhịn, ra điều bị vả má trái chia ngay má phải. Càng thế càng hay bị bắt nạt. Và thật là dễ ghét. To xác, vại u thịt bắp mà không chút táo tợn, luôn luôn chịu nhún thì chẳng qua là đồ nhất gan. Không thể mà nổi danh là phần tử chuyên nghiệp đảo ngũ.

Trước khi vào cùng một tiểu đội với tôi, Hành đã hai lần tụt. Hai lần nhận giấy gọi vào bộ đội, hai lần chịu đựng những tháng trời nhọc nhằn của khóa huấn luyện tân binh, hai lần được sung vào quân số đi bê, và cả hai lần dọn vị vừa rậm rịch xuất quân thì Hành đều kip nhẹ nhàng để lại vũ khí, ôm ba lô lặn thẳng một mạch về Hà Nội. Sau khi đã đá sạch quân trang cho bọn con phe, Hành kín đáo lặn về nhà với một bọc đầy phè rượu thịt biếu ông bố, thuốc lá cho mấy thằng em trai mùi hẹ tỏi và giấy trắng học trò cùng vài hoa cho hai cô em gái. Ông Phao Lô phải hai lần mang nộp lại bằng Gia đình Về vàng, còn Hành thì hai phen bị đưa ra phê phán trước tổ dân phố rồi nhận xuất lao động cải tạo, mỗi xuất ba tháng.

Lần nhập ngũ thứ ba này, đứng giữa hàng quân gồm toàn những đồng đội ít hơn nhiều tuổi nom Hành lạc lõng và nực cười như thể một tay học trò lười liên miên bị đúp. Và mặc dù từng trải hơn anh em những hai khóa tập tành, đến lần huấn luyện này Hành vẫn thứ bết về tất cả các khoa mục. Nhất là về mặt chính trị tư tưởng thì bao giờ anh cũng bị coi là phần tử đội sổ.

Các cấp chỉ huy đặc biệt đề mắt tới anh. Chính trị viên Phong giao nhiệm vụ cho tôi, tổ trưởng tam tam và là bí thư chi đoàn đại đội, phải thường xuyên đi sâu đi sát đề vừa động viên vừa canh chừng Hành. Hôm tiểu đoàn nhận lệnh xuất chinh, ngay trước lúc lên tàu hỏa hành quân vào Vinh, tôi thú thật với anh trọng trách ấy của mình và tôi đe là sẽ sẵn sàng nổ súng nếu anh giở trò. Hành bảo:

- Tao biết tổng. Gì mà không biết lão Phong chỉ thị mày kè kè tao. Nhưng tao đã tụt thì mười mày với mười lão Phong cũng không cản nổi. Cơ mà phiên gác tối qua tao chẳng đã nói với mày rồi là gì: về thăm nhà thêm lần này nữa thì tao thành ra quá tam ba bận mất rồi. Chỉ thương chúng mày đi bê trúng phải đợt không được hưởng chế độ mười lăm ngày phép. Lại là dịp Tết nhất thế này mới tiếc

chứ. Nhưng đừng buồn mày ạ. Cũng đừng sợ tao trốn. Tao không bỏ chuyến tàu tết này đâu. Sẽ cùng anh em đi tới kịch đường tàu, vui hưởng ngày xuân. Mày cứ vững bụng mà kèm cặp tao. Đừng lo gì nhà.

Anh cười. Nhưng tôi làm sao có thể yên tâm. Chuyến tàu quân sự tới 29 Tết dốc toàn lực lướt về Nam, tuyệt đối không dừng lại ở bất cứ ga nào, tôi vẫn ngay ngáy canh chừng Hành nhất cử nhất động.

Nhưng rốt cuộc chẳng phải là tôi đã kèm cặp Hành, mà ngược lại. Nhờ sát cánh bên anh, mạng tôi còn tới bây giờ.

Chỉ còn cách ga Vinh chừng vài cây số thì đoàn tàu chở tân binh lọt vào một vùng đêm đột ngột sáng lòa. Nếu không có Hành xô xuống thì tôi đã vì chết khiếp mà nằm chết dí ở trên toa. Và nếu không có Hành ghì lại thì trong cơn điên sợ tôi đã bỏ chạy ra giữa đồng trống. Hành kéo tôi ngã ép vào một bờ ruộng. Bom phát quang quét thành dây, xé dọc cánh đồng. Dứt một loạt bom lại một loạt bom nữa bồi tiếp. Tiếng hú của phi cơ bộ nhào khiến tôi lại lòng lên chực chạy. Hành ghì tôi xuống, đè lên. Anh không ngớt khấn Chúa để trấn tĩnh mình, trấn tĩnh tôi. Tảng sáng, khi trận bom đêm tạm lắng để soạn chỗ cho trận bom ban ngày, Hành hôn hên xóc tôi dậy.

Hai anh em cùng những người còn đứng được lên chập choạng mò mẫm trên cánh đồng bom lần tìm những đồng đội bị thương. Mặt trời cuối năm một màu máu chui qua sương xám, khói đen và giá lạnh chậm chậm trôi lên. Chốc chốc, trước mặt, sau lưng, lại oàng lên như sét đánh một trái bom bi nổ chậm. Không ai kịp quăng người nằm xuống, cũng không kịp cả cúi thấp đầu, dường như không kịp sợ hãi. Một trái bom nổ tung cách tôi không đầy mười bước chân, tóe bi ra từ góc ruộng. Người lính đi ngay đằng trước tôi nhào sang bên, giờ một cánh tay lên rồi vật sập. Tôi và Hành chạy xô đến, quì thụp xuống. Người vừa ngã nằm úp mặt trên vũng máu đang rộng loang ra rất nhanh. Lầy bầy, tôi lật ngửa anh lên.

- Chính trị viên! - Hành kêu - Giê su ma! Anh Phong bị thương rồi, anh em ơi!

Ôi trời ơi, chính trị viên Phong. Trời ơi. Từ bụng, từ ngực Phong máu phì phì tóa ra, áo trắng thủ ướt sũng. Máu chảy ứa cả ở miệng. Kinh hãi, tôi rút tay lại.

- Lay Chúa! Mày làm sao thế? Máu anh em mình mà mày ghê à, hả? Mau lên, nhắc anh ấy dậy, xóc lên lưng tao, mau lên! Ôi Chúa ơi! - Hành rên rỉ, mặt tái nhợt.

Trên đầu chúng tôi bầu trời như chợt co rúm lại. Từ biển ập vào hai chiếc A4. Chúng cất tiếng gầm rùng rợn, hú vang, lượn vòng rất hẹp trên cánh đồng.

Cánh đồng chết chóc bị bom đạn đào xới băm vằm trong suốt cả ngày hôm ấy. Chúng tôi rút lui vào những làng mạc gần đó. Tắm táp, ăn uống, nghỉ ngơi, sức lại dần. Nhưng mà tâm hồn tôi thì đã quá phệ phạc. Gần tới, tiểu đoàn xóc lại đội ngũ, tiếp tục hành quân. Chúng tôi thấy bộ dọc đường sắt, về phương nam. Mặt trời lặn, gió bắc thổi ừ ừ. Trong ánh nhá nhem của buổi hoàng hôn năm cùng tháng tận, binh sĩ đi hàng một, dầm trên đá rậm và các thanh tà vẹt giữa hai vệt ray nom như thể đang cùng nhau leo lên một cái thang cao ngất bắc thấu vào trời sâu lạnh giá.

Đi được gần hai tiếng, sau khi vượt qua một con sông, tiểu đoàn bỏ đường sắt, rẽ phải, nhằm hướng Tây. Không khí lạnh lẽo mà lấm bụi. Lệnh chỉ huy cho dừng chân bên đồi. Nhưng chỉ mười phút, chưa kịp ráo mồ hôi mọi người đã lại ba lô súng ống lên vai rào rào đứng dậy đi tiếp. Riêng tôi vẫn ngồi nguyên tại chỗ. Lẩn mình sau lùm cây, tôi dờ dãn nhìn anh em đang kéo qua trong đêm tối. Không có tiếng nói, chỉ có tiếng vũ khí va chạm lách cách và tiếng chân của người này nối người kia rậm rịch, đều đều. Nhịp bước chân của đoàn quân xa dần, xa hẳn, tắt bật, tôi vẫn bất động.

Cái ngày Ba mươi Tết đáng sợ nhất đời này thế là đã qua đi, nỗi khiếp hãi nguội dần tuy nhiên không tiêu tan mà rần rại dường như có thể sờ thấy được. Tôi căn rằng, gắng gượng ghì mình song vẫn không sao ghìm nổi tiếng rên. Tiếng rên âm ỉ, nghệt thở, cơ hô không phải từ cổ họng thoát ra mà là từ một chỗ rò rỉ nào đó của ý chí. Toàn thân rã rời, hoàn toàn suy kiệt, không còn nổi lấy một gờ ram tinh thần, tôi vật mình nằm nghiêng xuống mặt cỏ khô cứng đã ướt rượt sương giá, người co quắp, ngũ thiếp đi, bại hoại cả cõi lòng trong một niềm thương thân hèn mọn.

Tiếng động cơ phản lực đột ngột dội vào giấc ngủ. Tôi rùng mình, ngồi nhồm dậy. Tôi không biết là

mình đã nằm ở đây bao nhiêu lâu. Đơn vị thì chắc là đã đi xa lắm rồi có muốn đuổi theo cũng không thể kịp nữa, và cũng không biết hướng nào mà theo. Chiếc máy bay nháp nháy đèn, trườn chậm chậm qua bên kia trời và không lượn vòng lại, tiếng động cơ nhỏ dần. Tôi không nhận thấy ngay là đang có một chùm bốn trái pháo sáng treo chênh vênh ở rìa mây. Dưới ánh hỏa châu sắp tàn, một người lính đang rảo bước trên con đường đất gập ghềnh. Tôi nhận ra bóng dáng quen thuộc của Hành. Anh quay trở lại tìm tôi. Anh rời mặt đường, rẽ cỏ tranh đi thẳng tới chỗ tôi núp và không nói gì hết, ngồi xuống cạnh tôi. Gió bắc xiết qua đồi tranh. Bốn bề một vùng mênh mông cô tịch cỏ tranh và lau lách. Một con chó hoang cất tiếng tru thảm thiết, gần đâu đây. Hành moi trong túi áo ra bao Tam Đảo ẩm dượt mồ hôi. Mỗi người mỗi điều chúng tôi lặng lẽ hút.

Không nghe thấy tiếng máy bay, cũng không nghe thấy tiếng nổ, chỉ thấy phía trời tây nhòang nhòang chớp bom. Đạn cao xạ bốn luồng đỏ rực bay tua lên nom như những chuỗi cườm.

- Không chừng... - Hành lẩm bẩm - Không chừng, lại là tiểu đoàn mình đang ăn bom...

Chếch sau lưng chúng tôi, mạn đông nam, vang lên một tiếng đại bác đơn độc, tiếng vọng lan đi rồi tắt bật. Nửa phút sau, phát đạn thứ hai, rồi thứ ba, thứ tư, mau hơn, làm không khí chấn động. Ùng... tiếng nổ đầu nòng tít ngoài khơi, rồi Oàng... trái đạn đập xuống. Mặt đất rung mình. Âm vang của những tiếng nổ đầu tiên chưa dứt thì những tiếng khác đã tiếp theo, tiếp theo mãi, tràn lên nhau, mỗi lúc một dồn dập. Đang đêm, trọng pháo của Hạm đội Bảy đã man găm thét, ác liệt đổ đạn bắn tan nát, bắn hủy diệt một cái làng chài nào đấy trên bờ biển Hà Tĩnh.

- Lay Chúa tôi! Pháo hai lẻ ba ly đấy. Mỗi quả cỡ này có thể xơi tái một quả đồi, - Hành nói, và khe khẽ than lên, giọng khàn khàn - Ôi chao ôi mây ơi, đánh nhau với bọn Mỹ không chết trước cũng chết sau. Chúng nó mạnh ghê người... Nhưng mà nêu bỏ trốn, mây ạ, thì cũng thật là tội lỗi lắm lắm. Mấy lần trước tao trốn về, Chà xừ chị mặt tao giữa nhà thờ trước cả trăm con chiến phan là làm trai không đáng nên trai, tự đánh mất linh hồn, tội lỗi truyền đời.

Anh rít mạnh ngậm khói cuối cùng, dùng gót di mẩu thuốc, rồi chậm rãi đứng lên, rềnh rạc vắn lưng.

- Thôi dậy đi mây. Đi thôi. Chúng mình tụt hậu quá rồi. Phải nhẫu lên mới hòng bắt kịp được anh em - Anh nói, chìa tay cho tôi - Đưa súng với ruột tượng đây tao mang đỡ cho.

Tôi tưởng rằng mình chẳng còn đủ nghị lực để nhúc nhích nổi thế mà rồi vẫn đứng được lên. Lúc đầu tôi nghĩ sẽ chẳng thể đi được xa, nhất định sẽ rớt lại sau Hành và thế nào rồi cũng sẽ bỏ cuộc. Nhưng tôi ngạc nhiên thấy mình vẫn bám sát Hành, cùng anh mãi miết đi mãi lên phía trước. Thỉnh thoảng chân vấp phải mô đất và vướng trong cỏ dại, ngã bệt xuống nhưng lại lồm cồm đứng dậy ngay.

Cả đêm ấy, trước khi bắt kịp bước chân của đơn vị, chúng tôi chỉ nghỉ chân có một lần trên một mỏm đồi. Hai đứa dừng chân để thở, nhưng không ngồi, đứng tựa vào một thân cây cụt. Bốn bề trời đất bao la song mịt mờ cam lạng, quanh quẽ và u sầu khiến lòng tôi se lại. Gió bắc đã ngừng táp, nhưng lạnh càng thêm lạnh. Mặc dù đằng xa bom nổ, mặc dù mạn biển pháo hạm từng loạt rền vang, đêm tôi chiến tranh vẫn là cả một cõi mênh mông hoang vắng bao trùm miền Trung đất nước tôi. Không đâu thoáng ánh lửa đèn, không hề nghe gợn lên một âm thanh làng mạc. Chỉ những triền miên trập trùng, quả đồi này nhường bước cho quả đồi khác, cánh rừng này tiếp nối cánh rừng khác, vô tận dưới đêm dài. Chợt, Hành lay vai tôi:

- Này. Mày nghe thấy gì không? Nghe thấy không?

Tôi lắc đầu.

- Tai mày sao thế hả? Tiếng chuông nhà thờ đấy. Nghe thấy chưa? Chuông mừng giao thừa mày hiểu không. Giao thừa rồi đấy. Lúc này đây.

Đâu ra tiếng chuông, chỉ có tiếng đại bác ùng oàng. Tôi thờ dài.

- Bên công giáo cũng đón giao thừa tết ta à?

- Sao không. Mày hỏi gì lạ thế. Giáo hay lương thì cũng người mình. Như là tao với mày đây này... Nghèo thì nghèo, nhà tao Tết vẫn xôm, bánh chưng, hoa đào, rượu, pháo. Nhà tao đông anh em nên khi giao thừa thế này vui lắm. Từ ngày tao đi làm có tiền càng vui. Chán là lúc này chả có gì mừng tuổi

mày, chứ mọi năm ấy à, em tao đưa nào cũng được tao mừng tuổi... Giờ này chúng nó đang nhớ tao phải biết. Mà tao cũng nhớ chúng nó quá. Con Cúc, con Đào, thằng Hẹ, thằng Mùi, thằng Tỏi... Sau này trở về mày bạn với bọn em tao nhé...

Tôi chẳng nói gì. Một mình Hành lan man nói mãi. Dưới chân đồi bóng đêm đặc sương, đi cạnh anh mà không nom thấy anh, chỉ nghe tiếng hai khẩu AK anh đeo trên vai va nhau lách cách, chỉ nghe giọng anh đều đều kể lê chuyện nhà. Chuyện ông bố. Chuyện lũ em.

Tảng sáng, hai anh em đuổi kịp đơn vị.

- Ông Chúa! - Hành nói, trao lại tôi cái bao gạo và khẩu tiểu liên - May mà gặp mày. Chứ không thì chả biết lúc này tao đã trốn ra đến tận đâu rồi. Ấu cũng là ý Chúa. Thôi thì từ nay hai đứa chúng mình cùng nhau vui hưởng chết chóc.

Tôi dèch miệng ra méo máo cười, đi sát hơn vào anh. Tiểu đoàn trẩy đi như một con trăn dài uốn khúc qua cánh rừng thưa. Bước chân bộ đội in thành vệt xanh lục trên nền cỏ ướt. Chưa chỗ nào ngả sắc hồng nhưng góc trời đằng đông đã bắt đầu trắng ra. Tầng không xám nhợt đã sáng hơn, chuyển dần sang màu xanh lơ. Trước mặt chúng tôi, dường như ngay bên kia vạt rừng vắng lẻ, núi non Trường Sơn trùng điệp một dọc không cùng tận đang từ từ nhắc mình hiện dần lên trong vùng khói sương cuộn cuộn và lạnh lẽo của miền tây đêm tối đang sắp đi vào một ngày mới nữa của mùa xuân năm đó nung trời nắng và lửa...

Mùa xuân năm đó đã lùi quá sâu vào dĩ vãng, thế nhưng cái chặng đường khuya mà tôi đã cùng Hành lội ngang qua đất Hà Tĩnh để ruổi theo bước tiến của tiểu đoàn thì tới tận bây giờ dường như vẫn đang đây, trải dài dưới chân tôi, dài xa thăm thẳm về phía trước.

Giao thừa năm nào tôi cũng lắng nghe, cũng chờ mong tiếng chuông nhà thờ. Giao thừa là phút giây lặng lẽ cho riêng ký ức cuộc đời tôi. Đêm trừ tịch đánh thức dậy một chặng đời đã chết từ lâu, làm sống dậy trong tôi mảnh hồn ma gầy guộc mang gương mặt rõ đậu mùa thân yêu hiền hậu. Hành và tôi, hai anh em, kể từ mùa xuân năm ấy đã sát cánh nhau dẫn mình vào cơn cuồng phong lửa đạn và đã cùng nhau nhiều năm trời vui hưởng chết chóc cho mãi tới ngày Hành được cái chết rước đi trong trận quyết chiến ở xứ đạo Tân Cảnh bên bờ sông Pô Cô. Thế nhưng cả sau khi Hành đã chết, Hành và tôi vẫn như hình với bóng. Tín ngưỡng Thiên Chúa của anh không ngăn tôi hương khói cho hương hồn anh. Cho đến hết cuộc chiến, trên cộ tôi không lúc nào rời cây thập ác bằng đũa ra xác máy bay mà khi hấp hối Hành đã gửi tôi mang về Hà Nội trao cho cô em út của anh.

Ông Phao Lô đã qua đời từ lâu. Họ Trịnh không còn ông và không còn Hành, song đã trở nên đông đúc gấp bội những năm xưa nghèo khó. Cả năm người em của Hành giờ đây đều khá giả, ăn nên làm ra. Họ vẫn chăm đi lễ như sinh thời ông Phao Lô, và vẫn giữ nếp toàn gia cùng đến nhà thờ mỗi sáng chủ nhật. Chỉ khác là bây giờ họ không lặng lẽ dắt dây nhau cha con anh em chậm rãi khiêm nhường cất bước đi qua trước cửa nhà tôi như thuở nào. Bây giờ, người lớn thì rầm rầm rộ rộ một toán đông xe máy, con trẻ thì ngồi xích lô ghé nệm, sang trọng, là lượt, trẩy dọc phố. Dù vậy, bọn ọe con ở phố tôi ngày nay do quen sống một cuộc sống tuyệt đối thờ ơ với mọi sự nên chúng chẳng thiết gì nhìn ngó những người đi lễ.

Ngôi sao vô danh

T rắng lên, tàu dừng ga Phúc Trạch, chừng mười phút rồi lại chuyển bánh. Không vội vã, đoàn tàu dấn sâu vào thế giới hoang vu trập trùng đồi gò khe lũng và mênh mông những trắng trổng miền tây Quảng Bình. Thỉnh thoảng một vạt núi từ Trường Sơn ăn ra cắt ngang qua vùng cô tịch kéo dài không dứt của cỏ tranh và lau lách. Đường sắt xẻ vào núi, trườn giữa hai vách ta luy đột ngột tối xám rồi lại đột ngột xuyên ra dưới miền trắng sáng.

- Đường dây Năm trăm kia! - Ở đằng cuối toa, một người đàn bà kêu lên.

Tôi đã tưởng trên toa chỉ còn riêng mình đang thức. Nhịp tàu đập dềnh, tiếng bánh sắt lăn đều đều, và gió mát, ru người ta ngủ. Ngoài cửa sổ, trắng sáng, đêm dài, cảnh đường trường lượn lướt trôi qua như những cái chớp mắt. Những cột tín hiệu. Các nhà ga xép. Những đám cây cối. Một vạt rừng thưa. Những rừng đồi thâm thấp. Và đột ngột tiếng rền vang như sấm của một đoạn cầu ngắn ngủn. Đất đai quê hương trải dài trong quanh quẽ.

Đã non ba chục năm rồi còn gì, ngày ấy với bây giờ, nhân tình thế thái đổi khác biết bao nhiêu, nhưng mà núi vẫn thế, rừng vẫn thế, suối sông cũng vẫn thế thôi. Vẫn một Quảng Bình hình thế độc đạo, đất hẹp trời cao, và vẫn trùng điệp Trường Sơn một dọc không cùng tận. Có lẽ ngoài tuyến tải điện Bắc Nam là một công trình còn quá mới, hai mươi năm hòa bình đã chỉ in được vào trong cảnh vật của miền non nước hoang sơ thưa vắng bóng người này có độc nhất một con đường xe lửa. Đường như tất thảy những bước tiến và những đổi thay của cả nước đều chỉ nườm nượp trôi qua, chứ không chịu dừng chân lại ở nơi đây. Đường như ở nơi đây kể từ sau chiến tranh thời gian tức là tiếng còi tàu, đường như kim đồng hồ chỉ chạy khi có tàu chạy ngang. Những chuyến tàu ra rồi những chuyến tàu vào bù trừ cho nhau như là ngày và đêm.

* * *

Ngày xưa, thời chúng tôi, quân lính đi Bê, anh nào may mắn thì cũng được rời Hà Nội bằng tàu hỏa. Song chỉ tới bắc Cầu Bùng thôi là kịch đường, phải xuống. Từ Quỳnh Lưu, cuộc bộ, sủng ông trang bị chất trên vai, xuyên Nghệ An, Hà Tĩnh, vòng tránh Đèo Ngang, rồi hoặc một mạch đổ về Cự Nẫm hoặc là đi chéo đường về “thủ đô Troóc”. Từ đây, mới thực bắt đầu đường giao liên 559, ngàn dặm, vào Nam.

Tôi nhớ năm ấy, mùa đông, tiểu đoàn chúng tôi một hàng dọc vượt Khe Gương. Ở khúc lượn của bộ binh, ngày xưa từng có một cây cầu. Thân cầu đã sập xuống khe từ những đời thuở nào, chỉ còn lại đó cái mô giữa đứng trơ vơ. Mặc dù đã xám đen và lở nát đi vì năm tháng song mô cầu vẫn giữ lại được vóc dáng xưa tuyệt đẹp nom tựa vòm công một tòa thành cô từ dưới lòng khe sâu cao vút lên. Thuở còn nguyên vẹn cầu Khe Gương hẳn phải là cả một kỳ quan. Thú thực là bây giờ tôi đã hết sức kinh ngạc vì không hiểu tại làm sao mà ngày trước người ta lại phải bỏ sức cắt lên một công trình bẻ thế như vậy giữa vùng núi non khuất nẻo chẳng hề có đường xá này. Và tôi lại càng ngạc nhiên hơn khi được biết đây là phế tích của một cây cầu xe lửa. Hồi đó, mười bảy tuổi, thuộc diện con nhà cán bộ, lớn lên ở thành thị, ngoài những kiến thức sơ sài trong các sách giáo khoa lịch sử, tôi nào có biết gì nhiều về dĩ vãng của non sông đất nước, nhất là dĩ vãng làm lụng dựng xây mở mang khai khẩn. Tôi những tưởng từ vạn cổ tới giờ tuyến tàu Nam chỉ là Hà Nội - Vinh. Làm sao dọc đất Quảng Bình lại có cầu hỏa xa?

Giữa lòng khe, thân cầu như một con tàu mắc cạn, đã rã nát ra. Những mảnh dầm cầu phủ nặng rêu, nằm cong queo, vỡ vụn trên nền sỏi trắng dưới làn nước lạnh giá trong vắt như gương. Tiểu đội trưởng bảo: “Không phải sập vì bom đầu mà là do ngày xưa tiêu thổ kháng chiến”.

Sang bên kia khe, đường hành quân men theo đường sắt. Thực ra thì chẳng còn tăm hơi đường sắt. Chẳng còn ray, chẳng còn tà vẹt. Cả đến một cục đá rậm rại đường cũng chẳng còn. Thời gian, mưa nắng, cỏ cây đã biến tuyến hỏa xa Xuyên Việt thành một lối mòn vô danh trườn lượn lẩn khuất dưới những vách đồi.

Đôi dộc trập trùng, mưa phùn lê thê. Tiểu đoàn rẽ vào Rú Vạc, rải quân ra chốt lại. Vì có thể sẽ dùng chân vài ngày trong vùng rừng hoang này nên các đơn vị được lệnh không tạm bợ tăng vồng qua đêm mà phải đào hầm dựng lán, đào hào nơi ăn chốn ở đón xuân.

Mỗi tiểu đội một lán, nền âm, mái lá. Đầy đủ hầm chữ A, bếp Hoàng Cầm, sạp giường, giá súng, giá ba lô, và cả bàn thờ nữa với ảnh Bác Hồ, cờ Tổ Quốc. “Ồ thì thơm rồi đây, chẳng kém doanh trại trường hạ sĩ quan một tý nào. Nhưng tết nhất sao đây hả, giao thừa mà nhá lương khô thì quá thể nực cười”, tiểu đội trưởng bảo.

Tiểu đội trưởng Tô của chúng tôi đã hai năm quân ngũ nên thạo đời, sắc bén và hữu hiệu như con dao pha, trên thông thiên văn dưới tường địa lý. Thoáng cái anh đã biết ngay lưng rừng âm u nơi đơn vị đang hạ trại vốn dĩ là một khu khai thác gỗ. Như vậy thì phải có dân cư gần đây. Một xóm sơn tràng, hoặc thậm chí một lâm trường nữa cũng nên. Tô mở miệng bao tải, và lính tráng moi ba lô, mỗi đứa bỏ mỗi thứ vào đó góp vốn đề Tô đi sắm tết. Kim, chỉ, đá lửa, pin văn điện, cao sao vàng, lưỡi dao lam, cặp ba lá. Và lương khô, thịt hộp, đường, sữa. Tôi được Tô kén đi chợ cùng.

Ban đầu hai đứa tôi đạp góc phương vị mà đi. Nhưng chỉ một chốc thì Tô lục lạo tìm ra được một vết đường lâm nghiệp trốn sâu trong gai góc và lùm bụi. Lội rừng chừng hơn một giờ theo cái lối mòn kéo gỗ đã bị bỏ hóa ấy, chúng tôi bước ra một vùng rừng thưa và gặp lại đường xe lửa. Khác với đoạn ở Khe Giương, tại Rú Vạc này nền đường sắt mặc dù bọc trong lau lách nhưng mà nom còn khá rõ, tương đối trời cao lên như một con đê dài hoang phế lượn giữa sóng rừng nhấp nhô.

Đang dẫn đo chưa biết nên đi ngã nào thì chúng tôi chợt trông thấy ở đằng xa, trước khúc cua vòng của trục đường, có một túp lều mọc trong màn mưa bụi li ti lạnh giá. Rẽ lau, chúng tôi đi tới. Túp lều mà không phải là túp lều. Nó giống một cái bọc có mái che của người gác ghi nhà ga. Cổ nhiên là ọp ẹp, xiêu vẹo, mái có vẻ như bằng gỗ, ba bên vách cũng vậy, nhưng đều đã mục ruỗng, thủng nát. Vén manh chiếu rách che cửa lều, tôi thấy một ông lão ngồi co ro trên chiếc ghế đầu. Một ông già rất già. Lưng còng, trán nhăn như vỏ táo khô và có lẽ vì răng không còn nhiều nên phần dưới khuôn mặt sụp xuống. Ông vận một cái áo bông cô lông nhưng mà lông đã trụi nhẵn, vải áo đắp đầy vết vá bằng những mụn vải nhiều màu.

- Chào bộ ạ! - Tôi lên tiếng.

- Cái chi?

- Rét thế này bộ ngồi làm gì đây thế ạ?

- Bây hỏi chi lạ! - Ông cụ phều phào gắt - Ta làm gì nơi đây, đui sao mà không thấy! Lính khu Ba tụi bây đưa mô cũng tụi nói leo.

- Gần đây có cái thôn nào không, cụ? - Tô hỏi.

Ông già ho khò khò. Tôi nhắc lại câu hỏi to hơn trước.

- Mần chi mà hỏi?

- Bọn con muốn trao đổi hàng hóa, cụ ạ. Hàng khô quân sự đổi lấy đồ ăn tươi. Cho bộ đội và nhân dân cùng ăn Tết, cụ ạ.

Ông lão lom còm đứng dậy. Cụ gỡ ở vách ra một cái áo toại lá, tròng vào người và đội mũ nan lên, rồi bước ra khỏi lều. Cụ diện một đôi Côxugin bê bết bùn và đã hoác mồm. Cụ chỉ tay về khoảng rừng xa:

- Đó. Thị trấn đó. Lâm trường bộ đó. Trường học đó.

Vườn ươm cây đó. Nơi đó...

- Dạ thưa, cụ nói sao ạ, thị trấn ư?

- Ngoài khu Ba bây mới có thị trấn hử? - Ông cụ nạt.

- Tới đó, qua vườn ươm cây, rồi qua suối, rẽ tay mặt. Đi tới. Rẽ tay mặt. Đi thẳng tới. Qua đồi. Đó, đồi đó nọ. Đồi Bốn lâm trường bên đồi đó. Tới đó mà mua đồ ăn.

Chúng tôi phải khó khăn lắm mới hiểu những chỉ dẫn rắc rối của ông cụ. Giọng ông cụ hình như không hẳn giọng Quảng Bình.

- Cụ cũng ở trong đó ạ? - Tò hỏi.
- Bây hỏi chi lạ. Can có chi ta phải ở với bọn sơn tràng trong nớ.
- Nhưng mà cụ ngồi làm gì ở đây?
- Ta gác ghi!

Tôi kinh ngạc nhìn. Bây giờ tôi mới nhìn thấy trước ngực ông cụ có đeo một cái còi bằng đồng buộc vào sợi dây gai choàng qua cổ. Và cụ cầm trong tay hai cây cờ nhỏ. Một lá cờ màu vàng, một lá màu đỏ.

- Cái bọn sơn tràng đội Bốn trong nớ chúng nghèo cực lắm, bây không hòng mua được gì nhiều của bọn chúng đâu. Nhưng ngoài bọn nớ thì không còn thôn làng chi nữa ở Rú Vạc.

- Thế còn cụ, nhà cụ ở đâu ta?
- Sao lại ở đâu? Ở nhà ga chứ ở đâu.
- Ga ư? Đâu ạ?

Ông già nhướn cặp lông mày bạc phéch và mở to cặp mắt kèm nhèm nhìn sững vào mặt tôi như thể kinh ngạc vì sự đột ngột quá đáng của tôi. Rồi chậm rãi ông quay người lại.

- Nhà ga đó! - Ông chỉ cho tôi thấy một đám rừng chồi xanh tươi ở cuối khúc cua của nền đường sắt.

Ông cụ nói:

- Vào trong đội Bốn rồi, trở ra mời hai anh quạ chơi, thăm nhà chúng ta. Ta cũng muốn mua vài món. Ta có tiền. Nhưng ở trong này có tiền cũng chẳng có chi mà mua. Hai anh có vải hoa đó không?
- Dạ không có ạ! - Tỏ đáp.
- Có xà phòng thơm Hoa Nhài không?
- Không ạ.
- Vậy có gương soi không, thứ của đàn bà con gái đó?
- Không ạ. Nhưng cụ cần những thứ ấy thật sao ạ?
- Ta không cần. Nhưng ta muốn mua cho con Giang, cháu gái ta. Hừ. Vậy thì trong bao của hai anh có những món gì? Nói coi. Ta mua. Ta có tiền!

Tôi định trả lời, nhưng Tỏ xua tay. Anh cảm ơn ông cụ rồi vội vội kéo tôi đi.

- Ông lão hóa rồ rồi, không thấy à, đồ ngốc! - Tỏ mắng tôi - Lão ấy thì có cái gì mà đổi chác. Mày khai các thứ ra, lão rồ ấy lại chẳng hỏi xin bằng hết ấy à.

Nhưng mà chúng tôi vẫn đi theo sự chỉ dẫn của “lão rồ” để tới lâm trường bộ và thị trấn. Đây là một đám rừng tái sinh mọc trên bãi B52. Trận bom đã từ khá lâu. Những thân cây đổ cháy đang dở đã đâm chồi non. Trong những đám cỏ rậm cao vút có thể thấy tháp thoáng di tích nhà cửa. U ù gió thổi. Bạt ngàn hồ bom. Chông đồng gạch nát, ngói vụn, rầm gãy. “Thị trấn đây! - Tỏ bảo - Ông lão ấy thế mà cũng giỏi đùa nhỉ”.

Vòng vo, quanh quèo, rẽ phải, rẽ trái, loạn xạ, cuối cùng thì chúng tôi cũng đến được cái gọi là đội Bốn lâm trường. Vón là cánh rừng nhưng cây cối đã bị bom xô đổ. Lôi đi hụp lặn trong cỏ tranh. Cỏ tranh rẽ ào ạo, rầm rầm tiếng cành khô gãy. Cờ hồ không một bóng người. Đời sống chỉ còn chập chờn vương vất dưới đây đó rải rác những túp lều dụi dụi, nửa nhà nửa hầm, ngói lên ngay bên nền cũ tang thương của những xác nhà. Tỏ thở dài:

- Ở đây chợ Tết tan sớm ghê. Hàng quán nghỉ cả rồi.

Từ các xó xỉnh bụi bờ hang hốc lũ trẻ lóc thốc chui ra. Đứa nào đứa nấy gầy vêu, ốm đói, xống áo tả

tối, da đen nhẻm, môi tím tái vì rét.

- Các chú Khu Ba! Các chú Khu Ba “manh xờ lam đôi gà ri” tề, bay ơi! - Bọn nhãi reo lên, nhảy cẫng, hò nhau chạy xán đến gần chúng tôi.

- Bố mẹ, anh chị các cháu đâu? - Tôi hỏi.

- Ba đi dân công hỏa tuyến. Mạ ra Côn đảo muối!

- Bọ mạ vô rú trồng bắp!

Đứa lớn nhất hỏi:

- Hai chú tha chi trong bao? Tiêu chuẩn đi Bê đôi lấy gà hỉ?

- Ủ, - Tôi nói - Các chú muốn đổi chút thực phẩm tươi về cải thiện. Nhà có gì không?

- Ôi thôi nào! - Tỏ làu bàu, mặt cau lại, rồi lại thờ dài - Còn đổi chác cái gì nữa hờ mày. Không thấy cảnh nơi này sao? Thôi thì có gì chia này. San đều mỗi nhà mỗi xíu mày ạ. Gọi là chút quà lính đi Bê biểu bà con lâm trường ăn Tết.

Chúng tôi vác bao đi lần lượt mười ba căn nhà hầm của xóm sơn tràng. Bọn nhãi nhùng nhặng theo sau rộng rần như đám rước. Tới trước cửa mỗi hầm, Tỏ mở bao, bốc trong đó mỗi thứ mỗi ít bỏ vào mũ cối. Bọn trẻ xúm xít lại, giương mắt chăm chú nhìn Tỏ phân chia hàng hóa.

Chúng tôi xuống hầm, cất tiếng chào. Mặc dù có bếp lửa giữa lòng nhà nhưng căn nhà hầm nào cũng tối âm âm, ẩm ướt, lạnh lẽo, trống rỗng. Nhà thì có ông lão, nhà thì bà lão. Tôi bỏ các thứ trong mũ lên góc chiếu. “Năm cũ chưa dứt nhưng chúng con bộ đội hành quân qua không dừng lâu được xin có chút quà và xin được gửi sớm tới gia đình lời chúc mừng năm mới”. Có cụ chào hỏi lại và cảm ơn. Có cụ chẳng nói gì, hấp háy cặp mắt đục lờ...

Tôi và Tỏ trở về theo lối cũ. Im lặng bước đi. Trong lòng buồn bã. Trời buổi trưa đã tạnh mưa nhưng mà thêm phần lạnh lẽo. Núi rừng cần cối, đói khô, bao la, chập trùng. Biển lau xám xịt một màu. Tiếng động cơ phản lực rền rền lặn trên mây.

Chúng tôi lên lại nền đường sắt, đi về phía túp lều gỗ của ông già “gác ghi”.

Ông già đang đứng ngoài lều. Đứng nghiêm, mặt trông về phía bắc, nơi đang rầm rầm tiếng máy bay quân lượn. Một tay ông cụ đưa ngang ra.

- Ông lão làm gì thế nhỉ? - Tôi ngạc nhiên.

- Không thấy ông già trương cờ à? - Tỏ nói - Cờ vàng. Đón tàu qua ga đấy. Tiếng máy bay nghe xa cũng có vẻ na ná tiếng tàu hỏa đấy chứ...

Ông cụ không để tâm tới chúng tôi đang bước tới gần. Mắt cụ chăm chăm nhìn hút theo trục đường. Tay cụ cứ đưa ra mãi không biết mỏi. Lá cờ vàng vẫy trong gió rét.

Tôi định lên tiếng chào thì bị Tỏ kéo kéo tay ra hiệu im lặng. Hai đứa lách cỏ lau đi vòng qua sau lưng ông cụ.

Đi xa khỏi túp lều rồi Tỏ mới bảo tôi:

- Tao sực nhớ là bọn mình quên không để lại thức gì làm quà cho ông lão. Thành phải tránh.

Suốt dọc đường hai đứa im lặng rảo bước. Về đến gần lán tiểu đội, Tỏ níu tôi dừng lại một lát bên bờ suối. Anh bảo tôi:

- Tao thật không đành lòng mày ạ. Nghĩ thương ông lão quá cơ. Thôi bây giờ thế này nhé. Tao thì trung đội không cho đi nữa, chứ không thì tao đi ngay. Nên mày chịu khó một tý vậy. Về lán, mày nằm nghỉ một lát cho đỡ mệt rồi thì quay lại “trạm gác” đường tàu mang cho ông lão chút quà Tết. Tao sẽ chuẩn bị gói quà ấy. Những thứ lão thích tao có cả đấy. Mảnh vải hoa may áo này. Xà phòng thơm này. Các thứ bọn con gái chuộng: kim chỉ, cặp ba lá, cúc áo có cả. Gương tròn tao không có nhưng thẳng Ngũ bên A2 có, tao sẽ xin của nó cho cháu gái ông lão. Mày đi nhé? Đi rồi quay về ngay vẫn còn kịp đón giao thừa mà. Chẳng xa lắm đâu.

- Ủ, - Tôi đáp - Còn cách nào khác đâu.

* * *

Tôi chỉ và vội bát cơm, chứ chẳng nằm nghỉ, khoác túi quà lên đường ngay. Nhưng tới nơi thì ông già “gác ghi” không còn trong túp lều nữa. Chiều đã muộn rồi, lại càng thêm rét, lại lâm thâm mưa phùn. Tàn tích của cơn đê hỏa xa như thêm một nét âm đạm nữa cho buổi chiều đông. Bốn bề mênh mông im lìm. Quả đồi này nhường bước cho quả đồi khác, cánh rừng này tiếp nối cánh rừng khác, kéo dài vô tận dưới vòm trời thâm uớt.

Một hồi tôi lê bước theo khúc cua vòng của nền đường lở nát đi về phía rừng chồi, nơi mà ông lão gọi là nhà ga. Tưởng cụ lú lẫn nói nhăng, vậy mà đúng là có vết tích một nhà ga ở bìa rừng. Lần đầu tiên ở phía nam Vinh tôi trông thấy lại những thanh ray và những thanh tà vẹt bằng sắt nằm cong queo, rỉ nát trong cỏ. Một khoảnh đất bằng với những phiến đá phẳng đã rạn vỡ nhưng mang dáng vẻ một cái sân ke ngày xưa.

Một vệt đường lượn cong cong dẫn vào rừng chồi. Có vẻ như đây là dấu vết còn lại của một nhánh phụ tuyến đường sắt, hay có thể là đường xe goòng. Tôi rẽ vào rừng theo đường nhánh đó.

Ngôi nhà hiện ra đột ngột và huyền bí trong ánh chiều dầm hơi mưa đang dần nhòa lụi dưới bóng rừng. Không phải nhà ngói, nhà gạch, không phải lều lán, không phải là nhà hầm. Mặc dù gần như hoàn toàn bị trùm lấp trong những tầng dây leo nặng trĩu, ngôi nhà vẫn rõ rệt là một toa tàu hỏa khiến tôi sững sờ sững sờ.

Những bánh xe đã ấn lút hai khúc ray xuống đất mùn. Khung xe trùm lấp dây leo. Những quả mướp lông thông trước những khung cửa sổ. Đây là một toa tàu khách, cửa ở hai đầu toa. Bạc lên xuống đã mòn nát được thay bằng tam cấp gỗ tự đóng lấy. Nhưng tay vịn bằng đồng thì vẫn còn nguyên.

Một cảm giác hơi rờn rợn ngăn tôi lại trước cửa toa. Khá lâu, tôi đứng sững, lặng im. Cho đến khi tôi nhận thấy có người đứng ngay đằng sau mình. Người đó bước tới bên tôi mà sự xao động gây ra không mạnh hơn một bóng ma. Tôi ngoắt người quay lại. Có thể nói lúc bấy giờ chỉ còn lại một thoáng ánh sáng cuối cùng trước khi rừng hoàn toàn sập tối, tuy nhiên chẳng những nhận ra bóng ma đó là một cô gái mà tôi còn kịp định hình được vóc dáng của cô, gương mặt của cô. Thoáng hiện đó sẽ còn in đậm mãi trong tâm trí tôi bởi vì từ sau đó tôi chỉ còn thấy được cô mờ mờ trong ánh lụi mờ của đóm lửa hương bài.

- Chào anh, anh bộ đội, anh tìm ông nội em phải không? - Cô gái lên tiếng, một giọng dịu ngọt và gần như là du dương vậy.

- Cô là Giang à?

Cô gái dạ thật khẽ.

- Ông em ngủ rồi.

Cô không nói mời anh lên toa mà nói mời anh lên nhà.

Sàn toa bằng gỗ vẫn còn chắc chắn vang lên thỉnh thoảng dưới bước chân. Trong toa thơm ngát khói hương bài tỏa từ bàn thờ. Bàn thờ khuất đâu đó trong lòng toa tối đen. Tôi và Giang ngồi xuống băng ghế gỗ. Đây là loại toa khách hạng ba. Chỉ có hai băng ghế dài dọc theo hai bên thành. Ông lão nằm ở băng ghế bên kia, thở khò khè và ho.

- Sao không làm sạch giường trải cho ông nằm? - Tôi hỏi.

- Ông em thích vậy đó. Đã quen như vậy. Bởi hàng chục năm rồi ông ngủ trên băng ghế toa xe này. Khác đi không chợp mắt được.

- Nhà chỉ hai ông cháu thôi à?

- Vâng. Ngày xưa thì đông hơn. Có ba mẹ và hai em.

- Sao Giang không thấp đèn lên? - Tôi lại hỏi sau một lát lâu im lặng - Giônxon nó tuyên bố tạm ngừng ném bom mấy ngày Tết. Từ chiều không thấy nó bay nữa.

- Vâng, em cũng nghe nói vậy. Nhưng ông nội sợ ánh sáng về đêm lắm. Đang ngủ say mà ai bật que diêm hay đánh máy lửa là ông vùng dậy la hoảng. Rồi ông chạy. Ông em đâu còn tỉnh trí, chắc anh cũng biết. Chắc anh đã gặp ông em ngoài đường tàu phải không?

Tôi kể cho Giang nghe chuyện tôi và Tổ gặp ông cụ. Và duyên do tôi tìm tới đây.

- Vậy đó anh nờ, - Giang thở dài - Ông em sống mãi trong thời xưa, thời còn tàu hỏa Tây. Thời xưa đó ông em từ Huế ra đây làm ký ga. Nghe ông kể thì đây xưa là nhà ga, ga Kiềm Lâm, hay còn gọi ga Mả Phu Tàu. Tên chi mà dễ sợ anh hỉ.

- Cái toa xe này là thế nào? Nó nằm đây từ bao giờ vậy?

- Nó có ở đây từ trước khi có em. Mạ sinh em ở trên toa này đó anh. Mà em năm nay mười bảy tuổi. Ba mạ kể chuyện rằng cái toa xe này là của đoàn tàu Xuyên Việt chuyển cuối cùng chạy qua đây. Tàu chở người tản cư từ Huế ra Vinh. Thiếu than, chạy chậm, mà Tây thì nổ súng Đồng Hới rồi, nên đến ga này tàu phải cắt bớt toa để vượt nhanh. Sau đó thì không còn tàu qua nữa. Khắp nơi hủy cầu, bóc đường rây chống Tây. Ông bà với ba mạ em đẩy cái toa bị rớt lại này theo đường nhánh vào náu trong rừng. Không còn xe lửa nhưng chín năm kháng chiến ông bà ba mạ em vẫn ở lại ga. Tây bỏ bom ga, cả nhà rời vào sông trên toa xe từ đây.

- Sao thế nhỉ, sống làm gì trong chốn hoang vu này từng bảy năm trời cơ chứ?

- Bà em qua đời nằm lại đây. Ông em không thể rời xa mộ bà. Với lại ông bảo đời ông thợ hỏa xa phải suốt đời với nhà ga với đường tàu. Ông một lòng tin chắc sẽ đến ngày đường hỏa xa sông lại. Hòa bình rồi, năm này qua năm khác, ông ngày một già vẫn sống lý tại đây, một ly không rời, vẫn mỗi mắt đợi tàu qua ga. Ba mạ em vì vậy cũng ở bên lại Rú Voọc làm công nhân lâm trường. Mà coi vậy chứ Rú Voọc không phải thời nào cũng hoang vu thế này. Những năm hòa bình nhờ có lâm trường, có xưởng cưa, xưởng rèn, có trạm kiềm lâm nên đông vui lắm. Dần dần có chợ búa, có thị trấn, với trường cấp một cấp hai. Ba mạ rồi cũng mời được ông ra ở nhà ngói ngoài thị trấn. Nhưng ông vừa ra ở được mấy bữa thì giặc Mỹ ném bom. Bao công phu khó nhọc dựng xây quê hương bị thiêu hết cả. Và bao nhiêu là người bị hại. Ba mạ em mất trong trận bom đầu tiên xuống lâm trường bộ. Em đưa ông nội và hai em chạy về ở trong đội Bốn. Ở nhà hầm. Mùa đông năm ngoái, một đêm hai thằng em của em dậy đốt lửa sưởi. Ánh lửa lọt ra ngoài. Tàu bay hần bắn rộc két trúng cửa hầm. Hai đứa chết cùng một khi. Em bị thương. Ông thì mất trí từ đó. Ông lại trở ra sông trên toa tàu này. Em ở cùng ông, làm lụng và trông nom ông. Ông chẳng biết ngày tháng, không biết Tết, không biết giao thừa là gì. Ngày ông ra gác ghi đón tàu. Đêm về ngủ trên toa chứ không chịu ngủ hầm. Ông không sợ tàu bay mà chỉ sợ ánh đèn.

Tôi ngồi lặng bên Giang nghe cô nói chuyện. Cô nói không ngớt. Có thể hình dung được nỗi cô đơn đè nặng trái tim cô gái sống trong cái toa xe bất động đã hàng chục năm trời này. Cô thì thầm ước ao đến một ngày nào đó tuyến đường sắt hồi sinh, tàu hỏa qua lại nơi này để cô được biết đoàn tàu hỏa nó như thế nào, được biết âm thanh của những hàng bánh sắt lăn trên đường ray, và nhất là được biết tiếng còi tàu. Tàu hỏa nó như thế nào, ngày xưa, khi còn tỉnh trí, ông nội vẫn thường tả cho các cháu của ông nghe. Nhưng không được thấy thì sao mà hình dung nổi. Nó có giống như một con rồng không anh?

Giang hy vọng:

- Khi nào tàu hỏa sông lại, chạy ngang qua, rúc còi, ông nội em sẽ lại minh mẫn như xưa.

Rồi Giang nói đùa, đùa nhưng chứa chan mơ mộng:

- Ông và em sẽ móc ngôi nhà của hai ông cháu vào đoàn tàu. Sẽ ngồi trong nhà mà đi chơi khắp đất nước.

* * *

Đêm trừ tịch tối đen, nhưng đã tạnh mưa nên vòm trời có phản quang ra, sáng mờ, rải rác những vì sao. Chúng tôi chia tay ở bờ rừng. Giang trở một ngôi sao xanh biếc chênh chênh trên nền trời phía bắc:

- Anh biết tên ngôi sao kia không anh?

- Không. Sao ấy rõ đấy nhưng nó vô danh. Có lẽ vì để định hướng phương bắc người ta đã có sao Bắc Đẩu to và sáng hơn.

- Ông em bảo là ngày xưa khi ngôi sao ấy hiện lên ở đầu núi thì ở đây đoàn tàu bắc chuyển đêm sắp chạy lướt qua sân ga.

Tôi hẹn sáng mai, Mồng Một, sẽ cùng anh em trong tiểu đội đến chúc tết gia đình. Chúng tôi sẽ xông đất ngôi nhà - bánh xèo của ông cháu cô. “Bọn anh sẽ cùng em đẩy cho nó lăn bánh, Giang ạ”, tôi nói, nắm nhẹ bàn tay cô mềm mại.

Nhưng ba giờ sáng, cấp tốc lệnh hành quân. Và đường hành quân của tiểu đoàn rẽ sang tây, tách xa mãi mãi trục đường hỏa xa.

Từ đây tới nay ba chục năm trời. Các nhân viên trên đoàn tàu đêm nay không ai biết ga Mả Phu Tàu. Có thể vì họ không biết hết tên các ga xép. Thành ra tôi cứ chong mắt nhìn ra đêm trắng.

Ngoài cửa sổ núi nọ hiện hình lên rồi từ từ khuất dạng, núi khác lại chồng tiếp vào, miên man, trùng điệp. Nhưng suốt đêm nhìn ra tôi vẫn thấy mãi một ngôi sao xanh treo trên một đỉnh núi nào đó cứ đang lặng lẽ trông với theo vệt sáng của đoàn tàu.

Những địa danh thoáng hiện, chưa kịp nói lên đã vượt mắt khỏi tầm trí nhớ, vụt đi như là bị gió thổi phù.

Hữu khuynh

Nhưng tôi đâu có thuận tay mặt chứ! Bị phê, Tư cãi, nhưng chỉ là cãi trong bụng thôi. Con người anh xưa giờ nói năng kém, lý sự chẳng có. Hạp to hạp nhỏ thường là ngồi im. Nếu nghe trọng hội nghị có nhiều ý kiến tranh đấu nện đích tên mình thì cũng xin được đứng lên phát biểu, song chẳng lâu la dài dòng, nhận mọi khuyết điểm và tiếp thu mọi đóng góp của tập thể, rồi lại ngồi xuống, ngồi im.

Còn về căn bệnh hữu khuynh mà mọi người vừa phê thì ngay từ chân ướt chân ráo trở về sau chiến tranh Tư đã mắc rồi. Có điều ngày đó người ta ngại phê bởi vì ngày đó Tư đang làm lớn. Giải phóng Sài Gòn tuần trước, tuần sau Tư về, chức danh là quyền bí thư huyện ủy. Gần như là vừa từ xe hơi bước xuống, một trong những việc đầu tiên Tư chỉ đạo tiến hành là cho làm sạch nhà giam. Làm sạch mà thực ra là thả sạch. “Giải Phóng, hai chữ ấy trước nhất có nghĩa là đại xá”, anh giảng giải như vậy với các cán bộ trẻ mới lên đương quyền. “Hòa Bình tức là hòa và bình, chứ gì nữa. Vậy mà nghĩ coi, tại nơi đậm đặc ân oán như địa phương mình đây, mấy câu tính bắt giam cùng lượt, đăng hả cho hết thù sâu bấy nhiêu năm thì sao cho xuê, và sao mà có thể coi là đã hòa với bình rồi chứ, phải vậy không?”. Thành thử, trừ sĩ quan và chức sắc hạng tai to mặt lớn phải trải một thời gian xa nhà đi tập trung học tập, còn lại thì muôn dạng tề nguỵ loại ruồi muỗi tôm tép đang bị nhốt trong các buồng giam, đều được về với gia đình, vui hưởng thái bình.

Lẽ tất nhiên Tư phải là người biết rõ hơn ai hết những người được phóng thích. Tuy chỉ là ruồi muỗi tôm tép nhưng ít nhiều đều đã từng chứa nọc của rắn rết bọ cạp. Ngụy tỉnh, ngụy quận, bảo an, chủ lực, và cả Mỹ, cả Pak Chung Hy đều không đáng sợ bằng “ngụy vườn”. Sách lược bình định hiểm ác đạt được đà lần lượt trên toàn quận kể từ sau Mậu Thân, phong trào du kích bị đánh phá tan nát, đảng viên và quân chúng của Đảng hầu như chẳng còn ai, bị tróc tận gốc, phần nhiều là nhờ vào sự tiếp tay của những ác nhân cỡ mọn sống đời bình dân trong làng quê lồi xóm. Biết rõ hơn ai hết, vậy mà vẫn dễ dàng cho qua. Mắt cảnh giác, đó là lời nhẹ nhất, mắt lập trường giai cấp, quay lưng lại quá khứ, đó là lời nặng nhất phê phán bí thư huyện ủy trong các đơn thư kiện cáo gửi Đảng bộ cấp trên. Có cả những lời xì xầm cho rằng Tư Cụt nhẹ tay với cựu thù bởi vì nặng nề dây mơ rễ má, không họ mạc gần xa cũng bạn bè, người quen, thậm chí người tình. Ông bí thư hữu khuynh thì chính quyền còn trúng nước sẽ mãi non yếu, kỷ cương lơ lửng mọi sự sẽ trật đường rây, hỗn mang, rối bời, không dứt. Rồi coi.

Thật may là thời kỳ chồng chất khó khăn của buổi đầu giải phóng đã dần qua đi. Chính quyền cách mạng các cấp vững lên, cứng cáp tay lái đưa đời sống trong huyện khuôn dần vào nề nếp. Nhưng bản thân Tư thì dường như tình hình huyện nhà càng mạnh bước tiến bộ anh lại càng có vẻ chậm bước và thụt lùi. Sức khỏe yếu, năng lực kém chỉ là một phần duyên do. Có một cái gì đó ở trong lòng mà tự Tư cũng không rõ là cái gì cứ lặng lẽ kiềm cương anh lại. Luôn luôn ngập ngừng do dự. Không táo bạo được, không thẳng thừng được, không triệt để được. Hết sai lầm này nẩy sai lầm kia. Bề bời vậy thì lãnh đạo ai? Chức bí thư tạm quyền do tỉnh chỉ định, đến kỳ đại hội anh không đủ phiếu để đương nữa. Công tác chính quyền cũng giảm dần cho tới hồi thôi hẳn.

Không còn giữ một trọng trách nào, người chỉ huy du kích năm xưa lặng lẽ về làng như là tất cả những người lính bình thường khác của đất nước, hết thời chinh chiến giải ngũ về vườn. Hòa bình đã bao tháng bao ngày, mới tới phiên anh. Ba lô trên vai, đi bộ trở về, bây giờ anh mới thật là đã hồi hương.

* * *

Nhưng từ cái buổi chiều êm ả đầu mùa khô năm ấy, khi dân làng nom thấy Tư đeo ba lô đi bộ lần về, vậy mà cũng đã bao nhiêu là tháng ngày rồi trôi qua. Đất trời thì vẫn thế thôi. Con đường, dòng sông, đồng ruộng. Nhưng ngôi làng đã nhiều thay đổi. Nhúm sự sống còn vụn lại được sau chiến tranh giờ đã con đàn cháu đống lập đây cỗi trồng không do những người bị giết để lại. Lẽ sống thường nhật lại hồn, đội đất nhú lên. Người ta lại nai lưng cây cuốc, ham công tiếc việc kiếm tiền lo chuyện cửa nhà cơm áo và lai rai với những thú vui cuộc đời, đàn đúm, tụ bạ, yêu đương, làm tình, ăn nhậu. Hồn

nhien, khỏe re, như thể chưa từng có những điều khủng khiếp đã diễn ra.

Không ham khề khả tự hạ, nhưng như mọi gã đàn ông trong làng, Tư nhậu được và cũng thích nhậu. Nhà anh nằm sâu trong rẫy cà phê bên kia đồi, đường đất khá xa, song gặp ngày đẹp trời lại rồi việc, anh thả bộ xuống làng, vào chơi nhà này nhà nọ, rồi thể nào cũng ghé tiệm rượu của vợ chồng Bảy Lế ở ngã ba kê bãi chợ. Gọi một xị và ngồi bên kia cửa sổ.

Ít lời, ít chuyện, tuồng như không thể cạy răng. Vóc dáng lòng không, lênh khênh, xạm đen và sứt sẹo. Cánh tay phải bị xén cụt, ống tay áo vắt lên vai. Mặt dài, xương xẩu, nhưng hàm lại bạnh ra. Môi dày và nhợt. Con mắt trái che kín bằng một miếng vải đen, nhường hết cái nhìn cho con mắt còn lại. Tuy nhiên, trong sự xấu xí ấy ẩn nét duyên dáng âm thầm vẫn thường thấy ở những người đàn ông tốt bụng mà trầm mặc, khiến Tư thu hút được lòng cảm mến của mọi người. Người ta chen lại bên chỗ anh ngồi, cùng với anh một ly: *“Coi nào, anh Tư, trăm phần trăm đi chớ... Công chuyện ở ấp anh khá không? Vụ cà này coi bộ kiếm bộn hả? Mà nè, nghe thiên hạ đồn anh sắp có sự vui mừng phải không? Còn không phải sao... Gì đi nữa thì cũng cần có đứa nó đỡ đần việc nhà, với nó để đãi cho chớ. Và nó làm thủ quỹ cho... Tiền đó, mà độc thân rồi cũng nhậu hết thôi... Cô Huệ là quá được rồi. Đừng tính nữa, nghe lời bà già đi, lấy phứt...”*

Sự đời, tình người thân tình vậy đó. Tất cả nhẹ tênh. Không có gì là vĩnh cửu hết, kể cả nỗi đau khổ, sự khiếp sợ và lòng căm thù. Mấy năm trước, bữa Tư trở về, bọn đàn ông cũng đang ồn ào tụ họp trong tiệm Bảy Lế như bữa nay thế này, nhưng bữa đó tất cả đã chết lặng đi khi trông thấy bóng dáng anh hiện ra ở ngã ba, giữa nắng chiều. Coi ai kìa? Chỉ có vợ Bảy Lế thốt nổi lên lời. Đích thị Tư “tay chiêu” chớ còn ai! Ngay những gã đã say khướt cũng điếng hồn choáng tỉnh. Tay Chiêu đã về, dù là về vườn, tin ấy truyền mau khắp làng khiến lắm kẻ rụng rời.

Thật ra thì ngay sau giải phóng dân làng đã hay tin Tư “tay chiêu” còn sống. Vợ lại trong thời gian mấy tháng làm bí thư anh cũng đã đôi lần về qua làng. Về chốc lát thôi, đi ngay. Hồi đó đã thấy sợ rồi, nhưng nay khi Tư không chỉ về qua mà về hẳn, ở hẳn, người ta mới thật là thâm sâu nỗi sợ. Trong làng đã lập tức có ngay lời thì thầm đồn thổi hù nhau rằng trong ba lô của Tay Chiêu có nhét một cây súng sáu với cả đồng đạn, và rằng từ bữa trở về đêm nào Tay Chiêu cũng xoèn xoẹt mài mã tấu.

Sau một thời gian khá dài vui hưởng thái bình, đời sống đã tạm ổn định, không ít người làng lại cảm thấy đã đến lúc phải liệu đường mà bán xới. Tất nhiên là chỉ những kẻ đầu óc tầm tối nhất mới nghĩ rằng Tư sẽ ra tay trừ khử một ai đó, nhưng cũng chẳng mấy ai trong làng bình thản nổi với cái chuyện là từ nay sẽ phải ngày lại ngày giáp mặt Tư. Nhất là bọn đàn ông. Nếu phải đối diện Tư thì bọn họ biết khu xử ra sao, biết nhìn tránh đi đâu, biết độn thổ xuống lỗ nào, biết cười hay mếu, vồn vã chào hỏi hay quì sụp van xin? Những kẻ đồng hương này của Tư còn biết rõ hơn cả Tư nữa những nợ máu mà anh có quyền đòi họ. Họ biết những mối thù chôn chứa trong lòng anh sâu tới độ nào. Mà thù chưa rửa thì thù còn đó, càng hằn sâu, càng cào xé, nung đốt, róm máu. Và chẳng, không vì muốn rửa thù, còn lân về quê để làm gì?

Về quê, Tư trở về với ngôi nhà tang thương, hoàn toàn cô quạnh, vườn tược ập trại hoang phế. Gia đình chẳng còn ai. Ông già mất trong ngục thất thời Diệm. Bà già qua đời không bao lâu sau ngày anh bị bắt. Hai người chị và cậu em trai nằm cả ngoài nghĩa trang liệt sĩ cùng với gần trọn hết đội du kích. Thân thích ruột rà, đồng chí đồng đội tất cả đã hy sinh, chỉ còn lại mỗi mình anh và chỉ còn lại những kẻ thù. Bây giờ, trong làng, hầu hết những người đàn ông cùng thời với Tư và cùng may mắn còn sót lại trên đời như anh ít nhiều đều đáng bị hỏi tội. Các tay cường hào và tề ngụy hương thôn. Những phần tử ác ôn. Những tên chỉ điểm. Những đội viên du kích đã chiêu hồi. Những cơ sở cách mạng đã lật mặt trở cò.

Thoạt đầu, ngay các cán bộ địa phương cũng thấy e ngại cái sự định cư của Tư. Họ thường xuyên lui tới nhà anh thăm hỏi, vừa là để tìm cách giúp anh mau ổn định đời sống, vừa là dò đoán thái độ của anh, xem chừng nhờ đâu do tự cột mình vào mảnh đất khơi dậy quá nhiều đau thương mà anh sẽ có lúc đột ngột không chế ngự được thù sâu trong lòng. Nhưng lần hồi thì những lo âu sợ sệt của người làng đều dần rõ dần ra là không đâu. Người ta chỉ thấy Tư một mực im lìm cất sức làm lụng. Ngôi nhà của anh nơi cuối làng đã sớm hội lại vẻ khang trang ngày xưa, vườn tược cây trái quanh nhà bừng tỉnh. Và chỉ vài hôm sau ngày trở về anh đã tự thoát mình ra khỏi cảnh ngộ tứ cô vô thân. Người ta thấy anh rước bà dì họ về phụng dưỡng. Mới ngoài năm mươi nhưng bà đã bị lừa. Cả hai người con, người là

cán bộ bình định, người chỉ huy dân vệ, đều đã chết trẻ, chưa ai lập gia đình, bỏ bà lại một thân một mình. Là thân mẫu của những sát nhân khét tiếng trong vùng nhưng bà là thân thích gần gũi nhất của Tư còn lại trên đời.

Lâu dần, không ai trong làng còn thấy mặc cảm trước Tư, gặp anh, người ta không còn nem nép tìm cách lẩn mặt. Người ta chào hỏi, Tư chào đáp, và mỉm cười, một nụ cười hiền lành, bình thản, mặc dù có phần buồn bã. Dường như anh đã nhất quyết một bề lễ sống của mình. Gắng gỏi làm ăn, thảo nhiên vô sự sống cuộc sống muôn đời của nhà nông. Làng xóm chừng như cũng nhập tâm theo sự dịu lòng nơi Tư. Ẽm ả, yên lành, nhẹ nhàng và nhẫn nại, cả làng hòa mình vào những xoay chuyển lớn lao trong cuộc đời của cả nước những năm sau chiến tranh.

Lịch sử của ngôi làng chọn một năm thuận trời, ăn nên làm ra làm mốc kết thúc thời hậu chiến. Năm đó, hai vụ lúa đều trúng. Nhà máy đường của tỉnh xây dựng cách làng không bao xa đã giúp mở ra một vùng trồng mía dọc ven sông. Các rẫy cà phê bắt đầu chín đỏ. Đồng lúa, ruộng mía, những đồi cà phê biến đất đai cằn cỗi và nặng trĩu chết chóc xưa kia thành một cõi mệnh mang xanh rờn, dào dạt sóng lá.

Cũng năm đó, bà dì của Tư cử bà mới tới gia đình ông Năm trong làng dạm cô ba nhà ông cho Tư. Chẳng thấy Tư nổi năng động tí gì, nhưng người làng đều biết rằng hai bên gia đình đã định ngày. Ngày lành tháng tốt, đám cưới đời sống mới sẽ tổ chức ở hội trường ủy ban.

* * *

Chiều đó, Tư từ tiệm rượu Bảy Lẻ trở về, chưa xin chỉ hơi ngà ngà, nhưng tâm trạng không yên, vừa bồn chồn nóng ruột sao đó vừa bồn thần sâu muộn chẳng có duyên do. Cả bữa cơm, anh và vậy gấp vậy cho bà dì khỏi quạu, chứ lòng dạ bút rút chẳng thiết ăn uống.

Bà dì nói, giọng không được vui:

- Bên nhà ông bà Năm bữa nay nghe nói đã rộn ràng lắm. Họ phải bồn thứ lo liệu sắm sanh. Con nhỏ Lý nó tính cho dì nghe là nội khăn áo cô dâu thôi đã chỉ vàng rồi, lại phải đặt may ngoài tỉnh kia. Rồi mướn thợ chụp hình, mướn đạo kép về ca. Đời sống mới, nhưng mới chừng mấy nhà họ cũng hai chục mâm. Nhà gái đã như vậy, huống chi nhà mình nhà trai. Vậy mà coi. Đến bữa nay mà vẫn bình chân như không... Coi bộ mây không hay là việc tới nơi rồi sao Tư?

Tư buông đũa, nói lảng chuyện khác:

- Con cậu nhỏ Lý qua lọ nhà cửa bếp núc đỡ dần dì. Tính cho nó cả ngày công đó dì, vậy mà nó vẫn để dì phải lui cui xuống bếp. Để rồi mai nó qua, con tính với nó.

- Có con Lý thỉnh thoảng qua thì nhà này còn có chút đỉnh tiếng nói tiếng cười. Chớ dì đâu đã liệt mà cần đưa nào chăm nom. Lặt vặt ba chuyện cơm nước heo gà, đui thì đui, còn sống ngày nào dì còn lo được cho mây. Thương dì, thì đó, tính chuyện cưới xin cho chu toàn. Nề mây đảng viên, ông Năm mới chịu cái thứ bày gọi đời sống mới, nhưng mới cũ cách gì cũng phải lệ làng thói quê chớ không có được vô phép như tỉnh thành, cưới vợ mà ngang cướp không con gái nhà người ta về. Gia tộc còn mình mây, sao cho mát mặt ông bà là mây đó. Làng xóm người ta trông vào. Chớ để điều tiếng cười chê.

- Bữa trước, chưa tìm hiểu nguyện vọng cô Huệ mà đã chịu để dì dạm hỏi, ông bà Năm gả bán, là con đã hữu khuynh quá rồi. Con không hữu khuynh thêm nữa đâu. Tới bữa đó, bên nhà ấy mà bày đặt lễ lạt rình rang to tát quá xá là con nhờ các đồng chí ủy ban cho du kích vô đẹp luôn.

- Trời thần! Có ông chú rể nào kỳ cục vậy không... Nhưng, vậy là đúng như người ta mách với dì. Mây cực chẳng đã mà phải chiều dì thôi, chớ mây vẫn chưa dứt được nó. Thiên hạ người ta biết hết, người ta đồn rùm. Chớ bản mặt cái thằng Lẻ chiều hỏi mây đâu có ư, có sao bữa nào cũng tới nó mà xị này nọ xị kia? Người ta bảo, bởi ngôi đó thì mây dỗi qua được nơi nó.

- Không. Không phải vậy đâu, dì ơi. Thiết tình là con...

Hai dì cháu ngồi lặng hồi lâu. Tư dọn mâm đi và rót nước mời dì. Nhấp một ngụm, bà dì thở dài:

- Con sao, dì biết chớ. Dì thương con tâm khổ trong lòng... Tâm con trung tín, nhân nghĩa, con không nở nào. Nhưng ngắm coi, chừng bấy năm với chừng bấy sự thì phải đành vậy, chớ biết sao giờ, Tư. Tới hồi con phải lo cho đời con chớ. Mà con lấy vợ, định bề gia thất thì cũng là để giúp nó đó con

à. Thấy con yên rồi thì nó phải tính lại cuộc đời nó...

Bà rờ rờ đưa bàn tay run rẩy nắm lấy ống tay áo của Tư buông thõng.

- Con à, có chuyện như vậy... - Bà nói, ngập ngừng - Hồi sáng, khi con vô rẫy, nó có qua đây... Nó qua chào dì chiều nay nó đi...

- Nó nào, dì? Đi đâu? - Tư thẳng thốt.

- Là con Ngà đó, Tư... Nó biểu nó ra ngoài tỉnh, nhưng chắc nó đi hẳn Sài Gòn. Biết chừng đâu còn xa nữa... Nó không dám dấn mặt con để chào biệt, nó nhờ dì...

Tư sững sờ ngồi, con mắt còn lại của anh đại đi. Bà đi buông tay áo anh ra, đưa tay lần lần mở nắp cơi trầu. Bà nói:

- Nó nói mấy năm rồi nó chờ con qua lấy lại thứ này con gửi nó giữ dùm hồi xưa. Mà con không qua, thành thử...

Một cách máy móc Tư nhận lấy từ tay dì cái vật nhỏ, nặng nặng, gói trong chiếc khăn mù xoa màu hồng. Không nói gì, anh đứng dậy, rời cái chõng tre, đi ra hiên, bước xuống thềm. Thong thả ngang qua khu vườn rộng, tới khúc ngoặt cuối vườn, như thể đã cầm chắc bà dì không còn nghe thấy tiếng chân anh nữa, anh bước mau lên, sải bước, gấp gáp. Trong bầu không khí lạnh lạnh hơi sương buổi chiều tà, người anh hực nóng và tim anh nện mạnh. Tư đã chợt hiểu ra sự bồn chồn và nỗi sâu muộn vô cớ trong lòng mình bữa nay, hay đúng hơn, suốt bấy lâu nay.

Thì ra, suốt bấy lâu nay, mấy năm trời, mùa khô mùa mưa kế nhau đã bao mùa, anh lần đến tiệm rượu ngã ba kê bãi chợ chỉ vì lẽ đó. Một cái lẽ đến là vô lý đối với anh. Gánh mỳ quảng của Ngà xé bên kia bãi chợ, dưới mái lều lợp lá dừa, ba bề quây phen nửa, lúc đông khách lúc thưa khách nhưng chẳng bao giờ Tư thấy bóng Ngà, bởi vì chẳng bao giờ anh nhìn sang đó. Hôm nay lều cô ta trống không, cô ta không dọn hàng, nhưng anh đâu có biết, anh đâu có bận tâm. Ngày nào mà chẳng vậy, anh ngồi ôm xị rượu nhâm nhi, tào lao chuyện này chuyện nọ, tỉnh không hề vương một gợn ý nghĩ nào về cô ta, mặc dù cô ta ở đó, không bao xa bên ngoài cửa sổ. Dân nhậu trong tiệm, và nói chung là người làng tránh nhắc đến cô ta trước mặt anh. Hoặc là như chiều này, Tư biết, cả tiệm đang ồn ào bàn luận gì đó về Ngà, nhưng nhắc thấy anh bước vào, mọi người lập tức lảng chuyện.

Đang đi phăm phăm, Tư bỗng sững bước. Anh đang đứng ngay trong sân nhà Ngà. Ngôi nhà năm gian cũ kỹ, tường gạch lở lói, mái ngói rêu xanh.

Mặc dù thân thuộc với Tư biết chừng nào, đây là ngôi nhà duy nhất trong làng mà từ ngày trở về anh chưa một lần vào qua. Thoáng trông chẳng có gì thay đổi, thật ra là đã đổi thay, rã rời, tiêu tụy. Anh dấn tay vào cánh cửa. Không động tĩnh gì. Không một hơi thở, không một tiếng xào xạc hoặc lách cách bên trong. Đã nhận ra sự thật hiển nhiên, nhưng Tư vẫn gõ và khản khản cất tiếng gọi, muộn màng: Ngà, Ngà ơi! Tôi đây! Tư đây!

Ngôi nhà của dòng họ Phạm này nằm hơi tách ra khỏi chòm xóm, lọt vào trong lòng đồi, sau một cánh rừng tre. Từ cổng nhà có một đường đất nhỏ vòng theo chân đồi dẫn vào làng, một lối khác nhỏ hơn, ngang qua rừng tre, rồi qua khu nghĩa trang liệt sĩ ở bờ sông, tắt ra bên đò. Ngà chắc là đã đi ngã ấy. Bỏ nhà cửa ruộng vườn bỏ xứ ra đi người ta phải tránh lối qua làng.

Trong một thoáng chốc, qua các lùm cây ở bìa rừng, Tư như nhìn thấy bóng Ngà. Anh chạy ruổi tới và gọi to lên. Cỏ cây xào xạc đáp lời. Bản nhạc của côn trùng râm ran nhưng không khuấy động cảnh yên ả của rừng chiều.

Tại chính cánh rừng thưa này Tư đã một lần bị bắn gục, có thể nói là đã xong đời rồi. Đêm ấy, anh cùng số anh em còn lại của đội du kích buộc phải rời hầm bí mật rút lui khỏi ngôi làng đã bị địch tràn ngập. Nhưng lối rút ra bờ sông bị bọn chiêu hồi chỉ điểm. Du kích bị đón lõng ở bìa rừng. Không một ai thoát được ra khỏi lưới hỏa lực dã man. Sau khi bật tiếng súng chống trả của du kích, bọn Mỹ sục sạo rà bắn tạt cả những người bị thương, rồi dùng xe ủi dọn hết các thi thể xuống hồ bom. Tư bị bắn nát người, nằm ở lượt xác trên cùng, trên lưng tấp sớ lớp đất mỏng. Và vào một ngày đêm nào đó anh đã mập mờ hồi lại ở buồng trong ngôi nhà của hai mẹ con Ngà.

Trước đây Tư ít khi vào ngôi nhà này, có vào cũng chỉ là để rảo qua ngõ chừng. Một gia đình rất đáng phải đề phòng. Ông bố bị xử trí ngay ngày đầu đông khởi. Anh con trai là sĩ quan dù, đã tử trận. Và chẳng ai hiểu vì duyên cớ gì mà bà mẹ cùng cô con gái lại không tính chuyện ra đi rời bỏ vùng giải phóng. “Là do duyên số”, hình như thế, có thể là giữa chừng những hồi vật vã nửa mê nửa tỉnh Tư đã nghe Ngà nói vậy.

Mỗi tình như là được nuôi bằng những vết thương toác hoác, những cơn đau chết đi sống lại cùng triền miên những nỗi hãi hùng. Chốt dân vệ mọc lên ở rìa làng, bên chân đồi, chỉ cách chỗ mẹ con Ngà và Tư nửa tầm tiếng gào thét của những người bị tra tấn. Bảy giờ xe tăng thiết giáp và bọn lính chiến đã giẫm ra, nhượng lại những xóm thôn vừa bị tái chiếm cho bọn ác ôn địa phương rộng chỗ trả thù. Đã bắt và đã giết tất cả những ai chúng muốn bắt và muốn giết, chúng vẫn ráo riết bắt nữa và giết nữa. Cứ cách vài đêm dân làng lại nghe vang lên những loạt súng ở dọc ven sông, lại cộng thêm nhiều người nữa bị bọn dân vệ và bọn cán bộ bình định bắn chết bên bờ nước. Xác trôi theo dòng, xác mắc lại ở bờ lau. Điều quạ rợp trời.

* * *

Tư đợi mãi. Con đò rời bờ bên kia đang quay trở về bên này, nhưng rất chậm. Ông Sáu nhà đò hẳn là đã già quá rồi. Ráng chiều hồng thắm cùng với sương đêm rót xuống bãi bờ vắng ngắt. Chẳng biết nỗi là mình mong đợi điều gì song Tư vẫn cứ thừ ra đứng đấy lặng chờ. Cảm giác về một sự trùng hợp mơ hồ len vào lòng anh một nỗi gì na ná như là niềm hy vọng.

Hồi ấy ông Sáu là người duy nhất được Ngà ngỏ cho biết việc mẹ con cô đang chứa chấp Việt Cộng. Ông là người họ hàng gần, ở bậc bác của Ngà, còn cô con gái út của ông lại là liên lạc của đội du kích. Cô bị bọn bình định bắt và giết hại trong chính cái thời kỳ khủng bố rừng rợn ấy. Dòng sông đưa cô dạt vào bên đò này, thi thể nổi lên áp vào mạn đò của người chèo. Năm đó cô mới mười lăm tuổi. Thay con và giúp Ngà, ông Sáu tìm cách bắt lại được liên lạc với tổ chức. Nhờ vậy mà các đồng chí còn lại của Tư đã có thể bố trí đưa được anh thoát ra khỏi làng. Về sau, khi Tư bí mật quay trở về hoạt động thì cũng chính là ông Sáu đã đang đêm mưa lũ chống đò đưa anh trót lọt vượt qua sự tuần phòng gắt gao của địch. Ông là một trong những cơ sở bền vững nhất của anh. Sau ngày anh bị bắt, các đồng chí của anh vẫn móc nối với ông, vẫn tin ông, mặc dù ông là ông bác của Ngà. Vậy mà kể từ sau giải phóng đến giờ, ông Sáu lảng lảng tránh anh. Anh cũng vậy, cố tình tránh ông, chẳng bao giờ tìm gặp ông, chẳng khi nào anh qua sông ở bên đò này. Mà vì sao chứ?

Tư cảm lạnh rên lên một tiếng trong lòng. Anh ngồi xuống bờ cỏ, đưa tay bưng mắt. Cái gói nhỏ suốt này giờ anh nắm xiết trong lòng bàn tay rơi ra. Vật mà Ngà nhờ dì anh trao lại cho anh là một chiếc đồng hồ đeo tay. Đã bao năm rồi, cũ kỹ đến thế, nhưng nước mạ được chùi lau hàng ngày vẫn óng vàng. Đồng hồ Liên Xô, loại lên giây cốt, một nhà báo miền Bắc thăm làng giải phóng đã tặng Tư. Thuận tay trái nên Tư đeo nó ở cổ tay phải. Tất nhiên thấy thì nhớ ra, chứ cái đồng hồ này cũng như những dòng chữ và những hình xăm đã từng tro trên bắp tay, làm sao có thể còn lại được trong trí nhớ anh. Cả cánh tay nữa, cơ thể anh đã không hề vướng vãn nó, cảm giác của sự mất đi một cánh tay đã bị xóa hẳn từ lâu. Hồi ấy, vào một lúc nào đó hơi hồi tỉnh lại, nén chịu cơn đau ghê khiếp đang nghiền xé, anh gượng nói được ra lời xin Ngà là hãy làm sao hóa kiếp cho anh cái cánh tay đã bấy nát. Ngà sợ, khóc nức lên, run rẩy nói rằng chẳng biết làm thế nào bây giờ, để chậm sẽ hoại thư, mà cắt bỏ thì làm sao đây, chỉ có em với má, nhưng cưa tay người ta là phải thầy thuốc chứ em làm sao nhắm mắt gan liều được, và sao mà đành lòng được anh ơi. Tỉnh lại lần sau đó, anh không nhận thấy ngay là mình không còn tay phải. Khi nhận ra, anh không thấy bàng hoàng, không nghĩ ngợi buồn bã gì lắm cho mình, chỉ thấy thương Ngà. Càng về sau càng nghĩ lại càng thấy thương cảm. Một cô gái như vậy...

Con cháu hồi. Con đàn bà chó săn. Hồi mới giải phóng, ở làng này không ít người rửa thế, không thẳng vào mặt, chỉ rửa sậu lưng, nhưng sát mang tai. Con điếm trăm lẻ thẳng vậy! Thằng cha phê bình lê lét ăn mày ở cây cầu sắt đầu làng mà được bắt rượu vào họng là gào lên. Những gã cựu dân vệ vừa hạ súng đầu hàng tuy không dám buông lời tục tĩu như thằng cha cái bang họ, nhưng thấy Ngà là bọn họ nháy nhau, khả ồ ra hiệu cho nhau và cười nửa miệng, đầy ý nghĩa. Đền cả những tay chính hiệu hồi chánh cũng khinh Ngà ra mặt, như thế sự phản bội của cô đáng khinh hơn của họ. Tất nhiên đến bây giờ thì khác rồi, chuyện xưa đã xưa quá rồi, mọi ân oán quá khứ đã nhòa mờ, thời gian và cuộc sống đã giúp người ta quên đi cho nhau tất cả nên người ta cũng đã quên đi cho Ngà. Thậm chí, bây giờ, đôi

với Ngà, tình cảm của người làng, nhất là của những người đàn bà, ngả sang chiều thương cảm, xót xa thay và ngậm ngùi thay. Sao phải cam lòng sống vậy, cô đơn, nghèo túng và cứ ngày một phai tàn, sao không dứt lòng mà đi đi, còn trông đợi gì, còn nuôi tiếc gì cho thêm tủi mình ra.

Rốt cuộc thì chỉ có Tư là đã không thể nào quên nổi. Thời gian gần đây, trong những đêm dài, nơi góc cùng khuất nẻo nhất của gác chiêm bao, anh thường xuyên thấy lại hình dáng của Ngà. Khuôn mặt trái xoan hiện ra trong bóng tối, vừa mờ nhạt, vừa rõ nét. Mái tóc dày tỏa xuống vai. Tư đưa tay. Anh vuốt nhẹ mái tóc ấy, gỡ ra. Cánh tay trần và đôi vai trắng ngà mềm dịu của người đàn bà vô hình đã mất hút còn run rẩy dưới tay anh. Những năm anh bị đày đoạ trong tù, Ngà cũng thường đến với anh như thế, nhưng về sau không bao giờ nữa, đặng đặng.

Tư không thể nào quên được cái đêm mưa như thác đổ, lần đầu tiên đột nhập về làng, lách qua vườn cây, ẩn sau bụi chuối, dùng tiếng tắc kè phát âm hiệu. Như là đã liên miên hết đêm này qua đêm khác thức đợi anh về, Ngà hé nhanh cửa, đợi mưa lao vụt ra, nhào tới anh không chút do dự, ướt lướt thướt và nồng cháy ôm lấy anh. Lúc ấy Tư hoàn toàn cuồng rồi, tim anh đập loạn lên, Đã nghĩ rằng phải gỡ mình ra, thậm chí phải bỏ mà đi, nhưng anh đã không thể. Lẽ ra... Bởi vì, khi ấy, vừa theo Ngà bước vào nhà, Tư đã phải giật mình dừng sững lại. Trên bàn thờ, trong ánh nến, bên tấm hình bà mẹ mới mất là ông bố áo lương khăn xếp ngực gầy gầy và ông anh vận sắc phục rằn ri trung úy nhảy dù. Tư cảm thấy dội, như bị thúc vào ngực. Một điềm gờ, đúng hơn, một dự cảm hiềm nghèo nhói lên.

Lẽ ra là Tư, với bao nhiêu là kinh nghiệm xương máu, đã phải lập tức nghe theo dự cảm ấy, phải dứt khoát tự ngăn mình và ngăn Ngà lại ngay từ lúc đó, không để cho cô theo mình nhập vào xoáy lốc của cái thời khốc liệt một sông hai chết quá sức con người chịu đựng ấy. Vả chăng, nào phải chỉ là dự cảm. Ôm lấy anh, thân mình cô mềm lả đi, nóng bỏng yêu thương, song, chỉ chợt thoáng một cái gì đó như tiếng chân, một phẩy gió làm lay ngọn nến là hết hồn, cô cứng người lại, mặt tái xanh, rồi cô run lẩy bẩy, yếu ớt, khiếp hãi, mãi lâu sau không hồi được. Nhưng mà Tư, như người ta thường nói, đã hữu duyên...

Lúc này, biển lửa hoàng hôn chưa lui hẳn, ngày vẫn còn một chút ánh hồi quang, nhưng Tư không nhìn thấy rằng con đò đã nhẹ nhàng cập bến, không nghe tiếng chân ông Sáu từ đò lên đang bước tới. Từ đò lên, chỉ một mình ông.

- Cộ qua không thì để qua chuyện rớt nè? - Không đợi trả lời, ông nói tiếp, giọng rề đục, rầu rĩ - Mà giờ này còn qua gì chớ, đâu còn kịp nữa. Đò chiều đò đêm để những hồn ma bờ này qua chơi những hồn ma bờ đối, chớ người ta thì ai mà qua nữa. Hồi giờ lục lọi kê lại cây cầu, qua sông không muốn ướt giò, ai còn cậy tới con đò già. Sông sâu sông thăm càng sâu càng thăm...

Hồi đó, tiếng nổ của khối bộc phá Tư cài làm tung hê cây cầu sắt tĩnh lộ ở đầu làng khiến ông Sáu hả lòng. Mừng thắng lợi với Tư, ông nói đùa rằng nhờ ơn cú nổ long trời ấy mà từ nay thiên hạ qua sông ắt phải lụy đò.

- Chào bác, bác Sáu. Là tôi, Tư đây mà...

- Phải. Khi hồi, bờ đối ngó về thấy có người chờ, tôi biết là anh chớ chẳng ai.

Thở nặng nhọc, ông Sáu ngồi xuống bên Tư. Nước vỗ ì oạp dưới chân họ. Mặt sông gợn sóng đượm vẻ âu sầu. Một con diều hâu về muện lao vùn vút qua sông. Ông Sáu nói:

- Nó mới qua chuyến rồi. Tôi chờ nó qua. Đò đoàn của nó nhẹ không à, một cái bao cái bị. Tôi xách dùm lên lộ cho nó, tôi ách lại cho nó cái xe đò. Nó đi thiệt rồi... Tôi biểu đừng đi, đi đâu nữa trời, mà nó chỉ cười. Nó biểu tôi già cả hết sức hết hơi rồi, thôi đừng chống đò nữa. Nó biểu nó đã sang giấy ở Ủy ban để lại hết cho tôi nhà cửa ruộng vườn của nó. Nó nói vậy đó, anh coi. Tôi đâu cần chớ. Họ Phạm làng này con cháu đâu thiếu, nhưng tôi chỉ có nó thôi. Tôi chỉ thương có nó. Giờ nó đi mất rồi.

Tư thấy lạnh run lên trong lòng. Bên kia sông, phía trên những rặng cây đen xẫm, rìa trời sáng mờ mờ. Trăng thượng tuần đang lên. Không khí tràn đầy sương mù.

- Ngay cái hồi nó phản anh, đau thấu xương, nhục muốn chết, đến tận bạo năm sau vẫn cúi gằm, không dám ngược mặt nhìn đời, mà tôi vẫn thương nó... Đánh là nó đã chỉ hãm của anh cho tụi nó bắt được anh, nên biểu anh vị tha làm sao được, nhưng nghĩ mà thấy tội nghiệp nó quá chừng, anh Tư à.

Tụi nó cực hình hành hạ người ta dã man tàn độc cỡ nào anh biết rồi đó. Mà nó thì thân gái, sa vào giữa cả bấy lũ tụi nó ác ôn, đầu trâu mặt ngựa... Đưa bàn tay còn lại lên bụng mặt, Tư khóc không ra tiếng. Ông Sáu mím chặt môi, đặt tay lên vai Tư. Im lặng hồi lâu.

- Hồi đó, - ông Sáu nói tiếp - Anh mạnh tay làm tới, tụi nó hoảng kinh náo loạn. Tụi nó dư biết rằng anh, Tư Cụt - Tay Chiêu, có cơ sở trong làng mà xăm sục cùng khắp không lòng ra. Bởi tài trời tụi nó cũng không dè là anh ẩn trong nhà con Ngà, ngay trước cửa đồn tụi nó. Ai ngờ được chứ. Nhà nó thiết cốt quốc gia, tử thù Việt Cộng, cha và anh đều chết bởi đảng mình. Anh có con nhỏ, an toàn gì hơn. Vậy nhưng... Chuyện này chắc là anh không biết. Ai kẻ mà biết. Không lẽ ba thằng gốc gác dân vệ ở tiệm Bảy Lẻ nó kể với anh... Hồi đó bà già anh bị té gãy xương, nằm liệt. Mà anh khi đó bị tụi nó lùng riết phải ngày đêm dưới hầm nên chắc không hay tin bà già. Có hay cũng bó tay chứ làm được gì. Bà con lối xóm ai gan cùng mình mới dám qua lại, chứ cả bấy dân vệ nó dồn lực rình rập nhà anh dữ quá mà. Vậy mà con Ngà nó qua, cơm cháo thuốc thang cho bà già. Tôi đâu biết mà ngăn, tôi đâu dè con nhỏ khờ quá vậy. Ai qua còn được, chứ con Ngà mà qua với bà già anh, là tụi nó hiểu liền câu chuyện. Hai Rồng, thằng bình định ác ôn, thằng con bà dì anh đó, nó hô tụi lính bắt ngay con Ngà lại. Tụi nó đánh đập khảo tra hành hạ con nhỏ ngay trong nhà anh đó, anh Tư!

Ông già lái độ rên rỉ, nói rít lên, khàn đặc, rồi im bất. Một con cú mèo từ lùm cây sâu thẳm đằng xa cất tiếng kêu. Rồi có một tiếng gù đó nữa vọng lên ở bờ bên kia, thoáng nghe tưởng tiếng hò dò, nhưng tắt ngay, như là bị rẽ cánh rơi xuống, lịm vào mặt nước.

Vùng trăng mỏng tang trôi lướt qua các đám mây. Gió từng đợt thổi mạnh xua tan hơi ẩm. Không khí khô ráo, trong sạch, phảng phất hương thơm đồng lúa. Trong những buổi tối như thế này, tâm hồn con người ta, bất kỳ ai, đều trở nên hồn hậu, ấm áp, và man mác những niềm vui đáng cảm động.

Lịch sử của ngôi làng chọn một mùa khô đẹp trời với những buổi tối êm đềm như thế làm mốc kết thúc thời hậu chiến. Lòng người thiết tha mong được sớm bắt đầu thời đại mới, với niềm hy vọng là từ đây sẽ mãi mãi không cùng chuỗi dài miên man ngày lạnh tháng tốt.

Tiếng vĩ cầm của quân xâm lăng

Một buổi tối, tôi tới sứ quán Pháp dự chiêu đãi nhân ngày 14 tháng Bảy. Giấy mời đề bảy giờ, tôi đến hơi trễ, tây ta đã rất đông, vào tiệc đã khá lâu. Tiệc đứng. Không hẳn là như trên tàu điện nhưng cũng mỗi nhừ, cũng mệt lử và cũng mạnh ai nấy chen.

Phòng tiệc rù rù máy lạnh, song sức máy không đủ làm nhẹ bầu không khí nặng hơi người và khói thuốc, nồng ngạt mùi nước hoa đàn bà, mùi nước hoa đàn ông, mùi phấn son, mùi xi đánh giày, mùi thức nhắm và mùi rượu mạnh các loại. Khách khứa phải dần dần ra hiên, tản bốt xuống vườn.

Tiếng trò chuyện ở ngoài vườn không ồn như trong phòng mà nhẹ nhàng lan lên. Thỉnh thoảng như bị cù ré lên tiếng cười của một bà nào, một ông nào. Các ông các bà, với ly rượu trên tay hoặc với đĩa thức nhắm, hoặc là ôm đồm một lúc trên tay cả hai thứ, đứng tụ từng nhóm dăm vị với nhau, vừa uống ăn vừa đấu hót. Nom ai cũng lịch sự, đẹp đẽ mượt mà. Nhất là các bà các cô người nào người nấy diện ngát. Các ông thì tuyệt vời tề chỉnh, tất cả đều đóng hộp, đường bệ com lê cả vạt giày da, tương xứng với tên tuổi và phẩm giá. Các nhà buôn, các nhà báo, các nhà kịch sĩ, các nhà ca sĩ, các nhà thông thái già, các nhà thông thái trẻ, các nhà từ thiện, các nhà môi giới. Tất cả các gương mặt đều đậm nét cao quý, tất cả các dáng điệu đều đặc Pháp. Và ngôn luận nữa, cũng Pháp. Khi có một anh Tây nào đó xì xồ một lời dí dỏm, lập tức trong nhóm thực khách vây quanh y những ai sành tiếng Tây liền rộ lên cười tán thưởng, còn những ai, như tôi, chỉ biết tiếng mẹ đẻ thì nhún nhặn mỉm cười theo với vẻ tươi vui dè dặt. Tôi thấy có cô thậm chí còn nhón chân lên nhìn tay ngoại quốc thao pha trò nọ bằng cặp mắt gần như mờ đi vì si mê và thần phục.

Tại giữa khu vườn, ở nơi sáng nhất, trỗi lên một đám chùng chục vị đặc biệt rôm rả. Chưa nhìn rõ ai nhưng thoáng qua cung cách hân hoan buông tuồng của họ, đoán đây là một toán nam nữ đồng nghiệp trẻ tuổi nên tôi phải vội vã liệu đường. Ra gần công sứ quán, do hấp tấp tôi xô phải một ông già đang bước đi chậm rãi. Luynes quýnh tôi xin lỗi.

- Không sao. Tôi không làm sao cả đâu ạ, thưa ông! - Ông già nói - Cũng là bởi tại tôi tối nay có hơi ngà ngà. Mà làm sao ông cũng về sớm vậy, nhà vẫn?

Tôi nhìn, giấu nổi sự sốt sắng. Tôi biết ông. Ông già chủ sạp báo ở đầu đường Nam Bộ chứ ai. Y phục dạ tiệc của ông sồn nát. Cà vạt kiểu gì đâu nom như cái cờ đuôi nheo. Và bởi vì ông gầy nhom nên cả sơ mi cả áo vét đều lụng thụng. Ông thấp người, lưng còng còng. Tôi đỡ khuỷu tay ông, đưa ông sang đường.

- Cái lễ *cát tó* năm nay linh đình nhỉ, - Ông già nói, giọng khàn khàn - Khách khứa đông gồm ghê. Có lẽ là vì kỳ này, ngoài Đại Cách mạng, Tây nó còn muốn tưởng niệm luôn cả quả bom Mỹ hai mươi năm về trước thổi bay tòa đại sứ.

Gió mát thổi dài dọc phố. Đường Thợ Nhuộm về khuya vẫn dần xe cộ. Vĩa hè thưa người qua lại. Tôi bước đi thật chậm cạnh Mẹ xừ. Ông già tên Bôn nhưng vẫn nghe dân tình cùng phố với ông gọi ông như vậy, Mẹ xừ.

- Tôi đồ rằng ông đang bận tâm tự hỏi cái lão già này khoác tư cách nào mà vào rạ can dự cái chỗ tiệc tùng long trọng đó, phải thế chẳng? Mà ông ạ, không chỉ tối nay đâu, đã thành lệ rồi, hễ cứ lễ lạt to to một chút trong sứ quán là tôi tất yếu có giấy mời. Là tôi đến dự. Mà tôi là ai nào ai biết.

Ông nói phà ra mùi rượu song không hề nhieu giọng. Ông bước chậm, lệt sệt lê giày, nhưng ông không chuyệnh choạng. Lời lẽ của ông khúc triết.

- Tôi nghĩ, ngay cả các viên chức lễ tân của sứ quán cũng chẳng biết tôi là nhân vật nào. Họ cứ tra theo danh sách do những người tiền nhiệm giao lại mà lấp tên và địa chỉ của tôi vào giấy mời in sẵn. Giấy mời đến tay tôi theo đường bưu điện. Tôi đến, chìa giấy ra, rồi vào công, chẳng ai cản vãn. Vào ra sứ quán nhiều lần, tôi thao cửa trước cửa sau, lối thẳng lối quanh, tôi sành thế thức tiếp tân của từng loại buổi chiêu đãi. Tôi dễ dàng kiếm được một ly và nhẹ nhẹ một chút thức nhắm gì đó mà không phải

xông xáo, không phải chường mặt giữa đông người. Tôi tìm chỗ khuất, không nói gì, không bắt chuyện, tôi lắng nghe tiếng Pháp người ta đang nói ran khắp xung quanh. Tôi ngắm cái xa hoa, tôi thường ngoạn cái lịch sự. Một thân một mình, tôi thui thui nép bên lề nước Pháp.

Dòng độc thoại của con người kỳ quặc đang lê bước bên cạnh khiến tôi bắt đầu cảm thấy ngại. Tôi liếc mắt sang. Dưới ánh đèn đường vàng ửng, khuôn mặt ông cụ nom càng bệu rệu.

- Nhưng đã bảo là không muốn chường mặt ra thì còn cố len lỏi vào đó làm gì chứ, hắn ông đang nghĩ vậy. Hắn là ông đang cảm thấy ngượng thay cho tôi, hắn ông đánh giá tôi là một tên già lơ lửng, lai căng, sùng ngoại.

Tôi vừa dợm đáp ứng mấy lời thừa cụ rằng tôi chưa có cái vịnh hạnh được biết nhiều về cụ nên tôi không thể nghĩ này nghĩ nọ cái gì cả, nhưng Me xừ đã lập tức ngắt lời tôi:

- Ông chẳng cần phải lựa lời. Đừng e sẽ làm tôi méch lòng. Vì sự thực đúng là như ông đang nghĩ. Chỉ có điều tôi không chuộng ngoại nói chung, mà chỉ Pháp thôi, tôi ưa hầu hết những gì của Pháp. Nhân đây tôi cũng xin được thú thực cùng ông, tôi chính công là một bóng ma thân Pháp cuối cùng còn sót lại trong lòng Hà Nội!

Sự xuất thần vô cớ, sự bộc bạch bỗng dưng của ông già không làm tôi ngạc nhiên. Tôi cứ bình thản nghe. Nghe thì gì mà không được. Về cái khoản nghe người đời tâm sự thì tôi như là có năng khiếu bẩm sinh.

- Lẽ cố nhiên, thưở còn thơ, khi phải học thuộc lòng rằng Tổ tiên chúng ta là người Gôloa thì tôi cũng thừa hiểu đây là một điều thậm dối trá, - Me xừ lại khàn khàn bắt đầu nói sau một hồi lâu trầm lặng bước đi - Nhưng mà, ông ạ, thưở đó tôi và chúng bạn cũng lại thường hát như thế này: Tôi có hai mối tình. Quê hương tôi và Pari...

Đến đầu phố Dã Tượng, tôi và Me xừ dừng lại ở một quán cà phê vỉa hè. Chúng tôi ngồi, im lặng, thìa khuấy lạnh canh. Bên Hỏa Lò, công trường xây dựng khách sạn vẫn đang âm ỉ làm lụng.

- Ông thấy đấy, - Xừ Bôn nói, đưa tay chỉ - Người ta đang nhổ nốt những mẩu vụn cuối cùng của thời Pháp Thuộc. Chẳng ai tiếc, mà chẳng tiếc là phải. Nhưng tôi thì... Đừng nói nhà Khai Trí hay nhà Gô Đa, ngay cái nhà pha kia tôi cũng sẽ thấy tiếc khi không còn được thấy nó.

Buông tiếng thở dài, ông già nói tiếp, chậm rãi:

- Hồi xưa kia phố xá tĩnh lặng chứ không như bây giờ. Có thể đi suốt dọc một quãng phố dài mà chỉ có một mình mình kèm cái bóng và tiếng chân của mình. Hồi đó, rộc đi vì quá đầy chữ nghĩa, tôi thường có cái thú tiêu dao, một mình đi dạo để tìm khuấy khuấy. Tôi tránh những nơi ồn ào, những nơi tụ bọ, tôi chỉ ưa những phố Tây tĩnh mịch, thưa vắng bóng người. Đường Bôniphaxi, đường Hale, đường Giabui... Ông thấy đấy, đã đời đời năm chục năm rồi mà trí nhớ tôi vẫn chưa đời được hết tên các phố. Những đường phố êm như mộng, thanh nhã và thư nhàn. Nhà ở những phố ấy toàn biệt thự, tất cả đều kín cổng cao tường, như là những lâu đài nhỏ. Và phố nào cũng râm mát. Xưa, gia đình chúng tôi sống tại phố này đây. Phố Giăng Xô-lê. Ở ngôi nhà kia kia!

Xừ Bôn nhòm người khỏi ghế, đưa tay chỉ sâu vào khúc đường Thợ Nhuộm mà tôi với ông đã đi dọc qua vừa nãy.

- Thời ấy, khu phố này người mình rất hân hữu. Mấy ngôi biệt thự kề nhà chúng tôi chủ nhân đều người Pháp. Giữa các lạng giềng Tây và chúng tôi cố nhiên ít có sự giao du, nhưng mức sống và lối sống của gia đình tôi chẳng hề thua kém họ, nếu không nói là còn hơn. Thú thực với ông, áp bức, đè nén diễn ra ở đâu, với ai chứ không với gia đình tôi. Tây nó được thế nào thì chúng tôi được thế này. Hết sức là bình quyền, ông ạ.

Me xừ khịt khịt mũi ra chiều tự phụ.

- Nếu không vương thế giới chiến tranh thì hẳn là tôi đã được gia đình cho qua Pari du học rồi. Nhưng mà nước Pháp bị chiếm đóng. Quân Nhật vào Đông Dương. Còn tôi vào trường Luật. Ngày đó tôi giàu suy tư, tôi đầy nghĩ ngợi. Tôi héo mòn đi vì đảm chiêu. Tôi ưa độc thoại. Ngoài triết học tôi còn nghiền ngẫm văn chương thi phú. Tôi am tường tư tưởng các tiểu thuyết của Xtăngđan, của Flôbe,

tôi thuộc lòng vô số thơ của Huygô, của Bôđơle, của Rembô và Véclen. Nhất là Véclen, ông ạ. Véclen...

Cốc cà phê đã cạn, và ngòi mồi đã phát nhảm nhưng ông già vẫn chưa thấy nhảm câu chuyện.

- Lúc bấy giờ, trong thiên hạ nhiều kẻ hùa theo Nhật. Nhưng tôi thì không tài nào ưa nổi đám quan binh ngạo mạn và cục cằn ấy. Tôi thậm mong văn minh Pháp sẽ có ngày trị lại được thói hung tàn của bọn rợ. Song chỉ là mong như vậy chứ tôi hoàn toàn trốn khỏi thời cuộc. Mặc dù những tài liệu Việt Minh ngấm truyền bá trong sinh viên tôi cũng được đọc nhưng tôi chẳng chịu tin theo. Đến Tây còn chưa cự nổi Nhật nữa là. Người mình sức vóc tới đâu mà hòng đuổi chúng, tôi nghĩ vậy. Và tôi lẳng lặng xa lánh tất cả những bạn bè mà tôi ngờ là đang nuôi chí làm chuyện lớn. Tôi vui tuổi trẻ của tôi vào những chồng sách giả nua. Tôi sống bùng tai bịt mắt đến mức xây lưng lại với cả nạn đói.

Ông già chật vật nói nút cà vạt. Nói nhiều phát mệt, cái sọ hói khô khốc của ông loáng mồ hôi.

- Những năm ấy, Hà Nội sống không yên, mất ăn mất ngủ, liên miên nhạo nhác náo động. Nhưng riêng ở các phố Tây thì bầu không khí vẫn như trong thuở thái bình. Có phần còn thái bình hơn. Một nền thái bình qui lụy. Thật đúng là như thế. Bởi vì từ khi nước Pháp đại bại thì người Pháp ở Hà Nội tuy vẫn được yên lành nhưng bị thâm mất bính quyền, càng năm càng thất thế. Có ro sợ sệt. Nhà cửa dinh thự của họ cũng như so vai rụt cổ. Phố xá phờ phạc. Phố nào phố nấy đều hiu, vắng tanh vắng ngắt... Nhưng mà ông ạ, chính cảnh tượng yếm thế như vậy lại hòa hợp với cội lòng tôi thuở bấy giờ. Khi một mình dạo bước trên vỉa hè dưới tán những cây bằng lăng hoa tím phố Giảng Xôlê, nghe tiếng vĩ cầm than van, tôi tưởng tượng mình như chiếc lá vàng rơi rụng trôi dạt trong làn gió thu của thơ Véclen. Phố Xôlê hồi ấy, ông ạ, tĩnh như tờ, và trong mừng rỡ của tôi, nó có vẻ như hẹp hơn và dài hơn hẳn Thọ Nhuộm bây giờ. Dài thẳm, hun hút và buồn lắm. Hồi ấy, vào mỗi buổi sáng, vào mỗi buổi chiều, khi tôi ra khỏi nhà và khi tôi trở về luôn luôn có tiếng vĩ cầm đợi tôi tại quảng phố trước cổng nhà. Tôi tưởng tượng cây đàn ấy cả ngày ngưng tiếng mãi chờ cho tới khi có tiếng chân tôi bước đến mới nức lên. Tiếng đàn tuyệt diệu mà sao đau xót não nùng, dự cảm những ngày mai và nuối tiếc những ngày qua. Lòng tôi se lại cảm thương vô hạn nỗi lòng cô thiếu nữ người Pháp, và ông ạ, than ôi, chẳng can hệ gì đến tôi mà vô cớ tôi buồn nhớ, tôi tiếc thương nước Pháp...

Giọng nói của ông cựu sinh viên trường Luật nghẹn lại. Không đành dứt ra đứng dậy, tôi đành mắt sạch thì giờ ngồi nghe rì rầm những hồi ức đầy tự mãn và hoàn toàn không đầu vào đầu của một thứ dĩ vãng đã hoàn toàn bị xóa sổ.

- Cây đàn ấy là của Xôphi, con gái nhà Pêguy hàng xóm với gia đình tôi. Gia đình Pêguy không giàu có. Nhà của họ là một ngôi biệt thự hai tầng cũ kỹ. Tường nhà nhiều năm không được quét mới lại, màu vôi đã xạm. Ông Peguy là một ông tây bất thường. Sống thu mình, hiền lành và thâm lặng. Chẳng cứ với người mình mà cả với tây đậm, Pêguy cũng tránh giao du. Cánh cổng sắt từ mặt phố mở vào sân nhà ông ta hầu như quanh năm chẳng khi nào hé mở... Ấy vậy mà ông ạ, tôi lại vốn là chỗ quen biết với nhà bên đó. Cô nhiên không phải là với ông Pêguy mà là với các con của ông ta. Ông ta góa vợ. Ở vậy nuôi hai người con. Một trai một gái. Trai tên Philip một tuổi với tôi. Còn Xôphi thì ít hơn ba tuổi. Xôphi mồ côi mẹ ngay lúc lọt lòng. Và đáng thương nhất ông ạ là Xôphi cô ấy bị mù. Mù từ nhỏ. Cặp mắt nom như là hoàn toàn bình thường vậy mà hoàn toàn không nom thấy gì.

Ông già ngừng kể, lục túi áo rút mù xoa ra chắm mồ hôi. Tôi chẳng nói gì, lẳng lặng nhìn.

- Tôi và Philip đã dễ dàng kết bạn ngay khi gia đình tôi vừa dọn tới. Ở cái tuổi mười hai, mười ba, bức tường ngăn cách tây ta chưa cao lập mặt như là khi đã trưởng thành. Thêm nữa giữa khuôn viên nhà chúng tôi với nhà Pêguy không xây tường gạch mà chỉ được ngăn ra bởi một hàng rào sắt. Từ hai bên bờ rào, tôi và Philip bắt chuyện làm quen. Philip rủ tôi qua chơi. Cậu ta không sang bên tôi được vì còn phải trông nom đứa em. “Đứa em gái khôn khô bị mù của tôi”, cậu ta bảo thế.

Không như thói thường đám Tây con, hai anh em nhà Pêguy tính nết rất lạnh, nhất là Xôphi. Có lẽ do vì được sinh ra tại Việt Nam nên vóc dáng cô mảnh dẻ, tóc đen mắt huyền, giọng nói êm ái, tư chất dịu hiền. Tôi rất mến cô. Nhiều bữa không có Philip ở nhà, tôi vẫn sang chơi. Chúng tôi cùng nhau đi dạo trong vườn hoặc là ngồi cạnh nhau trong cái chòi hóng mát ở cuối vườn. Cả hai đều ít lời, không có nhiều chuyện để nói, tôi thường đọc truyện cho Xôphi nghe. Và đọc cả thơ nữa. Còn cô thì đàn cho tôi nghe. Tôi có thể ngồi lẳng hàng giờ nghe cô tập violông. Những khi có tôi bên cạnh, Xôphi vui hẳn

lên. Đôi khi còn cười lên thành tiếng. Thậm chí nhờ tôi mà cô đã dần dần bập bôm nói được cả đôi chút tiếng Việt.

Me xừ thờ dài, giọng trầm xuống:

- Nhưng nói gì đi nữa thì quan hệ giữa tôi với anh em nhà Pêguy cũng là một thứ tình cảm phi lý và nghịch thường, ngày một thêm chướng và thêm trái lẽ. Cho nên chẳng tài nào mà bền được. Càng lớn lên suy nghĩ càng ít hồn nhiên, nhiệm dần những thiên kiến, lòng dạ khắc đi, tình bằng hữu nhạt dần. Trước tiên là giữa tôi với Philip. Chẳng có sự tuyệt giao nhưng cứ thế lảng lảng dần nhau. Mà đã không còn chơi với ông anh thì cố nhiên là cũng khó bề bạn với cô em. Tôi tránh dần, rồi tránh hẳn qua lại nhà bên đó. Và lại, thời cuộc đổi thay. Từ năm 1940, sự đời ngày một thêm nghiêm trọng. Philip không vào đại học. Một ngày nọ, tôi thấy hắn vận đồ nhà binh về thăm nhà.

Ông già móc bao thuốc ra, châm một điếu. Ông nuốt một hơi, ho một hồi, rồi lại nuốt tiếp một ngúm khói nữa, lại ho. Ông dụi điếu thuốc đi.

- Sau Tết Ất Dậu, Nhật làm đảo chính diệt hẳn người Pháp. Chỉ một đêm, quân lính Thiên Hoàng đã cướp gọn Hà Nội. Tây đầm bị bắt, bị lừa hết lên camiông chở hốt đi. Phó Xôlê yên tĩnh bỗng rậm rạp lính tráng, xúng xoảng súng ống gươm kiếm. Vậy mà, ông ạ, trong hừng cảnh hung dữ nhường ấy, gia đình chúng tôi lại bạo gan chứa chấp một gia đình người Pháp. Thưa ông, đó chính là gia đình Pêguy... Ông cụ thân sinh tôi với ông Pêguy tuy rằng cũng có đôi chút quen biết nhưng mà chẳng phải là mật thiết gì. Chẳng qua vì là một gia đình bản xứ thuộc tầng lớp trên sông gần cận nhất nên khi sự biến thành linh chúng tôi bỗng trở thành cơ may duy nhất của cha con ông ta. Tôi đó, vừa nghe súng nổ, hay tin trong Thành có biến, hồn xiêu phách lạc, không kịp vợ vén đồ đạc của nả, ông Pêguy dắt Xôphi chạy ngả vườn sau, lách song sắt hàng rào qua bên chúng tôi. Mặc dù rất sợ, sợ lắm, nhưng ông cụ thân sinh tôi vẫn thuận cho hai cha con ông ta vào tỵ nạn. Ông cụ vừa không nỡ vừa không dám không cho. “Lúc này Tây thua, nhà mình khước từ giúp họ, ngộ nhỡ mai này lại Nhật thua Tây thắng, thì sao?”, cụ bảo vậy và cụ quyết định làm một nghĩa cử với nước Pháp.

Cố nhiên, thưa ông cái nghĩa cử liều chết ấy đã khiến cả gia đình nơm nớp. Chỉ riêng tôi là thấy rộn lên trong lòng. Trạng thái hiểm nguy dù sao cũng là sự bất ngờ mới lạ làm lay động cuộc sống lặng tờ, tẻ nhạt, bình chân như vại của gia đình tôi và của bản thân tôi. Tính chất ly kỳ của sự việc khiến tôi ngầm phấn khích. Tôi tự thấy mình can đảm, tôi tự hào mình nghĩa hiệp. Và ngay trong lúc mà song thân tôi đang nghênh tiếp viên lãnh binh Nhật tại phòng khách thì tôi ở dưới hầm rượu bên cạnh cha con Pêguy chia xẻ cùng họ nỗi khiếp sợ. Tôi và Xôphi tay trong tay. Chứa chan xúc cảm, tôi khoác cho cuộc tỵ nạn của Xôphi một vẻ lâm ly thân tiên. Có vẻ nực cười ông nhỉ? Song le có ai trong hừng cảnh thế lòng dạ lại không sinh ra hảo huyền phải không thưa ông?

Tôi uể oải đưa tay che miệng giấu một cái ngáp. Tôi đoán chừng là sắp sửa phải nghe một câu chuyện tình nấu ruột được moi lên từ đáy rương.

- Cuộc mạo hiểm của gia đình tôi chẳng kéo dài. Hai cha con ông Pêguy nấu thân trong nhà chúng tôi được vẹn vẹn có hai hôm. Sáng ngày thứ ba, hiến binh xộc cửa vào thăm. Như là đã được mật báo, chẳng cần lục soát hay xét hỏi lời thôi, viên lãnh binh Nhật dùng tiếng Pháp rành rọt yêu cầu ông cụ thân sinh tôi lập tức giao nộp những người Pháp đang ẩn trốn. Mặc dù trong vụ ấy ông cụ thân sinh không bị buộc tội, không ai trong gia đình tôi bị tổng giam, nhưng mà thương xót Xôphi, tôi chẳng cầm được nước mắt.

Lại một cơn ho nhưng Me xừ không ngừng kể:

- Đầu thu năm 45 mở ra nhiều hy vọng. Tôi đoán chắc đà chiến thắng của Đồng Minh sẽ khiến quân Nhật phải nhượng tay với các tù nhân người Pháp. Gia đình Pêguy ắt hẳn sẽ tai qua nạn khỏi. Tôi sẽ còn gặp lại Xôphi. Tôi tin như vậy. Nào ngờ... Nào ngờ, sau chiến tranh không phải là một nền hòa bình mà là một cuộc xâm lăng tàn bạo. Không như tôi hảo huyền mơ tưởng, người Pháp trở lại Đông Dương không trong tư thế những người từng chịu chung họa phát xít với dân Nam mình mà là trong bộ dạng của quân cướp nước hung hăng bạo tàn gấp bội lần quân Nhật. Sau Khởi nghĩa Mùa thu, và ngay sau lễ Độc Lập, hay tin liên quân Anh Pháp gây hấn ở Nam Bộ, tôi đã nghĩ ngay rằng dù cho Xôphi có còn sống đi nữa nhưng mà vương phải cuộc xâm lăng này thì chúng tôi cũng không hòng gì còn có thể gặp lại nhau. Quả nhiên là như vậy, ông ạ, không bao giờ nữa...

Không nhìn thấy được gương mặt Me xừ nhưng tôi hình dung thấy chớp mũi ông ửng đỏ và mắt ông mờ đi.

- Cách đây gần chục năm, một người Pháp qua đường tình cờ dừng bước trú mưa dưới mái hiên nhà tôi. Nơi mặt tiền nhà mình, tôi có bày một sạp báo. Người khách Tây nhặt ở sạp lên một cuốn tạp chí giờ xem lướt lướt. Vừa lật xem vừa hỏi han này nọ. Vì rằng ông khách có ý thần phục tiếng Pháp của tôi nên tôi lập tức có thiện cảm với ông ta. Mưa to. Tôi mời khách vào hân trong nhà uống trà và chuyện vãn. Khách trao tôi danh thiếp. Tên là Giăng Pêguy. Họ của vị khách có nhiên gõ mạnh vào trí nhớ tôi. Tôi lựa lời dò hỏi và lần hồi tôi kể lại chuyện xưa. Mặc dù không có người họ hàng nào từng sống ở Đông Dương thời thuộc địa, nhưng mà Giăng rất quan tâm tới câu chuyện, ông ta nài tôi kể kỹ hơn và lắng nghe rất chăm chú. Cuối cùng, tỏ vẻ mừng rỡ, ông ta bảo rằng suốt một năm làm việc tại Việt Nam đã cất công tìm kiếm những người như tôi mà không được, may mắn làm sao khi đã hết nhiệm kỳ, ngày mai về nước rồi thì lại có sự tình cờ này. “Ông là một người bạn của nước Pháp. Và còn hơn thế, ông là người có công trạng với nước Pháp”, ông ta trình trọng bảo vậy. Trước lúc ra về, ông ta đề nghị tôi ghi lại cho ông ta tên tuổi ba cha con Pêguy và địa chỉ ngày xưa của họ ở phố Xôlê... Sau đó chừng nửa năm, tôi bỗng nhận được giấy mời dự tiệc của Sứ quán Pháp. Tuy rất ngạc nhiên nhưng tôi vẫn đồng bộ vào và tới dự. Đây là lần đầu tiên tôi vào chôn ấy. Tiệc tan, tôi được mời lưu lại. Người ta trao tôi món quà từ Pari. Một cây đàn viôlông rất đẹp và còn mới nguyên. Trong hộp đàn có phong thư của Giăng Pêguy. Trong thư, Giăng viết rằng sau nhiều nỗ lực tìm kiếm ông ta đã lần được đích xác tung tích số phận những người hàng xóm thuở xưa của tôi. Song, ông ta lấy làm tiếc và ông ta xin chia buồn với tôi bởi nỗi những cố nhân ấy của tôi đều đã qua đời. Người con trai tử trận ở Điện Biên Phủ. Người con gái thì mất ở Sài Gòn vào năm đầu thập niên 60. Ông bỏ chết cùng trong năm ấy, và cũng tại Sài Gòn. Như vậy cha con Pêguy thật sự là những “Người Pháp - Đông Dương”, cả đời gắn bó với Việt Nam và thân thiết với người Việt Nam. Cây đàn, Giăng xin tặng tôi nhằm bày tỏ niềm ngưỡng mộ của một người Pháp lớp hậu sinh đối với quá khứ Pháp - Việt đẹp đẽ và đầy xúc động thời xa xưa, mà tình bạn giữa tôi với anh em nhà Pêguy là một minh chứng. Cuối thư, Giăng trình trọng nhắc lại: “Ông là một người bạn của nước Pháp.”

Ông ạ, ca ngợi tôi và tặng cho tôi một món quà không đâu vào đâu như vậy rõ ràng là Giăng Pêguy đã hiểu sai hoàn toàn câu chuyện tôi kể. Phần vì tiếng Pháp của tôi sau nhiều chục năm trời bỏ bằng có thể đã không còn hoàn hảo như xưa. Phần vì một người Pháp hậu sinh như Giăng đã không hiểu chút gì về nước Pháp thực dân, cha ông của nước Pháp ngày nay.

Im lặng một lát, Me xừ nói tiếp:

- Hẳn là ông cũng biết, bọn thực dân nhà binh phải đến sau Hiệp định Sơ bộ mới được phép vào lại Hà Nội. Còn thực dân xi vín thì ngay sau ngày Nhật đầu hàng đã lục tục trở về với nhà cửa của họ ở các phố Tây. Nhưng mà bên hàng xóm gia đình tôi, cha con Pêguy vẫn mãi biệt tăm. Nhà họ được chính quyền mượn làm trụ sở của Ủy ban Bảo vệ khu phố. Vì là đội viên tự vệ nên tôi thường vào ra nhà đó. Biệt thự đã sung công nhưng mà đồ đạc của nả gia đình Pêguy không bị đụng chạm đến. Sự bài trí cũng không suy xuyến nhiều. Trong phòng riêng của Xôphi, tôi thấy trên kệ còn đó những cuốn sách mà ngày trước tôi đã đọc cho cô nghe, và cả cây đàn vĩ cầm của cô nữa tôi thấy vẫn còn nằm nguyên đó trên chiếc bàn gỗ nhỏ kê kê ô cửa sổ trông ra tán cây bằng lăng ngoài công. Một con mèo xiêm nằm trên bậu cửa sổ sưởi nắng.

Xin được thú thực với ông là cho đến ngay trước giờ súng nổ đêm Mười Chín, trong thâm tâm, tôi vẫn mong mỏi sẽ không bùng nổ chiến tranh. Tôi cứ thâm nuôi hy vọng sẽ có một sự thỏa hiệp, một tinh thần thiện chí nào đó từ nước Pháp. Gì thì cũng là nước Pháp kia mà. Người Pháp lưng lầy vẫn minh chữ đâu phải một giống dòng cuồng chiến, tôi nghĩ vậy. Vả chăng, vừa thoát ách phát xít, vừa giành lại được tự do, không lẽ nước Pháp lại có thể rắp tâm giày xéo nền độc lập và cướp đoạt tự do nước người. Tuy nhiên, ông ạ, ham muốn hòa bình và nhiệt tình ái quốc chẳng ngược lại nhau. Tôi không theo gia đình tản cư về quê nội ở ngoài Đơ. Tôi quyết ở lại cùng anh em tự vệ một lòng quyết tử cho lời thề Độc Lập. Vào buổi tối Mười Chín, khi đèn tắt súng nổ, tuy rằng có sợ nhưng tôi đã không do dự, lập tức ra chiến lũy dân thân vào đêm đầu tiên thành phố chúng ta lâm trận.

Im lặng một lát như là để lục tìm trong trí nhớ, xừ Bôn kể tiếp:

- Chắc là ông đã nghe nhiều và đã đọc nhiều về công cuộc phòng thủ Hà Nội ngày ấy. Có thể ông

còn biết nhiều hơn tôi đây bởi vì rằng quả thực là tôi không biết gì mấy. Nhiệt tình kháng chiến thì có thừa nhưng tri thức trận mạc chẳng có bao nhiêu. Sẵn sàng tác chiến nhưng mà tác chiến thế nào đây thì cứ rối tinh lên. Phô xá tôi om, súng đạn rầm rầm. Chốc chốc lại một tiếng nổ chuyển đất. Ánh lửa hát lên đỏ hồng trời mây. Vậy nhưng các trận đánh đang thực sự diễn ra ở mạn nào của thành phố thì tại chỗ chúng tôi chẳng ai rõ ra sao cả. Súng nổ được một chập thì có tin ta thắng rồi. Nhưng chỉ lát sau đã tin ngược lại, mặt trận vỡ, Tây đang đánh tràn ra mọi ngả. Tăng sảng thì thiết giáp giặc từ Cửa Nam đánh lên đã rầm rầm tiến dọc đường Carô. Một chiếc quạt vào phố Xô-lê xả liên thanh. Vì được cất toàn bằng các thứ đồ gỗ như là giường tủ bàn ghế chắn đệm nên chỉ chốc là chiến lũy bốc cháy. Chúng tôi phải thối lui dưới làn đạn. Liên một lúc mấy người bị bắn gục trên mặt đường. Cả anh chỉ huy trưởng và anh chỉ huy phó cũng phải đạn ngã xuống. Trung đội vỡ làm đôi. Nửa lui về nhà Pê-guy để giữ trụ sở Ủy ban, nửa khác, có tôi, chạy dạt vào trường Bách Nghệ. Phố Xô-lê chúng tôi vậy là đã mất vào tay giặc ngay trong những giờ đầu tiên của cuộc Toàn quốc kháng chiến.

Trường Bách Nghệ cũng chẳng giữ được lâu. Thù thực là tội tôi tẩm mặt mũi, thụ động thối lui theo anh em chứ chẳng còn hiểu ra làm sao nữa. Tôi chẳng hiểu bằng cách nào mà mình lại có thể đã chạy lọt vào được trong khuôn viên nhà thương Bảo Hộ. Cho đến trước đêm Noen, cuộc chiến ở dọc phố Phủ Doãn dần về khách sạn A-di-a rất là dữ dội. Thật đúng như có ai đó đã nói: chiến tranh nào phải trò đùa, đây là cả một cuộc kinh thiên động địa và là một lò lửa thử lòng người. Hăm hở đặt bước đi đầu tiên vào trận chiến thì dễ nhưng can đảm bước thêm dù chỉ một bước nữa thôi lại chẳng dễ chút nào. Khi có lệnh rút qua bên Hàng Bông, tôi chân chừ, không dám chui ra khỏi chỗ nấp để chạy theo anh em băng qua lưới đạn đạn trên phố, vì thế mà bị rớt lại trong nhà thương. Giặc ập vào. Tôi cùng một số người nữa bị giải về tập trung ở vườn hoa Canh Nông, rồi sau đó bị bắt đi phu... Rốt cuộc, cuộc kháng chiến ba ngàn ngày tôi đã chỉ theo được vèn vèn có ba hôm.

Tôi bị bỏ vào một toán phu đòn, ngày ngày còng lưng cặm mặt đùn xe chở xác. Lao dịch rất khổ cực nhưng nhất là rất khổ tâm. Chúng tôi lặn lội trong rét mướt, lượm xác người mình chết dưới các gốc cây, các bờ tường, các hốc cầu thang, trong các đồng gạch vụn những ngôi nhà đổ. Bấy giờ, mặt trận đã tụ lại trong vùng Đồng Xuân và Đồng Kinh Nghĩa Thục. Ở các khu phố đã rơi vào tay giặc tiếng súng thưa dần. Phố xá hoang vu, tanh bành, đồ nát, chết chìm chết lặng dưới mưa phùn gió bắc. Hầu hết các tử thi đều phải chôn xuống những nấm mồ chung. Nấm mồ chung lớn nhất nằm ngay bên hông Tòa Đại hình kia kia, chỗ mà ngày nay là chợ Âm Phủ đây. Cả một phố bị đào hoắm xuống thành một cái huyết chung chôn xác đàn ông, xác đàn bà, xác trẻ con bị Tây giết hại trong mùa đông ấy... ấy là một đông rục rủa, sấm vang chớp giạt, đồng thời là một mùa đông lạnh lẽo chưa từng thấy, giá rét căm căm, khí buốt thấu xương. Sau Tết nguyên đán lại càng rét đậm.

Xử Bộn ngồi thờ, đầu cúi xuống. Ông đã quên bằng tôi, có lẽ tâm trí ông đã trôi mất dạng vào cõi vô bờ bến.

- Một ngày nọ, vào khoảng trung tuần tháng Hai tây, tôi bất ngờ gặp gỡ người quen. Một chiếc xe díp đột ngột hãm lại cạnh chỗ toán phu chúng tôi đang làm lao dịch. Thăng Tây trên xe nhảy xuống, lộp cộp giày đinh bước xập đến. “Pôn! - thăng Tây kêu lên - Pôn, đúng là anh rồi! Sao anh ở đây? Sao lâm cảnh ngộ này? Anh đôi khác nhiều quá”. Mặc dù thăng Tây có giọng nói ồm ồm và đề râu quai nón nhưng tôi vẫn nhận ra đây là Philip Pê-guy, anh bạn hàng xóm ngày nào. Nom anh ta cũng đã đôi khác quá đôi, đã chính hiệu là một thằng giặc Tây: binh phục, súng sáu, giày đinh, mũ trận. Tuy nhiên Philip đã rất tử tế với tôi. Nhờ hãn bảo lĩnh mà tôi thoát phận phu tù. Hãn bảo hãn biết chuyện gia đình tôi đã có ý tốt cho cha và em gái hãn lánh nạn. Hãn bảo hiện giờ Xôphi đang cùng chạ ngụ ở Hải Phòng và đang rất nóng lòng mong Hà Nội sớm được bình định để sớm được trở về với tổ ấm thân yêu thời thơ ấu. Philip đưa tôi về đồn binh của hãn đóng ở đường Rialăng. Tôi được nghỉ ngơi một ngày rồi thì phải đi thông ngôn cho Philip.

- Ông ạ, than ôi, - Ông già khàn khàn than lên - Như vậy là tôi đã một bước đi theo Tây, mặc dù chỉ trong thời gian ngắn ngủi mấy ngày. Trọng mấy ngày đó, tôi ngồi cùng xe với Philip len lỏi đến gần mặt trận. Ở đó tôi núp vào góc phố chờ loa về phía chiến lũy. Tôi phải dịch những lời dụ hàng, khi là những lời hứa hẹn ngọt ngào, khi là những lời hăm dọa. Không muốn, nhưng biết làm sao được thưa ông, tôi bị bắt buộc. Với lại cũng xin thú thực là tôi đã cố tìm một cái lý để tự mình biện bạch với mình. Vô hình chung tôi đã bám víu vào luận điệu của bọn Tây khi tự nhủ rằng dù sao thì mình cũng đang giúp vào một nỗ lực nhằm tránh cho Hà Nội khỏi phải đổ máu và đổ nát nhiều hơn nữa.

Nhưng mà tiếng loa chiêu hàng đã chẳng dụ được ai bỏ chiến lũy ra đầu Tây. Trận chiến trong Liên khu Một ngày một kịch liệt. Cầm tức vì bị dai dẳng cầm chân, những lời lẽ bõn Tây bắt tôi phải dịch vào trong loa ngày càng ít đường mật. Sáng ngày 15 tháng Hai, xe chiêu hàng đậu ở bãi Lopagior oang oang đọc tôi hậu thư của Bộ chỉ huy Pháp. Hạn ngày nọ giờ nọ các vị trí đề kháng còn lại của Việt Minh phải trưng cờ trắng nếu không sẽ bị làm cỏ. Kê bãi Lopagior cảnh tượng ghê gớm của trận Đồng Xuân còn bày nguyên đây. Thị tứ sầm uất thành bãi chiến trường hoen máu. Trong mưa phún lửa đã tắt nhưng khói vẫn tuôn nhỏ. Gió bắc thổi mù tro than. Gạch nát, ngói vụn, rầm gãy. Rải rác những xác xe tăng cháy thui, xích thép đứt tung, lính lái chết vất người ở cửa xe. Sau trận tử chiến kinh hoàng này, liên mấy ngày tương đối lặng dịu, súng vẫn nổ song không rõ lên. Bọn Tây đau đòn, như tử hạo binh tổn tướng, phải tạm ngừng tấn công. Nhưng mà tình thế bên Việt Minh cũng đã cam go lắm rồi. Qua cách nói năng của Philip tôi thấy lạ bọn Tây đã không còn chút hồ nghi gì về sự tất thắng của chúng. “Quân đội Pháp sẽ giành chiến thắng một cách nường tay, một cách mã thượng, một cách nhân từ”, Philip bảo vậy.

Nhưng Hà Thành đã không để cho bọn xâm lăng có cơ hội đắc thắng. Sáng 18 tháng Hai, ánh lửa rực một góc trời mà thành phố thì im phắc. Liên khu Một trống rỗng. Trùng vây khếp chặt thế mà Việt Minh thỉnh linh biến đâu hết. Cuộc rút lui thần kỳ ấy đã đẩy nước Pháp vào một thắng lợi vô cùng lố bịch, dường như là đã thắng mà kỳ thực là đại bại. Chiếm được đất người rồi mà kẻ chiếm đóng không thờ phào nhẹ nhõm, không chút mừng vui hoan hỷ. Bọn lính chiến lắm lý, mệt mỏi, hai hàng dọc súng lăm lăm, dè dặt tiến chậm chậm vào các hẻm phố không người.

Bất chấp cơ nguy bị bắn tỉa, Philip cho xe xông xáo sục sạo vào tất cả các đường dọc ngõ quanh trong khu phố cổ. Tôi chẳng hiểu là Philip muốn gì nữa. Giữa bầu không khí lặng thinh ghê người của các dãy phố, loa chiêu hàng chẳng còn gì để nói, bẽ bàng cầm miệng, chỉ thỉnh thoảng lại buột phát ra những tiếng lộc khộc khệt như là cái cổ họng bị hóc xương. Ngồi cạnh Philip trên chiếc xe díp tâm lý chiến ấy, tôi run rẩy vì cóng lạnh và sợ hãi. Mặc dù dọc hai bên hàng phố tuyệt không bóng người, không một ô cửa hé mở, tĩnh không một giọng nói, một ánh mắt vậy mà tôi vẫn cảm thấy rờn rợn dâng lên từ từng ngôi nhà, từng mái hiên, bờ tường, góc phố hơi thở của một lòng căm thù khốc liệt tuy rằng cầm nín và vô hình.

Cửa sổ tầng hai của ngôi biệt thự bên kia đường bật mở. Một người đàn bà bước ra ban công. Chị ta nhìn xuống đường. Có phải chị nghe thấy giọng kẻ của xừ Bôn? Thực ra lúc này giọng ông hạ thấp, gần như là ào ào bên tai tôi.

- Dù vậy, dù trong bụng nơm nớp lo sợ bất ngờ súng lại nổ, tôi vẫn thấy bất ngờ khi biết lại phải đi đến chỗ đang xảy ra bắn nhau. Lại có trận chiến nổ ra ông ạ. Khi đó đã xế chiều. Mà không phải trong Liên khu Một. Nghe lệnh qua máy bộ đàm xong, Philip bảo tôi: “Pôn! Người ta vừa phát hiện một chiến lũy còn sót lại của Việt Minh. Tại chính đường phố của tôi!”. Từ Ô Quan Chưởng, Philip ngoặt xe, thả hết tốc độ, vùn vụt lao về phố Xô-lê. Đến đầu phố, xe chúng tôi chạy sau một xe camiong chở đầy lính mũ đỏ. Chiếc camiong đồ xích lại xé công nhà tôi. Bọn lính rầm rập nhảy xuống. Trước khi chúng tôi đến đã có một toán Âu Phi bủa vây ngôi biệt thự. Không phải biệt thự gia đình tôi. Biệt thự nhà Pêguy.

Từ mé Bờ Hồ, xuôi theo đường Lý Thường Kiệt, một luồng gió mạnh tràn xô tới. Gió mát và rất âm. Lá sấu ào ào rụng trút xuống. Tôi muốn báo với xừ Bôn về khả năng sắp sửa có một cơn dông, nhưng mà tôi lặng im.

- Tên cai bầm với Philip rằng toán tuần tra của hắn đã phát hiện Việt Minh một cách ngẫu nhiên. Ngang qua cổng nhà này, nom thấy một con mèo nằm khoanh tròn sưởi nắng trên thềm, một tên lính lấy làm lạ, nhà trông chủ mà sao con mèo không bỏ đi hoang, hay là trong nhà có người? Một mình tên đó xộc vào, lát sau nghe tiếng la, và tên đó không trở ra nữa. Đã hơn hai tiếng đồng hồ rồi, bọn chúng a la xô vào mấy lượt nhưng đều bị những người trong nhà bắn súng ra bắt phải chạy lui. Hai chết, ba bị thương, với tên bị trong nhà nữa là sáu mạng. Tên cai đồ chừng có ít nhất mười Việt Minh đang cộ thủ. Hỏa lực của họ rất mạnh, tên cai bầm thế, nhưng mà tôi lại thấy ngôi nhà rất im lìm. Bọn lính lộ nhô ngoài đường và thập thò quanh nhà rất lộ liễu thế mà trong nhà không bắn ra. Khi Philip dụ hàng họ cũng không bắn. Tôi dịch lời Philip, loa gọi oang oang, trong nhà vẫn im. Rất lạ. Sau, tôi mới hiểu: họ đã cạn hết đạn.

Me xù cúi đầu xuống, nặng nề rơi sâu vào lặng im. Lặng im rất lâu. Tôi thờ dài. Me xù ngẩng đầu lên, và lại đến lượt ông ta buông tiếng thờ dài.

- Như nầy tôi vừa kể cùng ông, ngay sau đêm đầu nổ súng, đội tự vệ phố tôi bị xẻ đôi. Một nửa gồm có tôi dạt sang trường Bách Nghệ, nửa nữa kẹt lại trong phố. Phố Xô-lê, ông thầy đây, nằm xiên giữa toàn các đại lộ rộng thênh. Dọc các đại lộ ấy Tây tập trung binh đội. Thiết giáp, quân lính rầm rộ đêm ngày. Những anh chị em bị hãm lại trong phố không còn ngả nào mà thoát ra nữa. Ra ngả nào cũng đụng Tây. Đánh tìm chỗ náu trong tầng hầm các ngôi nhà. Canh khuya họ lần ra tìm đường thoát và lựa cả cơ hội đánh úp Tây... Khi còn đang làm phu dọn xác tôi đã nghe các bạn tù xi xầm kháo nhau là ở khúc phố gần nhà pha Hỏa Lò vẫn có lính Tây bị bắn tĩa, bị đâm, bị đoạt súng. Sau đó lại nghe nói Tây suýt chớ bực giê lần theo hơi đã bắt được tất cả những tay súng Việt Minh gan lỳ ấy. Thế mà hóa ra họ vẫn còn đó. Họ đã bị bủa vây. Họ cùng đường. Nhưng mà họ im lìm. Họ không bắn. Hay là họ muốn đầu hàng? Thực vậy, còn gì để bám víu nữa đâu mà không buông súng. “Các bạn đã bị Việt Minh bỏ rơi!”, tôi dịch lời Philip. Hai tháng trời khản cổ chiêu hàng chẳng chút kết quả, Philip nôn nóng lập công. Hắn liều mạng thúc xe vào công, chỗ thắng loa vào nhà. Ba kẻ: tôi, tên tài xế và Philip ngang nhiên lộ mình trước tầm súng, oang oang dụ hàng mà không bị bắn thì đã rành rành là Việt Minh muốn hàng rồi. “Các bạn hãy bước ra theo hàng dọc, lần lượt từng người một, hai tay đưa cao khỏi đầu. Lấy danh dự một sĩ quan Pháp, tôi cam đoan các bạn sẽ được toàn tính mạng và sẽ được cư xử theo đúng luật quốc tế về tù binh chiến tranh”. Ngay cả sau những lời lẽ ngông nghênh đó, chúng tôi cũng không bị bắn. Nhưng, khi Philip nói tiếp: “Các bạn nên biết rằng toàn thể quân đội và chính quyền Việt Minh đã đầu hàng. Cả ông Hồ Chí Minh nữa cũng đã đầu hàng”, thì tôi chưa dịch, súng đã nổ. Loạt đạn tiêu liên xé toác miệng cái loa gắn ở đầu xe và phá vỡ kính chắn gió rồi xuyên qua bả vai tên tài xế. Philip nhào khỏi xe tránh đạn. Nhưng tôi thì cứ ngồi ngây cứng ở trên xe.

Một làn chớp sáng lờ mờ. Bầu trời thành phố đang sà xuống. Chuối sấm rền vang lẫn trên mây.

- Vạng. Sắp mưa rồi, - Xừ Bôn nói, nhưng ông không ngừng câu chuyện lại, vẫn tiếp tục kể - Loạt đạn bắn ra ngăn ngừn. Sau đó tất cả chìm trong tiếng súng của bọn Tây. Mái ngói, tường vôi, cửa kính tóe tan tung vỡ. Tôi nghe Philip quát to lên bảo ngừng bắn, rồi lại nghe hắn gào lên hô a la xô. Bọn lính từ bốn xung quanh nhà rầm rập xông lên. Tính không gặp phải một phát súng nào từ trong nhà bắn ra, bọn chúng thả cửa ủa vào. Philip không xông vào theo, hắn đứng giữa sân, tay chống nạnh. Lát sau, bọn lính trở ra cùng với những tù binh Việt Minh chúng vừa bắt được. Chúng dìu ra cả một thằng Tây bị thương băng quấn quanh đầu. Đây chính là cái thằng đã vì thấy con mèo xiêm mà xộc vào nhà. Nó chỉ bị Việt Minh đập vào đầu rồi tước súng chứ không bị giết. Còn những tù binh Việt Minh, ông ạ, không đông như bọn Tây tưởng. Ông biết không, chỉ vển vển có ba người. Người đầu tiên bị dong ra là phụ nữ. Một cô gái. Tóc dài xõa tung. Thằng cai bẻ quặt tay cô gái và sắp ngựa xô cô tới trước mặt Philip. Philip quát: Pôn! Hắn gọi tôi tới dịch. Hắn đưa tay nâng cằm cô gái lên hỏi tên, hỏi đơn vị của cô. Cô gái lặng thinh, quắc mắt nhìn hắn. Tôi biết cô gái này ở trong tổ cứu thương của đội tự vệ phố tôi, nhưng tôi không biết tên cũng không biết cô ở số nhà nào. Cô là một nữ sinh, tôi nghĩ thế vì cô còn rất trẻ và biết tiếng Pháp. Khi hai người đồng đội nam của cô bị bọn lính kéo lê từ trong nhà ra, quăng vút xuống sân, cô giận giữ xô mình tới, lạnh lạnh nói to lên bằng tiếng Pháp với Philip: “Các người không được phép đối xử vô nhân đạo với tù binh bị thương!”. Philip cười gằn, đưa tay gạt mạnh cô ra. Chậm rãi, hắn bước tới, và cúi nhặt khẩu tiêu liên mà bọn lính vừa vút xuống bên cạnh hai người tự vệ Việt Minh bị thương đang nằm vật trên nền sân gạch. Số vũ khí chúng thu được chỉ có khẩu tiêu liên đó, rồi một khẩu súng trường đã vỡ báng và một cây mã tấu. Philip tháo băng đạn ra, nhìn. Băng đạn rỗng. Khẩu súng trường cũng rỗng đạn. Philip lại nhấc cây mã tấu lên, huơ huơ. Hắn mỉm cười. Nhưng tôi rùng mình ghê sợ. Tôi lùi lại một bước. Bất độ Philip ném mạnh cây mã tấu xuống sân. Hắn đi tới bên cô gái, trừng trừng nhìn cô gái và hắn nói thế này, tôi còn nhớ rõ mồn một: “Đất này, nhà này là của tôi, của cha tôi, của em gái tôi, của chúng tôi, người Pháp! Các người muốn cướp nhà cướp đất của chúng tôi? Xin nói để cô biết: chúng tôi là ông chủ, vì thế chúng tôi chỉ trừng phạt chứ chúng tôi không chiến tranh với nô lệ. Và vì không phải là chiến tranh nên không có tù binh, thừa cô!”.

- Và... - Me xù ho lên xù xụ - Và, nói đoạn, Philip quay phắt lại, bước xấn đến chỗ hai người bị thương lúc này đang cố đỡ nhau gượng ngồi dậy. Giật khẩu súng sáu ra khỏi bao, chẳng nói chẳng rằng Philip bóp cò, bắn tới tấp vào hai người đó. Tôi, và không chỉ tôi, cả bọn lính trong sân cũng đồng loạt chết sững. Dứt năm phát đạn như sét đánh, không khí lạnh như tờ. Rồi thì... rồi thì... ông ạ, một

tiếng thét chọi lợi, xé ruột, đờn đau ngất trời. Cô gái quẫy mạnh, vùng ra khỏi gọng bàn tay của tên cai, nhanh như cắt, cô nhào tới, chụp lấy cây mã tấu, uốn mình cô vùng mã tấu lên. Nhưng... Philip nhanh hơn, vừa nghiêng người tránh được nhất chém hấn vừa xiết cò bắn nốt viên đạn còn lại. Cô gái xiêu người. Cây mã tấu chém hất xuống nền gạch. Lưỡi thép tóe lửa. Tôi thấy tên cai giật súng ra khỏi vai. Nhiều tên khác nữa cũng đã kịp tỉnh hồn, nhất loạt chúng đưa súng lên. Ngay lập tức, ông ạ, tôi vùng chạy. Tôi lao ra ngoài đường, tôi xô cả vào mấy tên lê dương. Không ai cản tôi, không ai quát tôi đứng lại. Có quát, tôi cũng không nghe thấy. Tiếng súng rồ lên trong sân, vang dội, rung giật, choán lấp không gian. Tôi chạy, chạy, chạy. Trong đầu lổe lửa, quay cuồng tiếng nổ của cuộc hành quyết man rợ. Tôi kiệt lực, gục ngã, lịm đi trong một cái ngổ lầy bùn ở mãi tận gần Hàng Cỏ. Tôi tỉnh dậy, tôi lê mình đi trên những dọc phố không người. Nước mắt tôi đầm đìa... Tôi là một thường dân, ông ạ. Một thường dân kém cỏi, hèn yếu nhưng tôi không ngờ, tôi không hiểu, tôi không lường nổi sự dã man và sự hèn hạ đến nhường ấy của bọn nhà binh thực dân. Nhiều tháng, nhiều năm sau đây cảnh tượng xảy ra trên sân nhà Pêguy vẫn kẹp chặt tâm trí tôi. Nỗi đau thương khiến tôi không thốt nổi nên lời.

Tôi sống chui nhủi ở Trại Găng suốt thời tạm chiếm, làm đủ nghề cực nhọc để sinh nhai. Tôi yếu hèn, tôi yếm thế, tôi không có gan lèn lỏi ra vùng tự do, nhưng tôi không thể cam tâm một lần nữa đầu Tây. Tôi cũng phải dứt lòng đoạn tuyệt với những người thân yêu của tôi.

Biết làm sao được, tôi yêu quý họ nhưng họ theo Tây. Cả nhà tôi hồi cư ngay trong mùa xuân năm 47. Cha tôi và các anh tôi được Tây trọng dụng còn hơn thuở trước. Tôi biết là họ đang ra công tìm kiếm tôi và tôi cũng muốn về với họ lắm, nhưng tôi không thể. Một lần, mùa thu năm 47, vào buổi cuối chiều, cảm lòng không đậu, sụp nón xuống che mặt, tôi liêu lẩn về, đi dọc theo phố Xô-lê. Nhà tôi, trong nhà ngoài vườn chưa tôi đã đèn điện sáng trưng. Tôi nom thấy có chiếc xe hơi đỗ trong sân. Nom thấy cả một con béc giê đang lòng lộn dọc hàng rào sắt. Trên ban công một lá cờ tam tài đang phấp phật tung bay trong gió. Bên nhà Pêguy thì dường như vẫn chẳng khác xưa, cũ kỹ, rêu mốc, kín công cao tường. Những chứng tích của cuộc chạm súng và vụ tàn sát thì hẳn rằng không còn dấu vết. Tôi nghe gió dài lùa dọc phố, lá bằng lăng rơi tả tơi. Tôi chậm bước lại. Và ông ạ, hỡi ôi, tôi lại nghe thấy tiếng vĩ cầm cất lên, than van, buồn bã, vắng ra. Như vậy có nghĩa Xôphi đã trở về với ngôi nhà thơ ấu của cô. Tôi có thể hình dung thấy cô như ngay trước mắt mình. Cô thiếu nữ người Pháp xinh đẹp, dịu hiền với đôi mắt mù sáng trong. Nhưng tôi lập tức bước gấp, như chạy, tôi bị tạt. Từ đó cho đến tháng Mười năm 54, tôi cẩn thận tránh xa con đường thân thuộc ấy. Tôi không muốn nhìn thấy, tôi không muốn nghe thấy. Tiếng đàn tuyệt diệu ấy không thể nào tôi chịu nổi. Đây là tiếng vĩ cầm của quân xâm lược, sự thật là như vậy, làm sao nghĩ cho khác được hả nhà văn...

* * *

Mưa như thác đổ rồi có phần ngớt đi nhưng sấm sét vẫn nhòang nhòang. Tôi chưa dám rời chỗ trú bên hông Tòa Án nhưng ông già thì đã đội mưa đi rồi. Tôi đang nhìn mưa và nghe ông nói. Không nghe ông nói nữa, nhìn sang thì ra ông đã lảng lảng bỏ đi khi nào, ông không cả chào tôi. Tôi nhớ trước khi lặn biển vào mưa ông đang kể chuyện hồi năm 72, lúc bọn Mỹ ném bom tòa Đại sứ quán Pháp, ông đang núp trong căn hầm gần đó. Ông đã cùng mọi người xông vào cứu sập. “Tôi thấy ông Đại sứ được moi ra từ đống gạch vỡ. Máu me bết bết, ông ấy đã chết rồi.”

- Sau vụ ấy, tôi cứ tự hỏi liệu tôi có thể tha thứ cho nước Pháp hay không? Thời gian, năm tháng, gạch nát, ngôi vụn, mạng người rớt xuống bao nhiêu thì đủ san bằng những hồ sâu chết chóc và tai họa mà nước Pháp thực dân suốt một trăm năm xâm lược đã từng gây ra cho đất nước này?

Ông hỏi vậy rồi ông biến đi. Dưới những làn chớp tôi dõi sâu vào màn mưa. Chẳng thấy bóng ông già đâu. Nhưng thoảng trong làn gió ướt rượt, nghe như có tiếng ai đó huýt sáo khe khẽ theo giai điệu một bài hát. Đời tôi có hai mối tình. Quê hương tôi và Pari.

Rửa tay gác kiếm

Giờ đây nhớ lại những ngày tháng cuối cùng của đời bộ đội lòng tôi vô hạn một nỗi buồn nhớ sâu lắng. Kể từ ngay sau đỉnh cao của hạnh phúc ngày Chiến Thắng tới buổi chiều ngày hôm nay, ngày và đêm hòa bình lững lờ trôi chảy mà đời người thì trôi quá mau. Khi đón tôi từ mặt trận trở về cha mẹ còn chưa hưu trí vậy mà bây giờ cha mẹ đã ngoài bảy mươi. Anh em ruột thịt mỗi người mỗi phương và thâm thoát luồng tuổi cả rồi. Con trai tôi têt này đã bằng tuổi tôi ngày nhập ngũ.

Vợ tôi, vốn được tiếng là trẻ lâu nhưng bởi nắng mưa sóng gió sinh kế đoạn trường nay cũng không còn được trẻ như mấy năm trước nữa. Tôi lặn lội kiếm sống, trải nhiều nghề, rồi cuộc thành nhà văn, song văn chương gì tôi, viết lách đã chẳng bao nhiêu lại chẳng ra thế nào, chỉ tỏ ngày một thêm lạc lõng và ngày một thêm bơ phờ. Thời gian và cuộc sống nhận chìm tôi.

Nếu như được phép làm lại nhĩ. Biết làm lại từ đâu. Quá khứ lúc mờ lúc tỏ. Bãi bể nương dâu vật đổi sao dời đã lấp mất lối tôi về với chí lớn năm xưa, với thời trai trẻ vịnh quang, với cuộc đấu tranh gian khổ. Hơi hường bao năm dài trận mạc chẳng còn tăm tích. Ngay đến những kỷ vật quân ngũ cũng theo nhau mất dần. Ba lô, tăng vồng, hai bộ tũ châu, một đôi dép đúc, chiếc mũ tai bèo, rồi sổ quân bạ, giấy chứng thương, thư từ, nhật ký. Tất cả đã mai một. Không phải là do tôi để thất lạc mà bởi nỗi người lính chiến trong tôi không còn trong tôi nữa.

Anh em đồng đội kiến giả nhất phận, hàng năm trời không lần sum họp, không khỏi quên dần mất nhau. Đạo trước chẳng cần phải chỗ bạn bè, chẳng cần phải là cùng đơn vị, chỉ cần biết người đó gốc gác lính chống Mỹ, từng chiến đấu ở B2, ở B3, ở Mặt trận K, ở Cảnh Đồng Chum, ở cô thành Quảng Trị, thì dù mới chỉ lần đầu gặp gỡ, tôi đã lập tức thấy thiện cảm, có thể nói đã dành ngay một tình thân ái đầy thiên vị cho người anh em chưa mấy quen biết ấy. Nhưng dần dần cái thói phạm tục của đời sống thị thành thân nhiên và tàn tệ này đã khiến tôi không còn muốn xích gần vào với bất kỳ ai. Thậm chí tôi đã gần như quên hẳn đi rằng ông trưởng phòng tổ chức nơi tôi đang làm việc chính là đồng chí trưởng xe chiếc T54 đã dẫn đầu trung đội xung kích chúng tôi đột phá cửa mở Lăng Cha Cả tấn công phi trường Tân Sơn Nhất. Từng sát cánh bên nhau, sống chết có nhau một thời như vậy mà giữa cuộc bon chen kịch liệt hôm nay lắm lúc giáp mặt chạm vai chẳng chào.

Như thế đã hoàn toàn bỏ bằng dĩ vãng, hơn hai chục năm trời sau chiến tranh hôm nay tôi mới một chuyên trở lại Sài Gòn. Khi vừa từ cầu thang máy bay đặt chân xuống mặt bê tông đường băng, tôi chợt thấy trong lòng nhói lên một điều gì đó không rõ là điều gì, một điều gì đó đã say ngủ từ lâu giờ đây bỗng chợt mình. Một đám mây thăm màu tạt qua dưới mặt trời ngả một bóng râm mờ trên phi đạo mệnh mông nắng chiều. Trong chốc lát, dường như có một không gian khác và một thời gian khác đáp cánh xuống sân bay làm hiện hình lên trong tâm trí tôi toàn cảnh Tân Sơn Nhất của một ngày cuối tháng Tư xa thăm thuở xưa. Nhưng tất cả chỉ là ảo ảnh trong chớp mắt. Tiếng gầm của một chiếc Bô-ing đang chạy lấy đà chứ không phải tiếng gầm thét long trời của cuộc tấn công. Phi trường trải rộng, một cõi bao la, sạch tinh, sáng loáng. Chỉ có cái lâu đài huy không lưu là dấu vết duy nhất ngày xưa bây giờ tôi còn nhận ra. Nhưng lá quân kỳ Quyết Thắng của sư 10 mà vừa nãy tưởng chừng vẫn thấy đó trên đỉnh lâu, cuộn cuộn tung bay trong gió, một chớp mắt thôi tôi đã không còn thấy nữa. Tôi nhìn quanh. Đây là hướng dẫn vào trại Mác Vi? Và đây là khu vực trại Đa Vít, vị trí kết thúc chiến tranh của trung đoàn 24? Tại đó trung đoàn trưởng Vũ Tài, người anh cả thân yêu, súng ngắn trong tay cùng tiểu đội chúng tôi từ quanh tháp xe tăng ủa xuống lao vào vòng tay giang ra mừng đón của các cảm tử quân Phái đoàn bốn bên. Nước mắt để dành cho ngày gặp mặt tưởng đã khóc cạn với nhau rồi vào giờ phút tuyệt đỉnh đời người, giờ phút đất rộng trời cao lòng người nhập một ấy, lạ sao bây giờ lại trần mi, nóng rục và nhói đau như kim châm trong tròng mắt.

* * *

Những ngày vui chiến thắng qua đi, bao nhiêu xúc cảm mãnh liệt của buổi ban đầu hòa bình dần lắng xuống. Toàn sư đoàn bước vào thời kỳ mới nhiệm vụ mới, tiểu đoàn này tiến gấp ra biên giới chặn quân Pôn Pôt, tiểu đoàn kia chuyển sang làm kinh tế, hoặc là phân tán về các vùng mới giải phóng gỡ

mìn, san lấp hồ bom, làm công tác dân vận, hoặc như tôi trở lại chiến trường Tây Nguyên thu gom hài cốt đồng đội. Chẳng may tôi bị sốt rét ác tính vật khi đang tham gia đội công tác tử sĩ trong rừng rậm Đông Sa Thầy. Được trực thăng đưa về Sài Gòn, tôi nằm điều trị ở quân y viện, đến khi bình phục không trở lại đơn vị nữa mà vào trại an dưỡng, ăn không ngồi rồi đợi ngày giải ngũ.

Trại an dưỡng này vốn là doanh trại của một trường đào tạo cán bộ binh định, nằm bên bờ một dòng sông lớn. Sông nước mùa mưa biến khu trại thành một hòn đảo. Nhiều đêm nước lụt bỏ qua rào kẽm gai, tràn lên sân, tấp vào tận thêm các ngôi nhà đủ thứ tàn tích tanh tưởi của quân chiến bại ứ lại từ mùa khô, còn vương vãi cùng khắp trong trại và trong các đồn bót công sự hầm hào xó xỉnh bụi bờ hang hốc dọc hai bên bờ sông. Giữa một đêm mưa như thác đổ có một cái va ly nhỏ, nhẹ, vỏ không thấm nước, mỏng nhưng rất cứng, sau nhiều ngày lênh bênh trên sông đã trôi tới cửa phòng chúng tôi. Ngoài hàng xấp dày cộp xanh lè tiền Mỹ và tiền ngụy, trong va ly nhét một bộ lễ phục cấp đại tá được dựng bằng loại vải cực sang, mặc dù đã ảm xỉ nhưng màu vải trắng không hề bị ố, vẫn còn nguyên nếp, còn nguyên lon ngù, quần hàm, dây thao và rừng rặng cả mớ bội tinh đắp đầy ngực áo. Lại có một buổi sáng nọ, khi ra hiện tập thể dục chúng tôi kinh hãi nom thấy một cái xác đàn bà chết trôi mắc cạn ngay dưới thêm. Chạy lao xuống tam cấp, định thần nhìn. Té ra là một người tình cao su của lính Sài Gòn do nước lụt moi lên từ một cái lô cốt nào đó và chẳng hiểu sao chưa bị xì hơi, mông ngực đùi về vẫn phồng căng, bê bết bùn đất rong rêu, nom phát ghê.

Chưa năm nào mực nước sông cao như năm ấy. Mùa mưa hòa bình cũng dài ề ề ảm chẳng khác những mùa mưa trong chiến tranh. Quang cảnh những ngày tháng Năm rực rỡ nắng nhường chỗ cho tiết thu lẽ thê hoàng hôn. Nước tràn lênh láng và mưa rơi tới ngày. Tiếng mưa rơi trên mái tôn khi nhỏ hạt thì nghe như tiếng côn trùng rền rĩ, khi nặng hạt thì gầm gào cào xé vỡ màng tai. Bao nhiêu các thứ rau củ chúng tôi tăng gia được đều chết úng, chỉ sót lại có rau muống. Sân bóng làm ra đầy nhưng rồi ngập bùn không bóng đá bóng chuyền gì được. Không khí như ông nước, ngay cả trong buồng cũng nhờ nhờ một thứ sương lam tỏa ra từ người ngòm và quần áo.

Tuy nhiên ấy là một mùa mưa an nhàn và no đủ. Ngoài tiền “cửa rừng” còn có lương bổng. Trung sĩ như tôi cộng thêm thâm niên được năm chục đồng mỗi tháng đủ để thoải mái trà thuốc. Quân trang được thay mới toàn bộ. Các đồ nhu yếu phẩm hàng tháng và bữa ăn hàng ngày hết sức tươm tất. Chủ nhật nào anh nuôi cũng đãi toàn trại một châu ăn tươi. Nhất là vào những kỳ lễ lạt, cơm nước rất thịnh soạn. Quốc Khánh lần thứ ba mươi liên hoan linh đình. Trại cho ngả hai con heo, thịt thà ề hề, còn chất cay thì chúng tôi chung tiền ra thành phố khuôn về vô thiên lủng. Thượng úy bác sĩ chủ nhiệm trại an dưỡng cũng dự vui với chúng tôi. Ông ứng khẩu một bài lục bát hô hào gìn giữ phẩm chất tốt đẹp của người chiến sĩ Giải phóng quân ở mọi nơi mọi lúc. Rượu được rót tràn những bát B52. Nửa đêm, trước khi tàn tiệc, cả khu trại rung chuyển và lóc lẻo chớp giật. Một dây dài chục mét pháo cối, pháo tép, pháo đùng, và cả pháo thăng thiên nữa không hiểu quân ta moi được đâu ra mà lăm thế, nổi nhau nổ loạn lên, đình tại nhưc ọc. Đầu óc đã la đà, đã gục mặt xuống bàn chực ngủ, tôi giật bản mình, choàng dậy. Ngỡ rằng bị tập kích, tôi vật người nhào sấp xuống sàn tránh đạn và trườn thật nhanh vào một góc tường...

Cho đến cuối tháng Chín trời vẫn lã chã mưa rơi. Khắp nơi lầy bùn, không gian một màu đùng đục, tháng ngày bị nén lại dưới vòm mây. Tôi nằm ườn trên giường, nhọc nhằn nhả những dòng văn chương nặng như đồ chì của một ông Sơn-giê-nít-xun nào đó, cựu sĩ quan Hồng quân. Cuốn tiểu thuyết của ông ta và nhiều cuốn khác nữa chúng tôi đã bối được trong một lặn lao động làm tổng vệ sinh khu trại. Chúng tôi phát hiện dưới tầng hầm tòa nhà chính một cái kho tối om đầy ự sách báo giấy má đã mốc meo. Chỉ mỗi mình Tú, một tay một sách, nguyên sinh viên trường Tổng Hợp là không ngại rúc vào đó, ngụp lặn lục tìm trong bụi, tha về phòng một bao tải nặng trĩch những cuốn tiểu thuyết chưa bị môi xông. Nhưng bởi tất cả đều rất một nòi thôi tha mực nát văn chương chông cộng, chữ nghĩa tối tăm, mờ ám, nội dung láo toét, ít ai kiên nhẫn đọc nổi quá nửa trang, chất giấy lại không hợp để vắn thuốc và khô thì quá nhỏ để gói bọc một thứ gì, thành thử đóng sách của Tú chẳng mấy ai buồn ngó, dù rằng nó cứ vui đi. Người ta thấy các mẫu vụn của những Chu Tử, những Xuân Vũ, những gì gì đó nữa quanh chỗ dựng điều cây và trong nhà bếp, trong nhà cầu.

Chúng tôi bị mưa mùa nước lụt cầm chân, chẳng đi chơi được đâu cả, chỉ quanh quẩn trong khuôn viên của trại. Đánh bài, chơi cờ, tụ quân lại đấu láo tán dóc, bật đài thật to om sòm nghe thờ nghe nhạc. Nhưng vẫn không thể át hẳn được nỗi buồn mùa mưa. Không khí ướt át, uể oải như ngấm vào

xương làm cho da dễ mãi không hồng hào lên nổi. Hơi ẩm cùng cảnh nhàn rồi khiến chúng tôi phải làm quen lại với đủ các thứ ốm đau lật vật thời bình. Có hôm già nửa trại nhức đầu sổ mũi phải báo cháo. Nghiện cách chữa trị bình dân của bà con trong Nam nhiều tay người lúc nào cũng thơm hắc mùi dầu nhĩ thiên đường, trán bầm vết cạo gió và lưng đầy những dấu giác hơi.

* * *

Đêm nào ở giường bên cạnh giường tôi Khương cũng nghiền răng, nói mớ và rên rỉ. Anh không la to, chỉ ư ử trong đáy họng, khe khẽ và dai dẳng. Ban ngày, nom anh hoàn toàn bình thường, không khỏe hơn cũng không yếu hơn mọi người. Tính nết anh hồn hậu, cởi mở và cũng ham vui chữ tuyệt nhiên không phải con người nhiều u uẩn. Song cứ đến nửa đêm... Khương bảo rằng hồi đang đánh nhau chẳng hề bị như vậy, chỉ từ hòa bình, nhập trại an dưỡng mới sinh ra thế. Thuốc men chẳng ích gì bởi những cơn vật vã hàng đêm ấy không phải là do các vết thương tái phát mà là đau đớn của giấc mơ. Trong giấc ngủ, Khương mơ thấy lại cảm giác đau của những lần bị thương trước đây. Người chỉ huy trình sát lưng danh này của Mặt trận B3 đã vào trận ngay từ mùa khô đầu tiên bộ binh Mỹ tham chiến ở Tây Nguyên. An đạn hàng chục lần, vỡ thịt toác xương xối máu, tuy nhiên chưa lần nào là một vết tử thương cho nên lần nào gục ngã, dù nặng đến đâu, cuối cùng rồi Khương cũng nghiền răng gượng dậy được và lại trở về với đội trình sát của mình. Dường như là chiến trận đã nâng đỡ anh, giúp anh dịu đau đớn, dường như là các thương tích trong mùa khô sau đã khỏa lấp đi thương tích những mùa khô trước. Và bây giờ, hàng đêm, trong giấc ngủ, Khương như thể lần hồi duyệt lại các vết thương, lần lượt, từ đầu, từng vết thương một, từng nổi đau. Bác sĩ của trại cho rằng không có gì đáng sợ, những cơn thống giác trong tiềm thức sẽ dần dần bị ngăn lại. Song ai mà biết chắc được. Khi đang mở mắt thao láo thì còn đủ sức gượng quên đi mọi sự nhưng đã ngủ thiếp đi rồi thì ai mà có thể đưa tay ra cản lại mộng mị.

Chẳng riêng gì Khương, tất cả anh em trong phòng đều ít nhiều gặp phải những ác mộng di chứng từ trận mạc. Bao giờ cũng là những ác mộng sinh động. Tú chẳng hạn, luôn sống lại với trái bom CBU ném xuống rừng cao su Xuân Lộc. Hàm sập và Tú ú ớ ngạt thở, thấy mình bị chôn sống. Còn tôi, tôi mơ thấy mưa thuốc độc, mơ thấy những rừng già trên sườn Ngọc Bờ Biêng bị bọn Mỹ biến thành những đại ngàn củi khô. Hồi đó, suốt mấy tháng ròng, ngày nào cũng vậy, bầu trời Ngọc Bờ Biêng luôn hiện hình những chiếc Caribou C123 chậm chậm trườn theo các sườn núi, từ từ và kỹ lưỡng thả mưa độc tưới ướt rừng xanh. Nhưng vào ngày đầu tiên, giờ đầu tiên chúng tôi không kịp hiểu là bọn Mỹ giờ trò gì, không ai biết điều kinh khủng gì đã xảy ra. Tiếng động cơ ừ ừ oải oải của máy bay vận tải chẳng làm ai lưu tâm. Khu rừng đại đội chúng tôi trú đêm mặc dù là rừng thưa nhưng ẩn mình kín đáo trong một cái thung nhỏ lọt sâu giữa bốn bề núi cao, phi pháo khó lòng nên trúng. Song linh cảm về một sự bất trắc buộc chúng tôi phải rời vũng. Mặt tôi lạnh lạnh ẩm ướt. Những hạt nước li ti, cay cay, bám trên mi mắt. Tôi vuốt mắt, dụi mắt, chật vật ngồi dậy, ngáp dài, dờ dẩn bước ra khỏi vũng, toàn thân mỏi dừ, mệt nhọc khác thường. Tiếng máy bay không còn ngay trên đầu nữa nhưng vẫn từ đâu đó xa xa ừ ừ vọng tới. Lòng rừng mờ mịt sương mù. Tuy nhiên, không phải sương. Có lẽ là khói, nhưng là một thứ khói ướt nhoẹt và đặc sệt. Các mái tầng che trên những cánh vồng đều ướt đầm hơi nước và dính đầy lá rụng. Tóc tai, mặt mày, vai áo, lưng áo của tôi cũng vậy, ươn ướt, khó chịu. Những người khác cũng thế. Lĩnh tráng ngấm hơi nước nom ỉu xiu. Tôi đưa bàn tay lâm thâm những hạt nước lên gần mũi. Chẳng thấy mùi gì cả. Nhưng tại sao trong không khí lại ngán ngát một mùi gì là lạ, tựa như mùi nước bị oi khói. Tôi ngược lên, nhìn. Rừng đang đổ lá. Mái rừng tróc từng mảng rộng, lở ra, rụng xuống như bị lột da. Không một phẩy gió, cây cối bất động vậy mà tơi tả chẳng khác nào đang trong một trận động rừng. Một trận động rừng câm lặng, lay chuyển ngàn cây nhưng mà lại ỉm phăng phắc. Lá, hoa, quả và cả các cành con nữa trút như mưa song không một tiếng xào xạc. Chẳng phải lá vàng chẳng phải lá xanh, lá to lá nhỏ tất cả đều là những xác chết thâm xít và nhàu nhĩ như bị vò. Cỏ dưới đáy rừng cũng đang rũ chết, ngã dẹp xuống và đã bắt đầu biến màu... Trước đó, cũng như sau đó, dọc đường chiến tranh, tôi đã trải qua những tình thế còn bội phần ghê sợ hơn. Tuy nhiên ám sâu nhất vào tâm trí tôi đến trọn đời vẫn là cảnh tượng thiên nhiên bị bọn Mỹ giết hại một cách rừng rợn như thế trong cái tháng Màu Da Cam ấy.

Cho nên, tôi cũng thường nằm mơ thấy những tên Mỹ. Không phải tất cả những âm hình trong mơ đều là anh em đồng đội. Có những giấc mơ thật kỳ lạ, trong đó chỉ toàn gặp những bóng ma quân thù. Chúng lững thững đi xuyên qua tường, êm như ru bước vào phòng, lượn sát đầu giường tôi nằm. Phân

đa chỉ nhẹ điều phớt qua, nhưng cũng có vài bóng nân ná dừng lại, hé cửa màn ra, và phà hơi thở lạnh toát, cúi sát xuống, như thể muốn nhận mặt tôi. Cho đến tận bây giờ, ngay sau lưng tôi, cái chết của những kẻ thù đó còn nằm mắc cả lại đây tại chính những thời điểm mà chúng đã bị tôi bắt gặp. Chúng đã gặp phải tôi trong tầm đạn tiểu liên. Thường là không kịp nhìn rõ mặt, nhưng số phận chúng tôi vẫn còn kịp mãi mãi quen biết nhau nhờ vào cái tích tắc nháy cò, tôi nhanh hơn chúng và chúng chậm hơn tôi.

Tên Số Một, tên Số Hai, tên Số Ba, tôi đặt tên cho chúng như thế. Hạ được một tên, tôi dùng mũi dao găm khắc một vạch lên báng súng. Khẩu súng của tôi, một khẩu tiểu liên sản xuất năm 1966. Số súng 0239466. Khi tôi được phát, nó là một khẩu súng còn trình nguyên. Nhưng chưa tròn một mùa khô, trong tay tôi, nó đã là một cỗ máy khét lẹt, với những vết khắc nhám nhở trên báng gỗ.

Trước đó cũng như sau này, không có thứ đồ vật nào được tôi sử dụng thành thực cho bằng cái khẩu AK47 nhả đạn nhanh như chớp ấy. Dính phải đạn AK sợ người rắn cẳng ăn núp chắc chắn sau mũ sắt cũng chỉ còn là quả dưa bở. Cả bộ mặt hay là già nửa bộ mặt văng tung tóe. Những tên Mỹ cao lớn là những mục tiêu lộ lộ. Đạn chọc vào lưng, phá ra làm vỡ toang lồng ngực. Máu ộc chảy và người chết như là dập dềnh nổi lên trên cái ao máu của chính mình. Tôi lấy chân hất ngửa cái xác như lật một tấm nệm. Vết thương kinh khủng. Cả một đồng thịt bị đào lên. Những mảnh vụn xôm xộp của buồng phổi dính bết trên đám lông bụng bây nhầy máu. Người chết rất to béo, da thịt núc nịch, trắng ớn, lồm xồm lông lá, nhưng còn trẻ măng. Gương mặt không bị dây máu nom non nớt, đôi mắt mở to, xanh biếc. Có lẽ đây là màu da trời nơi quê hương y vào tiết tháng Tư cuối xuân đầu hạ này. Y đi sau cùng đội hình hàng dọc của toán tuần tra ven đường 19. Cởi trần trùng trục, súng đeo xệ bên vai, nòng chúc xuống, trề nải, y vừa đi vừa huýt sáo, thỉnh thoảng gây mũi giày đá nghịch những hòn sỏi trên đường. Khi y vừa đi ngang qua, thì tôi, người phủ kín lá ngụy trang, từ một bụi mâm xôi ở chân đồi ven lộ, đứng phắt dậy, nháy cò, nhả “pầm- pầm” một điểm xạ hai phát làm hiệu lệnh. Những tên khác trong tiểu đội của y còn kịp phản ứng, nổ súng chống trả rồi mới bị giết, nhưng y thì chết tức khắc. Linh Mỹ thường chết như vậy, xuất kỳ bất ý, bất đắc kỳ tử. Lúc đang ngủ say, một quả lựu đạn lăn vào lều bạt. Khi đang quì trước công sự cầu nguyện vào buổi sớm mai. Đang châm một điều thuốc. Đang quàm quạp nhai kẹo cao su. Đang đưa bình tông lên miệng. Cả trung đội đang trần truồng nô nghịch tắm táp dưới vòi nước phun xối xuống từ trực thăng, một tên bỗng khựng người, đầu gối gập lại như bị đất nuốt. Thậm chí không nghe thấy cả phát súng bắn tĩa. Thân chết của quân Mỹ vô hình vô ảnh.

* * *

Ngay sáng đầu tháng Năm, còn chót trong sân bay Tân Sơn Nhất, tôi đã biên gấp một lá thư gửi ra Hà Nội báo tin còn sống. Nhưng cứ như là đang trong thời chiến, mãi cuối tháng 10 sắp được ra quân đến nơi rồi tôi mới nhận được thư nhà. Không chỉ là thư. Quân bưu trao cho tôi hẳn một bưu kiện nặng ký rủi, của mẹ. Nhưng, khi mở ra thì thật không thể tin nổi. Gói quà đã được gửi đi từ tận đầu mùa hè năm 73. Cả trại an dưỡng truyền nhau xem cái gói quà từ quá khứ ấy. Nó đã trườn chườn qua bao nhiêu tháng ngày, lưu lạc qua hai thời đại. Mẹ tôi đã bao gói rất kỹ. Hai lượt ni lông dày, một lượt giấy xi măng. Song ngàn dặm mùa khô đường Trường Sơn lút trong lửa, mùa mưa thì sinh thối, rữa nát dưới bùn sâu, thư mẹ chẳng còn chữ nào đọc được, kẹo chảy nước, thuốc lá mốc meo, bánh bích qui vữa ra, chỉ có kim chi, đá lửa, dầu cao con hồ là còn dùng tốt và sẽ là vô cùng quý giá nếu đang trong chiến tranh.

Trong chiến tranh, có lần, vào cuối mùa mưa, xác của một người lính quân bưu từ vùng núi cao phía tây đã xuôi theo dòng lũ sông Pô Cô trôi về, tấp vào một bãi lau gần chỗ đơn vị tôi trú quân. Thi thể anh bị đạn đại liên khoan toác ra những lỗ thủng lớn. Anh chết đã nhiều ngày, thân thể ngâm lâu dưới nước đã biến dạng và bị cá rửa tưng tóe. Có lẽ anh bị trực thăng vô khi đang vượt qua một đoạn suối nào đó trên thượng nguồn. Cái bông vải dù chạt cứng thư bám trên lưng anh lỗ chỗ vết đạn. Thư từ chảy nước, ươn ướt màu mực và màu máu. Ngay những bức thư không bị đạn xé thì địa chỉ và tên tuổi trên phong bì cũng đã bị nước gột đi hết, chỉ còn mờ mờ dấu vết cái triện màu đỏ của bưu điện các tỉnh ngoài miền Bắc. Đành phải đề tất cả những lá thư vô chủ ấy được chôn theo thi thể của người lính quân bưu vô danh. Từ đó tôi không viết thư về nhà và cũng dứt khoát không bận lòng mong ngóng thư nhà nữa. Thư từ của lính lành ít dữ nhiều, tôi có cảm giác thế. Ngay cả khi đã hòa bình rồi.

Cùng đợt tôi nhận được gói quà của mẹ, trong phòng còn có Quang cũng được thư. Mặc dù Quang

rất chăm viết thư nhưng cũng giống như tôi đến mãi bấy giờ anh mới được hồi âm. Song lá thư cho anh hay một cái tin rất tệ. Vợ anh đã bỏ nhà theo trai. Cô ta tăng tịu với một gã thủy thủ đường sông, đến nỗi mang bầu nên phải bỏ làng bán xới theo gã vào Nam ngay sau ngày hòa bình. Bị phải cái tin điên người ấy, Quang tỏ ra bình tĩnh. Anh thông cảm với vợ. “Lấy nhau mới được có bảy ngày là tở lên đường đi Bê. Như vậy là cô ấy đã phải vò võ chịu đựng những mười năm giờ có lẽ chứ nào ít ỏi gì đâu, thế mà sức người thì có hạn - Quang điềm đạm lý giải một cách phân minh - Thêm nữa nhà tở lại kê ngay một bên sông nhộn nhịp, tứ xứ thuyền bè qua lại, sự thế như thế tất phải xảy ra. Trách ai được bấy giờ. Thôi thì sự đã vậy thì đành vậy, tở chẳng thiết!”. Miệng anh nói vậy nhưng bụng anh nói khác. Đêm đêm, giữa canh khuya, Quang chỉ toàn nằm mộng thấy kẻ bội bạc, anh nắc lên tên cô ta và vừa rên ư ử vừa nói lảm nhảm. Có đêm tôi nghe thấy trong màn anh vắng ra tiếng khóc thút thít sụt sịt.

Vợ chồng anh chưa có con, nhưng có tới một nửa những thứ trong ba lô của anh là đồ chơi. Còn lại là quà cho vợ. Thỉnh thoảng chúng tôi vẫn thấy anh loay hoay hết dỡ ra lại xếp vào, những xấp vải và những cuộn len, những mớ đồ lót mỏng manh lụa là có viền đăng ten, rồi những lọ nước hoa tí xíu, những vốc hạt trai, hạt cườm, những vòng đeo tay, đeo cổ lóng la lóng lánh. Anh chẳng trà, chẳng thuốc, chẳng uống rượu, để dành được cả một cục tiền. Và ngày ngày anh bỏ thật nhiều thì giờ cặm cuì ngồi viết cho vợ những bức thư thật dài, gần như là mỗi ngày một bức, nhưng không gửi, tồn lại thành một xấp dày. Cho mãi tới buổi chiều trước hôm từ giã chúng tôi để lên đường về quê, lẳng lẳng Quang mang xấp thư ấy đi xuống bờ sông, lần lượt giờ từng bức ra ngồi đọc lại, đọc đi đọc lại, rồi chậm rãi xé nhỏ, rắc xuống nước, như thể thả mồi nuôi cá. Những mảnh tình cảm nát vụn xuôi thành một vệt trắng trôi ngang qua chỗ tôi và Tú buông câu. Nhiều mảnh vướng vào phao. Tú bảo:

- Thật đúng là những bức tình thư gửi cho cá chép.

Hôm ấy, được một buổi chiều bỗng nhiên tạnh mưa, trời quang mây, thế gian hừng nắng, tôi và Tú bỏ chơi bài, mò ra sông ngồi câu. Vùng dương ló ra trong trời chiều. Không gian tràn ngập những đợt sóng vàng lấp lánh lan theo chiều gió, trải từ tây sang đông. Các đường chân trời dường như được nói rộng ra. Khắp nơi, cuộc sống thanh bình muôn màng trôi dạt trong buổi hoàng hôn thoảng dăng, dưới gầm trời tự do. Tôi nghe thấy tiếng thở dài khoan khoái của dòng sông. Chiều hôm nay mùa khô tựa hồ đã áp sát bờ bên kia. Mây mù bao ngày tan đi, mặt nước như sống lại. Bên kia sông, phía trời xa, thành phố vĩ đại bám đầy nắng chiều và hơi ẩm đang chậm rãi xoay mặt về hướng vùng dương đang từ từ xuống thấp. Dọc con lộ ngang qua đồng trống những chiếc xe vận tải trông như đang bay lơ lửng trong sương.

Ngồi cả buổi chẳng câu được gì nhưng tôi và Tú chỉ quay về khi nhà ăn thúc kẻo giờ cơm. Tiếng dùi sắt đập vào vỏ gang của quả bom cầm vang dội, lan xa trên mặt sông bát ngát chiều tà. Đi qua chỗ Quang đang ngồi ngây lạng tôi kéo anh cùng về. Tú nói đùa:

- Ngày mai tới phiên anh được ra Bắc rồi vậy mà hôm nay định trầm mình hay sao thế, anh Quang?

Người Quang gầy nhom, vồ vàng, lưng gù gù.

- Tở chưa định về quê - Quang nói - Tở còn phải đi tìm cô ấy. Tở sẽ đi khắp mọi miền, sẽ đi tìm dọc theo các con sông. Khó khăn đến thế nào tở cũng sẽ gặp được. Với lại bây giờ đã mùa khô rồi, sẽ đỡ khó khăn hơn.

- Phải rồi, đã mùa khô...

Khi mùa khô đến, tình thế nhất định sẽ phải khá lên, ấy là niềm hy vọng được lặp đi lặp lại đã trở thành như là một thói quen, hoặc có thể nói, như là một tín hiệu của tất cả những người lính đã trải nhiều năm chiến trường.

Mùa mưa âm u dẫu dài bất tận nhưng rồi cũng đến lúc phải ngưng. Và thế là cùng với vùng dương rực rỡ, cùng với khung cảnh nắng ráo, lòng người lại trỗi dậy niềm tin tưởng quen thuộc rằng mọi sự sẽ tốt đẹp lên và cuộc sống sẽ lại bắt đầu dưới ánh mặt trời.

Lần đầu tiên sau non nửa năm sống chung buồng với nhau ở trại an dưỡng, tôi thấy Quang không ủ rũ. Buổi tối hôm đó, trong cuộc nhậu chúng tôi tổ chức để tiễn anh, anh uống nhiều, và dường như bội phần hăng lên.

- Tổ đã ngầm kỹ rồi. Mai một khi đã tìm được nhau, vợ chồng tổ sẽ ở lại luôn trong này chứ không trở ra Bắc, - Anh mơ mộng - Trong Nam này, đất đai đồng ruộng vô vàn, sông hồ cũng mệnh mông bất ngát, lo gì không chôn nương thân. Với lại, người dân trong này hợp tính với linh mình. Họ không cô hủ, đúng không. Và họ rất rộng lòng...

Hôm sau, Quang khoác ba lô rời trại song không lên ô tô mà một mình cuộc bộ, Và không đi về phía thành phố, không đi lên hướng bắc, chậm rãi anh đi xuôi dòng sông, lẳng lẳng bắt đầu cuộc rong ruổi đường trường đi tìm lại người thân yêu thuở xưa và đi tìm miền nương thân mới.

Mấy bữa sau đến lượt Khương. Rồi Tú. Trại an dưỡng vẫn dần. Không có nhiều những ước hẹn gặp lại. Lặng lẽ chúng tôi xiết chặt tay nhau, nhìn vào mắt nhau thâm an ủi và động viên nhau lần chót. Chúng tôi đã từng đồng đảng biết bao và hùng mạnh biết bao. Và chúng tôi không phải chỉ là một đạo quân, chúng tôi còn là cả một sự nghiệp lớn lao, một sự đồng lòng vĩ đại. Giờ đây, mỗi người mỗi ngã, bèo dạt mây trôi, song lòng dạ không đổi thay, lý tưởng chiến đấu cháy bỏng suốt thời trai trẻ sẽ còn sáng mãi đến trọn đời anh em chúng tôi.

* * *

Trước hôm rời trại ít lâu, tình cờ tôi đã được gặp Loan, người bạn gái cùng phố và cùng lớp ngày xưa. Cô vận quân phục, hàm thiếu úy quân y, tóc cắt ngắn, người gầy gò, xanh tái, mang súng ngắn và xà cọt theo tháp tùng một vị tướng thầy thuốc. Tôi đứng ở cửa phòng, nhắc thấy ai đó có nét tựa như Loan giữa đám quan khách vừa từ ô tô xuống đang đi ngang qua sân trại, liền gọi liêu lên: “Loan! Loan sữa”! Vậy mà đúng là Loan thật. Cô giật mình, đứng sững lại. Nhận ra tôi, người Loan như run lên, mặt nhợt đi, môi lắp bắp một nụ cười yếu ớt. Tôi mời Loan vào phòng. Đến hôm đó quân số của phòng còn lại có một tôi. Căn phòng trống vắng và có vẻ gì như âm ỉ. Tôi mở toang các cửa ra, và quơ gọn màn chiếu vào góc lấy một chỗ ở đầu giường cho Loan ngồi, rồi tôi pha trà, tôi bày bánh kẹo lên bàn. Bàn kê cửa sổ, trông ra vườn. Gió chiều nhẹ thổi, phảng phất hương thơm và tiếng lá rì rào. Loan bảo là đã bao năm rồi mới nghe có người gọi tên cô lên kèm với cái biệt danh thuở học trò, cái biệt danh ngọt ngào và thân ái như vậy mà buồn cười làm sao hồi ấy cô lại luôn luôn coi nó là một lời chế nhạo tai ác của bọn con trai trong lớp. Bây giờ thì trái lại, nó làm cô muốn khóc. Chỉ có điều bây giờ có lẽ chỉ còn được một nửa của Loan “sữa” ngày ấy, mà cũng có thể là chẳng còn gì, Loan bảo thế. Còn bọn con trai tai ác ngày ấy, cô nói, thì giờ đây nào biết ai còn ai mất.

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi một tiếng đồng hồ, khi vị tướng của Loan đi thăm suốt lượt khu trại, Loan và tôi ngồi cạnh nhau, bên ô cửa sổ rộng mở, ký ức dạt dào và chứa chan hoài cảm, chẳng khác nào cặp uyên ương của một mối tình già đang chậm rãi chuyện trò và sưởi nắng. Không để ý đến thời khắc hàn huyên đang trôi qua chóng vánh, chúng tôi mãi mê trò chuyện với nhau về khu phố, về trường Bưởi, về lớp 10 C và về những người bạn thuở thiếu thời, một lứa bạn bè mà như Loan nói là đã cùng nhau trưởng thành lên trong hầm trú ẩn và đã cùng nhau hy sinh ở chiến trường.

Sau Tết năm Quý Sửu 1973, Loan kể thế, năm hòa bình ở miền Bắc, ngay trước ngày nhập ngũ Loan được dự cuộc họp mặt của các học trò cũ lớp 10 C tổ chức tại nhà cô giáo chủ nhiệm. Trong buổi hội lớp ấy, cánh con trai chỉ có mỗi mình Khoa “cô chiêu”, mới tốt nghiệp đại học văn khoa ở Liên Xô về, còn thì toàn bọn con gái. Thành thử không khí của buổi hội lớp nặng nề ngậm ngùi. Vui tươi tung búng sáo được khi mà một lớp học vắng mặt đến quá nửa, và nhất là hễ cứ hỏi đến ai trong số những người vắng mặt thì lại phải nghe trả lời rằng người đó đã hy sinh, hoặc hình như đã hy sinh, hoặc từ lâu rồi không tin tức. Tin tức về các bạn trai của Loan ở những lớp 10 khác cũng vậy, và cả ở khu phố nữa. Cho tới hôm nay tôi gần như là người duy nhất trong đám bạn bè con trai đã ra đi ngày ấy mà Loan còn gặp lại.

Thực ra, ngoài tôi, Loan còn gặp được một người nữa cùng phố, tên là Hải. Hai người gặp nhau tại trạm phẫu tiên phương mặt trận Thượng Đức, mùa mưa năm 1974. Trước khi vào chiến trường, Hải là công an hộ tịch ở khu phố nên thoáng thấy Loan là anh nhớ ra ngay, nhưng Loan thì trước đây không hề biết Hải, mà đâu có từng biết cũng không tài nào nhận ra. Hải bị thương rất nặng, người nát dập ra, cả khuôn mặt cũng vậy, chỉ còn chừa đôi mắt, mở to, ráo hoảnh, ngời lên vì đau đớn. Sau cuộc giải phẫu, khi đã tan thuốc mê, đau đớn tột cùng, vậy mà Hải lại cực độ tỉnh táo. Suốt đêm, trong căn hầm hậu phẫu, Loan không một lúc rời Hải, cô cùng anh thao thức chờ đón bình minh. Ngoài hầm mưa rừng như thác đổ và tiếng đại bác nổ khi cấp tập khi cầm canh. Hải bảo Loan nằm xuống bên cạnh, anh bảo cô

luôn tay dưới gáy anh để anh được nằm gối đầu lên tay cô. Hải chết lúc tảng sáng, nhưng sau khi đã chết người anh không cứng ra và không lạnh đi ngay, mà còn lưu mãi hơi ấm cho đến lúc Loan gỡ mình khỏi thi thể của anh.

Tôi nhẹ nắm bàn tay Loan. Bóng chiều êm ả và những kỷ niệm nặng trĩu khiến hai chúng tôi như mê mẩn dần đi trong nỗi đau buồn và tình thân ái. Mãi đến khi ngoài sân còi ô tô đã bấm inh lên gọi Loan, chúng tôi mới như vực tỉnh. Anh hoảng hồn hồng rực lửa qua ô cửa sổ, tràn ngập căn phòng. Ngoài vườn cây gió chiều lồng thoi, dào dạt sóng lá. Tôi giữ lấy tay Loan, níu chặt.

- Đứng, - Loan nói, thăm thì, nhẹ nhẹ rút tay ra.

Lặng lẽ chúng tôi ngã vào nhau, rồi lặng lẽ dứt khỏi nhau. Loan chạy vội ra xe, còn tôi đứng lại trong phòng.

Hai hôm sau tôi nhận tờ lệnh giải ngũ. Vĩnh biệt cuộc đời bộ đội. Tôi ra đi lúc hừng đông. Mặt đất ẩm ướt bập bùng dưới chân. Từ công khu trại an dưỡng mà ở trong đó giờ đây đã chỉ còn là những dãy nhà gần như trống vắng vẫn thông thả văng lên hồi keng báo thức quen thuộc của nhịp sống quân ngũ mỗi ngày. Tiếng rền của quả bom cầm bắt đầu sự trở mình thức dậy của phong cảnh vùng ven sông.

Nặng lóe chéch vào tận mặt, tôi sụp vành mũ cúi xuống và rảo bước. Mùa khô mới đó mà như thể đã đến từ lâu trên miền ngoại ô mù mịt bụi, trên những trục đường căn cỗi, thẳng đuột, không có lối rẽ còn rải rác xác xe tăng, trên những nghĩa địa ven đường, trên mái những dãy nhà kho và xưởng máy đã bị lột hết tôn lợp, trên các tấm pa nô quảng cáo ăn đây vết đạn liên thanh, trên nóc nhọn những ngôi nhà thờ nhem nhuốc vùng ven thị, trên các bờ tường sứt lở, các công gạch đổ xiêu, trên những cánh cửa kính vỡ nát, trên những bãi chợ và trên sân các xa cảng đang dần dần tập nập trở lại. Cõi trời Nam sau công cuộc Thống Nhất đầu còn nửa hoang tàn nhưng đã mở ra biết bao nhiêu là triển vọng huy hoàng của tương lai xán lạn. Chặng đường đi tới tương lai còn xa vời vợi nhưng mà tuổi đời của hầu hết anh em chúng tôi những chiến binh của các sư đoàn chiến thắng còn dư đủ để được sống tới ngày chạm tay vào tương lai tốt đẹp.

Chỉ có điều, khi đã mang nặng trên vai dĩ vãng chiến tranh nặng nghìn năm tuổi thì dù còn đang trẻ đến đâu, đối với chúng tôi phần đời đáng sống nhất đã sống rồi. Nếu rồi đây không may phải sống đời bất hạnh thì chúng tôi sẽ tự nhủ lòng rằng không sao cả bởi có thấm thía gì đâu, bởi có nỗi khổ nào của ngày hôm nay sánh bằng những đau khổ đã trải qua trong chiến tranh, và trái lại, mai đây dù được sống sung sướng tới thể nào chúng tôi cũng biết chẳng hạnh phúc nào bằng hạnh phúc ngày đã qua. Chiến tranh và đồng đội, ấy là tình yêu của chúng tôi, lớp trẻ trưởng thành lên trong hầm trú ẩn và làm nên ý nghĩa cuộc đời mình trong trận mạc.

Bằng chứng

Hành động can đảm cứu người của thằng con út khiến Minh nấu ruột, anh cứ nghĩ mãi và cứ buồn mãi. Vì rằng cậu ấm quý tử suýt chết, hẳn rồi, song không phải chỉ vì thế. Bữa đến nhà tôi chơi, kể chuyện đó và thô lộ tâm sự, nom Minh quá mức đắm chiêu, có lúc như người mất hồn.

Thằng Hùng con anh quả là gan dạ. Chiếc xe tải chở tổ công tác của nó đang vượt một con đèo vắng ở miền núi tây Quảng Nam giáp Công Tum. Tài xế loạng quạng sao đó làm đổ xe. Chiếc xe chỉ lật nghiêng bên rệ chứ không lộn nhào khỏi mặt đường, song một thành viên trong tổ ba người của Hùng lại bị văng xuống vực. May phúc làm sao, đã rớt tới lưng chừng vách núi thì cậu ta được một cành cây chìa ra níu lấy. Tài xế bị thương, chỉ còn Hùng và một người nữa, lại là phụ nữ. Thằng Hùng một mình bám gờ đá lặn xuống cứu thoát được người bạn đang lơ lửng vực sâu ngàn cây treo sợi tóc.

Hành động ấy dĩ nhiên là rất dũng cảm song lạ cũng sự thường, rất nhiều người trong hoàn cảnh tương tự cũng sẽ làm như thằng Hùng. Điều khiến Minh sửng sốt, không sao tin nổi, ấy là độ cao của cái vách núi dựng đứng. Theo như lời anh bạn được Hùng cứu sống thì từ chỗ chiếc xe bị lật tới chạm đáy khe là gần năm chục thước. Với một cái độ sâu rợn gáy như thế, đừng nói lặn xuống, ngó xuống thôi thằng Hùng cũng không thể, Minh quá biết cái tật bẩm sinh ấy của thằng con. Nó bị chứng hải hùng độ cao. Không phải vì có bệnh tim, không có duyên do gì hết, chỉ cứ sợ, sợ khủng sợ khiếp vậy thôi. Từ nhỏ đã như thế. Luôn luôn ác mộng của thằng bé là ác mộng đang đứng mấp mé bên một cái gì đó thăm thẳm và dựng đứng. Nó không hết lên được, chỉ vì chết lặng trong cảm giác sắp ngã vào khoảng trống ghê rợn mà choàng tỉnh khỏi giấc chiêm bao. Lớn lên tật đó vẫn không mất đi, mà như càng ám ảnh. Không có chuyện thằng Hùng treo cây hay nhảy cầu ở bể bơi. Nó không bao giờ ngồi lên bệ cửa sổ như bọn con trai vẫn thường ngồi như thế tán dóc với nhau. Thanh niên rồi mà nhìn trên tivi thấy người ta nhảy dù nó nhắm tịt mắt lại và mồ hôi rịn ra. Đến bây giờ mỗi lần phải lên máy bay là mỗi lần tự nó chịu cực hình và âm thầm chống chọi để không tỏ ra quá thảm hại trước sự bình thản của hành khách ngồi bên.

Ấy vậy mà nó lại hành động như vậy. Nó giấu không kể, Minh biết chuyện là do cậu bạn được cứu sống đã cùng bố mẹ đến tận nhà anh để cảm ơn. Hôm sau, bố con trò chuyện, để thuận cho lời khuyên can, trước tiên Minh khen cái tinh thần vì bạn quên mình của thằng con. Nhưng nó lại lắc đầu bảo rằng điều xui khiến nó không phải là cái chết cận kề của bạn mà là chính cái vực thẳm. Nói năng chẳng bao giờ mạch lạc, thằng Hùng giải thích một cách rất khó hiểu giây phút liều mạng của nó, nhưng Minh hiểu, tai nạn xảy ra trên đèo đã cho thằng con anh một cơ hội tự nhiên, bất ngờ, không chủ ý để đối diện với nỗi sợ hãi đáng căm ghét đã hằng bao nhiêu năm chế ngự con người nó.

- Không phải vì muốn tỏ ra khiêm tốn mà nó nói vậy đâu, - Minh nói, xoay xoay ly rượu trên tay, giọng rầu rĩ - Mà là nó bộc bạch thật tình với mình thực chất hành vi của nó. Thằng Hùng từ bé đã luôn làm mình ngạc nhiên, ngạc nhiên quen rồi, nhưng cái lần ngạc nhiên này làm mình thật sự rối trí, thoát đầu choáng váng sau thì u uất buồn khổ không chịu được, đã bao nhiêu ngày rồi ông ạ.

Tôi nhìn về mặt Minh mà chẳng nhận được cười.

- Ông sao vậy ông Minh, già lú lắm cảm rồi hay sao? Mạnh dạn đối diện với vấn đề của mình, còn cái nó ý chí được như thế là quá quý quá mừng. Không tự hào không hãnh diện về nó thì thôi, lại buồn khổ sâu não là thế nào, cứ y như là đã nó làm điều gì xấu xa tồi tệ vậy.

- Ờ thì đành là thế, nhưng ý mình không phải vậy ông ạ, - Minh lúng túng tìm lời - Nghĩa là, đại khái mình muốn nói mình buồn bực vì rằng sao mà thằng con nó chẳng giống gì mình. Nó khác quá... Thoạt nghe người ta kể chuyện nó cứu bạn nó, từ trong thâm tâm lập tức mình tự hỏi: hồi bằng tuổi nó mình có làm vậy không? Bề ngoài thì có. Chẳng hạn, mình cũng đã từng cứu người... À, mà chuyện này ông cũng chứng kiến, hồi đi học sơ tán, ở đò Mế Sở ấy, nhớ không? Thấy bà già đó bị ngã khỏi đò, mình liền nhảy xuống cứu. Chỉ một mình mình. Bạn bè mây đứa đang cùng trên đò, có cả ông nữa, thì không. Nhưng chẳng phải mình gan anh hùng còn bạn bè là lũ nhát. Chẳng qua vì mình bơi rất giỏi, tự biết thừa sức cứu được bà già, còn ông và các bạn khác bơi kém, lao xuống chết chắc, lao xuống làm gì...

Cho nên cái cách của mình hành động hồi độ với của thằng con mình mới đây, càng ngẫm càng thấy quá là khác nhau. Bố con mà hoàn toàn trái dấu, sao lại có thể như thế được cơ chứ?

Người ta nói chung không thích Minh. Một nhân cách rời rạc, cứng đờ và tẻ ngắt, người ta cho rằng thế.

Tôi cũng phần nào thấy như vậy, tuy nhiên vẫn quý anh, dù chẳng thân lắm. Hai chúng tôi chơi với nhau từ bé, lớn lên mỗi người mỗi cảnh song vẫn đều đặn với nhau. Minh không đến nỗi quá mức tẻ ngắt. Anh cũng có những nét riêng khá là thú vị. Và đôi khi trong lúc chuyện trò tâm sự anh cũng bộc lộ những ý nghĩ không phải là không độc đáo.

- Không hiểu thế nào ông ạ, từ suốt bao nhiêu năm qua, hễ cứ nghĩ về chuyện gì liên quan đến tính nết của thằng con là mình lại có ngay câu hỏi: hồi bằng tuổi nó bây giờ mình có vậy không nhỉ. Và câu trả lời thường là không, mình không như vậy! Tại sao? Nó chuốc lấy cái tính ấy từ ai?

Tôi bật cười, tuy nhiên đã thoáng dậy một chút kinh ngạc.

- Cái ông này! Bố gì mà lại đi băn khoăn lẫn lộn thế. Con giống tính bố là dĩ nhiên, nhưng con khác tính bố cũng là dĩ nhiên.

Minh thở dài. Mặt không chỉ buồn bã mà sa sầm. Như vậy nỗi niềm sầu muộn của tay này không phải vô duyên vô cớ, mà là có nguyên nhân chủ đích chi đây, tôi nghĩ.

- Thằng con mình, - Minh nói - bản chất là nhút nhát, nhưng ngoài mình là bố nó chẳng ai nhận ra. Khi còn là thằng cu tý nó rất ít khóc ít cười, ông bà nội ngoại đoán là thằng này tư chất cương nghị, riêng mình biết là không phải vậy. Nó nhát lắm, động tý là giật mình, là tè dầm ra, là mếu máo chực khóc, có điều hình như nó nghiền răng lại để không khóc. Từ đâu mà lại có kiểu đó chứ... Kìa, ông đừng có cười, cứ để mình nói tiếp. Lớn lên, đi học, thằng Hùng lại bị mạng tiếng là lý bướng. Với người lớn, với cả thầy cô giáo, nó chẳng biết đường chào hỏi thưa gửi cứ găm mặt xuống, lí nhí, lúng búng. Thầy giáo hỏi bài, rõ ràng là trả lời được nhưng nó khăng khăng câm như hến. Ai cũng bảo nó gan cóc tía và hèn. Có phải đâu, trái lại, nó thế là vì nó nhút nhát, rụt rè, ai ai cũng làm cho nó ngượng ngập, e sợ. Thương con mà cũng rất bực. Không phải bực nó nhát, nhát có là lỗi làm đâu. Minh bực là bực làm sao nó cứ cố ngược lại với bản tính của nó. Minh chẳng hề như thế, tại sao nó lại thế. Ông tưởng tượng được không, rất nhát mà nó rất hay đánh nhau. Đánh nhau với bạn học, với bọn ở lớp lớn hơn, rồi cả với bọn ngoài phố. Một dạo, ở công trường học luôn tụ bạ một lũ chuyên trợn lột học sinh. Bọn bạn thằng Hùng dứ dứ cũng nem nẹp công nộ, thật ra cũng toàn thứ vật vãnh, giấy bút, tiền quà sáng. Nhưng thằng Hùng lại cố tình chống cự. Ngày nào cũng bị bọn kia đánh cho brou đầu sứt trán. Biết chuyện, khuyên nó, nó không nghe, mình đành phải xin chuyển trường cho con. Bực nhất là mình thừa biết con mình có hùng dũng gan góc gì hơn ai đâu. Và cứ nghĩ mà buồn là sao nó quá khác tính mình. Hồi đi học mình không những chẳng nhút nhát mà lại ngăm có vài thế võ được ông anh cả bày cho, nhưng chẳng bao giờ mình tham gia vào đánh lộn. Tôi không đụng anh, anh chớ đụng tôi. Hồi sang Liên Xô học mình vẫn giữ vững nguyên tắc ấy. Hồi đó chưa có bọn đầu trọc như bây giờ nhưng cũng đã xảy ra đánh lộn giữa sinh viên nước ngoài với bọn thanh niên đường phố. Không ít vụ trở thành to chuyện. Minh không hề can dự. Nhưng mình cứ thoải mái đi một mình ngoài phố, chẳng kẻ nào dám gây sự. Trong khi đó có mấy đứa bạn mình đã bị bọn lưu manh nện cho như tử lại còn bị Sứ quán đuổi về nước.

Bình thường đến tôi chơi Minh ngồi không lâu và dứt khoát từ chối rượu. Nhưng nếu đã có một chút gì đó tâm tư thì anh lại hết ly này tiếp ly khác. Và cứ nói mãi, nói mãi, không chịu dứt ra về.

- Có một chuyện, không đáng nhớ gì mà không hiểu sao mình rất hay nhớ lại. Khi đó thằng Hùng mới mười tuổi. Hai bố con đi dạo. Hùng muốn ăn kem, mình mua cho nó. Nó đứng ở vỉa hè Tràng Tiền, trong tay cầm cây kem, vừa định đưa lên miệng, thì một thằng nhãi lớn hơn nó xấn tới giật lấy chạy mất. Thằng bé ngớ người, ngờ ra, không hiểu. Có thể nói là lần đầu tiên đụng sự đời mà, nom thương quá, mình nắm tay nó bảo, thôi con, bỏ đi, để bố mua cho que khác. Minh chưa dứt lời, thằng con giằng tay ra, xồng xộc đuôi lao theo thằng kia. Minh hét gọi nó và chạy theo nhưng không thể. Phở xá, ngã tư, đèn xanh đèn đỏ, xe cộ kìn kìn, thằng Hùng lao phứa qua, chạy mất hút. Ông hình dung mình sợ hãi đến thế nào. Hú hồn, chạy tới gần giữa phố Ngô Quyền, mình chạm ông con từ một con hẻm thất thểu bước ra. Nó nằm khư khư trong lòng bàn tay cái que lõi của cây kem còn dính một tỵ kem màu

xanh. Chưa bao giờ mình nặng lời với con. Vậy mà khi ấy mình chộp lấy nó, quát mắng nó, dết dít nó. Về đến nhà vẫn còn đang đầy giận dữ. Đây lần đầu hai vợ chồng mình cãi nhau khóc liệt. Cũng là lần đầu tiên mình quát vào mặt Lan mỗi hoài nghi của mình về thằng con của cô ta. Cũng từ đây cái ý nghĩ kinh khủng và vô lý ấy cứ càng năm càng lớn lên, cắm rễ sâu hơn trong đầu óc mình... Đến cái vụ gan anh hùng vừa rồi của thằng con thì mỗi nghi ngờ đã thành dứt khoát, rành rành. Hiển nhiên, ông ạ.

“Nhưng mà nghi ngờ cái gì?”, tôi định hỏi nhưng rồi thôi ngay, vì đã chợt hiểu ra điều Minh muốn nói.

Hai vợ chồng Minh Lan và tôi thuở học trò là bạn bè, cùng phổ cùng tuổi cùng lớp. Với Lan thì tôi và cả Minh nữa hoàn toàn vô tư tình bạn bè, tuyệt đối không có thêm thắt gì. Học xong phổ thông, tôi nhập ngũ, còn Lan và Minh, người sang Nga người sang Đức. Sau chiến tranh trở về gặp lại nhau, tôi không hề thấy Lan đối với Minh có biểu hiện gì khác ngày trước. Tới khi nhận được thiệp mời đám cưới của họ thì tuy có phần ngạc nhiên nhưng tôi cũng thấy cặp này lấy nhau là đúng quá. Bởi tôi biết Minh mê mệt Lan từ hồi cuối cấp Ba, và trải qua bao năm anh vẫn bên bỉ, dai dẳng chờ đợi Lan đáp lại tình cảm của mình. Cô đồng ý lấy Minh là hợp tình hợp lý.

Cho đến nay, như tôi thấy, thì Minh và Lan cũng như mọi cặp vợ chồng trên đời, sau nhiều năm chung sống có thể nói là họ hạnh phúc mà cũng có thể nói chẳng hạnh phúc gì. Một gia đình ổn định, thuận hòa tương đối, tâm tâm vậy thôi. Hẳn là không ít chuyện xảy ra, song được ẩn kín đáo trong nội bộ gia đình.

Con đầu lòng của họ là một cặp bé gái sinh đôi. Nhiều năm liền tôi thấy Minh có vẻ không được vui lắm về điều đó. Khi vợ sinh con trai, anh bộc lộ niềm vui sướng có thể nói là thái quá, nhưng cũng là dĩ nhiên thôi, ai chẳng thế. Có điều, hơi là lạ, suốt bao nhiêu năm qua cứ nói về thằng con là Minh lại sung sướng khoe khoang cái sự nó giống anh y chang. Thì đúng là như thế, tôi có thể làm chứng. Nếu lược đi những sự khác biệt do chênh lệch mức sống giữa hai thế hệ, thì tôi thấy rõ ràng thằng Hùng những năm nó mười một tuổi, mười ba tuổi, mười lăm, mười sáu hay hai mươi tuổi vẫn vẫn, chính công là bản sao mặt mày bộ dạng của Minh hồi anh cùng những độ tuổi ấy. Nhưng thế thì có gì là đặc biệt đâu mà anh phải hãnh diện nhấn mạnh mãi như vậy. Tất nhiên là trước đây tôi chỉ lấy làm buồn cười thôi chứ không để tâm, song giờ thì tôi đã chợt hiểu vì sao Minh lại thế.

Bao nhiêu năm qua tôi giao thiệp với gia đình họ hoàn toàn chỉ theo nghĩa là một người bạn của anh chồng, quan hệ bạn bè ngày trước với cô vợ không còn dấu vết. Tôi không để tâm để ý nên không biết gì về Lan bây giờ nữa ngoài cái sự cô ta là vợ Minh, đồng thời cũng đã quên sạch những gì về Lan ngày trước.

Ngày trước, chúng tôi bạn bè một nhóm bốn đứa chứ không phải chỉ ba. Không chỉ gồm tôi, Minh và Lan, mà còn Tuấn. Tuấn “bột”!

Phải rồi! Tính nết của thằng Hùng qua những gì bố nó vừa miêu tả, chính là tính nết của Tuấn ngày xưa. Không phải vậy sao.

Con nhà cán bộ cao cấp, lại là con một, Tuấn được cưng chiều tột mức. Thành ra ngù ngờ, vụng dại và đại nhat. Có điều, giống thằng con của Minh bây giờ, hồi đó phải người thân thiết gần cận lắm mới biết Tuấn là thằng nhat. Còn ở phổ ở trường người ta chỉ thấy một thằng Tuấn không có vụ đánh lộn nào mà không có mặt và thường xuyên bị giã cho như đòn. Sợ thầy sợ cô một phép nhưng lại lừng danh ương bướng. Và bởi vì là hạng con nhà nên vụng về lóng ngóng, song bi đáo kháng xềng tuốt mo mọi trò của con nhà nghèo, Tuấn chơi tất. Đại khái nó là thằng như thế.

Tôi không biết Tuấn có bị tật sợ độ cao hay không, nhưng cái chứng sợ tiếng nổ thì hiển nhiên, nó chẳng giấu được ai. Từ lúc còn nhóc tỳ tới tận cuối lớp Mười lớn ngọc rồi mà ba ngày Tết đi chơi với chúng bạn dọc các phố, Tuấn vẫn luôn trong trạng thái căng hết cả người và không ngớt giật mình thon thót. Pháo cối, pháo đùng, pháo dây và cả pháo tép đều làm Tuấn sợ. Dĩ nhiên là nó gồng mình lên, không tròn trong nhà, không bịt tai, lại còn đua đốt pháo đua ném pháo nghịch pháo với chúng tôi, nhưng sợ thì vẫn hoàn sợ. Vào lính rồi, trận mạc mấy năm rồi vẫn vậy, vẫn sợ khiếp tiếng nổ. Thằng như thế mà từng nổi tiếng khắp trung đoàn là một tay súng B41 siêu hạng sẵn xe tăng.

Tôi và Tuấn nhập ngũ cùng nhau. Là con một nên Tuấn không thuộc diện, nhưng nó làm rất dữ dội

với gia đình với khu đội đề được mặc áo lính cho bằng được. Biết sức nó yếu ớt, biết tính nó nhát như cáy, sợ tiếng nổ, sợ máu, sợ chuột, sợ rắn, sợ đủ thứ từ góm ghê đến vớ vẩn nhất, tôi ráo riết can, nó sùng sộ chực nện tôi. Cùng tiểu đội tân binh với nhau, thương nó vô cùng mà không thể đỡ đàn gì được cho nó, một thằng công tử bột con ông cháu cha lần đầu nếm mùi khô ải, bởi động vào giúp nó thì chết với nó. Trên dọc đường vào Nam cũng vậy, tôi chỉ có thể lảng lảng nhìn nó vật lộn với bản thân nó qua từng chặng đường, con dốc, dòng suối, qua từng trận bom.

Vào tới B3, may sao, tôi và Tuấn được quân lực phân về cùng một đại đội. Đã thân, càng thân nhau hơn. Tuấn trưởng thành nhanh hơn tôi nhiều. A phó, A trưởng, rồi B bậc phó, B bậc trưởng chỉ sau có hai mùa khô. Tôi không hề ngạc nhiên. Khắp tiểu đoàn, rồi cả khắp trung đoàn, mọi người đều nói về Tuấn với niềm mến phục, thông minh, tháo vát, xông xáo năng nổ, và đặc biệt là sự kiên cường, lòng dũng cảm, tinh thần xả thân vì đồng đội.

Nhưng tôi biết rằng không phải thế, đúng hơn là không phải chỉ thế, bạn tôi còn hơn thế nhiều, vì rằng anh không thay đổi, anh vẫn thế, vẫn Tuấn “bột” ngày nào.

Sau chiến dịch 72, Tuấn đi học nửa năm ở trường quân chính Mặt trận, rồi lại trở về đơn vị làm đại đội trưởng với hàm trung úy chính hiệu. Tôi thì trung sĩ nhưng đang tạm quyền chính trị viên phó, vậy là hai thằng càng sát cánh bên nhau. Ngay trận đầu tiên sau ngày trở lại đơn vị, Tuấn đã thể hiện sự vượt bậc của mình về tài chiến trận và năng lực chỉ huy. Bình tĩnh, cứng rắn, phán đoán giỏi, quyết đoán nhanh, khôn ngoan, tinh táo v.v... hơn hẳn trước khi làm C trưởng, ai cũng thấy thế. Còn tôi, sát cạnh bên Tuấn, tôi thậm chí biết anh vẫn vậy. Vẫn kín đáo sợ, vẫn âm thầm nhất, vẫn một mình triền miên chống chọi với cái bầm sinh yếu đuối trong bản thân mình. Một trái còi giăng xuống chộ dù là thành linh, với tôi và với nói chung lính tráng chỉ cùng lắm là giật mình, nhưng Tuấn thì căng thẳng tột cùng, gân cốt đờ cứng. Thậm chí chỉ một tràng tiểu liên thôi bắn xéo qua đầu cũng khiến anh phải vận đến bản lĩnh. Có điều tuyệt đối không ai ngoài tôi nhận thấy. Mà thật ra tôi cũng không thấy, chỉ cảm thấy thôi, bởi trước mọi tình thế Tuấn chưa bao giờ có bất kỳ một biểu hiện bề ngoài nào của nỗi sợ hãi và sự căng thẳng.

Tất nhiên là khó tránh được đôi lúc thấy buồn cười và cả những ý nghĩ diễu cợt nữa về bạn mình, nhưng tự đáy lòng, tôi yêu quý và khâm phục Tuấn. Và tôi thương bạn vô cùng. Cùng một gánh nặng cực khổ và hiểm nguy của cuộc chiến, kẻ chẳng biết sợ là gì như tôi phải chịu đựng một, thì Tuấn phải chịu đựng gấp ngàn lần hơn. Phải cắn răng gồng mình lên hơn. Phải chịu nhọc nhằn và đau đớn nội tâm nhiều hơn tôi gấp bội lần.

Khi Tuấn về chỉ huy đại đội, cuộc chiến đã ở vào thời kỳ “sau Hiệp định”. Gạo đạn cùng mọi tiếp vận hậu cần khác dồi dào và đều đặn. Thư từ cũng vậy. Ở đại đội tôi, lượt hàng quân bưu nào Tuấn cũng được thư. Và lượt nào cũng có thư của Lan, từ Đông Đức. Tôi cũng thỉnh thoảng nhận thư Lan. Cô biết tôi và Tuấn cùng đơn vị. Là viết cho tôi, nhưng trong những thư ấy, Lan cũng không thể giấu nổi, không thể kiềm chế nổi những lời thiết tha, những lời yêu thương nồng cháy dành cho Tuấn.

Hai người bạn họ lặng lẽ mến thương nhau từ lâu, nhưng mãi đợi tới ngày chia tay, Tuấn vào bộ đội, Lan ra nước ngoài mới dám cùng nhau ngổ lời bày tỏ tình yêu và lời ước hẹn.

Sau ngày Tuấn hy sinh, thư của Lan gửi anh vẫn đều đều được chuyển về đại đội. Tôi xếp những bức thư không bóc ấy vào trong ba lô của Tuấn, cùng với bức thư trước, thành một chồng rất dày.

Tuy nhiên, tất cả những điều đó, cuộc đời, tính nết, nhân cách của Tuấn thì có liên quan gì đâu tới đời sống hôm nay của vợ chồng Minh? Làm sao một con người lý tính như Minh lại có thể nảy sinh trong lòng một mối ngờ vực hoang đường đến vậy về Hùng, một đứa con đã chào đời ở bên ngoài rất xa quá khứ mối tình đầu của vợ anh?

Hay là quả thật có tồn tại một mối liên hệ và ràng buộc bí ẩn giữa con trai của Lan với người cô yêu, dù người ấy đã hy sinh từ rất lâu rồi. Và vì là người chồng người cha nên Minh đã không ngừng bắt gặp những bằng chứng về mối liên hệ không thể nào có thật ấy. Không thể nào là có thật nhưng bằng chứng thì nhiều. Có lẽ cả bằng chứng hiển nhiên nữa. Như là khi Hùng, đứa con trai nhút nhát của Lan gồng mình trấn áp nỗi khiếp sợ bẩm sinh, đối mặt với độ cao và vực thẳm để liều thân cứu bạn, đây có phải là bằng chứng hiển nhiên?

Hỏa điểm cuối cùng

Lần này nữa vẫn vậy, không hơn gì đợt xung phong trước. Vừa mới bật dậy, rình rịch nhảy lao qua những lỗ hổng do lựu đạn đánh bục ra ở dọc bức tường bao cao quá đầu người bọc quanh khuôn viên nhà thờ, hàng quân thừa thớt của trung đội ba lại lập tức bị hai khẩu súng máy trên gác chuông quạt cho sập mặt tất cả xuống nền đá lát bong rục nặng. Và như thế là tấn công vô mặt thì hy sinh mất trung đội trưởng Thoan với non nửa tiểu đội, bây giờ tốp đội hình từ tứ phía xông rả vào đến lượt trung đội phó Vân cùng hai chiến sĩ phải nằm lại giữa những ao máu. Họng súng máy gào lên, rú xé mang tạt, xả hàng tràng, hàng tràng dài đứt hơi, đạn quật đôm đốp, choang choang, nhoáng nhoáng, lia lia, chẳng chịt khắp bốn mặt sân.

- Bê bốn một...! Bê bốn một đâu? Vị...ịị đâu! - Quì một chân bên mép tường vỡ, mặt tái dại, méo đi, rùng rùng mồ hôi, tiểu đội trưởng Dưỡng thét gào lên gọi xạ thủ chống tăng. Nhưng còn đâu B41. Vị đã nằm lại ngoài sân. Mà dầu còn thì B41 vị tất có thể làm trầy da cái tháp kiên cố kia.

Phía tay phải Dưỡng, tháp thoảng trong khói, một tốp bốn chiến sĩ còn lại của tiểu đội hai lúp xúp chạy khom qua khoảnh vườn đằng trước ngôi nhà gỗ của linh mục lúc này đang ngùn ngụt cháy. Bên trái, Dưỡng nom thấy Tào lế ở A3 đang di chuyển dọc theo bờ tường, vừa vận động vừa chọi còi cá nhân lên tháp chuông. Chẳng nên trò trống gì, đạn M79 toàn các - đoành gõ khan vào gờ tháp.

- Lại đây! - Dưỡng hét - Tào...ào...!

Vừa lúc đó ở nơi nào đấy trong bãi chợ sau lưng Dưỡng dòn dập vang lên tiếng nổ định tai của thượng liên 12 ly 8, và cũng chính lúc này anh mới nghe thấy tiếng động cơ xe tăng sầm sầm dội tới. Khói trùm kín bãi chợ đang ngùn ngụt cháy che khuất chiếc tăng nhưng tiếng đạn quét tới... càn - càn - càn... nghe đã rất gần.

Tào trườn nhanh lại cạnh Dưỡng. Đạn thượng liên xối tới, rê những luồng không đều nhưng cặng rất. Vội vữa tung tóe. Làm gì, làm thế nào bây giờ hả? Tào hốt hải nhìn Dưỡng, khẩn khoản hỏi bằng cặp mắt trợn lé lên. Dưỡng nghiêng răng. Bây giờ chỉ mỗi anh là Đảng viên, bây giờ chính anh phải chỉ huy, chính anh phải ra lệnh, nhưng chỉ gì, lệnh gì bây giờ.

Vẫn chưa nom thấy xe tăng nhưng có lẽ nó chỉ còn cách nhà thờ hai trăm thước nữa là cùng. Tiếng động cơ rống giật lên. Đất run bần bật.

- Chuẩn bị vọt theo tao! - Dưỡng vỗ vai Tào - Mày chặn bọn bộ binh để tao áp sát trị thẳng tăng.

Bọn trên tháp chuông như ngửi thấy ý đồ của anh liền bắn xả vào khúc tường đổ. Đạn nảy tóe, cày tung đất lên thành vô số những lỗ đảo.

Đột nhiên ở phía chợ vang lên một tiếng sét, và nhoàng một nhoàng lửa đỏ chói. Động cơ xe tăng như bị chém lia đi cùng với tiếng thượng liên câm bật. Chỉ còn nghe từ phía đó vọng tới những điểm xạ trầm và nhịp nhàn của AK.

- Xong rồi, may quá! - Tào mừng rỡ kêu lên - Đơn vị nào xơi ngon nó rồi... Tuyệt trần đời!

Dưỡng thở phào, đưa ống tay áo lên lau mồ hôi túa rùng trên mặt. Nhưng, như là để làm cụt hứng anh, đạn trên gác chuông lại đổ xối xuống, bắn xẻ dọc bờ tường và nện toang toác lên mái tôn những tốp nhà dân gần nhà thờ. Tiếng nổ rất óc. Dưỡng rên lên vì bất lực. Bây giờ giá mà có hỏa lực trợ chiến, dù chỉ một khẩu cối 60 thôi cũng được. Nhưng làm gì ra. Trung tâm trận chiến đã bật xa thị trấn. Ở khu vực chi khu và trường hạ sĩ quan thiết giáp, nơi bắn nhau ác liệt nhất suốt buổi sáng, tiếng súng đã vợi. Bao nhiêu hỏa lực mạnh đều đã vận động theo bộ binh hành tiến truy kích địch. Có lẽ giờ đây chỉ còn trung đội Ba, toán quân nhỏ nhoi là vẫn chưa hoàn thành nhiệm vụ, ì lại, trầy trật, lê lét mãi thế này ở đây.

- Tào. Gom thủ pháo của mày cho tao! - Dưỡng nói trong hơi thở gấp - Còn bao nhiêu dòn tuốt để thổi cho nó bay lên giòi.

- Lại lên à? Trời à, chết hết mất! - Giọng Tào khàn lạc đi.

Dưới họng súng máy, sân nhà thờ đã rộng càng rộng ra gấp bội, mênh mông, bằng phẳng, chói chang, muốn vượt qua thử hỏi phải đổ bao nhiêu máu cho vừa.

- Một mình tao cắt lên thôi! - Dưỡng nói - Cả trung đội dồn hỏa lực bắn yểm hộ, Mày chạy tới từng người truyền đạt như thế. Tất cả chuẩn bị. Khi nào tao khoát tay, tất cả đồng loạt bắn mạnh. Tao sẽ vọt lên.

Nhưng Tào không nghe Dưỡng nói. Anh ngoảnh ra sau, dỗi mắt vào bãi chợ mù mịt khói và tàn lửa.

- Đẳng này... đẳng này! - Tào chọt vùng nhồm lên, hét to, vẫy tay.

Tuấn “tổ quạ”, liên lạc đại đội, quần xắn vo quá gối, đang rạp mình chạy qua dãy nhà tôn ở lễ chợ. Đạn trọng liên cheo chéo sát sạt cái đầu bù xù của hắn.

- Lại đây! - Dưỡng gào và lập tức nổi xung lên - Chúi sọ xuống! Thấp xuống... uống...!

Tuấn cười rộng miệng, chạy phi tới, ngã phịch xuống.

- Thằng tổ quạ, sao mày chạy ngu thế! Chúng nó thì cắt gáo mày!

- Đừng có cần nhần - Tuấn chống tay lom còm ngồi dậy, phui phui áo - Phải cảm ơn chứ sao lại rủa. Tớ đã cứu các cậu khỏi một bàn thua trông thấy còn gì.

- Gì?

- Thế chiếc tăng thì sao, ại làm hộ quý ngài? Chính mỗ đây ạ! Mẹ kiếp, mỗ dọn phẳng cái xích của nó... Bọn trong xe chui ra mỗ tả bằng sạch. Nhưng, các cậu, anh Thoan đâu?

- Hy sinh rồi.

- Thế anh Văn?

- Nằm trên sân kia kìa.

- Tức là bây giờ cậu nắm trung đội?

- Thì sao? Mà truyền đạt gì thì truyền đi. Rút à?

- Rút con khỉ! Đại đội lệnh cho các bộ dọn mau cái nhà thờ này đi. Chân chừ thế đủ rồi.

Khẩu trọng liên lúc này như đã hóa điên, nó ngốn đạn hết băng này sang băng khác. Tiếp băng rất mau. Tiếng nổ chồng lên tiếng nổ. Và bụi, khói, mảnh thép, vụn đá tung tóe, mù mịt, đặc sệt. Dưỡng hát hăm:

- Mày thấy sao? Về bảo các bộ ở C bộ lên mà dọn... Chân chừ! Nói thế mà nói được.

- Ờ nhĩ... Hỏa điểm ác quá. Lên nữa thì chết cả... Nhưng, này, tớ bảo này - Tuấn khoa tay - Chiếc tăng của tớ còn nguyên. Khẩu DK của nó, 76 ly, thừa sức tung hê cái nhà thờ này. Mà nói vậy chứ ban nãy tớ vẫn để một thằng được sống. Chỉ động cho một báng súng, quay lơ, trối lại... Ta phải dùng nó. Nó có chuyên môn, chứ cánh ta lính chân đất loay hoay thế nào được với binh khí kỹ thuật.

- Vậy à. Tốt rồi! Tổ quạ được lắm! - Dưỡng nói, tròng dây súng vào cổ - Bây giờ đưa tao ra đây! Còn Tào, báo cho anh em biết tình hình. Nói cứ trụ vững, đừng rục rịch ló đầu ra nữa, cũng không được để chúng nó biến khỏi nhà thờ. Chờ tao. Tao sẽ dùng pháo tăng bắn tung cả lò nhà chúng nó lên.

Bọn trên tháp chuông dot M79 xuống. Đạn nổ chát chúa. Áo sơ mi bị mảnh cối xé toạc cả mảng vai, Dưỡng khom người, gần như sát đất, chạy bứt khỏi bờ tường, lẩn nhanh vào màn khói. Tuấn bám theo sau, mái tóc tổ quạ xòa rối, chân tay luynh khuỳnh, loào quào, dánh chạy vụng về. “Thấp xuống, Tuấn!” - Anh em trung đội ba gọi với theo. Đạn chớp nhặng nhặng, bên trái, bên phải. Đột nhiên, Tuấn nhảy dựng lên, húc đầu vào không khí, rồi buông rơi khẩu tiêu liên, ngã vật.

Không ngoái lại, Dưỡng nghiêng rặng vùn vụt chạy băng đi, bàn chân trần đạp lên tro và lửa. Ngạt thở. Sặc sụa khói. Chiếc tăng hiện ra lù lù một khối thép xám đặng trước.

Chiếc M41 này đơn độc đột kích vào thị trấn từ ngả nào không rõ như là đội đất trời lên, vừa bắn vừa nghiêng, âm âm tông phá, lao thục mạng thọc chéo qua khu chợ và chỉ non hai trăm mét nữa là xộc được tới cổng nhà thờ. Song vì không có bộ binh bám theo nó bị chặn đứng lại một cách dễ dàng. Bị thủ pháo giăng mắt một bên xích, chiếc tăng vật xoay ngang, va sườn vào bức tường còn lại của một tiệm vải hai tầng đã đổ sập. Vải vóc tung tóe, từng súc, từng cuộn vung vãi quanh chiếc tăng. Khói từ bao nhiêu là nhà cửa, hàng quán đang ngùn ngụt cháy bay là là trên tháp pháo.

Nấp tháp pháo và nấp khoang lái đã đội hết lên, Hai xác lính tăng sổng sượt vắt ngang trên thành xe, một xác nữa rớt dưới đất, dề lên một đồng vải trắng loang đầy máu. Tên thứ tư bị trối cứng, nằm sấp dưới gầm xe. Dưỡng túm đôi bốt đồ sô sênh sếch kéo hẳn ra. Tên ngụy oằn oại, mắt trợn ngược, cổ họng nổi gân, rên lên khản khặt. Dưỡng dốc chút nước còn sót trong bị đông vào cái miệng méo xẹo, bị đánh sưng vù của tên lính, và rút dao anh cắt túm vải ni lông đang trối xiết hai chân hẳn.

- Nào. Nào. Dậy. Khẩn trương... Đồ con khếch! - Anh túm cổ áo hẳn lôi dựng hẳn dậy - Đừng có giả ngu mà chết con nhé!

Tên lính trần mình cô cưỡng. Dưỡng quát:

- Đứng dậy! Chui vào xe. Theo lệnh tao, quay pháo nhắm cái nhà thờ kia.

- Không... không... Tôi không... - Tên lính tăng rên rĩ. Dưỡng một tay tra dao vào vỏ một tay túm tóc hẳn.

Máu mũi đồ ròng ròng, toàn thân xiêu đảo, hẳn nấc:

- Pháo bị hư... Hư rồi, không bắn được...

- Tao thì giết mày! - Dưỡng giật súng khỏi vai.

Cái phéc mờ tuya của bộ đồ lính tăng kéo xoạc tới bụng banh rộng ra bộ ngực vạm vỡ, tên tù binh hai tay bị trối giật cánh khuỷu, ngược bộ mặt thâm bầm, nhem nhuốc máu nhìn Dưỡng, rồi nhìn về phía nhà thờ, lấy bấy cặp môi rách nói nhỏ, khản khản:

- Thưa, tôi là người lái chớ không phải pháo thủ.

- Pháo thủ lái thủ gì kệ mày, - Dưỡng quắc mắt - Mày phải bắn!

Dưỡng túm vai tên ngụy, xoay người hẳn lại, dúi vào thành xe, và anh lại rút xoạt con dao găm.

- Đừng giết tôi, ông ơi... tội quá mà, trời ơi!

- Cầm miệng! - Dưỡng gằn giọng, đưa dao cắt những vòng dây đang trối giật cánh khuỷu hai cánh tay tên lính.

Gió ào qua kéo theo những luồng tro than đặc sệt. Dưỡng bật họ, trào nước mắt. Tên ngụy quay nhanh lại, xô cả tấm thân lực lưỡng vào Dưỡng. Như là chỉ đợi có thế, Dưỡng né mình, thúc mạnh một cùi chỏ và huých, anh động báng súng. Tên ngụy ngã bật ngược, đập lưng vào vành xích xe tăng.

- Thế nào? - Dưỡng hát hàm, giọng như là hiền lành hỏi han - Mày định chơi lại tao à?

- Thưa, oan tôi quá. Tôi đâu dám vậy.

- Mày muốn sống hay muốn chết?

- Dạ, trình ông... Tôi còn má, còn vợ con...

- Vậy hãy biết điều đi.

- Thưa, thiệt tình là pháo hư rồi... Bắn rồi cũng trật, làm lỡ công chuyện của mấy ông.

- Chà, thằng khốn bẻm mép! - Dưỡng cười gằn, và thúc mạnh họng AK vào bên trái ngực tên lính tăng.

- Tao đếm tới ba! Nào... Một!

Mặt tên ngụy vụt xạm thành màu đất, và méo đi, dẹt dẹt nửa như mếu nửa như đang nặn ra một nụ cười nhân nhố, nhân nhục.

- Hai!

Ngón tay trở khuỷp vào vòng cò từ từ, từ từ... Yết hầu giãn giật, mồ hôi vã túa ra, cặp mắt thất thần, tên ngụy như đang gồng lên đợi phát đạn.

Dưỡng biết rằng nếu cứ tự để cho mình đếm tới ba thì chắc chắn không may may do dự anh sẽ siết cò, nhưng chính vì biết thế mà anh tự hiểu mình sẽ không đếm tiếp. Một tên ngụy, lại có thể can đảm tới cỡ này, anh chưa từng gặp bao giờ, mà hẳn lại chẳng có vẻ gì là một tên lý lợm, điên khùng, điều này khiến anh sửng sốt. Song tên ngụy không cảm được hơi hướng của cơ may, không nhận thấy là Dưỡng đang chân chừ. Sức chịu đựng đã cạn, y khốn khổ buông thông hai tay, cả người như lịm đi trong nỗi tuyệt vọng chờ đợi.

- Này, như vậy là mày nhất trí chết à? - Dưỡng hỏi, như thể tò mò.

- Không... không... - Như mắc ngang cục nghẹn, tên ngụy không thốt nên lời - Tôi không...

- Tôi cho anh cơ hội chót, - Dưỡng nói - Anh hướng dẫn tôi sử dụng pháo và máy ngắm. Tôi sẽ bắn.

- Dạ thưa, không thể được.

- Đừng có ương nữa, mẹ kiếp, mà tao... - Dưỡng rít lên và lại thúc họng súng vào bụng tên ngụy.

Tên ngụy van vãn bằng một giọng thều thào rất lạ:

- Xin đừng giết, đừng giết... Tội nghiệp quá mà, ông... Tôi xin tình nguyện vô nhà thờ kêu mấy người núp ở trong chiêu hồi quý ông...

- Gì?

Dưỡng lúng túng. Anh bước lùi ra, họng súng chúc xuống.

- Tôi xin được tình nguyện. May thì anh em náu trong nhà chung họ nghe tôi.

- Chúng nó sẽ bắn chết anh - Dưỡng nói, mặt sa sầm.

- Tôi sẽ kêu họ thương lấy thân, thương cho gia đình vợ con. Thương dùm cho cả tôi... Họ sẽ nghe... Tin tôi đi ông..!

Dưỡng chợt nghe như có ai đó ở đằng xa réo tên mình, anh đảo mắt về phía nhà thờ. Vượt trên các tầng khói, tháp chuông với cái mái kim loại nhọn hoắt, một mình nổi lên, lơ lửng, ngao ngễ. Trên tháp, chớp lửa đầu nòng của hai khẩu súng máy vẫn không ngừng nháy lên, loe loe, nhoi nhoi.

- Chúng sẽ bắn anh chết ngóm trước khi anh kịp mở miệng, - Dưỡng nói, khoác súng lên vai - Nghe tôi, nã pháo nện chết chúng đi. Đừng có ngu!

Mặt nhìn cằm xuống, người lính tăng rầu rĩ lắc đầu:

- Thưa, pháo đầu còn bắn được.

- Tùy! - Dưỡng phẩy tay - Muốn vậy được vậy!

Người lính xe tăng cầm lấy vuông vải nỉ lông màu trắng nhàu nát mà ban nãy người ta đã dùng để trời chính y, vo nhỏ trong lòng bàn tay, rồi lão đảo nhóm dây. Lưng gù xuống, chuyênh choạng, y lê chân, đi về phía nhà thờ. - Nhanh! Rảo lên! Nước kiệu, nào! - Dưỡng đi sát đằng sau, thúc nhẹ báng súng vào lưng tên tù, nghiêm giọng giục giã.

* * *

Hai người suýt bị bọn trên tháp chuông bắn chết. Hồng học thở, mồ hôi sũng áo, cả hai cùng ngã lăn vào chân tường. Đạn lia lạnh sống lưng.

Mấy chiến sĩ núp gần đấy men bờ tường chạy tới.

- Thế nào? Thế nào, Dưỡng? - Tào lé la lên - Sao không choảng pháo? Dong thẳng kia về đây làm

khí gì?

- Pháo hồng rồi, - Dưỡng xoa xoa tay, nói - Đừng động tới nó... Nó sẽ làm tín sứ, sẽ lên tháp gọi bọn kia đầu hàng.

- Nghĩa là làm binh vận? Lãng mạn thế kia ư? - Tào thốt lên mai mỉa.

Dưỡng cau mặt. Anh cảm nhận rõ ràng sự vô ích của trò mạo hiểm nhân đức này.

Không đợi Dưỡng ra lệnh, vịn tay vào bờ tường, tên ngụy đứng thẳng lên. Mặt y tái nhợt. Giữ tung tảo vài dù, y đưa ra ngoài mép tường đồ phát phát. Một tràng đạn quật tới. Y rút tay lại. Mảnh vải rách bươm. Khẩu trọng liên ngừng bắn.

- Nó tiếp bằng đây. Đừng có ló ra, thằng kia! - Dưỡng la lên chực ngăn người tù binh lại. Song y đã rời chỗ nấp, thằng người bước qua hồng tường vỡ, lưng không không, chân lết lết đi vào sân. Dưỡng tái người. Hốt hoảng. Tim thất lại.

Người lính xe tăng đã lần ra tới giữa sân. Anh ta đưa cao tấm vải trên đầu phát lia lia.

Trên gác chuông bọn xạ thủ cơ hồ nín thở. Những giây rất dài căng ra, trôi chậm rì. Những bậc tam cấp đã ở ngay trước bàn chân người tín sứ...

Nỗi kinh hoàng căm lặng gào lên trong lòng Dưỡng, và cảm giác về cái chết chỉ trong vài tích tắc nữa của con người trần trụi phơi mình trong nắng gắt kia khiến toàn thân anh run bần bật.

Anh không kịp hiểu ngay rằng khẩu đại liên lại lên tiếng, chỉ thấy người tù binh bỗng dừng chuyển choang, chúi tới như bị vấp. Loạt đạn xả xuống nhanh và ngắn, lóe rực lên như một tia phản quang. Đội tai ù văng của Dưỡng không kịp bắt được tiếng nổ, anh không nghe thấy tiếng kêu của người bị bắn, không nghe thấy tiếng anh em trong trung đội đang ẩn sau các bờ tường đồng thanh hét lên. Sự thể xảy ra trước mắt anh vừa thoát như dao lướt vừa như một cảnh phim quay chậm: người lính xe tăng cao lớn, kênh cang trong bộ đồ áo liên quân nặng nề gục gỏi xuống, tay phải buông mảnh vải che trên đầu ra, tay trái đưa lên áp vào ngực như muốn đỡ lấy quả tim, và khi đầu gỏi chạm đất, bất ngờ anh ta đổ cả người lên mặt đá trơn, tư thế gần giống như kẻ đang khấn nguyện.

Tấm vải trắng được thả rơi, rớt xuống, xò rộng phủ lên mảng lưng áo đen xỉ máu và mồ hôi của người vừa bị đồn.

Nghen ngào một tiếng kêu, Dưỡng chạy xô ra khỏi chỗ nấp, lao vọt qua mép tường vỡ, vọt vào sân đúng lúc khẩu đại liên quật tiếp bằng nữa. Dưỡng chạy dích dắc, lưng khom xuống. Nhưng đạn không xoi về phía anh mà vẫn ác liệt nã lên lưng người lính xe tăng. Tụi trên gác chuông đã điên lên bởi căm thù. Đạn nổ xé tai, tung tóe, cày phùm phụp. Mảnh vải trắng bị hất lên, nhuộm máu, xoay lộn, bay xa khỏi thi thể đã nát ra của người lính xe tăng.

Tựa như có phép màu, chỉ trong chớp mắt, Dưỡng đã lướt chéo qua khoảng sân còn lại, lao vọt lên cả chục bậc tam cấp, rồi thế là thoát hiểm, anh đã lọt được vào bên trong thánh đường.

Quì một chân xuống ngưỡng cửa, Dưỡng kéo hai điểm xạ dọc theo hai hàng ghế của con chiên và xạ tiếp tới hết bằng một tràng nữa lên bức giảng kinh. Ba loạt tiếng nổ đình tai dội lên vòm mái mờ tối rồi trầm trầm vang vọng xuống, rền rền lan rộng trong lòng nhà thờ âm u, không một bóng người. Dưỡng lấp bằng đạn mới, rồi đi nép theo tường anh men lại phía cánh cửa gỗ dẫn vào kho đồ thánh.

Vừa áp sát cánh cửa, định đưa chân đạp thì bất thần bạn năng thúc Dưỡng nhảy lùi lại, áp người vào hốc tường. Chớp lựu đạn lóe lên. Những cú nổ liên tiếp rung chuyển thánh đường, vòm mái tường muốn sụp xuống, gạch ngói rơi loảng choảng. Đợi vài giây, Dưỡng chồm tới, lao qua đám khói đặc sệt bụi.

Ngay sau khuông cửa vỡ tan là lối lên gác chuông. Nhưng cầu thang đã bị chùm lựu đạn đánh sập xuống. Dưỡng túm lấy tay vịn bằng gỗ đang đung đưa lủng liềng, đạp chân vào tường, ngả người đu lên. Toàn bộ khung cầu thang còn sót lại kêu răng rắc, và những bậc tam cấp bị chẻ toác từ từ trĩu xuống. Nhưng Dưỡng đã trở nên gần như không trọng lượng, nhẹ bỗng và mềm dẻo, kịp vắt người lên bậc tam cấp còn dính lại ở tầng giữa chừng của tháp chuông ngay trước lúc toàn bộ khối gỗ đá, sắt thép của cầu thang đổ sập hẳn xuống. Rất may là bọn lính trên tháp chuông không bắn cũng không tăng lựu

đạn xuống. Khẩu trọng liên vẫn dữ dội nã từng tràng, từng tràng. Dường nghe thấy tiếng vỏ đạn rơi ràn rạt, tiếng hòm đạn kéo lê trên nền gạch. Thăng trên đầu Dường, cách chừng ba thước, rộng hoác ra khuôn cửa đầu cầu thang trở vào tầng thượng, mù đặc khói đạn. Từ chỗ Dường có thể leo lên đó nếu biết lựa bạm vào các dóng sắt chưa gãy hẳn của cầu thang, tất nhiên phải khéo léo, và tất nhiên phải gặp may, nếu không, phát hiện anh đang leo lên, bọn trên gác chuông chỉ cần dùng báng súng thôi là đủ...

Nhưng Dường không có ý định cầu may. Mau nhất và giản dị nhất là cho tung hê cái tháp chuông này lên. Đây không phải là tháp chuông nhà thờ, đây là hỏa điểm của quân thù!

Đề súng xuống bậc gạch, Dường quì một chân, moi trong túi mìn mo ra ba lạng thủ pháo đã lắp sẵn già đốt ngón tay dây cháy chậm. Nhét khối thủ pháo vào một hộc tường, anh rút máy lửa trong túi áo ra, mở nắp, xòe lửa. Một phát M79 giáng trúng thành tháp, hơi nổ dội qua lớp gạch dày như đánh vào mặt Dường. Anh loạng choạng suýt ngã nhào. Và anh bị mất súng. Khẩu AK nảy lên rơi văng xuống bên dưới. Nhiều trái M79 nữa nổ liên tiếp. Toán quân bao vây nhà thờ nổ súng dồn dập. Chợt, từ trên tháp vọng xuống tai Dường một giọng la lạnh lạnh mà ai oán như tiếng rên rỉ của trẻ con:

- Trời ơi, đại úy! Anh Năm ơi, coi đại úy sao rồi kia... Trời! Anh Năm! Anh Năm, anh sao vậy trời? Đại úy ôi, anh Năm ôi... tỉnh lại đi. Đừng bỏ em một mình!

Nãy giờ trên đó chỉ có ba tên, một quan hai lính, Dường nghĩ nhanh. Và bây giờ hai trong ba tên đó đã bị hạ. Cái bật lửa Zippo đã nóng rẫy, nhưng mà Dường ngần ngừ chưa vội châm ngòi bộc phá.

Thình lình, ở khuôn cửa đầu cầu thang một thằng người lao xộc ra. Có lẽ tên này còn sót lại này quên rằng cầu thang đã bị chính hấn quăng lựu đạn đánh sập nên định theo lối đó chạy xuống dưới. Hấn đứng sững lại trước hộc trống cầu thang sâu hút. Mặt hấn nhem nhuốc khói đạn và máu, tóc tai rối bù. Mắt Dường nhìn lên, mắt hấn nhìn xuống, chạm nhau.

- Hàng thì sống! - Dường gào.

- A a a... - Tên này rú lên.

Dường cứng người, nhìn. Họng khẩu AR15 nhắm giữa mặt anh. Nòng súng nảy lên. Phát đạn sát sạt mang tai Dường. Ngọn lửa trên tay anh quệt vào đầu dây cháy chậm. Không hiểu sao khẩu AR15 chỉ nã được một phát. Mũi dây cháy chậm bắt lửa, bén vùn vụt, xì ra một sợi khói mảnh.

- Nhảy mau! - Dường la lên, và nhún chân nhảy liêu xuống.

Rơi vào giữa khối gạch vỡ lỏng chỏng chồng chồng của cây cầu thang đã bị lựu đạn đánh sập, Dường ngã chúi. Anh bật chồm dậy, nhưng “huych”, anh lại bị xô ngã. Từ trên rất cao, tên lính nhảy lao xuống. Thân xác hấn va vào Dường trước khi ngã giáng xuống gạch. Dường nghe hấn hự lên một tiếng, và anh nghe đánh rắc một cái, xương tay hay xương chân gì đó của hấn bị gãy. Dường dòn toàn lực bình sinh, gồng người, bẻ xóc thân hình tả tơi, vằn vện của tên lính đã ngất lịm lên, phóng mình chạy lao qua khuôn cửa, nhào được vào bên trong thánh đường, kịp cùng hấn ngã nép vào hộc tường vừa khi bộc phá phát nổ.

* * *

Dường tỉnh dậy trên cáng. Không thấy quá đau, nhưng thân thể nặng như bị đổ chì, đầu ong ong, ngực tức muốn vỡ.

“Điều gì nhỉ, điều gì đã xảy ra?”, anh cứ nghĩ mãi, nghĩ mãi. Không còn tiếng kêu gào, tiếng chân chạy nặng nề, tiếng thở hồng hộc, khói bụi cũng tan loãng. Đồng đội đã cáng anh ra khỏi nhà thờ. Mọi sự đã chu tất, anh nghĩ, tuy vậy vẫn còn một cái gì đó nặng nề đã xảy ra và giờ đây giấn lên ngực và kẹp lấy trí não.

- Gì? - Mấp máy môi, Dường hỏi. Tào đi bên cáng, cúi sát xuống Dường, cặp mắt lé hấp háy.

- Yên tâm về sau chữa trị Dường nhé. Bọn mình phải ruồi theo đại đội ngay bây giờ... Cứ vững tâm nhé... Nhờ cậu mà đã dọn xong cái tháp rồi, thật là may quá...

- Không phải... - Dường thở dốc - Do đạn bên dưới bắn lên đấy.

- Này, Dưỡng này...

- Gì?

- Cái tên thiết giáp hồi nãy ấy mà, khi dong nó về đây, cậu có tra vấn tên tuổi nó và phiên hiệu đơn vị của nó không?

- Không. Sao?

- Chẳng là bọn mình tính nhờ dân sở tại làm cho nó cái bia mộ. Để nó được mồ yên mả đẹp ấy mà. Và để gia đình nó sau này có thể rước nó về quê. Tiếc là giấy tờ của nó trong túi áo ngực đã bị khẩu đại liên băm vằm. Tên tuổi, quê quán, mọi tung tích của nó chỉ còn là cục giấy trộn máu.

Dưỡng chật vật chống cùi tay cố nhắc người lên, ngóc đầu nhìn. Gác chuông và một phần mái thánh đường đã sụp xuống. Tiếng súng đã ngừng lặng. Chỉ còn lại mênh mông một trời mây hồng nhạt. Và trong cảnh thanh bình chiều hôm vẫn cứ cảm thấy đọng lại mãi một điều gì.

Sách cấm

Hồi đó mới mười bảy tuổi đầu, học trò lớp mười, vậy mà thú thực thiếp ngủ đi thi thôi chứ đang còn thức tôi chỉ nghĩ tới đàn bà. Không phải đàn bà nói chung, dĩ nhiên, nhưng mà cũng không rành ra là nghĩ chăm chăm vào một ai. Bọn con gái ở lớp, ở trường, ở khắp trong thành phố, như màn sương dày vây giăng lấy cái đầu tôi hồi đó. Đúng hơn, như trận mưa đông, bởi vì sự thể đã đến với tôi rất chi là đột ngột. Đang yên đang lành, vui vẻ, chảnh chu, khô ráo, thỉnh thoảng xây xẩm, ướt mềm, bết bết.

Tôi nhớ lần ấy, đang giờ giảng văn, thì báo động. Nhưng không kịp có còi báo động, không kịp cả nghe thấy tiếng hú của máy bay, bom đã nổ. Chúng tôi nhào xuống giao thông hào, túa chạy khỏi lán. Tuy đã được định rõ người nào hầm nấy và mỗi hầm chỉ năm người, nhưng do bị bất ngờ nên láo nháo. Một cái hầm chữ A mà tôi với cả chục đứa nữa lên nhau. Bom đập xuống đường như rất gần, đạn cào xạ đường như nổ ngay trên nóc hầm, động cơ phản lực như muốn xé toạc người ta ra. Một đứa nào đấy, không biết là đứa nào, ôm ghì lấy tôi, và mặc dù run lẩy bẩy nhưng mà hai cánh tay của nó vẫn quàng cổ tôi rất chặt kéo riết xuống, tóc nó vùi lấp tôi, mặt tôi áp hết vào ngực nó. Tôi lâm vào cái tình trạng nóng hổi và khó thở đó không biết là trong bao lâu, chắc là rất lâu, vì khi chúng tôi ra khỏi hầm lộ mặt vào lán thì thầy giáo đã trở lại với bài giảng được một lúc rồi. Cả lớp cười rộ lên chào đón chúng tôi. Không hiểu là cười cái gì, cười chúng tôi nhát như cáy, cười bộ dạng chúng tôi xộc xệch, hay cười vì trong đám gần chục đứa vừa lò dò ra khỏi hầm chỉ có mỗi thằng tôi con giai?

Nghĩa là... kể từ đây, chỉ bởi vòng tay một đứa bạn không rõ người rõ mặt mà tôi đã không còn là tôi như trước nữa. Kể từ đây, như là một cơn run rẩy kéo dài mãi mãi, một trạng thái rồi bởi đã triển miên choán lấy tôi, cả tinh thần lẫn thể xác.

Gần như ngay lập tức hôm trước hôm sau cái vụ ôm nhau trong hầm hai má vốn nhẵn thín của tôi tự dưng nổi đầy những mụn trứng cá. Chưa qua một tuần mụn đã lên cả trán cả mũi và bọng mắt. Càng cạy càng nặn càng lên. Tím đen, đỏ ửng, dày cộp. Toàn thân ram ráp, ngứa ngáy, cảm thấy khô háo, cảm thấy chật chội. Áo quần thì cứ ngắn cũn đi và chật bó lại, căng ra. Cơ thể tôi hồi đó đè nặng lên tôi.

Nhưng nhất là phần hồn. Phần hồn của tôi hồi đó thực sự là một chiến địa nóng bỏng. Tuy không phải lúc nào lửa cũng ngùn ngụt, nhưng không bao giờ lụi, đều đều liên tục cháy âm ỉ. Những khao khát âm thầm mà bùng rục. Những tưởng tượng rồ dại làm mờ mắt. Những ý nghĩ căng rít và dữ dội chọc ngoáy khắp người. Cũng râm ran ngứa ngáy sần sùi như mặt mày mình mẩy, đầu óc của tôi, tình cảm của tôi hồi đó cứ thừa ứ ra, rạo rục, rậm rịch, nổi gai nổi ốc.

Người ngợm tuy cao vồng lên nhưng lại sụt sệ và xanh tái đi. May mà trong giấc ngủ thần kinh tĩnh lại, tuyệt đối chẳng mộng mị gì, nếu không thế hẳn chỉ ngày một ngày hai sức lực đã chẳng còn một giọt. Thành thử tôi ngủ rất nhiều và lúc nào cũng buồn ngủ. Hằng đêm giấc ngủ cứu tôi thoát ra khỏi cơn sốt li bì mê mụ liên miên tù tì của mỗi ngày.

Thế nhưng, vừa mở mắt là lại vào ngay cơn sốt. Có những buổi sáng sớm, chưa ra khỏi màn mà ý nghĩ và hình ảnh đầu tiên trình làng đã khiến tôi như bị điện giật.

Song thường thường là tôi bắt đầu ngày mới bằng mười phút nằm ườn ra, lừ đừ chìm lịm mình trong một mộng mơ vớ vẩn nào đó, luôn luôn là sụt sướt và nhảm tẻ, không đầu vào đầu, chẳng đem lại điều gì khác ngoài sự uể oải rã rời đi đôi với lú lẫn, làm cho câu chữ bài vở cần phải có đề đến trường rụng rời hết cả.

Hồn xác liêu xiêu chao đảo nên việc học hành tất nhiên là chẳng ra sao, song đây chưa phải là điều khiến tôi ngày ngày canh cánh. Hồi đó làm tôi hãi nhất vẫn là mối nguy bị lộ tẩy cái lòng dạ đáng xấu hổ của mình. Tôi lo ngay ngáy rằng sẽ có lúc mình bất ngờ bật phát một hành vi, một cử chỉ, một câu nói nào đấy. Nhớ ra, tôi thường bất chợt rùng mình với ý nghĩ đó, không dung mình nắm lấy tay người ta, sờ vào áo người ta, vuốt lên tóc người ta. Nhớ đâu mình buột miệng nói ra cái cảm giác của mình khi đứng gần người ta ngồi gần người ta. Nhớ người ta bắt gặp luồng mắt của mình. Mà người ta thì lại

không cụ thể là ai cả nên tôi không thể chủ tâm đề phòng, không thể chủ động lảng xa.

Tôi không còn dám chen tàu điện đi học nữa. Xếp hàng ở máy nước hay xếp hàng ở ngoài chợ, trong mậu dịch, tôi luôn tránh để không đứng sau hoặc trước một đứa con gái. Tôi không vào rạp xi-nê một mình. Bởi vì, nhớ ra... Đến lớp cũng vậy. Đời sống học trò bao năm trời tươi vui thoải mái, vô tư bạn trai bạn gái đã gần như chấm dứt đối với tôi. Tôi trở nên ít lời. Trong giờ học tôi trở nên quá sức là nghiêm nghị. Cả trong giờ ra chơi cũng tránh cười đùa, tránh nhìn, tránh chuyện. Tôi cẩn thận với hai bàn tay của mình. Tôi gắng không chạm người, không đụng người, không lướt người mình vào ai. Báo động máy bay, dù có sợ chết khiếp cũng chỉ ngáp ghé ở cửa hầm chứ không chen hẳn vào trong. Nói chung là tôi trở nên lấm lì, tôi trở nên gượng gạo. Luôn luôn tự dung đo lường hết lên cả cổ cả tai cả mặt. Và thường xuyên tự dung toát mồ hôi.

Những ngày ấy thật là khổ sở. Hiểu rất rõ rằng mình như thế này là xấu xa quá quắt mà không làm sao tôi dừng mình lại được, không làm sao gồng sức lên đẩy lùi những thâm vụng đáng sợ ở trong lòng. Mà phải tuyệt đối ngấm tẩm, không thể thô lộ cùng ai, nên cứ vậy một mình chật vật tranh đấu với mình một cách vô vọng. Tôi cũng biết chẳng trước thì sau sẽ bị nhận ra, cho dù cố công tự kiểm chế đến đâu.

Và quả nhiên cái giờ phút ê chề ấy rồi cũng đã điếm. Mặc dù không đến nỗi là bị lên án hay bêu riếu, chỉ là những lời bàn tán và cười cợt do tình cờ mà nghe phải thôi, song cũng đủ cho tôi sượng mặt đến tận ngày nay.

Bữa đấy phiên tôi trực nhật. Đạp xe đến lớp quá sớm, quét dọn lau chùi xong xuôi mọi thứ mà còn dư cả tiếng đồng hồ nữa, tôi chúi vào sau chiếc bàn cuối lán đánh một giấc. Tiếng trò chuyện lay thức tôi. Một đám, không biết là bao nhiêu đứa, tụ với nhau ở dãy bàn trên cùng, vừa quạ sáng vừa tán chuyện. Toàn giọng con gái. Vừa định nhóm dậy thì tôi nghe thấy tên mình. Năm lạng đi tôi nghe bọn con gái tranh nhau nói về mình. Và cười. Cười rúc rích. Cười rũ rượi. Trời ơi là cái thằng tôi! Thằng đó dạo này dở hơi quá chúng mày à. Thằng đó dạo này chuyện nhìn trộm. Không nhìn trộm thì lại nhìn trùng trùng, để ý mà xem, sợ lắm, suốt năm tiết nó cứ dán mắt vào gáy cái Minh ngồi đằng trước nó... Dạo này nó như ngọng, nói gì cũng ập a ập ứng... Mà sao kinh thế chứ, dạo này mặt nó đặc trứng cá... Buồn cười chết đi được, nó cứ cô tình thúc cùi tay sang người tao... Nó hỏi tao nhiều câu lắm cảm không chịu được...

Lúc ấy, trong tình cảnh ấy, tôi chưa kịp cả hổ thẹn nữa, chỉ tràn ngập một nỗi sợ hãi. Tôi sợ bọn họ phát hiện ra tôi đang nằm ở cuối lớp và cả lũ sẽ khiếp đảm hét rú lên. Nếu mà như thế chắc tôi phải cắn lưỡi.

* * *

Hôm sau, cái Minh trưởng lớp cho bố trí lại chỗ ngồi. Tôi đang ở tổ 3 về tổ 5, đang ở bàn giữa lớp lùi xuống bàn cuối, chỗ ngồi trong góc cùng của lán. Lý do là vì tôi cao kêu, đầu với lưng gây vướng cho bàn sau. Tôi chẳng nói gì, chẳng để lộ điều gì, nhưng mà muốn độn thổ. Muốn chết luôn. Suốt cả tuần lễ người tôi như gỗ. Trong đầu lúc nào cũng văng vẳng những lời bình phẩm và tiếng cười của mấy đứa con gái. Từng lời một, mỗi lần nhớ lại mỗi lần tê điếng.

May thay tuổi trẻ chóng quên dễ nguôi. Bản thân tôi dần lại hồn, còn mấy đứa con gái đó thì cư xử với tôi hoàn toàn như thể là chúng chưa từng bao giờ nghĩ rất cay và nói rất chua về tôi. Thêm nữa, như một niềm chia sẻ, một nội an ủi, tôi nhớ rằng sáng hôm ấy không chỉ riêng thằng tôi được bọn con gái cận đông mà còn mấy thằng nữa. Và tất cả những thằng đó cũng về một góc lớp với tôi, ngồi trên tôi, ngồi cạnh tôi.

Và chẳng, dù rất nhục rất bẽ, tôi không uất không oán các cô bạn, trái lại. Thật tình là thế, nhờ nghe lỏm được cuộc luận bàn quái ác của họ, mà tôi đã có thể phân nào hãm cái dạ trượt dốc của mình lại. Mạn sương đặc sệt đầu óc đã loãng ra. Tâm trí bớt bấn loạn, trở nên ngăn nắp hơn, dành được nhiều chỗ hơn cho bài vở. Cả trứng cá trên mặt nữa cũng đỡ tràn lan.

Và thậm chí, đôi khi, tự dung, hoàn toàn không chủ tâm, tôi lảng lảng để mắt nhìn đám bạn trai ngồi cùng góc lớp với mình bằng cái nhìn của mấy đứa bạn gái ấy. Tôi thấy mà sợ. Bọn con gái đã nói chẳng ngoa tý nào. Không biết là ý nghĩ trong đầu mấy thằng bạn tôi có quá đáng như ở trong đầu tôi

không, nhưng bề ngoài thì chúng cũng như tôi, đều ít nhiều khớp với miêu tả của bọn con gái. Thái độ, cử chỉ, điệu bộ, cái nhìn, giọng nói, vụng về, lóng ngóng, lộ ngọc, và đều như có một cái gì đầy kỳ cục và vụng trộm.

Thằng Hiệp “sút” ngồi ở bàn trên tôi quai hàm lúc nào cũng thường trực ngáp. Nó có thể gà gât ngủ ngồi suốt năm tiết học. Khi không ngủ thì nó lên lút đọc truyện hoặc vẽ nhăng nhít. Toàn những hình bầy bọ, vẽ lên mặt bàn, vẽ ra sau vở. Nhiều nhất là nó vẽ lên giấy nháp, rồi chuyển tay cho bọn con trai bàn trên bàn dưới xem, đánh giá và vẽ thêm thắt vào. Sách đọc trộm trong lớp cũng luôn là từ thằng Hiệp chuyển đi. Quay vòng qua bọn con trai các bàn. Cũng toàn là những “truyện ái tình” hoặc uớt ắt ngớ ngẩn, hoặc hết sức là nhem nhuốc và khả ố.

Nếu bị tóm quả tang đang chúi mũi vào ba cái đồ tề mặt ấy thì đừng nói hạnh kiểm với lại thi cử, mà phải ra khỏi lớp, bán xơi khỏi trường, chấm hết đời học trò là cái chắc. Nhưng bọn chúng tôi vẫn liều lĩnh đọc và vẫn có đũa đọc ngay trong giờ học. Vậy mà lạ, chưa có đũa nào bị phát giác.

Chỉ có tôi, một lần, suýt nữa thì xong đời.

Đây thực sự là “tác phẩm” rác rưởi nhất trong số tất cả những mớ nhuôm nhoam ô dề mà bọn lộc ngọc mới lớn chúng tôi đã luân chuyển cho nhau. Không phải sách in mà là một quyển vở. Chữ viết tay, li ti nhưng nắn nót, mực tím, dày kín cả gần trăm trang giấy.

Thực ra tôi chưa cầm đến cái của đó. Nó vẫn đang trong lượt đọc của thằng Toàn ngồi kế một bên tôi. Chưa khi nào tôi thấy Toàn như thế, nó đọc ngón ngáu và hoàn toàn mất tự chủ, rất lộ liễu. Từ tiết đầu tới tiết cuối, cả giờ ra chơi, cả phút giải lao, Toàn cầm mặt vào cuốn vở dúi trong ngăn bàn. Nó đọc mà tay run, mặt mày đỏ rìm, mồ hôi mồ kê. Sự bần loạn thấy rõ ấy khiến tôi chộn rộn theo, không nhìn được, cứ nghiêng đầu sang Toàn đọc ghé. Và cũng toát mồ hôi, cũng mất hết sự cẩn trọng. Lúc đó, sắp hết tiết cuối. Từ bục giảng, thầy giáo đã đi xuống gần cuối lán rồi, hai thằng chúng tôi mới giật mình, thẳng người lên, ngồi ngay ngắn, đổi nét mặt, ra vẻ chăm chú. Tưởng chắc bị lật tẩy, vậy mà lạ thay, thầy chẳng thấy gì. Chẳng cần vặn gì cả tôi cả Toàn. Hú hồn, mừng hóm.

Không ngờ, đạp xe về tới nhà thì tôi gặp Toàn đang đợi ở cửa, nó bảo: “Mày đưa lại tao *quyển truyện*, tao đọc nốt hai trang cuối cho xong rồi mai đến lượt mày. Mà đừng có đọc ở lớp nữa. Hôm nay hút chết, sợ quá”. Tôi, sững người, đánh đồ xe. Thì ra, Toàn đã nhanh tay tống cái nợ đó sang ngăn bàn tôi và cứ thế thằng ngốc ấy mặc nhiên là trách nhiệm đã về tôi.

Hốt hoảng tôi đạp xe quay lại lán. Nhưng đã muộn, bọn kíp chiều, lớp 10C, đã vào tiết đầu. Biết là đã vô phương, trời sắp xuống đầu rồi, tôi vẫn cứ đành loanh quanh ở gần lán. Nhưng mấy lần giờ giải lao, giờ ra chơi, cũng không cả gan xộc vào. Phải đợi bọn 10 C tan học được một lúc lâu, tin chắc trong lán không còn ai mới dám.

Nhưng, vẫn còn một người ở trong lớp học đã vắng ngắt. Lại ngồi đúng chỗ của tôi, góc bàn cuối lán. Đường cùng rồi, không thể rút lui, tôi đành bước tới. Một đũa con gái. Và tôi biết nó, cái Thủy, nhà cùng phố. “Bạn quên gì phải không?”, nó hỏi. “Ừ”, tôi đáp, “quyển truyện... à, quyển vở, trong học bàn đúng chỗ này... Bắt được à? Bắt được thì cho xin đi”.

Thủy lấy từ trong túi dết ra cái quyển vở khôn kiếp ấy. “Mình nán lại để đưa tận tay bạn, sợ nhờ ai người ta cầm phải rồi nộp các thầy thì khôn”. Không dám tin vào mắt mình, tôi muốn hét lên vì mừng rỡ. Thoát nạn rồi.

Lúng búng cảm ơn, tôi vô lấy quyển vở, vù ra khỏi lớp, cuống cuống phóng xe đạp về nhà như bị ma đuổi.

* * *

Thầy kệ thằng Toàn thằng Hiệp rồi sẽ rửa xả gì mình, tôi tống ngay cái “tác phẩm” chó chết ấy vào bếp lửa. Nhưng cho đến tận sáng hôm sau vẫn còn tim đập chân run, vẫn còn rợn cả người khi nghĩ đến cái họa tà đình chỉ chút xíu nữa là chuộc phải.

Tôi cũng vô cùng là biết ơn Thủy. Và mất mấy hôm liền tôi cứ bần khoản nghĩ mãi làm cách nào để bày tỏ được sự biết ơn ấy.

Còn chưa biết làm thế nào thì một buổi sáng, vừa đến lớp, ngồi vào chỗ, tôi thấy trong ngăn bàn của mình có một cuốn sách. Nó được phong kín trong lớp giấy báo và chằng kỹ lại bằng dây thun buộc tóc. Bên ngoài ghim mẫu giấy gấp tư. Rất ngắn, “Từ rày đừng đọc nhảm nữa. Minh cho bạn mượn cuốn này. Mang về nhà hằng đọc. Đừng cho ai biết. Đọc xong, để lại chỗ đây. Rồi mình lại cho mượn cuốn khác”. Rõ là Thủy viết cho tôi, nhưng kín đáo, chỉ *mình* với *bạn*.

Tôi dúm vội cuốn sách vào cặp. Cả buổi học cố không nghĩ đến nó mà không được. Vừa sợ, vừa tò mò. Tò mò về cuốn sách, ngỡ ngàng về người cho mượn sách.

Thủy vốn cùng lớp với tôi từ cấp hai, mãi đến đầu lớp mười mới tách ra, tôi 10A, Thủy 10C. Nhà cũng khá gần nhau, đầu phố giữa phố. Song chỉ vậy thôi, chẳng phải chỗ bạn bè. Phần vì tôi là con cái gia đình cán bộ. Còn Thủy thì con nhà tư sản, mà tư sản phản động, ông bố đã mấy lần phải đi tập trung cải tạo. Phần vì từ cuối cấp hai, là khi đã tương đối lớn, Thủy rất không được tập thể ưa. Chẳng bởi một lý do rõ ràng nào, càng ngày Thủy càng hay bị mọi người để ý chê bai. Thoạt nhìn là người ta đã thấy ở Thủy có cái gì đó không rõ là cái gì, là lạ khang khác không y hệt mọi người. Cách đi tóc, cách ăn mặc chẳng khác ai mà vẫn như có hàm một sự diêm dúa thâm lén. Da dễ trắng trẻo mềm dịu. Cách nói, dáng đi đều bị nhận ra là thiếu khiêm nhường. Hết lớp tám tất cả chúng tôi đều đã vào Đoàn, riêng Thủy vẫn cứ mãi là chân bạch vệ.

Tập thể thế nào thì tôi thế nấy. Mọi người không thân với Thủy thì tôi cũng không thân. Nói chung, chúng tôi chẳng có can cơ gì để mà phải mật thiết. Bây giờ lại mỗi đứa mỗi lớp càng khó gần. Vậy mà, Thủy lại đã hết sức tử tế với tôi như thế, là vì sao? Một sự thân tình hết sức là kỳ lạ, bởi vì cũng là một sự thân tình đầy liều lĩnh.

Cuốn sách đầu tiên Thủy cho tôi mượn là cuốn *Những Ngày Thơ Ấu* của nhà văn Nguyễn Hồng. Tôi biết ông này là nhà văn đương thời hiện đại Xã hội Chủ nghĩa, nhưng cụ thể cuốn sách ấy thì tôi lại thấy là được xuất bản từ tận năm 1938, thời Pháp thuộc. Nghĩa là, dù sao cũng loại sách mà tôi và Thủy không được phép đọc.

“*Thầy tôi làm cai ngục, mẹ tôi con nhà buôn bán*”. Sờ sờ, dưới ánh đèn khuya, tôi giở trang đầu. Cuốn sách nhỏ, không dày, được đóng thêm bìa cứng, gáy da. Các trang đã ngả màu lá úa, nhưng tinh tươm, kiểu chữ rất đẹp và khác lạ so với những sách tôi thường thấy. Và khác lạ nhất là những gì được viết nên. “*Hai thân phụ tôi lấy nhau không phải vì quen biết nhau lâu và thương yêu nhau...*”

Tôi đọc cuốn cách ấy chậm rãi, thấm thía, trong ba ngày.

Theo lời dặn, tôi mang cuốn sách đến lớp và để lại trong ngăn bàn. Cũng tính viết một lá thư đôi dòng gửi kèm trong sách, nhưng ngần ngại, tôi chẳng viết.

Sáng hôm sau, giống như lần trước, trong ngăn bàn của tôi lại có một cuốn sách bọc kín trong giấy báo, nhưng không có thư. Đây là cuốn *Vỡ Đê* của nhà văn Vũ Trọng Phụng.

Cũng bìa cứng gáy da, cũng năm xuất bản, cũng kiểu chữ in thời Pháp thuộc. Nhưng dữ dội, choáng váng. Cộm lên những tình tiết, những chi tiết khiến tôi xây xẩm. Đây thì đã rõ ràng là “sách cấm” rồi, một tuần liền tôi đã đọc với niềm xúc cảm dâng lên đến ngạt thở, với niềm thần phục, và cả với nỗi lo sợ bị cha mẹ bắt gặp. Tôi cũng đã mang trả cuốn sách trọng nỗi lo sợ. Để cuốn sách trong ngăn bàn, ngồi chờ qua buổi trưa, cho đến tận khi nhìn thấy chắc chắn Thủy đã vào đến cửa lớp, tôi mới rời khỏi chỗ để ra về. Mà kỳ quặc hết sức, chúng tôi không nói gì với nhau, không cả nhìn nhau nữa. Đi lướt qua nhau.

Hôm sau tôi đến lớp thật sớm, trước cả đưa trực nhật. Lần này Thủy cho tôi mượn cuốn tiểu thuyết *Đoạn Tuyệt* in từ năm 1934 của nhà văn Nhật Linh. Một tên tuổi lạ lẫm, tuy nhiên từng có một lần nào đó tôi đã thoáng nghe thầy dạy văn nhắc đến và hình như thầy có nói rằng ông ta là một tay lãnh tụ Quốc Dân đảng.

Mãi mãi tôi không bao giờ tự cắt nghĩa nổi vì sao mà hồi đó tôi và Thủy lại phải như thế với nhau. Vì sao chúng tôi không trực tiếp trao sách vào tay nhau? Những cuốn sách cấm mà Thủy để lại cho tôi trong ngăn bàn, qua suốt một đêm, luôn có nguy cơ bị ai đó phát hiện ra. Nghĩ mà phát sợ. Chúng tôi sẽ trả lời ra làm sao và sẽ ra sao nếu bị phát giác là đang đọc những *Hồn Bướm Mơ Tiên*, *Bỉ Vỡ*, *Sợi Tóc*, *Vang Bóng Một Thời*, *Lâm Than*, *Số Đỏ*, *Kỹ Nghệ Lây Tây*, *Làm Dĩ...* và thậm chí, *Lục Xi*?

Không theo một trình tự nào, không có sự sàng lọc nào hết. Chắc là trong căn phòng áp mái của gia đình Thủy, sách không bày trên giá mà xếp trong rương. Và Thủy cứ lần lượt lấy ra để phục vụ tôi. Không phải cuốn nào tôi cũng thích, nhưng đọc tất. Cuốn không thấy hay thì đọc một buổi, thấy hay thì có khi đọc nhăm nháp cả tuần.

Suốt học kỳ hai lớp mười, tôi vừa học hành và chuẩn bị thi vừa mải mê với luồng sách của Thủy. Hết cuốn này sang cuốn khác được Thủy bí mật chuyển cho tôi qua ngăn bàn. Những tác phẩm văn học đã hết thời ấy mặc dù đầy rẫy những sự cấm kỵ lại đã giúp tôi gạn đục tâm hồn mình. Những cơn cuồng náo đục tình, những ý nghĩ suy đồi ngày một bớt đi trong tôi. Nhờ rất nhiều vào các nhà văn tiên chiến lỗi thời, tôi bước vào đời một cách bình thản như bao người trai trẻ khác.

Nhưng tôi và Thủy thì vẫn cứ thế. Vẫn chỉ là những cuốn sách chuyển cho nhau qua ngăn bàn. Không gán lại được vào nhau hơn. Không một bức thư. Không một lời. Không cả nhìn nhau.

Lần cuối cùng tôi nhìn thấy Thủy là vào một buổi trưa trời đột ngột nổi dông. Đang trên đường từ trường trở về nhà, tôi và mấy đứa bạn cùng lớp dạt vào núp dưới một mái hiên. Mưa ả ả như thác đổ, càng lúc càng to. Chỉ phút chốc đường phố đã ngập nước. Từ bên tàu điện, Thủy đội mưa chạy tới. Dọc phố Cầu Giấy có bao nhiêu chỗ trú nhưng phải đứng đến nơi tôi đang đứng cô mới tránh vào. Người cô ướt thướt. Vải áo dính sát bó rít lấy mình mẩy. Tóc xõ xõa, rã rượi. Thủy đứng dựa vào tường. Đưa tay vuốt nước trên mặt. Chưa bao giờ chúng tôi ở kề nhau đến thế. Tôi biết là Thủy muốn nói gì đây với mình.

Nhưng vì còn nhiều người khác ở đây nên tôi lảng, chỉ nhìn phớt lên người Thủy rồi ngoảnh ngay đi, ngoáy vờ vờ ra ngoài mưa. Như là chẳng quen biết. Chợt một tiếng sét xé thỉnh không, nhoàng lửa quắc sáng dựng đứng đất trời trong khoảnh khắc. Lẳng lẳng Thủy rời chỗ trú, đi vào màn mưa. Chẳng ai gọi cô lại cả, cả tôi cũng không. Tôi chỉ ngáy người nhìn theo, sững sờ. Những năm sau này mỗi khi nhớ về thuở đó, ý nghĩ thường rọi cho tôi thấy lại một lần nữa, rồi một lần nữa chính cảnh tượng ấy. Thủy đi xa dần, xiêu xiêu trong màn mưa lấp trời. Cô rẽ ở góc phố, khuất đi, tan biến như một hạt mưa bị vùi giữa biển mưa. Trong hồi tưởng của tôi, thời niên thiếu chỉ còn nốt được đến ngày hôm đó thì lui hẳn, buồn thảm và vĩnh viễn qua đi cùng với buổi trưa u uất chìm lịm dưới mưa ấy.

Cuốn sách cuối cùng Thủy cho tôi mượn không phải là tiểu thuyết mà là tập “Máu Cuồng và Hồn Điên” của Hàn Mặc Tử. Tôi đọc chưa dứt nên chưa kịp đề tập thơ điên ấy vào ngăn bàn chung của hai đứa.

Bom trúng thẳng vào lán học của chúng tôi ngay sau buổi trưa mưa gió tôi và Thủy gặp nhau dưới mái hiên. Trưa ấy, tôi lớp 10 A đã tan học. Còn Thủy thì 10C kíp học buổi chiều. Non nửa lớp 10C bị vùi lấp, nhưng chỉ một mình Thủy không hồi lại được.

Bội phản

Thảo đẹp hay không đẹp, đàn ông đọc phổ không ra miệng bình phẩm, ít nhất là riêng tôi chưa từng nghe thấy một lời nào như vậy từ họ. Tôi chỉ thấy họ nhìn chị. Những tay sĩ diện cao, thiên về đứng đắn, tất nhiên không nhìn, tránh nhìn, nhưng chỉ cần kém mực thước đi một tý thì không làm sao cưỡng mắt được, không tài gì thấy Thảo lại có thể nhìn nhìn.

Thị hiếu như thế thật là không công bằng. Ở phố này, là giai nhân, thiết tưởng trước nhất người ta phải chăm chị Diễm hoa khôi trường Ngoại ngữ, kế nữa thì như là chị Bích bác sĩ, chị Hoa diễn viên múa, hay là chị Thúy bán bách hóa, rồi chị Lan, chị Đào, chị Hậu, nhiều. Tại sao lại là Thảo?

Tôi thì lẽ dĩ nhiên là tôi biết Thảo, nhưng là biết thế thôi chứ thực ra chẳng quen biết gì. Cũng khó có thể xem nhau là láng giềng, mặc dù chung số nhà. Hồi đó cha tôi tiêu chuẩn Tôn Đản, cùng với ông Lâm, cán bộ đồng cỡ, hai gia đình được trên cho hưởng trọn diện tích ngôi nhà chính, một biệt thự Tây hai tầng kiểu cách. Chúng tôi dùng công lớn mặt phố. Còn gia đình Thảo và năm hộ nữa thì sống ở dãy nhà phụ sân sau, họ thường đi lối cửa ngách thông ra ngõ hẻm. Đời sống của những “người sân sau” ấy chẳng khác nào như là mặt trái của ngôi biệt thự. Chỗ chui ra chui vào của cả sáu gia đình đều chật chội khổ sở, già trẻ lớn bé đóng hộp. Tất cả nấu nướng cùng một khoang bếp, tắm táp cùng một hốc tường, phơi phóng, hít thở, đầu hót, cãi cọ, chuyện gẫu, nuôi lợn, nuôi gà tất cả trong cùng một khoảnh sân tù hãm. Tất cả đều nghèo túng. Tất cả đều đầu tắt mặt tối.

Chúng tôi thì khác. Như tôi, từ bé đã được cha mẹ cho ở phòng riêng. Anh tôi, chị tôi cũng thế, mỗi người mỗi phòng, tự mà bày biện, tự mà sắp xếp, tung tẩy tự do, một mình thoải mái.

Phòng tôi, ban công trông xuống sân sau. Từ ban công cúi nhìn, mắt chạm ngay cánh cửa liếp căn hộ gia đình Thảo, một căn buồng hũ nút không cửa sổ, ngày xưa là cái gara. Nhà họ neo người, chỉ hai bố con. Bà mẹ mất đã từ nhiều năm trước. Ông bố liệt bết đau ốm, thường xuyên liệt giường. Được hai người anh thì một tử trận một đang ở tù. Sinh kế trong nhà cậy cả vào Thảo. Học hành dang dở chẳng có nghề gì, Thảo đi đêm về hôm đắp đổi đủ nghề. Nghe nói toàn những nghề rất mật với rất là những cái lỗi kiếm tiền *không biết nhục*. Các bà các chị ở sân sau những khi quần tụ trong bếp hay rông rần châu chực bên cái máy nước giở giọt vẫn ưa khởi những tai tiếng của Thảo ra làm đầu câu chuyện. Sống ở trên lầu, dù có buồng kín rèm và đóng chặt cửa sổ, chúng tôi cũng không thể tuyệt đối bỏ ngoài tai tất tật những mớ lao xao hắt lên từ cuộc chung đụng nghèo khó ở dưới sân.

Nhưng cũng là láng máng biết vậy, chứ những mảnh đời sân sau ấy chẳng bận tới tôi. Nếu như riêng Thảo đã có thể phân nào khiến tôi để ý thì cũng chỉ vì là hồi đó tôi cứ mãi lầy lẹn về cái nhìn của những thằng bạn và những ông anh trong phường. Tôi tin thâm mỹ của mình không khờ khạo, tôi cũng biết nhìn như ai chứ chẳng lẽ lại không, nhưng tôi chịu không thấy được ở Thảo có gì đáng hăm dọa. Trọng cuộc trần ai kiếm sống, Thảo hoàn toàn chìm lặn giữa bao người, chẳng một nét nào nổi bật, chẳng thể ăn đứt được ai, nhất là ở một địa bàn dồi dào sự xinh tươi như khu phố của chúng tôi. Những lúc này lúc khác gặp Thảo, ở công nhà, ở trong sân, ở ngoài đường, thường là tôi giả tảng chẳng thấy, lơ đi, cùng lắm thì cũng chỉ chiêu lệ đôi ba lời gì đó trống không ra điều chào hỏi.

Sướng thân tọa hưởng phúc ấm gia đình. Đầu óc tôi nhẹ nhõm, tâm tư tôi sạch bong, không khi nào phải hoài hời nghĩ này nghĩ nọ cái gì hết. Cả với những người thân yêu ruột thịt tôi cũng bằng quan hoàng hồ với một thân phận mù mờ sông chìm khuất mé sau nhà như Thảo.

Vậy mà rồi rốt cuộc chính là vì Thảo nên vào mùa hè năm đó, năm tôi mười bảy tuổi, tôi đã lẳng lặng bội phản người chị gái của mình, và rồi sau đây, lại vẫn vì Thảo, tôi phản bội tiếp cả người anh trai. Đến bây giờ, khi cái uẩn khúc gia đình ấy bị lộ ra, mặc dù đã bao năm trời trôi qua, mọi sự đã an bài, anh trai tôi và chị gái tôi vẫn không tha thứ, anh chị tôi từ mặt tôi.

Cho đến tận bây giờ, trong ký ức tôi, ký ức một đời sống mờ nhạt, thông thường, không hề biết tới những xáo trộn, không chịu lượng vương với ai một chút nợ lòng nào, vẫn cứ còn thỉnh thoảng phảng phất hiện lên hình bóng của Thảo và hiện lên hình bóng của mùa hè năm ấy, một mùa hè râm ran tiếng

ve sâu, một mùa hè đã xa lăc xa lơ từ tận những năm nào năm nào.

* * *

Mùa hè năm ấy, chị tôi đi lấy chồng. Chị không hề hay, nhưng tôi thì tôi biết, biết tổng từ trước lễ cưới một vụng lên tày đình của ông anh rể: song song với yêu chị tôi, anh còn cặp với một người đàn bà khác. Khuất tất khó tha đó của anh chính tôi bắt quả tang. Chính tôi dự vào cuộc vây lửa đêm ấy ở Bách Thảo. Và mặc dù chưa phải là đã tóm được rành rành trai trên gái dưới, nhưng cũng gần như vậy.

Trai gái thời nay nghe kể về những “vụ việc” khó tin thời ấy hẳn phải lấy làm buồn cười lắm, nhưng vào thời chúng tôi những chuyện như thế chẳng có gì là buồn cười.

Thật ra thì thời nào Hà Nội của chúng ta cũng là thành phố của tình yêu. Xưa hay nay chẳng bao giờ là không nhan nhản những đôi lứa đang dập dìu. Có điều, thời hiện đại bây giờ người ta luyện ái nhau một cách vừa thoải mái thoáng rộng lại vừa kín đáo. Không cần phải là hạng con nhà người ta cũng có thể có phòng riêng. Không phòng riêng thì ngăn riêng, những góc nhỏ xinh xinh âm cúng để tư tình. Nhưng trước kia thì khác. Trước kia ngay trong nhà mình người ta cũng chẳng đào đâu ra một góc còn cho riêng mình. Các mối tình vì thế phải hướng ngoại, gần gũi nhau ở bên ngoài bốn bức tường. Bởi vậy mà lại có vẻ nướm nướp, có vẻ lộ liễu hơn hẳn thời hôm nay. Hồi đó, đôi nào hơi chậm chân thì chỉ mới đầu tôi đã chẳng hòng gì kiếm nổi trong công viên một ghé đá còn rồi. Trong những góc thật khuất, mỗi băng ghế thậm chí có thể có đến hai cặp đồng sở hữu. Không còn ghé, thiên hạ kẻ dèp ngồi phệt, san sát, ngón ngang, kín nghịt mọi bãi cỏ. Mùa hè, các công viên nội thành đều quá tải, người ta đành đưa nhau sang tận mạn tối đen bên kia hồ Tây, bãi Tứ Liên, đê Nhật Tân. Người ta lặn vào cả trong vùng đồ nát quanh nhà máy điện Yên Phụ. Lắm đôi gần như bạ chỗ nào cũng xong miễn tôi tôi, vắng vắng và kín kín một chút. Các chàng các nàng mê mẩn quên giờ giấc, quên lời thầy mẹ dặn dò, quên những bất trắc lúc canh khuya, quên cả chuyện có thể gặp chúng tôi đi tuần.

Anh rể tương lai của tôi đã gặp phải chính một rắc rối như thế đêm ấy. Một đêm không trăng sao. Nửa đêm về sáng lại mất điện, Bách Thảo um tùm cây cối tối mịt mùng. Tôi cùng mấy anh em trong tổ dân phòng khối phố rẽ vào đó kiểm tra đột xuất giấy tờ của các đôi. Bốn bề tối cam nhưng tinh mắt chúng tôi vẫn lập tức phát hiện thấy từ bên hồ có người đang dắt xe băng nhanh qua bãi cỏ. “Đứng lại! Dân phòng đây!”. Người kia lao vụt cái xe ra khỏi vệ cỏ, phốc lên yên và cuồng cuồng đạp phụng đi. Chúng tôi rầm rộ đuổi theo. Chiếc xe nọ thực mạng phi trên lối nhỏ ven hồ và vùn vụt ngoặt gấp vào khúc quanh dưới chân núi Nùng, mất hút. Những luồng sáng đèn pin rọi với theo cho thấy kẻ trên xe tháo thân có một mình. Bực tức, chúng tôi xấn tới chỗ mà ban nãy gã đó đã dắt xe chạy ra. Ánh đèn châu lại chiếu sáng vạt cỏ bên một gốc xà cừ. Vẫn còn một chiếc xe đạp và vẫn còn một người bị rớt lại đó. Một ả. ả đứng xoay lưng lại những luồng sáng đèn pin. Có lẽ do quá hoảng, riu chân nên cô nàng không chạy được, tay dắt xe mà không dắt đi nổi. “Tuột xích hả?”, anh tổ trưởng dân phòng lên tiếng. ả nọ làm thinh. Tổ trưởng cau: “Đừng có mà lơ tơ mơ giả câm giả điếc nhá!”. Anh nạt: “Đêm hôm mờ vào đây làm gì? Quay đây xem cái mặt nào! Giấy tờ đâu? Cô là ai?”.

Là Thảo. Buông tay khỏi chiếc xe, Thảo xoay người lại, ngẩng đầu lên.

Làn tóc như sóng, xõa xuống. Cái áo cánh nửa hàng cúc không cài. Tất cả những luồng sáng như nín thở, như ngậy hết ra, mãi rồi mới loạc choạc chiếu tản đi. “Tuồng ai!”, tổ trưởng của chúng tôi nói, thở dài. Anh rọi đèn ra đằng sau Thảo, soi lên chiếc xe đạp vừa đổ ngã vào thân cây. Im lặng một lát, anh nói, nhát gừng, giọng rất khàn: “Xe cô, nó vô. Xe nó, nó khóa trái, ôm chìa chạy mất dép... Cái thằng đó thằng nào thế, sao thằng đều thằng hèn thế mà cũng theo?”. Nhưng chỉ hỏi vậy thôi, chẳng hỏi gì thêm, anh quay lưng bỏ đi. Mọi khi, trường hợp như thế này, đôi tượng phải bị điệu về trụ sở dân phòng để lập biên bản. Sẽ không có chuyện như nọ. Vậy mà trận này với Thảo, chẳng hiểu tại làm sao mọi người rất nường tay. Chẳng cần vặn gì, chẳng tra xét gì cả, anh em trong tổ im ắng rút theo tổ trưởng. Mỗi mình tôi nán lại.

Kỳ cách tôi dùng dao nhíp cây khóa chiếc xe. Bánh trước cái khóa dây, bánh sau khóa còng cua, đều không có chìa. Thảo im lặng đứng bên soi đèn cho tôi. Sau thoáng chốc sững sốt ban đầu, tôi đã mau chóng nguôi hết kinh ngạc, dù sự thế thật quá khó tin. Chiếc xe Mi-pha bị lẳng lại đây là của Hằng, chị gái tôi. Chị Hằng vẫn thường đòi xe cho anh Quân, để anh ấy đi điện, còn chị, chị ưa cái Thống Nhất cả tàng của anh. Ban nãy, khi những vệt đèn pin rọi rượt theo tay đàn ông, soi trúng lưng trúng gáy y, tôi

đã ngờ ngợ. Quả nhiên, đích thị, là anh Quân. Chỉ tuần sau thôi là anh ấy với chị tôi *tổ chức*, thiệp mời đã in xong, mấy bữa nay tôi đang có nhiệm vụ đi rải.

Tôi ném thia lia hai cái khóa khốn nạn ra thật xa trên mặt hồ. Vừa khi đèn đã cạn pin. Trong Bách Thảo dòng điện vẫn chưa hồi. Thảo không nhìn thấy mặt tôi, có lẽ chẳng biết tôi là ai, mà chị cũng chẳng hỏi, chẳng nói năng gì, chẳng cả cảm ơn nữa. Đón lấy ghi đông từ tay tôi, nhưng suýt thì chị làm đổ xe. Hương hoa sữa về khuya gần như sánh lại, ngào ngạt, bứt rứt trong không khí. Ở vòm lá bên trên chúng tôi, một con ve sầu lên tiếng muồn màng vào lúc nửa đêm. Trong bóng tối, tôi chỉ thấy được Thảo trắng trắng mờ mờ, gương mặt, cánh tay, bờ vai.

Thực tình tôi không biết là tại làm sao mà lúc ấy mình lại như thế. Bỗng nhiên, hoàn toàn bất ngờ với chính mình, tôi đưa tay lên ngực Thảo, và rất run, những ngón tay tôi lụng vụng, lỏng lỏng, rò ròi, cài lại được một, rồi hai cái cúc áo. Thảo đưa tay lên gỡ nhẹ tay tôi. Ngay lúc đó trong Bách Thảo đèn sáng trở lại, nhưng chỗ chúng tôi đứng vì rất khuất nên ánh đèn không rọi vào được, vẫn tối đen.

* * *

Sự việc đêm ấy, có nguyên cả một tổ dân phòng chúng tôi chứng kiến, tưởng là nhất định sẽ âm lên, vậy mà chìm hẳn. Chẳng ai bảo ai mọi người như thể đồng lòng bao che cho Thảo. Bản thân anh Quân thì lẽ dĩ nhiên là đã rất kín miệng, nhất là anh bình tĩnh. Sau đêm đó, để nghe ngóng, anh chỉ nhăng ra có đúng một hôm thôi không tới. Chị Hằng tôi và cha mẹ tôi chưa kịp lấy làm lạ, tôi đã lại thấy anh mở cốp xe đạp vào nhà. Vẫn chiếc xe đạp Đồng Đức xanh nõn chuối ấy của chị tôi. Thái độ của anh rất dỗi dằn hoàng, hoàn toàn là như không vậy. Chẳng phải là anh giả đồ. Tính anh như thế. Dáng vẻ nhũn nhặn, ăn nói câu hòa, nhưng anh luôn có đức tin tuyệt đối vào bản thân mình, một lòng tự tin kín đáo nhưng chắc nịch. Tôi tự hỏi không biết là anh đã bắt đầu lòng thông với Thảo từ khi nào, trước hay là sau khi quen biết chị Hằng. Chắc là sau, chắc là anh ấy *tắm* được Thảo nhân những lần đến với chị tôi.

Chẳng thể ghét anh ấy được. Chẳng thể khinh được, trái lại. Anh ấy lừa dối chị tôi nhưng bù lại cũng hiển nhiên là anh yêu chị ấy. Yêu dằng hoàng, yêu minh bạch, và đã yêu liền một mạch nhiều năm rồi. Còn chị Hằng thì phải nói là đã yêu hơn cả yêu. Chị có vẻ như là muôn chết đi được vì được yêu. Lắm khi bắt gặp cái nhìn của chị hướng tới anh, tôi phát sợ. Một cái nhìn đắm đuối, van vãn, chứa chan lòng ngưỡng mộ, sự trung thành.

Trước ngày cưới cả tuần chị tôi sống trên mây. Ngày cưới chị như ngây đi. Làm sao mà tôi dám nhân tâm nói hớ ra một lời nào có thể làm lật ngược mặt của chị cái niềm hạnh phúc nom đến là thương tâm ấy? Không phải chỉ trong những ngày của hôn lễ mà mãi nhiều năm về sau tôi đã tuyệt đối không hé răng. Trong cư xử hàng ngày tôi cũng luôn giữ được vẻ bề ngoài thật là bình thường với chị. Cả với ông anh rề rề. Tôi không biết là anh có biết tôi *biết* không nhưng tôi đã cố tỏ ra như là chẳng hay biết gì hết. Sớm thích nghi với vị thế một thằng em vợ, tôi sống thiện chí, không hề nói gì hay làm gì khiến anh khó nghĩ. Ngay cả với việc anh về ở rề, tôi cũng dễ dàng đồng ý theo mọi người. Tôi chỉ không chịu chiều ý cha mẹ muốn tôi đổi chỗ nhường cho cặp tân hôn căn phòng của tôi rộng hơn.

Nhè ngay cái phòng trông xuống sân sau ấy mà xây tổ ấm, ai đời lại như thế bao giờ! Tôi thấy có cái gì thật quá đáng, một cái gì ang ác trong hạnh phúc của anh Quân chị Hằng, trong tiếng họ nói họ cười, trong cái cách hai anh chị saụ ngày cưới rào quanh suốt lượt hàng xóm láng giềng, chào hỏi và ra mắt. Khi hai người gõ cửa căn buồng gara, tôi đứng ở ban công nhìn xuống. Nghịch cảnh quá thể bi hài. Đã thế, vào thăm nhà Thảo đương khi ông thân của chị bệnh nặng nên cặp mới cưới còn tốt bụng tha theo một túi nặng những đường những sữa với cả một bịch các thứ thuốc bổ. Nhiều năm sau này khi vỡ nhẽ mọi sự, chị tôi không uất anh Quân mà uất tôi. Chị hận nhất là cái chuyện ngày hôm đó tôi đã mặc kệ chị bị hổ, bàng quan nhìn chị lê mề quả cáp tươi rói theo chồng vào thăm nhà “con đi”. Chị bảo sự im lặng đáng sợ ấy của tôi là biểu hiện tôi đa một lòng dạ bạc bẽo. Tôi không biết làm sao phân trần. Chị tôi mắng vậy cũng chẳng sai. Dừng dưng ơ hờ, thần nhiên vô sự, cái tật đáng khen ấy ở tôi hình như ngay từ hội đay đã rất trầm trọng. Thế nhưng tình thật mà nói thì không phải tôi không biết bản khoán là gì. Còn đây bản khoán nữa là khác.

Trò đời đối với tôi quả là quá kỳ lạ. Anh rề tôi rõ ràng đã mặt thốt phớt tình Thảo, nhân tâm thoải

mái vui duyên mới ngay kê nhà Thảo vậy mà chẳng hiểu sao đã chẳng hề kích lên ở chị một mảy may nổi oán hờn. Âm thầm chị bùng bít cho anh, kê cho anh được ung dung mặc sức, không hề có thoáng qua một lời, một cử chỉ, một biểu hiện nào lộ ra là đã từng biết anh. Chị chỉ đã lảng lạng tránh đi, như để khỏi nhìn thấy anh ấy, khỏi trông thấy, nghe thấy sự sung sướng, sự mãn nguyện của anh ấy, của chị tội. Ban ngày không bao giờ Thảo có nhà, song cũng thường xuyên đi vắng suốt tối, nhiều hôm phải giờ gần sáng mới lần về. Qua những lời bàn tán vọng lên từ dưới sân, tôi biết Thảo vừa được nhận vào làm nhân viên hợp đồng ở Quốc doanh chiếu bóng, song tôi cũng biết là chẳng một rạp xi nê nào trong thành phố có suất chiếu muộn đến như vậy.

Đêm hè, mặc màn ngủ ngoài ban công, tôi có thể nghe thấy gần như tất cả những động tĩnh của Thảo, từ lúc vừa lạch xạch đất xe đạp về cho tới tận khi đã ngả lưng. Mọi sinh hoạt của Thảo, xách nước, nấu cơm, giặt giũ, thay chăn chiếu và vệ sinh cho ông bố già đau ốm đều ẩn vào đêm. Le lói, giữa canh khuya, cả khu nhà chỉ một mình căn buồng của chị còn thức, im lìm vệt sáng đèn vế hờ theo khe cửa. Đôi tai đã trở nên quá nhạy của tôi có thể nghe thấy tiếng cánh cửa liếp của căn buồng gara nhẹ nhàng hé mở, nghe thấy Thảo bước ra sân. Tôi có thể nghe thấy ở chỗ hốc tường góc cuối sân, sau manh chiếu che buồng tắm chậm chậm tiếng nước dội, từng gáo nhỏ một, se se.

Từ sau cái đêm ở Bách Thảo, bỗng dưng tôi thành ra như là người đa cảm. Một trạng thái tựa tựa như cơn sốt âm ỉ khiến tôi vừa bơ phờ bải hoải, lại vừa chộn rộn bứt rứt. Vốn chẳng ưa thích gì lắm phim ảnh mà dạo đây tôi lại năng đi xem. Nhưng chỉ đến duy nhất rạp Bắc Đô bên găm cầu, một cái rạp hạng bét. Mua vé xong, bao giờ tôi cũng đợi buổi chiếu bắt đầu được vài phút mới vào. Hướng dẫn chỗ ngồi cho khách không phải khi nào cũng là Thảo, nhưng tôi cầu mong là chị và lạ thay đã luôn luôn được như thế. “Xin quý khách đi lối này. Xin hãy thấp người xuống”, chị nói, thăm thẳm. Chỉ những dịp ngắn ngủi chẳng nhìn thấy gì ấy, trong bóng tối nóng ngột, rồi bời, loang loáng ấy, là tôi được nghe Thảo nói với chính tôi và được vài bước chân đi sát kê, gần như nép vào chị.

Nỗi niềm thâm lén của tôi cứ mờ mờ mịt mịt như vậy mãi mãi. Thảo chắc là chẳng hề biết đến sự hiện diện của tôi cả trên ban công lẫn trong rạp chiếu bóng. Nhưng, như là để bù lại, tôi luôn nằm mộng thấy Thảo. Thảo thường đến với tôi vào quãng trước hừng đông. Buổi sáng, thức dậy, một làn hương mơ hồ như là hương thơm của giấc mơ vẫn còn vương vấn mãi.

* * *

Năm ấy, sau Tết ta, ông thân của Thảo qua đời. Người ta bảo rằng ông cụ mất đi thật là đúng lúc. Chỉ nán lại thêm dăm bữa nữa là cụ sẽ phải gánh theo xuống mồ trọn vẹn điều nhen nhục của cô con gái.

Nhưng mà cái điều nhen nhục ấy thực ra là một mối tình. Mối tình của Thảo với Minh, anh trai tôi. Đang là nghiên cứu sinh ở Liên Xô, Tết ấy anh Minh được gia đình triệu về, để lấy vợ. Cố nhiên không phải là lấy Thảo. Tôi chẳng hiểu đầu cua tai nheo ra làm sao nữa. Hội đang ở nhà chưa đi du học, ông anh tôi tính tình còn khệnh hơn cả tôi, có bao giờ mà anh lại để mắt đến Thảo. Ý trung nhân của anh là chị Diễm, một bóng hồng thướt tha, đoan trang kiều mỹ vào cỡ nhất cả khu phố. Ông bố của chị cấp ngang thứ trưởng, và chính là do ông thứ trưởng ấy bị đột quỵ mà anh Minh phải cấp tốc về nước tổ chức cưới chạy tang.

Chẳng khác nào là một dị bản của đám cưới anh Quận chị Hằng, hôn lễ chị Diễm anh Minh cũng đã định ngày, cũng thiệp mời đã gửi, và cũng thế, phút cuối cùng, lại là Thảo xen vào. Chỉ có điều là ở dị bản anh đàn ông đã không bỏ của chạy lấy người, không im lìm chùi xóa nhẵn nhụi dấu vết cuộc đàn diú. Có thể là vì mới từ xứ tự do luyện ái trở về nên anh Minh tôi không úp mở gì hết, chẳng chút ý tứ giữ gìn. Vừa chân ướt chân ráo về nước đã bập liên vào Thảo và đã lập tức yêu cuồng lên. Sự bội tình của anh mau chóng rành rành ra trước mắt thiên hạ. Hầu hết nữ phái, nghĩa là già nửa dư luận trong phố sôi lên phần nộ, cả mẹ tôi nữa, và nhất là chị Hằng tôi. Nhưng anh trai tôi, con người của học hành, đạo lý và khuôn phép đã trở nên đặc biệt cứng đầu, ngày một thêm bất mẫn. Sự việc âm ỉ lên chỉ tỏ giúp anh gạt nhanh mọi do dự. Công nhiên dẹp bỏ đám cưới, anh tàn nhẫn cắt đứt với chị Diễm. Anh gần như là phô trương thái độ bất tuân phụ mẫu và bất cần thiên hạ. Còn non tháng nữa mới phải quay sang Liên Xô, anh đã dứt khoát rời khỏi nhà cha mẹ, chuyển tới ở nhờ nhà bạn. Giận điên người, song thân tôi tổng hết ra cửa mọi thứ của nả và quà cáp anh tải từ bên tây về. Minh liền khuôn tất xuống phòng Thảo. Trước lúc bỏ đi, đứng ở cổng, anh xác xược tuyên bố rằng nếu không vì ngại cho

Thảo bị người ta dồn ép thì anh đã chẳng sá gì mà không vào sống với Thảo một phòng. Chờ bốn chín ngày của ông cụ xong là cưới! - Anh tôi hùng hổ dọa thế. Bấy giờ tuy phải ngả theo quan điểm chung của cả nhà, mà thực lòng tôi phục anh tôi sát đất.

Và có vẻ như là anh tôi thật chí làm liều. Có vẻ như anh chẳng còn thiết gì bản luận văn đang dang dở ở bên Nga. Ngày nào anh cũng về nhà, nhưng chẳng lên với gia đình, chỉ cứ buồng Thảo chui vào, ngồi chơi đèn chóm khuya mới tạm biệt. Ngày nào mẹ tôi và chị Hằng cũng ít nhất một trận làm dữ, nhưng Minh Thảo mặc kệ, hoặc đóng chặt cửa, hoặc xe máy dong nhậu ra phố. Hôm giỗ bốn chín ngày ông bố, Thảo biện mấy mâm mời suốt lượt các gia đình trong cùng số nhà. Gia đình chúng tôi chẳng ai xuống, cố nhiên là trừ anh Minh. Anh ở bên Thảo từ sáng tới tận tối, xăng xai chạy ra chạy vào đi lên đi xuống phụ giúp chị. Anh thay mặt chị đón khách tiền khách. Anh qua lại các mâm trong nhà ngoài sân, mời nước, mời thuốc, tiếp rượu, chuyện trò thừa gửi. Như là một với Thảo, anh xưng *chúng tôi*, và tự nhiên như tây gọi Thảo bằng *em của anh* trước mặt mọi người.

Tôi thần thờ đứng ngoài ban công rất lâu, nhìn vô hạn buồn nản. Anh Quân đã đứng cạnh từ lúc nào, tôi chẳng biết. “Nó giỗ bố nó hay nó làm lễ lên giường với ông anh cậu thế, tôi đồ cậu phân biệt được đây?”. Nhếch mép, Quân cười. Một cái cười khẩy, tuy nhiên méo xệch. Anh châm một điếu thuốc và lập tức sặc sụa. Nồng nặc xộc lên mùi rượu. Xưa giờ, rượu và thuốc lá là hai cái thứ ông anh rề của tôi đặc biệt ghét. Nom anh bơ phờ, mặt mày xạm hắc, tái dại.

Tôi và anh Quân tuy chưa bao giờ là quá thân mật nhưng đã luôn hữu nghị với nhau. Thời gian trôi qua mới hơn nửa năm song tôi đã gần như quên hẳn cái hành vi bần tiện của anh ở Bách Thảo. Cả những khi thấy anh lúi húi tỷ mẩn lau chùi kị cọ chiếc xe đạp Mi-pha ấy tôi cũng gắng không cho một ý nghĩ mai mỉa nào gợn lên trong lòng. Thực tình là tôi chẳng muốn nhớ. Dù sao đi nữa thì anh Quân cũng quả thật người tử tế. Với cha mẹ tôi, anh hết sức hiếu thảo, chu đáo mọi bề, không chê vào đâu được. Với chị Hằng, anh tận tình yêu thương, nhất là từ khi biết mình sắp thành bố trẻ con. Tôi không nghĩ rằng anh đóng kịch. Hoàn toàn không có vẻ gì là kịch. Và chẳng kịch để làm gì.

* * *

Tối hôm ấy tôi đi ngủ sớm mong trốn khỏi những ý nghĩ trong đầu và tiếng ồn dưới sân. Nhưng mãi mới thiếp đi được. Quảng nửa đêm lại bị thính giác lay thức. Có ai đó lên vào phòng, tới sát giường. Tôi om, nhưng tôi biết ngay đây là Quân. Anh đứng im bên giường tôi một lát rồi nhón bước quay trở ra. Tôi đếm được từng bước chân cực kỳ rón rén của anh xuống cầu thang, tôi nghe anh lẹp nhép đi qua sân sau. Ngồi dậy trong màn, không cần phải ra hẳn ngoài ban công, tôi cũng biết là anh dừng bước trước cửa buồng của Thảo. Anh không gõ mà cào cào như mèo vào cánh cửa liếp. Tôi thậm chí nghe được tách một cái tiếng công tắc đèn bật lên. Cánh cửa nhà Thảo hé mở ra rất nhẹ. Tôi không thể biết phản ứng của Thảo sẽ như thế nào: hét lên, nức lên, gào khóc, nguyên rủa, xua đuổi... tôi chỉ hiểu rằng ngay bây giờ đây, ngay tức thì thôi anh Quân sẽ lộ tây chân tướng, đồng thời tai tiếng cũng sẽ đến với gia đình tôi, chị Hằng tôi sẽ khô sẽ nhục, ngay bây giờ.

Nhưng, tình không có gì xảy ra hết. Chỉ có tiếng cánh cửa khép lại. Im ắng hoàn toàn. Không có tiếng chân anh Quân quay lên. Tôi mở cửa lách ra ban công. Đã quá nửa đêm. Mưa phún rét mướt. Sau cánh cửa đóng chặt, buồng Thảo còn đèn đèn, nhưng chỉ một lát thì tắt, cửa vẫn đóng chặt, kín bưng. Có lẽ do khí lạnh và hơi ẩm mà tôi trở nên bất động và vô cảm, tôi không nghĩ gì hết, cứ đứng ì người ra thế ngoài ban công. Hồi lâu, rét run tôi đành loạng choạng trở về giường. Giấc mơ quen thuộc lúc gần sáng không còn đến với tôi nữa, thay vào đây là tiếng chân anh Quân rón rén lên cầu thang mà tôi nghe thấy vào lúc gần sáng.

Giờ đây ngẫm lại những ngày tháng đó, thú thực tôi không hiểu nổi con người mình. Cùng một lúc cả chị tôi cả anh tôi cả cha mẹ tôi bị người ta lừa dối vậy mà tôi nín thinh đứng ngoài cuộc, khách quan nhìn ngó và lắng nghe. Những đêm đèn vụng trộm của ông anh rề thì cứ lặng lờ tại diện. Đêm ấy, đêm sau, rồi lại đêm sau nữa... Rất êm, rất khéo, tuy nhiên hành tung của anh vẫn là rất liêu lĩnh và lộ liễu. Nửa đêm, tiếng chân xuống cầu thang. Tiếng chân đi ngang qua khoảnh sân sau lẹp nhép bụn. Tiếng mèo cào vào cánh cửa. Tiếng cửa mở ra thật nhanh, khép lại thật nhanh. Gần sáng, lại những tiếng động đó nhưng ngược trình tự. Cửa mở ra. Tiếng chân nhón bước lên cầu thang... Vậy mà chẳng ai hại. Hai kẻ báng bổ ấy mới may mắn làm sao. Cả khu nhà với bao nhiêu những tai những mắt đã không hề bị đánh động. Còn chị Hằng tôi, bụng mang dạ chửa mà đêm đêm cứ li bì mê mệt chẳng khác nào

uống quá liều thuốc ngủ. Rốt cuộc chỉ một mình tôi sống trong đêm với cái cuộc tình dễ sợ và ảm đạm như của loài ma ấy. Cả khi thức cả khi ngủ lẫn khi chập chờn, tâm trí tôi luôn luôn mấp mé, châu chực ở sát bên cặp tình nhân tham tàn, hai con người man dại đó, như thể pháp phông canh chừng cho họ.

Nhưng mỗi sáng ra, trở dậy, ngó vào buồng ăn, thấy anh Quân chị Hằng thân thương bên nhau, điếm tâm và trò chuyện, tôi không sao nuốt nổi suất quà sáng của mình. Và bởi sức người có hạn, không kham nổi nữa, tôi xin cha mẹ cho phép chuyển vào nội trú trong ký túc xá sinh viên.

Mẹ tôi nhất định không bằng lòng, buồn bực trách cứ tình cảm gia đình của anh em chúng tôi quá ư nhạt nhẽo. Nhưng cũng nhờ những lời mẹ phàn nàn nên tôi mới được biết rằng không chỉ anh Minh và tôi mà cả anh Quân cũng đang muốn bỏ nhà ra đi. Anh rề tôi được điều vào Sài Gòn giữ chân trưởng ban đại diện của cơ quan ở trong ấy. Mặc dù chị tôi còn vài tháng nữa là sinh, mặc dù cha tôi thừa sức can thiệp để anh không phải đi, nhưng anh đã nhất quyết. Anh đã định ngày, ngay đầu tuần sau. Đã đặt vé xe lửa. Mẹ tôi vừa bực vừa thương anh Quân gần tính, vì việc chung quên tình riêng, bỏ nơi đầy đủ sung túc xông vào trong đó chuốc lấy kham khổ, chấp nhận cuộc sống “nhá bo bo đắp đôi qua ngày”.

Song thân tôi đã luôn sai lầm về anh Quân. Chị tôi cũng vậy, cả tôi nữa, không bao giờ có thể lường hết được bụng dạ anh ấy. Tôi cứ nghĩ anh buộc lòng phải ra đi như vậy là để chấm dứt một lần cho xong với Thảo. Anh ấy đã không còn cách nào khác, tôi nghĩ như thế. Thế nhưng, cách ứng phó của anh với đời thực ra là đa dạng và uyển chuyển hơn tôi tưởng rất nhiều. Bởi vì, rốt cuộc, anh Quân đã không hề phải trốn chạy đi đâu hết. Người phải lẩn lủi trốn đi là Thảo.

Bỗng dưng, Thảo từ bỏ cửa nhà, biến đi biệt tích. Đột ngột, một buổi sáng, căn phòng gara của chị đã thuộc sở hữu của nhà hàng xóm kề vách, cả đồ đạc nữa. Có lẽ chị những lảng giềng sân sau của chị là biết trước sự tình. Chúng tôi, những người ở nhà trên thì không hề hay. Ngay tôi cũng bị bất ngờ, tôi không cảm thấy gì hết, không nghe thấy gì bất thường dưới phòng chị đêm chị ra đi. Điều duy nhất tôi lấy làm lạ là không nghe tiếng ông anh rề lần mò xuống đó đêm ấy.

Còn ông anh trai của tôi thì có thể nói như là bị trời giáng. Hôm trước anh còn tới chơi, còn ngồi hết buổi tối trong phòng của Thảo. Hôm sau, thậm chí cả một phong thư, một lời nhắn nhủ Thảo cũng không để lại cho anh tôi. Toàn bộ cửa nhà đồ đạc Thảo nhượng lại cho người ta thật mau và thật êm để lấy có vài chỉ, lại lạng thình khăn gói lặn không sủi tăm như thế, hẳn là đi vượt biên rồi, mọi người trong khu nhà đều nói vậy. Anh tôi tê điếng, tái dại, loạng choạng bỏ lên nhà nằm lịm.

* * *

Anh trai thì suy kiệt tinh thần, anh rề sắp lên đường, chị gái bụng mang dạ chửa, tất nhiên tôi không thể lập tức bỏ vào ở trong ký túc xá. Đây là những ngày khó chịu không tả được. Không khí trong nhà khiến tôi khó thở. Tuy rằng mừng trong bụng với việc Thảo đã chịu “buông tha” cho anh Minh nhưng mẹ tôi, chị tôi vẫn thấy sự dứt tình trắng trợn và trơ trẽn ấy xúc phạm quá xá danh dự gia đình chúng tôi. Cứ bữa cơm tôi đồng đủ cả nhà là hai người căm phẫn nói chuyện về Thảo. Cha tôi thì nóng ruột và giận dữ vì sự kém cỏi bản lĩnh của anh Minh. Gay gắt chỉ trích trạng thái tinh thần lệt bệt kéo dài của anh, cha tôi đòi hỏi và thúc bách anh mau vực mình lên, nhanh chóng thu xếp để trở sang Nga mà lo cho xong cái sự nghiệp phò tiền sĩ. Anh tôi lúc cãi lại, lúc lý ra thăm lăm, lúc vùng vằng buông bát buông đũa bỏ về phòng riêng nằm vật.

Tôi thì vẫn như thông lệ. Chẳng nói năng gì, không can dự. Tôi chỉ ngấm quan sát anh Quân. Tôi thấy anh quá ư điếm nhiên, một vẻ điếm nhiên mà tôi nghĩ là trên mức cần thiết. Anh từ tốn lên tiếng dàn hòa mọi người, khuyên mẹ tôi và chị Hằng quên “cộ ta” đi, xin cha tôi bớt giận, thông cảm cho nỗi đau của anh Minh, vân vân và vân vân. Nhưng chẳng cần phải là kẻ thâm trầm sâu sắc gì cho lắm, tôi cũng bắt gặp được những thoáng chốc bạn thân trên gương mặt anh. Càng cận ngày anh lên tàu vào Nam những thoáng chốc như thế tôi càng bắt gặp nhiều hơn. Dù có tài thánh cũng không ai trên đời này có thể hoàn toàn giấu tiệt được thực chất tâm trạng mình, nhất là tâm trạng do dự, nổi phẫn vân, sự ngần ngại.

Đến khi chỉ còn một ngày nữa là khởi hành thì ông anh rề tôi bỗng nhiên thay đổi. Anh công khai trở nên dăm chiêu. Anh ưu tư ra mặt. Anh rồ bởi vì âu lo cho tình trạng sức khỏe của chị tôi. Rồi bất ngờ anh tuyên bố anh không thể ra đi, hoàn cảnh gia đình lúc này đang rất cần anh, nhất là chị Hằng, vì vậy anh cần phải ở lại. Anh xin cha tôi nói với trên thôi không điều động anh nữa. Mặc dù không hài lòng

với sự rút lui quá cấp kỳ của anh Quân, nhưng cha tôi công nhận sự rút lui ấy là hợp tình hợp lý, và việc gì chứ việc giữ anh lại ở ngoài này thì trong tầm tay ông, ông thu xếp được ngay.

Chị tôi vui mừng, hoan hỉ dỡ bỏ tư trang của anh ra khỏi va ly. Còn tôi thì được nhiệm vụ ra ga “đá” lại cho anh cái vé tàu Thống Nhất. Cầm tấm vé trên tay, tôi chột hiều. Mấy bữa trước cứ lầy lăm lạ là vì sao anh Quân lại phải chịu khổ sở thế không chịu đi máy bay.

Hôm sau, trước giờ đoàn tàu Nam chuyển chiều tối chuyển bánh, tôi lần ra ga để được nhìn thấy Thảo. Tôi tuyệt đối không may mắn hồ nghi gì chuyện đấy.

Chiều xuân, mưa phùn, nhưng trong mưa vẫn gió bắc lùa hun hút. Trên sân ke xám xịt, ướt át, lạnh lẽo, đông nghịt hành khách và người đưa tiễn. Giữa đông người như vậy mà tôi tìm ngay được Thảo, trông thấy Thảo ngay là nhờ cái nhìn không lẫn vào đâu được của những anh đàn ông. Những cái nhìn mà tôi đã quá quen, những cái nhìn của sự không thể nhìn được mỗi khi người ta nhắc thấy Thảo.

Còi tàu đã rúc lên. Thảo vẫn dưới ke, trong mưa. Va ly trên ghế đá. Vẫn còn vài hành khách tới trễ, tay xách nách mang hộc tốc đi mau qua cửa kiểm soát, vội vội vàng vàng chạy qua màn mưa đã bắt đầu nặng hạt, chen lên toa. Thảo nhìn họ, nhìn về phía cửa phòng chờ, nhìn những người đưa tiễn đang dạt ra đứng tránh mưa dưới mái hiên. Chị nhìn cả tôi vào tôi nữa. Tuy nhiên, là một cái nhìn trống không, nhìn mà không nhìn thấy gì cả.

Tiếng còi tàu một hồi nữa cất lên thúc bách. Một nhân viên hỏa xa đến bên Thảo. Anh ta xách va ly của chị lên, đi tới cửa toa giường nằm. Thảo lặng lẽ theo sau. Hai người vừa vào trong toa thì cả đoàn tàu giật mạnh một cái, rùng mình chuyển bánh...

Thách đấu

Vài ba năm một lần, chọn tiết cuối thu, chẳng nhân dịp gì, chẳng vì một cái chuyện gì cả, tôi lên đường về thăm làng Mơ. Vì sao lại phải cuối thu tự tôi cũng chẳng biết nữa, nhưng mà cứ thế thôi, thường là ngay sau ngày đầu tiên gió heo may. Xưa đạp xe, giờ thì xe máy, nhằm hướng mặt trời sẽ lặn. Qua Nhồn, qua Phùng, qua núi Sài Sơn, qua đồng Bưng Cấn, rồi ngược xa lên nữa phía Ba Vì.

Đã ba chục năm hơn rồi còn gì, và dù mỗi năm mỗi chút đổi khác nhưng mà nhìn chung thì vẫn vậy, đất trời vẫn thế, con đường, dòng sông, đồng ruộng. Loáng thoáng những mái nhà ở phố huyện song chẳng bao lâu. Trường cấp Ba mái ngói đã thay cho mái gạch, nhưng cảnh trường vẫn đơn sơ như thế. Những hàng xoan mà chính tay chúng tôi đã đốn xuống để lát nóc hàm nay lại thấy mọc bao quanh sân. Xê công trường vẫn là đầm sen thuở nọ. Đường liên huyện vòng qua bên kia đầm gặp ngã ba Đồng Rạng với lối nhỏ rẽ phải mà tất nhiên là cũng không có gì thay đổi chạy về làng Mơ của tôi. Làng Mơ trên đồi Giàng. Gần trăm bậc tam cấp xẻ vào vách đồi đá ong dẫn lối lên đình. Dưới chân đồi phía bên công đình trông xuống là đồng bằng trải rộng. Vào những buổi chiều tà, nhất là những buổi chiều thu, sương mù dâng cuộn cuộn dầu lắm lu mờ mắt nhìn nhưng lại khiến cho đồng bằng dường như càng rộng ra hơn, và sau sương, những làng Aịch, làng Chàng, làng Ngọt bọc kín trong các lũy tre hiện lên mờ mờ nom như những chiếc thuyền buồm cổ xưa đang từ từ trôi trên biển chiều. Ở đây, khi ráng chiều còn chưa lụi hẳn sau Ba Vì, đằng đông, phía trời Hà Nội bởi quang sáng đèn điện mà dường đã bình minh. Từ đây về Hà Nội đường cái quan thì xa nhưng đường chim bay thì gần. Bom nổ trong lòng thành phố sấm sột thì thúc dội về làm rừng mình mặt đất dưới chân tôi. Bao nhiêu bom nổ bấy nhiêu cột khói, hồi ấy từ trên làng Mơ đồi Giàng này tôi nghe thấy và đêm thấy rõ mồn một.

Gia đình tôi hồi ấy chia hai ngả. Chị gái và em trai theo mẹ sơ tán lên Thái Nguyên, còn tôi theo cơ quan cha về làng Mơ. Ở nơi sơ tán chẳng bao lâu thì cha tôi được điều sang Đông Âu làm việc, thành ra nguyên ngôi nhà gạch ba gian địa phương bố trí cho riêng ông thuộc cả về tôi. Cha mẹ thuận tình để tôi được một mình ở lại làng Mơ. Đã năm cuối cấp, tôi không muốn phải chuyển trường, với lại mười tám tuổi đầu rồi thừa sức lo thân. Mà thật ra nào có phải lo gì. Mức sống con nhà cán bộ “bìa A Tôn Đản” dầu chẳng hề thừa mứa nhưng dư đủ để cho tôi ngày ngày ngoài sự học hành chỉ phải gánh thêm mỗi một việc là rong chơi.

Êm ấm và sáng tươi biết là nhường nào quãng đời ấy. Không chịu thiếu thốn, không một chút vất vả nhọc nhằn, hoàn toàn vô tư lự, tôi dễ dàng ưa thích đời sống nông thôn. Cảnh vật miền quê được ghép vào tâm trí tôi y như được trang trí trong những truyện ngắn thời ấy viết về đề tài nông nghiệp. Đồng lúa, lũy tre, dòng kênh, bãi dâu, dế mèn, bướm bướm, tiếng sáo diều, tiếng gà gáy, tiếng keng hợp tác, tổ chim sẻ, hang chuột đồng, khoai luộc, ngô nướng, ngô sen... Lao động, hát ca, không một giọt mồ hôi nước mắt.

Thậm chí chiến tranh cũng mang gương mặt tươi vui giúp làm rộn rã thêm lên những tháng ngày bình yên của tôi hồi đó. Hồi đó cứ vài ba hôm lại được thấy một trận không chiến trên lưng trời, rồi cứ vài ba hôm lại một tên Mỹ vọt khỏi máy bay đeo dù sa xuống sông, xuống ruộng. Dân quân thúc keng gọi cả làng đi bắt giặc lái. Tiếng hò reo vang dậy. Mặc dù tiếng gầm hú của các loại máy Mỹ nhiều lúc nghe dựng cả tóc gáy, nhưng tôi chẳng đời nào chịu hèn nhát chui hầm, luôn luôn tôi liều lĩnh chạy lên đỉnh đồi Giàng để thỏa thích xem cho tường tận hết tầm mắt toàn cảnh những cuộc giao tranh hùng tráng trên trời xanh giữa máy bay và máy bay, giữa máy bay và cao xạ.

Hồi ấy giá mà học hành kha khá hơn một chút thì tôi đã thật sự là thoải mái mọi nhẽ. Nhưng cũng y tình trạng của tất cả những năm học trước đó, suốt năm lớp Mười tôi đội sổ hầu hết các môn. Đại số, hình học, lượng giác, văn, sử, Tiếng Nga, vật lý... tất tật, không tài nào tôi kham nổi, tôi không hiểu cái gì hết. Tự mình mà phát nản mình. Có điều là tôi chẳng bận lòng. Bắn vào vị thế gia đình mình thì gì chứ cái sự vào được đại học, nếu thiết tha, đối với tôi chẳng quá khó. Nhưng tôi cũng chẳng thiết. Đang được tự do một mình một cõi, cứ ung dung mà hưởng chứ tôi gì phải âu lo nghĩ ngợi mết đầu. Và lại, dầu học hành bết bát tôi vẫn cứ là trai Hà Thành độc đắc trong lớp. Không thơm cũng thể hoa nhài,

ngoại trừ điểm số các bài kiểm tra còn thì tất cả các phương diện khác tôi ăn đứt mọi người. Mặc kệ học lực thế nào, tôi tin chắc trong mắt mọi người tôi chẳng hề là cái thứ lệt đệt, trái lại. Đám học trò chôn quē lẽ tất nhiên không thể nào lại không phục tôi, không thể nào lại không mến chuộng con người tôi. Chẳng hạn như là bọn con gái. Chẳng hạn như là Duyên.

Phải nói là vừa thoát gặp, Duyên đã cảm tôi. Mới sơ tán về, nhập học vài hôm, tôi đã gần như là giằng được Duyên ra khỏi những bạn học đã nhiều năm rồi của cô. Cứ vậy nghiêm nhiên chẳng cần phải có cử chỉ gì, kể cả sự tử tế làm quen, tôi đã nhanh chóng chiếm lĩnh tình thân mến của cô gái xinh nhất trường, xinh nhất cả trong vòng vài mươi dặm quanh đây nữa.

Bây giờ điểm lại quả tình tôi cũng không thể nhớ hết được những nét hấp dẫn của mình hồi đó. Nhưng tôi nhớ tất cả những chiêu chuộng Duyên đã dành cho tôi. Khác với thời nay, học trò hồi đó, nhất là ở quê, rất ngại và rất tránh cái chuyện bạn bè trai gái chỉ hai đũa, vậy mà Duyên đã dễ dàng chịu cho tôi tự nhiên như không ra mặt sóng đôi với mình. Tôi thì tất nhiên chẳng xá gì ai. Ngay ngày đầu vào lớp là chọn ngay chỗ ngồi cạnh Duyên. Dọc đường đi học, tan trường cũng vậy, luôn luôn tôi và Duyên. Trong lớp, ngồi sánh vai, tôi thoải mái quay cốp bài kiểm tra của Duyên. Bài tập về nhà, Duyên cũng cáng gần như tất cả cho tôi. Khi ốm phải nghỉ hoặc khi trốn học, tôi cậy Duyên ghi chép bài vở. Những hôm lao động, phải việc nặng là tôi ngấm nhờ Duyên. Đời tôi, trước đây cũng như về sau này, không hề có được một người bạn nào thân thiết và tận tình cho bằng Duyên hồi ấy.

* * *

Hồi ấy ở làng Mơ, nếu không kể tôi là dân Hà Nội sơ tán về thì chỉ được mỗi Duyên học nổi lên cấp Ba. Ở đây hồi ấy lên được cấp Ba là cả một sự không vừa bởi lẽ làng Mơ vốn không phải đất học. Trong làng, con trai con gái già cảnh dù thuận lợi thế nào cô lắm cũng chỉ nổi cái bằng lớp Bảy là tốt rồi. Vậy mà Duyên thậm chí về sau đã vào đến đại học, thậm chí sang học hành đỗ đạt thầu tận bên Đông Đức. Có thể nói rằng ở Duyên mọi sự đều không như là lẽ ra cô phải như thế.

Có thể ngày nay đã khác rồi chứ còn thời đó tại miền quê tôi sơ tán về đẹp thiên nhiên không nuôi dưỡng vẻ đẹp của con người. Vật vả lam lũ, thiếu ăn đứt bữa từ nhỏ, từ nhỏ đã phải quần quật làm lụng, quanh năm suốt tháng đầu tắt mặt tối, tóc cháy da xém, các cô gái trong vùng hầu hết kém nhan sắc. Một mái tóc mượt mà, một gương mặt ưa nhìn. Một nước da sáng đều là lạ lùng. Đến như Duyên thì đã thành ra là một sự quá đáng, một điều trớ trêu. Còn hơn cả trớ trêu nữa, bởi nổi xinh xắn như thế mà cô lại là con gái bếp Vẹ, một con cóc già gớm guộc, xấu xí thô lậu không ai bì nổi. Chẳng những vậy, ông bố của Duyên còn là phần tử xỏ nhảm giầy đi lính cho Tây thời tạm chiếm. Cái tạo trở về lão ta vẫn tiếp tục làm cho lý lịch của con gái thêm nặng căn bởi cái tội nhất quyết không chịu vào hợp tác. Trong khắp cả hai xóm của làng Mơ hồi ấy chỉ duy nhất hai bố con bếp Vẹ là hộ cá thể.

Nhà, lão cũng cất riêng ra một xó. Hồi ấy hai xóm làng Mơ đều ở cả về phía đông đồi, độc có mỗi mình nhà của bố con bếp Vẹ, chẳng thuộc xóm nào, nằm lẻ loi bên mạn tây lưng đồi. Nhà ba gian, sơ sài, mái tranh vách đất. Quanh nhà không rào dậu cũng chẳng vườn tược gì. Chỉ hai cây cau cạnh giếng, một cây ổi ở đầu hồi. Nhà cửa nom tuyênh toàng như vậy nhưng bếp Vẹ là kẻ kiếm được, có của ăn của để. Ngôi nhà của lão bề ngoài có vẻ như là bị xa lánh, thực ra rất được thiên hạ ái mộ, bởi vì đây là quán cuộc lủi độc nhất của cả vùng. Cuộc lủi, song bếp Vẹ nấu lẩu công nhiên. Muốn uống chơi một cút hay muốn cho say nhè một giỗ cả chục mâm cứ dò đến lò bếp Vẹ. Thường thì người ta xách chai đến mua về, nhưng cũng có thể tùy hứng lặn đến ngồi nhâm nhi trộn đời suốt ngày ở gian giữa túp nhà tranh. Chỉ có điều tuyệt đối không được gây ồn làm ảnh hưởng đến cô con gái của chủ quán đang miệt mài đèn sách ở gian trong.

Cái sự lão Vẹ cấm cung con gái là một trong những đầu đề để đàm tiếu của dân làng. Từ ngày lên thầu tới cấp Ba, Duyên được bố tha hết việc nhà, không phải làm lụng gì hết, chỉ học. Học chí chết, học tới ngày. Hồi ấy bởi vì chôn quē chưa được lốm đốm ánh điện như bây giờ nên ngọn đèn dầu ở bàn học của con gái rệu bếp Vẹ nơi góc tây đồi Giàng luôn luôn một mình một chắm sáng vò vớ rọi rất sâu vào canh khuya, thiên hạ có thể nom thấy được từ rất xa, ngay cả trong những đêm dài trời mưa. Tội nghiệp cô gái. Chăm chỉ cỡ cô ta quá thể là đáng thương.

Dân làng kháo rằng bếp Vẹ bắt con gái còng lưng học, học đến không góc đầu lên được như thế là cốt để sau này có thể thay mặt lão góc đầu lên. Đến nỗi những sinh hoạt ngoại khóa của trường của

lớp, trừ phi không thể không tham gia, còn thì Duyên đều bị bố bắt phải bỏ. Bạn bè cả trai lẫn gái ở lớp đều bị ông bố của cô làm cho không dám bén mảng đến tìm cô ở nhà. Chỉ duy có tôi là lão không làm dữ, và chỉ khi bạn bè với tôi thì Duyên mới phần nào được nói lỏng lỏng cũi.

Không hiểu vì sao mà được như thế, tôi cũng chẳng cần biết. Sáng sớm tôi vờng qua bên kia đồi đón Duyên cùng đến lớp. Buổi trưa đưa cô về. Bếp Vệ thế nào cũng phải nhất thiết rước tôi vào nhà, tử tế mời mọc cho bằng được tôi nếm chơi một món nhắm nào đó lão vừa nấu. Với toàn thể thiên hạ lão đều mảy tao, với tôi, lão gọi cậu. Bặm cậu. Lão còn thân tình, rất đổi tin cậy chịu cho tôi chiều chiều đón Duyên qua “nhà riêng” của tôi để học nhóm.

Dĩ nhiên vẫn chủ yếu là Duyên phải học. Tôi thì chẳng cố, có cố cũng chẳng vào. Nhưng mà tôi rất thích được ngồi ôn bài với Duyên, hai đứa bên nhau trong căn nhà vắng.

* * *

Đạo đầu, mới sơ tán về, buổi sáng đi học, tôi cùng Duyên theo lối tắt qua đồng Rạng, ngang công làng Ngọt gặp Hưởng, ba đứa cùng nhau đến lớp. Sang học kỳ hai lớp Mười, được cha gửi từ bên Tây về cho một chiếc xe đạp Mipha cực điệu, ngất ngưỡng tôi diện lên chạy sáng choé con đường quê. Tôi có xe, Hưởng từ đây một mình đi con đường nhỏ qua đồng lúa. Tôi thì lại Duyên theo đường huyện, vòng vèo, xa hơn, nhưng ngày mưa không đoạn nào bị lầy lội, ngày nắng được bóng cây che. Chỉ có hai đứa với nhau thôi cực kỳ dễ chịu mà lại luôn luôn là chúng tôi đến lớp trước Hưởng.

Hưởng “gà nòi”. Hưởng “thiên tài nhà quê”. Cả hai biệt danh ấy đều là tôi đầu têu gán cho niềm tự hào của lớp. Không chỉ của lớp, Hưởng còn là của toàn trường, của cả huyện nữa. Đầu tiên thi toán giỏi trong tỉnh, Hưởng lên thi ở cấp toàn miền Bắc và cũng đoạt giải, nhì hay ba gì đó. Song tay trạng nguyên này là đứa tôi ghét đặc. Giỏi thì làm cái gì chứ. Giỏi nhất lớp nhưng cũng khó coi nhất lớp. Thấp bé, đen đúa, còm nhom. Quanh năm tứ thời chân đất, quần áo có lẽ chỉ độc một bộ, vá chẳng. Đến lớp mà như đi cày. Mà cũng đúng thế, Hưởng chính công một anh thợ cày, tan trường là xuống ruộng, con trâu đi trước cái cày theo sau. Là bí thư chi đoàn nhưng rất kém đường nói năng, lời lẽ đã vụng về lại nặng trịch cái giọng làng Ngọt không giống ai.

Tuy nhiên, sau này ngẫm lại, tôi phải tự thừa nhận rằng thái độ của mình hồi ấy coi thường Hưởng chẳng qua là vì tức tối, mình dốt hần giỏi.

Nói gì đi nữa, những điểm Năm của Hưởng vẫn đã khiến tôi rất mặt. Không hiểu bằng cái tài thánh nào, thời gian đâu ra mà giữa chồng chất bao nhiêu công việc đồng áng phải cang, hần vẫn hết sức chần chu bài vở, trăm thứ bà giằn kiểm tra với thi thử hần vẫn luôn điểm cao nhất lớp. Khi còn bộ ba trên đường đi học với nhau tôi đã bức mình không chịu được cái lối của Hưởng chỉ cứ mãi hoài có mỗi chuyện học với chuyện điểm, ôn bài với truy bài. Chịu mãi rồi cũng có hôm không chịu được. “Đã bao giờ mày thấy cái ô điện chưa mà cứ luôn mồm *ôm* với lại *oát* thế hả?”, tôi nhạo. Và cục cằn làm hần chưng hửng: “Mày giỏi kệ mày. Tao với Duyên cũng đã ôn bài cả chiều qua, lâu lâu rồi, thừa hiểu rồi, quái gì mà phải cần mày làm thầy”.

Thú thực là ngay buổi đầu tiên đi với Duyên đến trường, qua công làng Ngọt gặp Hưởng nhập vào đi cùng, tôi đã lập tức thấy khó chịu. Tôi thích là thích Duyên chứ nào thiết cái thứ mà cô ta gọi là “bộ ba chúng mình”. Mà Hưởng cũng vậy, tôi nghĩ, tuy bằng mặt nhưng trong bụng ắt hần hần chẳng khoái gì tự dung có thêm thằng tôi xen vào. Trước khi có tôi xen vào, trên đường đi học ngang qua cạnh đồng này, chỉ có Duyên và Hưởng. Hai đứa đã đi cùng nhau như thế từ ngày mới vào cấp Hai, đã hằng bao nhiêu năm rồi, đã thành cái lệ của hai đứa, phải nói là khăng khít. Tuy nhiên tôi nhanh chóng nhận thấy là thật ra cũng chẳng phải khăng khít gì lắm. Đôi bạn quá trái nhau. Không chỉ ả cao anh thấp, ả trắng nõn anh gầy gò đen xít, mà tính nết cũng cộc cạch.

Duyên tâm tính vô tư, hồn nhiên, nhẹ nhõm. Cứ ra khỏi nhà, xa khỏi ánh mắt của ông thân sinh hung tợn là cô hơn hớn lên ngay, vui vẻ ríu rít nói cười đủ chuyện. Còn Hưởng thì cứ hể sự trò chuyện mà lạc ra khỏi hai đề tài làm bài với làm ruộng là hết ý, là ngậm hột thị. Với tôi đã đành, với Duyên hần cũng chỉ biết áp ứng với lại cười trừ. Khi vào trong lớp, tuy ít lời nhưng Hưởng chẳng phải đứa lậm lì, cũng như mọi đứa bạn khác thôi, nói năng, chuyện trò, chơi đùa, cãi lộn. Song cứ ở bên Duyên là hần tự dung vừa như người lớn hần lên lại như nhãi ranh hần đi. Lời lẽ lúc rụt rè lúc cứng như gỗ, cử chỉ lụng vụng, lóng ngóng. Tôi thấy rõ là hần sợ cô bạn của mình, luôn luôn e mất lòng, chẳng bao giờ làm

trái và nói trái ý cô. Có thể nói là trong nội bộ của bộ ba chúng tôi, cô nàng thì hết mực chiều tôi, còn anh chàng thì hết mực chiều cô nàng.

Đến cái hôm được tôi thông báo rằng kể từ sáng mai đừng đợi nhau nữa, “mày cứ đường đồng này mà đi, tao lai Duyên nên phải đường cái đi vòng”, Hường không nói gì cả. Dĩ nhiên là hẳn không vui rồi, tôi biết, nhưng bởi Duyên vui về tán thành ý tôi, tách hội ra như thế cho thuận đường, đỡ sức và đỡ thời gian, đúng không, thì cũng như mọi khi, cô muốn thế nào hẳn phải chiều thế này.

Và lại, có gì là trọng đại. Ban đầu trong lớp mọi người có bàn ra tán vào chút ít, chỉ trỏ, trêu chọc này nọ, nhưng cũng chỉ thế thôi, ai mà để ý mãi. Duyên thì rõ là rất thích đi học bằng xe đạp. Mất đi cái nếp quen thuộc ngày ngày có Hường trên đường tới trường đã chẳng làm cho cô phải băn khoăn một tẹo nào. Tôi thì tất nhiên là cũng chẳng hơi đâu mà áy náy. Dù không thể không tự thừa nhận rằng mình đã cố tình chơi trội Hường, nhưng còn quan hệ của hẳn với Duyên, tôi tự thấy là mình đã chẳng hề ác ý chọc gậy bánh xe. Mà sự thực là thế. Không lẽ chỉ vì mấy cây số tôi đưa Duyên tạm tách ra mà hẳn phải lấy làm điều để mà nặng nề với nhau, đúng không?

Thế nhưng Hường lại đã lấy làm điều. Bề ngoài hẳn vẫn vậy, nghiêm túc học hành, nhiệt tình công tác lớp công tác Đoàn, với bạn bè không ít lời hơn không nhiều lời hơn, không vui hơn buồn hơn. Nhưng tôi thừa biết là hẳn buồn. Duyên và mọi người không để ý nên không thấy, còn tôi thì tôi để ý. Âm thầm hẳn ức tôi hẳn giận Duyên. Không có biểu hiện nào để bảo rằng như thế cả, nhưng tôi tin chắc là như thế. Đôi khi cũng muốn có một cử chỉ nào đấy để làm lạnh, song không biết nên cử chỉ thế nào cho phải, với lại tôi nghĩ mình có làm cái gì đâu mà phải làm lạnh. Tôi thấy Hường không quan tâm. Tôi nghĩ thẳng này vật tính. Đã vậy, tùy thôi, với tôi những lần bản cổ thế này chỉ cái phẩy tay.

Mùa xuân năm ấy lạnh lẽo và mưa phùn lê thê như thể tiết thu mưa dầm. Trên các ngã đường tới trường ngang qua những cánh đồng khúc thì trơn như đồ mỡ khúc đen xì bùn lầy. Trước giờ vào lớp, thấy cô, bạn bè hầu như ai cũng bị ngấm mưa và ngấm lạnh, ướt át, thâm tái, nhiều người túi dết với quần áo lấm lem vì trượt ngã. Nhưng mà mùa hè năm ấy lại như về sớm hơn lệ thường. Tháng Tư, đã gió nồm lộng thổi. Nắng vàng ruộm, trời trong xanh. Buổi sáng đến trường, tôi đạp xe lai Duyên, trưa về Duyên chờ tôi. Buổi chiều đều đặn học nhóm hai đứa ở nhà tôi. Cửa sổ rộng mở trông xuống dốc đồi và trông ra mênh mông đồng bằng bát ngát.

Tiết trời tuyệt diệu và niềm vui lâng lâng cứ đung đỉnh cùng tôi thong dong ngày qua ngày, từ lúc rạng mai cho tới tận khi mặt trời lặn hẳn.

* * *

Nhưng rồi một buổi chiều như là bỗng dưng sức nhớ ra, Duyên bảo: “Ôn tập nước rút thế này thì phải học nhóm với Hường chứ, không thì chết, không vững kiến thức mà thi đâu”. Đến hôm đấy chúng tôi đã học được gần chót chương trình, chỉ còn phải tới trường nốt một tuần nữa là sẽ nghỉ để ôn thi. “Thôi, từ chiều mai đừng học ở đây nữa, chúng mình đi xe đạp xuống dưới Ngọt học ở nhà Hường nhé”, cứ như không, Duyên bảo với tôi thế, dễ dãi, nhẹ nhõm. “Chúng mình phải chịu khó xuống đây với Hường, chứ còn rủ nó lên đây học cùng, chẳng may bỏ mà biết thì chết”.

Hồi ấy không có thi tuyển vào đại học, chỉ có kỳ thi tốt nghiệp phổ thông, và các đề thi hàng năm cũng không dữ dằn ghê khiếp vượt quá sức người như thời nay. Dù vậy thân phận học trò thì vẫn cứ thấy sợ khi kỳ thi tới gần, ngay cả đến thẳng tôi cũng biết chồn, cũng tự nhủ sẽ dốc sức ra ôn luyện. Mà với Duyên vẫn đề không chỉ là thi đỗ, cô còn quyết đỗ cao, điểm ưu cả bốn môn, bởi như thế thì mới hy vọng át đi được phần nào cái lý lịch tôi xâm. Cho nên lúc bình thường có thể không cần đến Hường lắm, nhưng đã tới giai đoạn nước rút, rà duyệt và củng cố lại kiến thức một lần chót, Hường trở nên cần thiết hơn bao giờ. Có Hường ôn tập cùng, có Hường kê bên giúp đỡ, sẽ vững tâm được, sẽ chắc ăn hơn. Tôi hiểu suy nghĩ của Duyên. Nhưng tôi thấy bức mình. “Đây đêch cần sát cánh với cái thằng chuyên đời học gạo ấy!”, tức tôi tôi gạt phắt đề nghị của Duyên. “Đây muốn dựa dẫm nó, nhờ vả nó thì đây cứ việc, nhưng cuộc bộ mà đến nhà nó nhá, chứ chẳng ai xe cộ đâu mà hầu, đừng có hòng!”

Phút chốc, một lời như vậy, chúng tôi từ nhau.

Trong tuần lễ cuối cùng ấy của niên khóa, Duyên lại lười cũ đi ngang đồng rộng, qua làng Ngọt gặp Hường, cùng nhau tới lớp. Tôi một mình sáng đi trưa về đạp xe. Buổi chiều, Duyên chịu khó cật công

đi xa xuống dưới làng Ngọt để học nhóm với Hường.

Được vài hôm thì bếp Vệ nhận ra sự việc. Lão sang nhà tôi. Ở trần, đàm đĩa mồ hôi, nòng nặc hơi men. “Bầm cậu. Vậy ra con Duyên nó không bên này với cậu?”. Tôi nói chúng tôi đã tách nhóm, bây giờ Duyên chuyển xuống học nhóm dưới làng Ngọt. “Ra là cái con mặt nết ấy nó dối bố nó! Học dưới Ngọt, tức thị là nó học với thằng con nhà Hào, có phải?”. Bộ mặt thô sân đỏ bầm, lão vẫn mắt lên, giọng rệu, khàn đặc: “Thằng con nhà đó tôi đã mấy bận đe thằng mặt rồi rằng khôn hồn chớ có mà tơ tưởng con Duyên nhà tao. Không có là tao thiên! Không có là tao chặt đầu, như là hồi nọ Tây nó chặt đầu thằng bố!”. Lão nói là ngay bây giờ sẽ đi lùng hai đứa, trừng trị *thằng đó* và tập lự *lời con đó* về. Chẳng muốn can lão làm cái gì, mà không hiểu sao tự dưng tôi lại can: “Ông cứ kệ cho hai đứa nó học với nhau đến khi thi xong đã. Thằng Hường nó học giỏi lắm cho nên cái Duyên nó mới cần học cùng với thằng Hường”. Đã phùng phùng hơi men và đang khùng lên cái giận, lão già cự nự quân vắn lập tức nghe thấu được ra cái lẽ phải đầy khôn ngoan của tôi. Vậy là nhờ tôi, Duyên và Hường hai đứa đã may mắn thoát nạn. Rõ là tôi đã rất tử tế. Vậy mà... Càng nghĩ tôi càng uất. Càng cô tỏ ra không thèm lưu ý gì đến hai đứa tôi càng thấy căm. Một mình lầm lũi, buồn giận không để đâu cho hết. Ngày lại ngày lòng nặng ghen tức, chẳng biết trút vào đâu, học không vào được.

Nhưng rốt rồi cũng có được một cơ hội để tôi hả cơn.

Hôm ấy, buổi học sau cùng trước khi nghỉ ôn thi, chi đoàn tổ chức đăng ký tình nguyện Ba sẵn sàng. Bí thư Hường thay mặt toàn chi thảo một quyết tâm thư chung gửi lên đoàn cấp trên. Nội dung bức quyết tâm thư mới thảo ấy được đọc lên để mọi người góp ý kiến bổ sung. Đại khái là quyết tâm sau khi tốt nghiệp sẽ sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, nhận bất cứ nhiệm vụ gì, dù khó khăn gian khổ thế nào cũng không quản ngại...

“Nhưng tại sao lại phải nhấn mạnh: sau khi tốt nghiệp?”, tôi lập tức lên tiếng khi Hường vừa đọc dứt.

“Thì thế chứ sao... Gì thì cũng phải tốt nghiệp xong đã chứ” “Thế mà dám gọi là sẵn sàng à?”, tôi đập ngay. “Đã gọi là sẵn sàng tức là phải ngay bây giờ, ngay lúc này làm ngay!”.

Hường lúng túng: “Thì đúng thế... việc trước mắt, việc chúng mình phải làm ngay là thi cho tốt chứ còn gì?”.

Tôi cười vào mặt hắn: “Thôi đi! Sẵn sàng là sẵn sàng chiến đấu chứ lại sẵn sàng thi! Mà nói khôn thế, Mà thừa biết là hiện nay đang đợt tuyển quân mà. Trong lớp này, chỉ mày với tao đã mười tám. Thế nên mày có dám làm như tao ngay sáng mai lên huyện đội nộp đơn tình nguyện không? Có dám không? Không thì im đi, đừng có mạnh mẽ sẵn với lại chẳng sàng!”. Tôi hả hê nhìn bao quát cả lớp, nhìn thẳng mặt Duyên, và nhìn chằm chằm Hường. “Thế nào?”. Ráo riết, tôi gặng. “Thế nào mày, Hường?”. “Cũng được...”, Hường đáp, bối rối, cực kỳ thiếu cả quyết. “Được thôi...”.

Đến giờ, đã bao năm qua rồi, tôi chẳng sao còn nhớ được tý mĩ chữ nghĩa của lá đơn tình nguyện nhập ngũ mà tôi đã viết chiều hôm ấy, song chắc chắn là tôi đã viết ra toàn những dòng lửa cháy, những câu văn dài sục sôi tâm huyết. Có thể nói là từ lâu trước đó tôi đã xác định rồi, tôi đã tự biết rằng đảng nào mình cũng sẽ tình nguyện nhập ngũ, sẽ trở thành phi công tiêm kích, trở thành sĩ quan tên lửa, trở thành thuyền trưởng tàu phóng lôi. Đã định bụng như thế, lại thêm lời thách đấu, tôi càng quyết lòng hợn bao giờ hết. Cha mẹ đều ở xa, tôi không ngần ngại mạo chữ để viết những lời như đinh đóng cột khẳng định sự đồng thuận của gia đình.

Sáng hôm sau, y hẹn với Hường, tôi đạp xe lên huyện. Chẳng thấy mặt Hường đâu. Thằng hèn, tôi nghĩ, và càng thêm cả quyết, tôi mạnh mẽ bước vào trụ sở Huyện đội với lá đơn tình nguyện trên tay. Nào ngờ lời thách đấu của tôi hôm trước đã đến tai nhà trường và cơ quan cha tôi, họ nhanh chóng thông báo với ban tuyển quân để ngăn cản tôi. Thành ra chẳng những không chấp nhận đơn, cán bộ tuyển quân lại còn cạo tôi nữa. Ra trận đánh Mỹ không phải là cái chuyện để các cậu mang ra thách độ sĩ diện của nhau. Cậu tình nguyện nhưng phải gia đình đồng ý mới được. Đây là cậu mạo chữ ký bố mẹ. Còn cậu Hường cậu ấy con một, lại gia đình liệt sĩ nên càng phải được gia đình bằng lòng. Vậy mà bà mẹ cậu ấy vừa mới tới lúc sáng sớm đây này, khóc quá là khóc. Cho nên các cậu thôi ngay đi. Xạc tôi một trận, ông sĩ quan lại hạ giọng khuyên: “Gì chứ đánh Mỹ thì chả đi đâu mà vội, chả đi đâu mà sợ mất phần. Cứ chờ đợi, sẽ tới lượt. Trong khi chờ thì gắng mà học cho tốt với lại bạn bè với nhau

cho tử tế”.

Ngày ấy đã tới, cuối tháng Năm. Tôi xăm xăm đạp xe đến trường, hăng hái mạnh bạo có lẽ hơn hẳn tất cả các thí sinh khác. Song, tôi đã không có ngay được cơ hội thanh toán nợ nần danh dự. Phần vì theo chữ cái tên riêng chúng tôi không được bố trí vào cùng một lớp, phần vì hai ngày bốn môn, căng thẳng, nhọc mệt. Ấu lo, chẳng ai còn tâm trí đâu nữa mà nghĩ lan ra những chuyện bên ngoài bài thi.

Dĩ nhiên, học hành như tôi thì thi cử quái gì. Hai ngày, cả bốn môn, đều cần bút, đều gần như là để giấy trắng nộp bài. Nhưng thực tình tôi cóc cần.

Buổi chiều, u uất, chán chường, mệt nhoài sau môn thi cuối cùng, vừa ra khỏi cổng trường, tôi trông thấy Duyên và Hường bên đầm sen. Duyên ngồi trên bờ. Hường đang từ dưới đầm lội lên, trên tay một ôm gần chục bông sen hồng. Vứt xe đạp bên vệ đường, tôi chạy cắt bờ ruộng, lao xộc tới chỗ hai đứa. Không nhìn Duyên, hùng hổ tôi túm ngực áo Hường:

“Thế nào thằng thiên tài nhà quê? Mày gao sông gao chết bấy lâu chỉ để về sau được cày trên bạn giấy, thoát phận kéo cày dưới ruộng, đúng không? Vậy sao còn mạnh mẽ tình nguyện với lại sẵn sàng? Mày hèn, mày trốn lủi không dám cùng tao lên huyện đội thì mặc cha mày, nhưng sao mày lại còn ton hót để cản đường tao?” “Không phải thế! - Duyên kêu lên, chạy tới giằng tay tôi - Hai người thách thức nhau ngay trước lớp chứ có phải thâm thì kín đáo gì đâu mà bảo là ton hót với cản đường cơ chứ” “Im mồm!” - Tôi xô mạnh, đẩy Duyên ngã ngồi xuống.

Bó sen đổ xuống, vung tóe ra. Hường nhào đến. Chỉ đợi có thế, tôi đâm móc hàm hấn. Hường nhà nghèo phải học chậm một năm, còn tôi bị lưu ban một lần hồi cấp hai, nên lớp Mười mà cả hai đều đã mười tám tuổi.

Song, tôi khỏe hơn Hường là cái chắc. Tôi nện hấn ngã dúi, rồi nhảy tới, đè sáu chục ký lô lực lên tấm thân nhỏ con gầy guộc của Hường, đâm tới tấp, không thương tiếc, nhắm giữa mặt.

“Thằng bạn tiện, thằng hèn, thằng công tử bột đáng khinh...”, tôi nghe thấy thế, hình như Duyên đã gào lên như thế. Nhưng khi các bạn học và những người qua đường xúm tới gỡ chúng tôi ra, loạng choạng đứng dậy, ôm cái mặt mình bị Hường đâm rách môi vỡ mũi nhìn quanh, thì tôi đã chẳng còn trông thấy Duyên đâu nữa. Tôi đây lại là thằng hèn ư? Có phải lời rửa xả của cô ta là nhằm vào tôi không? Thằng đáng khinh, thằng bạn tiện?

* * *

Cả lớp chỉ mình tôi trượt vô chuỗi. Hường thì cố nhiên điểm thi đầu bảng khối Mười của cả tỉnh. Nhưng mà tôi đã tuyệt nhiên cạn sạch lòng ghen tị. Chẳng hiểu là do đâu. Như thế là cuộc ẩu đả bên bờ đầm sen đã nặn hết ra khỏi tôi những giọt độc của thứ tình cảm bạn tiện ấy. Lặng lặng tôi rời khỏi làng Mơ, chẳng chào ai. Gia đình bố trí để tôi lên khu sơ tán của mẹ, chờ kỳ thi năm sau...

Kỳ thi năm sau may mắn trót lọt, mặc dù điểm số chỉ nhàng nhàng, tôi được sang Liên Xô du học, tốt nghiệp về nước vừa vặn ngày Toàn thắng. Tôi dạy đại học vài năm rồi lại sang Nga học nghiên cứu sinh, làm luận án phó tiến sĩ. Rồi nữa, luận án tiến sĩ. Bây giờ thì cuộc đời tôi đã thật hoàn hảo, tuy nhiên theo một ngả có thể nói là hoàn toàn khác với chí lớn anh hùng thời trai trẻ học trò.

Hồi ấy Duyên cũng đã đỗ kỳ thi tốt nghiệp phổ thông với điểm số chắc là rất cao. Song, cao đến mấy thì cũng thật khó hiểu cái sự người ta chấp thuận để cho cô ôm một cái góc gác, một cái lý lịch tệ hại như vậy bước chân vào đại học. Lại còn là đại học nước ngoài.

Sau bảy năm lưu học ở Đông Đức, Duyên về làm việc ở Hà Nội. Và thế nào mà cũng cùng dạy một trường với tôi, chỉ khác khoa. Gặp nhau, cũng mừng, cũng chút bối rối, nhưng nói chung thì tôi không thấy trời lên một tình cảm đặc biệt gì. Đến khi nhận thiệp mời dự đám cưới của Duyên với một giáo sư ở cùng khoa với tôi, thì cũng như với mọi đám cưới bạn bè khác, tôi cũng chẳng mấy bận lòng.

Thành ra, thật khó cắt nghĩa niềm lưu luyến của tôi với làng Mơ. Tuổi trẻ đã nguội đi từ lâu, lòng dạ uể oải, trái tim buồn ngủ, nhưng hình như vẫn có gì đó trong tôi chưa lụi hẳn. Vài năm một lần, cuối thu, tôi về làng. Có khi cũng chẳng vào thăm nhà ai. Chỉ leo trăm bậc tam cấp đồi Giàng, lên đình ngắm cảnh đồng bằng mờ trong sương thu.

Nhưng bao giờ trước khi ra về tôi cũng vào thăm nghĩa trang liệt sĩ của xã ở bên mạn đông đồi Giàng. Gần hết các bạn trai cùng lớp Mười với tôi hồi ấy yên nghỉ tại nghĩa trang này. Hầu hết hy sinh ở mặt trận phương Nam. Nghe nói nhiều người chỉ là tên tuổi trên bia mộ thôi chứ hài cốt chưa được tìm thấy hoặc là gia đình chưa có điều kiện vào Nam đón về. Mộ của Hường là như vậy, chỉ tên trên bia mộ, hài cốt chưa tìm thấy. Tôi không hỏi, mà cũng không biết hỏi ai xem duyên do thế nào mà hồi ấy sau khi học xong lớp Mười, Hường vẫn đi vào bộ đội.

Tất nhiên không phải là tôi hoàn toàn không hiểu. Vào những năm tháng anh hùng ấy chúng ta ai cũng chí lớn như ai, nhưng rồi ra mỗi người lại bước đi trên những ngã đường tuyệt đối khác xa nhau. Cái đó người ta vẫn gọi là số phận, là định mệnh. Đời tôi chẳng hạn, chỉ chút nữa thôi đã hướng khác rồi. Có thể là tôi đã vào bộ đội, đã lâm trận, trực tiếp chiến đấu ở hàng đầu. Đáng lẽ tôi đã là một con người nào đó, vậy mà tôi lại là tôi như bây giờ đây. Sự đời là thế, không có gì là khó hiểu, dù vậy, thú thực tôi vẫn không hoàn toàn hiểu nổi vì sao lại thế.

Mắc cạn

Vào thời của Túc và Hảo, bỏ nhau dù đã dễ hơn xưa nhưng chưa thể dễ bằng thời bây giờ thế hệ trẻ. Hồi đó, Hảo Túc thuận vợ thuận chồng đến thế, đồng lòng đâm chung một lá đơn đánh máy, xưng *chúng tôi*, không nguyên không bị, cùng nhau thống nhất duyên cớ, lại còn cùng nhau chịu mọi tổn kém, san sẻ mỗi bên mỗi nửa tất tất những món trà thuốc phong bao phong bì dùng để bôi trơn các cửa, vậy mà sự chia ly cũng rất lúng nhùng.

Vợ chồng sát cánh đợi chờ, mất biết bao nhiêu là công phu, nghị lực và phí tổn, mãi hoài rồi mới tới được với cái ngày thu đẹp trời ấy. Hai người được trát triệu hầu tòa. Ở đó, sau khi nghe thêm một lượt nữa lời bà chánh án khuyên răn, can gián, hòa giải, anh chị được cầm lấy bút, và bây giờ mới thực sự là lần chót chữ ký của Hảo của Túc nằm chạm nhau.

Đôi lú đã rẽ duyên lằng lằng ra về song cũng vẫn chưa thể ngay tức thì đôi ngả. Chiếc xe đạp sẫm hồi mới cưới giờ đã bệ rạc, treo treo nghiêng rãng, Túc và Hảo một lần chót lại nhau dọc phố. Từ tòa án về nhà đường xa năm cây số, và tuy rằng Hà Nội ngày thu đẹp trời thật đấy nhưng với ai chứ với họ thì thời tiết sao mà tức thở, nồng nực, oi ngọt, nắng chang chang.

Hỏi rằng vì sao ở đời có sự yêu nhau, vì sao không đâu người này lại chọn người nọ, từ lạ hoặc lạ hơn tự dung nhập một vào nhau đàn ông đàn bà, ai mà có thể trả lời. Cũng vậy, thiên hạ thôi nhau, không thương nhau nữa, đường ai nấy đi, nào có bởi can cố gì.

Xưa xưa, Túc Hảo sơ khởi đánh bạn khi đang cùng nhau trên tàu liên vận. Cả hai cùng xa Hà Nội năm lên mười tám. Vì là con độc không phải nhập ngũ, lại học giỏi đỗ cao nên Túc được chọn đi tây. Hảo thì không giỏi mấy, nhưng thuộc diện ưu tiên. Tình bạn bè giữa hai người ra đời từ trong tình cảm chung của tập thể đoàn lưu học sinh nô nức mừng vui rời ga Hàng Cỏ. Sang tới Bằng Tường, chuyên qua các toa Trung Quốc rộng rãi, sạch sẽ, tiện nghi, thật sướng, còn vui hơn. Năm ấy chưa ai có thể biết trước được là cuộc chiến tranh khốc liệt sẽ chấm dứt vào cuối mùa xuân năm sau, chỉ khắp khởi biết rằng hành trình này đây đang rộn ràng đưa mình từng cây số một rời xa đất nước nghèo khó, nặng trĩu gian nguy. Cũng năm ấy, ở nước bạn, Cách mạng Văn hóa đã vào hồi thoái trào, đoàn tàu chở lưu học sinh không gặp một mảy may rắc rối. Các chàng các nàng như thế đời đời. Họ mập lên, họ tăng trọng, hồng hào, rạng rỡ, vui vẻ ríu rít, chan chứa lòng yêu đời, sự biết ơn và những xúc cảm lãng mạn. Lúc tăng bo qua biên giới hai nước Trung Xô thời ấy đang kinh nhau, Hảo Túc vai kê vai, cùng cả đoàn tay đưa cao cuốn sách nhỏ bìa đỏ, ca vang Đông Phương Hồng. Hảo hát giọng kim, rất hay nhưng hơi run vì xúc động quá độ, nước mắt trào. Túc cũng xúc động lắm nhưng không khóc, giọng anh trầm, khỏe. Hai người đã chính thức lọt vào mắt nhau từ cái thời khắc thiêng liêng Việt Trung hữu hảo đó và trong niềm cảm động có phần hơi buồn cười ấy.

Ngay sau đấy tình cảm lại run rủi có được một tình cờ. Túc với Hảo cùng bị giữ lại ở bệnh viện của khâu, không theo đoàn được. Túc thì do đã tuổi gần đôi mươi mà lên quai bị, Hảo thì phải chữa trị chứng ngoài da tha từ sơ tán bên nhà sang. Hai người cùng xuất viện, và trên chuyến tàu xuyên Xibia, chỉ mỗi bé bỏng họ với nhau lọt thỏm giữa những hành khách đồ sộ người Nga.

Sáu năm xa nhà hai người chẳng được sống kề, nhưng không quá cách biệt. Hảo học ở Adécbaiddăng, Túc ở Acmenê. Thư từ, điện thoại thường xuyên, nghỉ hè nghỉ đông đều đặn qua lại. Trước khi về nước, Túc sang hăn Bạcu phụ Hảo lo cái thùng hàng gửi tàu biển. Bây giờ đã mất nẻo về theo đường xe lửa, hai người thu xếp bay cùng một chuyến.

Tuy chưa đến độ phải cuống quýt cưới ngay khi vừa đáp xuống Nội Bài, họ cũng không quá chùng chình ngậm ngùi. Tìm hiểu nhau rồi thì lấy nhau là lẽ đời cần thiết. Túc có căn hộ hầm tư thục vuông khu tập thể thừa kế của song thân đã qua đời, còn Hảo thì tuy ruột thịt đều đã vào hết Sài Gòn nhưng bù lại có ông cụ làm lớn, từ tận trong đó vẫn đủ lực với ra thu vén hai chỗ công tác rất dễ chịu tại Hà Nội cho cả cô con gái lẫn chàng tân lang.

Sau hôn lễ, cao đỉnh tình yêu dịu đi hơi mau. Cường độ vợ chồng thuần xuống, nhập rất nhanh vào

nhịp sinh nhai ngày qua ngày. Nhưng nói chung ai mà chẳng thế. Ở đời này thật ra sự trắng mặt của các lứa đôi không hừng hực cuồng náo, không nồng cháy xoắn xuýt, không kỳ thú lâu la như là người ta cứ tưởng. Có cặp chỉ trong cái nháy. Như Túc với Hảo là vừa phải.

Thiên hạ thường than là tháng ngày gang tấc kỳ tình thời gian chẳng chóng chẳng chày. Điều độ ổn định, một lòng xin được hai chữ bình an, cuộc sống gia đình, hạnh phúc nho nhỏ, thần nhiên vô sự đều trôi. Trông lên chẳng bằng ai, trông xuống chẳng ai bằng mình.

Chẳng hề có điềm xấu. Tình không thoảng một triệu chứng nào báo trước. Nồng nổi tuyệt đối vô hình. Trong đơn, trước tòa, Túc và Hảo chẳng một lời đổ lỗi cho nhau, cũng chẳng nài ra chuyện gì từ sự đời từ thế gian. Thế gian ai chẳng như ai, người thân người dưng, xấu tốt dở hay, còn sự đời là sự đời chung, thành phố, cơ quan, khu tập thể, sướng vui, khổ sở, may mắn, vận hạn.

Nhún vai, chịu không cắt nghĩa nổi sự rã đám vô vị giữa Hảo và Túc, những bạn bè từ thuở còn bên Liên Xô đùa rằng đôi uyên ương ấy bắt chước cuộc đổ vỡ diễn ra trên xứ sở yêu dấu của thời thanh xuân du học. Có vẻ như vậy thật. Tuy tổ âm đã thôi âm cúng từ lâu rồi trước đó, nhưng đúng là vào hôm họ chính thức đám đơn thì đài báo đang âm lên sự kiện Acmeni và Adécbaidăng nổ súng giết nhau. Chuyện đục tường và thống nhất nước Đức gợi ý cho những kẻ có đầu óc hoạt kê gọi vách ngăn được dựng lên theo phán quyết của tòa tách đôi căn hộ Hảo Túc là “bức tường Bá Linh”.

Chướng ngại bằng cốt ép không dày như bê tông đúc sẵn nhưng đủ bịt bùng. Chi phí vợ chồng cùng chịu. Và dù pháp luật không định rõ nhưng vợ chồng lẳng lặng thỏa thuận, anh ở buồng trong nhường chị phòng ngoài, diện tích bằng thế song ít nhiều thông thoáng hơn.

Biệt lập, cách bức rãnh rẽ trong ngoài, tuy nhiên không triệt để. Phần vì kiểu cấu trúc của căn hộ hăm tư thước khu tập thể vẫn buộc Hảo Túc vào ra một cửa, lên cùng một lối đi cực hẹp, thổi nấu một khoang bếp nhỏ tẹo, tắm táp lau rửa và xử lý hàng loạt tình tiết riêng tư khác trong chỉ một ô vuông khít khít không thể ngăn đôi. Phần nữa vì mùi mè hơi khí của cuộc ăn ở chung bấy năm trời với nhau đã quện dính, đã bết bám lại như keo, không cưa ra được, cũng không cách gì quạt thổi cho hã hết.

* * *

Như đã thuật lại ở trên, buổi trưa ấy sau phiên tòa Túc đạp xe lai Hảo trở về khu tập thể, trời rất oi, song không phải do nổi lòng khiến hai người cảm giác ra thế mà là thời tiết nó thực sự như thế. Đang quang không gian bỗng sầm lại. Biển mây kín kín. Mưa ào xuống khi bánh xe đạp vừa chớm tới thềm.

Mình dính ướt, Hảo vội đi tắm. Túc bật đèn lên và cứ nguyên tóc với vai áo ẩm ngồi xuống đi văng. Anh cầm phích xamôva. Vợ chồng anh chuyên dụng loại ấm này. Nước trà sùng sục sôi rót vào đựng kiểu cốc Nga to đại, dày và nặng, năm vừa xinh trong cái vỏ bạc có quai, chạm khắc tinh xảo. Uống như vậy, dù không có trà đen, chanh lát với đường viên, nhắm mắt lại, mừng tượng ngoài kia tuyết rơi trắng trời.

Liên tiếp những chuỗi sấm lăn rền rền trên mây, nhưng tai Túc vẫn chạm từng tiếng động khê trong ngách buồng tắm. Cái gáo nhựa múc nhẹ nước từ thùng phuy ra, chậm chậm xối. Túc gạt cần máy quay đĩa. Triệu triệu bông hồng. Bài này Túc luôn thích thật ôn, còn Hảo ưa nghe nhỏ. Túc cho hạ âm xuống một xiu.

Giọng của ca sĩ và bước chân của Hảo đi vào phòng lẫn dưới nền trầm trầm tiếng mưa rơi. Cảm thấy là Hảo đang tới rất gần mình, bên bàn, nhưng Túc chẳng ngạc nhiên, chẳng hé mắt nhìn. Đã từ rất lâu rồi chẳng một lời với nhau và luôn cẩn thận tránh không bao giờ cùng nhau một chỗ trong phòng, song bây giờ chắc là Hảo cần một cuộc nghị bàn, tính toán của nả đồ đoàn, chia bồi dứt điểm. Để thoáng mặt bàn bày giấy má, Hảo lách cách đẹp nước nôi đi và nhẹ bung lọ hoa hồng ra bậu cửa sổ.

Một cú sét điếng hồn. Tiếng choang vỡ trên nền nhà. Giọng ca nghẹn cứng lại như là bị dầm lên. Túc mở mắt. Đèn đóm tắt ngấm cả.

Hảo cúi nhặt những mảnh vỡ của lọ hoa. Tầng trệt, điện cúp, tối âm âm. Ô cửa sổ sáng đùng đục. Mặt kính ướt lòng ròng, vẩy cả những vệt bùn từ sân thềm bắn tóe lên.

Sau này, ngẫm lại, Túc không tài nào hiểu nổi tại làm sao lại diễn ra như vậy. Anh chỉ có thể chắc chắn được một điều là mình không chủ định. Cả Hảo cũng vậy, không hề. Khi ấy Hảo chỉ là đã chạm

rất khế vào Túc, có ý đề nghị anh dịch ra để chị lượm nốt những mảnh vỡ. Cho nên, hoàn toàn là bỗng dưng, vậy thôi, như là trút một tiếng thở dài, Túc nặng nề ôm lấy Hảo. Và ngược lại.

Suốt chiều đó, tối đó, rồi thông đêm, dòng điện không hồi lại. Ngoài trời, mưa khi tạnh khi sầm sầm thác đổ. Trong bóng tối nhòa mờ của căn phòng, dọc trên đi văng, hai người chẳng ăn, hầu như chẳng uống, hầu như không một lúc nào duỗi ra để có thể tạm rời nhau. Họ riết lấy nhau, chẳng thốt một lời, im lìm mê lịm gần như chết ngất. Có những khúc lặn, cùng nhau bắt thiếp đi, nhưng như là sợ lỡ đã nên lại vội vội cùng nhau hồi tỉnh, lại cùng nhau nín thở sa nữa vào cơn mộng du âm thầm hồi hã, nóng bỏng và co giật, rục lên như lửa, mà đời họ chưa từng...

Miền man miệt mãi như thế cho tới bất chợt một lúc nào đó, ánh đèn điện và đoạn cuối của Triệu triệu bông hồng xô Túc ngồi bật dậy, choàng tỉnh. Trời sáng bạch. Hảo đã xách xe đạp ra khỏi nhà từ bao giờ. Túc vợ vội áo quần, ào nhanh vào buồng tắm. Học tốc anh chạy bộ đến bên xe buýt.

Sự đời quả thật rất lạ, bỏ vợ thì không được nghỉ việc một hôm nào nhưng bỏ chồng thì được. Buổi chiều, đi làm về, Túc cảm khẫu trước những đảo lộn mới mẻ Hảo đã kịp gọn gàng hoàn tất trong ngày. Vách ngăn giữa hai phòng hiện lên đó như bởi phép màu. Đồ đạc thứ thì ở buồng trong vừa khiêng ra, thứ từ buồng ngoài mới chuyển vào, giao hoán, bù trừ, anh được cái này chị giữ cái kia. Rạch ròi từ chiếc bát đôi đĩa, sòng phẳng, phân minh, chẳng thể nói được gì nhau.

Thực ra thì Túc cũng gượng có được đôi ba lời, song Hảo không hưởng ứng. Chị không lạnh mặt làm thinh, nhưng giọng chị bình thản, thái độ chị điềm nhiên, như không vậy, chẳng còn vương một gọn nào nữa của cái nông nổi vừa xong nửa ngày một đêm một nhòai. Chị quét tước, lau dọn phần căn hộ thuộc sở hữu của anh. Chị là quân áo và sắp xếp lại tủ cho anh. Một thiện chí hừng hờ với hàm ý khẳng định đây là lần chót, rằng từ đây mỗi người mỗi phận.

Cô nhiên đã thân ai nấy lo rồi mà vẫn một mái ấm thì hết sức cần cái. Ngoài bầu dưỡng khí, suốt một thời gian dài hai người vẫn còn phải chung hộ tịch, chung sổ gạo, chung nước trữ trong thùng phuy, chung chạn bát, bếp dầu, chung công tơ điện. Trăm thứ bà dấn của hậu kỳ thời bao cấp. Nhưng bởi vì đều là dân có học, lượng chữ nghĩa đầy ắp, cả hai nhà trí thức đều thâm nhuần lẽ sống phẳng phiu, ý tứ và biết điều của thời ấy, cho nên dù gì vẫn cứ chịu nổi.

Buổi đầu, Hảo cũng khá là dè chừng, chằm chặp phòng thân như thể góa phụ thủ tiết. Về nhà là vào ngay buồng mình, đập ngay chốt cửa. Tối, khóa trái. Đêm xuống cài thêm then sắt. Một bước khỏi buồng cũng phải tươm tất trang phục và đầu tóc như đi ra phố. Chị cố hết sức tránh sự ra đưng vào chạm, nhất là tại những góc có tính công cộng của căn hộ. Nhưng sự cần trọng lơ lửng dần, vì mệt mỏi và vì chẳng cần thiết. Túc rất mực nghiêm ngặt, quá sức đàng hoàng. Bản tính phải đạo và trình độ văn hóa đã giúp anh có được gần như ngay lập tức phẩm chất sáng giá nhất của một người lảng giềng, ấy là đức dửng dưng.

Miền đưa mắt, miễn đồng tai, miễn can dự này nọ, vô hại, ơ hờ, bình chân như vại, Túc có vẻ là người cuối cùng trong chung cư nhận thấy là Hảo đã mang bầu. Thậm chí, như là lời hàng xóm họ đùa cợt kháo nhau thì bữa ấy khi cô vợ từ nhà hộ sinh trở về, anh chồng cũ đã quá đổi lầy lăm lạp, anh ta tưởng đâu tiếng trẻ oa oa khóc ở mé bên kia vách ngăn là kết quả của một quá trình sinh sản vô tính.

Tất nhiên là thiên hạ người ta cứ thích hài hước cho vui thế thôi chứ tán hài kịch ấy chẳng hài một tý nào. Sự đời vô cảm có gì mà vui.

Hài nhi chào đời do chữa hoang, mang họ của mẹ, thiếu ngày, kém cân. Mẹ nó lại không có sữa và dường như chẳng biết đường nuôi con. Càng thêm tháng thể trạng của đứa trẻ như càng thêm sa sút. Nó khóc đêm khóc ngày, sà sã dai dẳng ẹ ẹ giữa vào tai người ta.

Túc chẳng thể thấy mặt đứa bé ở bên kia vách nhưng anh bị buộc phải thu nhận tỉ mỉ từng nhịp sống ồm ồm của nó. Liên mấy tháng trời anh thống khổ chịu đựng. Ban ngày không thể đứng, không thể ngồi, không thể lật nổi một trang sách, buổi tối, canh khuya nằm bên này vách anh triền miên mất ngủ cùng với Hảo nằm bên kia.

Anh cảm thấy quá sức tẻ nhạt.

Hôm ấy, một giờ đêm, Túc chồm bật dậy, ra khỏi phòng, đi tới, đẩy cánh cửa phòng ngoài. Cửa

không chột, anh bước vào. Đèn ngủ đầu giường còn sáng. Một tay vịn để trên vành nôi nhưng Hảo đã lịm thiếp đi. Trong nôi, con bé nhả nài khóc ngằn ngặt. Túc cúi xuống, vén màn, ẵm nó lên. Chỉ một lát là con bé nín. Túc nhẹ chân đi lại lại trong phòng Hảo, đung đưa vòng tay, khe khẽ lắc rầm, khe khẽ ư ử gì đó trong họng ra điều nựng nịu. Khi Hảo thức giấc, đón lấy con bé đang ngủ ngon trong tay Túc, trời đã sáng hẳn.

Từ đó Túc nghiêm nhiên vào ra buồng Hảo. Không phải anh thường trực ở bên đó nhưng cũng là mỗi tuần vài bận lần sang. Chẳng xin phép gì cả cứ lảng lạng. Hảo cũng lảng lạng. Túc có thể ẵm con bé con lên dỗ cho nó khỏi quấy, có thể ngồi thừ ra bên nôi nhìn ngắm nó chơi hoặc là nó ngủ. Có thể một chốc hay có thể ngồi nắn cả giờ, kệ, Hảo chẳng bảo sao. Tất nhiên không phải tuyệt đối chẳng nói chẳng rằng, thi thoảng họ vẫn dỗi điều này nọ trao đổi về cái răng sữa mới mọc của con bé, về sự trán ẩm trán mát, về cháo, về bột, về các thứ thuốc men của nó. Nhưng chỉ thế thôi, không bao giờ lan sang chuyện khác, nhất là không khi nào họ đã động nửa lời tới cái ngày thu ướm át tâm tã mưa rơi năm rồi.

Nhắn cười tháo ra cát đi, sinh con, Hảo phải mang bán. Đồ đạc trong phòng cứ vơi dần. Bên kia vách, phòng của Túc cũng vậy. Trừ những cửa vứt đi, bao nhiêu món đồ có giá sầm từ bên Liên Xô với nhau và đã chia bồi với nhau ngày ly hôn, đều phải lần lượt cho ra chợ giời đi ở nhà người. Túc thì thậm chí cả tự điển, cả sách chuyên ngành cực quý cũng mại. Bia rượu không. Thuốc lá từ. Chẳng màng bè bạn, bỏ bằng mọi mối quan hệ. Thôi hẳn chí tiến thủ. Vừa đó còn quyết liệt dốc công dốc của dự vào trận tranh giành suất nghiên cứu sinh nước ngoài, thế mà giờ chỉ đề thi lấy cái bằng phó tiến sĩ nội hóa dễ như trở bàn tay Túc cũng xin kiêu.

“Tôi chẳng thiết gì, đời thế là hài lòng rồi”, họa hoàn có cơ hội trút tâm tình với một ai đó, Túc bảo vậy. “Con trai con gái đều được, nhưng mà gái đầu lòng là nhất”. Người cha, anh chồng nào không nói thế, song nghe từ Túc thì quá là nực cười. Tự anh cũng biết vậy. Bởi vì rốt cuộc, ngày qua tháng lại đời anh vẫn thế thôi, một tay đàn ông nhàu nhĩ khuôn mình nhỏ mọn vào phần diện tích được chia và vào cõi độc thân thâm xít. Kề bên anh, con gái của Hảo mặc dù hết ôm lại đau vẫn đã tuân tự biết lầy, biết bò, chập chững biết đi, bi bô biết nói, và rồi cũng tới được vườn trẻ, tập bước vào đời. Nhưng đối với những chẳng nhỉnh dần lên đáng yêu ấy của nó, đâu có vẻ được phép can dự mà tình thực Túc chỉ là kẻ châu rìa. Anh có thể làm tất cả vì con bé, tùy, Hảo chẳng đòi hỏi, chẳng khước từ. Chỉ có điều, dù không nói ra, nhưng với chị, hiện diện của anh chẳng thể cho anh một gờ ram trọng lượng nào trong cuộc đời đứa bé và cố nhiên trong đời riêng của chị.

Ý chí ấy thể hiện rõ ở những giao du của Hảo, đặc biệt là từ khi đã qua được giai đoạn nuôi con vật và nhất. Chị không quan hệ rộng, nhưng chị có những bạn tốt ở nhiều giới, một số ít trong đó là bạn rất thân, chí tình chí nghĩa giúp đỡ mẹ con chị về mọi mặt. Cho nên vẫn món lương mọn ba cọc ba đồng, cơ quan thì xập xệ xuống cấp, chị đã từ từ ra khỏi cảnh túng bần, chưa thật khá, nhưng là đã chớm có tiền.

Hè năm đó, một ngày nọ, Hảo đã khiến Túc tái người đi khi điềm nhiên đề nghị anh nhượng lại cho chị căn buồng của anh. Đang rất buồn bực bởi nôi Hảo đã vừa gửi con bé con vào Sài Gòn với ông bà ngoại mà chẳng hề để anh được một chút ý kiến ý cò, Túc bậm môi lại, lặng ngắt hồi lâu, rồi bật lên, hét vào mặt Hảo rằng sẽ bán, bán ngay, nhưng không bán cho cô với những cái thằng của cô, không đời nào, nghe rõ chưa, đồ...! Bỏ lưng, anh đá sầm cánh cửa, lão đảo bỏ đi.

Nhân còn đọng một đồng ngày phép, anh liền rời xa hẳn Hà Nội cả tuần lễ để lang thang ngẫm nghĩ, để dịu lòng. Trở về, nhẹ nhàng rón bước vào buồng của mình, khi bật đèn lên, anh sững người, đánh rớt túi xách. Vách ngăn cốt ép trát hắc ín đã bị thế bằng một bức tường xây.

Tường gạch kiên cố, vừa dày miết kỹ, vậy mà cuộc nhậu ở phòng Hảo vẫn dội tiếng sang, không ồn gì lắm nhưng mà nhức nhối.

Túc bước vội khỏi phòng. Anh muốn vùng chạy khỏi căn hộ, thoát mình thật mau ra ngoài đêm. Nhưng mà chân không vững, như say, khi loạng choạng đi dọc qua khoang bếp hẹp để tới cửa chính Túc bắt đầu xô phải Hảo, ngã người vào người Hảo. Đáng lý xin lỗi thì Túc lại phũ phàng đẩy mạnh Hảo ra, và rồi đột ngột, bất ngờ với cả chính mình, anh rít lên, văng ra nguyên vẹn cái từ mà tuần trước còn văng dờ chừng. Hảo lặng người đi như là bị đánh vào mặt.

Lời đã thốt ra không nuốt lại được, liú lười, kinh hoàng, Túc bước giật lùi trở lại phòng của mình.

Anh toan sập cửa lại, nhưng Hảo đã ở đó, ở ngưỡng cửa, gương mặt tái xanh, môi mím chặt, và toàn thân run rẩy, đứng không vững, cơ hồ sắp ngã.

Đám bạn ở buồng bên đều đã lơ mơ, đều đã ngả nghiêng, nhưng vẫn tiếp tục vui đến tận khuya. Chẳng ai nhận thấy là Hảo đã biến mất, hoặc có thấy thì cũng tảng lờ, nhận chìm sự thể ấy vào trong rượu và tiếng ồn ào. Người khách ra về sau cùng đủ tỉnh táo để tắt đèn trong buồng Hảo, nhưng chỉ khép hờ cánh cửa chính của căn hộ. Tảng sáng, trời nổi một luồng gió lớn, cánh cửa ấy mở tung ra, rồi lại giập dũ tự đóng sầm lại... ấy là cuộc vui cuối cùng, trận nhậu sau chót. Sau đêm đó, những người bạn kia không bao giờ còn trở lại. Nhưng mà rất đỗi lạ lùng là không chỉ bọn họ mà toàn bộ bản dân thiên hạ khu tập thể ngay sáng hôm sau đều đã tường tận căn nguyên cái về mẩn nguyện uế oải trong những bước đi uyên chuyên, đáng người đung đưa thường ngày của Hảo.

Sau khi Túc bay vào Sài Gòn với lá thư tay ủy quyền của Hảo đưa được con bé con trở ra, người ta đùa rằng nếu chỉ một mình con bé thì không giải quyết được gì nên nó nhất thiết cần cộng thêm một đứa em cho thành số chẵn để giúp mẹ nó với người chồng cũ có thể dễ dàng chia nhau.

Lần mang thai thứ hai của Hảo khác nhiều so với lần trước. Nom nặng nề vất vả hơn hẳn, và tinh thần yếu đuối, không tự lực được, phải dựa nhiều vào Túc. Anh qua lại phòng bên thường xuyên hơn, chăm nom con bé con và đỡ dần việc này việc khác cho Hảo. Cả lo đưa chị tới nhà hộ sinh rồi rước về cũng một thân anh Người ta mừng cho Túc và người ta không nhìn được cười. Con bé con không chỉ có thêm một đứa em mà hai đứa, hai thằng. Vẫn là số lẻ.

Người ta nói là đời riêng của Túc đã hoàn toàn mắc cạn. Không thể từ bỏ khu tập thể để đến với miền xa đất mới, mà lùi lại năm tháng xưa cũng không thể được. Bức tường xây ngăn đôi căn hộ, ai nấy đều biết chắc là Hảo không đời nào cho đỡ bỏ.

Bây giờ lại đang những ngày giữa thu nặng nề mưa bão, khu tập thể ứ đọng. Các căn hộ tầng trệt ngập nước tới chàm bụng người lớn. Giường của bốn mẹ con Hảo như chiếc mảng nổi trên sóng nước. Túc ồm ồm lội và bơi lo liệu tiếp tế, nuôi nấng. Nhìn anh, người cha của những đứa con không cùng họ, thậm thể mặt mày ướm ắt, đầm đìa bùn nước với mồ hôi, người ta không thấy là anh khô sở, không nghĩ rằng anh bất hạnh.

Cổ nhiên thời nay, bây giờ, nghe kể khổ kể xấu thời bao cấp đã mệt lỗ tai, nhưng xưa, khi đang ở ngay trong cái thời bao cấp đó của Hảo và Túc, có mấy ai cho rằng mình đang trải một đoạn đời cực ời là cực. Con người ta thuở ấy cũng như con người ta muôn thuở chỉ lo sống, cứ thể sống, sống và chỉ có sống mà thôi.

Lan man trong lúc kẹt xe

Một chốc vội vàng, một chút lơ đãng khi đang lội ngang qua bãi sinh đã đẩy bạn bước thẳng vào hố lầy. Bất thần, hai chân bạn hụt xuống, bùn ngập quá đầu gối. Rồi bùn tới háng, bùn tới bụng. Càng giẫy đạp, càng vùng quẫy càng bị hút mạnh và mau. Ngập ngang ngực, ngập đến cổ, đến cằm, đến miệng, rồi chầm tới nhân trung, vượt mang tai...

Tình cảnh mà chúng ta lâm vào lúc tắc đường kẹt xe Lan man trong lúc kẹt xe có thể nói cũng y chang. Phố lớn, đường rộng, thẳng tắp nên hai luồng xe dẫu rằng đông đặc vẫn thả phanh mặc sức cuộn cuộn lao chảy. Hàng ngàn cỗ máy hồi mù hung hăng rượt nhau, giành đường nhau, cà sát sần sát vào nhau, xả khói, đâm còi, gào rú. Trăm thứ tội nọ của cả một ngày trời trần ai kiếm sống buộc thiên hạ phải măm mồi măm lợi tăng tốc, cuồn lên rồ ga. Tuy nhiên đề ý nhìn kỹ thì thấy trên dọc phố đang có một sự chậm lại. Song chẳng ai để ý. Chẳng ai nhận ra mỗi nguy đang chực sẵn ở đâu đó đằng trước đề mà kịp rẽ vào đường tránh hay là quanh xe lại chạy lui. Đến khi những xe đang trước đã phải theo nhau dừng lại hết, thì bạn đã chẳng còn một mẩu nhỏ cơ may nào nữa để hồng thoát thân. Trái phải sau trước đã lập tức kín nghịt. Như kẻ bị sa lầy, càng gắng lách lên bạn càng bị nhận chìm. Lách sang bên cũng vậy. Lùi lại thì càng không thể. Và tất nhiên là không tài gì trụ vững xe mình ở một chỗ. Từ đằng sau xe cô không ngừng dồn tới thúc lưng bạn, bạn phải miễn cưỡng nhích đầu xe lên huých vào đuôi xe những người đang trước mặc dù họ đã hoàn toàn hết chỗ quây cựa. Không ai biết nguyên do gây ứ tắc, nguyên do đó chình ỉnh ra ở tận đâu đấy rất xa phía trước. Đoạn ứ tắc dài cả cây số, có thể tới vài cây số. Xe tải, xe buýt, xe hòe, xe lam, xe máy, xe đạp, xe xích lô, người đi bộ quần quai quần vào nhau, ghì níu nhau ngắc ngoải ngất ngư trong khói và bụi đen ngòm đặc sệt. Luồng giao thông bên tả bên hữu mặt phố lẫn lộn nhau.

Người ta tràn lên vỉa hè, và cả hai bên vỉa hè vì vậy cũng bó giò nhau nghen ứ lại. Trong những tình huống tương tự thế này, loài kiến rõ ràng là có trình độ tổ chức và cung cách xử sự cao cấp hơn hẳn loài người.

Bị kẹt xe ngày hè đương nhiên là khổ rồi, mùa đông mưa phùn gió bắc cơ cực không kém, mà dẫu có là giữa tiết xuân trong lành mát mẻ thì cũng thế thôi. Tắc nửa giờ đã phát ốm, nhưng mấy khi nửa giờ, thường là vài giờ, có bận nửa ngày trời chúng ta phải bạc mặt ra đứng chôn mình đầy nắng hít khói giữa một biển bất động, xám xịt và thăm sâu những con người vô phương tiến thoái, nóng nảy, ủ ê, chán chường, cáu bẳn. Ngay những xe riêng ông to bà lớn mà lỡ sa vào cái trùng vây này thì cũng phải đành cam phận hưởng hộ chúng ta. Khôn độn nhất là những trường hợp đang khi cấp bách. Thí sinh tới trường thi. Bệnh nhân cần cấp cứu. Chú rể đi rước cô dâu. Hay là, chẳng hạn, đơn giản, đang tha trong người mình một bụng bia hơi. Thật là sống dở chết dở.

Tuy nhiên nếu chỉ là chuyện kẹt xe không thôi thì có gì mà phải kể. Cái đại nạn chôn thì thành ấy ngày nay đã là sự cơm bữa. Có điều, trong lần phải đem bước đo đường ngay vừa mới đây tôi đã chẳng may rơi vào một tình huống quá đỗi trớ trêu.

Cơ sự dẫu rằng ngẫu nhiên nhưng thực ra cũng là do tôi tự chuốc lấy. Đã hẹn với nàng chủ nhật mới về, tự dưng lại học tốc phị xe về ngay hôm thứ sáu. Đáng lẽ theo đường Láng-Hòa Lạc mà về, tôi lại nhè đường 32. Khi đã sa lầy rồi, đáng lý đừng có cựa quậy tìm cách thoát ra làm gì. Chỉ có một kẻ hờ bằng cái sợi tóc giữa chiếc xe đồ với chiếc xe tải ngược chiều nhau cùng đang liệt máy ở giữa đường, vậy mà tôi vẫn cố theo đuôi mấy vị nữa lách xe máy vào để len lên cho bằng được. Giá kể cứ yên vị chôn chân ở sau chiếc xe đồ thì hôm nay hạnh phúc đời tôi vẫn còn.

Vừa thoát được qua kẽ hở giữa hai chiếc xe, chen được lên phía trên chiếc xe đồ chết máy, tôi thấy xe máy của mình đang ngay đằng sau xe máy của nàng, chỉ cách một ông xe đạp. Mà không phải xe máy của nàng. Xe của V. Nàng ngồi sau ông bạn tôi, ôm eo ông bạn tôi. Tiếng động cơ nhức ọc của cả vạn chiếc xe đang nồ máy tại chỗ át hết giọng nàng nói giọng nàng cười, và cũng chỉ thấy được lưng nàng thôi, nhưng mà tôi vẫn tất nhiên là nhận ngay ra nàng. Cái lưng của con người ta cũng là một bộ mặt, mỗi người mỗi lưng không ai giống ai. Lưng nàng mảnh mai, eo ót, mềm mại uốn éo dưới làn áo

mỏng. Lưng của V. thì to, rắn, thịt nổi mủi và đậm đà mô hôi ướt thấm cả mảng rộng lưng áo. Lưng ông bạn tôi ưỡn tựa vào ngực nàng. Giữa khung cảnh chật chội, bức bối, bí rì, chen vai huých cánh đại náo loạn, hai người hoàn toàn quên đời, hoàn toàn chỉ có họ với nhau. Nàng áp hết người vào V. Còn V. quàng một tay ra mạn sau bờ hông nàng ghì ngực nàng dính hơn nữa vào mình hắn.

Chiếc Piaggio đồ sộ của V. choán một khoảng rộng mặt đường và ì ra bất động, không xê xích, không để mắt, không hoài hời nhập cuộc chen lấn. Nhưng con “rim tàu” của tôi thì không gượng lại nổi với sức xô đẩy từ phía sau. Từng nửa phân một, bánh trước của xe tôi sát dần vào đuôi chiếc Piaggio màu mận chín. Đuôi tôi nhất định rồi sẽ chạm đuôi nàng.

Dĩ nhiên tình huống kiểu thế này tuy hy hữu nhưng không phải là tuyệt đối có một không hai. Ông phó phòng của tôi chẳng hạn. Đã cẩn thận đưa *bô* đi nghỉ mát xa tít góc biển hẻo lánh Lăng Cô trong Huế, vậy mà cửa thang máy khách sạn vừa mở ông đụng ngay phải bà xã từ tầng trên xuống. Hay như thằng em họ tôi, sinh viên Đại học Quốc gia, đang trên đường lần đầu tới thăm nhà người yêu để lần đầu tiên ra mắt phụ huynh của nàng, do hồi hộp vô cùng và phóng xe rất vội, nên khi còn cách nhà nàng một quãng phố nó chẳng may tông phải một ông lưng tuổi. Đã không đỡ người ta dậy, không xin lỗi người ta thì thôi nó lại còn to mồm văng ra cái câu quen thuộc của trai Hà Thành thời nay; “Đ. mẹ thằng già! Mù à? Muốn chết phải không?”, rồi rồ ga phi vọt đi. Vô phúc cho thằng nhãi, đang lúc cao hứng đầu hót trong phòng khách nhà cô người yêu thì đột ngột nó thấy cái ông lớn tuổi nọ khập khiễng đẩy cửa bước vào. Một một lúc nó mới hiểu ra rằng nạn nhân vừa nãy của nó chính là ông thân sinh cô bạn gái.

Còn như bạn thân tôi đây thì tuy không phải thường nhật nhưng cũng là rất thường xuyên bị lâm vào những tình thế oái oăm bất ngờ. Toàn là những cái hạn không đâu vào đâu và hầu hết là do tôi đã hiện diện ra trước mặt người ta một cách không đúng lúc đúng chỗ, do tôi đã nghe thấy nhìn thấy những điều lẽ ra phải tuyệt đối tránh nghe tránh thấy. Những tai bay vạ gió tôi tự chuốc lấy vào thân dày và nhiều đến nỗi có thể nói đây là một thứ biệt tài, một năng khiếu bẩm sinh, có xuất xứ từ tử vi của tôi.

Hồi đang học lớp bảy chẳng hạn, một buổi đêm, ma xui quỷ khiến tôi tự dưng lại chọn đi tắt lối qua Thủ Lệ tôi mò, và ngay dưới quang sáng của ngọn đèn gần như duy nhất trong công viên tôi gặp phải cô Thu chủ nhiệm với thầy Ân dạy thể dục đang ôm vai nhau sánh bước. Cô ạ! Thầy ạ! - Tôi chào. Sáng hôm sau trên bảng đen lớp tôi hiện ra to đùng một đôi trai gái được vẽ bằng phấn, xấu xí, nguệch ngoạc nhưng có ghi chú rõ ràng là thầy An cô Thu. Mà sáng hôm đó lại chính phiên tôi trực nhật lớp... Lại có hôm, tan học, tôi vừa ra khỏi cổng trường liền bị một ông phụ huynh của đứa nào đây lớp dưới chặn lại, túm ngực, quát rằng sao hôm qua mày dám đón đường trộm lột tiền quà sáng con tao, rồi ông ta bạt tai, ông ta túi bụi đâm đá làm tôi bạt tóa máu mồm máu mũi...

Rồi một lần nọ hồi đang đại học, do xe đạp hỏng nên tôi phải chen xe buýt. Xe buýt thời đó thật là cả một sự dày dạn, một loại phương tiện giao thông kinh hồn táng đờm. Sinh viên, công nhân, cán bộ thực mạng lèn nhau muốn vỡ tung thành xe. Và đang trong bầu không khí chết ngạt như thế, đột nhiên nghe giọng một nàng la rú lên gào to rằng bị thằng đều sở soạn. Tay tài xế nóng tính lập tức dừng xe và giận dữ lừa khách xuống cho cô nàng kia nhận mặt. Giữa cả đông đàn ông con trai mấy chục mạng như vậy, thế nào mà cô gái bị sàm sở lại chọn ngay thằng tôi để vạch mặt chỉ trán...

Quá nhiều vố đau, nhớ không xiết, tôi chỉ có thể ghi nhớ những vố đặc biệt điển hình người mà thôi. Như là lúc này đây, vụ tắc đường và cuộc hội ngộ đáng sợ giữa tôi với ông bạn vàng.

Thật ra tình bạn giữa tôi với V. cũng đã được khởi phát từ một sự trở trêu đáng buồn. Hồi ấy, năm năm đại học, chúng tôi cùng khóa, cùng lớp, cùng một phòng ký túc xá sinh viên, song gần đến tốt nghiệp rồi vẫn chỉ là đại khái biết nhau vậy thôi. V. tọ con, bô trai, học giỏi, nhưng mắc chứng ăn cắp vặt. Tôi có nghe bạn bè thì thảo thế, song không để tâm. Chẳng có cơ sở gì cả, không hề có bằng chứng. Với lai cũng rất khó tin bởi gia đình V. cực giàu, ông bố bà mẹ đều làm lớn ở tỉnh. Tiền nông V. rủng rinh, tiêu pha chơi bời cỡ nhất trong trường.

Nhưng tại hại thay cho tôi, lần ấy, V. ốm không lên giảng đường. Tôi thì, cũng y như hôm nay, đột ngột trở về không báo trước. Lại không gõ cửa, cứ thế đẩy bừa, bước vào. Đឹង người! Xin được miễn tả lại cái cảnh một anh đẹp giai con nhà giàu đang tự biến mình thành con chuột nhắt. Cũng xin thành thực được nói rằng tôi mong cho tất cả mọi người ở đời đừng bao giờ bị rơi vào một tình thế tệ hại như tôi khi ấy. Bắt quả tang mà rưng rờ, mà xấu hổ, mà bẽ bàng như là bị bắt quả tang...

Tất nhiên là tôi giấu nhem, không hề rằng với bất kỳ ai cái vụ tắt mắt ấy của V. Giữa tôi với V. cũng thế, tình không bao giờ có một lời nào có thể khiến nhau liên tưởng lại cái giây phút nhớ đời đó trong căn buồng ký túc. Và quả tình là tôi cũng không hiểu làm sao như vậy nữa, từ đây tôi tự dựng lại thành ra thân với V. Thậm chí càng ngày càng thân. Tốt nghiệp ra trường, chúng tôi về cùng một cơ quan, làm cùng một phòng ban. Đời sống riêng mỗi đứa mỗi khác song bởi cả hai đều còn độc thân chưa bị vướng bận nên vẫn khá gần bó. Do năng lực bản thân và tâm cỡ gia đình, V. có dư điều kiện đề lên đời hơn tôi, tiền bộ vượt bậc so với tôi. Tối đầu năm nay, V. đã trở thành thủ trưởng trực tiếp của cả tôi và nàng. Nhưng không vì thế mà V. xa cách tôi. Chúng tôi rất mực tử tế với nhau và hài lòng về nhau.

Dĩ nhiên, bây giờ lâm huống cảnh tắc đường trở trêu này thì tôi không còn thấy hài lòng được nữa. Tôi nghĩ mà phát sợ. Tôi nhớ lại ánh mắt của V. mà đã đôi lần tôi bắt gặp. Trước đây tôi đã không hiểu ý nghĩa đáng sợ của ánh mắt nhìn trộm khó hiểu ấy. Hóa ra bao nhiêu chuyện không may xảy đến cho công việc của tôi ở cơ quan mấy năm qua khiến tôi không thể ngóc đầu lên được đều có duyên do hoặc ít hoặc nhiều từ V. Thì ra cái vụ tôi ngẫu nhiên nhìn thấy V. moi đồ trong rương của tôi ngày đó là một tai vạ ghê gớm tôi đã tự chuốc lấy cho đời mình.

Đến giờ, cả tâm hồn tôi, cả trái tim tôi cũng bị V. khăm cho một vố. Tôi đã để mất nàng vào tay V. Có điều, chắc chắn đây không phải một vụ trộm cắp. Tôi nghĩ đây là một vụ trả thù. Thủ trưởng của tôi vẫn đang trong quá trình bắt tôi phải tiếp tục trả giá cho sự xuất hiện không đúng lúc đúng chỗ của mình hồi đó trước cửa buồng ký túc xá. Tôi đã tự hại mình khi đã để cho mắt mình nhìn thấy điều không được phép thấy.

Ngay cả lúc này đây, tôi cũng đang tự dòn mình tới một cuộc chạm trán giáp mặt vô cùng có hại. Tôi không thấy ghen tức, không thấy uất giận, chỉ thấy hãi thấy lo. Tôi không biết phải ăn nói sao đây khi xe tôi bị ụp lên giáp với xe của họ. Có lẽ tôi sẽ trình bày với thủ trưởng trực tiếp của tôi rằng những tình thế ngẫu nhiên thế này là do cái số của tôi nó thế, do tôi sinh phải ngày đó giờ đó năm đó. Tôi biết làm thế nào được. Khi được sinh ra đời nào có ai được hỏi ý kiến. Bất kể tử vì tốt xấu chẳng ai được quyền nán lại. Sinh nhằm ngày đó giờ đó năm đó, sao chiếu mệnh dầu có là một ngôi sao chổi người ta vẫn phải vui lòng. Vì vậy mong hãy thông cảm và đại xá cho sự ngẫu nhiên này.

Lối mòn dọc phố

Tôi sống ở một phố nhỏ ngay xế Bờ Hồ nhưng nơi làm việc thì tận trong Hà Đông. Đường xa, không có xe máy, đi làm vất vả thấy chết. Mỗi ngày mòn mỏi mười cây số đạp đi mười cây số đạp về, ngày nắng ngày mưa ngày nào cũng cực y như ngày nào. Nhưng đời cán bộ, thiết nghĩ, nghèo thì ráng chịu, phải đâu ông to bà lớn, phải đâu thánh thần gì, ăn trên ngồi trốc ại mà háo sục lên xe xuống ngựa hay là đi mây về gió? Bon chen tốc độ cùng người sẽ chỉ sớm brou đầu sứt trán. Cứ với cái Phụng Hoàng màu rêu được mua giá trong từ thời bao cấp, cung cúc ngày lại ngày là tôi yên tâm hoàn toàn cái cuộc đời mình.

Đột xuất, một ngày nọ tôi có việc phải nán lại cơ quan tới mãi khuya. Khi ra về, rờ đến xe đạp thì thấy lốp sau đã bẹp dí. Chẳng hy vọng còn ai bơm vá gì nữa vào giờ ấy, tôi đành gửi xe ở phòng bảo vệ rồi hộc tốc nhào ra bên ô tô.

Đêm cuối năm cả mưa phùn cả gió bắc. Đường khuya thông thoáng, hun hút, ướt nhòe. Ô tô vẫn vụt qua vụt lại nhưng xe buýt thì đã nghỉ chạy từ tối. May còn tàu điện đồ đó, chuyên cuối cùng.

Leo lên cái phụng tiện giao thông của hành khách này như thể chui vào màn xô nhà trọ. Không khí cáu bẩn, tù đọng, nồng nồng những mùi. Hai cái bóng đèn thông trên trần, sợi tóc đỏ lừ, phả xuống một thứ ánh sáng võ vàng, phù thũng. Hầu hết các cửa sổ đều không nhắc được tấm che lên, để ngỏ cho bụi mưa và gió lạnh.

Vì là chuyến chốt nên tàu bỏ hết toa chỉ chạy độc cái đầu, vậy mà hành khách vẫn không tầy nhúm. Dọc hai hàng ghế gỗ tôi tàn, ướt nhờn nhớt lơ vơ mấy bóng ngồi lặng câm. Một anh lính. Một bà nhà quê. Hai cha con ông xâm. Và tôi. Sau tôi, trước lúc tàu chuyển bánh, lên thêm một ả áo lông, tóc xù, mặt mày tô kẻ, ngồi dặt vào trong xó.

Bác tài xám xịt, lưng còng còng, áo bông, mũ bịt tai, chậm chạp bước lên toa, ợ to một tiếng, rồi dận chân thực chuông. Anh xé vé mặc áo bạt, điện ứng, lười nhắc lướt nhìn chúng tôi, mớ hành khách cà khỗ, nhô chắt qua kẽ răng rồi dài giọng:

- Nào... đoàn quân Việt Nam đi nào...!

Xô một cái, rầm một tiếng, ken két kèn kẹt dưới gầm, tàu rời chỗ. Động cơ điện rú lên à à.

- Còn người kia, ông tài ơi! - Bà nhà quê la oái lên - Chờ cho người ta lên với, ông tài. Họ-ọ-ọ..!

Ả áo lông cười hí lên.

- Tàu xe nhà nước chứ trâu nhà bà đây mà họ với hàng - Gã xé vé làu nhàu, phẩy tay - Chậm chân thì cho rơi thôi. Kệ thầy!

Sàn gỗ xóc nảy. Tàu giằn giật lên tốc độ, lao ỳnh ỳnh. Dưới màn mưa mờ mờ, trong vũng đèn lù mù nơi bên đồ đang lụi nhanh lại phía sau, nhòa nhòa một bóng người đứng giữa hai vệt ray đưa tay vẫy vẫy. Không thể thấy được nét mặt của người ấy, song lạ thay, vẽ tuyệt vọng trên gương mặt ấy thì tôi lại thấy rõ. Một vẽ tuyệt vọng mờ mịt nhói vào lòng tôi niềm cảm thương vô cớ. Đứng bật dậy, chạy nhào xuống cuối toa, và đột ngột với cả chính mình, tôi nhao người ra ngoài mưa, túm lấy sợi chấu néo giữ cản tiếp điện, giật mạnh.

Dây điện trên cao rền rẹt tóe lửa. Đèn trong toa tắt ngóm. Động cơ bị ngắt thành lình, ré ré ré. Thân tàu va loảng xoảng. Các bánh sắt lăn cổ một đoạn rồi chững lại.

Gã “xơ vơ” xông tới, xô bật tôi ra, giằng lấy dây. Tôi bước tới cửa lên xuống, ngây ngất và hội họa một cách không tài nào hiểu hỏi, chờ đón người bạn đường đang chạy đến với tôi từ trong đêm tối.

Tiếng chân. Tiếng mưa. Một bàn tay đưa lên, tôi nắm lấy. Bàn tay ấy giá ướt nhưng mềm mại, run lên trong lòng bàn tay tôi. Vừa vịn điện được nổi lại. Đèn trong toa sáng lên.

- Cảm ơn... cảm ơn anh... - Người vừa lên nói trong hơi thở gấp, nghe nghèn nghẹn như tiếng thỏn

thức.

Tôi buông tay người phụ nữ ấy ra và nghiêng mình nhường lối. Hương son phấn ngọt ngào nồng ấm và hương nước hoa tinh khiết lướt qua khiến tôi tê dại. Thất thân, vô tri giác, tôi bước theo chị vào trong toa và thờ thần ngồi xuống ghế đối diện.

Tay xé vé đang cơn thịnh nộ, đang âm ỉ quát lác tôi, tự dưng chùng xuống. Những người trong toa nửa như bừng tỉnh nửa như sững sờ. Và dường như cả con tàu cũng vậy, cũng thân ra, quên bằng hành trình. Mãi rồi nó mới giật mình chuyển bánh.

Nhan sắc của người đàn bà không quen biết ngồi trước mặt tôi, một nhan sắc còn mờ hơi mưa, một nhan sắc còn chưa hồi lại, tê tái vì giá rét, song ấy là một dụng nhan tự trong mơ, một giấc mơ lạc vào giữa thực cảnh tôi tàn, nhem nhuốc này. Nàng ngồi trong vàng sáng mờ mờ, áo măng tô viền lông thú ẩm ướt, cái xác da nhỏ màu đen khoác trên vai, gương mặt mịn màng trắng xanh. Nàng nhìn tôi, môi mấp máy thăm nói một lần nữa lời cảm ơn. Và lẳng lẳng, nàng đưa mắt lướt nhìn thật nhanh những người khác trong toa. Nhưng với tôi, cả toa lúc này chỉ có mình nàng. Và tôi. Chúng tôi như đang trên nẻo đường nào đó rất xa. Toa tàu cũ kỹ rung lên, dập dềnh nhồi lắc. Tôi thăm đau đón trong lòng.

Thường vẫn thế, chẳng hiểu sao, trước cái đẹp tôi chỉ thấy đau. Vẻ đẹp không lời của thiên nhiên và của con người luôn luôn biến thành lời than tiếc cuộc đời tôi, làm tôi mất đi niềm yên thân bền vững ngày qua ngày. Cái đẹp cho tôi thấy đời tôi vô nghĩa, nghèo nàn và ngọt thở đến nhường nào. Không hồn, không màu sắc, không chút khuất khúc, phẳng lỳ, nhẵn thín, bình yên. Đời tôi, tôi những muốn nấc lên...

Trong đêm vắng, tàu trôi nhanh qua miền ngoại ô, lướt bỏ các bến đỗ. Ngã tư Sở không người. Tây Sơn, Nam Đồng ngâm mình trong mưa.

- Ông anh có thuốc lá đây không, cho xin một điếu lót lòng? - Tay xé vé chột hỏi.

- Không... - Tôi giật mình, đưa tay sờ túi áo - Hết mất rồi...

- Buồn thay!

- Tôi có đây. Mời anh - Người đàn bà nọ nói khẽ, giọng nữ trung dịu dàng, và mở xác lấy ra một bao Salem xanh cùng chiếc bật lửa ga. Cả tôi cũng rút một điếu. Nàng bật máy lửa, tôi hơi chồm người lại gần nàng để châm. Qua ngọn lửa xanh biếc, mắt chúng tôi gặp nhau và chúng tôi nhận ra nhau. Không phải là đã có một lúc nào đó trước đây tôi đã gặp nàng, chúng tôi chưa từng bao giờ thoáng bóng nhau, nhưng với cái nhìn mắt vào mắt này, tôi không nghi ngờ là chúng tôi đã có trong nhau từ suốt bao năm trời nay. Tôi biết rằng chúng tôi hiểu rõ nhau, thấu suốt tâm hồn nhau. Mắt nàng dim lại dưới làn mi rợp, mắt tôi mở to bàng hoàng. Một nỗi xót thương và một niềm lo sợ vô cớ chột nhói trong lòng tôi. Chính vào giây lát ấy tôi đã nhận ra ở đằng sau, ở bên trong dung nhan của nàng chỉ ẩn chứa duy nhất một nỗi khiếp sợ. Vẻ đôn hậu, dễ thương và rụt rè của nàng là gương mặt khác của một lòng dạ rồi bời.

- Chị sao thế? Có chuyện gì phải không? - Tôi hỏi, vụng về - Tôi có thể giúp gì được không?

- Dạ không... Sao anh hỏi thế... - Nàng thăm thì yếu ớt, cụp mắt xuống, các ngón tay run run thả rơi điếu thuốc - Tôi... tôi có sao đâu... tôi sắp xuống...

- Chị xuống Giám à?

- Vâng.

- Yên chí, còn xa.

- Phải rồi còn xa... Ông xẩm đã nhích tới chỗ chúng tôi từ lúc nào, khàn khàn lên tiếng - Đường còn xa. Kính thưa các đồng chí, các ông các bà, các anh các chị, các cậu các cô, để góp vui làm giảm nỗi khắc khoải đường trường của quý vị hành khách, ông cháu tôi xin phục vụ biểu diễn miễn phí bài Suối Mơ, ca khúc tiền chiến lừng danh...

Ông lão vịn tay lên vai một thằng bé còm cõi, rách rưới, mặt mày nhem nhuốc, già cằn, để nó đưa đi chậm chậm dọc toa. Lão khọt khẹt trong họng lấy giọng. Thằng bé chìa cái bát nhôm vào mặt từng

quí khách. Tôi quẳng vội vào đó một tờ bạc lẻ vo viên. Thiếu phụ kéo phéc mờ tuya, mở xấp.

- Suối-uối-uối... mơ... - Ông xảm nấc lên.

Thình lình, sàn tàu nảy chồm như sa xuống ổ gà. Phía đầu toa ông lái tàu kêu lên hốt hoảng, cuống cuồng quay tay phanh. Các guốc hãm xiết vào bánh sắt, rú lên ghê tai. Tàu dừng giật lại.

- Trật bánh rồi...!

- Cán phải người rồi...!

- Không phải trật bánh... - Anh xé vé thẳng thốt thều thào, khiếp đảm - Mà là xít đờ ca. Xe bắt người đây!

Người thiếu phụ ngẩng lên, nhìn tôi. Một tiếng kêu câm lặng trong cái nhìn ấy. Mặt tái đi, nàng mím môi. Tôi cứng người lại.

Thong thả nàng đứng dậy, lằng lằng rút từ trong xấp ra một tờ bạc đặt vào cái bát mà thằng bé rách rưới đang kiên nhẫn chia ra. Và cùng trong khoảng khắc ấy, nàng thả vào lòng tôi đang ngồi ngây lặng một cái phong bì to và dày như một cuốn sổ. Măn đờn tôi không làm nhòa đi nỗi khỏi tâm trí mình gương mặt, thần sắc và cái nhìn của con người ấy trong giây lát ấy. Còn hơn là một nỗi tuyệt vọng, còn hơn là một niềm thống khổ, nàng nhìn tôi, van lơn, nhưng đồng thời chứa chan tin cậy và thiết tha đảm thắm lòng mến yêu. Có thể là tôi đã tưởng tượng và suy diễn thêm ra chăng? Tôi không biết nữa, chỉ biết rằng trong chớp mắt ấy chúng tôi đã trao gửi cho nhau những tình cảm mà cả đời, trước đây cũng như về sau này, tôi chưa từng có với ai và cũng chưa ai từng có với tôi.

Tôi cúi mặt, cụp mắt xuống. Nàng quay đi, bước về phía cửa toa. Một cách vô thức, hoàn toàn ngoài lý trí, tôi nhét nhanh cái phong bì vào túi trong áo vét. Không nhìn gì, không nghe thấy gì hết, tôi ngội, mắt nhắm lại, và gần như bình thản, tôi lặng lẽ chờ một ngọn đèn pin rọi vào mặt, một bàn tay chụp lấy vai và một mệnh lệnh buộc tôi đứng lên.

Như là cả một thế kỷ đã điếu qua, chẳng có chuyện gì xảy ra với tôi hết. Tôi ngẩng lên, mở mắt khi tàu lại chuyển bánh. Trên toa vẫn chừng ấy mông, trừ nàng.

- Ôi trời, đẹp đẽ làm vậy mà bị còng tay, bị người ta xô sấp xô ngửa, khổ thân cô ấy thế! - Bà nhà quê to mồm than - Dính phải cái tội gì vậy chả biết. Khéo mà rũ tù.

Tim tôi đại đi. Trong túi áo ngực, vật ký thác của nàng như bén lửa vào da tôi.

Ông xảm lại gân cổ lên ca hát. Á áo lông và anh xé vé đùa cợt nhau trong xó. Bà nhà quê gà gât ngủ. Tôi những muốn nhảy bỏ ra khỏi tàu, song lại sợ có ai đó sinh nghi, nên đành cắn răng ngồi bất động tới tận bên đỗ cuối cùng ở Bờ Hồ.

Khi tôi vừa bước chân xuống đường thì anh lính đi xuống ngay sau chột nói:

- Chẳng khám thấy gì, chẳng có bằng cứ nào cả thì người ta phải thả thôi...

Ấy là lời khuyên khích hay là lời cảnh cáo? Tôi cầm đầu đi như chạy. Nhà ngay gần đấy nhưng tôi dầm mưa đi vòng đi về mãi rồi mới lần về ngõ. Ngó trước ngó sau, tìm nện thình thình, tôi hé công lách vào. Cả đêm, tôi trần trọc. Sáng ra vẫn chưa quyết được bề nào, tôi nằm nhà.

Đợi người trong gia đình đi hết khỏi nhà rồi, tôi lấy cái phong bì ra, thận trọng xem xét. Phong bì bằng giấy dày, màu nâu. Chỉ dùng ngón tay sờ nắn bên ngoài tôi cũng biết bên trong không phải thuốc nổ, thuốc độc, không phải bột bạch phiến, cũng không phải tiền bạc châu báu gì. Chỉ là giấy, một xếp giấy đánh máy mỏng được ghim lại. Địa chỉ chắc là được ghi trên xếp giấy.

Ba ngày trôi qua, tôi cáo ốm, bòn chòn lo sợ. Sang ngày thứ tư tôi quyết định mạng cái tang vật nguy hiểm ấy đi nộp cho nơi cần nộp. Nhưng được một đoạn ra khỏi nhà, tôi quay về, chui vào bếp, bật diêm đốt. Rồi tôi ra bên xe buýt, lên ô tô, đi làm.

Áp mặt vào cửa kính ô tô tôi chăm chú nhìn xuống đường Hàng Bột, đường Nam Đồng nghìn nghịt người xe, thăm lầy lầm lạp. Rõ ràng có một cái gì đây thay đổi dọc trên chặng đường quen thuộc này, nhưng là gì thì tôi chưa nhận ra.

Tôi xuống xe buýt đúng điểm mà đêm nọ tôi đã lên tàu điện. Trời hửng nắng nhưng càng giá rét, từ mưa phùn chuyển sang tiết hanh khô. Đường mù mịt bụi. Tôi đưa mắt tìm lại chỗ mà tôi buộc chuyến tàu đêm dừng bánh. Và tôi chợt hiểu. Điều này đã nghe nói từ lâu, giờ mới xảy ra. Không còn tàu điện nữa. Đường ray đã bị bóc. Cái bộ xương han rỉ, cái di tích sống động và tàn tạ của Hà Thành cả một thế kỷ 20 đã thật sự chết rồi. Trong tình cảnh của mình lúc này, tôi không biết sự biến mất của tàu điện đáng cho tôi nặng lòng tiếc nuối và cảm thương hay là nên thở phào nhẹ nhõm.

Đến nay đã nhiều năm qua rồi. Ngày lại ngày, tôi vẫn đạp đi và đạp về một ngã đường ấy. Trên mặt nhựa, dấu vết đường xe điện vẫn còn có thể cảm thấy. Hàng ngày bám theo lối mòn giữa phố ấy, lòng tôi vẫn âm thầm ấp ủ một cuộc gặp gỡ không bao giờ còn có thể.

Thời của xe máy

Thằng cháu con ông anh tôi bị bọn quái xế chôm mất chiếc Dream. Cả một con xe đi tong, thế mà tôi thấy nó chỉ buồn chút xíu. Ngay cả con vợ, tuy rằng xót của, cũng chỉ này nọ cự nự chồng dăm câu ba điều rồi thôi. Thái độ cam chịu bình thản của hai vợ chồng khiến tôi phục lẫn. Hai mươi năm trước, đang tuổi trẻ như chúng bây giờ, khi bị người ta bẻ khóa nhôn mất chiếc xe đạp độc nhất của cả nhà, tôi đã gân hóa dại. Nhất là cái cơn choáng lúc thoát đầu khi chợt nhận ra “con Phượng Hoàng xích hộp” quý báu ngàn vàng vừa dừng ở độ đã bốc hơi, thì tôi nhớ đời. Đây là một cảm giác mà phải ai đã trải qua rồi mới thấu. Một trạng thái rất gần sự chết. Đứng tim, ngừng thở, công buốt, run bắn, tối sầm, muốn khụy. Và cái sự “không tin vào mắt mình, không tin nổi đó là sự thật” hay đọc thấy trong văn chương có nghĩa là thế nào thì chính là như tôi khi ấy.

Vợ chồng thằng cháu vô tư với tổn thất chẳng phải vì chúng giàu có gì hơn ai mà bởi lối sống, lối nghĩ thời nay thông thoáng nhẹ nhõm gấp nhiều lần thời trước. Đối với những người lứa tuổi hại đũa, chiếc xe máy hay bất kỳ tài sản nào dù to tát tới đâu cũng chỉ là tiền, cũng chỉ là đồ vật, khác hẳn thời tôi, cha chú của nó, thứ vật dụng gì cũng có giá trị xương máu. Đến như chiếc xe đạp thì phải nói là nó có tính vận mệnh, có ý nghĩa đời người, nó nặng hơn sinh mạng, nó vô giá.

Những năm 50, sau giải phóng Thủ đô, khi tôi còn nhãi ranh, lượng xe đạp ở Hà Nội còn ít hơn số đầu xe hơi thời nay. Ngoại trừ vài tuyến xe điện, và thừa thớt, chậm rề những chiếc xích lô, dân tình thời ấy “tham gia giao thông” chủ yếu bằng cặp giò. Dọc một phố lớn như phố Hàng Đào chúng tôi mà nhà ai xe đạp mác gì mọi người đều tỏ. Giàu nhất phố là gia đình ông Ích Lợi, thành phần tư sản, chục người chung một chiếc Poggiô với một chiếc Xteclinh. Oai nhất phố là ông giáo Bình, công chức lưu dụng, đương quyền hiệu phó trường Anbe Xarô (thời ấy còn chưa đóng cửa), có chiếc Xôlêch đen xỉ với cái bầu máy ngộ nghĩnh hình trụ rất hiếm khi được ăn xăng và cật tiếng. Thường xuyên đề cõ xe ở chế độ vận hành bằng mô hôi, ông giáo già gò lưng ngoáy người ề cõ đạp. Dân phố kêu thầy bằng thầy Bình xôlêch, hay đơn giản, thầy Bình bịch.

Dần dần Nhà nước cho nhập xe đạp của phe ta về: Tiệp Khắc, Đông Đức, Liên Xô, Trung Quốc và bản thân Việt Nam cũng đã lần hồi tự lực sản xuất được. Không nhiều lắm, chỉ đủ để phân phối cho cán bộ xếp hàng tà tà lần lượt theo chức vụ, theo thâm niên. Hồi bấy giờ, ở nông thôn thì nhà nhà đi bình dân học vụ, còn ở Hà Nội thì nhà nhà đi tập xe. Từ chập tối tới canh khuya, tại những khúc phố rộng rãi, sáng đèn bên Bờ Hồ, ở vườn hoa Canh Nông, ở quảng trường Ba Đình, dọc đường Cô Ngự, trẻ con, người lớn, đàn ông, đàn bà ríu rít thay nhau lên yên xuống yên, người thì ghi cứng ghi đông và loạng choạng đạp, người thì rình rịch chạy sau đỡ, luỳnh quỳnh ngượng ngập, ngã bộ nhào, ngã chổng gọng, rất vui mắt. Tới khoảng năm 1960 thì Hà Nội đã chính thức là một thành phố với nền văn minh xe đạp. Không phải chỉ vì nườm nượp xe đạp mà còn vì xe đạp đã thành sở hữu tối cao của mỗi nhà, một chiếc xe đạp nói lên vị thế xã hội của một gia đình.

Cùng với xe đạp, ô tô cũng không còn quá hiếm. Chốc chốc lại thấy chạy dọc phố một chiếc xe hòm của các quan chức cao cấp, rồi xe hơi cơ quan, xe buýt Skoda, và nhiều nhất là xe tải. Tuy nhiên, mô tô vẫn là của lạ. Bọn nhãi chúng tôi chỉ được thấy loại xe này trong các cuộc diễu binh. Bình bịch ba bánh của bộ đội biên phòng và bộ đội cơ giới. Họa hoằn mới thấy một chiếc bình bịch của công an lao vụt qua phố lúc nửa đêm, hẳn là với nhiệm vụ cực kỳ khẩn cấp thì mới dùng tới.

Xe máy hiếm tới nỗi cha tôi từ khi có xe đã luôn luôn phải dừng ở các ngã tư để trình giấy. Đỗ xe ở đâu cũng kín nghịt người vây xung quanh. Hiếm tới nỗi, phiếu xăng phải có chữ ký của ông chủ tịch thành phố, và phải sang tận kho Đức Giang bên tả ngạn sông Đuống để lĩnh tiêu chuẩn. Hiếm tới nỗi, sau khi cha phải bán xe đi rồi, hàng năm sau tôi vẫn nhận ra nó trên phố, nó quá nổi bật, quá sang trọng, quá lạ lùng gần như là một niềm kinh dị.

Tôi còn nhớ rất rõ cái ngày gia đình tôi vinh dự có xe máy. Bấy giờ là mùa đông năm 1963. Cha tôi mở cổng vào nhà dắt theo một chiếc bình bịch! Xe nhãn hiệu Riga, màu hồng nhạt, mới cứng. Xin nói là cả Hà Nội chỉ có hai chiếc Riga đó. Một chiếc của cha tôi, một chiếc nữa màu da trời của giáo sư

Nguyễn Tài Cẩn. Hai ông cùng mua của một cận bộ ngoại giao hạng nhất mới từ Liên Xô về được đặc quyền khuân theo. Cho nên tôi dám cả quyết rằng nền văn minh xe máy của Hà Nội hôm nay đã mạnh nha từ bốn chục năm về trước, do hai nhà ngôn ngữ học mở màn.

Xe hẵn là đắt cực. Hai ông giáo sư đều phải mua chịu trả dần. Và giấy tờ đăng ký thì vô cùng cam go. Tới nỗi, khi chiến tranh bùng nổ dữ dội năm 1965, không được phân phối xăng nữa, phải bán xe đi, cha tôi mới vừa trả xong tiền và vẫn chưa hoàn tất giấy tờ. Chiếc xe phải đi ở nhà người khiến tôi buồn hết sức. Cha tôi đã hứa sẽ cho chúng tôi tập xe, nhưng mới chỉ anh trai tôi kịp võ vẽ. Chiến tranh, sơ tán, gia đình mỗi người mỗi nơi. Chiếc xe cũng ra đi. Thỉnh thoảng tôi vẫn nom thấy nó, Riga, phành phành phi qua. Loại xe ga, nhiên liệu pha dầu, xả khói đen ngòm.

* * *

Xe máy của “nền văn minh Mỹ-ngụy”, tôi được thấy lần đầu tiên năm 1970 tại khu gia binh căn cứ biệt kích Đắc Xiêng. Một tay thiếu úy qua đêm ở nhà vợ, nghe pháo kích liền học tốc lên xe máy lao về đồn. Nhưng vừa phóng ra khỏi khoanh sân trước nhà thì y dính đạn AK, văng khỏi yên. Chiếc xe quật mạnh xuống đường. Khi chúng tôi xộc tới tay thiếu úy đã hết giấy, nhưng động cơ chiếc xe vẫn chạy, bánh sau xoay tít. Tôi không nhớ chiếc xe ấy mác gì, chỉ nhớ máy của nó tiếng rất dòn lại rất khê. Tiểu đội trưởng Thoại của tôi vực chiếc xe dậy, nói đùa: “Máy thế này mới là máy chứ, nghe cứ như là mợ nó rên lên trong lòng cậu nó!”. Chiếc xe đột ngột rông to, vùng khỏi tay Thoại, chồm ngược, đâm bổ vào tôi.

Từ mùa khô năm 1972, Quân Giải phóng Tây Nguyên đánh chiếm được nhiều vùng dân cư dọc lộ 14 và lộ 19 kéo dài thì xe máy Nhật (được gọi chung là Honda) không còn lạ mắt với chúng tôi nữa. Nông dân tại các vùng trồng cà phê có đời sống tương đối khá. Nhiều nhà có máy phát điện và máy cày. Và hầu như nhà nào cũng có Honda. Nhưng vì không có xăng và phụ tùng thay thế nên xe máy ở các vùng giải phóng Đắc Tô, Tân Cảnh, Diên Bình, Đức Cơ... phần lớn bị xếp xó, hư hỏng và han rỉ dần. Hân hữu mới thấy vài chiếc của anh em trạm giao liên và giao bưu lướt chạy trên lộ.

Mùa khô năm 1975, quân ta tấn công Buôn Ma Thuột. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh di tản Quân đoàn 2 khỏi Tây Nguyên. Binh lính, sĩ quan, công chức và gia đình của họ chồng chất lên nhau trên hàng ngàn xe GMC, xe jeep, xe be, xe đồ, xe lam. Nhưng đông hơn thế bội lần, kín nghìn nghịt mặt tỉnh lộ 7 và quốc lộ 14, quốc lộ 21 là xe Honda. Hầu hết là xe 50 phân khối. Chở hai, chở ba, thậm chí chở bốn người với ních thêm cả đồ đạc, những chiếc Honda “ba gác” cuồng lên lao thực mạng, liều chết lạng lách giữa dòng cuộn cuộn và hung dữ những xe nhà binh để mong thoát được lên phía trên cùng của biển người. Nhưng chẳng ai thoát nổi, chẳng mấy xe chạy được xa. Bình xăng kiệt khô, các trạm xăng dọc lộ thì hoặc bị cướp nhẵn hoặc bốc cháy và phát nổ, người ta đành vớt xe lại, chạy bộ. Ngay những người biết lo xa, biết chở theo một hai can xăng cũng không thể chạy được xuống đồng bằng. Dưới chân đèo Ma Đơ Rắc ở Khánh Dương, tôi thấy một bãi xe máy vô chủ cả ngàn chiếc nằm ngổn ngang chồng chất. Người ta bảo là dọc đường số Một, đoạn từ Đà Nẵng vào Tam Kỳ có những bãi xe hoang còn bạt ngàn hơn. Và ở Cheo Reo nữa, rồi dọc tỉnh lộ 8, dọc đường 20...

Tôi biết đi xe máy vào chính thời gian đó. Tôi nhớ là ngày 31 tháng Ba, bộ đội sư đoàn 10 đánh tan lũ dù 3 chốt ở đèo Phụng Hoàng, thừa thắng tiến thẳng ra bờ biển Đông, gặp lộ Một tại ngã ba Ninh Hòa. Tiểu đội tôi dừng chân tạm nghỉ lấy lại hơi sức trước khi tiến về Nha Trang. Trong cái đôn cảnh sát gần chỗ chúng tôi ngồi ăn trưa, không hiểu sao vẫn thấy quăng lại đó một chiếc Honda màu đen, chìa khóa còn, và kỳ lạ nhất là bình xăng của nó vẫn còn óc ách. Một tay trong tiểu đội lôi chiếc xe ra vệ đường, ngồi lên, vặn chìa và nghiêng răng đập, đập thật lực. Máy nổ dòn tan, và anh chàng nọ xoáy tay ga, dấn dấn cái gì đó dưới bàn chân. Ngay lập tức, như một lần tôi đã bị, chiếc xe chồm lên, vật anh chàng xuống mặt đường. Hú hồn, đau điếng nhưng ngoan cố, chàng kỵ mã dựng chiếc xe lên, lại xiết ga và lại bị quật xuống. Lính tráng vừa sợ vừa thích chí xúm cả lại, nhưng không ai biết phải xoay xở với cỗ máy điên khùng ấy ra làm sao.

Rốt cuộc chúng tôi lựa ra một tay thanh niên rõ ràng là lính Sài Gòn đang len lẩn trong dòng người di tản đông đặc. “Biết sử dụng xe máy không, anh kia?”. “Đa, trình quý ông, em rành ạ. Thứ 67 này em xài thường”. Tay lính chiến trung đoàn 44 ấy, đồ trận đã quăng ráo, mình mẩy còn độc cái quân xả lỏn, hăng hái tỏ nhiệt tình cách mạng. Anh chàng vanh vách chỉ dẫn cách nổ máy, cách lên ga, sang số, đạp phanh, nhả phanh, nháy xi nhan v.v... Chúng tôi chăm chú nghe lý thuyết và xem thao tác. Rồi lần lượt

chúng tôi thay nhau lên yên. Mở khóa điện, vào số, chạy, chậm chậm rồi nhanh, thật nhanh. Mỗi người chạy thử một vòng nửa cây số con đường ngang vắng người dẫn xuống mép biển. Tay tù binh ngồi ôm eo từng người để tiếp tục hướng dẫn và xem chừng. Khi đại đội ra lệnh hành quân, trọng tiểu đội tôi đã vài người có thể xem như là biết chạy xe máy, tay lái không chuyệnh choạng, sang số lẹ và êm. Tay tù binh được thưởng luôn chiếc Honda 67 với bình xăng còn kha khá. Quân ta tiếp tục đường hành tiến vào Nam, còn anh ta thì quay ra mạn Bắc, về quê ở Tuy Hòa. Chúng tôi chúc nhau thượng lộ bình an.

* * *

Tôi biết đi xe máy như vậy là khá sớm, nhưng cái sự biết đó chẳng để làm gì, Trở về sau chiến tranh, trở về với Hà Nội, lại trở về với chiếc xe đạp cà khỗ. Hà Nội thời sau chiến tranh, mười mấy năm trời dai dẳng thời bao cấp nghèo ỏi là nghèo, mức sống còn thua kém cả trong chiến tranh.

Tất nhiên Honda cũng đã lần đường ra Bắc cùng với tivi, tủ lạnh, đồng hồ senkô, búp bê, quần loe, đồ nhựa Thái, chuông Kim Dung... Nhưng mười năm hậu chiến Hà Nội vẫn xe đạp là chính. Phần vì giá xe vượt xa túi tiền và mức sống hồi ấy, nhưng chủ yếu do phụ tùng thay thế không có, nhất là xăng quá khan. Có tiền cũng chưa chắc kiếm nổi một chai nửa lít nói gì đồ đầy bình để chạy ngày ngày. Đã vậy lại luôn luôn bị chặn hỏi giấy tờ. Dắt xe máy ra đường phải mang trong người cả núi hồ sơ về cái xe máy đó. Chưa kể là dạo ấy còn có cái vụ “kiểm tra hành chính”, biết tương trình với nhà chức trách thế nào đây về sự hiện diện của một gia tài to tát đến nhường ấy trong ngôi nhà xơ xác mình. Sở hữu một chiếc xe máy rõ ràng là sở hữu một tội nợ. Tuy nhiên người ta vẫn ham hố, vẫn ao ước. Được làm chủ nhân ông một chiếc Honda vẫn thật sự là một niềm hãnh diện hơn người. Ở đoạn phố nhà tôi có hai anh Trung, hai anh Nam, tên các anh được gắn thêm mác chiếc xe mà các anh sở hữu: Trung “suzuki”, Trung “vet pa”, Nam “amaha”, Nam 67... Ngay trong những thời kỳ cấm xe gắt gao nhất, sự mua đi bán lại vẫn rộn ràng. Cái chợ xe Phùng Hưng đã ra đời từ tận những năm nghèo kiệt ấy. Ngoài Honda tải từ Nam ra, ở Hà Nội còn có dòng bình bịch Liên Xô và Đông Âu do đám con em đông đảo đi “hợp tác lao động” bèo dạt mây trôi tuồn về. Mukích, Min, Babétnhè, Cá vàng, Cá ươn... xâu xí và ô nhiễm nặng nề nồng nặc nhưng lại khá là nổi đồng côi đá.

Đôi Mối được vài năm, lượng xe máy ở Hà Nội đã nhiều gần bằng lượng xe đạp. Rồi vì phe XHCN không còn, Hà Nội trở về với bình bịch Nhật, tuy nhiên là loại đời mới. Nền văn minh xe máy đã thực sự bắt đầu và nhanh chóng tăng tốc, chiếm lĩnh dần dần mặt phố. Nhiều phương tiện giao thông thân thuộc của Hà Thành như tàu điện, xe buýt, xích lô và xe đạp lần lượt ra rìa để rộng chỗ cho thế lực của xe máy. Ngày qua tháng lại đời sống dần vượng lên, nhưng dù có không vượng được, dù vẫn đủ bề túng thiếu cũng không mấy ai còn có thể đứng đỉnh đạp xe dạo mé ngoài nền văn minh ấy nữa. Tậu được con xe đầu tiên, nhập cuộc thời đại rồi, thì lại phải gồng gỏi theo cho kịp dòng đời, phải liên tục đổi mới. Thành thử ngày nay xe máy ở Hà Nội toàn những xe sang, cho dù thực chất là đồ Tàu hoặc liên doanh Hàn liên doanh Đài Loan nhưng mã ngoài vẫn phải nhái y chang Dream II, Wave, Viva, Spacy, A công... Cho dù là gọi xe ôm người ta cũng không đời nào gọi mấy anh 81 với cả cúp tôm chứ đừng nói gì Min hay Mukích.

Mãi tới năm 95, gia đình tôi mới có xe máy. Một chiếc 82 chạy chưa tới vạn cây, bạn tôi để lại với giá hữu nghị, chỉ sáu vé. Chỉ sáu vé, nói oai vậy, chứ kỳ tình hồi ấy hai vợ chồng tôi cộng lương lại chưa được triệu bạc một tháng. Thú thực là không bao giờ tôi tự biết được là vì sao mình lại có thể có gan tậu và có thể tậu nổi chiếc 82 đó. Nhưng dù gì thì từ ngày có xe, tôi thấy mình mạnh bạo hơn trong đời sống. Tự tin hơn, cứng vía hơn. Và quả thật là từ ngày đó, có thể nói là nhờ chiếc xe ấy, tôi sống khá khả hơn, có đồng ra đồng vào hơn. Tôi nghĩ là không chỉ riêng tôi. Chiếc xe máy thực sự là một phương tiện hữu ích, một đồ vật có công đối với bước tiến trong đời sống của đa phần người bình dân Hà Nội những năm qua. Tất nhiên chiếc xe máy cũng là nguồn cơn của đủ thứ tai ách trên đường phố, nhưng dù vậy nó là vẫn một biểu tượng cho sức sống năng động của người dân từ khi nhịp bước vào đời sông kinh tế thị trường.

Có thể nói ngày nay hình ảnh chiếc xe máy đang lách chạy và lấn chen trên phố là hình ảnh của một đại nghịch lý, tuy nhiên là một nghịch lý thú vị, thậm chí dễ thương và đáng yêu nữa trong cái đời sống mưu sinh dày đặc nghịch lý và vô vàn sắc màu, vô cùng tươi vui rộn rã của chúng ta hôm nay. Dù sao thì cảnh tượng Hà Nội, Sài Gòn cuộn cuộn xe máy vẫn là hết sức độc đáo đối với cả thế giới, vẫn là khung cảnh một đời sống tràn trề sinh lực và rất ưa nhìn. Dù sao thì chật ních xe máy vẫn hơn là sự

trông huyếch trông hoác của thời buổi nghèo nàn bán bạch những năm xưa. Chỉ tiếc rằng thời của xe máy tiếng vậy nhưng mà cũng sắp kết thúc, sắp qua đi mất rồi.

Người Thăng Long quê Đảng Trong

Ở thời với tôi, bạn bè một lứa lớn lên bên dọc phố tôi bây giờ những người cùng nhau, chung nhau những năm tháng tuổi học trò thuở trước chiến tranh, chẳng còn lại bao nhiêu. Hầu hết đã vào sống ở Sài Gòn, ở Cần Thơ, hay là Bà Rịa-Vũng Tàu, Tây Nguyên, Đà Lạt. Các bạn lớp 10, bạn thời Đại học và cả bạn đồng ngũ nữa cũng vậy, người rời Hà Nội từ ngay mấy năm đầu đất nước thống nhất, người mới gần đây.

Thương binh nặng như anh Vũ, nhà ở đầu phố, bị mìn mìn mìn mất gần hết phần thân bên phải: mất phải, tay phải, chân phải, hòa bình rồi cũng chỉ chịu ra hưởng sự chăm sóc bao bọc của gia đình có đúng một năm, qua hai cái Tết là đã vội chồng nạng lên tàu trở lại với đất cũ chiến trường. Giờ thì anh đã hoàn toàn là một ông già Nam Bộ vợ con đề huề vui thú điền viên tận trong sâu tít miệt vườn Cái Bè. Thành thử có câu “vào Nam ra Bắc” mà tôi chỉ thấy đa phần người ta từ đây vào đây làm ăn gây dựng chứ chẳng mấy ai từ đây ra đây lập nghiệp. Ngoài này là ký ức của những đời người, còn trong đó là chí hướng, nói vậy có phải chăng?

Ngày nay thì chắc là không phải rồi, nhưng xưa kia thì đúng là như thế. Xưa, người dân quê tận trọng Đồng Nai lục tỉnh ngàn trùng cách trở khó lòng có dịp một lần về thắp hương nơi mộ phần tổ tiên gốc gác ông bà. Có chăng chỉ những vị quan và binh lính quê đảng trong được triều đình điều ra trấn thủ các tỉnh thành mạn Bắc.

Còn nhớ hồi nhỏ đang học trường Sinh Từ, tôi có hai đứa bạn cùng lớp, con nhà thợ rèn ở Kim Mã, họ Đài, giọng nói nghe là lạ. Thầy giáo bảo đây là giọng Quảng Nam đã qua nhiều đời hòa trong giọng Bắc. Thầy bảo họ Đài phố Kim Mã là cháu chắt một tùy tùng của Tổng đốc Hoàng Diệu. Hà Thành thất thủ, Tổng đốc tự tận, người tùy tùng ấy dạt vào sông trong dân, không trở về quê nữa. Hơn hai chục năm sau đây, mặc dù đã không còn là lính, ông vẫn dưng vào cuộc binh biến “Hà Thành đầu độc” do Đội Nhân chỉ huy. Mưu sự không thành, ông bị Tây bắt và xử trảm ở vườn hoa Canh Nông. Không hiểu những người họ Đài ở Kim Mã có biết gốc gác nhà mình là như thế, mà cũng không rõ ngày nay họ có còn theo nghề rèn ở phố đó hay là đã trở vào với cô hương trong ấy. Còn về hai chị em họ Đài cùng một lớp với tôi ở trường Sinh Từ thì người em trai tên Thìn không biết hiện nay thế nào, nhưng người chị, khi vào viếng Nghĩa trang bộ đội Trường Sơn tôi đã gặp bia mộ khắc tên: Đài Thị Hường, sinh 1950, hy sinh 1968. Hường nằm lại ở khu liệt sĩ Thủ Đô.

Người Hà Nội gốc tích trong Trung đã hiếm, gốc Nam Bộ lại càng hiếm lắm. Vào ngay ngày Tiếp quản mùng 10 tháng Mười năm 1954, khi cán bộ và bộ đội miền Nam tập kết chưa có mặt tại Hà Nội, trong khắp thành phố số lượng những nhà gốc quê trong ấy có lẽ chỉ đếm được trên đầu ngón tay: tiệm cầm đồ Khánh Hội ở ngã ba Sinh Từ-Văn Miếu; hiệu buôn nước mắm nơi góc ô Động Mác của gia đình bà Trứ “phú quốc”; thầy tu xuất tên Tư quê Gia Định bán cá vàng cây cảnh trên dốc Yên Phụ; ông người Chăm coi giữ Chùa Tây đen...

Bây giờ ở Hàng Dẫy không biết có còn ai nhớ Chúa Chôm, người Sài Gòn xịn, tá túc trên áp mái nhà 47 hồi những năm trước 1960. Chúa Chôm phố Hàng Dẫy, thực tên là Hai, nhờ may mắn sao đó được làm rề một chú Chệt mà anh khoe là giàu nhất nhì Chợ Lớn. Hầu hết của nả đều trong Nam, nhưng bố vợ anh cũng sở hữu cả loạt cửa hàng cửa hiệu ở Hà Nội. Đình chiến, ông tổng tháo bán đi tất cả, nhưng đã tiết tằn xuân năm 55 rồi mà một số tay nhà buôn ngoài “kẻ chợ” mua tài sản của ông vẫn ghìem tiền lại chưa chịu chuyển vào trả. Chàng rề bị phó cho trọng trách đi đòi. Chân ướt chân ráo ra Bắc, chưa thấm nổi một các đã hết hạn 300 ngày, chẳng kịp chạy xuống Cảng, vậy là bị kẹt, anh kẻ thế. Nhưng hàng phố thì lại khát rằng bởi mấy trăm lượng vàng đòi được đã nướng sạch vào chiêu bạc, nên chàng rề không dám vác mặt vào Nam gặp nhạc phụ nữa. Tự dưng được làm người Thủ Đô, nhưng nhả nhụi tiền bạc, anh Hai phải tới xin bà Phẫu đồng hương Phúc Kiên đăng vợ cho ăn nhờ ở đậu trên áp mái nhà số 47, và đề đáp đổi qua ngày anh đành vay nợ cả phố, hẹn năm 1956 sẽ trả tất một lần. Hai năm chờ “Tổng tuyển cử” chẳng làm ăn gì, túi chẳng một xu thế mà Chúa Chôm vẫn nhậu, nhậu tới ngày, rồi cả o mèu nữa. Rất nhiều cô trong phố thích anh, có cô yêu anh ra mặt. Họ ưa giọng nói miền Nam của anh, thích cung cách anh chuyện trò phong độ, phục anh tính đàn ông, không tiền mà tiêu pha

bạt mạng, nhất là họ say tiêng độn câu cạ của anh. Hàng tối, với âm trà chai rượu cây ghi ta anh trải chiếu ngồi sân thượng ca vọng cô, nghe sâu bi ướn át hết mức nổi lòng. Có hồi bị ngờ là giận điệp hay phản động gì đó anh phải nằm khảm mắt mây tháng. Cuối năm 56, không còn hồng gì vào nôi Chợ Lớn tải tiền ra trả người ta, anh xin khất, hứa là sẽ tự thân cày cuốc để hoàn nợ. Anh vay cô được một món chừng chục bạc sắm bộ đồ thợ cạo. Cắt tóc rong ở Bờ Hồ tới đầu năm 60, anh gác dao kéo, tình nguyện đi “khai phá miền tây”. Anh không một mình ra đi. Một cô ở Âu Triệu, con chiên, nhà lành, mạnh bạo bỏ phố phường, trốn thầy mẹ tốt theo anh lên núi cao xây dựng hạnh phúc.

Cũng là người Sài Gòn như Chúa Chôm còn có hai anh em ông Cầm cua-rơ, nhà ở chân núi Bò đầu xóm nghèo Vạn Phúc. Hai anh em nhà này định cư tại Hà Nội từ trước thế chiến. Tuy chỉ có ông em phải nói năng bằng ra hiệu, thiên hạ vẫn kêu cả hai là “ông Cầm” bởi họ giống nhau ỵ chang, to lớn lực lưỡng, râu tóc lôm xôm, da dẻ đen cháy. Thời trẻ cả hai cùng là dân đua xe nhà nghề. Trong một cuộc đua vòng quanh Đông Dương, qua Hà Nội, họ cùng đi hát, rồi cùng ham, cùng si một nàng ở xóm cô đầu Trại Găng. Si tới độ bỏ nghiệp thể thao, bỏ cả Sài Thành, ở lại hẳn ngoài này làm lụng nuôi nấng. Là người ta kể thế. Người ta kể rằng ba người đó cứ bủn rủn sông với nhau mười mấy năm trời một góc khuất ngoại ô, không can dự thời cuộc, không đi kháng chiến, và cũng không nhập dòng di cư năm 54. Tuy nhiên sang thời ta, do không được phép tùy tiện như trong thời tây, họ phải rạch ròi phân ra thành hai hộ. Hộ độc thân là ông anh trai. Hộ gia đình là ông em bị cầm với người đàn bà. Vợ chồng người em không có con, còn người anh thì mãi mãi độc thân, và họ cứ vậy mãi mãi bên nhau, cách nhau chỉ tám phen nửa ngàn đôi túp nhà tuênh toàng, tường gạch mộc, mái lợp tôn. Bên chái, họ mở một cái hiệu bơm vá và sửa chữa xe đạp. Năm 69, trước khi đi bộ đội, tôi vẫn còn thấy ba con người kỳ lạ, đã luông tuôi và yêu thương nhau vô hạn độ ấy sống ở đó, dưới núi Bò, nhưng năm 75, khi từ trong Nam ra, tôi không thấy họ nữa, túp nhà và hiệu sửa xe cũng không còn. Chỗ đất đó bây giờ lọt trong khuôn viên Đại Sứ quán Thụy Điển.

* * *

Đoàn cán bộ và bộ đội miền Nam tập kết đầu tiên đã theo tàu Kilinxi của Cộng hòa Nhân dân Ba Lan ra tới Sầm Sơn từ cuối mùa thu năm 1954. Và vào khoảng tháng 11 thì đã có những tiểu đoàn bộ đội tập kết về đóng quân ở Hà Nội. Tiểu đoàn trưởng của tiểu đoàn Nam Bộ chốt tại Liễu Giai, chỗ khách sạn La Thành bây giờ, tên là Ba Sơn, người Hà Nội, nhà ở phố Yên Thế. Ba Sơn đi Nam Tiên từ đầu năm 46. Sau dằng dặc chín năm trời chiến tranh và ly biệt, anh trở về nhà thì nhà anh, toàn gia không sót một ai, đã di cư vào Nam. Đất nước bị chia cắt, hạnh phúc hòa bình bị cửa ngang có nghĩa là như vậy đây, như tình cảnh anh Ba Sơn và bao đồng chí đồng đội của anh, một niềm hạnh phúc ngậm thương đau, thương đau làm nghẹn ngào niềm vui được chào đón hòa bình.

Tuy nhiên, do cảnh ngộ của đất nước bị chia cắt mà hai mươi năm ấy, từ sau ngày hòa bình lập lại năm 54 tới ngày Toàn thắng năm 75, là những năm có lẽ duy nhất trong lịch sử, Hà Nội có được đông đảo những người con của miền Nam quây quần về sinh sống dài lâu đến như thế. Những năm ấy, cán bộ và bộ đội tập kết chuyên ngành về công tác ngày một nhiều hơn ở mọi Bộ mọi ngành, mọi cấp chính quyền và đoàn thể, tham gia và hòa nhập vào mọi lĩnh vực, mọi sinh hoạt của đời sống thành phố. Nhiều người là cán bộ trung cao cấp, nắm trọng trách, song cũng rất nhiều người sống cuộc đời thường nhật đầy gian nan túng thiếu, trăm bề vất vả của phần đông cán bộ công nhân viên chức hạng loảng xoảng và hạng thấp thời bấy giờ. Họ ngày một thêm gần gũi và thân thuộc với bà con hàng phố. Như ở phố tôi chẳng hạn, hồi năm 59, 60, hộ tịch viên là anh Hải, quê Biên Hòa; bí thư Đoàn khôi phố là chị Ngọc quê Quảng Ngãi. Hay như bác Thịnh, công nhân xe điện, trong suốt nhiều năm chuyên nghiệp giữ nhiệm vụ chuyên môn nối đường ray hai tuyến Hà Đông và Cầu Giấy tại điểm giao nhau nơi góc tường Vạn Miếu, là một thương binh quê Quảng Trị. Ở trường Sinh Từ, thầy hiệu trưởng thời trước năm 64 là thầy Đắc thương binh quê Bà Rịa, cô Liễu dạy toán quê Bến Tre, thầy Toàn thể dục quê Quảng Nam, và bác Năm lao công, giữ nhịp trống trường hàng ngày cũng là thương binh tập kết quê ở sâu xa tận trong Cà Mau.

Bản thân tôi cũng là một người Hà Nội gốc “đàng trong”, theo như cách nói của bà tôi. Tuy nhiên tôi không thuộc diện con em gia đình cán bộ miền Nam tập kết, bởi vì song thân tôi và hầu hết họ hàng nội ngoại đã phải rời xa quê hương từ trước năm 54 nhiều năm, từ ngay ngày đầu Toàn quốc Kháng chiến. Ngày đó, đàn ông trai tráng trong nhà gia nhập Vệ Quốc đoàn, chiến đấu trên khắp các mặt trận Trung Bộ, người già, phụ nữ và trẻ nhỏ thì rời Huế tản cư ra Khu Bốn. Hòa bình lập lại, họ mặc tản mát mọi

miền tập kết cả về đoàn tụ ở Hà Nội. Mẹ tôi từ Vinh, cha từ Lào, một bác từ Việt Bắc, một bác từ chiến khu Ba Rền, một chú từ Khu học xá... Cho đến bây giờ cả nhà vẫn giọng Huế, riêng tôi bởi hồi đó đang nhại ranh nên chỉ dăm bữa nửa tháng bị đảo khăng xèng ngoài vỉa hè là đã sang hết giọng Bắc. Cha mẹ chẳng phiền trách, nhưng bà nội thì không ưa chút nào cái cách tôi phai lạt quá nhanh giọng nói quê nhà.

Nông nổi “ngày Bắc đêm Nam” trong tâm trạng của người miền Nam tập kết là như thế nào, tôi có thể cảm nhận qua cha mẹ, cô dì chú bác, qua bà tôi. Cho đến khi qua đời, suốt ba chục năm trời xa Huế, bà tôi vẫn chỉ thực sống ở Huế. Trong chuyện trò, trong tâm tưởng, bà tôi chưa hề đi đâu xa khỏi Hộ Thành, cửa Thượng Tứ, cầu Tràng Tiền, chợ Đông Ba, Đập Đá, Kim Long, Vĩ Dạ... Năm 46, ngày nô sùng, lên đường đi tản cư, bà tôi nghe thiên hạ kháo nhau rằng chỉ phải tản cư chừng dăm hôm thôi là Tây bị đánh tan, mình lại về nhà. Cửa nả thu vén mang theo chỉ một tay nải, cửa lớn cửa nhỏ trong nhà bà khóa kỹ càng, chùm chìa khóa bà nhét vào góc trong dưới mái che bể nước mưa ở sân sau để cha tôi với các bác các chú “đánh Tây xong, trở về sớm thì có chìa khóa mà vào nhà”! Chùm chìa khóa ấy thường trực trong ý nghĩ của bà, khiến bà không ngớt nghĩ ngợi lo lắng về nó, khiến cho ngày tản cư luôn luôn chỉ như là ngày hôm qua đối với bà. Mùa đông năm 69, hôm tôi rời Hà Nội lên đường đi Bê, đang ốm nặng, không dậy được, bà tôi gọi tôi với mấy đứa bạn tân binh của tôi tới bên giường, bà nói: Các con đi chân cứng đá mềm, mau vào chiếm lại thành Huế... Rồi bà dặn tôi về tìm chùm chìa khóa dưới mái che bể nước mưa phía sân sau ngôi nhà lớn của gia tộc, ở đường Mã Khái trong Hộ Thành kê bên Đại Nội. Chùm chìa khóa có mười hai chìa tất cả...

Định cư ở Hà Nội từ năm 54 nhưng mà cha mẹ tôi có lẽ chỉ thực sự sống nhập mình hoàn toàn vào đời sống Hà Nội từ sau năm 75. Suốt hai chục năm rông trước 30 tháng Tư trong đời sống gia đình như luôn canh cánh nỗi buồn thương khôn xiết. Ngày Tết ngày lễ, mặc dù đã cố giấu, mặc dù không bộc lộ nhưng tâm trạng của cha tôi mẹ tôi, và nói chung của những người lớn trong dòng họ, của các chú bác đồng hương với gia đình tôi dường như lại còn buồn hơn tâm trạng những ngày thường. Nhất là từ sau Tết Bính Thân, 1956.

Từ năm 56, không chỉ niềm hy vọng mong manh về hiệp thương tổng tuyển cử đã hoàn toàn tiêu tan mà từ năm ấy tin dữ tại khắp các địa phương miền Nam dội ra Bắc ngày một thêm dồn dập, cào xé lòng người: chính sách tố cộng, luật 10'59, đàn áp, bắt bớ, giết chóc, thẩm sát... Hôm hay tin vụ thẩm sát Phú Lợi, cả nửa Hà Nội mà trước nhất là tất cả cán bộ và bộ đội tập kết chít khăn tang. Tôi thấy người ta khóc rống trong đoàn biểu tình, khóc khi đang đi trên đường phố, trên tàu xe, trong lớp học, các bà các chị òa khóc giữa chợ. Cô giáo Liễu, người Bến Tre, khóc lặng, ngã ngất đi trên bục giảng khi nghe loa phóng thanh ở sân trường truyền đi tin dữ Mỹ - Diệm đã giết hại ông Hoàng Lệ Kha.

Tuy nhiên, đau thương vô bờ những năm 56, 57, 58, 59 ấy không nhận chìm ý chí con người vào tuyệt vọng, trái lại đã làm thành sức mạnh vô bờ. Từng theo cha dự đón giao thừa năm 59 ở Câu lạc bộ Thống Nhất, và mặc dù còn nhỏ tuổi, tôi vẫn cảm thấy được thế nào là đau thương biến thành sức mạnh. Không, không phải do ngày nay nghĩ lại mà mừng tượng ra như thế. Mà thực sự là như vậy, đêm giao thừa ấy, mới tỵ tuổi đầu tôi đã cảm thấy trời long đất lở trong lòng mình. Có thể nói tôi linh cảm về con sóng lòng thời đại mới đang thẳng tới bên bờ Tổ Quốc. Một thời đại lớn lao và nghiệt ngã chưa từng có. Thời của chiến tranh và của cách mạng lay trời, thời của những đau thương vô hạn, những mất mát vô bờ, thời của chủ nghĩa anh hùng tuyệt đỉnh, của sức chịu đựng vô cùng vì nghĩa lớn, thời của tình yêu và của lòng quả cảm. Từ sau Tết Canh Tý, 1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng ra đời và cao trào Đồng Khởi bùng cháy khắp làm bừng sáng niềm vui sống, niềm hy vọng trong lòng mỗi người, mỗi gia đình cán bộ tập kết. Tôi có thể nhận thấy rõ ràng điều đó ở gương mặt, ở ánh mắt, ở lời nói, nụ cười của những người thân trong gia đình, những người đồng hương, bạn bè thân hữu. Bắt đầu từ năm đó lần lượt lảng lảng hết người này tới người khác không còn thấy xuất hiện nữa trong các cuộc họp đồng hương. Trong những cuộc gặp mặt toàn gia, lễ tết, giỗ chạp họ cũng vắng bóng. Nhiều người vĩnh viễn khuất bóng, nhiều người mãi sau 75 mới có tin tức. Khác với lứa chúng tôi về sau này lên đường đi Bê công khai trong những năm cao đỉnh của chiến tranh, những cán bộ tập kết trở về Nam lượt đầu tiên những năm đầu 60 đã ra đi âm thầm, bí mật, chịu đựng vô vàn những hy sinh lớn lao mà lặng lẽ, và phần lớn đã phải hy sinh hạnh phúc riêng.

Ở chiến trường Bắc Công Tum ít ai không biết chị Nhụ, người Bình Định, bác sĩ dân y Huyện 67. Chị vốn là bác sĩ nhi bệnh viện Xanh Pôn, đi Bê năm 1961, khi mới 27 tuổi và mới lập gia đình với

một cán bộ ngoại giao. Năm 69, chị bị địch bắt, giam giữ tại nhà lao Công Tục và không được trao trả năm 73. Năm 75, bộ đội ta tìm thấy chị trong ngục tối, tàn phế, toàn thân bị cắt xẻo, hai bàn tay bị chặt cụt. Được ra Hà Nội điều trị, nhưng chỉ một thời gian ngắn, chị trở về quê, mặc dù Tam Quan quê chị sau chiến tranh cực độ hoang tàn. Người chồng ngày xưa bởi nhận được tin chị mất tích nên đã lập gia đình mới.

Ở phố tôi có trường hợp anh Hải, công an hộ tịch, đi Bê năm 63, sau chị Nhụ, nhưng số phận nghiệt ngã không kém. Là công an, lại là người miền Nam tập kết, vậy mà Hải lại đem lòng yêu chị Loan con nhà thành phần tư sản ở Cửa Nam. Bất chấp can gián và ngăn trở của tổ chức và gia đình, anh chị yêu nhau tha thiết. Nhưng bởi chính mối tình ấy mà đơn tình nguyện vào Nam chiến đấu của anh Hải không được chấp nhận, mặc dù đã có tin chính thức rằng ba má anh, cả hai là cán bộ tỉnh ủy, đều đã bị địch giết hại. Phải chọn giữa thù nhà nợ nước với tình yêu, anh Hải buộc phải công khai cắt đứt với cô gái Hà Nội thành phần tư sản. Nhưng để minh bạch lòng mình vì chẳng dặng dưng, chứ không phải muốn bội tình, anh thề là sẽ không bao giờ lấy ai ngoài chị. Chiến đấu trong lực lượng An ninh Giải phóng, bị thương và bị bắt trong Mậu Thân, anh bị giam giữ ở Phú Quốc. Năm 73 được trao trả, năm 74 anh ra Bắc. Và đã xảy ra một trùng hợp thảm thương: vừa khi anh Hải tìm tới nhà chị Loan thì gia đình chị nhận phải giấy báo tử con gái. Chị Loan, sau nhiều lần đâm đơn tình nguyện, cuối cùng đã được thỏa nguyện. Chị lên đường đi Bê đầu năm 68, hy sinh ngay trong Tổng tấn công đợt hai ở Bà Rịa, rất gần Biên Hòa quê anh.

Y lời thề ngày ra trận, anh Hải không lập gia đình. Anh ở lại làm việc tại Hà Nội, và sống cùng bố mẹ chị Loan, như một người con rể. Có thể nói anh Hải là một trong số rất hãn hữu cán bộ miền Nam tập kết còn ở lại Hà Nội sau năm 75.

Tính riêng ở phường tôi thì hiện giờ chỉ còn có ba bác già, đã về hưu, cùng người Quảng Ngãi. Ba bác đều độc thân. Cả ba bác đều quê Sơn Tịnh, nhưng ở ba xã khác nhau. Chỉ có điều là toàn bộ gia đình của cả ba người, rộng ra là toàn bộ làng xóm của họ đều bị quân Pắc Chung Hy thảm sát.

Đúng là bây giờ rất hiếm người trong ấy sinh sống ở ngoài này. Tuy nhiên, ngày Tết thì lại khác. Như ở phường tôi, năm nào cũng thật nhiều các cô con dâu người miền Nam ra ăn Tết ngoài nhà chồng ở Hà Nội. Anh Vũ, nhà đầu phố, là thương binh nặng nhưng không Tết nào không đưa vợ con ra. Năm xưa anh là chiến sĩ trinh sát của tỉnh đội Mỹ Tho. Tiềm nhập điều nghiên căn cứ địch, anh vướng mìn, bị thương rất nặng. Chị chẳng phải bộ đội, chẳng phải du kích, đã lặn lội công anh về băng bó, cứu chữa và nuôi giấu suốt nửa năm trời trong nhà mình ở giữa ấp chiến lược ngay kề thị xã. Khi được bí mật chuyển thương về cứ, anh vẫn trong trạng thái mê lịm bất động gần như sông thực vật, chị thậm chí không biết tên anh, tên đơn vị. Vậy mà sau Tết năm 76, chị vẫn tìm được tới gia đình anh ở Hà Nội, đưa được anh vào Nam với mình... Năm nào anh chị Vũ ra ăn Tết cũng đưa được theo cả chục cành mai vàng cho gia đình và biếu láng giềng.

Cuộc đời của anh chị Vũ, của anh Hải, chị Nhụ, và của bao người khác nữa, những người “đàng trong xứ ngoài”, thôi thúc ký ức của tôi và quá khứ của tôi, thôi thúc tình yêu của tôi đối với Hà Nội, thành phố quê hương thứ hai.

Kỳ ngộ

Thế gian này sở dĩ đẹp là vì nó không khi nào chịu giống như là lẽ ra nó phải thế. Và cuộc sống này thì tiếng yậy chứ vẫn cứ vô cùng đáng sống bởi ngoài nông nổi nhọc nhằn ngày qua ngày y chang nhau chán ngắt còn có biết bao nhiêu là những bất thường, từ những may mắn lớn lao dành cho tất cả tới những điều kỳ lạ lẽ luôn âm thầm chọt đến với đời riêng mỗi người. Mùa xuân năm rồi ở tỉnh lỵ quê tôi có chuyện anh Tư Lâm, một trong những doanh nhân hàng đầu của cả xứ, do tình cờ run rủi mà tìm lại được mối tình đã mất đi trong rừng sâu chiến tranh ba chục năm về trước, một tình yêu mà sau chừng bảy năm trời anh cũng không còn thực tin là mình từng có.

Tư Lâm không phải người tỉnh tôi, cũng không phải ở một tỉnh nào gần cận, quê anh tận trong Mỹ Tho bên bờ Tiền Giang xạ tập. Công ty của anh đa ngành, làm ăn ở nhiều lĩnh vực, nhưng có cái lạ là địa bàn phát triển thiên về các tỉnh thành miền Bắc, và trụ sở chính thì đặt tại thị xã này, gần nhà tôi. Thực ra thì người quê Nam Bộ sống và làm việc ở quê tôi vốn không phải là sự hiếm. Hồi trước chiến tranh tỉnh tôi là vùng đóng quân của khá nhiều đơn vị bộ đội tập kết. Khi phục viên, cán bộ chiến sĩ những đơn vị ấy thường định cư luôn tại địa phương. Nhiều người sống độc thân, nhưng cũng có nhiều người lập gia đình. Trẻ con học trò trong thị xã đưa nói giọng Bắc, đưa giọng Nam, đưa giọng Trung, đưa pha giọng. Rồi chiến tranh, rồi đi sơ tán, ngày hòa bình không mấy đưa trẻ nói giọng Nam giọng Trung còn trở lại. Hầu hết cán bộ tập kết đã đưa gia đình về với quê nhà trong ấy. Đến bây giờ cả thị xã chỉ còn lại vài gia đình gốc gác tập kết. Gia đình bác Dĩ, chính quê Sơn Mỹ, người thân đã bị giết hết trong vụ thảm sát. Vợ chồng bác Thứ thương binh, quê Ba Làng An, cũng cảnh ngộ ấy, làng quê bị hủy diệt, thân thích chẳng còn ai. Anh Ba Liêm, quê Cần Thơ, lấy chị Lê hàng xóm nhà tôi được chừng dăm bữa nửa tháng gì đó rồi lên đường đi Bê, đi đầu năm 62, biệt âm vô tín; năm 75, ngay sau 30 tháng Tư anh về, nhưng chị Lê bị bom đã mất từ năm 72. Anh Liêm ở vậy với hai đứa con sinh đôi, gây dựng lại cửa nhà gia cảnh, mãi mãi sinh sống làm lụng trên mảnh đất thấm máu người vợ yêu của anh... Tư Lâm thì không hề có gì tương tự, anh không phải cán bộ, không phải bộ đội, anh chẳng tập kết. Trái lại, Lâm là ngụy, ngụy chính hiệu, theo như là cái cách mà anh nói với tôi lúc mới đầu làm quen. Tính tình kín đáo, nói năng e dè song anh phải “khai” ngay ra vậy là để tránh cho tôi một sự nhầm lẫn, bởi vừa thoát gặp tôi đã vội hỏi rằng anh có phải thương binh không và bậc mấy. Tôi thấy rành rành vết đạn bắn thẳng cày một phát chí mạng dài và sâu hoắm bên cổ anh. “Dạ phải, tôi cũng bị thương, nhưng mà tôi là ngụy đó anh, ngụy chính hiệu, công binh, chuẩn úy, KBC...” Anh đọc cả số hòm thư, khiến tôi mặc dù sững sốt cũng phải bật cười. Chúng tôi bạn với nhau từ bữa đây, đến nay đã non mười năm.

Binh nghiệp của Lâm ngắn ngủi. Nếu không tính hơn một năm là khóa sinh sĩ quan thì anh chỉ thực sự làm lính và đụng trận có chừng nửa giờ đông hồ. Mà đụng trận, là nói vậy, kỳ tình chỉ có chạy. Tất nhiên chẳng riêng Lâm, toàn thể cái Sư đoàn 3 Bạch Tượng vào những ngày tháng Tư năm 72 ấy đều thế. Căn cứ bị pháo kích. Pháo chưa dứt đã nghe nhao nhác lên là T54 đang đánh tràn vào, vậy là rừng rùng lao khỏi công sự, sĩ quan ông to ông nhỏ, hạ sĩ, lính tráng, cuống cuống xô nhau chạy. Chạy, chạy, và chạy. Nhưng chẳng được bao lâu, bao xa, cuộc tháo chạy thực mạng đã bị chiến xa chặn đường. Cùng với hàng ngàn chiến hữu, Lâm thành thằng tù, bị lừa đi, thất thểu ngược hướng quê nhà, vượt sông Bến Hải, bắc tiến.

Trong chiến tranh, các trại tù binh đều nằm cách xa mặt trận, phân bố rải rác ở các vùng đồi gò bán sơn địa miền tây Nghệ An. Riêng đoàn tù binh trong đó có Lâm do bị bom Mỹ đánh phá dữ dội dọc đường tuyến nên không đi xa được ra ngoài Bắc, phải dừng lại ở Quảng Bình, ẩn sâu vào vùng núi rừng Minh Hóa. Lâm bảo là mãi về sau anh mới biết đây thuộc huyện Minh Hóa chứ còn khi ấy chỉ thấy núi non trùng điệp, đại ngàn mênh mông mù mịt dưới một bầu trời nóng bỏng và khô khốc luôn bị cào xé bởi tiếng động cơ máy bay phản lực và tiếng bom rền. Tù binh tự làm lấy trại giam, tự xây dựng nhà cửa lán trại, đào lấy hầm hố trú ẩn, tổ chức lấy bếp núc. Ngoài làm lụng trên nương rẫy, để cải thiện khẩu phần lương thực, thỉnh thoảng bạn đồng tù binh cũng được huy động đi “tham gia chống Mỹ cứu nước” ở những khu vực không xung yếu của đường tuyến, lấp hố bom, chống lầy, khai thông những đoạn bị sập ta luy, làm ngàm qua suối và mở đường mang cá... Nghe Lâm kể, tôi nghĩ có lẽ là

tôi đã từng gặp anh trên đường đi Bê. Tôi hôm ấy ở chân đèo Đá Đẽo, dưới ánh pháo sáng, chúng tôi nhìn thấy rất đông tù binh hai bên đường. Lúc đầu cứ tưởng là Thanh niên Xung phong, chỉ hơi lạ vì thấy rất nam giới, lại vận toàn bà ba đen, nhưng với cuộc xềng trọng tay họ cũng làm lụng hết mình, hồi hã san lấp thật mau hốt bom để xe chúng tôi qua và họ cũng chẳng có vẻ gì là sợ sệt ánh pháo sáng cùng tiếng gầm hú của máy bay quân thảo trên đầu. “Cám ơn các đồng chí Thanh niên Xung phong nhá!”, một tay trong đoàn chúng tôi từ trên xe gào xuống. Dưới đường một giọng khàn khàn hét ngược lên, cải chính: “Tụi tôi là *ngụy* chứ không phải đồng chí!”... “Ngụy à? Ngụy cũng đi chống lại chống Mỹ là đã hết ngụy rồi đây, người anh em!”... “Ê, có nhần gì ba má không, bọn tớ chuyên lời cho!”...

Nói chung cuộc sống và tâm trạng của tù binh thời chiến rất khác với cảnh sĩ quan đi tập trung học tập sau này. Mặc dù là trại giam nhưng chẳng có tường cao bịt bùng, chẳng rào gai hào chông, và tù binh thì đông cả ngàn mà quân giáo với cảnh vệ canh gác chỉ chừng một trung đội. Có thể dễ dàng trốn khỏi trại nhưng chẳng ai trốn. Bởi trốn rồi thì sau đó làm sao, đi đâu? Bom đạn mù trời, rừng rậm thăm sâu khôn lường, núi non nghiêng ngã. Và chẳng bỏ trốn để làm gì. Đối với tù binh, cuộc chiến coi như đã xong, có hóa đại mới đâm đầu vào lại vòng chiến. Cái thân thẳng tù dù có thể nào cũng còn hơn vạn lặn thân thẳng lính. Tù còn hơn tử, ấy là châm ngôn để gắng sống, để an phận chờ đợi ngày trở về của hầu hết những tù binh hồi đó.

Lâm lại không được như vậy. Không phải sức chịu đựng của anh kém người ta. Anh vào hạng to con vạm vạp nhất trong trại. Đời sống kham khổ, công việc cực nhọc anh có thể thích nghi dễ dàng hơn nhiều so với những tù binh khác. Nhưng thăm lẳng bên trong con người anh thì sự suy sụp lại trầm trọng hơn ai hết. Trạng thái tinh thần mỗi ngày như một thêm oằn xuống. Sáu tháng trời trong trại tù binh với anh thăm thăm dằng dặc như đã vài chục năm trôi qua. Đêm nào nước mắt cũng ướt mặt. Thu qua, đông tới. Mưa phùn sa phủ xám ngắt núi rừng. Trong gió mưa rét mướt bom nổ rền vang không ngừng. Ngày tháng trôi qua, cuộc chiến tranh vẫn cứ hun hút mịt mù, tuyệt vọng vô phương. Vào một ngày cuối tháng Mười, trong trại loan đi tin đồn về sự sụp đổ hoàn toàn của nghị hòa Paris. Mà cũng chẳng phải là tin đồn, chẳng còn gì phải hồ nghi, bởi cường độ của những cuộc oanh kích trở nên cuồng bạo chưa từng, và trên những tờ truyền đơn máy bay Mỹ trút xuống trắng rừng Lâm chỉ đọc thấy duy nhất một điều thôi: chiến tranh sẽ kéo dài bất tận, sẽ không bao giờ có hòa bình, đời anh sẽ phải mãi mãi kiếp tù xa xứ.

Một buổi chiều giá rét tháng Mười một khi cùng những tù binh khác phát cây mở một lối tắt cho ô tô vòng tránh trọng điểm, Lâm bắt gặp nền cũ đường hỏa xa Xuyên Việt. Nền đường mặc dù bọc trong lau lách vẫn còn khá rõ, trời cao lên như một con đê dài hoang phế lượn giữa sóng rừng nhấp nhô. Bất chợt, hoàn toàn ngoài chủ định, cứ thế là lẳng lẳng Lâm chuồn đi, không hề nghĩ ngợi đắn đo, không có một chút sự chuẩn bị nào, không tính toán gì hết. Và tuy là men theo dấu tích con đường sắt dẫn lối về phương Nam nhưng thực ra là anh hướng vào vô định, không vì một mục đích nào hết, không để đạt tới một điều gì. Chẳng mây chốc rồi nền cũ đường sắt cũng không còn tăm dạng. Không bị ai truy đuổi, nhưng Lâm không ngừng bước, cứ vậy đi phứa lên, cứ dần lạc xa vào ngàn sâu không phương hướng.

Lúc gục ngã xuống mê thiếp đi, lúc lại loạng choạng đứng dậy lê bước, vấp dúi vấp dúi, lý trí dần mất, rét run lên nhưng không biết ướt biết lạnh, không cả biết đói nữa, anh cứ vậy đi suốt đêm, tới sáng, miên man mê mụ. Kẻ lạc rừng bị ma dẫn lối quỷ đưa đường chính là như thế, sẽ trôi dạt như vậy đến vô cùng vô tận, xui xuống lịm ngất mà vẫn như đang đi mãi đi hoài, cho đến chết. Song, hồng phúc cho Lâm là khi đã bên bờ của cái chết chắc chắn thì anh bị những thợ săn người Chứt phát hiện. Họ bắn trước hỏi sau. Phát đạn sượt cổ Lâm, nhưng may mắn không phải đạn AK. May hơn nữa cho Lâm là nơi anh bị bắn gục rất gần cái hang đá mà làng của những người Chứt ấy đang trú thân. Và may nhất là lúc ấy ở trong hang có mặt Liễu, một nữ y sĩ của Tổng đội Thanh niên Xung phong được cử vào núi khám bệnh và phát thuốc cho đồng bào.

Vết thương hiểm nhưng không nặng lại do có Liễu cầm máu và băng bó kịp thời nên chỉ hôm sau là Lâm đã có thể gượng dậy được. “Đừng có đại dột mà trốn đi nữa đây, anh tù binh ạ”, lời đầu tiên cô y sĩ nói với Lâm. “Cùng đừng để đồng bào ngờ anh có ý đồ như vậy... Đồng bào họ lành hiền nhưng cũng căm bọn Mỹ-ngụy các anh lắm... Một cái làng Chứt cùng khổ trong khe núi mà cũng bị dội bom, nửa làng bị chết, một nửa phải vào hang này ẩn, sao mà bà con họ không thù...”

Ban đầu cảnh tượng cùng khổ thăm thương của dân làng trong hang đá lạnh lẽo rập rờn ánh lửa

khuyến Lâm ghê sợ. Nhưng sau vài hôm anh đã có thể trợ giúp Liễu chăm sóc những người bị thương và người đau ốm nằm la liệt trong hang. Tình cảm của cô với dân làng làm anh đi từ kinh ngạc tới cảm phục và mến yêu. Cô cũng nhanh chóng trở nên thân mật với anh. Tuy là giữa dân làng, nhưng bởi vì tất cả những người Chứt ấy đều không biết tiếng Kinh, tất cả còn đang ở một mức văn minh cực thấp, cho nên thực ra là chỉ có Lâm với Liễu đang ở bên nhau.

Lâm ở cái hang đá ấy cùng với Liễu đến gần hai tuần, tận cho đến khi cô đã điều trị được cho người sốt rét cuối cùng trong làng dứt cơn. Và hai người cũng chỉ chia tay với dân làng lúc mà Liễu đã có thể thuyết phục được họ vượt qua nỗi sợ hãi bom đạn rồi bỏ hang đá xuống lưng lập làng mới.

Mười mấy ngày sống bên Liễu trong hang núi ấy Lâm không ngờ là đã ghi đậm dấu với đời anh đến như vậy. Rồi hai ngày đường sau đó nữa. Liễu đưa Lâm xuyên rừng trở về trại tù binh. Rừng rậm, núi cao, suối sâu chỉ hai người với nhau... Lâm ngoan ngoãn đi theo Liễu. Hẳn là họ đã mãi mê với một điều nào đó rất quan trọng đối với riêng họ, đến nỗi cả hai đã hoàn toàn không hề để tâm nhận thấy rằng tình không hề có một tiếng máy bay gầm rú trên bầu trời. Mưa rơi triền miên, lạnh giá nhưng êm đềm. Núi rừng thanh vắng. Hai ngày đường cuối cùng bên nhau ấy của hai người là hai ngày cuối cùng của tháng 12 năm 72. Hai ngày dốc lực cuối cùng của không lực Mỹ tấn công Hà Nội, bỏ bằng không phận Trường Sơn. Dĩ nhiên Lâm và Liễu không hay biết điều ấy. Vì vậy khi về đến ngay trước lối vào trại tù binh, Liễu động viên Lâm: “Anh bình tâm và gắng sức giữ gìn nhé. Đừng để phạm kỷ luật nữa. Như thế thì mới mong có ngày được trao đổi tù binh chứ, rồi còn về với quê nhà chứ. Còn em, ngày này tháng sau sẽ gắng tìm cách đến thăm anh ở đây...”

Vào cái ngày Liễu hẹn đến thăm ấy, Lâm cùng cả trại đã được đưa ra Quảng Trị, chuẩn bị cho đợt trao trả tù binh đầu tiên ở sông Thạch Hãn.

* * *

Phải mãi hai năm sau ngày đất nước thống nhất, Lâm mới được một chuyến ra Bắc. Những hai năm trời, tuy nhiên vào cái thuở thủ tục giấy tờ cho một chuyến “hành phương Bắc” còn đầy rẫy khó khăn ấy, thì như vậy cũng đã là nhanh chóng và may mắn lắm đối với Lâm rồi.

Chuyến đi đầu tiên ấy của anh ra Bắc và tới thị xã quê tôi thật sự là rất buồn. Anh còn nhớ mãi cái lần ấy, khi anh xuống xe đồ vào buổi tối. Hồi đó đã năm năm sau chiến tranh phá hoại, ở thị xã quê tôi, người ta đã san đi được gần hết các hố bom và dọn quang đi được gần hết những đồng đồ nát, tuy nhiên cảnh tượng vẫn nặng một vẻ hoang tàn, buồn thương, thê thiết. Cả thị xã chỉ là một cơn phố dài hiu hắt, thẳng đuột, không lối rẽ, nhà cửa tồi tàn xập xệ mọc lên rời rạc. Buổi tối, dọc phố, đầu thị cuối thị vài ngọn đèn đường mờ đục, một hai cái quán nước tù mù, lỏng lỏng lạc luộc, khoai luộc, cái điều cày, bịch thuốc lá. Lâm rẽ vào một quán, gọi bát nước, ngồi mãi, đắn đo mãi rồi mới ngập ngừng hỏi rằng phố này có ai là chị Liễu... Bà già chủ quán giật bắn mình, đứng chờ người ra nhìn Lâm. Bà lắp bắp: “Anh bộ đội miền Nam... anh bộ đội miền Nam... hỏi nhà Liễu à?” Bà quàng đi bao diêm đang cầm trên tay, lao mình ra cửa, chạy phóng sang dãy nhà mất điện tối đen bên kia đường, quang quác gào toáng lên: Liễu ơi! Liễu ơi! Nhà Liễu ơi! Có anh bộ đội miền Nam hỏi cô Liễu... Lâm bàng hoàng, vừa sợ vừa mừng. Nhà bên đường toang cửa, một người đàn bà chạy nhao sang quán nước. “Có tin nhà em à? Có tin nhà em à? Anh ở chỗ nhà em ra à? Anh ấy còn sống! Thế mà đã báo tử! Thế mà đã báo tử chồng người ta!” Rồi rít, cuồn cuộn, người đàn bà đã luống tuổi cười cười khóc khóc, ào tới Lâm, nắm tay anh lay giật, hỏi. Lâm hoảng hốt, sợ hãi, ân hận. Người đàn bà tên Liễu không chừng sẽ mất trí mất do sự ngộ nhận mà anh đã gây nên...

Lúc trở vào, khi tạm dừng ở Đồng Hới, nhìn quang cảnh đồ nát kinh hoàng của thành phố bên bờ Nhật Lệ, anh thấy nản lòng, đành từ bỏ tìm lên thăm Minh Hóa.

Sau chuyến đó, bằng đi một thời gian dài Lâm không ra Bắc lại. Phần vì trong những năm dài dằng dặc của hậu kỳ cái thời bao cấp dai dẳng ấy.

Như bao người khác anh phải chật vật xoay xở kiếm sống một cách nhọc nhằn và buồn bã, phần vì ấn tượng ảm đạm từ chuyến đi đầu tiên còn đè nặng mãi. Tuy nhiên, suốt những năm dài căng thẳng và nhọc mệt ấy, trong lòng anh luôn âm thầm một nỗi hoài nhớ xứ Bắc, một sự hoài nhớ có thể nói là rất lạ lùng đối với một người miền Nam hoàn cảnh như anh.

Năm đầu Đổi Mới, khi những hiệp thợ xây người trong Nam rất được tín nhiệm tại Hà Nội, Lâm dốc hết chút vốn liếng tạo dựng được trong mấy năm trước đó để tổ chức một Công ty nhỏ nhưng có sức cạnh tranh tập trung vào các công trình xây dựng ở ngoài Bắc. Anh nhanh chóng nhận thấy rằng khác với nói chung người ta, anh dễ dàng đón được nhiều cơ hội và vận may từ các tỉnh miền Bắc. Nhờ phát triển hướng ra Bắc mà doanh nghiệp của anh phát huy được mạnh nhất những năng lực của mình và do vậy mà đã sớm qua khỏi những năm dài lận đận trước đó, không ngừng vươn lên, ngày một thịnh vượng và bề thế.

Lâm đặc biệt chú tâm đầu tư vào tỉnh tôi, nhất là từ ngày tách tỉnh. Từ ngày ấy đến giờ, mười năm, tỉnh đã giàu mạnh lên bội phần, bộ mặt thị xã hoàn toàn đổi khác, trong đó có sự đóng góp đáng kể của Lâm. Một trong những trụ sở của Công ty anh được xây dựng ở trung tâm thị xã, và tháng nào anh cũng về qua một lần. Anh đã tính đến chuyện xây nhà riêng ở đây. Duyên do những tình cảm của Lâm đối với tỉnh tôi, không một ai biết được. Chỉ một điều mà ai cũng thấy rõ là đến giờ đã ngũ tuần rồi mà Lâm vẫn độc thân. Lâm chủ một doanh nghiệp to tát như vậy nhưng anh chẳng xây cho mình một ngôi nhà riêng ở địa phương nào cả, bao nhiêu năm vẫn chỉ khách sạn làm chỗ trú chân. Anh cũng thừa về thăm quê. Thường chỉ vào trong ấy khi có công chuyện. Mỗi năm chỉ một lần chắc chắn anh về quê là vào ba ngày Tết. Hàng bao nhiêu năm qua mà chưa năm nào Lâm ăn Tết xứ Bắc. Mỗi đến Tết năm rồi mới có một tỉnh cò run rủi cho anh ở lại ngoài này. Do đợt giá rét giáp Tết anh bị cảm lạnh phải vào viện, hưởng giao thừa ở Hà Nội. Lâm vẫn hay nói là mặc dù rất kém chịu rét nhưng anh lại rất ưa mưa phùn gió bắc miền Bắc, anh tin rằng cái Tết trong tiết trời giá lạnh hẳn phải thú vị hơn nhiều ngày Tết mà nóng nực. Có lẽ là câu được ước thấy. Mồng Hai Tết, Lâm từ Hà Nội về tỉnh. Anh qua nhà tôi. Tết năm ngoái, ngoài cảnh đào chầu quất, phòng khách nhà tôi còn có cảnh mai vàng.

Trong cuộc sống này, đau khổ và chia lìa có biết bao nhiêu ngã đường và cách thức để đến với số phận con người ta. Hạnh phúc cũng vậy, có biết bao ngã để có thể gặp được. Lâm khi ngẫu nhiên, bất chợt và đơn giản đến lặng người, như là hạnh phúc đã đến với Lâm ngày hôm ấy, ở nhà tôi. Nếu như anh vẫn theo thông lệ vào ăn Tết trong Nam, đến Nguyên tiêu mới ra, và nếu như không có cảnh mai ấy thì cuộc đời Lâm sẽ chẳng phải là như hôm nay.

Cảnh mai tất nhiên khiến anh, một người miền Nam phải thấy thú vị và phải hỏi han. Tôi nói cảnh mai ấy do anh Ba Liêm hàng xóm cho, đúng hơn là cô Liễu, em vợ anh ấy, năm nay hai mẹ con cô Liễu sinh sống trong Nam ra ăn Tết ngoài này. Lâm biết khá rõ hoàn cảnh anh Ba Liêm liền hỏi: em vợ anh Ba tức là em gái chị Lê, như vậy là người gốc gác thị xã này. Tôi gật đầu. Nhà ấy ngược đời. Ông anh rể người trong Nam, sau chiến tranh ra định cư ngoài này. Cô em vợ người ngoài này lại vào sống trong ấy từ ngày đầu hòa bình.

Cho đến lúc ấy mặc dù quen biết nhau đã mười năm, tôi chưa hề hay biết gì về câu chuyện của Lâm với cô y sĩ tên Liễu người quê thị xã này. Anh chưa kể với tôi. Chừng bấy năm trời liên tục qua lại và làm việc ở trụ sở Công ty xé ngay trước cổng nhà Ba Liêm mà Lâm không hề hay biết gì về người em vợ của Liêm. Dường như sau cú sốc gây ra cho người đàn bà vợ liệt sĩ vào một buổi tối mù mịt nào đó năm xưa đã khiến Lâm kinh hãi, không bao giờ còn dò hỏi về những ai tên Liễu nữa gốc gác ở thị xã này.

Bởi vì trong chiến tranh, đau xé lòng người ta nhất là nỗi chia lìa, cho nên hạnh phúc lớn nhất trong ngày hòa bình đầu tiên là niềm vui sướng được đoàn tụ. Ngày hòa bình đầu tiên, ngày hòa bình thứ hai, thứ ba... nhưng có những người phải vài năm sau mới có được hạnh phúc ấy. Có người cả chục năm sau. Và có những người thậm chí tới tận bây giờ. Có thể là Tư Lâm đã không có ý thức rõ ràng, không thật định tâm chờ đợi một điều gì tương tự như vậy sẽ đến với đời mình, nhưng thực tế anh đã kiếm tìm, đã trông mong điều ấy trong suốt cả phần đời của anh sau chiến tranh.

Quay lưng

Ngày tháng trôi qua, dần dần trong số những hộ đã về sống ở nhà Z1 từ thuở ban đầu khu Thành Công chỉ còn lại có gia đình Vinh. Xưa kia tuy chưa phải chốn nhất phẩm cao sang song Thành Công cũng là nơi đầy danh giá. Như là ở nhà Z1 thì để được cấp một căn “hăm tư mét vuông”бет ra cũng phải diện có tiêu chuẩn tem phiếu bìa C. Nay thì khác. Thời gian đã làm biến dạng sự đời. Tất cả các tòa chung cư năm tầng thuở nào nổi bật một cách kiêu hãnh đều ít nhiều đã lún, đã rạn, xương xóc hoen rỉ, mã ngoài lở lói. Bấy giờ hộ khẩu ở khu này không còn là một trong những cái mác chứng tỏ sự thành công nữa mà ngược lại. Không phải đã gần đất xa trời thì cũng đã về hưu, đã hết đà thăng tiến, cạn tiền cạn chức cạn quyền. Một khu tập thể lão thành. Do vậy nếu vẫn còn đang tiềm năng vươn lên thì trước sau gì người ta cũng bỏ Thành Công để dọn về những tổ ấm xứng tầm hơn. Nhà riêng mặt phố trong nội thành. Biệt thự bên các bờ hồ. Trang trại miền ngoại vi. Nếu có là chung cư cũng phải chung cư cao cấp, mặt bằng mênh mông nhiều phòng, thang máy, người bảo vệ, nhà để xe, bóng lộn như khách sạn năm sao.

Ông nọ bà kia đi hết, bấy giờ đến nhà Z1 chỉ gặp rất những hạng người linh tinh xập xị xập ngầu. Viên chức cỡ mọn sau nhiều năm chắt bóp cạy cục mua sang tay được căn hộ hoặc nửa căn hộ cũ của những đồng liêu đã lên đời. Sinh viên con cháu những nhà có tiền ở các tỉnh miền trong. Các em vũ nữ, các em mát xa, bia ôm. Nhân tình hoặc gái bao của quan chức cỡ nhỏ... Nói chung bấy giờ lên xuống cầu thang toàn chạm những bộ mặt lạ hoắc.

Ngay căn hộ 306 của Vinh cũng chẳng phải chính chủ. Ông anh cả của Vinh mới là chính chủ thuở ban đầu. Hồi đó, trở về sau chiến tranh, Vinh giải ngũ và rời quê ra Thủ đô học đại học, tốt nghiệp, được bổ về cơ quan Bộ, nhưng không nhà, chuyên ngủ bàn. Anh chị thương tình cho về sống kè. Căn hộ hăm tư mét gồm hai ngăn với bếp và toa lét. Anh chị ở ngăn ngoài, san sẻ cho Vinh ngăn trong. Không rộng rãi gì nhưng mấy năm đầu cũng dễ thở. Sau, anh chị có cháu, một đứa, hai đứa, ba đứa. Phải cơi nới. Đời sống của Vinh lui hấn ra chuồng cạp lồng sắt mà vẫn càng ngày càng chật chội và bức bối. Tình nghĩa anh em âm thầm lụn bại dần đi trong cuộc chung đụng triền miên. May thay, đến thời điểm bà chị dâu đã hết sạch sức chịu đựng thì anh trai Vinh bất ngờ đoạt được ghế Tổng Giám đốc. Chức lớn, nhà mới, một biệt thự to vật ở Nghi Tàm, do vậy anh chị dễ dàng nhượng lại cho Vinh toàn bộ căn hộ Thành Công.

Mặc dù những đồ nội thất và các tiện nghi sang trọng chị dâu đã gỡ hết mang đi nhưng cái xác nhà vẫn còn là quá tươm đối với Vinh. Và nhất là quá rộng. Anh chẳng biết sống làm sao cho đầy hết những chừng ấy diện tích. Rốt cuộc, theo thói quen, anh vẫn chủ yếu ăn ngủ ở nửa căn hộ bên trong cộng cái chuồng cạp, ngăn ngoài bỏ không cho bụi. Phần vì đời độc thân chẳng thiết tha gì sự âm cúng, phần vì công việc buộc anh hay phải xa Hà Nội. Vào những dịp tạm gọi là nhân nhả, được trở về nhà tương đối thường xuyên hơn cả thì cũng cách nhật và luôn luôn về đến nhà, mở cửa phòng lúc đã lên đèn. Thành thử biết là các căn hộ cùng tầng ba và cả hai nhà láng giềng kè bên đã đổi chủ mà liên mấy năm trời Vinh chưa hề gặp, chưa hề chào hỏi được người ta một câu.

Và hết sức là ngược đời, cùng khối nhà Z1 thì chẳng biết ai với ai, chẳng hiểu người ta sống thế nào, nhưng Vinh lại thấy được khá rõ đời sống của không ít gia đình bên nhà Z2. Nhất là vào mùa hè khi cửa giả các nhà mở toang đón gió, dù nhà nào cũng vướng cái lồng sắt, mà nhiều lúc Vinh vẫn vô tình nhìn thoáng thấy gần như cận cảnh hậu trường của mấy gia đình đối diện. Anh thấy được như thế bởi vì khác với hầu hết các khối nhà ở Thành Công mặt trước nhà sổ chắn trông vào mặt sau nhà sổ lẻ, Z1 và Z2 lại xoay lưng vào nhau.

Năm này qua năm khác, nhìn thấy đám cưới, nhìn thấy đám ma, nhìn thấy bọn trẻ con lớn lên, nhìn thấy người ta cãi cọ, người ta ly hôn, nhìn thấy người ta quây quần âm cúng bữa tối gia đình, nhiều lúc Vinh vui vui nảy ý nghĩ là nên tìm cách làm quen với mấy nhà bên đó. Nhưng chỉ là ý nghĩ thoáng qua thôi. Chưa bao giờ anh đi vòng sang bên Z2 cả.

Con người Vinh như thế, kém bắt thiệp, ít giao tiếp, luôn luôn ngần ngại, do dự, im lìm, lặng lẽ, càng

năm càng im lìm hơn, càng khó tiếp xúc với thiên hạ hơn.

Anh cũng không nhớ tính nết của mình hồi trẻ nó ra làm sao nữa. Dĩ nhiên là anh cũng có một thời trai trẻ, một đời quân ngũ, song hình như quá nhạt, không đáng kể gì cả so với thời thanh xuân của bao người.

Năm năm, tuổi quân của Vinh không ít. Và suốt những năm ấy anh chiến đấu ở tuyến lửa Khu Bốn. Có điều do là lính hậu cần, chỉ chuyên một nhiệm vụ coi kho, kho quân trang, nên chuyện súng đạn anh còn kém tỏ tường hơn bọn trẻ con Hà Tĩnh, Quảng Bình. Cũng có những kỷ niệm thời chiến, nhưng thẳm trong lòng thôi không đáng để kể với ai.

Đời anh ngẫm ra cũng tẻ nhạt cũng già cỗi nhanh như cái nhà Z1, như cái phòng 306 của anh. Trở về sau chiến tranh anh đã mất rất nhiều năm mới có thể lãng đi, quên đi được Hạnh. Nhưng dù đã nguôi ngoai mà bản tính lại dai dẳng ngăn trở anh giao thiệp làm quen với những người phụ nữ khác. Rồi cuộc sống chung đụng năm này sang năm khác với gia đình ông anh càng làm Vinh do dự và ngại ngùng hơn.

Đến lúc thực sự có được một cơ ngơi thì đã luống tuổi mất rồi. Và nhất là, không hiểu sao, từ ngày được sống trọn vẹn một mình một căn hộ, bỗng dung hình bóng của cô gái ngày xưa tưởng đã hoàn toàn mai một lại trỗi dậy trong lòng. Kỷ niệm đã vụt tắt từ bao năm luôn chọn lúc anh từ cơ quan lâm lũ trở về nhà, mở khóa, đẩy cửa, bật đèn lên mà hiện dậy. Như để tự an ủi anh thường gượng nghĩ, có lẽ là cô ấy cũng đang nhớ tới mình, có lẽ là trong suốt bao nhiêu năm qua vẫn nhớ vẫn tìm. Nhưng chính ý nghĩ ấy lại khiến anh đã buồn càng buồn hơn.

Dần dần anh đã hiểu ra là mình không tài nào mà có thể quên được Hạnh. Không bao giờ tự dứt được ra khỏi ám ảnh những ngày hạnh phúc ấy.

Bây giờ là mùa thu năm 72. Vinh bị thương. Không phải chiến thương mà là tai nạn. Tai xé của chiếc Zil Khơ mà Vinh đang ngồi trên thùng, ngủ gật làm xe lật nghiêng. Vinh bị hất bắn xuống ruộng ven đường. Ở trạm xá Cụ Năm người ta bó bột cái cẳng trái của anh bị gãy rồi chuyển anh vào nằm điều trị tại nhà một bà cụ già trong xóm nhỏ bên bờ sông Sơn.

Các con của bà cụ đều là lính chiến trường Bê đi xa cả, nhưng nhà cửa hầm hào của bà rất vững chãi. Căn hầm mà bà cụ dành cho Vinh là loại hầm thùng, rộng và sâu, mái lát gỗ súc chắc chắn, vách đất phen tre. Lòng hầm rộng, được thông khí tốt, khô ráo, sạch sẽ. Chăn chiếu màn gói tinh tươm. Thoang thoang hương thơm bồ kết. Ban đầu Vinh ngỡ đây là hầm của con gái hoặc là con dâu bà cụ chủ nhà. Song hầm ấy là của Hạnh, cô giáo trường cấp 1 Cụ Năm. Hạnh ở trọ nhà bà cụ.

Mùa thu năm ấy chiến sự tàn khốc, bom đạn ngút trời. Vậy mà chẳng hiểu sao cái xóm nhỏ đó trong suốt một tháng Vinh tá túc đã không hề bị bọn Mỹ đụng tới. Ban ngày vồng của Vinh căng dưới tán cây ở cửa hầm. Hạnh rất ít khi phải diu anh vào trong. Thời tiết cũng tuyệt diệu. Chỉ mưa về đêm. Sáng trưa chiều mặc cho máy bay gào hú quần đảo trút bom lúc xa lúc gần vẫn mây trắng trời xanh gió mát vô cùng êm ả. Hạnh thường xuyên bên vồng của Vinh. Cô nhận đảm đương chăm sóc nâng giắc anh thay cho bà cụ chủ nhà.

Khi Hạnh đến trường ở địa đạo xóm bên, Vinh nằm trong hầm đọc sách dưới ánh sáng vào qua cửa thông gió. Hạnh có trong hầm hai rương gỗ đầy sách. Tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ. Chưa bao giờ Vinh đọc văn chương nhiều như vậy. Đi dạy trở về, Hạnh đưa Vinh ra khỏi hầm và ngồi làm việc bên cạnh vồng của anh. Vinh và Hạnh không trò chuyện nhiều. Hạnh lặng lẽ chấm bài, soạn bài hoặc may vá đan lát. Vinh lặng ngẫm cô.

Hạnh năm ấy vừa tròn hai mươi. Cô người Hà Nội. Xong lớp Mười, cô được đào tạo cấp tốc một năm Sư phạm rồi vào tuyến lửa. Đã được gần hai năm. Vinh cũng kể cho Hạnh về quê hương anh, về gia đình, về đời sống ở binh trạm. Tất nhiên chẳng có gì nhiều nhận. Yên lặng bên nhau tận hưởng hạnh phúc không lời.

Gang tặc thời gian ngắn ngủi, một tháng trời yên ả trôi qua chóng vánh. Buổi chiều y sĩ trạm xá tới xem lại lần cuối chân cẳng cho anh và thông báo rằng rạng sáng đơn vị sẽ ghé xe qua đón anh về binh trạm.

Bữa cơm chiều chia tay chẳng những có thịt thà và rau xanh, bà cụ chủ nhà còn kiếm được cho Vinh một cút nhỏ rượu trắng. Nhưng Vinh không biết uống rượu, anh không làm quá nổi một ly. Chỉ có bà cụ và Hạnh. Bom nổ lay chuyển bờ sông. Chớp lửa chạy nhăng nhảnh. Nhưng vẫn một trời thu chiều tà và một vùng trăng non.

Tối ấy, Hạnh không về ngủ bên hầm bà cụ chủ nhà. Cô thổi tắt ngọn đèn chai trong góc hầm rồi mềm mại nằm xuống bên Vinh.

* * *

Kho quân trang Vinh coi giữ ẩn trong một hang núi Phong Nha không xa Cự Nẫm. Cuối mùa thu năm ấy khi bọn Mỹ liên mấy đêm mở những trận càn kinh khủng bằng B52 vào vùng cư dân ấy, ở trong núi anh nghe rõ mồn một từng dây bom. Nhưng đầu 73, hòa bình ở miền Bắc, đơn vị anh lại chuyển sâu vào tận Bù Gia Mập.

Cuối năm 75, ra Bắc, ngang qua Đồng Hới, Vinh xuống xe tìm đường lên Cự Nẫm. Xóm nhỏ năm nào không còn nữa. Một hồ bom địa ngập nước đã nuốt chửng túp nhà với hai căn hầm ngày ấy. Bà cụ đã mất trong trận bom cuối, nhưng cô giáo Hạnh thì mọi người đều cam chắc là còn sống bởi cô còn tiếp tục dạy ở Cự Nẫm tới hết niên học ấy. Anh muốn tìm cô nhưng tìm ở đâu được. Đất nước sau chiến tranh trời đất bao la tiêu điều.

Phố Khâm Thiên, ngày anh ra Hà Nội học, đã được san hết các hố bom và dọn quang những đồng đồ nát. Nhưng số nhà của gia đình Hạnh đã cùng một loạt số nhà nữa trở thành một đoạn dài địa chỉ bị ngắt quãng của phố Khâm Thiên. Nạn nhân trong trận bom hủy diệt là hàng trăm, nhưng người sống sót được cứu ra từ đồng đồ nát cũng còn nhiều. Song Vinh không biết họ của Hạnh, không biết tên những người thân của cô. Những cư dân cố cựu của đoạn phố Khâm Thiên ấy thì không biết không nhớ có cô gái nào tên Hạnh là giáo viên từng dạy học ở Quảng Bình những năm chiến tranh.

Không hề trải qua chiến trận, nhưng suốt nhiều năm sau ngày giải ngũ Vinh thường nằm mộng thấy những hố bom.

Và suốt nhiều năm dù phải vòng đường xa, ngày nào Vinh cũng phải ít nhất một lần đạp xe qua Khâm Thiên. Ngay sát bên nền cũ ngôi nhà gia đình Hạnh người ta dựng lên một bia cảm thù và một đài tưởng niệm. Đài tưởng niệm nay cũng đã cũ rồi và nhỏ bé chìm lút trong đời sông mới ngồn ngộn của phố xá thay da đổi thịt.

Liên tục đều đặn qua lại Khâm Thiên. Hàng năm ngày tưởng niệm những nạn nhân của cuộc thảm sát anh đều tới đặt vòng hoa tại bia và luôn dừng ở đấy thật lâu lặng nhìn đám đông những người dự lễ viếng. Tuy nhiên thời gian dằng dặc đã khiến Vinh không còn tự ý thức được ý nghĩa của sự kiên tâm bền bỉ của mình. Anh không còn hiểu được rằng sự kiên tâm của mình tức là niệm nhớ thương, và không chỉ nhớ thương, mà còn là nhớ mong, là nỗi trông chờ chưa bao giờ lụi tắt, chưa bao giờ hoàn toàn vô vọng. Anh không biết rằng mình vẫn chờ đợi giây phút gặp lại Hạnh...

Giây phút ấy rồi cũng đã tới với đời Vinh. Tuy nhiên chẳng phải tại địa điểm và trong khung cảnh mà đôi khi anh vẫn thoáng mừng rỡ. Nó đơn giản, sơ sài và tẻ nhạt hơn anh tưởng rất nhiều. Vậy mà không ngờ lại là một nhất khách đau buồn.

Anh gặp Hạnh ở cổng Ủy ban phường! Anh đi bộ ngang qua còn cô dắt xe máy từ trong sân đi ra. Hạnh nhìn thấy anh, nhận ra anh ngay và gọi anh trước. Vui vẻ, bình thường, thân mến: “Ồ kia, anh Vinh! Anh Vinh phải không?”

Vinh nhìn. Đã bao nhiêu thời gian mất đi song Hạnh không đổi khác nhiều như Vinh. Anh nhận ra cô ngay. Và không hề như anh tưởng, tim anh vẫn bình thường, hơi thở bình thản. Và như thể đêm cuối của hai người mới là vừa trước buổi sáng nay, anh mừng rỡ và thân thiết: “Kìa, Hạnh, Hạnh hả, đúng Hạnh rồi, chào em?”. Và thậm chí, như tất cả mọi người chúng ta khi gặp gỡ nhau lướt phớt ngoài đường, anh hỏi: “Hạnh đi đâu thế? Cháu đây à?”. Anh xoa đầu đứa bé gái đang ngồi ở yên trước của chiếc xe máy.

- Em đi chuyển hộ tịch. Chuyển nhà đã mấy năm mà cứ lần chần chưa chuyển được. Vâng, con gái em đây.

- Hạnh được mấy cháu?

- Con gái đầu mà anh. Cháu mới bốn tuổi. Còn anh, mấy cháu rồi?

- Trai chưa vợ, con với ai chứ? - Vinh mỉm cười.

- Sao lại thế anh, anh năm mươi rồi còn gì? Em cứ tưởng như em cao số thế là cùng. Mãi năm năm trước, ngoài bốn mươi mới rời được vòng tay của cha mẹ.

Bỗng dưng, vẻ tươi vui hồ hởi của Hạnh sững lại, nụ cười vụt tắt. Cô hỏi, giọng lạc đi: “Nhưng... anh ở đây à...”

ở Thành Công à?”

- Ừ. Anh ở Z1. Phòng 306. Hơn hai chục năm rồi. Ban đầu mới bộ đội ra ở nhờ ông anh, sau thì...

Vinh cũng đột ngột cảm thấy như một roi vút vào tim. Anh ngừng bật không nói tiếp nổi.

- Em ở nhà Z2 - Hạnh gần như thì thầm - Em đã đã tìm anh. Em đã vào làng Yên Vực quê anh. Làng bị bom tan nát hết. Em đã tìm anh. Em đã nhớ anh biết bao nhiêu. Em.. Em ở nhà Z2 đây anh. Phòng 407. Cũng ở đây đến hai chục năm hơn. Anh ơi. Hóa ra chúng mình...

Tình thư

Sau Mậu Thân, bọn Mỹ buộc phải tạm ngừng ném bom miền Bắc. Tuyến tàu Nam lại thông suốt vào tận Vinh. Tiểu đoàn chúng tôi tuy phải xuống ở ga Văn Trai chứ không được đi tới kịch đường tàu, nhưng bù lại được hưởng một chặng dài hành quân bằng xe lửa.

Có cái sướng của sự hành quân *ngồi* nhưng phải cái buồn là đi Bê mà không được xuất nghỉ phép 15 ngày. Buồn nữa là không được khởi hành từ ga Hàng Cỏ. Rồi Bãi Nai chúng tôi trẩy bộ về ga Thường Tín. Tới ga, đã gần nửa đêm, lính tráng lên toa ngay, và tàu lập tức chuyển bánh. Toàn tân binh Hà Nội, 17, 18 tuổi, nhìn quàng sáng Hà Nội lụi xa, buồn lắm. Bây giờ là mùa đông năm 69, đất nước vừa qua tiết cuối thu nhiều đau thương, mà những tháng ngày đón đợi phía chân trời thì đang hiện ra cùng với vô vàn gian nguy được báo trước, vì vậy chúng tôi ai cũng thấm hiểu rằng không phải tất cả anh em mình đây đều sẽ còn có dịp nhìn thấy lại vầng sáng đang khuất dần kia của thời thanh thiếu tuổi học trò.

Cả ngày cuộc bộ mệt như nên vừa kịp nhá xong khẩu phần bữa tối hầu hết đã ngáy khò. Nhưng cũng có vài tay không ngủ nổi, chụm đầu đánh bài, hoặc như Vũ, tổ trưởng tam tam của tôi, cặm cụi viết thư. Vũ ngồi xôm trên băng ghế, giở sổ tay ra để trên hai đầu gối, viết hết trang này sang trang khác. Tàu quân sự song chạy chậm rê. Tàu hơi đó xóc dữ lắm, chòng chành như thuyền trên sóng, vậy mà Vũ vẫn cô sức viết, mỗi bậm lại. Tàng sáng, tôi thức giấc, ngó qua cửa thấy đang ngang qua đồng lúa mênh mông huyện Hoàng Hóa. Bây giờ Vũ mới vừa viết xong. Tôi thấy nó rút ra khỏi sổ tay đến gần hai chục tờ giấy dúp. Chữ nhỏ ly ti như đàn kiến đặc kín mặt giấy nhưng rất nắn nót. Vũ bảo là cần có lời tử mĩ với từng người trong gia đình, mà gia đình lại đông, tam đại đồng đường: ông nội bà nội, bố mẹ, ba thằng em trai, một đứa em gái, nên thư dài. Sắn giấy sổ tay và cái bút Trường Sơn của Vũ đấy, tôi bèn viết, nhưng chỉ loáng mấy dòng báo rằng lên đường khăn cấp không về phép được, cả nhạ cứ yên tâm, vì viết trên tàu nên chỉ viết vắn, hứa vào tới Cự Năm, dừng chân lâu sẽ viết dài hơn. Thằng Hải, ngồi kế, thấy tôi viết, cũng viết và cũng chỉ loạc choạc dăm câu ba điều như vậy trên nửa trang sổ tay. Vũ cho tôi và Hải mỗi đứa một phong bì có dán sẵn tem bộ đội. Vũ moi trong túi cóc ra ba cái túi ni lông, bảo tôi và Hải cho phong bì của mỗi đứa vào mỗi túi, và mỗi đứa phải thả kèm theo thư một bao Tam Đảo. Riêng túi mình vì lá thư quá dày, Vũ chỉ vào đó hai bao.

Tàu hãm tốc độ bò từ từ, chuẩn bị qua cầu Hàm Rồng. Trời vừa sáng, sương mù sông Mã đang tan. Vũ nhòai người qua cửa sổ, thả ba túi thư xuống rệ đường Một. Không chỉ mình Vũ, từ cửa sổ của tất cả các toa đều thấy có những túi thư ném xuống. Tàu chạy rất chậm, song gió bắc lùa mạnh khiến các bì thư bị cuốn bay tả tơi như lá khô.

Hồi đó lính đi Bê có cái lệ như vậy, tựa một thứ dị đoan: liệng thư xuống mé bắc cầu Hàm Rồng. Phải đúng là bắc cầu Hàm Rồng chứ không được thả ở địa điểm khác. Người qua đường nhặt được và có lòng tốt mang tới bỏ vào hòm thư. Nếu thư trót lọt tới tay gia đình người lính nào là người lính đó có khước, sẽ được may mắn cực kỳ...

Tổ tam tam chúng tôi còn nguyên tới tận trạm 75 ở bắc Xê Ca Mán. Tôi bị sốt ác tính vật vờ chết phải nằm lại trạm. Vũ và Hải cùng tiểu đoàn hành quân vào B2. Khởi sốt, tôi sang thu dung, rồi nhập đoàn tân binh khác, rẽ vào B3. Sau 75, tôi giải ngũ.

Thư từ sáu năm đời lính tôi gửi về, mẹ tôi quý báu giữ gìn nên còn cả, cũng chẳng nhiều nhận gì, chỉ ba lá, trong đó có cả lá thư thả ở Hàm Rồng.

Trở về sau chiến tranh, bạn bè cựu binh tuy đông, nhưng chủ yếu là chúng tôi tụ hội anh em B3 với nhau, chứ cánh tân binh hạ tháng Bãi Nai thì thú thực là chẳng còn nhớ. Mãi tới năm 1986, tôi mới gặp lại Vũ. Tình cờ thôi, buổi tối, ở cửa rạp Thặng Tám. Tôi đi bộ qua, còn Vũ cùng đám đông từ rạp đó ra. Giữa bao người vẫn nhận ra nhau tức khắc. Tuổi đã luống cả, vừa vặn gấp đôi tuổi 17 xưa kia, mà ôm chầm lấy nhau như hai thằng nhãi. Một hồi sau, trấn tĩnh lại, tôi mới thấy rằng Vũ chỉ còn một cánh tay. Nhưng bù lại, anh có...

- Hiền, vợ tao! - Vũ nói và vội chữa lại - Vợ mình, Minh Hiền.

Anh giới thiệu tôi với một phụ nữ cũng khoảng tuổi chúng tôi vừa đặt xe đạp từ bãi gửi xe ra. Tôi gặp may, bởi vợ chồng Vũ đã thành dân Qui Nhơn từ hơn mười năm rồi, họ ra thăm Hà Nội và sáng sớm mai đã lên tàu trở vào. Chúng tôi cùng đi bộ ra Bờ Hồ, vào một quán cà phê.

Vũ kể: vào B2, sư 7, bị thương năm 72 ở chốt Tàu Ô đường 13. Ra Bắc đầu năm 73, học Sư phạm toán, 77 tốt nghiệp, đưa vợ con vào Bình Định, quê vợ. Hiền cười bẽn lễn: “Ra Bắc được nửa năm, ông ấy đã đòi cưới. May là ba má hai đứa đều thuận. Khi ấy bọn em cả hai mới hăm một nhưng mà chờ đợi nhau cũng đã bốn năm trời”. Tôi ngạc nhiên: “Nghĩa là từ 69, khi bọn này đi Bê? Ghê nhỉ, sao mà hồi ấy ông kín miệng với anh em thế hả Vũ?”. Vũ ngó tôi một lát, rồi nói: “Chuyện vợ chồng mình khởi đầu thế nào, ông biết không, chính ông đã chứng kiến. Ông còn nhớ lúc đoàn tàu bọn mình qua Hàm Rồng không...”

Minh Hiền là con gái một gia đình cán bộ miền Nam tập kết làm việc ở nông trường Sao Vàng trọng Thanh Hóa. Năm 1969, cô ra Hà Nội học Tổng hợp toán. Cuối tháng 11 năm ấy, cô về thăm má bị ốm. Khi trở ra, xe khách vừa qua cầu Hàm Rồng thì có trục trặc. Hành khách xuống xe chờ tại xé thay lốp. Đang lúc ấy thì có đoàn tàu chở bộ đội ngang qua. Chính là chúng tôi trên đó, và chính đây là tơ duyên của Vũ với Hiền. Chuyến xe khách ra Hà Nội thành một chuyến xe thư. Hành khách ai cũng xúc động, ai cũng trên tay dăm lá thư do anh em bộ đội gửi gắm. Riêng Hiền chỉ nhận được mỗi một lá, của Vũ. Cô không gửi bưu điện mà đưa tới tận nhà anh. Những hành khách khác chắc cũng làm vậy.

Tình nghĩa con người trong chiến tranh rất gần với tình yêu. Vũ với Hiền lại bằng tuổi nhau, trẻ măng, chân thành và anh dũng. Họ viết thư cho nhau. Chờ đợi nhau.

Lúc tạm biệt vợ chồng Vũ, tôi sực nhớ:

- Còn thằng Hải “tò “?

- Hy sinh rồi! Nó bị từ giữa 70, ở Crachê, bên Miên, lúc bọn Mỹ càn sang. Tao với nó khi ấy vẫn đang cùng tiểu đội.

- Không biết bố mẹ nó có nhận được lá thư ấy không nhỉ?

- Mà quên à? Nó mồ côi. Chỉ có bà chị gái. Năm 73, tao về, tới tìm, không gặp. Nhà ở Ngõ Chợ. Bị bom hồi 72.

Thở dài, ngẫm nghĩ một lát, Vũ bảo:

- Nhưng lá thư ấy, chắc là chị ấy đã nhận được, đã đọc nó.

Ba lẻ một

Mặc dù là sự ngẫu nhiên nhưng mà có lẽ chẳng phải chuyện tình cờ. Bởi nếu không thì chúng tôi đã lướt về đến Nha Trang mới dừng chứ chẳng nghỉ vật lại làm gì ở dọc đường. Và xe sẽ không đỗ đúng ngay trước cửa tiệm cà phê đầu thị trấn.

“Lêkima”, tên tiệm như vậy, trên tấm biển gỗ sơ sài. Một nhà gác nhỏ, mái ngói sạm màu rêu. Quầy cà phê ở tầng trệt, gian giữa, nhưng chỗ của khách ở ngoài vườn. Một ai đó cúi húi sau quầy, tôi lên tiếng chào, gọi một tách đen, và qua cửa sau đi xuống vườn. Vườn rộng, xanh ngắt, vú sữa và lêkima. Bàn ghế mây kê rải rác dưới vòm cây xum xuê, bên những lối đi rải sỏi. Giờ này các bàn đều bỏ trống. Cả khu vườn chỉ một mình tôi với tiếng chim ríu rít trên cành. Đợi anh tài xế sửa xong xe chắc là còn lâu. Tôi ngả người vào lưng ghế, nhắm mắt lại.

- Dạ thưa, cà phê của ông.

Tôi không nghe thấy bước chân đàn bà ấy. Rất khẽ chị ta đi tới, thật nhẹ để khay cà phê lên mặt bàn và se sẽ cất tiếng. Trên chiếc khay gỗ bày một bộ đồ uống cà phê kiểu đã xưa, rất đẹp, đĩa và tách bằng gốm, men màu lam vân trắng, phin và thìa mạ bạc.

- Gia đình ta có khu vườn tuyệt quá, - Tôi nói, bày tỏ sự hài lòng và nỗi khoan khoái.

- Dạ, cảm ơn ông - Người đàn bà nói nho nhỏ, giọng Nam êm như nhung, lễ phép, dịu dàng - Xin mời ông bữa sau lại ghé tiệm chúng tôi, dùng cà phê, ngoạn cảnh chiều.

- Ô vâng, dĩ nhiên. Nếu như còn có một dịp thứ nhì.

- Thưa, thị trấn này, ông mới một lần đầu ngang qua?

- Vâng. Cũng gần như là lần đầu. Lần trước đã lâu lắm rồi. Đã hai mươi năm. Và lại, ngày đó, thời cuộc gấp gáp, chúng tôi tiến ào qua.

Tôi có cảm giác là người đàn bà như chợt sững đi vì điều tôi vừa nói. Tôi nhìn chị. Có thể đoán rằng tuổi chị đã chừng bốn mươi, mặc dù chắc là chưa đến như vậy.

Gương mặt gầy yếu, xanh xao, song vẫn còn giữ được nét đẹp phảng phất.

Gặp ánh mắt của tôi, chị ngại ngần nhìn tránh đi, và không nấn ná thêm nữa, lặng lẽ quay vào nhà. Tôi nhìn theo. Bỗng đâu một cảm giác phi lý nhện lên. Chẳng cần lục lại trí nhớ, tôi biết chắc chắn là trước đây chưa từng bao giờ gặp chị ta, và chắc chắn là không hề quen ai có thoảng nét giống, thế nhưng lại cũng hoàn toàn chắc chắn như vậy tôi cảm nhận được ở chị một sự quen biết, thậm chí một tình thân mến, từ xưa. Tình thân ấy mang máng đâu đây trong buổi chiều nay giữa khu vườn này. Tôi lặng nghe và tôi nhìn xung quanh, nhìn lên cao. Bên ngoài các vòm lá, bầu trời đã ngả hồng. Ngày đã tàn, thời tiết vẫn đẹp, càng đẹp hơn trước. Những đám mây cao và thưa nhẹ nhàng lướt trôi, mỏng dần và tan rã. Trong vườn, những ngọn gió khi thì lặng đi lúc lại dậy lên như cao trào của một bản nhạc. Một chiếc lá vú sữa nửa màu xanh nửa màu nâu nhạt bứt khỏi cành rớt xuống bên tách cà phê đang nhẹ tỏa hơi. Chiếc thìa bạc kêu lạnh cạnh. Lòng tôi xao xuyến lạ thường. Bỏ dở tách cà phê, tôi đứng vội dậy, rời bàn. Nóng lòng tôi muốn ngắm lại một lần nữa kỹ hơn dung nhan thân thuộc của người đàn bà không quen.

Không có ai trong nhà khi tôi từ ngoài vườn đi vào. Tôi tới bên quầy. Trên mặt quầy để một máy quay bằng, mấy trái xoài tượng, một cái bình xay sinh tố, các chậu đường, những lọ cà phê và một hộp kính xếp đầy những gói thuốc lá. Ở trong góc tối phía sau quầy, trên tường treo một bức tranh. Tuy nhiên, nhìn kỹ lại tôi thấy không phải tranh mà là một bức ảnh, được phóng to, lồng trong khung kính. Trong ảnh là hình một chiếc xe tăng. Và không phải M48. Vì khuất tôi không nhìn được rõ nhưng tôi vẫn nhận biết rõ ràng dáng vóc một chiếc T54 um tùm cành lá nguy trang. Vòng ra sau quầy, tôi lần tìm công tắc, bật đèn lên. Ánh điện bừng sáng và tìm tôi như ngừng đập. Toàn, Trung và Chí, ba khuôn mặt ấy, ngay trước mắt tôi. Ánh đen trắng, khi chụp hơi bị ngược sáng lại đã úa vàng vì năm tháng nên nom

không được nét, song chẳng còn hộ nghị gì nữa, đúng là họ, và đúng là nó, xe 301. Đầu quần băng, AK bụng thông trước ngực, Toàn ngồi trên nóc xe, ôm lấy nòng khẩu 12 ly 7, hai người kia bả vai nhau ngồi tựa vào sườn tháp pháo. Số xe khuất sau lưng họ, chỉ ngôi sao lộ ra. Cả ba anh em đều còn rất trẻ, còn rất non nét mặt và dường như do vậy mà có vẻ kém ăn ảnh, nhân dạng phần nào mờ nhòe, tuy nhiên bởi đều đã vào ảnh với nụ cười nên cả ba gương mặt đều như tự bừng sáng. Xúc động, cô ghen lại, tôi run khắp thân mình, hồi lâu không sao trấn tĩnh được.

Nghe thấy tiếng guốc đi xuống cầu thang song tôi không rời mắt khỏi bức ảnh. Người đàn bà tới bên quây. Ngoài cửa ánh chiều đã tắt hẳn. Căn phòng im ắng. Từ cội nào xa xăm vọng đến tiếng còi tàu hỏa. Lát sau đoàn tàu rùng rùng băng qua cung đường gần thị trấn. Những hàng bánh sắt rên rên lăn trên ray. Mặt đất nhẹ nhẹ rung lên. Chiếc đồng hồ treo tường thong thả đo chuông.

Lòng khắc khoải bao nhiêu là ý nghĩ và điều phỏng đoán, tôi chậm rãi xoay mình lại, đối diện với người đàn bà. Chị chống khuỷu tay lên quây, áp mặt vào hai bàn tay. Một gương mặt thanh tú và khiêm nhường, một dung nhan dấu đã lụi đi mà không hề tàn héo, đôi mắt hiền dịu, rất to, lặng nhìn tôi.

- Chị biết không, thật kỳ lạ - Tôi nói, ngập ngừng - Chiếc xe tăng trong bức ảnh kia chính là chiếc xe tăng của tôi, ngày xưa.

- Ồn trời, - Chị thăm thì - Thế là cuối cùng các anh đã trở lại. Bởi vì anh đã đổi khác quá nhiều so với anh trong hình nên em không nhận liền ra anh. Nhưng anh à, bao năm qua, từ ngày đó đến giờ, em vẫn một lòng tin rằng nhất định các anh còn trở lại.

* * *

Ngày đó, năm 75, buổi sáng cuối cùng của tháng Ba. Thị trấn bên bờ biển cho tới chiều tối hôm trước còn nghẹn ứ một biển người vậy mà sáng ra đã hoàn toàn trống rỗng.

Không ai ngờ thời cuộc lật nhanh đến thế. Vừa mới phong phanh tin thất thủ Buôn Ma Thuật, còn bán tin bán nghi, đã nghe mạn Khánh Dương tiếng đại bác rền vang. Người từ cao nguyên chạy xuống ban đầu thưa thớt, về sau kìn kìn. Người ta bảo rằng quân dù đã được điều về giữ đèo Ma Đơ Rắc, họ sẽ chặn đứng Việt Cộng và rồi sẽ tái chiếm Đắc Lắc chỉ trong ngày một ngày hai. Nhưng chỉ trong ngày một ngày hai vụ di tản chiến thuật đã trở thành cơn giã chét vĩ đại. Thị trấn ngã ba ghen cũng hai luồng chạy loạn không lộ đồ ập về theo hai ngã, quốc lộ 1 và quốc lộ 21. Phố biển muôn thuở bình yên ngập chìm trong khói bụi và hoảng loạn. Mặt đường đen đặc người và xe. Xe đồ và xe nhà binh, đồ đạc và chiến cụ, dân thường bỏ quê hương và lính tráng vỡ mặt trận, như lũ lụt tràn bờ, như trời long đất lở. Gần cả tháng trời thị trấn triền miên trong quang cảnh tán loạn đầy thú vật của cuộc đại bại. Chen chúc, xô lấn, giày đạp, chà xéo, đánh nhau, giết nhau, cưỡng hiếp và cướp bóc. Đến cuối tháng thì đã thật sự những ngày tận thế. Phòng tuyến trên đèo tan vỡ. Các Thiên thần mũ đỏ còn sống sót ôm đầu máu tháo chạy. Có những toán đông nghìn nghịt súng ống còn trọng tay mà không còn giày, không còn áo, trần truồng lụi ô ô tràn qua trấn. Tất cả đều đã điên lên vì khiếp sợ. Chạy, chạy, và chạy. Muốn sống thì chạy đi, Mạnh ai nấy chạy. Giành đường mà chạy, dẫm lên nhau mà chạy. Tiên pháo hậu xung, đại bác quân Bắc Việt sẽ san bằng thị trấn. Chiến xa quân Bắc Việt sẽ cán nát tất cả. Và bộ binh Bắc Việt khi xung phong vào sẽ giết nốt, sẽ giết hết, giết tuốt mo, giết không còn một mống.

Buổi trưa, phi cơ từ biển ào vào bờ nhào ngay trên đầu thị trấn trút bom xuống Dục Mỹ để cản bước địch quân. Nhưng trận chiến vẫn từng giờ một xích gần lại. Cửa kính rạn vỡ, vôi vữa rơi lả tả. Chập tối, đạn pháo hú vang, từng loạt, từng loạt nã vòng qua thị trấn rớt xuống dọc mép biển. Nửa đêm tiếng nô thừa dân và tinh mơ thì bật hẳn. Hừng đông mong manh chuyển dần sang buổi ban mai và ở xa thăm ngoài khơi vùng dương đã nhô lên trên mặt biển. Trên bờ, ở ngôi nhà đầu thị trấn, ông chủ hiệu ảnh Lêkima và cô con gái của ông ngồi lặng im trong bóng tối. Bên ngoài, ánh mai hồng ngời rạng, trong nhà tối như hũ nút. Cửa đóng then cài.

Cả đêm hai cha con không chợp mắt, thao thức nghe sấm sét của quân đội cách mạng và nghe những hậu đội cuối cùng của quân Sài Gòn huỳnh huyếch tháo thân chạy qua trước cửa. Nỗi lo âu còn cao, nhức nhối ruột gan. Hồi giữa tháng khi còn có thể ra đi người cha lại chùng chình nghe ngóng, tiếc nhà tiếc vườn, tiếc kẻ sinh nhai. Tới lúc không thể do dự thêm được nữa thì cũng là lúc cảnh tượng của cuộc tùy nghi di tản đã trở nên quá độ kinh hoàng. Cô con gái xin cha để cô được ở lại. Thà chết còn hơn là phải dấn thân vào một lộ trình đã man đến như vậy. Hai cha con nấu mình trong nhà. Bọn lính

cướp phá tan hoang hai bên hàng xóm nhưng may phúc làm sao chúng chưa xông vào hiệu ảnh. Chúng bắn tan tã biển Foto Lêkima nhưng chưa bắn vỡ tường và chưa làm sập nhà. Tuy nhiên nếu tình trạng hỗn mang kéo dài thêm nữa bọn kẻ cướp sẽ không bỏ qua ngôi nhà này. Nhưng mà nếu chúng biến đi thì tức là họ sẽ vào. Họ vào thì trời ơi, sẽ ra sao?

Trời đã sáng hẳn. Hình như có tiếng vạn vật thức giấc, ì ầm như sóng biển xô bờ. Nhưng mà chẳng phải tiếng sóng. Tiếng động mới mẻ xa xôi mờ hồ ấy không tắt mà cứ lớn dần lên và loang rộng ra. Rồi bỗng nhiên tất cả rung lên. Đất trời như rạn nứt.

- Trời đất ơi, chiến xa! Tránh xa cửa, con ơi!

Tiếng kêu khiếp đảm bị tiếng gầm của động cơ xe tăng nuốt đi. Chiếc thứ nhất rồi chiếc thứ hai, thứ ba... mũi đột phá xe tăng gập chục chiếc, T54 và K63, như một cơn lốc bằng thép xé mặt lộ lướt tới với thần tốc kinh hồn, là phăng mọi chướng ngại trên đường, nhằm hướng nam truy kích. Nhà cửa rung giần giật. Cả thị trấn điên hồn, choáng đi trong tiếng rít của xích thép hòa lẫn với hơi dầu xả phụt phụt, tiếng tháp pháo nghiêng ken két. Mặt đường tóe lửa, nứt ra, rền vang như gang vỡ.

Thị trấn được giải phóng trong vòng không đầy năm phút đồng hồ. Đoàn xe tăng lao tới, tràn qua và mau chóng mất hút phía trời nam. Sấm vang chớp giạt rồi tất cả lại trở về trong buổi sáng mai êm ả dưới bầu trời trong xanh, cao vợi vợi miền duyên hải.

- Nhưng mà hình như họ ngừng. Họ ngừng rồi! Hình như ngay trước nhà mình đây, con ơi!

Mà họ dừng lại thiệt, trời ạ! Chỉ một chiếc nhưng mà tắt máy dừng ngay trước thềm. Nghe huých huých tiếng chân từ trên xe nhảy xuống đất. Những giọng xứ Bắc, nói oang oang. Họ to tiếng quát nhau. Rồi lại nghe rõ lên tiếng cười. Rồi choang choang tiếng gõ tiếng đập. Tò mò, quên cả sợ, cô gái tới bên cửa sổ vén màn nhìn ra. Thành linh, chiếc tăng rú lên, phụt khói đen ngòm, rồi như bị sặc nó nấc lên và tắt ngóm. Lại ồn lên tiếng quát tháo, tiếng la lối bực bõ. Nấp xe mở ra đóng vào sầm sầm. Mấy phút sau xe khởi động lại. Cô gái bung lấy tai. Nền nhà rung nảy. Không khí khét nồng mùi khói ma dút. Khi cô bỏ tay ra thì tiếng gầm gào hung dữ đã ngừng bật, thế nhưng cô lại nghe thấy tiếng những bước chân đi lên thềm. Cha cô mặt tái mét, vội vội vàng vằng bỏ trốn lên gác. Khiếp hãi cô đứng nép vào góc. Tiếng gõ cửa dầu dè dặt vẫn chẳng khác nào súng bắn. Những giọng nói từ bên ngoài ngưỡng cửa vọng vào rõ mồn một.

- Có ai đâu nào. Bác phó nháy nhà này hẳn là đã cao chạy xa bay.

- Nhưng tớ bạo đảm là vừa nãy tớ thấy thoáng có người từ cửa sổ nhìn ra mà ly. Để tông cửa vào xem nào. Hay đây là một thằng dừ?

Sợ hết hồn nhưng không còn cách nào khác, cô gái đành khe khẽ thừa lên và đi nhanh tới bên cửa, mở khóa rồi nhấc then ra. “Xin kính chào quý ông”, cô lí nhí. Hai ông ngoáo ộp đứng choán trước cửa tươi tỉnh cất tiếng chào đáp. Lần đầu trong đời cô gái tận mắt thấy Việt cộng. Một người vóc dáng cao lớn, đầu húi cua, súng đeo trễ bên vai, tay xách một cái can nhựa, người kia gầy gò, nhỏ thó, đầu quấn băng, súng lăm lăm trong tay. Cửa mở, thấy cô, anh ta vội chúc hòng súng xuống. Bàn tay, gò má và bộ đồ trận của cả hai đều ám khói.

Họ nói xe họ bị sự cố phải dừng sửa, giờ sửa xong rồi, nhưng vì đã cạn hết nước uống nên trước khi xuất kích còn phải vào làm phiên gia đình một chút, mong thông cảm. Họ gọi chị xưng chúng tôi, lễ phép, nhã nhặn, gần như khách sáo khiến cô gái trẻ vừa bối rối vừa phần nào cảm thấy an lòng. Cô mời họ vào. Cô bảo sau nhà có bể chứa nước mưa xin để tùy quý ông dùng, lấy bao nhiêu cũng được. Nhưng họ nói chỉ xin nạp một can đủ dùng thôi. Những người lính này mặc dù súng ống lịch kịch, mặc dù bụi bặm và nhàu nhĩ, thế nhưng chẳng hề có cái vẻ lính tráng như cô vẫn thường thấy. Cô thấy họ rất lành. Không sục sạo, không ngó nghiêng, và không một máy may lỗ mưng. Lấy đây cạn nước rồi, tuy rất vội, họ không xồng xộc bỏ đi ngay mà tề nhị ngồi nán lại vài phút bên bàn, từ tốn nhấp tách trà cô mời, ân cần hỏi han, trò chuyện. Chỉ là theo phép lịch sự nhưng rất mực thân tình. Họ khen vườn của cô đẹp tuyệt, khen cơ ngơi của cô trang nhã, khen trà cô pha ngon, khen những bức ảnh mẫu bầy trong tủ kính. Họ nói không lâu nữa đại quân sẽ trải qua, bộ binh, xe pháo nườm nượp, nhưng đừng có sợ hãi, cứ thoải mái, cứ mở cửa tiệm, giữ lấy nếp sinh hoạt bình thường như mọi ngày. Đạ tiền của quân ta sẽ mau chóng giãn tâm phi pháo của địch ra xa thị trấn này. Và chẳng, rất có thể chiến tranh sắp kết thúc.

Không chừng ngay trong năm nay, thậm chí ngay trong mùa khô này cũng nên, biết đâu đây, chúng tôi sẽ tiên thâu được đến tận mũi Cà Mau.

- Hết được chiến tranh rồi sẽ sung sướng biết bao - Anh lính nhỏ người, đầu quần băng, ngả người ra lưng ghế, khề thờ dài - Không còn bọn Mỹ, không còn bọn ngụy, không bom không pháo, đất nước thống nhất, hòa bình, đâu chỉ được sống trọn một ngày như vậy thôi rồi chết, cũng đáng.

- Nói gì thế cái cậu này! Cậu chỉ được đọc cái tài nói gở thôi à? - Người kia nhăn mặt, khề gắt.

- À, là nói thế. Chứ chết sao được. Đã đến ngày khổ tận cam lai mà lại chết thì thật hoải. Phải gắng sống để hưởng hồng phúc của thái bình chứ. Mai này, khi đã tận trần mạt, tôi sẽ rời tay lái xe tăng chuyên ngành sang làm xế quốc doanh, vi vu dọc ngang cho đến già trên các ngã đường, ngắm Chủ nghĩa xã hội, ngắm đồng ruộng núi sông trời bể nước Nam cho đã bao năm rông tút hút rừng sâu. Và nhất định năm nào tôi cũng sẽ qua đây, dừng thăm ngôi nhà này, thăm người quen hôm nay.

Không hoàn toàn hiểu những điều họ nói, cô gái ngồi im, khép nép, thỉnh thoảng khe khẽ dạ thưa, mắt nhìn xuống. Tuy nhiên, cung cách hiền hòa dễ mến của hai người khách đã giúp làm vơi đi nỗi lo sợ. Tâm trạng căng thẳng chùng xuống, hầu như chẳng còn chút nào mối dè chừng và sự thủ thế. Thậm chí không còn lây một mảy may ác cảm. Tự cô cũng thầm lấy làm lạ về sự nhẹ dạ của mình. Bao nhiêu những định kiến đã thấm sâu vào tâm trí, tưởng chừng bất biến, vậy mà cô đã rút bỏ nhẹ nhàng như thể trượt một tiếng thờ phào. Chẳng những không hề là những tên cuồng sát, thấy người là giết, thấy nhà là đốt, hai người lính này cũng không giống những nhân vật rắn như đan, lòng dạ gỗ đá, đầu óc cứng nhắc, mặt mày thì khắc nghiệt, cử chỉ thì thô bạo, miệng lưỡi thì cục cằn, phách lối được gọi là Việt Cộng mà cô vẫn hàng ngày nghe thấy trên đài phát thanh và đọc thấy trên sách báo. Tuyệt nhiên chẳng có vẻ gì là một cuộc tẩy não, họ nói năng nhẹ nhàng mà thân ái, vui vẻ nhưng đúng mực, giữ lễ xã giao chủ khách.

Nhìn những vật dụng trong phòng, nhìn gói thuốc với hộp quẹt cha cô để trên bàn, cái gạt tàn đầy mẩu, cái áo khoác đàn ông trên mặc áo, hẳn rằng hai người lính Việt Cộng thừa biết hiện trong nhà này không chỉ có mình cô, song họ chẳng hề căn vặn. Họ hỏi thăm song thân cô nhưng thấy cô ngập ngừng họ không gặng. Thật tình cô không sao hiểu nổi duyên do của nỗi ghê khiếp cộng sản đã ám ảnh và chế ngự cuộc sống của cha cô cũng như của bao người khác nữa ở thị trấn này. Có cái gì thật vô lý và tức cười trong thái độ tốt cùng hoảng hốt của cha cô khi nãy. Khiếp sợ đến nỗi bỏ cả con gái đầy đê trốn chạy. Cô hình dung lúc này đây cha cô mặt mày xanh xám, nấu mình trong một góc tối om trên gác, run cầm cập chờ tiếng chân cộng sản sầm sập bước lên cầu thang.

Nhưng những người cộng sản còn bận công chuyện của họ. Họ nhìn đồng hồ, thốt kêu lên, rồi vội vã đứng dậy, đeo súng lên vai, vội vội xin cáo từ và một lần nữa xin cảm ơn sự giúp đỡ của gia đình. Họ bắt tay cô. Một người chỉ nắm nhẹ rồi buông ngay. Nhưng người kia giữ lại lâu hơn bàn tay nhỏ nhắn mềm dịu của cô trong bàn tay thô ráp của mình:

- Bọn anh là bộ đội chứ nào phải là quý ông. Mai này gặp lại nhau nhớ đừng gọi bọn anh như vậy nữa. Nhớ nhé. Bọn anh nhất định sẽ trở lại. Anh sẽ chẳng bao giờ quên nơi này, chẳng bao giờ quên buổi sáng hôm nay. Buổi sáng hôm nay, quê hương em giải phóng, em hãy nhìn xem, đất trời tươi đẹp biết bao. Còn anh thì anh coi hôm nay là ngày đầu tiên sau bao năm trời xa cách được trở về gặp lại quê hương. Quê anh ở bờ biển Quảng Ninh cho nên hễ cứ nơi nào bờ biển cũng đều là quê nhà. Vậy nên anh và em chúng mình là đồng hương duyên hải đấy.

Hai người buông tay nhau. Người lính chạy ra xe, cô gái đi vội vào nhà rồi lật đật chạy ngay ra, trên tay cầm chiếc máy ảnh. Xe tăng đã nổ máy, gầm lên, nhưng chưa lăn xích. Cô gái chạy xô tới trước đầu xe, hươ máy ảnh lên.

Chiếc tăng dường như ngần ngừ do dự, động cơ vẫn rền rền song có vẻ dịu xuống. Nắp tháp pháo bật mở, lần lượt hai người từ lòng thép chui ra. Người thứ ba từ cửa buồng lái. Anh ta không tắt động cơ. Chiếc tăng rầm rầm nổ máy tại chỗ như hồi thúc.

Cô gái không ham nghề ảnh nên rất ít khi rời đến máy và chưa bao giờ cô thay cha chụp hình cho một người khách nào. Cô nhỏ bé, yếu ớt và run rẩy trước khối thép đồ sộ đang hùng hực phả hơi nóng và rung lên giân giật. Phải bậm môi lại, gần như vận hết can đảm và lấy hết sức bình sinh cô mới bậm

máy nổi. Không may, sáng hôm đó, cuộn phim trong chiếc Canon chỉ còn một cuộn. Bấm xong cái tách, hết phim. Sững sờ ngó chiếc máy, dường như mãi mới chợt hiểu, cô sực tỉnh, hốt hải kêu lên muốn át tiếng máy báo ba ông khách gắng chờ để cô vào nhà lấy máy khác chụp tiếp.

Nhưng khi cô ôm chiếc Kodak chạy lao ra, xe tăng đã gầm lên, tốc bụi mù mịt, chồm mạnh tới và lập tức lao xộc đi như thể chạy trốn cô. Cô đứng khựng lại giữa lòng đường. Chiếc T54 nhỏ dần, mặt đường vẫn rung chuyển nhưng tiếng gầm của động cơ nghe không còn hung dữ nữa, và càng lùi xa chiếc tăng nom giống một lùm cây xanh, rung reo trong gió và lấp lánh trong nắng.

* * *

Những ngày giông tố qua mau, cuộc đời lật nhanh sang trang khác. Chủ hiệu ảnh đó vượt biển, bỏ xứ ra đi. Cô con gái của ông một mình ở lại với ngôi nhà và vườn cây lêkima. Hiệu ảnh tuy còn đó, song không nhận chụp, chỉ mở thẻ để chờ trả ảnh. Thế nhưng nhiều năm trôi qua, khi mà ngay cả những người lính được giải ngũ sau chót cũng đã về đến quê nhà của họ, bức ảnh chụp cổ chiến xa vẫn mãi mãi là một tâm hình vô chủ.

Thời gian thấm thoát như thoi đưa. Cô gái trẻ măng ngày ấy đã thành thiếu phụ, lập gia đình, có con. Đời sống gian nan khắc khổ kéo dài suốt mười mấy năm trời sau chiến tranh khiến chị mau già. Chồng chị đã sớm từ già phở nghèo để tìm vào Nha Trang kiếm kế sinh nhai dễ dàng hơn. Các con chị lớn lên cũng lần hồi đi hết. Rất muốn theo chồng con nhưng chị lại không muốn rời bỏ thị trấn. Đành lại thui thủi một mình với ngôi nhà, chắt vật sống tựa vào mảnh vườn và tiệm cà phê. Trong nhà chẳng còn dấu tích nào nữa của hiệu ảnh, ngoại trừ tấm hình chụp chiếc chiến xa, được phóng rộng ra thật lớn và lồng khung nhưng chưa người tới nhận, ngày một úa vàng.

Ngày lại ngày, năm này qua năm khác, ngôi nhà xưa cũ vẫn đấy, mòn mỏi bên rìa lộ, như âm thầm ngóng trông một điều gì đó, không biết là điều gì, rồi sẽ đến trong dòng thời gian đang đều đều trôi chảy ngược xuôi không cùng tận trên đường. Cuối cùng thì cái sự kiện mơ hồ được bên bị ngóng trông ấy dường như đã thực sự bước chân qua ngưỡng cửa. Một trong những chủ nhân của chiếc xe tăng đã nhận ra chiếc xe tăng của mình.

Chỉ có điều, người đàn bà chủ tiệm cà phê đã lầm: tôi không phải là một trong những người mà chị ngóng trông. Mặc dù là xạ thủ 12 ly 7 trên chính chiếc xe tăng trong ảnh, tôi không hề có mặt trong ảnh.

Đã trót lọt qua những trận ác chiến trên đèo Ma Đơ Rắc, đã an lành vượt qua Dục Mỹ, tôi lại dễ bị thương ở cây số cuối cùng của đường 21. Và ngu ngốc làm sao, lính xe tăng mà lại bị đồn bởi đạn súng trường. Chỉ độc một phát, bắn từ mù trong đêm tối, nhưng đúng lúc tôi đang nhào nửa người khỏi cửa xe.

Vết thương không nặng nhưng đủ để loại nhau ra khỏi vòng chiến trọng hơn chục ngày trời. Nằm được mười ngày, tôi ôm vết thương téch khỏi bệnh viện, nhặt một chiếc zép lùn nằm quăng bên vệ đường, lái hết tốc độ rượt theo vết xích xe tăng. Nhưng vào giai đoạn hành quân thần tốc ấy chậm một giờ là lỡ cả đời, huống hồ tụt hậu mất mười ngày như tôi. Đuổi theo vết xích của 301, tôi phóng ô tô qua Ninh Hòa, Nha Trang, Cam Ranh, rẽ đường 11 lên đèo Ngoạn Mục, rồi qua Di Linh, Đức Trọng về Bảo Lộc, về Lộc Ninh, và ngoặt gấp sang đông nhằm hướng Sài Gòn. 30 tháng Tư vẫn theo vết xích xe tăng, tôi qua Lăng Cha Cả vào phi trường Tân Sơn Nhất. Nhưng 301 của tôi hình bóng đã mờ mờ nơi đâu trong mưa rơi buổi chiều ngày đại thắng.

Tôi đã trở lại Lăng Cha Cả, trở lại Cầu Bông, trở về tận Phan Rang, địa danh của những trận tử chiến bằng xe tăng trên đường tiến đánh Sài Gòn. Nhưng trời đất bao la, mặc cho tôi bên bờ theo đuổi, 301 vẫn mãi mãi xa khuất khỏi tầm mắt của tôi.

Và như thế là đã hai chục năm trời rồi theo đuổi vô vọng cho tới buổi chiều hôm ấy. Chẳng phải sự tình cờ, mà là một sự run rủi tuyệt vời của định mệnh đã khiến tôi bước vào vườn cây lêkima bên bờ biển Khánh Hòa. Cuộc đời có hậu đã cho tôi, một số phận lẻ một, khi đã luống tuổi, lúc đã xế tà vẫn còn ruồi kịp đà tiến công vũ bão của thời thanh xuân để gặp lại được số phận chung bốn anh em.

Chiều hôm ấy, trước bức ảnh xe tăng 301, người thiếu nữ năm xưa, vụt sống lại với buổi bình minh của đời mình, đã không cầm được nước mắt. Và tôi cũng vậy, sau hai chục năm trời, lệ chiến tranh lại tràn mi.

Gọi con

Cái rương ấy, Tân chịu khó tha từ Hà Nội vào để rồi bỏ xó đây. Một năm sau, dọn dẹp buồng chứa đồ dưới tầng hầm, chị người làm khuôn nó lên, cho ra ngoài sân, toan thải. Nom như cỗ áo quần. Đứa con gái lớn của Tân nói đùa. Còn vợ anh thì bảo là cái thứ này lạc vào biệt thự nhà mình chẳng khác gì một cái bát cóc găm được tìm thấy trong dinh ông Thạch Sùng.

Thực tình là Tân cũng nào có thiết, nhưng chẳng lẽ không giữ lấy một tí gì kỷ vật của mẹ. Và lại, mẹ mất rồi, nhà của cha của mẹ mình đã bán đi, mà mọi thứ trong nhà mình cứ để vất vưởng hết cả đó, chẳng buồn bê đi một thứ gì, không chừng mình sẽ mang tiếng là hờn. Chị gái của Tân bảo thế. Ông anh của Tân lựa chiếc tivi. Bà chị chở đi cái tủ lạnh. Còn Tân thì mãi khi sắp lên taxi ra sân bay mới đành miễn cưỡng chọn lấy cái rương kê kê giường mẹ. Xoàng xĩnh, nhưng nó là vật đã từng theo Tân đi trọ học sơ tán suốt mấy năm cấp Ba. Hơn nữa, chẳng công kèn nặng nhọc gì, rương loại nhỏ, nhẹ không.

Tân bảo chị người làm lau sạch bụi bặm rồi tìm cách cạy cái khóa tí xiu đã mất chìa. Nấp rương mở ra, nhẹ hất lên mũi bằng phiếu. Chẳng có gì ngoài thư từ với giấy má, tất cả đã úa vàng. Sổ học bạ, sổ liên lạc, những bằng khen và chứng chỉ học sinh giỏi của anh chị em nhà Tân. Một cuốn an bom nhỏ nhỏ kẹp rời rạc những tấm hình cỡ bằng con tem. Dăm lá thư của anh trai Tân gửi từ Liên Xô, của chị gái Tân từ Đông Đức và của Tân từ Tiệp Khắc. Đáy rương còn một bọc gì đầy nữa nặng nặng, khá dày, có lẽ cũng là một xấp thư, được gói kỹ trong giấy báo. Rồi một cuốn sổ gạo. Một tệp những phiếu vải, phiếu thực phẩm đã cắt gán trụi các ô. “Mẹ nhà mình lảm cái lỗi thời không tả được”, Tân thường nghe bà chị gái than vậy. Bao nhiêu những sự khổ sở một thời, người ta đã loại hết, mẹ mình cứ giữ rịt. Nhìn căn hộ thì thấy thôi, đồ đạc toàn những thứ già ngang một đời người, bài trí cũng đã mấy chục năm rồi không xê xích. Con trai con gái ai nấy nhà lâu biệt thự và đều thiết tha được rước mẹ về ở cùng, nhưng bà cụ cứ dứt khoát là không đi đâu khỏi cái tầng tư khu tập thể. Già cả như thế, lụi cụi một mình, mà nhất định không muốn nghe tới chuyện thuê “ô sin”.

“Nhưng mà sợ nhất vẫn là cái tính mẹ nhà mình lúc nào cũng dăm chiêu ít lời”. Bà chị phàn nàn. “Con cháu khó nghĩ hết sức. Lựa lời hỏi xem có điều gì khiến mẹ không hài lòng thì mẹ lắc đầu rằng không. Mà sự thực là thế. Nhà mình trông lên thì chẳng bằng ai. Trông xuống chẳng ai bằng mình. Anh cậu, rồi cậu, rồi chị, đều thành đạt, dâu rề cũng vậy, và lúa cháu nữa, đều khá, đều ngoan ngoãn, giỏi giang, đều tương lai rất sáng. Thành thử hỏi rằng vì sao mà mẹ nhà mình cứ rầu rầu lặng lặng và cứ thích thui thủi thế, thì chịu thôi, không tài nào ai hiểu nổi. Hay là tính nết mẹ nhà mình đã cố hữu như vậy rồi từ xưa?”.

Chị không nhớ thì tất nhiên là Tân càng không thể nhớ hồi xưa mẹ thế nào, vui nhiều hay buồn nhiều. Nhưng Tân công nhận là trong tuổi già thì mẹ mình đúng là có sự gì không ổn thật. Về sức khỏe của mẹ thì Tân luôn an tâm. Mẹ chưa mất mớ chân chậm, cũng chưa lẫn đâu, đừng lo, chính mẹ vẫn bảo với anh thế mỗi lần anh từ Sài Gòn ra đến vẫn an. Về mặt tình cảm thì phải nói là ông anh bà chị của Tân ở Hà Nội, và cả Tân, dù cách xa trong này, đều thực sự một lòng hiếu thảo. Còn về mặt vật chất, đừng nói bây giờ, ngay từ thời bao cấp, ba anh chị em Tân đều có mức sống cao hơn người ta, cả ba đều dư khả năng lo cho mẹ không phải thiếu thốn một thứ gì. Và càng về sau này lại càng có điều kiện chăm lo cho mẹ đầy đủ hơn. Vậy thì vì sao mẹ không vui cơ chứ. Mà ngại nhất là trông cụ cứ càng năm càng buồn bã hơn. Cũng như ông anh, cũng như bà chị, Tân chịu, không hiểu.

* * *

Tất cả những lá thư gói chung trong tờ báo cũ để dưới đáy rương đều là của mẹ gửi cho em trai của Tân. Trên tất cả các phong bì, tên người nhận đều là Nghĩa, tất cả đều được kiên nhẫn gửi tới một số hiệu hòm thư duy nhất, và tất cả đều là những lá thư do bưu điện huyện Lương Sơn kiên nhẫn gửi trả lại. Tất cả còn để nguyên chưa được bóc ra.

Tân không vội mở xem lá thư đầu tiên. Anh ngồi im ngẫm nghĩ cố hiểu cho ra sự lạ lùng này. Đúng là Tân từng có một cậu em trai, nhưng đã từ lâu lắm rồi. Đến nỗi, có lần làm lý lịch tự khai, Tân đã

quên không ghi Nghĩa vào. Có lẽ cả ông anh bà chị của Tân cũng vậy. Quen nói *ba chị em mình*, dần dần trong tâm thức họ hình bóng người em út cứ lảng lảng phai mờ, rồi tắt hẳn đi lúc nào không hay. Tất nhiên là thoáng hoặc Tân cũng chợt nhớ. Và anh gắng mừng tượng lại gương mặt Nghĩa, mà không được. Chẳng hiểu sao trong thời thơ ấu anh chị em nhà Tân đều có ảnh cả mà lên đến tuổi thanh thiếu thì hầu như không bức nào. Chỉ mỗi Tân còn lưu được một bức chụp vào ngày Tết năm 17 tuổi. Có thể là Nghĩa đến tuổi ấy cũng có gương mặt như vậy. Trong bức ảnh đã úa vàng, Tân đứng một mình bên cây bàng trụi lá trước mặt tiền tiêu tụy của chung cư. Trên thêm vương đầy xác pháo. Tân diện áo bông, cổ quần khăn phủ la, gương mặt sầu tẻ, gương gao đang rứt rứt mỉm cười với ông kính. Nụ cười trong ảnh có thể ví như một cái bọt khí còn sót lại của quãng đời thanh thiếu, từ dưới đáy sâu của thời gian đã quên lãng lạc lõng nổi lên. Bây giờ Tân chẳng thể nhớ được gì về chặng đời trước cái năm 17 tuổi anh lên đường du học ấy.

Có gì trong những năm ấy nhỉ? Chiến tranh, sơ tán, nỗi sợ hãi. Không chỉ là sợ bom đạn, mà còn nỗi khiếp hãi cảnh sống nghèo nàn kham khổ. Sợ với các gia đình khác trong khu tập thể, gia đình Tân thuộc diện khá nhất. Nhưng xét cho cùng thì vẫn là thế cả thôi, mức sống gia đình căn bản trong một đời sống tập thể chung đụng cau có, ảm đạm, sồn nát và buồn ê ẩm, chẳng có gì đáng cho người ta phải nuối tiếc mà nhớ nhung hồi tưởng. Tân chỉ nhớ là hồi đó anh không có nghĩ ngợi nào khác ngoài học và học, học thật giỏi, hạnh kiểm thật đẹp để xong lớp 10 được đi học nước ngoài như anh trai như chị gái.

Sang Tiệp tròn một năm, Tân được thư của mẹ báo tin Nghĩa vào bộ đội. Nhận giấy gọi vào Bách khoa trước giấy gọi nhập ngũ vậy mà Nghĩa nhất định không nghe theo lời bàn của cha mẹ. Cái thằng ấy tính nó như thể từ bé. Tân không nhớ cụ thể chỉ nhớ là từ bé Nghĩa đã sinh nhiều rắc rối cho gia đình. Khác với các anh chị, Nghĩa thường xuyên trái ý cha. Ông rất hiền, rất trầm tính, nên có lúc nào ông bức dọc, ông nổi cáu có thể biết ngay là vì thằng Nghĩa. Như trong lá thư của mẹ gửi Tân, thì việc Nghĩa khẳng khái khước từ giấy gọi đại học đã khiến hai cha con xung khắc đến mãi tận hôm Nghĩa lên đường. Mẹ thì tất nhiên là thương xót hết mực thằng con út không có được đường đời dễ dàng êm thấm như các anh chị của nó. Bà cho Tân số hòm thư của Nghĩa và hồi thúc anh viết ngay gửi sớm để em nó mừng. Bà kể là đã lên thăm Nghĩa ở trại luyện tân binh trên Bãi Nai-Hòa Bình, thấy nó vất vả, gian khổ, thương lắm. Hồi đó, đọc biết thế, nhưng bây giờ mở xem lá thư mẹ viết cho Nghĩa mới thấy thấu cái tình thương xót của mẹ đối với nó.

“Người ta bảo là ở rừng thì dù nhọc mệt thế nào cũng chó có ngủ trưa, vì bị ngã nước đầy con ạ. Hai sức lắm, mà mẹ thì ở xa chẳng lo được cho con... Mẹ lại thường hay nghĩ đến cái tính liêu của con. Con ơi, có báo động dù chưa tiếng tàu bay vẫn phải tặc xé xuống ngay. Tránh voi chẳng xấu mặt nào. Thương mẹ thương cha con phải tự thương xót lấy mình con nhé...” “Chỗ quà này mẹ gói ra hai màu để con phân biệt. Gói bọc giấy xanh là kẹo, bánh, thuốc lá thì con mời anh em bè bạn với cấp chỉ huy. Riêng thuốc lá mẹ mong con hút ít. Nghe nói nơi các con đóng binh người dân tộc nấu rượu sẵn nhiều lắm, mẹ lo. Uống rượu, hút thuốc hỏng đời con ạ. Còn trong gói đỏ là kim chỉ, đá lửa, pịn, cặp ba lá, con phải cất kỹ. Các thức ấy không vật vãnh đâu, ở Hà Nội đã khó kiếm, trong Khu Bốn với bên Lào lại càng quý báu. Nặng thêm một chút nhưng con gắng mang. Phòng khi ốm đau cảm cúm, nhất là chẳng may mà sốt rét thì đem đôi lấy thịt thà rau quả mà bồi dưỡng cho chóng lại. Máy bà trong khoi phố có con đi bộ đội trước con họ bày kinh nghiệm cho mẹ như thế...”

Tân không hiểu gói quà ấy có đến tay Nghĩa không, bởi rõ ràng tất cả những phong thư anh đang thấy đây mẹ anh đều đã gửi lên Lương Sơn khi mà đơn vị của Nghĩa đã rời đi. Tất cả đều bị gửi ngược về hoàn trả, nhưng mẹ vẫn nhẫn nại viết và nhẫn nại gửi cầu may tới cái hòm thư đã hoang phế đó. Mỗi bức đầu mẹ anh viết ngắn như là viết vội để gửi đi gấp. Không viết gì nhiều, những thư ấy chỉ hồi Nghĩa mau biện thư về cho cha mẹ hay số hòm thư mới với lại hiện đang ở đâu, sức khỏe thế nào. Nhưng theo dần năm tháng chiến tranh, thư của mẹ ngày một nhiều trang hơn và ngày một buồn bã hơn. Gửi đi bao nhiêu nhận lại bấy nhiêu, những lá thư của mẹ càng về sau càng như nhật ký, như là để gửi tới chính mình. Chữ mẹ nắn nót, dễ đọc dấu màu mực đã phai, dòng nổi dòng đều đều, miên man che giấu niềm vô vọng. Mẹ kể rằng đêm qua mẹ nhìn thấy Nghĩa nhưng chưa kịp gọi thì đã tỉnh, tỉnh dậy thì đã chẳng còn lại gì, chẳng níu giữ được gì nữa cả, trong phòng tối đen, ngoài trời còi báo động hú vang.

Khác với mẹ, cha chưa bao giờ thấy Nghĩa trong giấc ngủ, nhưng lại hay thoáng thấy con trai út của

mình ngoài phố. Mẹ Tân viết thư. Một lần, buổi tối, cha đưa về nhà một anh bộ đội trạc tuổi Nghĩa mà ông vừa gặp ở ga Hàng Cỏ. Nhìn thấy anh ta giữa đám đông trước cửa ga, đang ngồi trên tàu điện ông vội kêu người lái phanh gấp rồi lật đặt xuống toa, lật đặt chen tới chỗ anh ta, vừa chen vừa hót hải gọi Nghĩa. Ông luôn nhầm như vậy. Nhìn xa thì anh bộ đội nào cũng giống Nghĩa, nhìn gần thì chẳng nét hao hao nào nữa. Lần ấy, mẹ dọn hết phiếu thực phẩm cả tháng soạn bữa cơm thật thơm đãi anh bộ đội. Cha giữ anh ngủ lại, sáng hôm sau tiễn anh ra bến Kim Mã, xếp hàng mua vé cho anh rồi đặt anh lên tận chỗ ngồi trên xe. Anh lính trẻ ấy bị đạn tiện mất một bàn tay và anh bị mù cả hai con mắt. Lại có lần cha thấy Nghĩa ở một bức ảnh in trên báo Quân Đội chụp các chiến sĩ thông tin đang trong phiên trực tổng đài điện thoại, mẹ cũng muốn tin như thế. Nghe nói được ở trong binh chủng thông tin thì dù sao cũng đỡ hơn là ở bộ binh. Nhưng sáng hôm sau ngắm lại tấm hình cha lại lắc đầu bảo rằng không phải. Và rồi cứ buồn thiu đi suốt mấy tháng trời vì điều đó.

Từ ngày Nghĩa lên đường đi Bê, cha mỗi năm mỗi yếu, sức lực lặn lẽ hao mòn. Rồi vốn chỉ là một cái u nhỏ mà phát thành ung độc sưng lớn sau lưng. Bệnh viện thiếu thuốc thiếu giường, mẹ đưa cha về chữa tại gia. Mà với cảnh ngộ đau ốm cơ cực thế thì chẳng cần sơ tán về vùng quê làm gì, đành liều, hai vợ chồng già bên nhau bất chấp máy bay Mỹ. Bom nổ, nhà cửa rung chuyển, vôi trần rụng lả tả. Đường điện thành phố bị phá hỏng liên miên nhiều ngày, ban đêm tối đen, nóng nực, ngột thở. Mẹ thức quạt cho cha. Bị sự đau đớn hành hạ, cha rộc rạc tiêu tụy, thuốc uống vào nôn ra hết. Nhưng đến tuần cuối cùng thì chừng như đỡ đau, gương lên ăn được chút cơm và có thể ngồi dậy. Song suốt mấy ngày liền ông không ngủ. Ông nói muốn được thức trắng cho tới giờ nhắm mắt. Đêm xuống, mẹ pha cho cha một ấm trà rồi đỡ ông ra ngồi ở bên bàn kê cửa sổ. Trong bóng đêm của thành phố chiến tranh, cha chờ đón cái chết theo cái cách như vậy. Cha mất lúc rạng mai. Ông ngả người vào lưng ghế, nhẹ nhàng nắm lấy tay mẹ và thì thầm gọi con, Nghĩa.

Tất cả những điều ấy chưa từng bao giờ mẹ viết trong thư gửi ra nước ngoài cho Tân và anh chị của anh. Sau này cũng không bao giờ kể ra lời. Vậy mà bây giờ nhận lấy chiếc rương này thì câu chuyện dài triền miên đêm này qua đêm khác, năm này qua năm khác mẹ đã kể với người con út, Tân lại phải đón lấy. *“Khô thân các con sinh ra gặp thời loạn lạc...”*, lá thư ấy mẹ viết vào ngày cuối tháng Chạp năm 72. Đất trời bùng cháy, thành phố đổ vỡ, nhưng mẹ không rời Hà Nội. Hơi bom phá toang cửa kính, mẹ vẫn đêm đêm yên lặng ngồi ở chỗ ngày trước cha vẫn thường ngồi, và vẫn như hồi cha còn sống, mẹ pha một ấm trà để lên khay trên bàn giữa hai cái tách hạt mít. *“Đêm qua bom rơi quá gần, thế mà cô bé Loan tàng dưới lại chạy lên đây ngồi cùng với mẹ bên cửa sổ. Loan cùng lớp với con, còn nhớ không, Nghĩa? Loan sắp tốt nghiệp Đại học Quân y và cũng sẽ vào trong ấy. Nó nói vào đây với con. Mẹ nhớ ngày con lên đường, cả con cả Loan đều còn nhỏ dại lắm, vậy mà nay Loan nó đã lớn phổng lên, một chiến sĩ xinh đẹp và can đảm biết nhường nào... Trước kia, đối với mẹ, sinh con trai con gái đều quý. Nhưng bây giờ nhìn cảnh bom đạn mù trời, mẹ nghĩ giá hồi đó con sinh ra được mang phận con gái thì hơn. Thời loạn thân gái cũng chẳng sợ gì, nhưng dù sau nếu phận gái thì chắc không đến nỗi bây giờ con biệt âm vô tín. Mẹ biết chắc con còn sống, nhưng giờ đây con ở phương nào, vậy con? Sao con lại có thể im lặng lâu như thế hử con? Không một bức thư, không một tin tức nhắn nhe nào cho mẹ, sao thế hử con, Nghĩa ơi?”*.

* * *

Nghĩa ơi. Tiếng gọi ấy là lời cuối của lá thư cuối cùng mẹ của Tân viết gửi người con trai út. Không còn lá thư nào viết vào những ngày tháng sau đó nữa. Có lẽ vì sau đó là năm 73, hòa bình. Anh chị em Tân lần lượt đổ đạt trở về.

Có những người con sáng giá như anh chị em Tân, mẹ là một bà mẹ hạnh phúc hơn bao bà mẹ khác. Nào ngờ mẹ không hề biết thế là hạnh phúc. Gương mặt mẹ suốt bao năm trời đến tận khi nhắm mắt xuôi tay luôn lẳng lẳng một vẻ chờ đợi âm thầm, rứt rứt và vô vọng. May thay, cũng giống như những bức thư mãi mãi ở yên dưới đáy rương bên đầu giường mẹ, nỗi đau lòng của mẹ không bao giờ thốt nên lời, người ta không biết tới. Nỗi thương tâm bất động của một người già có cái đáng quý là không làm ại phải dè ý, bởi dè ý tới thì không khỏi đau thắt trong lòng và không sao mà có thể bình tâm để yên ổn sống một cách dễ chịu cho nổi.

Tòa dinh thự

Vì là chuyện thật cả nên đây không phải tôi viết truyện ngắn, và “Tòa dinh thự”, đặt tên như vậy nhưng là tôi kể về dương Nguyễn chồng của dì út tôi, mà dương tôi thì cố nhiên là chẳng tư dinh với biệt thự gì. Quê dương tôi Cà Mau, ông sống trong đó, biên biệt xa tấp, một căn nhà lá giữa miệt vườn, và ông chỉ có một thân một mình. Dì tôi mất lâu rồi.

Dì tôi thực tên là Diễm và dĩ nhiên dì người Bắc nói giọng Bắc, mà không biết rằng hồi nào, chắc là từ khi dì có dương, ở nhà mọi người chuyên qua kêu dì út, theo thứ bậc anh chị em. Dì dương tôi thành hôn năm 61, tôi nhớ như thế và cả còn nhớ là lễ cưới làm ở nhà Trăm Hoa độc Bà Triệu. Nhưng nhớ là nhớ vậy thôi. Người dì, và nói chung cái thuở xa vời trước chiến tranh ấy đã rất mờ trong ký ức tôi.

Tuổi trẻ của dì tôi chỉ để lại mấy bức ảnh trong cuốn an bom gia đình. Dì tôi áo dài, vành nón nghiêng nghiêng, một cô gái Hà Thành là lượt, điều điều, dạo xe đạp trên khúc đường vắng bên Bờ Hồ. Và dì tôi ngày tốt nghiệp lần trong đám đông bạn học đứng dàn hàng chụp ảnh trước cổng trường Y. Ảnh cưới của dì thì chỉ còn duy nhất một bức. Cô dâu bận áo cánh, tóc tết đuôi sam, bông bó lay-on, mồm mỉm cười bên lén. Chú rể áo đại cán, hàm đại úy, vóc dáng cứng cỏi, gầy và cao, tóc húi thật ngắn thật gọn, quân dung tươi tỉnh nhưng mà nghiêm trang, không cười. Dì dương tôi song song bên nhau trước tấm phông có dán hình những bông hoa và những ngôi sao cùng câu khẩu hiệu của hôn lễ thời đó: Vui duyên mới không quên... Một bức ảnh cưới giản đơn, lành hiền, hơi tức cười, mà không hiểu sao, có lẽ do bụi thời gian, cứ khi nhìn thấy lại thấy se lòng.

Hồi đó, sau ngày cưới, dì tôi vẫn sống với ông bà ngoại tôi ở Hàng Khay, dương vẫn đơn vị đóng tận chân Ba Vì. Mãi dì mới xin ngược được biên chế lên Sơn Tây lại vừa khi dương phải chuyển binh vào Khu Bốn. Là mẹ kẻ thế chứ tôi thì chẳng biết chẳng nhớ. Lúc bấy còn nhỏ không mấy để tâm họ hàng, với lại mỗi nhà mỗi phố ít gặp được dì dương. Nhất là dương. Chỉ những dịp cúng tất niên hay giỗ chạp, toàn gia họp mặt mới thấy có dương, mà cũng lần có lần không.

Bây giờ nhắc lại chuyện xưa, mẹ tôi và các cậu các bác đều những điều tốt đẹp nhất kể về dương Nguyễn. Thế nhưng, bằng vào những gì bản thân biết về dương, tôi đồ rằng hồi đó giữa ông với gia đình bên vợ tình cảm chắc chẳng phải là mật thiết lắm lắm. Rất quý hóa rất nề vì, song hẳn là mọi người cũng ngại ngại dương, không chừng cả sờ sờ nữa, tôi nghĩ thế. Bởi vì cho đến trước khi có dương về làm rể, gia đình họ mạc bên mẹ tôi dì tôi không ai nhà binh, tất thấy đều thâm căn cố hữu dân trí thức, thành phần và lập trường tiểu tư sản. Dương Nguyễn trái lại. Luôn luôn ông tề chỉnh quân phục, bốn sao một vạch ve áo, và mỗi bước đi là lộp cộp giày đinh. Cương nghị, ít nói, mà đã nói thì từng lời một đều làm rần thêm lên về cương nghị tính lập trường.

Lần chót tôi gặp dương ở Hà Nội là vào dịp liên hoan mừng anh Vệ con trai bác cả được sang Liên Xô. Hồi bấy giờ xuất ngoại du học vừa là vinh dự lớn lao vừa sự may mắn cực kỳ. Cả nhà sướng vui họp mặt tiễn anh. Dương Nguyễn trên đường công tác cũng tranh thủ ghé qua. Nhưng, hôm đó, đã xong xuôi mấy lời chúc mừng, ông dương tôi trái với lệ thường ít nói lại đã tiếp tục nói nữa và dường như là ông đi lạc đề. Tự dưng ông chuyên qua chuyện thời cuộc. Giữa cuộc vui như vậy mà ông đưa ra tin dữ, dầu là dự báo nhưng đây quả quyết, rằng sắp tới đây Đế quốc Mỹ sẽ tổng lực đổ quân vào nước mình, chiến tranh ác liệt qui mô lớn sẽ bùng nổ trên toàn khắp hai miền đất nước. Ông lại còn nói thế này, Tổ Quốc lâm nguy mà bản thân vẫn ở tuyến sau tự thấy hồ thẹn vô cùng. Rõ là ông chẳng khéo gì cả. Đành rằng đi Liên Xô học cũng là đi chiến đấu vệ quốc, nhưng ông phát biểu vậy thì toàn gia, nhất là anh Vệ tôi và bác cả tôi vẫn tránh sao khỏi méch lòng.

Bữa đó dương Nguyễn chỉ chung vui được một lát. Tạm biệt, bắt tay suốt lượt người lớn, trước khi trở ra chiếc xe quân sự đang đợi dưới đường, dương có lời chào chung tất cả cánh trẻ trong họ tộc: “Hẹn gặp mây cháu trên tuyến đầu chống Mỹ!”. Nghe sững cả người.

Dương Nguyễn đi, xa biệt từ đây. Năm đấy những người được chọn đi Bê vẫn đang ra đi trong bí mật. Khác với khi dì út tôi đi, càng khác với lượt tôi đi. Dì tôi lên đường năm 68, theo ngạch dân

chính. Em tôi, thằng Thới Bình mới sáu tuổi đầu, dì để nó lại cậy nhờ ông bà ngoại. Từ biệt gia đình, dì khóc, và không nói là ra đi theo tiếng gọi non sông mà bảo là vào Nam với chồng. Dì đi rồi, hai năm sau tới tôi. Ban đầu là tân binh một đơn vị đi Bê ngắn lẽ ra tới vào Đường 9, nhưng tới Cự Nẫm lại được điều sang đoàn khác, vượt Trường Sơn đi Bê dài, vào miền Đông. Dường như là ông trời đã có ý sắp đặt một sự kỳ ngộ.

Bữa đó đang xó rừng hậu cứ nằm bẹp chịu trận một cơn sốt, tôi được tiểu đoàn trưởng Bân đội mưa rẽ vào thăm tận vũng. “Cậu là cháu ông Tư Minh mà sao không báo cáo hả!”, chưa gì, anh nạt luôn. Tôi dớ ra. Trung đoàn trưởng Tư Minh dù chưa thấy mặt nhưng lính nào mà chẳng biết danh, song thằng tôi cháu chắt gì ông? Mà anh Bân thì vội. Anh cúi tôi một cái bịch bọc lá chuối. “Thư bên trong! Thủ trưởng gửi, cậu viết trả lời rồi chuyển tới, mai kia lên E bộ họp tới trao tận tay ông ấy cho!”, anh nói có vậy, rồi đi. Trong bịch, kèm lạng thuốc lào là một tờ giấy sớ tay gấp tư. “Dượng Ba đây, chào mừng cháu...”. Lũ khỉ sốt rét nên một lúc tôi mới hiểu dượng Ba đây tức là dượng Nguyễn đây, bởi tên của dượng theo cách Nam Bộ là Ba Nguyễn, và cán bộ trung cao cấp khi vào Bê dùng bí danh, Ba Nguyễn thành Tư Minh. Có nghĩa rằng, thằng mình đây là cháu yêu ông trung đoàn trưởng!

Lá thư cực ngắn. Dòng đầu, dượng chào mừng tôi đã có mặt trên tuyến đầu chống Mỹ. Tiếp theo, ông chúc tôi nỗ lực phấn đấu, noi gương đồng chí đồng đội chiến đấu kiên cường dũng cảm xứng đáng với truyền thống của trung đoàn. Rồi ông chào quyết thắng, không hề một chữ hứa hẹn sự dượng cháu gặp gỡ. Nhưng dù gì thì tôi vẫn rất mừng. Lập tức viết trả lời. Văn tắt hỏi thăm sức khỏe dượng và kể sơ tin tức gia đình, rồi, như thế đôi dòng tái bút, tôi rón rén kêu khổ với dượng. Đại khái tôi than rằng bị đập thương, tai với mũi cứ máu chảy rì rì, và sốt cách nhật mãi chẳng dứt, chóng mặt mắt mờ, vân vân này nọ. Viết xong, dán kín, tôi nhờ liên lạc chuyển gấp lên anh Bân lá thư ấy. Và lẳng lẳng tôi chờ. Nhưng, mùa mưa qua đi, mùa khô tới, rồi lại đằng đằng mùa mưa. Ấy là thời sau Mậu Thân. Trung đoàn phải tản thừa ra từng phân đội nhỏ chiến đấu trên địa bàn trải rộng, giãn cách giữa các đơn vị rất xa. Anh Bân thì sau lần đó gặp ở hậu cứ không bao giờ tôi còn gặp lại, anh hy sinh đầu mùa khô năm 71. Lá thư tôi nhờ liên lạc chuyển lên anh liệu anh đã kịp trao cho dượng Nguyễn chưa, tôi không biết. Mà tôi cũng đã dứt điểm quên đi lá thư ấy.

Mãi cận ngày mở màn chiến dịch 72 tôi mới lại được thư của dượng. Không phải thư tay mà thư theo đường quân bưu gửi tới hòm thư đại đội. Bảy giờ đồng chí Tư Minh đã là Sư đoàn phó. Thư của ông vẫn vậy, kiệm chữ tới đa, kín bùng tình riêng. Cũng một mảnh giấy gấp tư kèm trong gói bưu kiện. Trọng đó ngoài lạng thuốc lào còn có hai cuốn sách: Sông Như Anh và Đất Rừng Phương Nam. Tôi viết trả lời. Vì thư dượng khô khan, như trên huấn thị lính, nên thư tôi cũng thế, như lính báo cáo trên, song thực tình là tôi hồ hởi phấn khởi. Vì rằng dượng còn nhớ đến tôi, chí ít vẫn biết tôi đang là lính ở đại đội nào trong Sư đoàn.

Kết thúc chiến dịch, tôi lại nhận tiếp được bức thư nữa từ Sư bộ. Không hẳn là thư, chỉ là một lời dặn ghi trên vỏ cây thuốc lá Quận tiếp vụ: cháu xẻ đều chia anh em cùng hút mừng thắng lợi. Kể như là từ đó giữa tôi và dượng Nguyễn đã thực sự có mối liên hệ. Nhưng chỉ thế thôi, những bức thư ngắn ngủi đôi dòng. Trọng suốt chừng bảy năm trời lửa đạn sống nay chết mai, cùng một Sư đoàn, mà hai dượng cháu chỉ thế.

Là tư lệnh phó, rồi sau nữa là tư lệnh, không một đơn vị nào trong Sư mà dượng tôi chưa trực tiếp xuống, kiểm tra đôn đốc và thăm hỏi lính tráng. Ngoại trừ đại đội tôi. Hoặc nói cho đúng thì cũng đã vài lần ông xuống thăm chúng tôi nhưng mà lần nào cũng nhằm khi thằng cháu ông đang nhiệm vụ đột xuất không có mặt ở đơn vị. Buồn, song tôi không oán. Tôi nhất trí với thái độ xa cách ấy của dượng. Là chỉ huy Sư đoàn mà dượng lại tình riêng đề lộ ra, thiên vị, nâng đỡ, bao bọc tôi, đứa cháu của ông, thì ông còn chỉ huy ai, và hơn nữa, còn là người cán bộ cách mạng, còn là người cộng sản cái nòi gì? Thời nay ngẫm lại tự thấy kỳ khôi, nhưng thời đó, ấy là đạo lý chiến trường đương nhiên trong nhận thức của mọi người, đâu riêng gì tôi.

* * *

Phải tới khi thái bình đã được hơn ba tháng, dượng Nguyễn mới để tôi được gặp. Thời gian đó tôi đang ở trại an dưỡng của Quân đoàn đợi ngày xuất ngũ ra Bắc.

Dượng cho xe đến rước. Một chiếc Zeep với tài xế là hẳn một ông thiếu úy. Tôi xin phép bác sĩ rồi

rủ Tân và Nghị hai tay cùng buông lên xe đi thăm thủ trưởng Tư Minh, dựng tao. Dựng tôi khi đây đương chức Tư lệnh Ủy ban Quân quản một thành phố lớn, cách trại an dưỡng chừng ba chục cây số.

Gió lồng, nắng vàng, trời trong, quốc lộ rộng thênh. Tay thiếu úy cầm lái rất cẩn thận và nói năng rất lễ độ, hết lời ca ngợi ông dựng của tôi. Trong trận mạc thao lược thế nào thì thủ trưởng thế nấy đảm lược trong sự an dân. Dưới sự chỉ đạo sáng suốt nghiêm minh, quân lệnh như sơn của thủ trưởng, thành phố mới qua một quý đã mọi mặt khuôn phép. Nhưng quyền uy lớn mà chí công vô tư, thủ trưởng mãi mới chịu đề cấp dưới bộ trí chỗ ở thích hợp với chức vụ và thuận lợi cho hợp lý hóa gia đình. Vợ thủ trưởng bao năm gian khổ rừng sâu hậu cứ mà tận hôm qua thủ trưởng mới cho xe đón về. Hôm nay vợ thủ trưởng làm cơm mừng đoàn tụ, anh ta bảo vậy. “Và mừng nhà mới”, anh ta nói thêm.

Xe qua cầu, vào thành phố, nhưng lướt khỏi vùng trung tâm đông đúc, chạy xa ra mạn ngoài tới một ngã đường râm mát, êm ru, vắng lặng. Dọc hai bên phố đều đều những ngôi nhà không lớn nhưng rất đẹp, cách quãng nhau qua những khu vườn rộng và rợp bóng cây. Xe dừng lại trước cổng của một trong những ngôi nhà ấy. Một tòa biệt thự đặc sệt kiểu dáng thời Tây thuộc. “Ài chà!” - Nghị, ngôi ghé sau nhón môi huýt gió. “Cứ y như là đường Hoàng Diệu!”.

Lính gác đẩy rộng cánh cổng sắt. Chiếc xe lăn bánh rào rào qua một mặt sân rộng trải dày lớp sỏi màu trắng ngà, vòng qua bồn hoa, đỗ lại trước những bậc tam cấp đá hoa cương dẫn lên thêm cao của tiền sảnh tòa nhà. Ba thằng tôi ra khỏi xe, dì tôi từ thêm cao bước xuống. Biết là dì mà tôi vẫn sững đi một thoáng. Dì tôi chưa già, thế nhưng đã là người già rồi, một bà má chiến khu, gầy tong teo, xanh mét, tóc hoa râm thưa rụng, khăn rằn, bộ đồ bà ba, dép lốp. Bàn tay dì khô khốc, sần chai. Dì nắm tay tôi, đưa tôi và các bạn tôi lên nhà. Bàn trà ở ngoài hiên, dưới dàn ti gôn, trông ra xa xa qua vạt rừng dừa thấy mặt sông lấp lánh nắng.

Từ dạo đó Mậu Thân dì đi Bê, tới 75 này, đã tám năm rồi nhì, hay là đã hai chục năm, ba chục năm, cả đời người? Dì cháu rung rung hàn huyền. Tôi thương dì tôi quá đi. Dì tôi tình nguyện vào Nam với chồng, song chiến trường muôn ngả đâu có chiều ai tình riêng. Dựng tôi Mặt trận B2 mà dì tôi dọc Trường Sơn lại phải rẽ ngang vào Bình Thuận. Trời ơi, núi rừng Khu Sáu! Nông nổi thế nào mà dì nôm ồm thế già thế, tôi lại còn phải ngạc nhiên tự hỏi nữa ư? Nếu có đáng ngạc nhiên thì chỉ cái sự rằng tây Bình Thuận với Đông Nam bộ xa xôi mấy nổi tại sao dựng Nguyễn bình quyền như thế lại không kéo được vợ về công tác ở gần mình?

Bởi vì rằng ông dựng của tôi cả trong thư từ gửi vợ cũng nhất mực kiên định đặt tổ ấm gia đình và hạnh phúc riêng tư vào trong miền tương lai, bao giờ kháng chiến thành công, bao giờ hòa bình thống nhất. Mà với dì Ut tôi, một cán bộ dân y quanh năm suốt tháng chìm sâu tút hút trong gian lao cơ cực không lời tả xiết của vùng hậu cứ Khu 6 thì cái bao giờ dựng Nguyễn hẹn ước ấy nó mờ mịt mùt mùa chẳng biết đến bao giờ.

“Thì chính là bây giờ đây a”, Nghị xen ngang vào dòng tâm tình của dì cháu tôi, “Hôm qua góc rừng khe suối phát rầy đi gửi, hôm nay đình huỳnh đình thự địa ốc thế này, thật bồ!”, hân nói và cười. “Vậy nên mới có câu rằng khổ tận cam lai”.

Đến bây giờ lâu quá rồi không còn nhớ rõ ràng chi tiết nhưng đại khái tòa dinh thự đó của dì dựng tôi ngày ấy nó thế nào tôi vẫn hình dung được. Sang trọng, tất nhiên, khỏi bàn, thế nhưng thật ra, so với nơi ăn chôn ở của các đại gia thời nay thì, nói theo ngôn từ hiện đại, nó chưa là cái đình gì. Ngay quan chức hạng xoàng xoàng như ông bạn Nghị cùng trại an dưỡng với tôi ngày đấy mà bây giờ cơ ngơi cũng bằng mây. Lây Nghị ra so là vì vừa mới bữa trước đi dự tiệc tân gia ngôi nhà của hân bên hồ Trúc Bạch tôi đã được hai vợ chồng mời dạo thăm chiêm ngưỡng suốt lượt các tầng lầu. Khi đấy, nghe vợ Nghị kỹ lưỡng giới thiệu từng căn phòng một, tôi, và hân là cả Nghị nữa, không khỏi nhớ tới cái buổi trưa đó hồi xưa năm nào năm nao ở nhà dì Ut. Trưa đó dì cũng đã đưa chúng tôi dạo thăm ngôi nhà, và cũng như thế, dì lần lượt mở từng cánh cửa để ba ông bộ đội mới ở rừng ra ngắm nghía nội thất. Nhớ tới, ngẫm lại hôm ấy mà thấy thương dì, thấy ngậm ngùi, thấy đắng, thấy chát...

Hôm ấy, quá ngo, đã đói mềm, mới nghe điện thoại reo. Tay cần vụ lên báo cáo là thủ trưởng sắp về tới. Ba đưa tôi theo dì đi vội ra đón. Đoàn xe của dựng đang chậm chậm chạy đến trước cổng. Hai zeep lùn gần đại liên hộ tống đằng trước đằng sau một chiếc u - oát. Vượt lên trước mọi người, tôi bước nhanh tới, hồi hộp xúc động. Dựng Nguyễn chắc cũng đã thấy tôi. Chiếc u-oát dừng bánh và

cửa sau mở ra.

Đúng lúc ấy thì xảy sự.

Từ một chiếc xích lô đang đậu nép nơi lề đường xế trước cổng biệt thự đột ngột một người nào đó bước lao ra, đi nhào tới, thẳng xấn đến chỗ chiếc xe của dưỡng Nguyễn. Hết hồn. Nhưng, tôi định thần ngay. Đây chỉ là một bà, bà già, áo dài thâm, nón Huế, và không hề hung khí gì trên tay mà chỉ là mỗi một bên tay bà dắt lôi theo một đứa bé. Chẳng có gì đáng sợ, thể nhưng khác tôi, cánh vệ binh trên hai chiếc zeep với anh lính gác cổng và ông cán vụ vẫn đã phản ứng rất mau lẹ, hành động rất mạnh mẽ, chặn đứng ba bà cháu kia lại, bảo vệ thủ trưởng. Chỉ không giương súng lên thôi còn thì họ làm như thể đang xung trận. Hai đứa bé khóc văng. Một đứa ngã bệt xuống. Bà già la lên kêu trời.

Dưỡng Nguyễn xô mạnh cửa xe, bước xuống. Vẻ mặt giận dữ biến sắc, nhìn chằm vào tôi mà không thấy tôi, ánh mắt như nẩy lửa của ông đẩy tôi lùi ra. Bước tới một bước, ông lên tiếng, chỉ như là hỏi thôi chứ không nạt, nhưng mà tốt cùng thịnh nộ: “Mấy đồng chí! Làm cái chuyện gì vậy?”. Đám cận vệ của ông vội vội nem nép tan dạt ra.

Dưỡng Nguyễn đi đến đỡ đứa bé ngã ngồi dưới đất lên. Ông chào bà già, ông nói lời tạ lỗi thay cho đám thuộc cấp và ông hỏi han sự tình. Bà già nói giọng Quảng, lại nói rất nhanh, chao chát, nên không ai hiểu. Dưỡng Nguyễn phải an ủi trấn tĩnh một hồi bà mới kể lẽ được ngọn ngành hơn. Bà nói con trai bà tả hữu cho ông Thiệu nên phải theo ông Thiệu bỏ của nả mà chạy, nhưng ngôi nhà đây “của cả tui chớ phải đâu của riêng hần mà mấy ông đoạt”, bà nói. Loạn lạc cấp kỳ, phải tấp về Sài Gòn di tản chiến thuật, ba tháng yên yên rồi thì về lại nhà, nào dè nhà mình mà lính lệ ngáng cửa biểu đây nhà quan. (Lính lệ, tôi nhớ đích xác như thế, bà già đó gọi đám thuộc cấp của dưỡng tôi như vậy). Bà nói cả tuần bữa mô cũng chực cửa xin gặp ngài đăng tầu trình sự thể, ngặt mấy thầy quyền (bà trở đám lính) nhát nhát rằng ngài mắc công chuyện không có trong dinh, rồi xua, rồi lại còn nói đi tìm thằng Mỹ thằng Thiệu mà đòi. Đắt đai diên thổ thừa kế từ đời ông đời cha công với bao nhiêu mồ hôi nước mắt đời mình, bà nói, nên tui cháy gan đứt ruột. Bữa nay dắt hai đứa cháu tới đây quyết lòng rình phục đợi ngài riết cùng, đăng hỏi cho được một lời rằng: nước đâu đã mất mà sao nhà tui tan?

Bà già gan thấu trời và lý sự mới liệu mạng làm sao, người ta có thể nghĩ vậy, song không phải vậy. Bởi dứt câu chát vắn đó, bà òa khóc. Và, thật là không thể nào tin nổi vào mắt mình, tôi thấy bà chấp tay lay. Ai nầy sững sờ, dưỡng Nguyễn chắc cũng thế, song ông vẫn kịp đỡ lấy bà già vừa trước lúc bà sụp hần xuống quì. Lại phải một hồi dưỡng Nguyễn dân vận, bà già mới hồi tâm. Bà chậm chậm theo dưỡng đi qua công, qua sân, vào nhà. Di Ut dắt hai đứa bé vào theo. Tôi chẳng thấy đối nữa, Tân và Nghị cũng vậy. Ba đứa lại ngồi trà lá ngoài hiên dưới dàn ti gôn, chờ đợi.

Chừng nửa giờ sau, dưỡng tôi dì tôi từ trong nhà ra, công theo quân tư trang. Dưỡng tôi ba lô cóc, dì tôi bông vải dù. Lặng lặng, chúng tôi đi theo hai người xuống sân, vào chiếc u-oát đang đợi dưới thềm. Tay thiếu úy kính cẩn mở cửa xe rước chúng tôi lên.

“Tôi nhắc lại, nội hôm nay, ngày mai là cùng, các đồng chí phải bàn giao lại nhà cho gia chủ, - dưỡng Nguyễn bảo - phải bảo đảm đầy đủ, nguyên vẹn, tuyệt đối nghiêm túc, không có được sơ xuất gì thêm nữa để làm ảnh hưởng thêm nữa tới uy tín của chính quyền, rõ chưa”.

Ra lệnh, nhưng mà ông không dần giọng, chỉ là một giọng nói không vui, một giọng buồn bực. Ngài cán vụ của ông lập tức ưỡn ngực, dập gót, đồng dặc: “Báo cáo, rõ!”.

Chiếc u-oát chạy dọc qua thành phố, đưa chúng tôi tới cư xá sĩ quan nằm bên trong tiểu khu quân sự cũ của tỉnh. Dưỡng Nguyễn khi về nhậm chức Quân quản đã ở trong cư xá đó. Ông vừa chuyển sang tiêu chuẩn biệt thự được có một tuần. Dì tôi thì chỉ mới hôm trước hôm sau. Bây giờ dưỡng lại đưa đi trở về chỗ ở ban đầu của ông. Một khoang ba phòng, thông nhau (thời nay gọi là căn hộ khép kín). “Tươi ra phết!”, Tân bình luận. “Ăn hết nhiều ở hết mây”.

Mặc dù đã dự tính sẽ ở lại qua đêm dạo chơi phố xá mà rồi sau bữa cơm chiều do dì dưỡng chiêu đãi ở nhà ăn tập thể của cơ quan quân quản, ba thằng chúng tôi xin phép trở về trại. Tôi hứa là sẽ còn đến thăm dì dưỡng ít nhất một lần nữa trước khi ra Bắc.

Không như lúc đi, lúc về tôi chẳng buồn nhìn cảnh vật bên đường, chẳng thiết trò chuyện. Tân và Nghị thì cả hai thằng suốt dọc đường ngủ gật trên xe. Nhưng đến khuya, đã lên giường, tự dưng Nghị

khởi chuyện khiến ba thằng thiếu chút nữa thì to tiếng. “Này, theo hai thằng chúng mày thì bà già ấy liệu có nhận lại được ngôi nhà không?”, hăn hỏi thế.

“Nếu đúng là của bà ấy”.

“Tất nhiên là của bà ấy, điên hay sao mà nhận xằng với cách mạng, nhưng dù gì thì con bà ấy cũng đồng đảng cỡ bự của Thiệu Kỳ, cho nên tao chẳng tin là người ta sẽ trả nhà cho bà ấy”.

Tôi ngồi nhòm dậy nói quát sang giường Nghị: “Mày nói vậy là ý gì, mày không rõ ràng tận mắt thấy dựng tao đi tao đã trả lại ngôi nhà đó rồi à?” “Nghị nó có bảo thủ trưởng Minh không trả đâu mà mày câu,- Tân lên tiếng - nó chỉ cho rằng tuy ông ấy từ chối tiêu chuẩn, nhưng nhà đã bị tịch thu sung công rồi, khó lòng bà già ấy được nhận lại, mà phần chắc là sẽ một vị nào đó nhà ta thừa cơ chớp lấy... mà cả tao cũng nghĩ vậy đấy”.

“Chúng mày chỉ nghĩ bố lão! - Tôi nổi xung - Không nghe dựng tao ra lệnh à, bàn giao nhà cho bà cụ, quân lệnh như sơn, đứa nào dám nhy nhơ” “Hòa bình rồi, chuyện thời rồi, như sơn cái gì nữa, thuộc hạ nó dạ vâng trước mặt ông ấy thế thôi, anh ngó ọ! Theo tao thì dựng mày cứng cỏi như vậy chỉ khô đi mày và không khéo mà mang tiếng hữu khuynh, chứ dân tình chả chắc được nhờ - Nghị bảo - Mà thôi, nói nữa thì mày lại câu.

Tốt nhất hôm nào trở lại đó, mày ghé qua cái biệt thự ấy tự mình mục sở thị xem mệnh lệnh của dựng mày được chấp hành kiểu gì. Tao cược một ăn mười là tao đoán đúng, mày dám cược không?” “Cược gì!”, tôi hét. Nghị không đáp, chỉ cười.

* * *

Nhưng tôi đã lên đường ra Bắc mà không trở lại thăm di dựng. Cư xử như thế thật chẳng ra sao, không khác nào là tôi giận dỗi trách móc gì đó di dựng. Mà tôi cũng tự lấy làm lạ. Đánh răng nóng lòng xuất ngũ hồi hương, nhưng sao phải vội vội như là đánh bài chuồn thế nhỉ? Hay là đúng vậy, mình đã lảng lạng né ra khỏi lời cá cược với thằng Tân thằng Nghị?

Song cũng chỉ là lẩn tẩn một chút thế thôi, bởi còn đâu thì giờ với tâm trạng nữa mà nghĩ ngợi. Tàu ra tới Hà Nội, chưa kịp bước xuống sân ga là tôi, cũng như tất tạt mọi người, đã ngay lập tức chìm lút đời mình vào trong thời hậu chiến bao cấp. Và rồi triền miên từ đó, trầy trật vất vả trong cuộc sinh nhai thân ại nầy lo tình cảm xê xó của suốt cái thời buổi khôn khó ấy, tôi hầu như chẳng thư từ với di dựng. Đật nước thông nhất nhưng bị miếng cơm manh áo ghì níu nên cả mười mấy năm trời đã chẳng thể làm nổi lấy một chuyến Nam tiến vào thăm trong đó. Gia đình di dựng thế nào tôi chỉ biết sơ qua lảng máng gọi là...

Dựng Nguyễn tôi sau thời Quân quản lại trở về với trận mạc. Dự hết chiến dịch này tới chiến dịch khác của cuộc binh đao kéo dài hơn một thập kỷ ở miền Tây Nam, dựng chỉ năm chừng mười họa mới một dịp về qua tổ ấm gia đình. Vẫn là cái căn hộ khép kín hồi nào ấy trong cư xá sĩ quan. Thới Bình, đứa con trai di dựng gửi lại Hà Nội hồi đi Bê, sau giải phóng vào ở với mẹ. Nhưng chỉ được vài năm. Học xong phổ thông, Bình thi vào trường sĩ quan. Vậy là di tôi lại quanh năm suốt tháng vô võ đơi chồng ngóng con. Sức khỏe thì ngày một xuống. Là bác sĩ, công tác ở bệnh viện tỉnh, nhưng di tôi đau yếu từng ngày.

Việc thằng Bình đi học trường sĩ quan, họ hàng nhà tôi ại nầy đều hoan nghênh. Con theo nghiệp bố, mà ông bố thì làm lớn, được sự che chở và nâng đỡ của bố, ông con tất nhiên là sẽ tương lai rộng mở, sẽ tiên bộ vùn vụt. Nhưng mà tôi, nghiệm từ bản thân mình, tôi biết thừa là sẽ chẳng có chuyện đó đâu. Và thực tình tôi không hiểu nổi tại sao di tôi không cố mà can chí thằng Bình. Di có mỗi một mình nó thội mà, và chắc chắn là di cũng như tôi, không hão huyền hy vọng gì cái chuyện dựng Nguyễn sẽ điều động con trai về trực tiếp dưới quyền. Tôi thấy thương và lo cho di, tôi thấy sợ.

Quả nhiên. Dựng Nguyễn tôi, đại tá, cầm quân tiểu trừ bọn Khơ me Đỏ ở tận đầu đầu típ tấp đất trời phía Tây, còn Thới Bình em tôi, tốt nghiệp trường sĩ quan, quân hàm chuẩn úy, về thăm mẹ, ở được với mẹ một tuần, rồi xuống tàu ra chốt ngoài Biên Đông.

Năm 88, Bình hy sinh ở Gạc Ma. Di tôi mất cùng trong năm ấy.

Hình như hồi đấy do bận một cái chuyện gì đó rất thiết thân cấp bách nên tôi đã không vào đưa tang

dì. Giỗ đầu cũng không vào. Phải khá lâu sau ngày đoạn tang dì, tôi mới có dịp cất công vượt đường xa vào Nam viếng mộ. Nhưng chuyến đi không dẫn tôi trở lại cái thành phố tỉnh lỵ năm xưa tôi đã cùng Tân và Nghị tới thăm dì dưỡng, mà đưa tôi về xa tắp dưới Cà Mau. Từ thị xã, xuống mấy chõ tôi qua bao nhiêu là kênh rạch nhằng nhịt, nửa ngày mới áp được tới bên hông nhà dưỡng Nguyễn.

Phần mộ dì tôi sau cải táng được đưa về quê chồng. Dì yên nghỉ trong khu vườn sau nhà, nơi chôn nhau cắt rốn của dưỡng. Dưỡng tôi thì đã rời quân ngũ. Đưa vợ về quê rồi ông cũng về vườn luôn, ẩn dật tại quê nhà, một mình ngôi nhà nhỏ cất bên bờ rạch. Sau nhà một lối đi rải xỉ ngang qua vườn cây ăn trái dẫn tới mộ dì tôi.

Ông đại tá về hưu sống cuộc đời cực độ đơn sơ của một người lính già. Cửa nhà trống trải, hầu như không đồ đạc gì. Đồ điện chỉ cái quạt trần và mấy cái bóng đèn. Không tủ lạnh, không ti vi. Thời nay mà ông vẫn nghe tin bằng chiếc National bán dần chạy pin trung của thuở ngày xưa ngày xưa chiến trường. Giường có đó, nhưng ông mắc võng ngủ, và dùng bọc võng ngăn muỗi mòng chứ không nằm mừng. Ngủ giường ông đau lưng không chợp mắt được. Chăn đệm màn gối khiến ông mất ngủ. Bàn thờ ở gian giữa cũng rất đơn sơ, bằng tre. Trên bàn thờ có hình vẽ truyền thần thân phụ thân mẫu và người anh trai, người chị gái của ông hy sinh trong kháng Pháp kháng Mỹ. Chân dung của Thới Bình thì ảnh màu, quân phục sĩ quan hải quân. Và một bức hình đen trắng của dì út tôi. Tuy nhiên, ảnh để bàn thờ mà lại không phải ảnh chân dung chụp riêng dì. Trong tấm hình ấy dì tôi cùng dưỡng tôi sóng đôi đứng chụp ảnh phía trước một ngôi nhà ba tầng. Và, tôi nhận ra ngay nó, cái tòa biệt thự ấy...

Chắc hẳn, ngày đó, khi dì vừa từ hậu cứ Bình Thuận ra thành phố gặp dưỡng, một bức ảnh đã được chụp để kỷ niệm phút giây vợ chồng đoàn tụ. Rồi thì kể từ đó dì tôi không có thêm một dịp nào vui nữa để mà chụp ảnh. Rốt cuộc, đây là bức hình duy nhất của dì mà dưỡng Nguyễn có, để đưa lên bàn thờ.

Hai ngày dưỡng cháu bên nhau, phần nhiều là tôi nói, tôi kể. Dưỡng Nguyễn bình thản, lặng lẽ. Có nhiên giờ đây dưỡng là một ông già, đã rất già, nhưng tôi thấy ông chẳng mấy khác so với viên đại úy bộ đội miền Nam tập kết hồi nào, càng không khác ông tư lệnh Quân quản ngày đầu giải phóng. Thành ra chuyện trò thật khó, tôi phải rất gắng tìm ý tìm lời để nói, đề bầu không khí hai ngày dưỡng cháu bên nhau không bị hoàn toàn lặng như tờ. Quá khứ chiến trường thì đã lùi quá xa, và lại moi ra nhắc hoài rồi cũng cạn. Chuyện thời nay thì dưỡng cháu lạc xa hẳn nhau, mỗi người mỗi cách...

Hôm rồi tôi tới dự tân gia nhà Nghị, sau tiệc, Nghị giữ tôi lại, hai thằng nhâm nhi với nhau thêm châu nữa. Bàn rượu kê ngoài ban công tầng ba, trông xuống hồ Trúc Bạch. Chuyện này chuyện kia một hồi, rồi Nghị chuyển qua hỏi thăm về dì tôi và dưỡng tôi, thủ trưởng Tư Minh. Tôi kể. Sơ qua thôi. Em họ tôi hy sinh ngoài Trường Sa, dì tôi qua đời, dưỡng tôi về hưu sống một mình ở Cà Mau v.v...

Nghị bảo: “Ông không trở lại đây, nhưng tôi thì đã nhiều lần trở lại, do công việc thôi chứ không phải vì nhớ vụ cá cược muôn thắng thua với ông đâu nhé, và tôi cũng đã vài dịp vào lại ngôi biệt thự ấy, nom nó khác nhiều, đã tân trang nhiều, màu mè, lò lằng, kệch cỡm, kinh khủng lắm, nhưng vẫn chính là nó.” “Cơ mà dù đã biến thái, xấu xí, dị mọ, nhưng cái biệt thự ấy bây giờ mà ông muốn mua, nếu dùng tiền ta thì ông phải đánh hẳn một GMC để chở mớiặng, nếu tiền địch thì phải một va ly xách trữu tay”.

“Nhưng, vụ cá cược thì sao?”, tôi hỏi. “Ông đúng hay tôi đúng?”

Nghị không trả lời. Im lặng hồi lâu, hẳn nói: “Ông than phiền thủ trưởng Tư Minh là người thủ cựu thái quá, nhưng chúng mình mà không thái quá à? Chúng mình thái quá kiêu ngược lại với dưỡng của ông. Lắm khi tự ngẫm về bản thân mình, tôi có cảm giác thằng tôi bây giờ với thằng tôi hồi trước 75 có thể đấu tố nhau, đấu tranh giai cấp với nhau, nã súng vào đầu nhau được. Ông mà không thế sao?”

Tôi không nói gì, tôi cười, nhưng tôi ớn lạnh với những lời của Nghị. Hắn khoát tay ra ý thâu tóm tổng quát cơ ngơi nhà cửa mới xây dựng xong của vợ chồng hẳn, rồi nói:

“Nhìn lối sống của tôi, của ông, của nói chung thiên hạ bây giờ, khó tin nổi rằng đất nước này từng có một thời mà những người như thủ trưởng Tư Minh là cả ngàn vạn con người”...

Đêm cuối cùng ngày đầu tiên

Vào ra Sài Gòn đã bao lần. Người thân, bạn bè, đồng nghiệp non nửa sống trong đây. Nhưng, thú thực là chưa khi nào tôi có thể hòa mình, có thể nhập thân được vào với không gian, với nhịp sống đương thời hàng ngày của Thành phố vĩ đại này. Không phải chỉ vì đã không sinh ra lớn lên ở đây, mà còn vì chưa bao giờ tâm nhìn của tôi vượt ra được khỏi những ký ức, những ấn tượng về Sài Gòn trong hai ngày 29 và 30 tháng Tư của năm 1975.

Hầu như lần nào vào Nam tôi cũng tìm về quận ly Củ Chi, điểm khởi đầu cuộc tấn công vào nội đô của Trung đoàn. Tất nhiên là ngày độ bấy giờ khác nào kiếp này kiếp trước. Thật khó mà nhìn thấy lại một dấu mờ nào của dĩ vãng. Đâu rồi Cầu Bông? Đâu thành Quan Nậm, trại Quang Trung, cầu Tham Lương, dệt Vinatexco, Bà Quẹo, đường Lê Văn Duyệt, ngã tư Bảy Hiền, nhà thương Vì Dân? Từ quận ly Củ Chi về tới Bảy Hiền, chẳng đường chẳng bao xa, nhưng cái ngày 29 ba mươi lăm năm trước ấy thì thật là dài, có thể nói là ngày dài nhất trong cuộc đời của mỗi chiến sĩ Trung đoàn 24 Bộ binh, Trung đoàn 273 Thiết giáp và Trung đoàn 234 cao xạ thê đội quân binh chủng hợp thành đột kích thọc sâu hướng tây bắc Sài Gòn. Mức độ ác liệt của những trận chiến ngày 29 chẳng thua kém gì so với các trận trong Chiến dịch Buôn Ma Thuật, thậm chí cả so với những ngày cao đỉnh của Mùa khô 1972...

Ngày 30, bốn giờ sáng, pháo lớn Quân đoàn 3 bắt đầu lên tiếng, càng lúc càng dữ dội, cấp tập bắn phá phi trường. Bấy giờ, tiêu đoàn 5 mà mũi nhọn là đại đội 7 cùng gần chục xe tăng T54 tấn công ngã tư Bảy Hiền.

Sau non một tiếng đồng hồ cận chiến qua từng ngôi nhà, C7 mở thông được ngã tư. Trước mắt đã là những thời khắc cuối cùng, những thước đất cuối cùng của cuộc chiến tranh đẫm máu cả đời người. Và cũng là thử thách cuối cùng, thương vong cuối cùng.

Từ ngã tư Bảy Hiền, K5 của 24 đánh cắt ngang qua Tân Sơn Hòa tấn công cửa số 5, K4 và K6 tấn công cửa số 4 phi trường. Trung đoàn 28 theo đường Võ Tánh qua Lăng Cha Cả tấn công Bộ Tổng tham mưu. Trung đoàn 66 xuôi đường Lê Văn Duyệt tiến vào trung tâm thành phố. Đến đúng 10 giờ 30 quân dù trấn giữ Cửa số Năm vỡ trận, lối vào phi trường mở toang. Các đại đội của trung đoàn 24 cùng các phân đội xe tăng Trung đoàn 273 đánh địch liên tục qua các khu vực phòng thủ của Sư bộ sư đoàn 5 không quân, Bộ tư lệnh dù, khu ra đa, khu cố vấn. Trung đoàn trưởng Vũ Tài trực tiếp chỉ huy K6 phát triển nhanh đến trại Đavít để hội quân với Phái đoàn quân sự của tướng Hoàng Anh Tuấn. Đến đúng 11 giờ 30 thì anh em tiêu đoàn 6 đã kéo được lá cờ Quyết Thắng của Sư đoàn lên đỉnh lầu chỉ huy không lưu. Song, qua trưa đến chiều tiếng súng chống trả của quân dù vẫn lúc thưa lúc rộ lên. Mãi tới 14 giờ 30 quân ta mới dứt điểm được ổ đề kháng cuối cùng ở góc tây phi trường.

Chiều Sài Gòn vội vã rào xuống một cơn mưa để làm nguội đi không gian nóng bỏng của trận quyết chiến vừa kết thúc.

* * *

Cơn mưa chiều 30 đã giúp dập tắt hầu hết các đám cháy đang loang rộng khắp phi trường. Nắng lên, gió mạnh, những cơn khói đen ngòm lụi dần chỉ còn tro than bay tung tóe.

Những toán lính dù cuối cùng lóp ngóp bò ra khỏi các công sự, hai tay đưa cao hoặc chấp sau gáy. Nhưng chẳng ai chĩa súng vào họ, chẳng ai thiết gì bắt họ làm tù binh. Các “thiên thần mũ đỏ” trút bỏ mọi thứ vũ khí có trên người, rũ bỏ binh phục, người ngơ ngác trên trụi còn độc cái quần cụt, rỗng rần lủ lượt nói nhau tà tà đi ra phố. Tiễn liên, súng ngắn, lựu đạn, dao găm, mũ sắt, áo trận, giày đinh lấm lóc la liệt trên dọc các đường băng.

Khắp sân bay ngồn ngộn chồng đống đen xì những hậu quả của trận đánh trong ngày, của những đợt pháo kích và oanh kích liên tục suốt từ đầu chiến dịch. Bộ đội trung đoàn 24 lại phải lo thu dọn tử thi. Không nhiều, nhưng rải rác, dui dọ trong khắp các xó xỉnh hầm hố công sự, trong bụng máy bay, trong xác xe hơi, xe thiết giáp. Đa phần là lính nhưng cũng vài xác dân thường. Có những người đã chết từ mấy ngày trước rồi.

Riêng trung đội chúng tôi thì phải nhận một trọng trách rất lạ đời là đi săn cầu. Từ góc phía đông đường băng quân sự cả trăm con béc-giê vỡ chuồng chạy tóa ra khắp sân bay. Không phải loại cầu giữ nhà vãn thường thấy mà là những con thú hình thù ghê sợ, to như con bò, găm hủ như cạp, lao nhanh như tên bắn, dữ tợn, điên dại lông lộn. Mỗi gần tôi chúng tôi mới quãng thông lòng chụp được con “Ních” cuối cùng kịp trước khi nó lao xông ra khỏi cổng Phi Long.

Chiều buông. Tất cả các đám cháy đã tàn hết. Ánh tà nhuộm đỏ phi trường. Tay chiến binh chót cùng của Quân lực Cộng hòa từ trong một chiếc C130 đột nhiên chui ra đầu hàng! Cái gã nực cười ấy chẳng phải phi công chẳng phải quân dù, chỉ là một tay trung sĩ trong pháo đội phòng không mà lính tráng với úy tá đã tan chạy từ tám hoánh. Chiếc máy bay mà gã chúi vào ân từ sáng sớm bị đạn cối phá toang buồng lái, bị đạn tiểu liên bắn rỗ nát hai bên sườn, vậy mà may phúc cho gã là máy bay không bốc cháy. Chiếc C130 ấy cũng là chiếc phi cơ rất nực cười. Đây là chiếc máy bay cuối cùng đáp xuống ngay trước khi tất cả các phi đạo bị hỏa lực quân ta khóa cứng lại. Nhưng chuyến bay liều mạng ấy lại chỉ thả xuống cho thành phố đang bị bao vây toàn những thứ tâm phào: những hòm gỗ chất đầy ly tách thủy tinh, hòm thì chứa toàn giày da, hòm thì mỹ phẩm đàn bà... Và báo! Hàng trăm tờ Nation số ra ngày 28 ở Bangkok, tờ Kinh tế Viễn Đông ra cùng ngày ở Hồng Kông, tờ Người hướng đạo Thiên Chúa giáo, tờ Playboy, tờ Sao và Vạch. Chặt chẽ, rậm rạp, hiệu quả xiết bao cơ chế vận hành của bộ máy quân sự Mỹ, nhưng mà cũng là kỳ quái và nực cười quá sức tưởng tượng...

* * *

Chiến quả đầu tiên của quân ta trong buổi chiều tối ngày 30 tháng Tư là giấc ngủ! Khắp nơi trong phi trường la liệt những cánh võng. Có tay chẳng buồn võng, cứ vậy lăn ra nằm một giấc trên thảm đá hoa nhà ga, trên ghế phòng chờ, trên mặt bàn buồng vé...

Nhưng tổ ba người chúng tôi thì không được hưởng cái sung sướng đó. Chúng tôi đang đi vào trọng nhà ga sân bay để tìm chỗ ngả lưng thì “đụng” phải chính ủy Bùi Hòe. Anh dắt theo hai đứa nhỏ, thằng bé chừng mười tuổi, con bé mới khoảng lên sáu lên bảy. Lính ta tìm thấy hai đứa trong một chiếc xe hòm đậu vạ vật trong bãi xe hàng trăm chiếc vô chủ ngoài cổng Phi Long. Cha mẹ hai đứa chờ chúng tới phi trường. Để chúng ngồi lại trong xe, họ vào nhà ga, rồi không thấy quay ra nữa. Như vậy là hai đứa bé bị nhốt trong cái cũi bí thở, nóng như thiêu, không giọt nước hột cơm, giữa cảnh hỗn loạn, pháo đập, đạn lia. Khi bộ đội phá cửa xe đưa chúng ra hai đứa chỉ còn thoi thóp. Tuy nhiên được uống được ăn và tắm táp chúng hồi lại rất nhanh. Gia đình chúng vừa từ Huế chạy vào, ngụ ở nhà ông cậu trước khi ra sân bay. Nhà ông cậu ở đường Đồng Khánh, thằng bé nhớ vậy nhưng không nhớ số nhà.

Đưa hai cháu về cho gia đình. Chính ủy ra lệnh. Đã mệt lử, đã buồn ngủ đến muồn gục ngã ngay, nhưng biết làm sao được. Chúng tôi kiểm trong bãi xe một chiếc Zeep lùn và moi được từ trong đám dù vừa buông súng một tay tài xế.

Chúng tôi đưa hai đứa nhỏ rời sân bay hướng về thành phố mới giải phóng. Thành phố vĩ đại, mệnh mông, sâu thẳm, chằng chéo muồn ngã. Tay tài xế tiếng là lính dù nhưng đại lớ ngớ, lại là dân miệt vườn Mỹ Tho chẳng rành gì đường xá Sài Gòn nên cứ chạy loanh quanh pháp phù. Vòng vo, chậm rề mà cứ lạc mãi. Quận ta tuy đông, những năm quân đoàn, nhưng vì Sài Gòn quá rộng lớn nên tới khuya ngày 30 còn rất nhiều đường phố chưa xuất hiện bóng dáng bộ đội. Mà tiếng súng, không rõ ràng là chỉ thiên hay bắn thẳng thì càng lúc càng rộ lên loạn trời. Ba đứa tôi ngồi trên xe súng vẫn lăm lăm trong tay, đạn vẫn lên nòng, dò dẫm qua từng ngã tư, ngã năm, ngã bảy, chỗ đông nghịt người xe ục tặc, chỗ vắng tanh vắng ngắt. Gần 9 giờ đêm mới thấy biển đề tên đường Đồng Khánh. Chiếc Jeep gằn đại liên bò rù rù dọc con phố với hy vọng thằng bé nhận ra được nét quen nào đấy. Chạy suốt một lượt, vòng lại chạy lượt nữa. May làm sao, chính là con bé em nhận ra mặt tiền nhà ngoại.

Chúng tôi bấm chuông, đập cửa. Hồi lâu mới có người rón rén ra mở. Không ai khác chính là mẹ của hai đứa bé. Thật không sao tin được. Hai vợ chồng họ đã chờ con ra phi trường vào buổi tối ngày 28, hy vọng là có thể kiểm được chỗ trên tàu bay Mỹ. Nhưng vừa đỗ xe lại ở cửa phi trường thì gặp pháo kích, lập tức tất cả rồ loạn lên, bỏ đảng bỏ, mẹ đảng mẹ, quãng hai đứa con lại trong xe. Suốt đêm 28, cả ngày cả đêm 29, gần trọn ngày 30 cũng không một mông nào dám lai vãng tới phi trường để tìm hai đứa nhỏ. Mệt, chán, buồn ngủ, chúng tôi “bàn giao” hai đứa con cho người mẹ rồi bỏ đi luôn.

Chiếc xe đã hết xăng nên chúng tôi trả tự do cho tay tài xế, rồi đi bộ tìm lối trở về Tân Sơn Nhất.

Ba đưa, một hàng dọc, dẫn cách thưa, lặng lẽ bước, y như là mấy chàng Vệ Quốc “một lần vào thành phố” của Trần Đăng.

Đã quá mệt, quá buồn ngủ, lại chắc chắn là đã hòa bình rồi, không cần phải quá khẩn cấp nữa, chúng tôi chọn một chỗ để qua đêm. Chỗ ấy có vẻ như là một công viên. Không nhà cửa, nhiều cây cối (có lẽ là khu nghĩa trang Mạc Định Chi?). Tôi gác phiên đầu, tới nửa đêm. Quang rồi Nghi phiên nửa đêm về sáng. Nghi gác phiên cuối, khi trời rạng sáng đã không lay mọi người dậy mà lại ngả người ra võng chủ quan đánh tiếp một giấc ngủ nướng...

Những tiếng động lạ khiến tôi choàng tỉnh. Theo bản năng tôi chực vồ lấy AK, nhưng rồi lại nằm im.

Trời đã sáng bạch. Một đám khá đông dân tình hiếu kỳ quây thành một vòng rộng bao quanh “bãi khách” của ba anh bộ đội Giải phóng. Qua khe bọc võng, tôi nhìn lên tán cây, lên cao nữa, lên bầu trời tháng Năm cao xanh vời vời. Hòa bình, phải, đã hòa bình rồi, tôi chợt nhớ ra, và đến lúc ấy tôi mới thực sự cảm thấu vắn tận tim mình rằng mình đang giữa lòng Sài Gòn, trung tâm của giấc mơ lớn lao, đoạn trường của bao nhiêu thế hệ, bao nhiêu con người còn sống hay đã chết trong cuộc trường chinh này. Nước mắt ngày thắng lợi nóng rực đau nhói. Sắp sửa 35 năm trời rồi, nhưng tôi nghĩ rằng đến nay đêm đêm trong lòng Thành phố vẫn còn biết bao nhiêu con người mất ngủ vì ký ức chiến tranh. Nỗi buồn thương vẫn khiến cặp mắt của bao người phải âm thầm nhòa lệ. Hàng bao nhiêu người cha người mẹ mất một, mất hai, mất ba, thậm chí mất tất cả những người con của mình trong chiến tranh. Những người vợ mất chồng. Những cặp tình nhân bị chiến tranh chia lìa, mãi mãi không bao giờ còn gặp lại nhau.

Ngày 30 tháng Tư. Niềm vui chiến thắng, hạnh phúc hòa bình và nỗi đau mất mát. Hương hoa và khói hương. Những nỗi niềm ấy trong lòng người dân luôn luôn là một chữ không tách bạch ra như là nhiều người vẫn tưởng.

Bi kịch con khỉ

Từ xa xưa mấy mẫu hoang phế cửa ga đã mang danh là công viên thị xã mặc dù cho đến trước nhiệm kỳ của ông Thân đất đỏ vẫn trụi thui lụi, chẳng cây, chẳng cỏ. Thuở ấy, ngôi tàu bay dòm xuống, du khách ắt phải thấy dáng hình thủ phủ quê tôi giống y cái sọ hời.

Nhờ ơn mưa móc của ông Thân đầu tình yêu văn hóa mà cái sọ vốn khô khốc thế một ngày nọ đã mọc tóc xanh. Ông cho lệnh trồng cây, trồng hoa, ông cho tạo thảm cỏ, cho xây đài phun, cho kê ghế đá, cho vạch lối đi rải sỏi và ông cho đặt tượng. Rồi ông sai ứng công quỹ sắm chim, sắm thú về nhốt trong các chuồng song sắt.

Được chừng dăm năm, khi nhiều cây cao đã tỏa bóng cả, công viên vừa đủ độ râm cho bà con tỉnh nhà dạo mát thì ông Thân bị phốt phải xuống. Không còn ông, cỏ cây buồn thảm héo tàn. Bách thảo chẳng đến nổi mọc trở lại nhưng xơ xác và ô uế. Bách thú thì rỗng dần, các chuồng trống trơn, cảnh tượng y hệt một trại giam sau ngày đại xá. Chỉ còn sót lại mỗi một anh khỉ làm trò độc diễn ở cái chuồng gôn công chính công viên.

Cạn kẻ cạnh tranh khi ta độc quyền hấp dẫn nhân dân. Nhân dân thường xuyên vòng trong, vòng ngoài bâu quanh chuồng của nó. Trong cuộc đời tù đầy của thằng cha dốt đở này, những ngày ấy hẳn phải được coi là thời vang bóng. Thiên hạ vui thích ném quà cho nó, khoái chí xem nó phô diễn những trò con khỉ của nó. Khi ta dẫu dư thừa thức ăn, trở nên trơn lông đỏ da hơn bao giờ hết, nhưng không vì thế mà chây ì, vẫn nhiệt tâm phục vụ, vẫn tận tâm múa may nhảy nhót. Nó là một con khỉ có mẽ. Mặt nó rộng và ngắn, mũi hếch, cánh mũi giảnh ra, môi khó nhận thấy, đôi mắt rất gần nhau, hết sức linh hoạt. Và đặc điểm nổi nhất của nó là vành lông trắng chạy từ tai này sang tai kia như râu quai nón của một tay hải tặc.

Nhưng hạnh phúc ngắn ngủi, ngày vui chóng tàn, thiên hạ dần dần chán ngấy con khỉ. Loài khỉ có bao nhiêu trò nhố nhăng thì nó đã diễn cho người ta xem tất cả rồi. Bây giờ đến lượt con người dờ dờ với nó. Thoạt đầu chỉ là do hồ hững mà người ta quên cho nó ăn, nhưng về sau thì là một sự bỏ dối cố tình để hành hạ và để chơi khăm nó.

Bây giờ chỉ có vỏ chuối, lõi ngô với những giấy kẹo, lá bánh, những lời chửi rủa và nước bọt xả vào qua song sắt. Không ai thực sự là người chủ xướng trò đều cáng mới mẻ này, bởi vì đây chính cộng là một cuộc hành lạc tập thể. Mọi người đều cực kỳ háo hức chờ xem con vật bị bạc đãi một cách bất ngờ như vậy sẽ rũ xuống ra sao. Song khỉ thay, khỉ ta không xiêu đi như bà con mong mà vẫn hăng hái nhảy nhót làm trò. Thì ra là những thứ ta quẳng vào cho nó là những thứ mà với con người không còn gì để có thể mút mát, song với con khỉ thì vẫn là đồ ăn được. Hiểu ra điều ấy, dân tỉnh lập tức mạnh tay hơn với khỉ.

Từ rày con khỉ mới thực sự là dối. Nó chỉ nhận được những món quà phi hữu cơ, tuyệt đối không tài nào xức nổi: mẫu xà phòng, cục nhựa đường, đầu mẫu thuốc lá... Cố nhiên, khỉ rũ rượi ra ngay, trở nên xấu xí, trở nên chậm chạp lờ đờ, kiệt quệ. Nhưng, mẹ kiếp, nó vẫn sống, vẫn chưa hoàn toàn quì liệt và có vẻ như vẫn muốn giữ phẩm giá. Nó gắng gượng bày trò, gắng gượng khua tay huơ chân, nhả mặt nhe răng để chứng tỏ cốt cách còn vững chắc. Chẳng lẽ con quái này là khỉ thành tinh?

Bọn nhãi ranh bắn súng cao su, thổi xì đồng, và chĩa “bòi” tia vào chuồng. Theo gương bọn trẻ, bọn người lớn biến chuồng khỉ thành toa lét công cộng. Chẳng ai có ác ý, người ta chỉ giải trí, chỉ tò mò xem xét, đánh giá sức chịu đựng của một giống động vật bà con gần với giống người.

Mùi xú uế nồng nặc, không thể xấp gần chuồng khỉ như trước, người ta đứng xa xa liệng những vỏ bia, những cục gạch vào tặng nó. Tai ác hơn, tôi thấy một chị mang chuối ra dứ, từ từ bóc vỏ, từ từ nhá, cho con vật đang dối liệt chết thêm. Nó không còn kêu choe choe mà hừ hừ rên xiết khi người ta tung những khúc sắn luộc tới kê cửa chuồng nhưng ở ngoài tầm với của nó.

- Người khác loài vật ở chỗ đó, người mà lâm cảnh ngộ như thế này ắt phải tự vẫn chết rồi.

Một ông thi sĩ ở Hội nhà văn đã cho tôi một nhận định khúc chiết có tính phân loại khoa học như vậy. Quả thực thế, người cao hơn vạn vật chính ở chỗ chỉ con người mới biết tự kết liễu cuộc đời khi cảm thấy đời quá chùng chớ má. Khi ta thì không, vẫn lay lắt sống trong sự khủng bố của dạ dày, trong không khí hôi thối kinh tởm. Lở loét, trụi lông, nó nằm bẹp trên nền chuồng nhóp nhúa, chẳng còn đủ sức né tránh những hòn gạch, chẳng còn giật mình nổi khi người ta liệng pháo đùng vào chuồng, nhưng vẫn gắng gượng sống, phập phồng hơi thở tàn héo. Tuy nhiên, có lẽ hầu vương cũng không thể thắng nổi con người. Nhất định nó sẽ chết, ai cũng biết vậy và lại đâm ra chán ngán. Chuồng khi lại vẫn dần khách viếng thăm.

Bằng đi một tuần không để mắt tới, người ta kinh hãi nhìn thấy con khi mà ai cũng tưởng là đã chết thối trong chuồng lại đã loay hoay đứng dậy, đi đi lại lại, trèo lên trèo xuống. Rác rưởi quanh chuồng và cả trong chuồng nữa, được dọn hết. Tất nhiên là người ta mau chóng tìm ra thủ phạm đã gây ra sự phi lý này. Ấy là con bé ăn mày ở cửa ga.

Con bé theo tàu ra tỉnh từ chớm kỳ giáp hạt. Rách rưới, âm thầm, nó ngồi cặm dưới cột đồng hồ, cái nón mê trước mặt. Xấu xí và dơ dáy, lại nửa ngây độn, nó chẳng phải hạng để thiên hạ rủ lòng thương. Song dù sao thì lúc này lúc khác của bộ thí vẫn thỉnh thoảng rơi vào nón của nó, giúp nó sống qua từng ngày. Đạo trước, nó có chỗ ngủ trên ghế băng phòng đợi của nhà ga, nhưng từ khi có lệnh thu phí nơi nằm nó phải dạt vào công viên dải sương trên ghế đá.

Chính nó đã phá đám việc của mọi người. Nó quét dọn khoảnh đất quanh chuồng. Nó kiếm cây gậy dài buộc chổi tre để quét cả bên trong chuồng. Nó chia cho con khi một nửa những thứ nó xin được. Thì ra con nhãi này không chỉ là ngây độn mà là một con điên thực thụ, người ta bảo nhau thế...

Hôm ấy, mùa hè, chủ nhật, buổi sáng, bao nhiêu là người dầy xéo công viên.

Tôi nhận thấy một vẻ náo nức đồng loạt trên các bộ mặt. Mẹ kiếp, gì vậy? - Người ta hỏi nhau. Dĩ nhiên vẫn chuyện cái chuồng khi, song còn cái trò quái gì ở đây nữa đề mà bu lại?

Người đến sau lách vào kiềng chân nhổng cổ dòm qua vai kẻ đến trước. Ai cũng bật cười. Nhiều tay hô hô cười phá lên.

Trong chuồng khi, ngoài khi còn có thêm con bé ăn mày nọ. Nó bị lột truồng, ngồi thu lu, hai đầu gối nhọn hoắt che ngực. Người ta huyết sáo. Lại đá, lại gạch phang vào để thúc nó đứng dậy. Song nó cứ ngồi ỳ. Anh bạn khi quay cuồng lay cửa chuồng nhưng làm sao mà lay nổi. Cửa chuồng mọi ngày chỉ buộc bằng dây giờ là một cái khóa đồng Tiệp Khắc chắc như cùm.

- Đồ khi, đứng dậy vươn vai đi em! - Một ông vui tính gào. Bà con cười như nã súng. Đối tượng vẫn một mực thu mình. Con bé này bảo thủ thật, tôi nghĩ. Đạn bà ở truồng thì có sao, ngày nào ta chả thấy họ phô phang trên màn ảnh, trên bìa tạp chí, trong hiệu tắm hơi, trên bìa lịch treo phòng khách mà còn phải hời.

Cuối cùng ý chí tập thể đã thắng sự xấu hổ ngu dốt. Mấy gã trai dùng cây gậy dài có đầu nhọn chọc trúng lưng con bé khiến nó nhảy dựng. Hình như cũng có người muốn can ngăn, song thời nay người với người chớ đại sinh sự với nhau. Việc ai nấy làm nên muốn yên thân.

Khi cảnh sát phá được khóa, cô gái đẩy cửa bước ra, trần truồng đi thẳng tới đám đông. Mọi người kinh tởm rě ra. Con khi toan chạy theo cô nhưng bị đá lộn vào trong. Người ta khóa kỹ cánh cửa.

Với mọi người thế là hết chuyện. Nhưng với con khi và cô gái tấn bi kịch còn nốt một đoạn nữa.

Đêm ấy, cô gái treo cổ tự tử dưới cái dóng ngang của cột đồng hồ trước ga. Sáng ra, con khi lặp lại trò chết treo ấy. Chẳng biết kẻ nào đã quảng cho nó sợi dây thừng. Những người chứng kiến bảo rằng con khi cũng trợn mắt, cũng đưa hai chi trên chụp lấy vòng thông lọng đang thít cổ, cũng giãy dụa dưng ỳ hết những tội nhân bị xử giáo.

Có thể cho rằng chẳng qua đây là trò bắt chước cuối cùng của con khi. Chỉ một điều khó hiểu là từ chuồng của nó không thể nào trông thấy cột đồng hồ nơi cô gái tự thắt cổ. Có lẽ đây là một hiện tượng bí ẩn của sinh học, một thứ đại loại như chuyện thần giao cách cảm.

Hà Nội lúc không giờ.

Năm rồi trong cơ quan nhiều người xây nhà riêng và đều dốc lực hoàn thành để kịp nhập trạch trước tết nguyên đán. Chuyển vào nhà mới tầng cao phòng rộng lại có tường bao cách biệt với đời y như thể chuyển sang một thời đại khác. Thế nhưng, như tôi, tuổi đã chừng này còn thời nào nữa ngoài thời đã qua.

Mà run rủi làm sao nhà mới lại về cùng phố với ngôi nhà thơ ấu. Xưa nhà số bốn, giờ trăm lẻ hai, hai đầu phố. Có lẽ vì xích gần quá khứ nên nhà thì mới mà người như cũ hẵn. Mất ngủ, uống nhiều. Giờ giấc rời rạc. Tâm trí thường lang đi những đâu đâu. Ban ngày đã ít có mặt ở nhà, canh khuya còn đẩy cửa ra phố.

Phố dài, nhiều cây, nhưng ngày trước từ cuối phố vẫn có thể nghe thấy tiếng leng keng và thấy được thoáng bóng tàu điện chạy ngang qua ngã tư đầu phố. Bây giờ, đứng trên tum nhà ba tầng mà chịu không thể nhìn với qua được tường nhà bên cạnh. Ngày trước, đoạn cuối phố này chẳng nhà cửa gì, đất rộng pho mặc cho cỏ dại và ma trôi. Nay đất chẳng còn, chỉ những nhà lâu là nhà lâu, bê bê bê tông, tôn, thép, nhôm, kính. Cũng là tất nhiên thôi, đã ba mươi tư năm rồi còn gì, ngày ấy với bây giờ. Mà nói gì tới chừng bấy thời gian. Mới đây, đề dựng một phim nhiều tập về Hà Nội buổi đầu Đổi Mới, nhà đạo diễn đã phải kéo bầu đoàn sang thị xã Bắc Ninh mượn cảnh, nhưng mà rồi Hà Nội trong phim tuy đã được hóa trang khéo vẫn chẳng na ná nôi Hà Nội, dù là Hà Nội của những năm chỉ vừa mới đó. Huống hồ Hà Nội tết Giáp Thìn. Cái mùa xuân năm nao xa lắc xa lơ thời trước chiến tranh ấy đã ra ngoài mọi trí nhớ, và không một giác chiêm bao nào còn có thể với tay về.

Nhưng mà dù vậy, Hà Nội mùa xuân đó vẫn đâu đây trong trời đất và vẫn thường nhập hồn về với mùa xuân của thành phố hôm nay vào những nửa đêm. Người bộ hành đang dạo bước dọc canh khuya, lảng lạng rẽ khỏi đời thực, âm thầm đi lẫn vào sự vật của những ngày xưa kia. Chỉ là từ bên này đường sang bên kia đường thôi mà đã đi lùi về tận những năm nào năm nào.

* * *

Năm ấy, bao nhiêu sương giá và rét mướt mùa đông như thu cả vào hạ tuần tháng Chạp ta. Năm cùng tháng tận trời rét căm căm. Ở các phố xa trung tâm mới chừng sau tám giờ tối đã chẳng còn mấy ai ra khỏi nhà. Dưới ánh đèn đường chỉ những gió lùa và lá rụng. Loáng thoáng những chiếc xe đạp ruổi thật mau. Lác đác những người đi bộ đang rảo bước. Xe điện các chuyến khuya hầu như chạy suông, toa trên toa dưới hành khách chẳng tày một nhóm.

Nhưng giữa lạnh lẽo của đêm đông vắng lặng đã lắng nghe mùa xuân đang về trong thành phố. Cành đào trên tay một người qua đường. Chậu quất chở sau một chiếc xe đạp. Lộc nồn nhụ trên tán bàng trĩu lá. Ở ngoài đêm, phố xá thừa thớt bóng người mà bên trong những ngôi nhà dọc phố suốt đêm rậm rịch tiếng chân bước, tiếng người nói, trên gác dưới tầng gia đình nào cũng đang rộn rịch bếp núc và chộn rộn kê dọn lại phòng, soạn sửa câu đối, lọ hoa, chắm chút bàn thờ. Tháng Chạp thiếu đi một ngày, Tết đến kíp hơn, rộn ràng và cập rập. Mới khuya ngày 28 thôi mà đêm mai đã giao thừa rồi.

Họa sĩ Năm Tín, người Cà Mau, từ cuộc họp đồng hương ở câu lạc bộ Thống Nhất đáp chuyến xe điện cuối cùng trở về nhà. Ông xuống ở ngã tư đầu phố. Đèn đường vẫn những ngọn vàng ửng và mờ lụi như mọi đêm, nhưng đêm nay nhà nhà không ngủ, ánh sáng các ô cửa sổ soi rộng xuống vỉa hè và chiếu tỏa ra lòng đường. Tại chỗ máy nước công cộng trước công nhà số ba vẫn còn một nhóm các bà các cô tát bọt vo gạo, rửa lá. Vòi nước xối xả, xô chậu xúng xoảng.

Ở vỉa hè bên kia, giữa khoảng sân đất rộng trước mặt tiền hai tầng nhà số bốn, nôi bánh chưng, nguyên cả một cái thùng phuy, đang sôi sùng sục, ngọn ngút bốc hơi trên bếp lửa chụm bằng những cây củi to gộc. Lửa không cao ngọn nhưng than trong bếp đỏ rực rực, trải một vòng sáng rộng đập dòn màu hồng thắm lên mặt sân. Hơi nóng và khói khiến lũ trẻ thức canh nôi bánh phải dịch mạnh chiếu ra bên rìa quang sáng, chụm đầu lại đánh tú lơ khơ. Chỉ vài đứa vẫn ngồi cạnh bếp lửa. Chúng vẽ thành những bóng đen chập chờn trên tường nhà. Một cây củi được đun sâu vào thêm, lửa trong bếp phừng

phùng bốc cao, gương mặt của những mái đầu tóc xoăn và tóc húi cua được ánh lửa soi rọi lên.

Ngà ngà hơi men, tay xách một cái cặp da căng phồng, ông Năm chuyênh choạng sang đường, bước vào sân nhà số bốn. Nhác thấy bóng ông, hai chú cầu đang nằm gác mõm lên đùi một gã trai lực lưỡng ngồi khoanh chân canh bếp lửa, bật chồm dậy sủa vang.

- Câm miệng, Giôn! Ken! - Gã trai quát - Không nhận ra chú Năm à!

- Bữa nay hai ngài tổng cầu nhà này sao mà hiếu chiến quá vậy tụi bay?

Họa sĩ ngồi xuống bên gã trai và đưa hai bàn tay gầy guộc lạnh cóng hơ sát vào bếp lửa.

Tiếng bọn trẻ con lạnh lạnh nhao nhao lên chào chú Năm. Chúng bỏ bộ bài đầy, xúm cả lại ngồi túm bên ông. Mở chiếc cặp da, ông Năm lấy ra trước tiên một chai Lúa Mới.

- Thứ dữ này của qua. - Ông nói - Còn tụi bây...

Ông đưa ra một phong pháo màu dịch giấy gói màu hồng vẽ hình cô tiên cười mây, rồi một bọc to dùng giấy trang kim có hình ông già Noel đội mũ chóp đỏ.

- Năm nay Tết cần kiệm, hội đồng hương xứ Mũi quê qua chẳng được bọn quà như mấy năm, - Ông Năm nói, như phân trần với lũ trẻ. - Nhưng mà có thứ này quý lắm đó nghe. Kẹo Liên Xô, ngon nhứt đó, sắp nhỏ.

- Chú chiều chúng nó quá! - Gã trai kêu lên. - Năm nào cũng vậy. Rồi chú lấy gì ăn Tết? - Và gã đập đùi quát - Nay, bọn chúng mày không có được thế đâu nhá!

- Thôi mày, Trung! - Ông Năm vỗ vai gã. - Bữa nay sao cả mày cũng hiếu chiến quá vậy. Coi kia, kịch chiến với võ sĩ nào mà mặt mày bầm dập vậy con?

- Với Pét “xồm” chú ạ! - Một thằng nhóc mách.

- Chiến nhau vì chị Giang đấy! Một đứa khác.

- Im đi, thằng lỏi! - Gã trai nạt, mắt trợn lên. Nhưng chỉ trợn được con mắt trái. Mắt phải của gã tím quàng sưng húp. Gò má sây sát. Môi vều lên.

- Vậy chớ nhỏ Giang đâu? - Ông Năm hỏi, đưa mắt nhìn quanh.

- Đang ngồi khóc trên kia ạ! - Một lỏi con tóc húi cua nói to, trỏ lên ban công tầng hai.

- Sao vậy?

- Tại anh Trung!

- Thiệt tình! Thằng Bình, mày lên biểu chị mày xuống qua biểu. Vui năm mới mà mất đoàn kết vậy, coi sao đặng, mày đứa.

Mặc dù bản tính gàn gàn, đời sống độc thân bẽ bề, lại cực độ âm thầm, chỉ có thể nói năng khi đã ngà ngà, và nhà thì ở mãi chung cư gần cuối phố, tít trên tầng thượng, song họa sĩ Năm Tín lại là bạn vong niên của sắp nhỏ ngôi nhà số bốn nơi đầu phố này. Mấy năm trước, một sớm tinh mơ mùa đông sương mù rất lạnh, bọn trẻ nhà này vấp phải ông Năm, người nồng mùi rượu, nằm lịm cổng từ bao giờ trước sân. Chúng hè nhau khiêng ông vào nhà, đổ nước gừng cho ông, đánh gió, xoa dầu, ủ ấm cho ông. Khi xe cấp cứu tới thì ông đã hồi. Từ bấy thành chỗ thân tình, bọn trẻ thường kéo nhau tới thăm họa sĩ. Chúng giúp ông nhiều việc, gánh nước từ máy công cộng lên tầng cho ông, dọn dẹp căn phòng luộm thuộm của ông và mua hộ ông các thứ tiêu chuẩn tem phiếu. Họa sĩ cũng hết sức cưng chiều lũ nhóc, bày trẻ thơ của cái phố nghèo mà mười năm qua, kể từ sau ngày tập kết, đối với ông đã ngày một thêm nặng tình. Ông để chúng tha hồ lục tranh của ông, những bức bột màu, những bức thuốc nước và những ký họa. Rất kiệm lời, hầu như chẳng bao giờ kể chuyện quê nhà, nhưng lần lượt qua từng bức họa, ông cho bọn trẻ Hà Nội thấy được phong cảnh của cõi xa vời vợi đời ông miền đất Mũi, thấy được chân dung những bà má, những chị phụ nữ và trẻ em của Nam Bộ kháng chiến, và thấy được gương mặt các chiến sĩ cùng trung đội với ông hồi Chín Năm.

Và tết năm nào cũng như thế này, giữa canh khuya, sau cuộc họp đồng hương cuối năm, ông Năm

không về nhà mà rẽ vào chỗ đám trẻ nhà số bốn đang quây quần canh nồi bánh chưng. Ông chia quà cho lũ nhỏ và nếu không quá say thì ông sẽ thức cùng với những đứa lớn tới tận khi đã có thể vớt bánh ra khỏi nồi.

Năm nào, năm hộ nhà số bốn cũng cùng nhau lo liệu cái Tết. Nếp chung tốt lành này có từ thời còn mồ ma ông Tá tài xé. Đông con, kinh tế chật vật nhất nhà số bốn vậy mà hàng năm chính ông Tá là người đã giúp cho cả ngôi nhà này ăn Tết thơm nhất phố. Là tài xé của đoàn vận tải Bộ Lâm nghiệp, chuyên trị chạy tuyến Tây Bắc, ông Tá quanh năm vắng nhà, nhưng cứ đến giáp Tết dân phố lại thấy chiếc mộ - lô - tô - va của ông, bê bê bùn đất đường trường rù rù lẫn bánh vào sân trước nhà số bốn, inh ỏi đâm còi. Bọn nhóc trong nhà đang mỗi mắt trông chờ hoạn hỉ ủa ra, náo nức dỡ củi, dỡ lòng gà, dỡ những bao tải chất nặng hàng tươi, hàng khô từ thùng xe xuống. Chẳng phải vất vả lo toan gì mấy mà vợ con ông và các hộ láng giềng cũng có đủ mọi thức cho ba ngày Tết. Nhiều năm như vậy cho đến mùa lũ năm 61, xe ông Tá gặp nạn trên đèo Pha Đin.

Tết năm ấy, cả nhà số bốn góp sức đỡ đàn vợ con ông Tá và cũng là hợp lại đỡ cho nhau. Từ đó, thành nếp, tết nhất lo chung năm gia đình. Ba gia đình dưới nhà, hai gia đình trên gác, hoàn cảnh nhà nào cũng gieo neo. Như vợ con ông Tá, hay như gia đình bà Thái ở phòng mặt tiền tầng một, trước cũng khá, sau vì ông Thái trở chứng, ruồng rẫy vợ con, đang đêm vợ sạch món tiền hai vợ chồng đã nhiều năm dành dụm, theo chân một chị hàng xén lặn tút vào tận trong Vinh, nên cảnh nhà sa sút hẳn. Anh con trai đầu đang học trung cấp hàng hải mà phải bỏ. Còn ông Cự, cũng phòng ở tầng một, vốn chân thủ quỹ, sợ điện, lương từng tiem đủ nuôi vợ con thế mà tấm ngấm tấm ngấm phạm tội thụt két, liền mấy niên rồi đón xuân trong tù. Còn như hai chị em Giang và Bình sống với ông nội ở căn phòng bên trên nhà bà Thái thì lại phải nông nổi mồ côi bộ mẹ từ nhỏ, buồn vui mỗi ngày chứ chẳng riêng ngày Tết tùy thuộc tình trạng sức khỏe của ông cụ, tuổi đã thất thập, già cả đau yếu. Ngay như gia đình giáo sư Xứng mà tết nhất cũng lẩn lẩn. Ông lương cao, tiêu chuẩn chuyên viên, gia đình ít người mà được phân hai phòng rộng thênh trên tầng hai, mực sông trội hơn các gia đình khác, nhưng bà tạng người yếu lại bận con mọn. Thằng con đầu của ông bà đã học lớp bảy mà đứa kế sau vẫn đang ẵm ngửa, chị người làm thì cứ còn cách Tết cả tháng là đã khăn gói về quê.

Người lớn không cáng được nên đám trẻ phải gánh. Có điều là phần đông đám trẻ trong nhà là bọn con giai, lại hầu hết đang nhãi ranh, từ lau nhau đến choai choai mười ba mười bốn, thực sự bậc anh bậc chị chỉ có chị Giang trên gác và anh Trung, con trai bà Thái, dưới nhà. Tết nhất của năm gia đình cậy cả vào hai người, mà chủ yếu là ở Giang. Từ cuối tháng Mười Một âm Giang đã phải bắt tay vào công cuộc mua sắm đầy gian nan. Chỉ thỉnh thoảng mới có được vài đứa tuổi đã nhỡ nhỡ sau giờ tan trường chịu khó phụ giúp thêm. Giang xoay sở khắp các chợ gần chợ xa, chẫu chực xếp hàng từ tỉnh mớ đến tối mịt ở suốt lượt các quây hợp tác, quây mạo dịch. Nhưng dù có hết sức thì cũng phải tuân giáp Tết mới mua đủ các tiêu chuẩn đồ khô như gạo nếp, gạo dự, bột mì, đậu xanh, măng miến, bóng, chè thuốc, mứt kẹo cả năm gia đình, rồi sau đó dồn toàn lực bình sinh mà xếp hàng nước mắm, xếp hàng giò chả và nhất là hàng thịt, hàng lá dong để chuẩn bị cho cái phần tối quan trọng của Tết là nồi bánh chưng. Chiều ngày 27 phải chạy xong mọi thứ. Lại là Giang quán xuyến việc ngâm nếp, đãi đậu, rửa lá, ướp thịt. Đến chiều 28, bởi trong nhà chẳng bà nào biết gói nên vẫn một tay Giang lo đủ ba chục cặp bánh. Trung thì phụ trách củi lửa. Mượn cái thùng phuy đựng mùn cưa của nhà bà Cự để làm nồi. Còn củi, Trung ra tận bãi gỗ Phà Đen, chọn mua những súc lớn gần nguyên cây, rồi dùng xe ba gác đẩy về. Một đồng củi tướng, một mình Trung huỳnh huých bỏ suốt buổi chiều.

Mọi việc diễn ra ngoài sân. Bên này sân, trời lạnh thế mà Trung tròng trọc cởi trần, mồ hôi nhễ nhại vùng chiếc riu tổ bố chỉ một nhát bổ làm đôi những súc củi to như cột nhà. Bên kia sân, chỗ gần vòi nước chung của cả nhà số bốn, Giang kê một cái chõng tre, trên giải ni lông, cặm cũi ngồi gói bánh, bọn nhãi trong nhà xằng xái tranh nhau những việc mà anh Trung, chị Giang sai. Vừa làm vừa sung sướng nô nghịch. Với chúng thì sang hân năm mới, ba ngày Tết được ăn ngon, được vui chơi, được diện áo đẹp chẳng thế vui bằng khi còn đang nao nức đợi chờ Tết đến, nhất là niềm vui buổi chiều nay. Lũ trẻ vây quanh chiếc chõng xem chị Giang gói bánh. Chõng bánh chưng cạo dạn. Lá bánh xanh mướt, lạt bánh trắng ngà. Giang xấn tay áo lên lên quá khuỷu, cánh tay, bàn tay lấm tấm hạt nếp và vụn đậu xanh. Giang gói không mau nhưng khéo. Bánh như được gói bằng khuôn, song đẹp hơn nhiều, và không lỏng cũng không quá chặt. Lũ trẻ háo hức đếm từng chiếc, từng chiếc đã gói xong. Khi nào gói đủ ba chục cặp bánh to, chị Giang sẽ vun số gạo nếp, đậu và thịt mỡ còn lại gói cho mỗi nhóc một chiếc

bánh chưng nhỏ thật xinh.

Sập chiều, công việc đang thật là nhộn nhịp, suôn sẻ, và đã sắp hoàn tất, anh Trung đã chẻ gần hết đồng củi, thì anh Vinh, ở bên nhà số bảy ngang nhiên bước vào sân, đồng dạc một lời chào. Anh Vinh mang một biệt danh rất dài là “Péc-sô-rin - người anh hùng thời đại”, gọi tắt là Pét, hay Pét “xôm”, bởi đang trẻ măng thế mà đã rì rịt râu quai nón còn hai bắp tay thì lông lá như tây.

Cả sân chỉ mình Giang tươi tỉnh ngược nhìn lên, vui vẻ chào lại Pét. Trung lậm lì làm thỉnh, nghiêng rặng quai riu, vụn gỗ văng như mảnh đạn. Bọn nhãi, coi nét mặt ông anh, cũng nhất loạt một vẻ sẵn sàng gây hân. Chúng trừng trợn nhìn Pét. Từ trên thềm, Giôn và Ken lao phốc xuống, và mặc cho Giang la mắng, chúng cất tiếng sủa dữ tợn, hung hăng xô tới đón ông khách đã dám táo gan vào đây trêu người. Nhưng chỉ một cái giậm chân, Pét đã khiến hai con chó cúp đuôi chạy dạt. Lũ trẻ cũng né ra. Pét khoan thai đi tới bên Giang. Anh diện một áo dạ Tiệp, da thật hăn hoi, quần nhung kẻ, giày mồm ngóe, tóc hớt đẹp, chải rất mượt. Pét đẹp giai nhất phố. Vai rộng, đô con lại cao người, một dáng vóc rất chuẩn, lại mũi thanh, miệng rộng, lại râu quai nón. Mặc dù song thân vốn là chủ một tiệm kim hoàn, của ngầm chắc hẳn còn vô khối, nhưng Pét chẳng cậy của. Hiện anh đang học việc ở rạp xiếc của ông Tạ Duy Hiền.

- Giang khéo tay thế, gói đẹp quá! Thế này thì cả đến Galilê cũng phải tin là đất vuông trời tròn! - Nhắc một cặp bánh lên, anh ngắm nghía, tâm tặc. - Bên nhà anh dùng khuôn, cứ như thổi gang. Tết sau giá mà đã được Giang sang gói cho nhỉ?

Tính tình cởi mở, nói năng dễ mến, Pét được cả phố ưa, trừ bọn trai nhà này. Tuy nhiên anh vào thăm Giang chiều nay hoàn toàn không phải cố tình gây một sự đường đột để khiêu khích trêu người Trung, mà thực tình là anh được phép. Ai cũng biết mới đây bố mẹ Pét đã sang nói chuyện với ông nội của Giang. Chưa phải một sự ướm hỏi mà chỉ để bước đầu có sự qua lại giữa hai bên gia đình nhằm cho phép hai trẻ được tìm hiểu nhau. Ý ông cụ thế nào không rõ, nhưng Giang thì chắc chắn là phải đây thiện cảm với Pét. Hoàn cảnh ba ông cháu Giang khó khăn thế mà gia đình Pét khá giả thế. Bản thân Pét lại là một chàng trai hạng ưu như thế, tốt tính đẹp mã như thế.

Pét đã thảo kỹ một chương trình vui xuân cùng Giang. Nhiều mục rất tuyệt. Bắt đầu ngay từ tối 28. Đoàn ca múa Tân Cương công diễn buổi đầu. Không bán vé, chỉ giấy mời, nhưng Pét vẫn xoay được. Anh rút từ ngực áo ra hai tờ bìa gấp khổ to, in màu rất đẹp đưa cho Giang.

- Lô hạng nhất đây! - Anh nói - Đúng mười chín giờ mở màn. Em làm thoáng lên cho xong để còn thì giờ mà chuẩn bị. Cũng cần phục sức một chút em ạ. Nhà hát Tây mà. Sáu giờ mười anh sang đón.

Vẫn cây rìu trên tay, mặt quàu quạu, Trung lừ lừ bước tới, không thềm nhìn Pét, lớn giọng nạt Giang:

- Hát tây hát tàu cái gì! Có nhúm gạo đùm mãi không xong, bao giờ mới được bánh vào nôi?

- Thì xong cả rồi, chẵn sáu chục chiếc rồi đây, - Giang nói. - Chỉ còn xếp vào nôi nữa thôi. Với lại lo gì, cũng còn sớm mà. Trung.

- Hừ, sớm! Việc còn bẽ bẽ ra, đầu hót mãi thì tới khuya. Hay là cứ tán láo tới sáng mai đi!

- Có làm lụng thì phải có nghỉ ngơi chứ, tết nhất cơ mà - Pét nói xen vào. - Gì mà ra oai ghê thế?

Chẳng nói chẳng rằng, Trung chém mạnh, lưỡi rìu cắm phập xuống sát sạt mũi giày Pét. Hết hồn, anh này nhảy giật lùi lại, suýt ngã ngửa. Giang tái mặt, ngồi sững. Cả sân lặng ngắt như tờ.

- Mày xéo ngay, thằng con nhà tư sản béo bụng, - Trung nói. - Còn quần chân người ta làm việc, tao cho mày nằm viện ăn tết!

Tức giận, giọng run lên, nhưng Pét vẫn rón rức giữ hòa bình:

- Cậu vô lý quá. Ai làm gì cậu... Tự dưng cà khía chửi càn!

- Nay thì cà khía! - Trung gầm lên và đâm liên.

Cú đâm thỉnh linh nhưng Pét né mặt tránh kịp. Anh dịch chân sang một bên và giáng trả một cú nhẹ vào ngực đối thủ, đồng thời cảnh cáo:

- Khôn hồn thôi đi! Mày biết tao mà, Trung!

Pét chơi nhiều môn thể thao. Ham nhất là quyền Anh. Ngày nào cũng luyện. Anh bật cười khi Trung một lần nữa quai bừa một cú đấm điên hình cho lồi đánh của bọn cậu khỏe mà kém khôn. Tuy vậy anh cũng thấy cần phải tung ra liên tiếp hai đòn thật là chuyên nghiệp, một giữa mặt, một móc hàm, quật Trung xuống sân. Bọn trẻ nhà số bốn, và cả gần chục đứa nhà bên số lẻ vừa tràn sang làm ủng hộ viên cho Pét, đứng khép thành một vòng tròn vây quanh bãi đấu, nhưng đều im thin thít và bất động không dám ulla vào hỗn chiến. Đây là cuộc tay bo của bậc đàn anh. Người lớn trong nhà và những người qua đường không hề hay biết là đang có ẩu đả trên sân.

Mình mảy trần trụi, lấm lem, mồ hôi ròng ròng, mặt lóa máu. Trung loạng choạng đứng dậy. Quân tử, Pét không xấn vào đấm ngay, nhưng mà cũng đã hăng máu lên, anh kéo phéc mơ tuya, cởi áo da ra, và một cách đàng hoàng thả xấn tay áo sơ mi. Chính cái động tác đẹp mắt này đã khiến cho người chỉ quen giao phong theo luật lệ bị kẻ đã từng trải đập lộn trên hè phố nên cho như tử. Dốc toàn lực bình sinh, như một đầu máy xe lửa, nghiêng rầm, Trung lao xộc tới, húc cái sọ dừa rầm cẳng vào bụng “Người anh hùng thời đại”. Pét ngã ngửa người lên cái chổng tre. Chân chổng gãy rụp, chổng bạnh chùng lật nhào. Trung nhảy bổ đến, chặn đầu gối lên ngực Pét, và mồm môi mồm lợi đấm tới tấp xuống mặt anh này. Cuộc chiến đấu từ khởi đầu đến kết cục có lẽ chưa đầy một hiệp ba phút. Trong suốt những giây đồng hồ đổ máu mồm máu mũi ấy, cả hai đối thủ lẫn đám khán giả bầu kín võ đài không hề ai kêu lên một tiếng.

Vin cánh tay một thằng bé, Giang run rẩy đứng dậy. Mặt nhợt nhạt, thất thần, môi lầy bầy, cô van vãn, những lời không thể nào ai nghe thấy. Vẫn chỉ nghe ỳnh ạch hự hự. Trận ẩu đả đã quá độ vũ phu, trở thành trò man dại. “Thôi đi mà, trời ơi, thôi đi!”, dòn hết sức, Giang la lên và vùng khỏi tay bọn trẻ, cô lẩn vào giữa cuộc đấu, túm tóc Trung kéo giật, buộc Trung phải nhả Pét ra.

Thợ hồng học, Trung đứng vụt lên, mặt mày máu me, một mắt đã sưng, một mắt ngầu đỏ trợn trừng, hai nắm đấm vẫn xiết lại, rầm rầm ra như chực đớp Giang một cái.

- Đồ ác ôn! - Nghẹn ngào, Giang thốt kêu lên, tiếng kêu thấm thương và tức cười - Đồ Mỹ Diệm!

- Diệm nghèo rồi còn gì! - Một thằng ranh nói chọc vào.

Bật òa lên khóc, Giang quay mình chạy lao vào trong nhà.

Mọi sự như thế là tung hô. Ngày vui tưởng đã tận tành. Bọn trẻ nhớn nhác, không biết phải làm sao bây giờ. Đứa nào đứa nấy mặt mày tiu nghỉu, buồn xo. Có đứa mếu máo. Nhưng cuối cùng thì anh Trung của chúng cũng không vì giận chị Giang mà bỏ rơi chúng. Rồi bánh cũng được xếp vào phuy, nước đồ đầy, lửa được nhóm lên, củi cháy đượm. Ngọn lửa reo vui, hơi lửa lan tỏa. Dọc phố gió bắc lùa hun hút mà trong sân âm rần, và đã nghe đậm dần lên mùi thơm của lá và gạo nếp. Bọn trẻ trải chiếu ra sân đánh bài và nói phét. Dễ chịu, êm đềm, ấm cúng, như mọi năm. Nhưng khác là không có chị Giang. Chị Giang không xuống vui cùng. Không có chị thì không có táo, thứ quả chị ưa nhất khiến bọn chúng cũng ưa nhất, không có ngô nướng, và không có giọng kể chuyện du dương, không tiếng cười trong trẻo của chị. Không có chị, anh Trung mất hết tính hồ hởi thường ngày. Nặng chịch chịch cái mặt bị ăn đấm sưng vù, anh ngồi thì lý một cục. Anh chỉ hé răng nói đôi lời với anh công an tuần đêm tạt qua hút thuốc lỏ và với chị công nhân quét rác ghé vào sưởi ấm chốc lát. Không được anh chung vui, niềm vui của lũ trẻ người dân. Mọi năm cả lũ sẽ thức chơi đến tận sáng, nhưng đêm ấy, khi họa sĩ Năm Tín rẽ vào thì bọn lâu nhau đã đi ngủ hệt, chỉ những đứa lớn còn ngồi canh bếp lửa với Trung.

Thằng Bình, em Giang, theo lệnh chú Năm chạy lên gác gọi chị, nhưng vì đã nhất quyết từ mặt Trung nên Giang nhất định không chịu xuống. Cô sai thằng Bình bung bộ ly cùng đĩa mực nướng xuống để chú Năm uống rượu. Cô còn bắt nó quay lên lần nữa để mang chảo bông, kèm theo một rổ táo ta với chục bắp ngô xuống cho “bầy lũ anh em nhà chúng mày”.

Bọn nhãi xuyết xoa vui sướng chào đón quà của chị. Chúng lập tức chiến đấu với rổ táo và lập tức bắt tay vào nướng ngô. Trung lăm lăm gạt phắt mấy quả táo, gạt phắt cả bắp ngô nóng hổi, thơm lừng bọn nhãi vừa nướng xong.

Ông Năm rót rượu ra hai ly.

- Một ly với qua, Trung! - Ông nói - Chiên sữ rồi, uống được.

Trung lắc đầu. Ông Năm thở dài, tọt nhanh, cạn ly.

- Nam nhi như cọp, vấp cái quên liền. Không để bụng giận lấy. Mấy lại sắp xa nhà rồi, mau mà làm lành với nó đi.

Ông làm nhanh ly thứ hai, rồi lại rót tiếp. Uống suông, không nhắm, ông đưa đĩa khô mực cho bọn trẻ...

Đã ăn hết táo, hết ngô, đã xơi hết đĩa mực, bọn trẻ buồn ngủ. Chú Năm chẳng nói gì, chỉ uống. Một mình chú mà đã gần cạn chai Lúa Mới. Anh Trung thì một mực lặng thinh. Rầu rĩ, bọn trẻ díp mắt lại, lần lượt, đĩa này tiếp đĩa khác kênh ra chiếu. Hai con chó chen vào nằm với chúng.

Nước trong phuy sôi đều đều. Tiếng củi nổ lách tách. Từ trong sáng khó mà nhìn thấy gì trong bóng tối bao quanh, vì vậy đường phố, nhà cửa như bọc trong tấm màn đen. Tuy nhiên, có thể thấy bầu trời đã chuyển màu xám nhợt, đã sáng hơn và càng lạnh hơn. Gió bắc đã ngừng thổi từ lâu, không khí mau chóng thấm đẫm sương giá. Sắp rạng mai đến nơi rồi.

- Thôi. Qua về! - Ông Năm chột lên tiếng sau suốt mấy canh giờ lặng ngắt, một mình rót, một mình uống.

Cầm lấy chiếc cặp đã xẹp lép, ông loạng quạng đứng dậy. Trung nhồm lên, muốn đỡ ông.

- Khỏi! Ông gạt đi - Qua đâu có say. Say sao nổi, con ơi!

Nồng nặc mùi rượu, ông ôm lấy Trung:

- Mông năm con lên đường hả? Lên đường mạnh giỏi nghe con... Chú Năm về nghe con... Chú Năm về. Chú Năm về lập bàn thờ cho ba má chú Năm, cho vợ chú Năm và sắp nhỏ, Trung à....

Bất đồ, ông bật khóc, nấc lên, ằng ặc, nghẹt thở, toàn thân run bần bật.

- Tội nó tàn sát hết cả gia đình chú rồi Trung à. Giết hết... giết hết cả, không từ ai... Con gái út chú. Thăng Ba. Thăng Hai. Ba đứa con chú bị giết một khi. Rồi tội nó sát tới bà già chú, ông già chú, Trung à. Rồi vợ chú, má sắp nhỏ... Mà đã hai năm rồi. Tối nay hộp đồng hương, có đồng chí ở trông ra, chú mới hay, Trung à.

Ông khàn khàn kể, ông khóc rung rức. Và gạt Trung ra, ông loạng choạng bước đi men theo bờ tường, đi về cuối phố. Vừa đi vừa khóc.

Tảng sáng, Giang xuống, mang thêm chặn đắp cho bọn trẻ. Cô bảo Trung về phòng mà ngủ để bếp lửa đỏ cô trông. Trung ngồi im, không buồn trả lời. Giang bức mình dợm trở vào nhà, nhưng rồi nghĩ ngợi sao đó cô lại ngồi xuống bên bếp, nhưng ngồi né xa, thật xa Trung...

Một thằng bé bị lũ bạn kéo tuột mất chặn, loạng quạng mở mắt ra. Nó nghe tiếng anh Trung rì rầm kể gì đó về chú Năm. Nó nghe tiếng chị Giang khóc thút thít. Rồi lại trở lại yên lặng. Yên lặng rất lâu, rồi se sẽ những tiếng động lả lả. Thằng bé rướn cổ lên nhìn. Còn tối lắm. Trong ánh lửa, nó thấy anh Trung chị Giang ngồi sát vào nhau, và hơn thế nữa, còn ôm chặt nhau. Nó cảm thấy cùng lúc cả hơi lửa nóng hừng hực, cả hơi thở của ban mai lạnh lẽo.

Vậy mà, thật là không thể làm sao hiểu nổi, ngày hôm sau, đêm giao thừa và suốt mấy ngày tết, nó thấy chị Giang vẫn lại chỉ chơi với Pét xôm. Mặt mày thâm tím. Pét vẫn cứ đẹp trai, và rất diện, anh ngây ngất mê mẩn, sung sướng cười chiếc xe đạp Pơgiô màu mận chín chờ chị Giang bay đến tất tạt những tụ điểm có ca nhạc và vui chơi trong thành phố ngày xuân.

* * *

Lễ tiễn tân binh được tổ chức vào sau buổi trưa ngày Mồng Năm Tết, dưới chân gò Đống Đa. Người ta bảo rằng trong suốt mười năm, từ ngày hòa bình lập lại đến giờ, ở Hà Nội chưa từng có một đợt nghĩa vụ quân sự nào quy mô lớn như đợt này. Hàng trăm người lên đường, hàng nghìn người theo tiễn. Và khi biên người đứng nghiêm hát Tiên Quân Ca thì trước cửa đền Trung Liệt, cờ đào Tây Sơn được chậm chậm kéo lên sóng đôi cùng cờ đỏ sao vàng. Bầu không khí tung bừng náo nức của lễ hội

tòng quân hòa vào hùng khí thiêng liêng ngày Giỗ Trận nâng bổng tâm trạng từng người, giúp gạt đi những niềm bịn rịn. Ông thượng ủy khu đội trưởng đồng đạc điểm danh tân binh. Đọc đến tên ai thì người ấy Có lên một tiếng thật to. Mỗi người hình như chưa bao giờ đạt được một giọng nổi trội như vậy. Anh chàng được gọi tên sau Trung lại dài giọng. “Dạ, có tôi đây!”, khiến mọi người cười rộ. Thượng úy đọc đã khản tiếng mà bản danh sách còn rất dài. Càng đông càng vui. Nghe đọc đến tên ai quen, Trung lại nhón chân lên, rướn cổ tìm kiếm. Mọi người âm ỉ gọi nhau, hô hởi vỗ vai nhau “A! Mày đây à, cũng đợt này à, hay quá!”.

Mày này, tao này, thằng Cung, thằng Bình “mắt lươn”, thằng Mão “nhọ nòi”, thằng Toàn “min tu”, thằng Bào, thằng Vũ... thằng con đầu nhà bà giáo Son, thằng con thứ nhà ông Tâm y tá, thằng cháu đích tôn nhà cụ Doãn vẽ truyền thần, nhà Phúc béo gia công mỹ sơi, nhà Vạn toét chữa xe đạp, nhà Minh điếc bán nước sôi... Đông đảo người đi thể này làm sao mà biết hết nhau được. Không khéo sau đợt nghĩa vụ này, phở tụi mình chỉ còn lại bọn lỏi con và bọn con gái.

Trung nhìn quanh. Hình như hôm nay tất cả các cô nàng trong khu phố đều hội lại ở đây, và tất thấy bọn họ nom đều xinh tươi hơn bao giờ hết. Nào Liên, nào Yên, nào Oanh, nào Phượng... các cô khoác tay nhau túm tụm thành từng nhóm, líu ríu vui vẻ xúm quanh các chàng.

Người đi tiền Trung cũng rất đông, mẹ và ba đưa em, cùng tất cả bọn nhóc nhà số bốn. Về chiều, càng lúc càng lạnh mà lễ tiền có vẻ còn kéo dài, Trung bảo các em đưa mẹ về, mà bà Thái nhất định không chịu. Yếu lả, nhọt nhọt, run rẩy, bà bám chặt lấy tay Trung đứng sát vào anh, nghẹn ngào, gương mặt nước mắt dề dặt đi dặt lại mãi những điều không đâu vào đâu. Trung ngượng:

- Mẹ kia, mẹ! Đừng thế, mẹ! Người ta trông vào đây, mẹ...

Anh bảo lũ đàn em trong nhà:

- Chúng mày động viên mẹ tao, đừng để mẹ tao khóc ở đây đây nhá. Cả về nhà nữa. Chúng mày giúp mẹ tao các việc nhà. Tao đi ba năm rồi về. Mà cũng có nghỉ phép nữa... Chúng mày thay tao lo mọi thứ cho nhà số bốn mình nhá. Nhớ chăm cây táo tao trồng. Ba năm nữa tao về, ngọn phải chắm ban công tầng hai đây...

Trung nói, cười, nhưng vẫn buồn rã mặt, vẫn nhìn quanh nhìn quất. Bọn trẻ hiểu lòng anh, thương anh lắm, nhưng chẳng biết làm sao. Ông nội chị Giang vừa vào viện đêm qua, chị phải túc trực chăm nom. Và lại lúc nào bên chị cũng có Pét xôm kè kè hộ tống.

Tiết trời xuân lạnh lẽo, nhưng sắc trời xuân trong xanh. Sau phần diễn văn của các quan khách, lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể thành phố và khu phố, tới mục đại diện tân binh đọc quyết tâm thư, rồi đến mục làm giao ước thi đua giữa thanh niên đi nghĩa vụ quân sự với thanh niên ở nhà sản xuất, rồi nữa là vui văn nghệ, ca hát và ngâm thơ. Có cả một ông nhà thơ nghe nói là từ tận trên Hội Nhà Văn đích thân đưa thơ mình xuống biểu diễn ủy lạo bộ đội. Đầu đội mũ sắt, cổ quấn khăn rằn kiểu du kích Nam Bộ, mình vắn bành tô Liên Xô có viên lông, ông sừng sững trên diễn đàn, ngâm vào loa những vần thơ như sấm. Ngay khi trường ca hùng tráng còn một đoạn dài nữa mới hết, vì quá xúc cảm, gần hai chục thiếu nữ có nhiệm vụ tặng hoa bộ đội khi nào bẻ mặc buổi lễ, đã vội ào cả lên diễn đàn dâng vào lòng tay thi nhân những bó lay ơn tươi thắm khiến ông này phải rất vất vả gỡ mình ra khỏi hoa để ngâm nốt phần còn lại. Sau trường ca này, mặc dù còn lâu trời mới tối và mặc dù còn nhiều nhà thơ nữa muốn lên trình bày sáng tác của họ, song các sĩ quan tuyển quân đã vội ngăn họ lại để cho buổi lễ được kết thúc.

Tân binh được lệnh lên xe. Gần hai chục chiếc xe ca được trưng dụng để chở quân, đậu ở góc sân, đồng loạt nổ máy và nhân còi. Tiếng còi ô tô đưa sự ồn ào lên đến tột độ.

Trung ôm lấy mẹ, ôm lấy ba đưa em, và lần lượt ôm lấy từng thằng nhãi em út của anh trong nhà số bốn, xiết tất cả vào vòng tay mình lần cuối.

- Thôi nín đi, đừng khóc! - Đừng có khóc, để cho anh đi! Chúng mày đưa mẹ về đi. Mẹ ơi, mẹ về, con đi!

Anh liệng ba lô lên trước, rồi trèo vào ô tô qua lối cửa sổ. Quanh xe người ken dày vậy mà bà Thái vẫn len vào được, với với tay lên cửa sổ.

- Mẹ! - Trung luýnh quýnh nẵm vớì lắy tay mẹ, rồi phải buông ngay vì bị kéo lùi vào trong nhường cho người khác chen ra choán lắy khoang cửa.

- Toàn đẩy hả cháu, Toàn ơi! - Trung nghe tiếng mẹ nức nở kêu lên với Toàn “min tu”, thằng bạn nhà số bốn sáu cùng phố, đang đứng lắp trước mắt anh - Cháu trông nom nó cho bác với Toàn nhé, Toàn ơi!

Xe chuyển bánh, chằm chằm bò, chậ vật xuyên qua những tiếng gào gọi, tiếng kêu, tiếng cười và cả những tiếng khóc. Đứng giấy lát đó, qua vai Toàn, Trung nhìn thấy Giang giữa đám đông. Bằng một phép màu nào đó, chỉ một cú huých tay, anh đã vọt được ra khỏi xe.

- Giang! - Trung gào rống lên - Anh ở đây, anh ở đây!

- Anh ở đâu? - Cô gái lách qua đám đông, vừa len lách vừa kêu lên thất thanh. - Anh ở đâu, anh ơi?

Chen bừa đi, vấp dúi dụi, không thấy ai cả, không thấy gì hết, mắt dại đi, tóc xõa tung, thở hỏn hển, cô nhào tới chỗ Trung. Anh chàng chen bật mấy người đang đứng chắn mất lối, rồi gần như hùng hổ, lao xộc tới chộp lắy Giang, ôm choàng lắy, ghì chặt.

Khác với các đợt trước, đợt lính nghĩa vụ này phần đa đều như Trung, tuổi còn rất trẻ, vì vậy ít thấy cảnh vợ tiễn chồng, thế nhưng bù lại người ta thấy xuất đầu lộ diện khá nhiều cặp chàng nàng như Trung và Giang. Và có lẽ cũng như Giang và Trung, tất cả những vụ yêu đương đó đều là những mối tình non dại, đầy rứt rề và sợ sệt, bấy lâu chẳng dám lộ mình mãi đến giấy lát phải chia lìa mới không còn dửng nổi.

Ngay trước mắt bao người mà Giang liêu lĩnh xoắn mình vào Trung. Xoay lưng lại với thiên hạ, tóc đổ xõa xuống vai. Giang đứng úp người vào người Trung, hai cánh tay vòng với lên ôm lắy cổ người yêu. Còn Trung, hai bàn tay to tướng tảo tợn lùa sâu vào trong áo len của Giang, ghì riết lắy Giang từ bên trong. Bao nhiêu người thở dài, ngậm ngùi, nhìn tránh đi.

Đoàn xe nâng dần tốc độ. Trên chiếc xe chạy đầu, tiếng hát cất lên, lan dọc đoàn xe, truyền dọc phố: “Ai đã từng đi qua sông Cửu Long Giang. Cửu Long Giang sóng trào nước xoáy...”

Dưới đường, Trung đang cố sức chạy rượt theo chiếc xe chót và cuối cùng đã đuổi kịp. Từ cửa hậu chiếc xe, những bàn tay chìa xuống kéo anh lên. Phía sau, Giang chạy với theo toàn thân ngã về phía trước như cố cưỡng luồng gió mạnh và rồi lao đảo cô ngã xoài xuống nền đất ướt át.

“Người con gái Hà Nội, những nàng tiên nghèo đẹp nhất trần gian, da trắng, môi hồng, mắt huyền, mi rọp”, trên đời này từng có một bài hát với lời ca như vậy, tôi đã từng được nghe ở đâu đó, vào một lúc nào đó không nhớ nữa. Tôi là một thằng nhãi nhà số bốn đã theo tiền anh Trung ở chân gò Đống Đa, buổi chiều ngày Giỗ Trậ. Và tôi là đứa đầu tiên chạy lao đến đỡ chị Giang dậy. Chị khóc nức nở, toàn thân run lậ bật trong tay tôi. Dọc đường về tôi vẫn phải nhẹ nhàng thận trọng ôm giữ lắy chị. Chị cứ vừa đi vừa ôm mặt khóc mãi, mặc cho xung quanh người ta kinh ngạc nhìn ngó. Vào những năm ấy chẳng ai lại yêu đuổi và bị thương một cách lạ lùng như thế.

Những tháng sau đây, những năm sau đây tôi còn dự nhiều lễ giao quân khác nữa. Và rồi bản thân tôi năm năm sau cũng đến lượt lên đường chiến đấu. Vậy mà tôi không bao giờ có thể quên lần cùng bạn bè nhà số bốn tiễn biệt anh Trung. Đây là cuộc đưa rước thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự trong thời bình, và vào những ngày đầu năm 1964 ấy, thì trong tầng lớp bình dân ngay những người đứng tuổi và trải đời cũng khó mà biết chắc sẽ là như thế nào những năm tháng đang đón rình phía trước, nói gì một thằng bé mới mười ba tuổi đầu như tôi, vậy mà... Không, không phải do ngày nay nghĩ lại mà mừng tượng ra như thế. Mà thực sự là như vậy, vào buổi chiều hôm ấy, một chiều mùa xuân cực độ thanh bình, dưới chân gò Đống Đa, tôi đã cảm thấy trời long đất lở trong lòng mình. Mà thật ra nào phải là tôi, mà là nhân dân, nhân dân muôn thuở dịu hiền, muôn thuở cầu ước sống bình yên, đã âm thầm cảm thấu con sóng lòng thời đại mới đang ập thẳng tới bên bờ Tổ Quốc tôi. Một thời đại lớn lao và nghiệt ngã chưa từng có. Thời của chiến tranh và của cách mạng lay trời, thời của những đau thương vô hạn, những mất mát vô bờ, thời của chủ nghĩa anh hùng tuyệt đỉnh, của sức chịu đựng vô cùng, thời của tình yêu và của lòng quả cảm. Và từ họa sĩ Năm Tín, từ anh Trung, nhất là từ bà mẹ anh, từ chị Giang, những người đàn bà mềm yếu và nhân từ, thân thương hiền dịu của ngôi nhà số bốn, linh cảm về số phận sắp tới của dân tộc đã truyền vào trái tim tôi, làm xoay chuyển cuộc đời tôi ngay từ khi tôi chưa

kịp bước hẳn vào đời. Đôi với tôi, thời thơ ấu êm ả và tươi đẹp thế là đã vĩnh viễn và dửng dưng ra đi vào chính cái buổi chiều mùa xuân êm ả và tươi đẹp đầu năm Giáp Thìn ấy.

Một tuần sau Tết, do cha tôi được lên lương, tiêu chuẩn nhà cao cấp hơn nên gia đình tôi chuyển vào ở trong trung tâm thành phố. Tháng Tám, bọn Mỹ ném bom miền Bắc, tôi theo trường sơ tán về miền quê rất xa. Năm thì mười họa mới được một dịp về loáng qua Hà Nội. Rồi nhập ngũ. Đi Bê dài. Cự xa mãi, xa mãi như thế khỏi đếm ban đầu. Nhưng đường đời của ai mà không như vậy?

Trở về sau chiến tranh, nhìn lại sau lưng chỉ thấy sừng sững trường thành của ký ức chiến trường. Những năm xa vời của trước thời lửa đạn đã tan bay theo gió thời gian.

Thoảng hoặc mới có việc dọc qua phố cũ, ngang qua nhà xưa, thế mà cũng thường là cứ đứng đứng ngang qua vậy thôi, chẳng mấy khi để mắt ngó vào. Ngôi nhà nhiều chục năm rồi vẫn thế, tất nhiên cũ kỹ hơn, mặt tiền cau có, nứt nẻ, tường vôi tróc lở. Mỗi khi ghé vào thăm chỉ cảm thấy chán ngắt. Nhem nhuốc, ồn ào, chật chội và quá nhiều người lạ mặt. Niềm vui duy nhất là thấy được còn đó cây táo anh Trung trồng trước ngày nhập ngũ. Ngọn cao quá ban công tầng hai, cây sai quả, trùm bóng mát lên sân. Song le cái giống táo ta ấy là thứ cây ăn quả đường như đã quá lỗi thời, và bản thân nó, cây táo của anh Trung, cũng đã già rồi.

Tết này, khi từ nhà mới cuối phố đi bộ lên đầu phố vào thăm nhà cũ số bốn, tôi không còn thấy cây táo già đó nữa. Tân, cậu em út của anh Trung, một thương binh trong chiến tranh biên giới, được phò ư ư ưu tiên cho phép coi nơi diện tích ở ra khoảng sân trước mặt nhà. Mặc dù chẳng muốn nhưng đành phải chặt cây táo ấy đi mới xây ra được.

- Hồi chiến tranh phá hoại, sân phải đào tung lên xây hầm công cộng mà bọn em vẫn giữ được nó. Thế mà giờ chặt nó đi, khổ tâm lắm anh ạ. Nhưng biết làm thế nào được, hả anh. - Tân buồn rầu bảo thế.

Tôi hỏi thăm chị Giang, cậu ta cho biết vợ chồng chị vào ăn Tết trong Sài Gòn. Và có lẽ rồi đây chị sẽ chuyển hẳn vào sống trong đó.

* * *

Rạ Giêng, tôi tới thăm chị. May mắn sau, Chị có nhà. Bởi tất cả những lần trước đây đến chơi nhà số bốn, tôi đều gặp phải khi chị đi công tác, thành ra như vậy là chẵn ba mươi năm trời xa biệt, cho tới hôm nay. Vẫn căn phòng xưa, ban công trông ra phố. Tường vôi ve. Cửa sổ buông rèm xanh. Bàn thờ luôn luôn ba cây hương thơm lừng chầy. Khi chị mở cửa ra, trong phòng chưa bật đèn. Trong ánh hoàng hôn hồng rực tràn ngập căn phòng, tôi thấy chị vẫn hoàn toàn là chị Giang ngày xưa của tôi. Và có lẽ bởi ánh nhá nhem chiều tà mà chị cũng thấy tôi như vậy chẳng. Chị nhận ra tôi ngay, thảng thốt chị gọi tên tôi, kèm cả biệt hiệu. Lòng tôi đau nhói.

Rất lâu, chị ngồi bên tôi, lặng khóc. Tôi cũng vậy nước mắt nóng rực như kim châm trong tròng mắt. Bên ngoài, thành phố đã lên đèn, tôi và chị tay trong tay, thu mình trong bóng tối, cố hết sức để tĩnh tâm, để hồi lại.

Giọng run run, chị khe khẽ bắt đầu trò chuyện. Tôi cũng vậy, bắt đầu nói, bắt đầu kể. Cuộc đời tôi. Cuộc đời chị. Thì cũng như cuộc đời của bao người thôi trên đất nước này những chục năm qua, mà sao nhắc lại trái tim cứ đau thắt lại thế này. Nhưng rồi cả hai chúng tôi đều đã vượt được lên khỏi nỗi lòng mình để mà dần dần điềm tĩnh lại.

- Cậu còn nhớ chú Năm họa sĩ không?

- Có chứ chị. Nhưng chẳng được gặp lại trong suốt chừng bảy năm. Giờ chú ấy ra sao?

- Chú mất rồi. Mất năm Chín mươi. Tại quê nhà Năm Căn. Chú ấy đi Bê năm Bảy Mốt. Chị cũng không được thấy lại chú ấy từ năm đó. Trước khi mất không lâu, chú có ra thăm Hà Nội và có lại đây tìm chị, mà không gặp. Chỉ gặp anh Vinh, chồng chị. Chú Năm có gửi lại chị món quà...

Vinh? Tôi rùng mình. Thế nào mà chồng của chị cũng tên là Vinh cơ chứ, trời ơi! Anh Vinh ngày xưa, anh Pét xôm đẹp trai, từng mê mẩn chị đã hy sinh trong mùa khô khốc liệt năm Bảy Hai. Hy sinh ngay trước mắt tôi. Chính tiểu đội tôi bám chiếc xe T54 của anh xung phong vào căn cứ Plây Cẩn. Đã

đột phá được qua cửa mở, bộ binh chúng tôi vừa ào xuống khỏi xe. Từ hầm ngầm, liền hai trái M72 bắn chéo cánh sẽ phụt tới. Toàn tổ lái cùng với chiếc xe bùng cháy...

- Chị hỏi thăm nhiều họa sĩ mà chẳng ai nhớ chú ấy. Tên tuổi chú ấy không được như họ. Nhưng mà cậu xem này.

Chị Giang với tay bật đèn. Chỉ một ngọn thôi, ánh sáng dịu như là ánh nến. “Lại đây!”, chị nói khẽ và nhẹ nhàng rời ghế, dịu dàng chỉ nắm tay tôi, đưa tôi lại gần khung cửa sổ buông rèm. Trên tường, kê cửa sổ, treo một bức sơn dầu, viền trong khung gỗ màu nâu.

Đang bước tới gần, tôi như bị vấp một cái. Vấp phải một cảm giác. Một cảm giác dội ra từ bức tranh. Tôi nhìn, chết lặng trong người. Họa sĩ vẽ chúng tôi. Bảy người. Và đúng là cái đêm xưa, 28 Tết năm Thìn ấy. Cảnh tượng thật huyền diệu: xung quanh đồng lửa, một vàng hồng lung linh, rập rờn và dường như đang muôn vùng quấy với vòng vây của đêm tối để tỏa rộng ra mãi. Bầu trời trước đêm trừ tịch không tăm tối đen đặc mà quang đãng, tối thăm trải rộng trên đầu chúng tôi với tất cả vẻ hùng tráng và trang nghiêm, bầu trời đêm trước của một thời đại phi thường, một bầu trời đêm không bao giờ con người thời nay còn được thấy. Và tôi cũng nhận thấy trong đêm tối của bức tranh, những khối hình và đường nét thân thuộc thuở xưa mà ngày nay đã mai một rồi của dãy phố này.

Nhưng cái chính làm nên bức tranh là chúng tôi, những gương mặt được ánh lửa soi hồng, được tả thực một cách chân xác và đầy biểu cảm. Tuy nhiên, tất cả cái đẹp, cái chân thực và thần thái mê hồn của bức tranh lại tạo cảm giác đau buốt. Xuyên ngọt qua thời gian và cả qua da thịt. Bức tranh cho tôi thấy một điều hiển nhiên mà bấy lâu nay với cái ý thức đã ngày một trở nên phẳng lý, tôi đã không thể có khả năng một lúc nào đó tự nhận ra: trong số chúng tôi, sáu thằng con trai còn trẻ con và non dại đến thế đang ngồi kia quanh nồi bánh chưng trong bức tranh này, đến ngày hôm nay chỉ còn sông có một, chỉ độc nhất một mình tôi. Một mình tôi mà thôi!

Tiết thanh minh năm ngoái, ngang qua Gio Linh, vào viêng Nghĩa trang bộ đội Trường Sơn, tôi đọc thấy tên tuổi Bình trên một trong hàng ngàn mộ chí của khu các liệt sĩ quê Hà Nội. Chị Giang bảo là vợ chồng chị đã tính đưa Bình ra ngoài này, nhưng một đêm nọ, Bình báo mộng, cho biết là muôn mãi mãi nằm bên đồng đội, mãi mãi với rừng le đồi lau đất đỏ chiến trường xưa, thành thử... Trong tranh, Bình là một thằng bé mới mười tuổi, gương mặt phẳng phất nét chị Giang, mịn màng và thanh tú. Nó ngồi bó gối, vóc mảnh khảnh, tóc xoăn, cái miệng phụng phịu.

Ngồi cạnh nhóc Bình là thằng Phái, năm ấy mười hai tuổi. Tóc húi cua lộ rõ cái đầu méo và đầy sẹo, gò má nhọn, mồm rộng chành bành, mặt nhợt nhạt, rồ tổ ong, đôi lông mày chau chau, cau có. Nó là thằng con đầu của ông Tả tài xế, Xấu xí, thô kệch, ăn bận tòi tàn, lồi thối lếch thếch nhất hội song là một đứa con trai tốt bụng và chân thành biệt bao. Phái đi bộ đội cùng năm Sáu Chín với tôi, nhưng không sung vào bộ binh như tôi mà được điều sang cao xạ. Đóng chốt ở Hà Nội và hy sinh ở Hà Nội, trong chiến dịch Mười hai ngày đêm đánh B52.

Thằng Sơn, con trai ông Cư sở điện, tuy rằng bố bị tù, song là đứa duy nhất trong nhà học lên đến đại học. Nhưng trong tranh nó vẫn còn là một thằng nhãi chỉ hơn tôi một tuổi, đầu tóc bù xù, thân hình gầy gò và trông rõ là lùn tịt mặc dù nó đang ngồi xếp bằng. Gương mặt thô nhưng bởi đôi mắt thật là to và sáng mà nom thông minh cực kỳ. Nó ngồi cạnh nồi bánh chưng mà vẻ mặt như thể đang ngẫm nghĩ cách giải những bài đại số đang tích ở trong đầu. Sơn thi đỗ vào tổng hợp Toán, học đến năm thứ hai thì nhập ngũ. Trình sát pháo binh. Hy sinh ở Cánh Đồng Chum.

Bị khuất mặt một phần vào vùng tối của bức tranh là gương mặt Đính, em trai anh Trung, Đính quần chân chiền, nằm cách hơi xa đồng lửa, hai tay chống cằm. Khuôn mặt nó chẳng giống anh Trung chút nào. Má bầu, tai to, nhưng cằm nhọn hoắt và cái cổ thì gầy gầy. Tính nết Đính cũng khác hẳn anh, nó rất lạnh và quá sức là rụt rè. Mười một năm sau, Đính là một trong những người lính của đại đội đặc công đã tập kích vào sân bay Hòa Bình ngoại vi Buôn Ma Thuột, nổ súng mở màn cho chiến dịch mùa khô Bảy Lăm. Anh cùng hầu hết đồng đội đã hy sinh trước khi bộ binh và xe tăng ta kịp đánh tràn vào ứng cứu.

Anh Trung, người anh cả của Đính và của cả lũ chúng tôi, là nhân vật có vóc dáng và dung mạo được ánh lửa trong bức tranh đặc tả nhiều nhất. Anh ngồi xếp bằng, hai chân khoanh lại, lưng thẳng, ngực ưỡn ra, hai con chó vàng nằm hai bên, gác đầu lên đùi anh. Xưa nay tôi hiếm thấy ai cường tráng

như Trung. Anh không cao, thậm chí hơi lùn, nhưng vai rộng lạ lùng, ngực nở căng, bụng thon chắc. Những bắp thịt cuộn cuộn nổi hằn lên dưới chiếc áo dệt kim sọc xanh của học sinh trường hàng hải.

Cái cổ anh ngắn và to bạnh đờ lấy cái đầu to quá cỡ, xưa vẫn bị chị Giang trêu là như cái thùng nấu phở, trán dô, mũi tày và tẹt, gò má rộng, cằm vuông chẵn chặn, tóc rẽ tre, húi rất ngắn. Trên khuôn mặt màu đồng hun lấp loáng ánh lửa hồng này, họa sĩ đã lược hết mọi dấu tích trần ầu đả, nên không những không hề thoáng nét hung tợn mà cũng không cả vẻ ngang tàng ngỗ ngược. Đây là dung mạo của một chàng trai đầy sức mạnh và lòng can đảm, tuy nhiên đang trầm tư và đang rất buồn, cặp mắt to, mơ mộng, long lanh như nước và vô cùng buồn bã của anh như đang muốn thoát lên một điều gì đó mà tiếng nói thông thường không đủ sức diễn đạt... Anh là liệt sĩ Kháng chiến chống Mỹ đầu tiên của cả ngôi nhà số bốn, và có lẽ của cả phố, không chừng của cả thành phố. Gia nhập hải quân, anh hy sinh ngay trong năm Sáu Tư, ngoài khơi Hòn Mê, một ngày biển động, đầu Tháng Tám. Tin anh tử trận đồn về rất sớm song không hiểu sao báo tử chính thức lại rất muộn. Năm bảy mươi, khi anh Vinh “Pét” nhập ngũ, chị Giang vẫn còn đang một lòng đắm đắm chờ đợi ngày anh Trung của chị trở về. Anh Vinh kể với tôi thể trong cái đêm đơn vị tôi và đơn vị anh cùng ém trong cánh rừng già ven đường 18 đợi lệnh hiệp đồng tấn công Plây Cản.

Trên bức tranh, chị Giang hiện ra trong khoảng dập dờn nhất của quang sáng, nên hình ảnh chị vừa sinh động vừa hư hao, mà có lẽ đây là dụng ý của họa sĩ, bởi vì thực ra đêm ấy chị đâu có ngồi đó bên bếp lửa với đám trẻ nhà số bốn. Họa sĩ không vẽ chị ngồi kê bên anh Trung. Chỉ có một thằng bé đang nép sát vào chị, và cả hai chị em đều ngồi hơi tách khỏi những nhân vật khác của bức tranh.

Chị Giang trong tranh mới mười bảy tuổi. Dưới ánh phản chiếu lung linh của ngọn đèn, gương mặt trái xoan trẻ măng, trắng hồng của chị mới xinh làm sao. Cặp môi mòng mọng hơi bậm lại, cái cổ cao trắng ngần. Chị ngồi, cúi đầu, hai tay khoanh trên đầu gối. Không nhìn thấy mắt, chị không ngược mắt lên, nhưng có thể thấy rõ đôi lông mày thanh tú, hai hàng mi rợp và như hơi ươn ướt. Vẻ mặt đượm buồn. Thằng bé ngồi bên chị, vóc người cao, chân dài diện giày da, bận áo âm kiểu ngoại có viền lông, nom rõ là con nhà khá giả hơn hẳn những đứa khác trong tranh, nhưng tôi không thấy được khuôn mặt nó. Thằng bé ngồi nép sát vào chị, vòng tay ôm lấy eo chị và đầu thì ngả hẳn lên bờ vai. Vì thế khuôn mặt nó chìm vào trong mái tóc dài buông xõa trên vai chị. Tôi chăm chú nhìn, và bất chợt giật mình. Người gai lên. Phải chăng thằng bé ấy là tôi? Thận trọng, cố không để bị cảm giác đó chi phối, tôi lại thật sát bức tranh, nhưng khi nhìn quá gần thì các chi tiết trên tranh lập tức rời ra thành những vệt riêng biệt, chỉ còn là những mảng màu nổi gờ lên cùng những vệt bút vẽ.

Tôi lùi lại, và khi đấy, từ một khoảng cách vừa phải, trước mắt tôi những mảng sơn dầu lại hợp vào thành đêm hôm ấy, thành những người anh em đã khuất của tôi, thành chị Giang và tôi. Đúng là tôi. Đúng là tôi, cái thằng bé đang vui mặt vào tóc chị. Tôi chưa từng ngồi như vậy bao giờ, chưa từng có cử chỉ ấy, nhưng mà tôi đã từng nhiều lần mơ thấy như thế. Làm sao, sức mạnh huyền bí và linh diệu nào đã khiến những giấc mơ cực độ thâm kín năm xưa hiện về trên mặt vải?

Gần trọn quãng đời trai trẻ của tôi không hề được hưởng tình yêu. Qua hết những năm vị thành niên cho đến ngày nhập ngũ, trải sáu năm chiến trường chẳng từng được thật sự gần gũi một người con gái nào. Hết chiến dịch này tiếp chiến dịch khác, mùa khô qua mùa mưa tới, sức lực, sinh khí đổ dốc xuống dọc những chặng đường hành quân và xuống những chiến hào, tình cảm dành trọn cho đồng đội. Nhưng thắng hoặc, vào buổi sớm mai nào đó, đất trời tự dưng ăng tiếng bom, thức dậy giữa rừng sâu không tiếng súng, nằm đung đưa trên võng, tôi thường thần thờ nhập thân vào một kỷ niệm chẳng phải của mình. Tôi trông thấy chính tôi, chứ không phải Trung, đang ghì xiết lấy chị Giang, khi thì giữa đông ngật người dưới chân gò Đống Đa, khi thì trong ánh sáng lúc canh khuya của lửa bếp trước sân nhà. Sững sờ, tôi cảm được cặp vú của chị áp lún vào lồng ngực tôi và căng trĩu trong lòng bàn tay tôi. Một mình tôi góc rừng hoang mà tôi chạm được vào đôi môi của chị, hít thở được hương thơm của làn da và mái tóc chị. Lúc bấy giờ, tôi biết những cơn mê lú như vậy là tôi lỗi và sẽ chỉ gây nên cho tôi những thương tổn tinh thần trầm trọng. Không muốn phải chịu đựng những đau đớn vô ích, do đó tôi đã cố cưỡng, song con người ta ai mà có thể đưa tay ra cản lại mộng寐?

Nhưng sau chiến tranh, khi mà cái sức tưởng tượng tội lỗi ấy không còn trong tôi nữa thì tôi lại hiểu ra rằng những tội lỗi trong mơ ngày đó chính là hình bóng của mọi tình đầu không có thật của tôi. Và mặc dù rằng dù sao đi nữa thì cũng vẫn là tội lỗi, và mặc dù khôn khô, mặc dù nực cười và mặc dù

mong manh lúc mờ lúc tỏ nhưng mỗi tình đầu phải tuyệt đối vui sâu chôn kỹ ấy cũng đã góp phần ánh sáng soi rọi tâm hồn tôi, giúp tôi vững tinh thần, và có lẽ một phần nhờ thế mà rốt cuộc tôi đã sống sót trở về.

- Tuần sau chị sẽ vào lại Sài Gòn. - Giang nói, thờ dài. - Và chắc phải ở hẳn lại. Anh Vinh thì đã vào từ mấy năm rồi. Anh ấy thích Sài Gòn. Chị thì cứ dửng dăng. Lần này, anh ra tới hậu thư, hoặc vào với chồng con, hoặc...

Chúng tôi đứng ngoài ban công. Buổi tối mùa xuân lạnh lẽo, lất phất mưa phùn. Ban công khá rộng, song chỉ để vài chậu cây.

- Bữa nào cậu qua mang cái gốc táo này sang bên nhà, - Giang chỉ một chậu cây to khuất trong góc tối. - Trước khi chặt cây táo dưới sân, Tần nó cũng có lòng chiết cho chị một cành. Chẳng hy vọng gì, thế mà rồi sống nổi đây.

Giang nói miên man. Giọng nhỏ nhẹ, buồn rầu. Ngoài ban công rất lạnh, nhưng chúng tôi không trở vào phòng. Càng về khuya càng lạnh, song tôi không nhận thấy thế. Lòng tôi ấm áp. Tôi đang ở bên Giang. Tôi có thể đứng mãi, đứng mãi thế này.

- Chị sẽ để lại căn phòng này cho Tần, - Giang nói, - Nhà được ba anh em, cả ba anh em đều ra trận. Mà được mỗi cậu ấy trở về. Bức tranh chị cũng để lại. Gia đình chẳng giữ được bức ảnh nào của anh Trung. Hình như anh ấy chỉ còn lưu lại duy nhất ở trong bức tranh thôi.

Thấy tôi châm thuốc, Giang hỏi:

- Cậu hút thuốc lá rồi đây à?

Tôi bật cười. Cách đây ba năm năm Giang cũng đã nhẹ nhàng trách cứ như thế khi phát hiện tôi núp dưới gầm cầu thang hút trộm thuốc của bố.

Trong bóng tối, gương mặt Giang lại trẻ như hồi nào... Và tôi cũng thế. Bởi vì thời gian càng nhích sâu vào trời khuya để đến với ngày mai thì chúng tôi càng về gần hơn với Hà Nội những đêm xưa, với Hà Nội trong vắt lúc không giờ. Về gần hơn với bạn bè một lứa bên trời, về gần hơn với tình yêu ban đầu, về gần hơn với tuổi thơ non dại. Sinh ra, lớn lên, rồi làm lụng, rồi chiến đấu và hy sinh cho thành phố này, thế hệ chúng tôi được hưởng phép màu của nó, trở thành một thế hệ mãi mãi tuổi thanh xuân của một thành phố trẻ trung vĩnh hằng.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

BAO NINH
NHỮNG TRUYỆN NGẮN

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: HOÀNG ANH

Bìa: KIM DUÂN

Sửa bản in: THẠCH DUY

Trình bày: NGUYỄN VÂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 – 39316211 – 39317849 – 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK) 161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 35261001 - Fax: (08) 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

Mục lục

[Vô cùng xưa cũ](#)

[Ngàn năm mây trắng](#)

[Bí ẩn của làn nước](#)

[Giang](#)

[Không đâu vào đâu](#)

[Cái búng](#)

[La Mác-xây-e](#)

[Gió đại](#)

[Thời tiết của ký ức](#)

[Trại “bảy chú lùn”](#)

[Lá thư từ Quí Sửu](#)

[Khắc dấu mạn thuyền](#)

[Đêm trừ tịch](#)

[Ngôi sao vô danh](#)

[Hữu khuynh](#)

[Tiếng vĩ cầm của quân xâm lăng](#)

[Rửa tay gác kiếm](#)

[Bằng chứng](#)

[Hỏa điểm cuối cùng](#)

[Sách cấm](#)

[Bội phản](#)

[Thách đấu](#)

[Mắc cạn](#)

[Lan man trong lúc kẹt xe](#)

[Lối mòn dọc phố](#)

[Thời của xe máy](#)

[Người Thăng Long quê Đàng Trong](#)

[Kỳ ngộ](#)

[Quay lưng](#)

[Tình thư](#)

[Ba lẻ một](#)

[Gọi con](#)

[Tòa dinh thự](#)

[Đêm cuối cùng ngày đầu tiên](#)

[Bi kịch con khỉ](#)

[Hà Nội lúc không giờ.](#)

